MIKHAIN SÔLÔKHÔP

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1965

SỐ PHẬN MỘT CON NGƯỜI

TẬP TRUYỆN

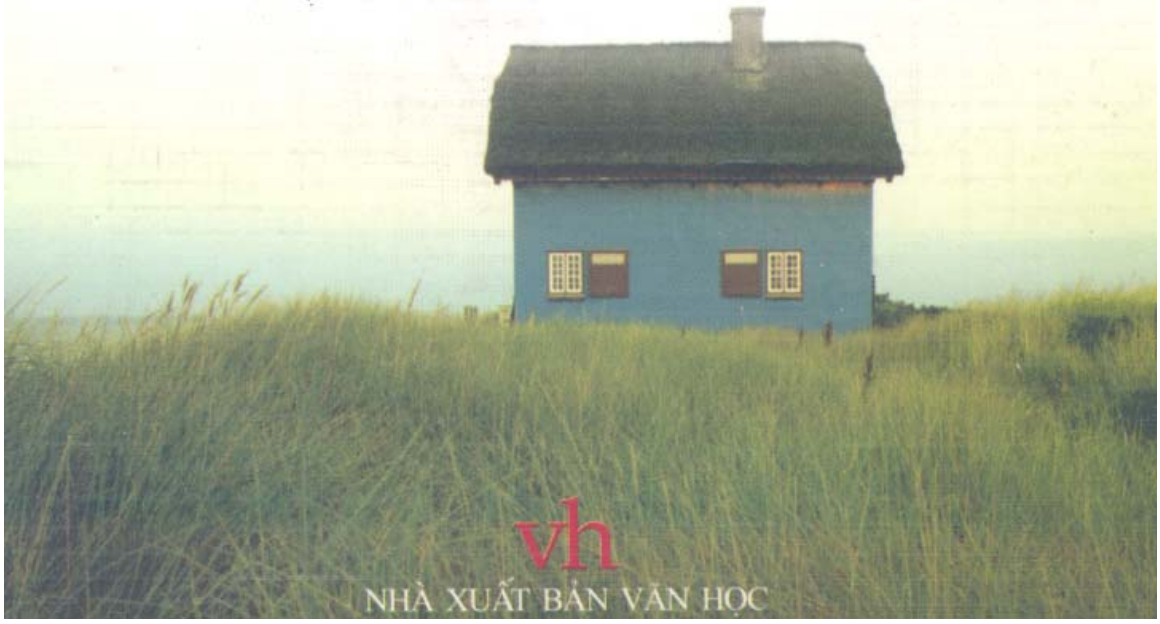

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

SỐ PHẬN MỘT CON NGƯỜI

Những người dịch:
HÀ NGỌC
TRẦN VĨNH PHÚC
NGUYỄN DUY BÌNH
NGUYỄN THỊ THÌN

Dịch từ nguyên bản tiếng Nga
TUYỂN TẬP MIKHAIN SÔLÔKHÒP (tập 6,7)
Matxcơva, 1975

MIKHAIN SÔLÔKHÔP
Giải Nobel văn chương 1965

SỐ PHẬN MỘT CON NGƯỜI

Tập truyện

*

(In lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Cái bớt

I

Trên mặt bàn, một đống vỏ đạn khét lẹt mùi thuốc súng, con xúc xắc làm bằng xương cừu, tấm bản đồ dã chiến, bản thông báo, bộ yên cương trang trí bằng diềm tua kim loại sực mùi mồ hôi ngựa và một đầu mẩu bánh mì. Tất cả những thứ đó đặt trên bàn, còn Nhicônca Côsêvôi, chỉ huy đội kỵ binh, ngồi trên chiếc ghế dài đẽo bằng gỗ đã mốc meo vì tường ẩm, tựa lưng sát thành cửa sổ. Cây bút chì kẹp giữa mấy ngón tay tê giá, cứng đờ. Bên cạnh những tờ tranh áp phích cũ trải ra trên mặt bàn là bản khai lý lịch đang viết dở. Tờ giấy sù sì ấy giới thiệu rất ngắn gọn:

Côsêvôi Nhicôlai. Chỉ huy đội kỵ binh. Làm ruộng. Đoàn viên Đoàn thanh niên Cộng sản Nga.

Trước cột "*Tuổi*", cây bút chì chậm rãi ghi: 18.

Nhicônca có đôi vai rộng, nom anh chẳng hợp với tuổi tác. Đôi mắt với những nếp nhăn và cái lưng gù như ông cụ làm anh già đi.

- Anh ấy chỉ là chú nhóc búng ra sữa, một loại cỏ Cuga xanh rờn[1], - anh em trong đơn vị kỵ binh thường nói đùa như vậy! - Ấy thế mà đố tìm được ai như anh ấy: diệt hai toán phỉ mà hầu như không bị thiệt hại gì, và suốt nửa năm trời, dẫn đội kỵ binh lao vào các trận đánh và giao chiến, chẳng thua kém bất kỳ vị chỉ huy già dặn nào!

Nhicônca thấy xấu hổ vì cái tuổi mười tám của mình. Bao giờ cũng vậy, hễ đến cái cột "tuổi" đáng ghét kia là cây bút chì ghi chậm lại, như bò trên giấy, còn hai gò má của Nhicônca thì cứ ửng đỏ lên, như tức tối điều gì. Bố Nhicônca là Kadắc và về đằng bố, anh cũng là dân Kadắc. Anh còn nhớ mang máng, khi anh lên năm, sáu tuổi, bố anh thường đặt anh lên lưng con ngựa chiến của mình.

- Cu con hãy bám lấy bờm! - Giọng ông ta cất to, còn bà mẹ thì từ trong cửa bếp, mặt tái xanh, mỉm cười với Nhicônca và giương tròn hai mắt nhìn đôi chân nhỏ xíu đang quắp chặt lấy cái sống lưng nhọn của con ngựa, rồi lại nhìn người bố đang giữ dây cương.

Chuyện xảy ra đã lâu lắm rồi. Bố Nhicônca lao vào cuộc chiến tranh với Đức, như lao vào dòng nước xoáy. Rồi biệt vô âm tín. Bà mẹ qua đời. Nhicônca thừa hưởng ở bố cái tính yêu quí ngựa, dũng cảm vô song và ở anh cũng có cái bớt giống hệt bố, to bằng quả trứng chim câu nằm phía trên mắt cá chân trái. Chưa đầy mười lăm tuổi, anh đã lang bạt nay đây mai đó, đi làm thuê, rồi sau xin được

---

[1] *Cuga là loại cây mọc ở đầm lầy có màu xanh tươi. Người Kadắc thường gọi thanh niên là* "cỏ Cuga xanh", "cỏ non Cuga."

chiếc áo da lính và theo trung đoàn hồng quân qua làng đi đánh bọn Vơranghen[1]. Mùa hè này, Nhicônca cùng tắm với cậu chính uỷ ở sông Đông. Anh ta ngoẹo cái đầu bị dập thương, vừa vỗ vỗ cái lưng gù đen xạm vì nắng của Nhicônca, vừa nói lắp bắp:

- Cậu ấy à... Cậu... Cậu là thằng tốt... tốt số đấy! Thật mà, cậu là thằng tốt số! Người ta bảo cái bớt là tướng tốt số đấy!

Nhicônca nhe hàm răng giận dữ, ngụp xuống nước, rồi vừa thở phì phì vừa ngoi lên khỏi mặt nước, nói to:

- Cậu chỉ bốc phét, cái anh chàng kỳ quặc này ! Mình côi cút từ bé, cả cuộc sống chôn vùi giữa đám thợ, mà lại bảo là mình tốt số...

Rồi Nhicônca bơi ra doi cát vàng bao quanh con sông Đông.

II

Ngôi nhà, nơi Nhicônca đóng quân, nằm trên bờ dốc đứng sông Đông. Từ những ô cửa sổ, nhìn thấy rõ một dải sông Đông màu xanh lam, mặt nước sóng sánh ánh lên lớp thép láng đen. Vào những đêm giông bão, sóng vỗ oàm oạp dưới chân bờ dốc, những tấm ván che cửa sổ buồn bã sụt sùi. Nhicônca có cảm giác nước đang nhẹ nhàng luồn vào những khe hở của nền nhà và dâng lên, lay động túp lều.

---

[1] *Tướng bạch vệ, do đế quốc bên ngoài chỉ huy, chống lại chính quyền Xô-viết.* (Mọi chú thích trong sách đều của người dịch - ND.)

Anh muốn chuyển sang căn nhà khác, nhưng rồi lại thôi và ở lại đây đến tận mùa thu. Vào một buổi sớm giá lạnh. Nhicônca bước ra thềm nhà, tiếng giày đinh cồm cộp phá vỡ bầu không khí tĩnh lặng như tờ. Anh đi xuống khu vườn anh đào nhỏ và ngả mình trên đám cỏ ướt trắng sương đêm. Anh nghe rõ tiếng bà chủ trong nhà kho đang vỗ về con bò cái cho nó đứng yên, tiếng bê con ọ ẹ khàn khàn vòi vĩnh, và những tia sữa chảy vào thành bình kêu lanh tanh.

Ngoài sân, cánh cửa rào kêu ken két, có tiếng chó sủa. Nghe thấy giọng trung đội trưởng nói:

- Thủ trưởng có nhà không?

Nhicônca chống khuỷu tay nhỏm dậy.

- Có tôi đây ! Lại có chuyện gì ngoài đó hả?

- Có người đưa thư hoả tốc từ bản tới. Anh ta nói bọn phỉ đã tràn qua khu Xanxki, chiếm nông trường quốc doanh Gơrusinxki rồi...

- Dẫn anh ta vào đây !

Người đưa thư lôi con ngựa đầm đìa mồ hôi nóng hổi đi về phía tàu ngựa. Đến giữa sân, nó khuỵu hai chân trước, ngã lăn kềnh ra, thở phì phì từng hơi đứt quảng, rồi chết luôn; đôi mắt lờ đờ của nó còn nhìn trừng trừng con chó xích đang sủa một cách tức tối. Nó chết vì người đưa thư dã chở chiếc bao đựng ba cây thánh giá trên lưng nó vượt bốn chục dặm đường thẳng một lèo không nghỉ chân.

Đọc xong lá thư của ông chủ tịch, yêu cầu anh đưa đội kỵ binh đến ứng cứu. Nhicônca đi vào phòng, vừa đeo kiếm vừa suy nghĩ, vẻ mệt mỏi: "Giá được học, nhưng ở

đây lại có phỉ... Cậu chính uỷ, chà, vẫn chọc mình rằng chữ viết chẳng nên thân mà cũng đòi là chỉ huy kỵ binh... Mình đây có lỗi gì, nếu chưa kịp học xong trường dòng? Thằng cha ấy kỳ cục thật... Giờ lại có phỉ... Máu lại dổ, mà sống thế này mình đã mệt mỏi lắm rồi... Mọi thứ đều chán ngán lắm rồi..."

Anh bước ra thềm, vừa đi vừa nạp đạn vào khẩu các bin, nhưng những ý nghĩ, như ngựa quen đường cũ, lại vụt đến với anh: "Giá được về thành phố... Được đi học..."

Anh đi ngang qua con ngựa chết, vào tàu ngựa. Nhìn vệt máu đen rỉ ra từ hai cánh mũi bám đầy bụi của nó, anh quay mặt đi chỗ khác.

III

Dọc theo con đường nhỏ gồ ghề và những vết xe bị gió xói mòn là những đám cỏ màu lông chuột mọc xoắn xít, những bụi tân lê và ngưu bàng xòe tán um tùm. Trên con đường này, trước đây người ta vẫn chở cỏ khô đến các kho lúa mới gặt nằm im lìm trên thảo nguyên như những đống đá hổ phách, còn con đường cái phẳng phiu thì đã biến thành gò đất nằm trải dưới chân những cột điện báo. Hàng cột điện chạy hút vào trong đám sương mù trắng đục của mùa thu, băng qua các khe lạch. Gã thủ lĩnh dẫn năm chục tên phỉ Kadắc vùng sông Đông và Cuban, những kẻ bất mãn với chính quyền Xô-viết, theo con đường bóng nhẫy, đi qua những hàng cột điện này.

Đã ba ngày đêm, như con sói bị đàn cừu làm cho một phen điên đảo, chúng rút chạy theo những lối băng qua vùng đất hoang không đường sá. Bám sát sau lưng chúng là đơn vị của Nhicônca Côsêvôi.

Toán phỉ gồm những kẻ bất trị, những cựu binh từng trải, song thủ lĩnh của chúng vẫn cứ phải suy nghĩ rất lung: y dướn người đứng trên bàn đạp, hai mắt bao quát thảo nguyên, ước tính quãng đường đi tới những bìa rừng màu xanh nhạt trải dài bên bờ kia sông Đông.

Cứ thế, bọn chúng rút đi như bầy sói, còn đội kỵ binh của Nhicônca Côsêvôi vẫn lần theo vết chân phía sau chúng.

Vào những ngày hè đẹp trời, trên các thảo nguyên vùng sông Đông, những bông lúa mì đung đưa reo vui xao xác dưới bầu trời đầy mây và trong suốt. Cảnh ấy diễn ra trước mùa cắt cỏ, khi những sợi râu tơ trên bông lúa kiều mạch chắc hạt đen xẫm lại, tựa đám ria mép lún phún trên khuôn mặt chàng trai tuổi mười bảy. Lúa lớn như thổi và vươn cao vượt cả đầu người.

Những người Kadắc để râu trong bản khoanh thành những vạt ruộng, gieo lúa mạch trên đất sét, trên những đồi cát và ở ngay mảnh đất gần nhà. Chưa bao giờ lúa ấy có thời thu hoạch cao từ bao đời nay, một hécta không thu nổi trên ba chục thùng thóc, nhưng người ta vẫn gieo, vì rượu cất bằng lúa kiều mạch trong hơn cả nước mắt thiếu nữ; và bởi lẽ xưa nay đều thế cả: đời ông, đời cụ đều uống rượu, nên trên huy hiệu của dân Kadắc thuộc quân đoàn tỉnh sông Đông chẳng phải ngẫu nhiên lại có hình vẽ anh

chàng Kadắc say mềm, bụng phệ ngồi trên thùng rượu. Cứ đến mùa thu, các thôn, bản đều say khướt cò bợ, dân bản lang thang khắp chốn, những chiếc mũ lông sao chóp đỏ lảo đảo, ngật ngưỡng ở phía trên những hàng giậu bằng cành liễu cát.

Chính vì thế mà thủ lĩnh của toán phỉ không có lấy một ngày tỉnh rượu, vì thế mà tất cả dám đánh xe và bọn lính bắn súng máy đếu say khướt, ngồi vẹo sườn trên các cỗ xe ngựa lắp súng máy, có giảm xóc.

Đã bảy năm nay, tên thủ lĩnh phỉ không nhìn thấy những mái nhà thân thuộc của mình. Là tù binh Đức, sau đó theo Vơranghen, rồi qua Côntantinôpôn nóng bỏng ánh mặt trời, trại giam giữa hàng rào dây thép gai, bôn ba trên tàu buôn Thổ Nhĩ Kỳ với chiếc cánh quạt ngâm dưới nước biển nồng mặn sặc mùi nhựa trét, đến những bãi lau sậy ở Cuban, Xuntan và cuối cùng - làm phỉ.

Thế đấy, nếu dõi về quá khứ, cuộc đời của gã thủ lĩnh phỉ là như vậy. Tâm hồn y trở nên chai đá như những vết móng chân bò tách đôi trên bãi lầy trên thảo nguyên bị cái nóng hè thiêu đốt làm rắn đanh lại. Một nỗi đau tê tái, không sao hiểu nổi cắn dứt tâm can, làm chùn các thớ thịt, và tên tướng phỉ cảm thấy không thể nào quên đi được nỗi đau ấy và cũng không có thứ rượu nào dập tắt nổi nó. Thế nhưng y vẫn uống - và không có lấy một ngày tỉnh rượu, bởi lẽ những cây lúa mì đang trổ hoa thơm nức; ngọt ngào trên các vùng thảo nguyên sông Đông đã được cày vỡ, một lớp đất đen khát mầu phơi dưới nắng mặt trời, và trong các thôn, bản, những người vợ lính Kadắc má rám nắng

đều cất một thứ rượu trong đến mức không thể phân biệt được với mạch nước nguồn lưu thông.

IV

Những trận rét đầu mùa đã về lúc rạng đông. Trên các lá cây sung hình chân vịt đã điểm những đốm trắng bạc, còn trên guồng bánh xe của cối xay thì từ sáng sớm, Lukích đã để ý thấy những lớp băng mỏng lấp lánh đủ mầu như mica.

Từ sáng, Lukích đã thấy trong người khó chịu, đau buốt vùng thắt lưng, nhức nhối quá, đôi chân cứng lại như đúc bằng gang và lệt xệt nhấc lên không nổi. Lão lê bước quanh cối xay, khó khăn lắm mới di chuyển được cái thể xác thảm hại chỉ còn da bọc xương. Một đàn chuột con từ trong chiếc cối xay kê thoăn thoắt bò ra; lão ngước đôi mắt ướt nhoèn nhìn lên: trên xà ngang phía dưới trần nhà, một chú bồ câu đang gù, đều đặn và cần mẫn. Hai cánh mũi dường như nặn bằng đất sét của lão hít hít mùi mốc ẩm nồng nặc và mùi thơm của lúa mạch đã xay giã. Lão chăm chú lắng nghe tiếng nước óc ách đang cuốn hút và liếm quanh chiếc cổ ngỗng cối một cách đáng lo ngại. Lão vê vê chòm râu rậm, vẻ đầy tư lự.

Lukích ngả người trên chiếc thùng nuôi ong. Lão nằm nghiêng, đắp tấm áo bông, ngủ, mồm há hốc; những giọt nước dãi nhờn và nóng ấp từ hai rìa mép chảy xuống chòm râu cằm. Hoàng hôn buông xuống dày đặc làm căn

nhà tiêu điều của lão trở nên nhọ nhem. Chiếc cối xay chìm trong đám sương mù màu trắng sữa...

Vừa lúc lão thức giấc thì có hai tên lính kỵ binh từ trong rừng đi ra. Một tên gọi lão, giữa lúc lão đang bước trên cái thùng nuôi ong:

- Ông già, lại đây!

Lukích nhìn họ với vẻ ngờ vực và dừng lại.

Trong những năm giặc giã, lão đã từng thấy nhiều hạng người trang bị vũ khí như thế này - những kẻ ăn cướp thức ăn gia súc và bột bì mà không thèm hỏi ai. Tất cả bọn họ, chẳng trừ một ai, lão không ưa chút nào.

- Ra đây mau, lão khọm già!

Lukích luồn lách giữa những thùng ong đục lỗ, đôi môi biến sắc lầm bầm không thành tiếng. Lão đứng xa chỗ những người khách và liếc nhìn họ.

- Ông già ơi, chúng tôi là hồng quân đây... Lão đừng sợ chúng tôi, - thủ lĩnh phỉ cất giọng khàn khàn nói nhã nhặn. Bọn tôi đang đuổi phỉ, bị lạc đơn vị... Thế hôm qua lão có trông thấy đơn vị nào qua đây không?

- Có đấy.

- Họ đi đường nào, hở lão?

- Có mà ôn dịch biết họ đi đâu!

- Vậy có ai trong bọn họ nghỉ lại chỗ cối xay của lão không?

- Không. - Lukích nói cụt lủn và quay lưng lại.

- Khoan đã, lão già! - Thủ lĩnh phỉ xuống ngựa, đôi chân vòng kiềng loạng choạng vì say, miệng thở sặc mùi rượu, y nói: Này thằng già, chúng tao đang tìm diệt bọn cộng sản đây... Thế đấy! Còn bọn ta là ai mày không cần

biết! Y vấp chân, đánh rơi dây cương. - Việc của mày là chạy tìm ngũ cốc cho bảy chục con ngựa ăn và câm cái mồm... Làm ngay lập tức! Rõ chưa? Lúa mì của mày đâu?

- Không có, - Lukích nói, mắt nhìn đi chỗ khác.

- Thế cái gì trong kho kia?

- Rặt những đồ đồng nát bỏ đi thôi mà. Làm gì có lúa mì!

- Nào, hãy đi theo chúng tao tới đó!

Y túm cổ lão và lôi sềnh sệch đến cái nhà kho đổ nghiêng lún sâu xuống đất. Y mở toang cửa. Trong kho có những vựa chứa hạt kê và lúa đại mạch đen.

- Không phải lúa mì thì cái gì đây, hở thằng già khốn khiếp?

- Dạ, lúa mì ạ, thưa ông... Lúa mì này đã được xay giã... Tôi cóp nhặt nó từng hạt suốt cả năm, vậy mà ông muốn đem cho ngựa ăn hết...

- Theo mày thì để mặc xác ngựa của chúng ông chết đói cả ư? Sao mày dám như vậy - theo bọn đỏ hả? Mày muốn chết à?

- Xin ông tha cho, ông hãy thương tôi. Tôi có tội tình gì mà ông nỡ hại tôi? - Lukích giật chiếc mũ lông xấu xí ở trên đầu ra, quỳ sụp xuống, nắm lấy đôi bàn tay lông lá của tên thủ lĩnh phỉ mà hôn...

- Nói đi, mày thích bọn đỏ hả?

- Xin ông rủ lòng thương, tha cho kẻ đau ốm này!... Ông hãy bỏ qua lời nói ngu dại của tôi. Ôi xin ông tha cho, đừng treo cổ tôi! - Lão già vừa nói vừa ôm lấy chân tên thủ lĩnh phỉ.

- Mày hãy thề là mày không theo bọn đỏ... Không phải làm dấu diếc gì hết, hãy ăn đất đi!

Miệng ông già móm mém hết răng nhai vốc đất cát trong tay, những giọt nước mắt của lao rơi lã chã thấm ướt nắm đất.

- Được bây giờ thì tao tin mày. Đứng dậy, lão già!

Và thủ lĩnh phỉ cất tiếng cười, nhìn ông già không sao đứng lên được vì đôi chân đã cứng đờ. Còn đám lính kỵ binh mới kéo tới đây thì đang lôi lúa đại mạch và lúa mì từ trong nhà kho ra, rắc xuống dưới chân ngựa và vung vãi khắp sân những hạt ngũ cốc vàng óng.

V

Rạng đông chìm đắm trong đám sương mù ẩm đục.

Lukích lọt qua được người lính gác và lão không đi theo đường cái mà lần theo con đường mòn trong rừng chỉ một mình lão biết, chạy miết về phía bản làng, băng qua cái khe lạch nhỏ, xuyên cánh rừng như đang cảnh giác trong giấc ngủ tỉnh táo buổi ban mai.

Chạy đến chỗ cối xay gió, lão định tắt qua con đường mòn ven bờ giậu rẽ ra đường nhỏ, nhưng trước mắt lão đã thấp thoáng hiện ra những bóng người cưỡi ngựa.

- Ai đấy? - Một tiếng hô náo động giữa khung cảnh tĩnh mịch.

- Tôi đây... - Lukích nói thều thào, còn toàn thân thì mềm nhũn, run bắn lên.

- Lão là ai? Có giấy tờ gì không? Mò mẫm đi đâu, có việc gì?

- Tôi là thợ xay... Từ chỗ cối xay nước vùng này tới. Tôi có việc cần vào bản.

- Việc với vủng gì? Thôi, hãy theo chúng tôi đến gặp chỉ huỷ! Lão đi lên trước!... - Một người vừa quát, vừa thúc ngựa.

Lukích cảm thấy dôi môi ngựa nóng ấm kề sát cổ mình, và lão khập khiễng rảo bước đi vào bản.

Họ dừng lại trên bãi đất cạnh ngôi nhà lợp ngói. Người dẫn đường đằng hắng, xuống ngựa, buộc ngựa vào hàng rào và khua xủng xoảng thanh kiếm, bước lên bậc thềm.

- Theo tôi!

Ánh lửa lập loè rọi qua các ô cửa sổ. Họ bước vào nhà.

Lukích hắt hơi vì sặc khói thuốc lá sợi, ngả mũ và hướng về góc nhà phía trước mặt hối hả làm dấu.

- Chúng tôi bắt giữ ông già này đây. Ông lão đã đi vào bản.

Nhicônca ngẩng cái đầu bù xù dính đầy lông chim lên khỏi mặt bàn, hỏi với giọng ngái ngủ, nhưng nghiêm nghị:

- Lão đi đâu?

Lukích bước lên phía trước và sung sướng nghẹn lời.

- Anh bạn yêu quý ơi, hoá ra người của ta, vậy mà lão cứ tưởng bọn phỉ kia đấy... Lão đâm ra nhút nhát, không dám hỏi các anh nữa... Lão là thợ xay. Có lần các anh đi qua rừng Mitơrôkhin đã ghé vào nhà lão, lão còn mời anh uống sữa, anh bạn thân mến ạ... Hay là anh quên rồi?

- Thế lão muốn nói gì nào?

- Vâng, lão sẽ nói, anh bạn quí mến của lão ạ: chả là vào lúc chập tối hôm qua, chính bọn phỉ ấy đã kéo đến nhà lão, lấy sạch ngũ cốc cho ngựa ăn... Chúng hành hạ lão... Thằng cầm đầu bọn chúng nói: hãy thề một lòng một dạ theo chúng tao, rồi nó bắt lão ăn đất.

- Thế hiện nay chúng ở đâu?

- Chúng đang ở đó. Chúng đem theo nhiều rượu vốtka, bọn bất lương ấy đang nhậu nhẹt với nhau ở nhà lão, còn lão chạy tới đây báo cho các anh biết: có thể các anh sẽ tìm được phương kế trừng trị chúng.

- Anh nói với anh em lên ngựa!... Nhicônca đứng lên, mỉm cười với ông lão và uể oải xỏ tay vào chiếc áo dạ lính.

VI

Trời đã hửng sáng.

Nhicônca gương mặt xanh xao vì những đêm mất ngủ, phi ngựa đến gần cỗ xe hai bánh lắp súng máy.

- Khi nào bọn mình tấn công, cậu nã mạnh vào sườn bên phải nhe. Ta cần bẻ gẫy cánh quân của chúng!

Đoạn anh phóng ngựa đến đơn vị kỵ binh đã triển khai thế trận.

Sau rặng cây sồi nhỏ khô héo, trên mặt đường, xuất hiện một toán lính kỵ binh xếp hàng bốn, những cỗ xe lắp súng máy đi giữa.

- Phi nước đại! - Nhicônca thét lớn và anh có cảm giác những tiếng vó ngựa rầm rập ngày một rõ ở phía sau lưng, anh quất roi thúc con ngựa đực của mình.

Bên cửa rừng, tiếng súng vang lên xối xả, còn toán lính kỵ binh trên mặt đường nọ thì nhanh nhẹn như trên bãi tập, toả ra bủa vây.

Từ trong đám cây bị gió bão đánh đổ, một chú sói nhảy chồm ra khỏi gò đất, mình mắc đầy những cỏ gai. Nó dướn đầu về phía trước, nghe ngóng. Ngay gần đó có những tiếng súng nổ liên hồi, và đủ mọi thứ tiếng của trận đánh dậy lên như sóng lừng.

- Tạch! - Một quả đạn nổ giữa bụi cây trăn, còn đâu đó ở phía bên kia gò đất, sau đám ruộng đã cày vỡ, tiếng vọng của nó nhan nhản đáp lại: tặc!

Và cứ thế liên hồi: tạch, tạch, tạch! Còn bên kia gò đất là những tiếng đáp lại: tặc! tặc! tặc!

Con sói đứng đó một lát rồi thủng thẳng và khạng nạng đi xuống cái khe lớn, khuất vào lùm cỏ um tùm chưa kịp cắt đã úa vàng...

- Giữ vững đội ngũ!... Không được bỏ các xe súng máy!... Chạy vào rừng. .. Chạy vào rừng, mẹ kiếp! - Thủ lĩnh phỉ la ó, dướn mình đứng lên trên đôi bàn đạp. Trong khi đó, toán lính đánh xe và lính bắn súng máy đã láo nháo, chạy ngược chạy xuôi bên những cỗ xe lắp súng máy và chặt đứt các dây chằng, còn hàng quân bị hoả lực liên thanh dồn dập phá vỡ thì bắt đầu quay cuồng trong một cuộc tháo chạy không sao kìm nổi.

Thủ lĩnh phỉ quay ngựa lại thì bắt đầu gặp một người phanh rộng chiếc áo khoác Kadắc lao ngựa thẳng vào y, tay vung kiếm. Qua chiếc ống nhòm đeo lủng lẳng trước ngực và qua chiếc áo buôcka, thủ lĩnh phỉ đoán

người đang phi ngựa kia không phải lính Hồng quân thường và y ghìm dây cương lại. Từ xa, y đã nom thấy một khuôn mặt trẻ, không để râu, nhăn nhó một cách căm tức và cặp mắt nheo lại vì gió. Con ngựa thủ lĩnh phỉ đang cưỡi bỗng nhảy chồm lên, khuỵu hai chân sau xuống, còn y vừa rút khẩu súng lục mắc ở thắt lưng ra, vừa thét lớn:

- Quân chó chết!... Hãy bắn đi, bắn đi! Tao sẽ bắn tan sọ mày!...

Thủ lĩnh phỉ nhằm bắn vào chiếc áo choàng đen ngày một hiện rõ. Con ngựa chồm lên chừng tám xagien[1] thì ngã khuỵu, còn Nhicônca quăng chiếc áo khoác đi, vừa bắn, vừa lao đến gần tên tướng phỉ hơn...

Sau cánh rừng, có ai đó kêu rống lên như thú dữ, rồi lặng bặt. Mặt trời bị đám mây đen che phủ và những bóng mây trôi trùm lên thảo nguyên, con đường và cánh rừng bị gió và tiết thu làm trơ trụi hết lá cành.

"Quân vô học, con nít búng ra sữa, hăng máu, bởi thế cái chết đến với nó càng nhanh" - thủ lĩnh phỉ suy nghĩ ngắt đoạn và đợi đến khi cơn giẫy chết của người kia kết thúc, y mới thả dây cương và hùng hổ lao bổ tới đó. Ngồi trên yên, y buông thõng người tay vung kiếm và trong khoảnh khắc, y cảm thấy đường kiếm làm cái xác kia mềm nhũn, ngoan ngoãn trườn xuống đất Thủ lĩnh phỉ xuống ngựa, giật chiếc ống nhòm của người chết, nhìn đôi chân còn khẽ run rẩy, ngó quanh, đoạn quì xuống tháo đôi ủng bốt can khỏi cái xác đó. Tỳ chân lên chiếc đầu gối kêu răng rắc, y nhanh nhẹn và khéo léo gỡ một chiếc bốt. Chiếc bốt

---

[1] *Xagien: đơn vị đo lường của Nga, bằng 2,134m*

khác có lẽ vì bị tất xoắn lại, không tháo được. Y vừa chưởi đổng tức tối, vừa giật chiếc bốt cùng với tất ra, và ở phía mắt cá chân, y chợt nhìn thấy cái bớt to bằng quả trứng chim câu. Như sợ đánh thức người đã chết, y chậm rãi lật ngửa cái khuôn mặt đã lạnh giá, hai tay dây đầy máu đang từ trong miệng phọt ra ồng ộc; y ngắm kỹ xác chết, rồi mới vụng về ôm lấy đôi vai vuông thước thợ và nghẹn ngào thốt lên:

- Con ơi! Nhicônca!... Con yêu quí! Hòn máu của ta!

Mặt y tím bầm, y kêu lên:

- Con hãy nói đi, dù một lời thôi! Sao lại thế này, hả?

Y phủ phục, nhìn vào đôi mắt đờ đẫn, khẽ nâng cặp mi vấy đầy máu, lay lay cái xác không hồn mềm nhũn... Nhưng Nhicônca đã cắn chặt đầu lưỡi tím ngắt, dường như sợ phải hé ra một điều gì quá đỗi lớn lao và hệ trọng.

Thủ lĩnh phỉ áp đôi tay cứng đờ của con trai lên ngực mà hôn, và lấy răng cắn chặt lớp vỏ thép đổ mồ hôi của khẩu súng ngắn, y bắn vào miệng mình...

Đến chiều tối, khi phía bên kia cánh rừng đã thấp thoáng những bóng lính kỵ binh, tiếng nói, tiếng ngựa thở phì phò và tiếng bàn đạp leng keng theo gió vẳng tới, con diều hâu rỉa xác chết mới chịu buông cái đầu xù của thủ lĩnh phỉ. Nó buông mồi và bay mất hút trong bầu trời xám nhạt, không màu sắc của mùa thu.

TRẦN VĨNH PHÚC *dịch*

Người chăn bò

I

Từ thảo nguyên màu nâu xám cháy xém vì nắng, từ bãi đất muối nứt nẻ trắng xoá và từ lúc mặt trời mọc gió nóng đã thổi tới, suốt mười sáu ngày.

Đất hoá thành than, cây cỏ ủ rũ, vàng úa, mạch nước dưới những chiếc giếng nằm san sát ven đường đều khô cạn, còn bông lúa thì mới nhú lên đã héo quắt, rũ xuống mặt đất như ông lão cúi lom khom.

Vào lúc giữa trưa, tiếng chuông đồng gióng giả toả khắp bản đang mơ màng trong giấc ngủ.

Oi bức, tĩnh mịch. Chỉ nghe thấy tiếng chân bước theo ven hàng giậu, quét cát bụi bay mù và tiếng gậy của các bô lão lần đường gõ cồng cộc trên những mô đất.

Chuông khua báo họp bản. Chương trình nghị sự hôm nay là vấn đề thuê người chăn bò.

Trong nhà uỷ ban, tiếng nói chuyện râm ran. Khói thuốc nghi ngút.

Chủ tịch gõ gõ mẩu bút chì lên bàn.

- Thưa bà con, lão già chăn bò đã bỏ việc. Lão ta bảo tiền công rẻ mạt. Ban chấp hành chúng tôi đề nghị thuê Phơrôlốp Gơrigôri. Anh ta người vùng này, mồ côi cha mẹ, đoàn viên Kamxômôn[1]... Bố anh ta, như bà con đều rõ, trước đây là thợ giày. Anh ta ở với cô em gái và họ chẳng có gì nuôi thân. Bà con ạ, tôi nghĩ rằng bà con sẽ thông cảm với hoàn cảnh của anh và nhận thuê anh ta thôi.

Lão già Nhexcherốp không nín nhịn được nữa, ngọ nguậy cái mông, nhấp nha nhấp nhổm.

- Chúng tôi không đồng ý như vậy. Đàn bê thì khoẻ mạnh, còn anh ta biết chăn cái quái gì!... Phải chăn nơi xa, vì chỗ gần không có cỏ, mà anh ta thì không quen việc ấy. Khéo tới mùa thu, ta sẽ mất toi nửa đàn bê đấy...

Lão chủ cối xay Igơnát - một lão già khôn ngoan - cất giọng ngọt ngào, hiểm độc:

- Chẳng cần đến các ông chấp hành chúng tôi cũng thuê được người chăn bò. Việc này chỉ liên quan đến chúng tôi... Phải chọn người có tuổi, đáng tin cậy và khéo nuôi súc vật...

- Đúng đấy, bố ạ...

- Thưa bà con, nếu bà con thuê người già thì chẳng mấy chốc sẽ mất đàn bê... Thời buổi bây giờ không như trước, đâu đâu cũng trộm cắp như rươi... Chủ tịch nói câu

---

[1] *Phát âm đúng là: Kômxômôn.*

đó với giọng kiên quyết, vẻ chờ đợi ý kiến của mọi người; lập tức những người ở phía sau lên tiếng hưởng ứng.

- Không dùng người già được.... Bà con hãy nghĩ cho kỹ: đây chẳng phải những con bò mẹ, mà là những con bê mới một tuổi. Công việc này cần chân chạy. Mỗi khi đàn bê kêu rống, chạy tán loạn là phải đi lùa chúng về. Ông già mà chạy thì cứ gọi là bục ruột.

Tiếng cười rộ lên, còn lão Igơnát thì vẫn lầu bầu ở phía sau:

- Các ông cộng sản liên can gì đến việc này... Cần người biết cầu kinh, chứ đâu phải tìm kẻ ấm ớ nào cũng được... - Rồi lão già hiểm độc ấy đưa tay vuốt cái đầu hói.

Nhưng chủ tịch liền nghiêm khắc nói:

- Tôi yêu cầu lão không được phát biểu lung tung... Còn nói những lời lẽ thế nữa, tôi sẽ mời ra khỏi hội nghị...

Vào lúc bình minh, khi đám khói như những nắm bông lấm bẩn từ trong các ống khói bò ra bay là là trên bãi đất, Gơrigôri lùa đàn bê gần một trăm rưởi con kéo qua bản, đến chăn thả trên quả đồi trắng xám, ảm đạm.

Trên thảo nguyên lố nhố những hang ngân thử màu nâu xám; tiếng ngân thử kêu re ré, rền rĩ và cảnh giác; đàn sếu thảo nguyên từ trong các khe lạch cỏ mọc lúp xúp bay vút lên cao, lấp lánh bộ lông bạc.

Đàn bê yên lành kéo đi. Những móng chân bê tách đôi gõ lên mặt đất gồ ghề như tiếng mưa rơi đều đặn.

Cô em gái - mục đồng Đunhétca đi bên cạnh Gơrigôri. Đôi má rám nắng, lốm đốm tàn nhang của cô đang cười; mắt, môi, toàn thân cô ta đang cười, bởi vì tới tuần đầu

tiên sau lễ Phục sinh này cô mới mười bảy tuổi xuân; mà ở cái tuổi mười bảy ấy cái gì cũng thấy đáng buồn cười; từ bộ mặt khắc khổ của người anh đến những con bê tai to, vừa đi vừa nhai cỏ, - thậm chí cô còn thấy nực cười nữa, vì đã là ngày thứ hai, anh em cô không có lấy một mẩu bánh mì nào vào bụng.

Nhưng Gơrigôri thì chẳng cười được. Vầng trán cao, cùng những nếp nhăn vắt ngang và đôi mắt mệt mỏi ở phía dưới chiếc mũ lưỡi trai cũ kỹ làm anh già hơn cái tuổi mười chín.

Đàn bê yên lành tản ra bên vệ đường thành từng đám loang lổ. Gơrigôri huýt sáo gọi những con bê không theo kịp đàn, rồi quay sang phía Đunhétca:

- Đunhétca này, anh em ta kiếm việc làm cho đến mùa thu, rồi sẽ lên tỉnh. Anh sẽ vào học trường công nhân và xin việc cho em ở một nơi nào đó. Có thể em cũng sẽ đi học. Đunhétca ạ, ngoài tỉnh có nhiều sách lắm và người ăn bánh mì sạch sẽ, không lẫn cỏ như ở ta đâu.

- Nhưng kiếm đâu ra tiền... để lên tỉnh, hở anh?

- Em thật là ngốc... Họ sẽ trả cho chúng ta hai mươi *pút*[1] lúa mì, tiền đó chứ đâu... Ta sẽ bán mỗi *pút* một *rúp*, sau đó bán kê, phân khô.

Gơrigôri dừng lại ở giữa đường, lấy cán roi vẽ lên đất cát, tính toán.

- Anh Gơrigôri, chúng mình ăn gì bây giờ? Không có lấy một mẩu bánh mì...

---

[1] *Đơn vị đo lường Nga = 16,36kg.*

- Trong túi xách anh còn miếng bánh nướng cứng đấy.

- Ăn hết hôm nay, mai thì sao?

- Ngày mai anh em dưới bản sẽ tới đây và đem bột mì đến cho ta. Ông chủ tịch đã hứa vậy.

Nắng giữa trưa như thiêu đốt. Chiếc áo vải thô rộng thùng thình của Gơrigôri ướt đẫm mồ hôi, dính sát vào hai bả vai.

Đàn bê bị dám ruồi trâu và nhặng cắn đốt, kéo đi nhốn nháo, tiếng bê rống và tiếng ruồi trâu vo ve lơ lửng giữa bầu trời không khí nóng hầm hập.

Chiều tối, trước lúc mặt trời lặn, anh em Gơrigôri lùa đàn bê về chuồng. Gần đó có cái đầm và túp lều chứa rơm đã mục nát vì nước mưa.

Gơrigôri cắm cổ dấn lên phía đàn bê. Anh chạy lạch bạch đến chuồng bê, mở cánh cửa nhỏ đan bằng những cành cây. Anh vừa đếm vừa lùa từng con bê vào chuồng qua chiếc cửa vuông tối đen.

II

Trên gò đất nhô ra ở phía sau đầm nước, nom như hạt đậu mẩy, hai anh em Gơrigôri dựng một túp lều mới. Tường trát bằng phân bò, mái do Gơrigôri lợp bằng cỏ.

Ngày hôm sau chủ tịch đi ngựa tới, đem đến nửa *pút* bột ngô và một túi kê.

Ông ta vừa châm thuốc vừa ngồi xuống chỗ râm mát.

- Cậu là một thanh niên tốt, Gơrigôri ạ. Cậu hãy chịu khó chăn đàn bê, đến mùa thu mình với cậu sẽ lên khu. Có

thể, ở đó sẽ xoay sở cho cậu đi học... Trên ấy mình có người quen ở phòng giáo dục, anh ta sẽ giúp cậu...

Gơrigôri sung sướng đỏ bừng mặt và tiễn chân chủ tịch, anh giữ bàn đạp cho ông ta lên ngựa, rồi bắt chặt tay. Anh đứng nhìn theo mãi những đám bụi cuốn tròn bay tung dưới vó ngựa.

Thảo nguyên khô cằn, với những buổi bình minh màu hồng tựa má người mắc bệnh lao. Vào lúc giữa trưa oi bức đến ngột ngạt, Gơrigôri nằm ngửa mặt nhìn lên ngọn đồi bao phủ một làn hơi màu xanh lam đang tan dần, và anh cảm thấy như thảo nguyên tràn đầy sức sống, nhưng bị o ép, đè nặng triền miên dưới những bản làng, thôn xóm, đô thị. Anh có cảm giác như đất rung chuyển trong hơi thở ngắt quãng, và đâu đó, ở phía sau, sau những lớp đất đá dầy, một cuộc sống khác chưa ai biết tới đang trỗi dậy và trăn trở, lo âu.

Và giữa ban ngày ban mặt sao anh lại thấy kinh hãi.

Anh đưa mắt chăm chú ngắm nhìn dải đồi kéo dài vô tận, nhìn đám sương mù nghi ngút và đàn bê điểm những chấm khoang trên bãi cỏ nâu; anh nghĩ rằng mình tách khỏi thế giới quá xa, như đứa con lìa tổ[1].

Vào một tối chủ nhật, Gơrigôri lùa đàn bê về chuồng. Đunhétca đang nhóm lửa bên túp lều, nấu cháo kê với lá chút chít chua thơm thơm - loại thức ăn của chim sẻ.

Gơrigôri ngồi xuống cạnh bếp lửa, vừa cầm cán roi cời phân khô làm củi đun thơm nồng, vừa nói:

---

[1] *Thành ngữ Nga phù hợp với ý trên: tách ra hẳn, như mẩu bánh mì cắt rời.*

- Con bê của anh Gơrisa bị ốm rồi. Nên báo cho chủ nó biết, em ạ...

- Hay để em chạy về bản nhé? - Đunhétca hỏi, cố ra vẻ thản nhiên.

- Không nên. Mình anh không trông xuể đàn bê đâu... - anh ta mỉm cười. - Em không nhờ bà con chứ gì?

- Nhớ chứ, anh yêu quý... Đã một tháng nay ta sống ở thảo nguyên, chỉ có một lần nhìn thấy người thôi. Nếu ở đây hết mùa hè, đến quên cả chuyện trò mất...

- Chịu khó vậy, Đunhétca ạ. Mùa thu ta sẽ lên tỉnh. Anh em ta sẽ đi học và học xong, ta lại trở về đây. Chúng ta sẽ trồng trọt theo phương pháp khoa học, chứ không, đời ta ở đây thật tăm tối. Mọi người đều mê muội... đều mù chữ... sách báo thì không có...

- Họ chẳng nhận anh em ta vào học đâu... Chúng mình đều ngu si dốt nát...

- Không, họ sẽ nhận. Mùa đông vừa rồi anh về bản, được đọc cuốn sách của Lênin ở nhà đồng chí bí thư chi bộ. Trong sách nói chính quyền thuộc về giai cấp vô sản; về việc học hành, sách viết là những người nghèo phải đi học.

Gơrigôri quỳ nhỏm dậy, ánh lửa màu vàng thau nhảy múa trên đôi má anh.

- Ta phải học để biết cách quản lý nước cộng hòa của chúng ta. Trong các thành phố thì công nhân nắm chính quyền, còn ở ta, chủ tịch xã lại là phú nông và các chủ tịch làng bản toàn bọn nhà giàu.

Phân khô cháy âm ỉ, lúc bốc khói, lúc bùng lên. Thảo nguyên im ắng trong giấc ngủ mơ màng.

III

Qua đồng chí công an đến khu vực công tác, bí thư chi bộ Pôlitốp nhắn Gơrigôri về bản.

Gơrigôri ra đi từ lúc trời chưa sáng và tới trưa, từ trên đồi, anh đã nhìn thấy gác chuông và những mái nhà nhỏ mái lợp rạ và tôn.

Anh nặng nhọc lê đôi chân đã thành chai đến quảng trường.

Câu lạc bộ đặt trong nhà của cha cố. Đi theo những con đường nhỏ mới làm, thơm phức mùi rạ mới, anh bước vào gian phòng rộng.

Những tấm ván che cửa đóng kín mít làm căn phòng trở nên tối tối. Bên cửa sổ, Pôlitốp đang cầm chiếc bào bào khung cửa.

- Anh nghe cả rồi, chú ạ, nghe cả rồi. - Pôlitốp mỉm cười, giơ bàn tay vã mồ hôi ra bắt. - Nhưng đành chịu thôi! Anh đã tìm hiểu trên khu, ở đó nhà máy ép dầu cần tuyển người, nhưng kết quả họ đã tuyển quá con số mười hai người cần thiết rồi... Chú tạm chăn đàn bê, đến mùa thu các anh sẽ cử chú đi học.

- Giá như em làm công việc ấy ở đây thì cũng chả sao. Bọn phú nông trong bản rất không muốn để em chăn bò... Chúng bảo đoàn viên Kômxômôn là quân vô đạo, chăn bò mà không biết đọc kinh... - Gơrigôri mỉm cười mệt mỏi.

Pôlitốp lấy ống tay áo phủi vỏ bào, rồi ngồi lên thành cửa sổ, chau đôi mày dẫm mồ hôi, ngắm nhìn Gơrigôri.

- Gơrigôri, trông chú gầy đi đấy, ăn uống thế nào?

- Có ăn đấy ạ.

Hai người cùng im lặng.

- Thôi chú đến chỗ anh nhé. Anh sẽ cho chú sách báo mới, ở trên khu vừa gửi về.

Họ đi theo con đường giáp với bãi tha ma. Mấy con gà đang rũ lông trong đống tro xám, đâu đây tiếng kéo cần gầu giếng kêu cọt kẹt và bầu không khí im ắng nặng nề đến ù tai.

- Chú ở lại đây hôm nay. Sẽ có cuộc họp. Anh em nhắc đến chú đấy: "Gơrigôri ở đâu, sống thế nào, ra sao?". Chú sẽ gặp anh em. Hôm nay anh báo cáo về tình hình thế giới... Chú nghỉ lại đây với anh, ngày mai sẽ đi. Được chứ?

- Em không ngủ lại được. Một mình Đunhétca không trông xuể đàn bê. Em sẽ dự họp, rồi sẽ đi ngay đêm nay.

Gian nhà ngoài của Pôlitốp mát mẻ. Mùi táo khô thơm dịu, còn chiếc vòng cổ ngựa và dây yên treo trên tường nồng nặc mùi mồ hôi ngựa.

Trong góc phòng để một thùng nước, cạnh đó là chiếc giường vênh.

- Đây là chỗ ngủ của anh, trong nhà nóng lắm.

Pôlitốp cúi xuống, cẩn thận rút dưới tấm vải gai ra những số báo *Sự Thật* cũ và hai cuốn sách nhỏ.

Anh dúi vào tay Gơrigôri, đoạn mở cái túi vá chằng vá đụp.

- Giữ lấy này !...

Gơrigôri cầm túi, nhưng mắt thì cứ dán vào những dòng chữ trên báo.

Pôlitốp lấy tay vốc bột mì bỏ vào bao, lắc lắc cái bao đã lèn chặt một nửa, rồi đi vào nhà trong.

Anh đem ra hai khoanh mỡ lợn, gói vào chiếc lá bắp cải đã úa vàng, bỏ vào bao và nói:

- Khi nào chú về, nhớ mang cả cái này!

- Em không mang đâu... - Gơrigôri thẹn đỏ bừng mặt.

- Sao chú không mang?

- Nghĩa là không mang...

- Sao vậy? Đồ tồi! - Pôlitốp tái mặt, quát to và nhìn chòng chọc Gơrigôri - Thế mà gọi là đồng chí à? Sắp chết đói đến nơi mà không mở mồm nói một lời... Cầm lấy, bằng không sẽ chẳng còn tình nghĩa gì nữa.

- Em không nhận phần thức ăn cuối cùng của anh...

- Không phải cuối cùng đâu, chú ạ! - Pôlitốp dấu dịu, đưa mắt nhìn Gơrigôri đang buộc túi bao với vẻ giận dỗi.

Cuộc họp kết thúc trước khi trời sáng.

Gơrigôri đi giữa thảo nguyên. Túi bột mì kéo trễ đôi vai, hai bàn chân sần chai rát bỏng đến tứa máu, nhưng anh vẫn bước đi hăng hái, phấn chấn, hướng tới bình minh đang rực cháy.

IV

Tờ mờ sáng, Đunhétca đã ra khỏi lều, lấy phân khô nhóm lửa. Gơrigôri chạy bổ từ chuồng bò lại, Đunhétca đoán ngay có việc gì không hay xảy ra.

- Chắc có chuyện gì phải không anh?

- Con bê của anh Gơrisa chết rồi...

- Còn ba con nữa quay ra ốm. - Gơrigôri lấy hơi và nói tiếp: - Đunhétca, em chạy về bản đi. Báo anh Gơrisa và bà con đến ngay hôm nay... Bảo là bê của họ ốm rồi nhé.

Chẳng mấy chốc Đunhétca đã đi khuất. Cô bước qua gò đất ngược phía mặt trời đang nhô lên từ sau đồi mộ.

Gơrigôri lững thững đi đến chuồng bê.

Đàn bê đã đi vào khe, còn ba con nằm lại bên cạnh hàng giậu. Đến giữa trưa chúng lăn ra chết cả.

Gơrigôri tất tưởi chạy từ nơi chăn bê về chuồng, lại thêm hai con nữa ốm...

Một con bê ngã kềnh ra trên đám bùn ẩm ướt cạnh cái đầm, đầu ngoảnh về phía Gơrigôri, kêu rền rĩ, đôi mắt lồi to long lanh nước mắt, còn trên hai gò má màu đồng hun vì rám nắng của Gơrigôri những giọt nước mắt, mằn mặn cũng đang từ từ lăn xuống.

Đunhétca cùng các chủ bê tới vào lúc mặt trời đã xế.

Lão già Acchenmức lấy gậy chọc vào mình con bê bất động, nói:

- Bệnh ma bắt đây mà... Bây giờ thì nó sẽ làm chết tiệt cả đàn bê cho mà coi.

Họ lột da những con bê chết, còn xác chúng đem chôn ở gần đầm, lấy đất khô và đen đắp lên thành gò đất mới.

Ngày hôm sau Đunhétca lại về bản. Cùng một lúc, bảy con bê quay ra ốm...

Ngày lại ngày trôi qua một cách ảm đạm. Chuồng bê trở nên trống hẳn. Lòng của Gơrigôri cũng trống trải. Một trăm rưởi con bê mà chỉ còn lại năm chục. Các chủ bê đi xe ngựa tới đây, lột da những con bê chết, đào những hố nông

trong khe vực, phủ đất lên những xác bê còn đọng máu, rồi trở về bản. Còn đàn bê ghé về chuồng một cách miễn cưỡng; chúng kêu rống, linh cảm thấy máu và thần chết vô hình đang lởn vởn quanh chúng.

Sáng sáng, từ tinh mơ, mỗi khi Gơrigôri sắc mặt vàng vọt mở cửa chuồng, đàn bê lại lao tới nơi chăn và bao giờ cũng đi qua những gò mả đất đã khô.

Mùi thịt thối rữa; bụi bốc tung dưới chân đàn bê chạy nháo nhác, tiếng bê rống rền rĩ, bất lực, và mặt trời vẫn nóng bỏng như mọi ngày, chậm rãi đi qua thảo nguyên.

Người người đi săn từ trong bản tới đáy. Họ bắn vào xung quanh hàng rào chuồng bê, xua đuổi bệnh ma tà hung ác khỏi chuồng. Người hết con bê này đến con bê khác vẫn cứ lăn quay ra chết và đàn bê ngày càng thưa dần, thưa dần.

Gơrigôri bắt đầu để ý thấy một vài cái mả bị quật lên, gần đó anh tìm thấy những đám xương đã bị gặm nhẵn; còn đàn bê đêm đến nhớn nhác kinh hoàng.

Đêm đêm, trong im lặng, bỗng đồng loạt cất lên những tiếng rống man rợ và đàn bê phá rào, chạy nhốn nháo trong chuồng.

Những con bê húc đổ rào, từng tốp chạy đến túp lều. Chúng ngủ cạnh đống lửa, thở nặng nhọc, và nhai lại cỏ.

Gơrigôri vẫn không đoán biết gì, cho đến một đêm tiếng chó sủa làm anh thức giấc. Anh vừa quàng chiếc áo rét ngắn lên người, vừa nhảy bổ ra khỏi lều. Những cái lưng bê ướt đẫm sương cọ sát vào anh.

Anh đứng bên cửa lều, huýt sáo gọi đàn chó và, đáp lại, anh nghe thấy những tiếng gào rống khác nhau của chó sói từ trong khe lạch Gađiúc vẳng tới. Từ những bụi mận gai mọc quanh quả đồi, một tiếng rống khác trầm khàn đáp lại...

Anh bước vào lều, châm đèn.

- Đunhétca, em có nghe thấy gì không?

Tiếng nói chuyện rì rầm im bặt cùng lúc những ánh sao tắt lặng trước bình minh.

V

Buổi sáng, lão chủ cối xay Igơnát và Mikhây Nhexcherốp tới. Gơrigôri đang ngồi vá giày. Hai lão già bước vào lều. Igơnát ngả mũ, mắt nheo lại vì những tia nắng chiều xiên hắt xuống nền đất; hắn giơ tay định làm dấu trước bức ảnh Lênin treo trong góc lều. Hắn ngắm kỹ, rồi thôi không làm dấu nữa, đến giữa chừng, hắn vội vàng chắp tay ra sau lưng, bực tức nhổ đánh toẹt một cái.

- Vậy là... nhà mày không thờ tượng thánh à?...

- Không...

- Thế ai ở trên bàn thờ kia?

- Lênin.

- Thảo nào mà ta gặp tai hoạ... Không có thánh là sinh bệnh ngay thôi mà... Vì thế đàn bò mới chết hàng loạt... Ô hô... Thượng đế của chúng ta thật là từ thiện...

- Thưa cụ, bê chết vì không mời thú y.

- Trước kia không có thú y của chúng mày, bò bê vẫn sống... Mày quả là kẻ có học thức lắm nhỉ... Nếu như mày thường xuyên làm dấu thánh trên cái trán bất lương của mày, thì cần gì đến thú y.

Mikhây Nhexcherốp quắc mắt, quát:

- Gỡ cái đồ vô thần ở góc ngoài kia đi! Vì mày, quân vô thần, vô đạo, mà đàn bê chết tiệt.

Mặt Gơrigôri hơi tái đi.

- Các cụ về nhà mình mà nạt nộ chứ quát tháo chẳng được gì đâu... Đó là lãnh tụ của giai cấp vô sản...

Mikhây Nhexcherốp sưng sỉa, mặt đỏ gay, la hét:

- Mày làm cho chúng tao thì phải theo chúng tao... Chúng tao thừa biết bọn mày là hạng người nào rồi... Liệu hồn, bằng không chúng ông sẽ cho mày biết tay ngay!

Hai lão già bước ra khỏi lều, kéo sụp mũ xuống trán và không thèm chào.

Đunhétca sợ hãi nhìn anh.

Hôm sau anh thợ rèn Chikhôn từ trong bản tới thăm bê của mình.

Anh ta ngồi xổm bên cạnh lều, hút thuốc xì gà, vừa nói, miệng vừa méo xệch mỉm cười chua chát.

- Cuộc sống của chúng ta thật khốn nạn. Chủ tịch cũ bị hất rồi, bây giờ em rể lão Mikhây Nhexcherốp lên cầm quyền. Hừ, rồi chứng nào lại tật ấy... Hôm qua chia ruộng: hễ người nghèo nào được đám ruộng tốt là chúng bắt chia lại. Bọn nhà giàu lại đè đầu cưỡi cổ chúng ta... Gơrigôri ạ, chúng nó chiếm hết ruộng tốt, chừa cho chúng ta đám ruộng đất sét... Đấy, cuộc sống như thế đấy...

Gơrigôri ngồi bên đống lửa đến nửa đêm, lấy than viết những hàng chữ nguệch ngoạc lên những tàu lá ngô hình chân vịt màu nghệ. Anh viết về việc chia ruộng không phân minh, về việc bắn súng để trừ bệnh dịch gia súc thay cho thú y. Rồi đưa tập lá ngô khô ghi đầy chữ cho người thợ rèn Chikhôn, nói:

- Có dịp lên khu, cậu hỏi xem báo *Sự Thật đỏ* in ở đâu nhé. Cậu đưa cái này cho họ... Tớ viết xem rõ đấy, cậu chớ làm nhàu nát, kẻo mờ hết than...

Anh thợ rèn chìa những ngón tay cháy xém, đen thui vì bụi than cẩn thận đỡ lấy tập lá kêu sột soạt rồi bỏ vào túi áo trong trước ngực. Lúc từ biệt anh ta nói, vẫn với nụ cười khi mới tới:

- Mình sẽ cuốc bộ lên khu, có thể ở đó mình sẽ tìm được chính quyền Xô-viết... Chặng đường dài trăm rưởi dặm mình sẽ đi ba ngày đêm là tới. Sau một tuần, trở lại đây, mình sẽ kể cho cậu nghe...

VI

Mùa thu trôi trong mưa dầm ẩm ướt và ảm đạm.

Từ sáng sớm Dunhétca đã về bản kiếm thức ăn.

Đàn bê ăn cỏ trên quả đồi nhỏ. Gơrigôri khoác chiếc áo ngoài bằng vải gai, bước theo sau đàn bê, trầm tư vò trong lòng bàn tay ngọn cỏ úa bạc màu ven đường. Trước lúc hoàng hôn, rất ngắn ngủi về mùa thu, từ trên đồi có hai người cưỡi ngựa đi tới.

Trong tiếng vó ngựa lộc cộc, họ phi đến gần Gơrigôri.

Gơrigôri nhận ra một người là chủ tịch - con rể lão Mikhây Nhexcherốp, còn người kia - con lão chủ cối xay Igơnát.

Mình con ngựa đẫm mồ hôi.

- Chào cậu chăn bò!

- Chào các anh!

- Chúng tôi đến gặp cậu...

Chủ tịch ngả võng người trên yên, những ngón tay giá cóng loay hoay mãi mới cởi được cúc chiếc áo dạ dài, y rút tờ báo đã ngả màu vàng, giở ra trước gió.

- Cậu viết đây phải không?

Những dòng chữ của Gơrigôri được sao chép lại từ các lá ngô, nói về việc chia lại ruộng đất, về bệnh dịch súc vật, nhảy múa trước mắt anh.

- Nào hãy đi theo bọn ta!

- Đi đâu?

- Đến đằng khe kia. Cần nói chuyện với cậu đôi câu...

- Đôi môi xám ngoét của chủ tịch mấp máy, cặp mắt long sòng sọc nom nặng nề, buồn rượi.

Gơrigôri mỉm cười:

- Ở đây cũng được... nếu cậu muốn thế...

Y rút khẩu súng ngắn trong túi áo ra, vừa cất giọng khàn khàn, vừa kéo mạnh con ngựa khốn khổ.

- Từ nay mày còn viết báo nữa hay không, hở thằng khốn kiếp?

- Sao anh muốn hại tôi?

- Vì tội mày làm tao phải ra toà. Mày còn đặt điều vu khống nữa không? Nói đi, đồ lục súc cộng sản!

Không đợi câu trả lời, hắn bắn vào cái miệng nín lặng của Gơrigôri.

Gơrigôri ngã vật xuống chân con ngựa đang nhảy chồm lên, anh nấc một tiếng, những ngón tay co quắp cấu bứt đám cỏ ướt màu hung, rồi anh lịm đi.

Con lão chủ cối xay Igơnát nhảy xuống ngựa, lấy tay vốc một nắm đất đen nhét vào cái miệng đang sùi bọt máu...

Thảo nguyên bao la, chân người không đi hết. Ở đây có lắm đường ngang, ngõ dọc. Đêm thu đã tối lại càng tối, còn những vết chân ngựa đã bị trận mưa cuốn trôi sạch...

VII

Tuyết rơi nhẹ. Hoàng hôn. Con đường dẫn tới thảo nguyên.

Đường không khó đi với những ai trên lưng đeo tay nải với mẩu bánh mì đại mạch và trong tay có gậy chống.

Đunhétca đi bên vệ đường. Gió xé tung vạt áo ngoài đã rách và thổi thốc từng cơn vào lưng cô bé.

Xung quanh là thảo nguyên tẻ ngắt, ảm đạm. Trời chạng vạng tối.

Đồi mộ đã hiện ra ở gần đường và trên đồi có túp lều mái lợp những mớ cỏ dại rối tung.

Đunhétca bước chuệnh choạng như người say rượu đến đồi và ngồi phủ phục xuống một ngôi mộ nhỏ đã lún.

Đêm buông xuống...

Đunhétca đi theo con đường mòn chạy thẳng đến ga xe lửa.

Cô bước đi nhẹ nhõm vì trong tay nải đeo trên lưng có mẩu bánh mì đại mạch to; có cuốn sách nhỏ đã nhàu nát với những trang sách thoảng mùi bụi đắng cay của thảo nguyên và chiếc áo cộc vải gai của anh Gơrigôri.

Mỗi khi lòng cô tràn ngập buồn khổ, mỗi khi những giọt lệ làm cay sè đôi mắt, Đunhétca lại tìm chỗ nào đó tránh xa mắt người lạ, rút trong tay nải ra chiếc áo cộc bằng vải gai chưa giặt... Cô úp mặt xuống tấm áo và ngửi mùi mồ hôi thân thuộc... Và cô nằm bất động hồi lâu...

Những cột cây số chạy lùi về phía sau. Từ trong những khe lạch nhỏ vẳng ra tiếng sói gào giận dữ với cuộc sống, còn Đunhétca vẫn bước đi bên vệ đường lên tỉnh, nơi có chính quyền Xô-viết, nơi những người vô sản đang học tập để trong tương lai biết quản lý nhà nước cộng hoà.

Cuốn sách nhỏ của Lênin dạy như vậy.

TRẦN VĨNH PHÚC *dịch*

Iliukha

I

Chuyện ấy bắt đầu từ chuyến đi săn gấu.

Bà Đaria hái củi trong rừng, lạc sâu tới chỗ nghẽn và suýt sa vào hang gấu. Bà Đaria thật táo bạo - bà ta để thằng cu con đứng ngay gần đó, rồi ù té chạy về bản. Tới bản, trước hết bà xộc vào nhà Tơrơphim Nhikichít.

- Ông chủ có nhà không?

- Có.

- Tôi vừa lạc tới hang gấu. Nếu ông hạ được nó, ta sẽ chia nhau.

Tơrơphim Nhikichít nhìn bà ta từ chân lên đầu, rồi từ đầu xuống chân và nói với vẻ ngờ vực.

- Bà không ỡm ờ đấy chứ? Dẫn tôi đi, bà sẽ có phần.

Họ đã tập trung và lên đường. Đaria lạch bạch đi trước. Tơrơphim cùng cậu con trai Ilia theo sau. Nhưng rồi xôi hỏng bỏng không: họ dụ được con gấu có cái bụng xệ

lên khỏi hang, bắn sát, nhưng chẳng rõ vì bắn tồi hay còn vì lý do bí ẩn nào khác nữa mà họ đã để sổng con thú, Tơrơphim Nhikichít ngắm nghía mãi khẩu súng kíp tổng tộc của mình, cất tiếng chửi đổng hồi lâu, liếc nhìn Ilia đang nhếch mép cười, cuối cùng ông ta nói:

- Không thể để sổng con thú được. Phải ngủ lại trong rừng thôi.

Đến sáng thì họ biết con gấu cái đã đi qua khu rừng thông non mọc lởm chởm về hướng đông, tới cánh rừng Gơlinhisép. Những vết chân chằng chịt in rõ trên lớp tuyết đầu mùa; Tơrôphim cùng với con trai lần theo những vết chân đó đã hai ngày đêm. Hai cha con phải chịu rét, chịu đói - thức ăn sang ngày hôm sau đã cạn, - và phải mất ba ngày đêm mới hạ được con gấu cái. Nó bị chộp bất ngờ dưới gốc cây bạch dương đứng cô đơn, ủ rũ trên bãi cỏ rộng giữa rừng. Lúc này Tơrơphim Nhikichít mới vừa nhìn Ilia đang lăn cái thân gấu nặng mười bảy pút, và lần đầu tiên bảo con:

- Mày thế mà khoẻ đấy, con ạ... Phải kiếm vợ cho mày thôi. Bố đã tuổi già sức yếu, không thể săn gấu được nữa và bắn cũng không chính xác, bố cứ hay chảy nước mắt. Con thấy không, trong bụng con thú có lũ gấu con nối dõi đấy... Và con người ta cũng có nghĩa vụ như thế.

Ilia cắm con dao bê bết máu xuống tuyết, hất mớ tóc ướt đẫm mồ hôi lên khỏi trán, nghĩ bụng:

- Ôi, lại bắt đầu...

Chuyện khởi đầu từ đấy. Ngày này qua ngày khác, bố mẹ Ilia càng thúc ép anh kiên quyết hơn: hết lấy vợ, lại

lấy vợ, nào là đến tuổi rồi, mẹ đã già không làm lụng được cần có cô chủ trẻ để giúp đỡ mẹ già... và những lời lẽ khác đại loại như thế.

Ilia ngồi trên bệ bếp lò, thở phì phò và lặng thinh, rồi sau đó quá ư chán ngán, anh phải giấu bố mẹ già, lén lút bỏ chiếc cưa vào bao, khâu lại, cầm rìu và mấy thứ đồ nghề làm mộc khác sửa soạn lên đường, cũng chẳng phải đi đâu, mà là tới thủ đô, đến nhà ông bác Êphim bán hàng tại quầy bánh mì thuộc "Cửa hành nông phẩm Maxkơva."

Mà bà mẹ thì vẫn không chịu từ bỏ ý định của mình:

- Mẹ nhắm cho con một đám rồi đấy, Ilia ạ. Chắc con sẽ thấy cô bé ấy xinh đẹp và vừa ý mình. Y như quả táo chín mọng ấy. Nó biết làm ruộng, lại biết ăn nói khéo léo với khách nữa. Phải ăn hỏi cho con, kẻo người ta nẫng tay trên mất.

Mọi người làm cho anh phát ốm, phát phiền. Anh không muốn lấy vợ tí nào, vả lại ở vùng này thực ra chẳng có cô gái nào lọt mắt anh, cả đến bản làng quanh đây, anh cũng chẳng tìm được cô nào vừa ý. Khi biết mọi người muốn dạm con gái lão chủ hiệu Phêđinsin cho anh - thì anh thật sự phát cáu lên.

Sáng dậy, sau khi ăn lót dạ qua quít, anh từ biệt những người thân và cuốc bộ ra ga. Lúc chia tay, bà mẹ khóc thút thít, còn ông bố thì chau đôi mày đã bạc trắng, nói giọng hằn học bực tức:

- Ilia, mày thích ngao du, thì mày đi đi, nhưng đừng ngó ngàng về cái nhà này nữa. Tao biết mày ăn phải bả của bọn Kômxômôn rồi, lúc nào cũng thậm thụt với bọn

khốn kiếp ấy. Vậy thì mày muốn sống sao mặc xác mày, còn tao từ nay y hết trách nhiệm với mày rồi...

Ông đóng sập cửa lại sau lưng đứa con trai, ngó qua cửa sổ nhìn Ilia bước đi trên con đường rộng, thẳng tắp, và vừa lắng nghe tiếng khóc thút thít giận dỗi của bà già, ông vừa cau mặt, thở dài thườn thượt.

Còn Ilia đã ra khỏi làng, anh ngồi xuống bên bờ con mương nhỏ và cất tiếng cười. nhớ đến Naxchia - cô dâu đã được dạm hỏi cho mình. Cô ta giống hệt một nữ tu sĩ, môi mím chặt nham hiểm, lúc nào cũng thở dài và làm dấu thánh y như một bà lão cổ lỗ sĩ. Cô ta không bỏ buổi đi lễ nào, còn người ngợm thì như cục bột nhào đã lên men.

II

Maxkơva khắc hẳn Cuxtơrom. Ban đầu, mỗi tiếng còi ôtô cũng làm Ilia sợ hãi, anh rùng mình khi nhìn thấy chiếc xe điện chạy xình xình rồi sau quen đi. Ông bác Ephim xin được cho anh làm nghề mộc... Một đêm, đi làm về muộn, anh bước trên đường phố Pơlinsikha dưới dãy đèn treo lắp kính vàng im ắng. Để rút ngắn đường, anh rẽ vào một ngõ vắng ngoằn ngoèo và đến gần một cổng ngõ, anh nghe có tiếng kêu nghẹn ngào, tiếng giậm chân và tiếng bạt tai. Ilia rảo bước nhìn qua khe cổng đen ngòm: một gã cà lơ say rượu mặc áo bành tô cổ lông cừu đang sàm sỡ chặn một phụ nữ ngay cạnh bức tường vòm ẩm ướt. Hắn vừa thở hổn hển, vừa nói thều thào...

- Thôi... xin cô em yêu quý. Thời đại bây giờ chuyện thế này là thường. Hạnh phúc thoảng qua mà. em ạ...

Ilia nhìn thấy phía sau cái cổ áo lông cừu chiếc khăn đỏ và đôi mắt thiếu nữ đẫm lệ, đầy nỗi khiếp sợ, ghê tởm.

Ilia bước tới gần gã say rượu, xoè bàn tay ra túm lấy chiếc cổ áo lông cừu và quật cả cái thân xác mềm nhũn của hắn vào tường. Gã say rượu kêu oái lên, hự một tiếng, giương cặp mắt lừ đừ như mắt bò đực nhìn chằm chằm Ilia và bắt gặp đôi mắt dữ tợn long lên sòng sọc của anh, hắn quay đi, vừa vấp ngã lảo đảo vừa ngoái cổ lại nhìn, bỏ chạy theo lối ngõ.

Cô gái chít khăn đỏ và mặc chiếc áo dạ dã sờn bíu chặt lấy tay áo Ilia.

- Cảm ơn đồng chí. Cảm ơn lắm lắm!

- Vì sao hắn ức hiếp cô? - Ilia hỏi, đứng đổi hết từ chân này lại sang chân kia, vẻ ngượng ngù.

- Thằng say rượu khốn kiếp... Nó cứ bám tôi. Tôi không nhìn rõ mặt nó...

Cô gái dúi vào tay anh mảnh giấy ghi địa chỉ của mình, và trên đường đi đến quảng trường Dubốpxcaia cô ta nhắc đi nhắc lại:

- Rỗi rãi mời đồng chí lại chơi nhé. Tôi sẽ rất mừng được gặp lại.

III

Vào một ngày thứ bảy, Ilia đến thăm cô ta, anh đi lên tầng sáu, dừng lại bên cánh cửa đã tróc sơn có biển đề - "Anna Bôđơrakhina"; trong bóng tối anh quờ tay lần quả đấm và gõ cửa một cách thận trọng. Cô gái đích thân ra mở, đứng ở ngưỡng cửa, nheo mắt nhìn ngỡ ngàng, rồi nhận ra khách, nhoẻn cười.

- Mời anh vào, anh vào đi.

Cố giấu vẻ ngượng ngùng, Ilia ngồi xuống mép ghế, e dè ngó quanh, giần từng tiếng nặng nề, cộc lốp đáp lại các câu hỏi:

- Thợ mộc... ở Cuxtơrom... tôi tới đây tìm việc làm... Tôi hăm mốt tuổi.

Đến khi anh buột miệng nói rằng anh chạy trốn việc cưới xin và trốn cô dâu hay cầu kinh, thì cô gái phá lên cười, trở nên thân mật hơn:

- Anh kể đi, anh kể đi nào.

Nhìn khuôn mặt ửng hồng đỏ bừng lên vì cười, Ilia cũng phá lên cười, vụng về vung tay, kể lể một thôi một hồi đủ thứ chuyện, và cả hai cùng ngắt câu chuyện bằng những tràng cười ròn rã tươi vui như mùa xuân. Từ đấy anh thường hay lui tới nơi đây. Căn phòng nhỏ với những bức tường dán giấy hoa đã bạc màu và bức ảnh Ilích[1] trở

---

[1] *Tức là Vơlađimir Ilich Lênin.*

nên rất đỗi thân thuộc với anh. Sau giờ làm việc, anh chỉ muốn được đến ngồi bên cô gái, nghe câu chuyện bình dị về Ilích và ngắm nhìn đôi mắt xám, trong xanh của cô ta.

Đường sá trong thành phố ngập ngụa bùn mùa xuân. Có lần từ nơi làm việc anh ghé thẳng tới đây, đặt bộ đồ mộc xuống cạnh cửa, tay đưa lên nắm quả đấm và bỗng lạnh toát người. Trên cánh cửa có dán một mẩu giấy với nét chữ nghiêng nghiêng quen thuộc: "*Tôi đi công tác một tháng ở Ivanôvô Vơđơnhexenxcơ.*"

Anh bước xuống thang gác, mắt nhìn vào những nhịp cầu thang đen tối. Lòng anh buồn rười rượi. Anh nhẩm tính còn chừng bao ngày nữa cô gái trở về, và càng gần cái ngày mong mỏi ấy bao nhiêu, anh càng nóng lòng sốt ruột bấy nhiêu.

Ngày thứ sáu anh không đi làm, từ sáng chưa ăn uống gì, anh đã đến ngõ phố quen thuộc ngào ngạt mùi thơm tươi mát của rặng thuỳ dương đang trổ hoa; anh liếc mắt nhìn theo mỗi chiếc khăn đỏ mà anh bắt gặp. Trước lúc trời tối, anh nhìn thấy cô gái từ trong ngõ đi ra. Không tự chủ được, anh chạy bổ lại đón cô.

IV

Lại những buổi chiều tối được ở bên cô gái - tại nhà riêng hay trong câu lạc bộ Kômxômôn. Cô ta dạy Ilia đánh vần từng chữ, rồi dạy viết. Cây bút trong tay Ilia cứ run rẩy như ngọn lá liễu hoàn diệp, vẩy những giọt mực xuống mặt giấy; chỉ vì chiếc khăn đỏ ghé sát xuống mặt anh, mà

trong đầu Ilia dường như có cái bễ lò rèn đang thổi lửa đều đặn và nóng bỏng ở ngay hai bên thái dương.

Cây bút nằm giữa mấy ngón tay cứ nhảy nhót, những nét chữ nom bè bè, gù gù như chính bản thân Ilia, còn trong ánh mắt có một làn sương mờ che phủ...

Một tháng sau, Ilia nộp đơn cho bí thư chi đoàn của ban kiến thiết, xin gia nhập ĐTNCSLN[1] - một lá đơn không bình thường, tự tay Ilia viết, với những hàng chữ xiêu vẹo, ngoằn ngoèo chạy trên mặt giấy như những vỏ bào xun ra dưới lưỡi bào.

Và sau một tuần, vào buổi chiều, gặp anh bên cửa toà nhà sáu tầng tĩnh mịch, Anna reo to vui sướng:

- Chào đồng chí đoàn viên Kômxômôn Ilia...

V

- Này anh Ilia, đã hai giờ khuya. Đến giờ anh phải về nhà rồi.

- Gượm tí đã, hay cô sợ mất ngủ?

- Đã đêm thứ hai tôi không được ngủ, Ilia, anh về đi.

- Ngoài đường bẩn lắm. Ở nhà thì bà chủ la ó: "La cà kỳ thế, tôi đâu có phận sự hết mở cổng lại đóng cổng xoành xoạch cho các anh..."

- Vậy anh về sớm đi, đừng ngồi lì đến tận nửa đêm nữa.

- Hay là cô có chỗ nào... ngủ lại đêm, được không?

---

[1] *Đoàn thanh niên Cộng sản Nga mang tên Lênin.*

Anna đứng lên khỏi bàn, quay lưng lại phía đèn. Nếp nhăn nằm chếch, vắt ngang trên trán như cái rãnh nhỏ.

- Thế này nhé, anh Ilia... nếu anh định sán đến gần tôi, thì mời anh đi khỏi đây ngay. Mấy ngày gần đây tôi thấy anh muốn gì rồi. Anh cũng nên biết là tôi đã có chồng. Chồng tôi là Ivanôvô Vơđơnhexenxcơ đã bốn tháng nay và vài hôm nữa tôi sẽ đến chỗ anh ấy.

Cặp môi Ilia như bị phủ một lớp tro.

- Cô đã có... ó chô... ồng?

- Vâng, tôi sống với một đoàn viên Kômxômôn. Tôi tiếc là không nói với anh điều đó sớm hơn.

Đã hai tuần, Ilia không đi làm. Anh nằm trên giường, mặt phị ra, xanh lướt. Sau đó có lần anh đứng dậy, lấy ngón tay sờ vào cái lưỡi cưa đã han gỉ và nhếch miệng cười gượng.

Khi anh đến làm việc, anh em trong chi đoàn hỏi dồn dập:

- Cậu bị bệnh gì thế? Ilinkha, trông cậu như người chết mới sống lại. Sao cậu xanh xao thế này?

Ở hành lang câu lạc bộ, anh bắt gặp bí thư chi đoàn.

- Cậu Ilia đấy à?

- Tôi đây.

- Đi đâu, lâu nay không thấy cậu?

- Tôi bị ốm... không hiểu sao cứ đau đầu.

- Ta được cử một người đi học lớp nông nghiệp, cậu đồng ý đi chứ?

- Tôi phải cái chữ nghĩa tồi quá... Không thì cũng muốn đi...

- Thôi đừng có tự ti ! Ở đó cậu sẽ qua lớp dự bị chắc chắn sẽ học được...

Một tuần sau, vào buổi chiều, Ilia đang từ nơi làm việc đến lớp học thì nghe có tiếng gọi ở phía sau:

- Anh Ilia!

Anh ngoái cổ lại: cô ấy, Anna đang đuổi kịp anh và mỉm cười từ xa. Cô xiết chặt tay anh.

- Anh sống thế nào? Nghe nói anh được đi học phải không?

- Bình thường cô ạ, tôi vừa làm, vừa học. Cảm ơn cô đã dạy chữ cho tôi.

Anh đi cạnh cô gái, nhưng bây giờ ở gần chiếc khăn đỏ, anh không còn thấy đầu choáng váng nữa. Trước lúc chia tay, Anna vừa mỉm cười nhìn đi chỗ khác, vừa hỏi:

- Thế còn cái bệnh kia đã khỏi chưa?

- Tôi đang học cách bảo vệ đất khỏi các loại bệnh khác nhau, nhưng còn cái bệnh kia... - anh phẩy tay, chuyển bộ đồ mộc từ vai phải sang vai trái vừa mỉm cười vừa tiếp tục bước đi - trông nặng nề và lúng túng.

TRẦN VĨNH PHÚC *dịch*

Trái tim Aliôsa

I

Đã hai mùa hè liên tiếp, hạn hán thiêu trụi những cánh đồng của nông dân. Đã hai mùa hè liên tiếp cơn gió đông ác độc từ các thảo nguyên Kadắc thổi về, hành hạ những đám lúa đại mạch đã ngả màu hung, làm ráo hoảnh những cặp mắt nông dân đang đăm đăm nhìn về thảo nguyên nứt nẻ và thấm khô những giọt lệ đàn ông hiếm hoi, đau xót. Tiếp đó lại nạn đói hoành hành. Aliôsa hình dung nó như một người khổng lồ không có mặt: nó bước đi không cần đường sá, dang đôi tay ra lùng sục khắp bản làng, thôn xóm, bóp ngạt mọi người và giờ đây nó đang chìa những ngón tay lạnh lùng ra kẹp chết trái tim của Aliôsa.

Aliôsa có cái bụng báng to, đôi chân sưng húp. Nó lấy tay ấn vào cái bắp chân màu xanh nhờ đỏ tía, ban đầu hằn

rõ một vệt lõm màu trắng, sau đó lớp da trên chỗ lõm dần dần phồng lên thành vết phỏng dạ và chỗ ngón tay nó ấn vào, máu màu đất tụ lại rất lâu.

Lớp da - giống vỏ quả anh đào héo, ở hai tai, mũi, hai gò má và cằm Aliôsa căng banh ra. Đôi mắt hõm sâu nom như hai cái hố trũng rỗng. Aliôsa mới mười bốn tuổi. Đã năm tháng nay nó không nhìn thấy mẩu bánh mì. Người Aliôsa phù ra vì đói.

Vào một buổi sớm tinh mơ, khi những cây táo dại đang trổ hoa toả mùi thơm ngào ngạt như mật bên hành giậu, khi đàn ong đang say sưa chuếnh choáng trên những khóm hoa vàng và ban mai đượm sương đêm lặng lẽ trong sáng, thì Aliôsa bước loạng choạng trước gió, cố lê đến cái rãnh, vừa rên rỉ vừa loay hoay mãi mới trèo qua được, rồi ngồi bệt xuống cạnh bờ giậu ướt đẫm sương. Một niềm vui sướng khiến đầu Aliôsa choáng váng một cách khoan khoái, còn bụng thì cồn cào. Đầu nó choáng váng khoan khoái vì bên cạnh đôi chân xanh xanh bất động của Aliôsa, nằm phơi ra một cái xác ngựa con, còn nóng ấm.

Con ngựa cái nhà háng xóm sắp trở dạ đẻ. Chủ nhà không ngó ngàng gì đến nó, và trên đường đến nơi chăn, một con bò đực trong bản đã húc đôi sừng cong vào cái bụng xệ của con ngựa cái - làm nó đẻ rơi. Con ngựa còn nóng ấm, máu còn tươi hôi hổi, nằm bên bờ giậu, Aliôsa ngồi cạnh, chống hai bàn tay xương xẩu xuống đất và nó cười mãi, cười mãi...

Aliôsa định nhấc cả thân con ngựa con lên, nhưng không nổi. Nó trở về nhà, lấy dao. Trong lúc Aliôsa đang

đi lại bờ giậu, thì ở chỗ con ngựa con nằm, một đàn chó đã bâu quanh, tranh nhau lôi cái miếng thịt đỏ lòm trên nền đất bụi. Cái mồm méo xệch của Aliôsa thét lên: "À... à... à..." Vừa ngã đúi dụi, nó vừa vung dao, xông thẳng tới đàn chó. Nó nhặt nhạnh vun thành đống tất cả những miếng thịt ngựa, cho đến khúc ruột non cuối cùng, chia làm đôi, khệ nệ bê từng phần một về nhà.

Tối đến, sau khi ăn no nê thứ thịt to thớ ấy, đứa em gái mắt đen của Aliôsa lăn ra chết.

Bà mẹ nằm phủ phục hồi lâu trên nền đất, sau đó bà đứng dậy, quay lại phía Aliôsa, mấp máy cặp môi xám ngoét:

- Con đỡ lấy hai chân...

Hai mẹ con khiêng đi. Aliôsa cầm hai chân, bà mẹ đỡ cái đầu nhỏ tóc xoăn, khiêng ra cái rãnh ở phía sau vườn, rồi phủ lên một lớp đất mỏng.

Hôm sau, thằng bé hàng xóm gặp Aliôsa đang đi thất thểu trong ngõ, nó vừa nói vừa ngoáy mũi và nhìn đi chỗ khác:

- Liôsa, con ngựa cái nhà tao đẻ rơi, con nó bị lũ chó xơi rồi!

Aliôsa tựa lưng vào cánh cổng, lặng thinh.

- Còn Nhiuratca nhà mày ở ngoài rãnh cũng bị lũ chó bới lên và moi ruột ra ăn rồi...

Aliôsa quay mặt đi rồi im lặng bước thẳng, không ngoái cổ lại.

Thằng bé vừa nhảy lò cò vừa réo với theo.

- Mẹ tao bảo những ai chết không được cha cố rửa tội và không chôn ngoài nghĩa địa, sẽ bị ma quỉ âm ti hành hạ đấy!... Liôsa, nghe rõ chưa?

Một tuần qua. Lợi của Aliôsa bị viêm thối. Sáng sáng, khi bụng đói cồn cào, nó gặm vỏ cây d ứ nhựa, những chiếc răng trong miệng nó cứ lung lay, nhảy múa, còn cổ họng thì thít lại vì co giật.

Bà mẹ đã ba ngày đêm nằm liệt giường, thều thào bảo Aliôsa:

- Aliôsa... con ra vườn hái ít nấm sữa đi.

Đôi chân Aliôsa như hai cọng cỏ: nó nhìn đôi chân với vẻ nghi ngại rồi nằm ngửa ra, kéo cái giọng lè nhè vì hai hàm răng đau buốt.

- Mẹ ơi, con không ra nổi đến vườn đâu... Gió thổi con ngã mất

Cũng ngày hôm đó Pônka, chị của Aliôsa, rình đến lúc mụ hàng xóm giàu có, tục gọi là Macatrikhia đi ra ngoài sông làm cỏ vườn rau, nó đưa mắt nhìn theo chiếc khăn vuông màu vàng thấp thoáng trong khu vườn, đoạn trèo qua cửa sổ vào nhà mụ ta. Nó bắc chiếc ghế dài leo lên bếp lò, ghé mồm vào miệng nồi gang húp món xúp suông và thò tay vào vét khoai tây. Ăn uống no nê, nó lăn kềnh ra ngủ - đầu rúc vào bếp lò, còn chân gác lên ghế dài. Đến bữa ăn trưa, mụ Macatrikha - một mụ đàn bà khoẻ mạnh và độc ác - trở về nhà. Nhìn thấy Pônka, mụ rít lên, một tay túm lấy mớ tóc rối, còn tay kia nắm chiếc bàn là

sắt, lẳng lặng quật vào đầu, vào mặt, vào bộ ngực nhỏ lép kẹp của con bé.

Từ sân nhà mình, Aliôsa nhìn thấy Macatrikha mắt ngó quanh, nắm hai chân Pônka lôi xềnh xệch xuống dưới thềm. Gấu cái váy thảm hại của Pônka tốc lên quá đầu, còn đám tóc dài quét bụi trong sân và quệt lên mặt đất một vệt máu dài.

Qua khe hở hàng giậu, Aliôsa trừng trừng nhìn mụ Macatrikha đang ném Pônka xuống cái giếng đã sụt từ lâu rồi vội vàng lấp đất lên.

Ban đêm, trong vườn phảng phất mùi hơi đất ẩm ướt, mùi hoa tầm ma và mùi ngây ngất của loài cỏ chó. Rặng ngưu bàng muôn thuở đứng canh gác con đường nhỏ ven bờ giậu đổ nát. Giữa đêm, Aliôsa đi ra vườn, ngắm nhìn hồi lâu sân nhà mụ Macatrikha, nhìn những ô cửa sổ nhỏ lắp mica, nhìn ánh trăng hắt xuống đám cành lá loà xoà của khu vườn cây, rồi rón rén lần tới cổng sân nhà mụ ta. Con chó đực dưới gầm kho thóc kéo dây xích xủng xoảng và cất tiếng sủa.

- Xuyt!... Xêrơcô, Xêrơcô... - Aliôsa vểu môi huýt sáo miệng nựng chó, và con chó im bặt.

Aliôsa không đi vào lối cổng, mà leo qua bờ giậu, lò dò bò đến nhà hầm phía trên phủ đầy cỏ dại và cành cây. Nó vừa dỏng tai nghe ngóng vừa lích kích kéo xích móc cửa. Nhà hầm không khoá! Nâng nắp hầm lên, Aliôsa khom người bước xuống thang.

Aliôsa không nhìn thấy mụ Macatrikha từ trong bếp chạy bổ ra. Mụ ta vừa xốc lại chiếc áo, vừa nhảy xổ đến chiếc xe thổ mộ để ở giữa sân, rút trục bánh và chạy thẳng tới nhà hầm. Mụ thò cái đầu loà xoà của mụ xuống, còn Aliôsa thì nhắm đôi mắt mờ đục lại và lắng nghe tiếng trống ngực đánh dồn dập, nín thở tu sữa đựng trong bình.

- À ra mày, tổ sư con mẹ mày! Làm gì thế, hả đồ súc sinh?

Lập tức chiếc bình nặng tuột khỏi những ngón tay lạnh toát của Aliôsa và rơi xuống mép cầu thang, vỡ tan tành.

Mụ Macatrikha thu mình rơi phịch xuống nhà hầm...

Mụ túm vai Aliôsa nhấc bổng lên một cách nhẹ nhàng, môi mím chặt, lẳng lặng đi ra ngõ, men theo bờ giậu đến con sông nhỏ và quăng cái thân hình mềm nhũn xuống bãi lầy gần nước.

Hôm sau là ngày lễ Ba Ngôi. Trên nền nhà mụ Macatrikha rắc một loại cỏ thảo nguyên và cỏ thánh. Từ sáng mụ đã vắt sữa bò, thả bò theo đàn, lấy ra chiếc khăn trùm ngày lễ sặc sỡ vân hoa choàng lên đầu rồi sang gặp mẹ Aliôsa. Cửa buồng ngoài mở toang, từ trong căn phòng chưa quét dọn, mùi xác súc vật xông ra. Mụ bước vào nhà. Mẹ Aliôsa nằm trên giường, hai chân co quắp và bàn tay che mắt cho khỏi chói sáng. Macatrikha hối hả làm dấu trước bức ảnh thánh bám đầy bồ hóng.

- Bà vẫn khoẻ chứ, bà Anhiximôpna!

Im ắng. Miệng bà Anhiximôpna há hốc, méo xệch, những con ruồi bậu lốm đốm trên hai má và kêu vo ve ở trong miệng. Macatrikha bước tới bên giường.

- Bà sống còn dư dật lắm, hở bà chị... Còn tôi thì thật tình muốn sang hỏi xem bà có định bán nhà không? Bà cũng biết đấy - con gái tôi nó sắp lấy chồng, tôi muốn đón chàng con rể về đây... Bà ngủ à?

Mụ sờ vào tay - và rùng mình về cái lạnh rợn người. Mụ kêu lên một tiếng, ù té chạy khỏi xác chết, nhưng Aliôsa đã đứng ở trước cửa - người trắng bệch hơn phấn. Nó bíu chặt vào dầm cửa, mình bê bết máu và bùn sông.

- Cháu vẫn còn sống bác ạ... đừng giết cháu... từ nay cháu không dám thế nữa!

Trước lúc trời tối, Aliôsa len lén đi qua những con đường đầy bụi bốc lên như những tấm thảm cuộn tròn, qua quảng trường và hàng rào trơ trụi của nhà thờ. Nó gặp cha đạo ở cạnh trường học, dưới rặng cây keo. Cha đi từ nhà thờ ra, bước lom khom, tay xách túi bánh rán và thịt bò ướp. Aliôsa nhếch môi, cất giọng khàn khàn:

- Lạy chúa...

- Chúa sẽ ban phúc cho con!... và lưng vẫn khòm khòm, cha bước ngang qua mặt nó, hai chân vướng líu ríu vào vạt chiếc áo tụ sĩ.

Lúa mì chứa trong các vựa và kho xây gạch nằm cạnh bờ sông. Trong sân có ngôi nhà lợp mái tôn. Ban quản trị phòng thu mua của ty lương thực vùng sông Đông

số 32. Đầu chái nhà kho là bếp dã chiến, hai chiếc xe ba gác chở đạn, còn bên cạnh các vựa lúa có tiếng chân người và lấp loáng những ngọn lưỡi lê chưa lau chùi. Đó là đội bảo vệ.

Đợi đến khi người gác quay lưng, Aliôsa lẻn ngay xuống gầm vựa lúa (từ sáng, nó đã để ý thấy lúa mì từ trong các kẽ hở chảy rỉ ra thành một tia vàng). Nó lấy tay vốc những hạt lúa rắn cấc, nhai ngấu nghiến. Tiếng người ở phía sau làm nó sực tỉnh:

- Ai đấy?

- Em...

- Chú là ai?

- Aliôsa.

- Thôi, đi ra mau?

Aliôsa đứng lên, nheo mắt lại, giơ hai bàn tay lên che mặt, chờ cú đấm. Họ đứng hồi lâu... Rồi giọng nói cất lên hiền hoà:

- Aliôsa, đến chỗ anh đi! Anh có lúa đại mạch bung.

Aliôsa đã kịp để ý thấy cặp kính mờ đục trên sống mủi khoằm khoằm và nụ cười hoàn toàn không có vẻ gì giận dữ. Người đeo kính bước những bước dài như đi cà kheo, còn Aliôsa lẽo đẽo theo sau, liên tục vấp ngã. Trong nhà ban quản trị thu mua, ở cửa thứ hai bên phải hành lang có biển đề:

"Phòng chính uỷ Xinhixưn!"

Họ bước vào phòng. Người đeo kính thắp cây đèn nến, ngồi trên chiếc ghế đẩu, dang rộng hai chân, từ từ kề sát dưới mũi Aliôsa chiếc niêu đất đựng lúa đại mạch

bung và nửa chai dầu hướng dương. Anh ta ngắm nhìn hai gò má Aliôsa nhúc nhích và đôi quai hàm bạnh ra đang chuyển động. Rồi anh cầm niêu đất đứng dậy chìa những ngón tay đầy mụn cóc ra níu lấy miệng niêu. Nó cất tiếng sụt sịt, lắc lư cái đầu.

- Anh tham ăn, tiếc em à?

- Tiếc cái gì, chú mày ngu lắm: chú ăn no căng rốn rồi chết vì bội thực mất!

Ngày hôm sau, mới tang tảng sáng, Aliôsa đã tới sân ban quản trị. Nó ngồi trên bậu cửa gẫy, hai hàm răng va vào nhau lập cập và chờ đến lúc mặt trời lên, khi cánh cửa có biển đề "Phòng chính uỷ Xinhixưn!" kêu cót két và người đeo kính xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Mặt trời đã vượt qua dãy nhà kho xây gạch, khi người đeo kính thức giấc. Anh ta bước ra thềm và nhăn nhăn sống mũi.

- Người chú có mùi thối, phải không Aliôsa?

- Em muốn ăn... - Aliôsa nói thều thào và nhìn cặp mục kỉnh từ dưới lên trên.

- Anh sẽ nấu cháo bây giờ... nhưng Aliôsa Papôvích, người chú vẫn có mùi thối đấy...

Aliôsa nói giọng thản nhiên và nghiêm trang:

- Mụ Macatrikha đã từng muốn giết em, còn bây giờ em thấy người nóng ran, trong đầu có dòi...

Người đeo kính tái mặt, hỏi lại:

- Người chú có dòi à?

- Ở trong đầu ấy !... Chúng cắn dữ lắm...

Aliôsa gỡ nhúm lá gai dầu đã mục vì thấm máu ở trên dầu, còn người đeo kính ghé mắt nhòm vào vết thương tròn miệng đã thối rữa. Nhìn thấy những cái đầu nhọn của đám dòi trắng ngọ nguậy trong mủ máu, anh kêu lên một tiếng não nuột, cúi gập người qua thềm cửa.

Aliôsa trở nên bạo dạn, nói:

- Anh ơi... anh lấy que khều chúng ra cho em rồi đổ dầu tây vào chỗ thủng ấy... Liệu dầu tây có làm chết dòi không anh?

Người đeo kính lấy đầu que nhọn khều những con dòi lầy nhầy từ vết thương ra, còn Aliôsa thì rên rỉ, ngọ nguậy đôi chân. Từ đấy, hai người bắt đầu thân nhau. Ngày nào Aliôsa cũng lò mò đến ban quản trị thu mua, xúc từng bát bột kiều mạch rang mà ăn, uống dầu hướng dương; nó ăn nhiều, ăn lấy ăn để và bao giờ cũng ngần ngại cảm thấy có đôi mắt tòm mò và trìu mến đang nhìn mình.

Phía sau bãi chăn bò, sau bức tường xanh của ruộng ngô, lá reo xào xạc, lúa đã trổ hết bông. Bông lúa phình ra, nảy những hạt non mập, ứ sữa. Hàng ngày Aliôsa dắt đàn ngựa của ban quản trị đi qua những cánh đồng lúa mì đến chăn ở thảo nguyên. Đàn ngựa không buộc chân được thả trên đám cỏ ngải đã cắt và bãi vũ mâu trắng bạc loà xoà lông râu, còn nó thì chui vào ruộng lúa. Những cây lúa mọc cao hơn hở nép sát vào nhau, nhường một khoảng trống, và Aliôsa gượng nhẹ ngả lưng, để không làm gẫy

nát lúa. Nó vừa nằm ngửa vừa vò bông lúa trong lòng bàn tay và cắn thóc thoả thích - những hạt thóc mềm mại, thơm nức, mọng sữa trắng chưa đông.

Một lần, Aliôsa lùa đàn ngựa đến chăn ở thảo nguyên. Hai tay chống nạnh, nó chạy vòng hồi lâu quanh con ngựa cái nhỏ bướng bỉnh và háu đá. Nó muốn gỡ những quả ngưu bàng gai trên bờm ngựa và rửa vết loét đã đóng vẩy khô trên da. Con ngựa cái nhe hàm răng đen thui, lăm le chực cắn hay đá hậu. Aliôsa vẫn tìm được cách tóm đuôi nó, nhưng ngay khi đó có tiếng nói ở phía sau:

- Này, Aliôsa!... thôi đừng hành tội nó nữa. Đến làm giúp ta đi! Ta sẽ cho ăn uống và sắm giầy đẹp cho.

Aliôsa buông đuôi ngựa, ngoảnh nhìn lại. Gã nhà giàu trong bản - Ivan Alếchxêép - đang mỉm cười, nhìn Aliôsa.

- Mày nói đi, có đến làm công không nào? Thức ăn của tao phải nói là ngon, có sữa, có đủ thứ...

Không cần đắn đo suy nghĩ, Aliôsa vui mừng vì có công ăn việc làm và có bánh mì, trả lời ngay:

- Cháu xin đến, bác Ivan Alếchxêép ạ.

- Vậy chiều nay mày đem theo áo quần đến nhé!

Đoạn Ivan Alếchxêép đi khỏi, thấp thoáng chiếc áo bạc màu trên nương ngô.

Thằng bé chẳng có gì che thân. Cũng không có họ hàng thân thích. Gia sản chỉ còn trơ những hòn đá, còn túp lều và sân thì trước khi chết bà mẹ đã bán cho bà con hàng xóm cả rồi: túp lều được chín đấu bột, chái nhà kho - đổi lấy kê đã xay, vườn bán cho mụ Macatrikha lấy một vại sữa. Tài sản của Aliôsa vẻn vẹn có chiếc áo thung bằng

vải gai của bố và đôi bốt nỉ rách của mẹ. Đàn ngựa từ bãi chăn trở về chuồng, còn Aliôsa chạy thẳng đến sân nhà Ivan Alếchxêép. Bên cạnh bếp, bà chủ trải một tấm vải gai nhà dệt, cả nhà ngồi quây quần dưới đất ăn chiều. Mùi thịt cừu hầm cứ sục lên mũi Aliôsa. Nó nuốt nước bọt, đến đứng gần đó, tay vò vò chiếc mũ lưỡi trai, bụng bảo dạ: "giá được bà chủ bảo ngồi xuống ăn nhỉ..." Nhưng đâu có chuyện ấy. Mụ ta gào lên tru tréo như lệnh vỡ.

- Gớm nhỉ, ông dẫn thằng phải gió này về đấy hả! Nó sẽ ăn hại nhiều hơn là làm việc. Thôi ông Alếchxêép, hãy tống khứ nó ngay đi cho! Thời buổi này ngữ ấy làm được quái gì!

- Bà im cái mồm đi! Không việc gì đến bà - Ivan Alếchxêép nói vậy, lấy ống tay áo quệt chòm râu.

Câu chuyện dừng lại ở đó.

Không phải lần đầu tiên Aliôsa đi làm. Nó gống bố nó - tỉ mẩn trong công việc, từ bảy tuổi đã chăn bò và đã từng vặn đuôi những con bò đực.

Sống ở đây được ba ngày, nó đã quen việc, cùng cô con dâu nhà chủ đến làm ở nơi xay lúa, đánh những đống cỏ khô trên bãi cát. Đêm thì ngủ dưới mái che chái nhà kho. Ngay đêm đầu tiên, ông chủ đã xuống nhà kho, mồm nói sực mùi hành hôi:

- Này quân chó đẻ, hễ mày hút thuốc ở đây, tao sẽ tự vặn gẫy cổ mày ra ! Cấm hút, rõ chưa !

- Cháu không hút đâu ạ.

- Liệu thần hồn đấy !...

Ông ta đi khỏi, còn Aliôsa không sao ngủ được. Rồi đêm sau cũng như vậy. Công việc đồng áng làm chân tay

nó nhức nhối, lưng đau như kim châm và không sao chợp mắt nổi. Đến ngày thứ ba - từ sáng tinh mơ - nó đã chạy tới ban quản trị. Đồng chí đeo kính đang rửa mặt ở ngoài thềm, miệng ừ hự và thở phì phì.

- Aliôsa, bấy lâu chú mất mặt, đi đâu?

- Em đi làm thuê.

- Làm cho ai?

- Cho ông Ivan Alếchxêép ở ngoài làng.

- Tối chú em lại đây nhé. Ta sẽ nói về việc này.

Tối đến, Aliôsa cho gia súc uống nước xong xuôi, rồi đi đến ban quản trị. Đồng chí đeo kính đang lục lọi giữa đống sách.

- Chú biết chữ không. Aliôsa?

- Em đã học trường dòng. Em biết ký tên nữa.

- Chú đi theo anh!

Hai người đi dọc theo hành lang. Trên cánh cửa ở cuối hành lang có hàng chữ ghi bằng phấn - Aliôsa cố đoán ra: Câu lạc bộ Đ.T.N.C.S.N. Thật là hay và khó hiểu. Đồng chí đeo kính bước vào, Aliôsa rụt rè theo sau. Trong căn phòng nhỏ treo những tấm ảnh, lá cờ đỏ đã bạc màu, nó gặp một số thanh niên quen biết. Họ đang đọc một cuốn sách nhỏ, liếc nhìn ra khi nghe tiếng cửa cót két, rồi lại ngả đầu trên mặt bàn nghe đọc sách. Aliôsa cũng lắng tai nghe. Họ đọc về việc các gia chủ phải thuê mướn người làm công như thế nào và về nhiều điều khác nữa. Aliôsa từ câu lạc bộ trở về lúc nửa đêm. Nó nằm thao thức mãi trong chiếc áo vải gai rách. Ánh trăng lưỡi liềm dai dẳng dọi vào đôi mắt nó đến tận sáng.

Ivan Alếchxêép nói với Aliôsa:

- Mày liệu hồn đấy, quân chó đẻ, phải làm việc luôn tay, rõ chưa!... Hễ ông thấy mày làm ăn chểnh mảng, ông sẽ tống cổ khỏi nhà ngay tức khắc! Thôi xéo đi mà chết dấp, chết dúi ở ngoài đường ấy!...

Aliôsa hết chạy đến nơi cắt cỏ, lại tới sân đập lúa, hay dọn dẹp chuồng ngựa, còn Ivan Alếchxêép thì hai tay thủ sau chiếc đai lưng rộng xù lông, vừa đi đi lại lại trong sân vừa nhếch mép cười khẩy.

Có lần, nhân ngày lễ, người hàng xóm mời hắn sang chơi.

- Ông Ivan Alếchxêép, ông vẫn khoẻ chứ!

- Nhờ trời tôi vẫn khoẻ.

- Ông mất hết lương tâm rồi sao?

- Có chuyện gì vậy?

- Chuyện là ông xử sự không phải đạo... Cái thằng nhỏ Aliôsa bên ông làm việc như trâu ngựa... ông làm thằng bé kiệt sức mất. Ông có tội đấy!

- Thôi ông hãy lo công việc nhà ông, đừng nhòm ngó đến nhà người khác; mà nói chung ông hãy xéo đi cho khuất mắt! Hắn quay lưng lại phía người hàng xóm, bước đi chễm chệ và ngúng nguẩy, tới đầu chái nhà kho hắn rẽ ngoặt, nghiến chặt chòm râu giữa hai hàm răng to, vàng khè, cất tiếng chửi đổng, và nỗi căm tức ngấm ngầm này đối với người láng giềng, hắn ghi nhớ mãi tận đáy lòng.

Từ đó, hắn giở mặt trả thù người hàng xóm nghèo không có ngựa: hắn đuổi con bò con khỏi ruộng lúa mì của mình, cột nó và bắt nhịn đói hai ngày đêm, còn Aliôsa, hắn bắt làm việc cật lực hơn và cứ mỗi sơ xuất nhỏ hắn cũng đánh đập tàn tệ.

Aliôsa muốn kêu với đồng chí đeo kính, nhưng lại sợ Ivan Alếchxéép biết, sẽ đuổi nó. Nó đành im lặng. Đêm đêm - những đêm ngắn ngủi và ngột ngạt nằm dưới mái che chái nhà kho, nó để những giọt nước mắt đắng cay thấm ướt gối và tối đến, bao giờ cũng vậy, hễ lùa đàn ngựa đi uống nước về chuồng xong, là nó lại băng qua sân đập lúa, lén lút men theo các hàng giậu chạy đến câu lạc bộ. Ngày nào nó cũng gặp đồng chí đeo kính. Đồng chí đó mỉm cười, ngước nhìn Aliôsa từ phía trên cặp kính mờ đục và vỗ vỗ lưng nó. Một ngày chủ nhật, Aliôsa đến câu lac bộ từ lúc trời hãy còn sáng. Trong căn phòng nhỏ đông nghịt người. Ai cũng mang súng trường, còn đồng chí đeo kính thì đeo bao súng da có quai bện và một vật sáng loáng giống hình cái chai ở bên thắt lưng.

Nhìn thấy Aliôsa, anh mỉm cười, và bước lại gần.

- Bọn phỉ đã xâm nhập khu ta, Aliôsa ạ. Hễ chúng đánh chiếm bản - chú lại với các anh ngay bảo vệ câu lạc bộ nhé!

Aliôsa muốn hỏi cặn kẽ về công việc phải làm song đông người quá, nó thấy ngại. Sáng hôm sau, Aliôsa tra dầu vào máy cắt cỏ. Nó ngó vào bếp thấy lão chủ từ trong cửa bước ra. Aliôsa lạnh toát người: đôi mày của lão chủ cau có, lão ta vừa đi vừa nhổ râu. Dường như chẳng có gì

đáng sợ, nhưng Aliôsa vẫn cứ hãi chủ: lão dánh đập rất tàn ác. Lão ta bước tới gần chiếc máy cắt cỏ:

- Đêm mày hay đi đâu, hở thằng khốn kiếp?

Aliôsa im lặng. Hộp mỡ tra máy cắt cỏ ở tay nó cứ rung lên.

- Tao hỏi mày đi đâu?

- Cháu đến câu lạc bộ ạ...

- À... à... à... đến câu lạc bộ? Mả mẹ mày, còn cái này mày chưa được nếm mùi hả?

Quả dấm của lão chủ lông lá xồm xoàm, vàng khè và nặng như quả tạ. Y thụi vào gáy Aliôsa, khiến nó trẹo chân, ngã sấp ngực vào cánh chiếc máy cắt cỏ, nổ đom đóm mắt.

- Từ rày chừa cái thói la cà đi nhé!... Bằng không, xéo con mẹ mày ra khỏi nhà tao, để nó khỏi bị ô uế vì cái thần xác mày.

Vừa thấng ngựa vào máy cắt cỏ lão chủ vừa la hét:

- Tôi làm ơn làm phúc đem nó về đây, mà nó thì cứ đàn đúm với những quân chó đẻ kia; rồi sau này chính quyền khác lên, người ta sẽ làm tình làm tội tao vì mày, vì cái thằng đốn đời này, cho mà coi! Được, cứ đến đó đi, ông sẽ cho mày nhớ đời!

Hàm răng Aliôsa thưa và to, và trái tim Aliôsa đôn hậu, nó chưa hề bực tức ai bao giờ. Mẹ nó chả thường nói với nó:

- Ôi, Aliôsa, con sẽ khổ đấy, nếu mẹ chết đi. Lũ gà con cũng sẽ đến bới phân lên người con cho mà coi... Mày giống ai thế hở con? Bố mày chỉ vì cái tính của mình đã bị

đánh chết ở dưới mồ. Việc gì cũng nhúng tay vào, còn con bây giờ bị bọn trẻ ranh bắt nạt, khéo sau này chúng nó đánh chết con mất.

Trái tim Aliôsa đôn hậu, lẽ nào nó lại bực tức ông chủ, một khi lão nuôi nó?

Aliôsa đứng dậy, nghỉ tay một chút, nhưng lão chủ lại nện nó trận nữa - vì tội đánh đổ dầu, khi ngã phải máy cắt cỏ. Aliôsa mong trời chóng tối, nó ngả lưng trên tấm vải gai và rúc đầu dưới chiếc gối...

Aliôsa thức giấc trước bình minh. Bỗng có tiếng chân ngựa lộc cộc ngoài ngõ, rồi im bặt bên cạnh cổng. Tiếng vòng khoá cổng xép kêu loảng xoảng. Có tiếng chân người và tiếng gõ cửa sổ.

- Ông chủ ơi!... - có giọng nói thì thào.

Aliôsa lắng tai nghe: cánh cửa khẽ mở, Ivan Alếchxèép bước ra thềm. Họ rì rầm chuyện trò với nhau hồi lâu.

- Ông cho ngựa ăn một chút... - tiếng nói vẳng đến tận chái nhà kho.

Aliôsa ngóc đầu dậy, nhìn thấy hai người mặc áo dạ dài đang dắt những con ngựa thắng yên đi vào trong sân và buộc chúng ở ngoài thềm. Lão chủ cùng với một người trong bọn họ đi về phía nhà để lúa mới gặt. Đi qua chái nhà kho, ông ta nhòm dưới mái che, se sẽ hỏi:

- Aliôsa, mày ngủ đấy hả?

Aliôsa nín thở, cố dằn tiếng ngáy qua hai lỗ mũi, nhưng đầu vẫn ngóc lên lắng nghe.

- Thằng bé ở với tôi... không tin cậy nó được đâu...

Năm phút sau, cánh cửa nhà để lúa kêu cót két, lão chủ vác bó củi khô đi qua, người lạ mặt theo sau, xủng xoảng thanh kiếm và hai chân vướng vào vạt gấu áo dạ dài, Aliôsa nghe thấy giọng nói khàn khàn, thì thào:

- Chúng có súng máy không?

- Đào đâu ra!... Có hai trung đội hồng quân đóng ở trong sân ban quản trị... Thế thôi!... À, ở đó còn có tên chính uỷ và bọn cân thóc nữa.

- Giữa đêm mai chúng ta sẽ đến thăm bọn nó... tất cả tập trung trong rừng Cadiôn. Ta sẽ thịt gọn bọn chúng, nên đánh bất ngờ.

Con ngựa bỗng cất tiếng hí ở gần thềm, người mặc áo dạ dài thứ hai quát tháo một cách tức giận:

- Suyt, đồ khốn kiếp!...

Tiếng roi quất và tiếng chân ngựa đá cồng cộc.

Trước lúc trời sáng, trong bóng tối rạng dần, hai người cưỡi ngựa từ trong sân nhà lão Ivan Alếchxêép đi ra rồi phi nước kiệu theo con đường dẫn tới cánh rừng Cadiôn.

Buổi sáng, trong bữa điểm tâm, Aliôsa hầu như không ăn uống gì, nó ngồi, mặt cúi gầm. Lão chủ liếc nhìn nó với vẻ ngờ vực:

- Sao mày không ăn?

- Cháu nhức đầu.

Nó nóng lòng mong bữa ăn sáng chóng xong. Nó rón rén đi đến nhà chứa lúa, nhảy qua bờ giậu rồi ba chân bốn

cẳng chạy thẳng đến ban quản trị. Như luồng gió, nó chạy bổ vào phòng của đồng chí chính uỷ Xinhixưn, đóng xầm cửa lại và dừng ở bậu cửa, hai tay ôm ngực đang đập thình thình như trống làng.

- Chú từ đâu tới, Aliôsa?

Câu được câu mất, Aliôsa kể lại về những người khách đêm qua, về câu chuyện đứt quảng nó nghe được. Đồng chí đeo kính theo dõi chăm chú không bỏ sót một lời nào, sau đó anh đứng dậy, dịu dàng nói với Aliôsa:

- Chú ngồi đây tí nhé... - rồi bước ra khỏi phòng.

Suốt nửa giờ, Aliôsa ngồi trong phòng của đồng chí đeo kính. Trên cửa sổ, tiếng ong bò vẽ kêu vo ve một cách tức giận, những tia nắng lay động trên nền nhà. Nghe thấy tiếng nói chuyện ở ngoài sân, nó nhòm qua cửa sổ. Đứng bên thềm là đồng chí đeo kính và hai chiến sĩ hồng quân, còn lão chủ Ivan Alếchxêép đứng giữa. Chòm râu của lão ta rung rung và cặp môi run bắn lên:

- Vì tức giận nó nói với các ông thế đấy.

- Được, rồi xem...

Aliôsa chưa bao giờ nhìn thấy vẻ mặt của đồng chí đeo kính như lúc này: hai hàng lông mày nhíu liền lại trước sống mũi, đôi mắt dưới cặp kính ánh lên một cách dữ tợn. Anh mở then cửa trong nhà kho xây gạch, đứng tránh sang một bên và nói giọng nghiêm khắc với Ivan Alếchxêép:

- Vào đi!

Lão chủ của Aliôsa cúi gập người, bước vào nhà kho. Cánh cửa đóng lại sau lưng lão ta.

- Chú nhìn nhé: thế này, rồi thế này, sau đó, một hai, và vỏ đạn sẽ bắn ra. Băng đạn lắp vào đây...

Cò súng trường kêu lạch xạch dưới bàn tay đồng chí đeo kính. Anh ngước nhìn Aliôsa từ phía trên cặp kính và mỉm cười.

Chiều tà buông xuống bản tối như bưng. Các chiến sĩ hồng quân nằm rải thành hàng trên quảng trường cạnh hàng rào nhà thờ, Aliôsa nằm bên đồng chí đeo kính. Khẩu súng của Aliôsa có chiếc quai da thơm thơm và báng súng ướt sũng sương đêm.

Nửa đêm, ở ngoài ven bản, cạnh bãi tha ma có tiếng chó sủa, rồi tiếng sủa khác, tiếp đó tiếng chân ngựa chạy rầm rập và đều nhịp dội liên tục vào tai. Đồng chí đeo kính đứng quỳ gối, chĩa súng về phía cuối đường, hét to:

- Đạ...i đôi...i bắn!

Đo-ang! Tặc! Tặc! Tặc!

Tiếng vọng hốt hoảng ở phía sau hàng rào vang lên tới tấp: ằng - ằng - ằng!...

Aliôsa làm động tác một, hai, kéo cò súng, hất vỏ đạn ra ngoài và nghe thấy giọng hô khàn khàn: "Đại đội, bắn!"

Ở phía cuối con đường rộng có những tiếng chửi đổng, tiếng súng nổ, tiếng ngựa hí. Aliôsa lắng tai nghe - tiếng đạn réo nặng nề, buồn chán ngay trên đầu: chíu - chíu!...

Một phút sau, viên đạn khác xói vào hàng rào cao hơn đầu Aliôsa một ác sin[1], làm gạch bắn tung toé xuống

---

[1] *Đơn vị đo chiều dài của Nga bằng 0,71m.*

người nó. Phía cuối đường, tiếng súng thưa dần và tiếng chân ngựa chạy hỗn loạn xa dần. Đồng chí đeo kính đứng bật dậy, hét to:

- Theo tôi!

Một người lao theo. Miệng Aliôsa đắng khô, tim nhảy tung trong lồng ngực. Ở cuối đường, đồng chí đeo kính vấp phải con ngựa chết, ngã bổ nhào. Aliôsa chạy bên cạnh anh, nhìn thấy hai tên ở phía trước nhảy qua hàng rào và chạy trong sân. Cánh cửa đóng sập lại. Tiếng then cửa kêu lạch cạch.

- Chúng nó kia kìa! Hai thằng chạy vào nhà rồi! - Aliôsa kêu lên.

Đồng chí đeo kính chân khập khiễng đã đuổi kịp Aliôsa. Mọi người vây chặt quanh sân. Các chiến sĩ hồng quân nằm phục dầy đặc ở phía sau hàng rào bãi tha ma, trong vườn, sau những bụi cây phúc bồn tử ướt sương đêm, họ dán mình sát lòng rãnh. Ban đầu chúng bắn ra từ trong nhà, từ các cửa sổ bịt kín bằng những chiếc gối, tiếng súng đì đoàng xen lẫn tiếng chửi đổng khàn khàn và tiếng nức nở sau đó tất cả hoàn toàn im ắng.

Đồng chí đeo kính và Aliôsa nằm cạnh nhau. Trước lúc trời sáng, khi bóng tối ẩm ướt cuộn lên toả khắp khu vườn, đồng chí đeo kính, không ngẩng đầu, hét lớn:

- Ề! Tất cả bọn trong kia ra hàng đi! Nếu không, chúng tao sẽ ném lựu đạn!

Từ trong nhà xả ra hai phát súng. Đồng chí đeo kính hất tay:

- Nhằm các cửa sổ, bắn!...

Một loạt đạn nổ đanh đanh, ròn rã. Tiếp theo loạt khác, loạt khác. Nấp sau những bức tường đất nhồi rơm, hai tên kia chạy từ cửa sổ này sang cửa sổ khác, bắn ra thưa thớt.

- Aliôsa, chú nhỏ người hơn anh, chú hãy bò theo rãnh đến chái nhà kho, quăng lựu đạn vào cửa. Không làm thế thì còn lâu mới bắt được chúng. Chú giật cái chốt tròn này ra nhé, rồi ném ngay, kẻo toi mạng đấy!

Đồng chí đeo kính tháo ở thắt lưng ra một vật giống cái chai. Anh đưa cho Aliôsa. Aliôsa rạp người sát mặt đất ẩm ướt. Phía trên rãnh, đạn phạt cụt đám cỏ dại, làm bắn tung toé những giọt sương giá lạnh xuống người nó. Nó bò đến chái nhà kho, giật chốt, nhằm thẳng về phía cửa, nhưng bỗng cánh cửa kêu cót két, rung chuyển và mở toang. Hai người bước ra khỏi bậu cửa. Tên đi trước bên trên tay một em bé gái trạc bốn tuổi, trong ánh sáng lờ mờ buổi tinh mơ, nhìn rõ tấm áo nhỏ bằng vải gai trắng toát. Tên thứ hai mặc chiếc quần Kadắc rộng ống rách bươm, bê bết máu. Hắn đứng, cúi đầu nghẹo sang một bên, tay vịn vào dầm cửa.

- Chúng tôi ra hàng! Không được bắn! Các ông sẽ giết chết đứa bé này!

Aliôsa nhìn thấy một người đàn bà từ trong nhà chạy thốc ra cửa, vừa la hét và chắp tay phía trên đầu, vừa lấy thân che cho con bé; nó ngoái nhìn lại đằng sau - đồng chí đeo kính quì nhỏm dậy, sắc mặt anh ta trắng bệch hơn phấn; nó ngó nhìn quanh.

Aliôsa hiểu, nó phải làm gì. Hàm răng Aliôsa to và thưa, mà răng thưa thì tốt bụng. Mẹ Aliôsa thường nói

như vậy. Nó nằm sấp lên quả lựu đạn sáng loáng nom giống như cái chai, hai tay ôm mặt...

Nhưng đồng chí đeo kính đã chạy vụt đến chỗ Aliôsa, lấy chân đá hất nó sang một bên, miệng méo xệch, trong khoảnh khắc, anh giật lấy quả lựu đạn, quăng ra xa. Một giây sau, một cột lửa toé lên ở phía trên khu vườn, Aliôsa nghe thấy tiếng nổ rền, tiếng rên của đồng chí đeo kính và cảm thấy có chất gì mùi khét lẹt như diêm sinh đang thiêu cháy lồng ngực nó, còn đôi mắt thì bị một màn gai nhọn dày đặc che kín.

Khi Aliôsa tỉnh dậy, nó nhìn thấy ở phía trên mình khuôn mặt xanh xao vì những đêm mất ngủ của đồng chí đeo kính.

Aliôsa muốn nhấc đầu dậy, nhưng ngực đau nhói, nó rên lên một tiếng và nhoẻn miệng cười.

- Em còn sống... không chết...

- Và chú sẽ không chết đâu, Aliôsa ạ! Bây giờ thì chú không thể chết được. Chú xem đây!

Trong tay đồng chí đeo kính là tấm thẻ có ghi số hiệu, anh áp nó sát tận mắt Aliôsa, đọc:

- Papôp Alêchxây - đoàn viên ĐTNCSN... Rõ rồi chứ, Aliôsa? Mảnh lựu đạn găm cách tim của chú gần hai phân. Còn bây giờ bọn anh đã chữa chạy cho chú khỏi, rồi tim chú cứ tiếp tục đập đi, để mà phục vụ cho chính quyền công nông.

Đồng chí đeo kính siết chặt tay Aliôsa, còn Aliôsa nhìn thấy dưới cặp kính mờ đục, lấm tấm mồ hôi, những gì trước đó nó chưa từng thấy: hai giọt nước mắt nhỏ long lanh và một nụ cười méo xệch, mấp máy.

1925

TRẦN VĨNH PHÚC *dịch*

Con đường

PHẦN MỘT

I

Con đường cái Ghếtman chạy dài giữa thảo nguyên dọc sông Đông ra tận biển. Tả ngạn là vùng đồi cát sông Đông thoai thoải, màn sương xanh úa của những cánh đồng cỏ trũng nước, đây đó lấp loáng những mặt hồ trắng bạc không tên; hữu ngạn là những triền núi trọc âm u, còn phía sau những triền núi đó, sau rìa đường cái Ghếtman lờ mờ sương khói và dãy đồi mộ thâm thấp nằm canh gác ven đường là những con ngòi, những bản, thôn Kadắc lớn nhỏ của thảo nguyên và biển cây vũ mâu lông mao trắng bạc.

Mùa thu năm nay đến sớm vặt trụi thảo nguyên, phá ra những đợt sương lạnh buốt.

Sáng sớm, vừa phân loại len trong phòng kéo sợ, ông bố vừa nói với Pếtka:

- Con này, bây giờ thì không lo hết việc nhé! Mùa rét tới rồi, các cô gái Kadắc thì tuốt chải len, còn công việc của bố con ta là vuốt sợi và xắn tay áo cho cao, kẻo mướt mồ hôi đấy!

Ông bố hơi ngẩng đầu lên, mỉm cười, cặp mắt xám bạc phếch nheo lại, những nếp nhăn khắc sâu, đen sạm, hằn trên má lởm chởm những sợi râu xám tro cứng như rễ tre.

Pếtka ngồi trên bàn, đẽo khuôn giày; nhìn nụ cười đang tắt trên khuôn mặt mệt mỏi của bố, anh lặng thinh.

Trong phòng kéo sợi ngột ngạt đến nôn nao, nước từ trên trần nhà dốc nghiêng rỉ xuống từng giọt đều đều, đám ruồi bò trên tấm cửa sổ nhỏ bằng mi ca bê bết cứt ruồi. Nhìn qua cửa sổ đó, hàng rào phủ nhũ tuyết, khóm liễu và chiếc cần gầu giếng như được tô màu ngũ sắc mờ nhạt và phủ một lớp mốc xanh. Pếtka thoáng nhìn ra sân, rồi lại đưa mắt nhìn cái lưng gù để trần của bố; anh mấp máy môi, lẩm nhẩm đếm những gờ xương trên cột sống, ngắm hồi lâu đôi bả vai chuyển động và những nếp nhăn nổi cục trên làn da nhũn nhẽo ở lưng bố.

Những ngón tay sần sùi theo thói quen thoăn thoắt nhặt những cọng may, cọng gai và rơm rạ trong đống len sợi, và cái đầu bù xù cùng với bóng của nó in trên tường lắc lư theo nhịp tay chuyển động. Mùi len cừu hấp bốc lên nồng nồng, hăng gắt. Những giọt mồ hôi như những hạt

cườm lăn tăn trên khuôn mặt Pếtka, mỡ tóc ướt đẫm xoà xuống tận mắt. Anh đưa bàn tay lau trán, ném chiếc khuôn giày lên thành cửa sổ.

- Bố ơi, ăn trưa thôi chứ? Bố nhìn kìa, mặt trời lên cao chưa, sắp tới bữa trưa rồi.

- Ăn trưa à? Gượm đã... Mày xem này, bao nhiêu là cỏ may... Tao còng lưng với đống len sợi này suốt một tiếng đồng hồ rồi đấy.

Pếtka từ trên bàn tụt xuống, ngó vào bếp lò. Hơi lửa nóng hừng hực phả lên đôi má đầm đìa mồ hôi.

- Bố ơi, con bắc nồi xúp ra nhé. Bụng còn cào lắm, con đói rồi!

- Nào thì đem ra đây, tạm nghỉ tay vậy!

Hai bố con không mặc áo, ngồi vào ăn, nhẩn nha sì sụp món xúp rau trộn dầu thực vật!

Pếtka liếc nhìn bố, vừa nhai vừa nói:

- Bố gầy đi rồi đấy, cứ như bệnh tật làm bố héo mòn! Chẳng phải bố ăn bánh mì, mà bánh mì ăn bố đấy!

Ông bố mỉm cười, rung rung gò má:

- Mày kỳ lạ thật! Lại đi so với thằng bố mày à: tới ngày lễ thánh tao đã năm mươi bảy tuổi, còn mày mới hơn mười bảy. Tuổi già làm tao suy yếu, chứ đâu phải bệnh!... - Rồi ông thở dài:

- Giá như mẹ mày còn sống, được nhìn thấy con...

Hai bố con lặng thinh, lắng nghe tiếng đám ruồi bay lào rào. Ngoài sân, tiếng chó sủa dữ dội. Có tiếng chân người đi ngang qua cửa sổ. Cánh cửa mở toang đụng phải chiếc chậu gỗ ngâm sợi, và anh thợ rèn Xiđô đi giật lùi vào

trong căn nhà hầm. Anh ta không bỏ mũ, nhổ dánh toẹt xuống dưới chân.

- Gớm, nhà ta nuôi được cả chó đực kia đấy! Cái con phải gió ấy chẳng phải bạ chỗ nào cũng cắn, mà chỉ chực đớp phía trên đôi cẳng giò thôi.

- Nó biết anh tới lấy ủng dạ, nhưng ủng thì chưa xong, nên nó cắn chân anh đấy mà.

- Không phải tôi đến lấy ủng dạ đâu.

- Nếu không phải đến lấy ủng, thì mời anh ngồi lên chiếc thùng gỗ nhỏ này làm khách của nhà em.

- Mấy khi tôi đến chơi, vậy mà chú mời ngồi chỗ ướt thế này ư? Chú Pêtka, đừng có học cái thói hiểm của bố chú nhé!

Xiđô vừa cười tủm dưới bộ râu xồm vừa ngồi xổm bên cạnh cửa, xoè những ngón tay thẳng duỗn ra vân vê cuốn điếu thuốc lá hồi lâu, rồi vừa hút vừa chép miệng làu bàu:

- Thế bác không biết gì cả, hở bác Phôma?

Ông bố đang bốc sợ bỏ vào bao, lắc đầu, mỉm cười, nhưng ông để ý thấy cặp mứt Xiđô ánh lên một niềm vui xốn xang, ông liền cảnh giác ngay:

- Có chuyện gì vậy?

Khuôn mặt Xiđô lờ mờ qua làn khói thuốc, cặp môi cười chúm chím như miệng thỏ, đôi mắt đảo đi đảo lại dưới hai hàng lông mày trắng đầy vẻ phấn chấn và lo âu.

- Hồng quân đang dồn ép, tiến sát đến bên kia sông Đông rồi. Trong bản ta, chúng nó đang tính chuyện rút lui... Sớm nay, cháu đang lúi húi bên cái bễ lò rèn, thì nghe có tiếng bọn kỵ binh phóng ngựa trong ngõ. Cháu

ngó ra thấy chúng đang phóng về phía lều của cháu. "Anh thợ rèn có đây không?" - bọn nó hỏi. "Có" - cháu trả lời. "Đóng ngay móng ngựa! Làm nó chết, thì ăn đòn đấy!" Cháu bước ra khỏi lều và dĩ nhiên là người nhọ nhem những bụi than. Cháu thấy một thằng đại tá - theo quân hàm của nó - và một tên sĩ quan tuỳ tòng "Xin ngài thứ lỗi cho. - Cháu nói - Tôi thạo nghề của mình lắm chứ." Cháu đóng móng hai chân trước cho con ngựa cái của chúng, tay gõ búa, nhưng tai vẫn dỏng nghe. Bấy giờ cháu mới rõ là tình hình bọn chúng khốn đốn lắm rồi!

Xiđô nhổ bãi nước miếng, lấy chân giập điếu thuốc.

- Thôi, chào bác và chú em nhé! Rỗi rãi cháu sẽ lại chơi.

Cánh cửa đóng sập, hơi nước nghi ngút bên trên những bức tường đổ mồ hôi của căn phòng kéo sợi. Ông già lặng im hồi lâu, đoạn chùi tay, đi lại chỗ Pétka.

- Này, Pétka, thế là người của ta bấy lâu mỏi mắt trông chờ đã tới. Bọn kadắc sẽ chẳng còn thống trị được bao lâu nữa!

- Con sợ anh Xiđô huyên thuyên đấy thôi, bố ạ... Đã bao lần anh ấy báo tin cho bố con ta rằng Hồng quân sắp tới đến nơi rồi, nhưng quanh đây nào thấy tăm hơi họ đâu...

- Rồi sẽ đến ngày thấy tăm hơi họ, làm bọn kadắc chẳng kịp đánh hơi thấy nữa ấy chứ !

Ông lão nắm chặt quả đấm, tay nổi gân, làn da trên hai gò má kéo căng ửng lên màu hồng nhạt.

- Con ạ, bố con ta từ bé đã làm việc cho bọn nhà giàu. Chúng sống trong các ngôi nhà do bàn tay người khác xây

dựng nên, ăn bánh mì thấm mồ hôi của kẻ khác, còn bây giờ thì xin mời cứ việc cuốn gói!

Tiếng ho khúc khắc bật ra từ trong cổ họng người bố. Lão phủi tay, cúi lom khom và áp hai bàn tay lên ngực, đứng hồi lâu trong góc nhà, cạnh chiếc thùng gỗ to, đoạn lão đưa vạt áo tạp dề lên chùi đôi môi đầy nước dãi màu hồng hồng và mỉm cười.

- Không ai đi theo hai con đường cả, con ạ! Bố con ta chỉ có một con đường, hãy đi theo nó, đừng đi quanh co cho đến lúc chết. Nếu ta sinh ra là thợ kéo sợi, thì ta phải ủng hộ chính quyền công nhân của mình!

Sợi dây len căng thẳng dưới mấy ngón tay ông lão ngân vang, rung lên những âm thanh lê thê. Bụi chăng kín cửa sổ như lưới mạng nhện. Mặt trời ló nhìn vào cửa sổ chốc lát, rồi hối hả lặn xế về phía chân trời.

II

Ngày hôm sau, tên sĩ quan cùng người gác trụ sở thôn đến phòng kéo sợi. Tên thiếu uý kadắc trẻ tuổi có bộ mặt phì phị, khẽ đập đập chiếc roi da trên đôi găng tay.

- Lão là Kremnhép Phôma phải không?

- Vâng, chính tôi.

- Thừa lệnh ông trưởng thôn và thủ trưởng ban quân nhu, tôi có nhiệm vụ thu của lão toàn bộ số ủng dạ đã làm xong. Lão để ủng ở đâu?

- Thưa ông, bố con tôi làm suốt một năm trời. Nếu các ông thu những đôi ủng đó, chúng tôi sẽ chết đói mất!

- Đó không phải việc của tôi! Tôi có nhiệm vụ tịch thu số ủng dạ. Anh em kadắc chúng tôi ngoài mặt trận đang phải đi chân dất. Tôi hỏi: lão để ủng ở đâu?

- Thưa ông thiếu uý! Chúng tôi đã đổ không phải mồ hôi, mà máu vì những đôi ủng ấy! Đó là nguồn sống của chúng tôi!

Nụ cười nham hiểm, như con sên lãi, bò trên đôi má đầy trứng cá của tên thiếu uý. Những chiếc răng vàng ánh lên dưới bộ râu.

- Người ta bảo mày là bônsêvích phải không? Vậy mày muốn gì? Bọn đỏ tới đây, chúng nó sẽ trả tiền công những đôi ủng ấy cho mày!

Hắn vừa hút điếu thuốc lá vừa lách cách đôi cựa giày, bước tới góc nhà, cầm cán roi gẩy gẩy tấm vải gai.

- À - hả, ta sẽ tịch thu đống ủng này! Suxtrốp đâu, hãy nhặt lấy đem ra sân, xe ngựa sẽ tới bây giờ.

Ông bố và Pếtka đứng kề vai nhau, lấy thân che đống ủng dạ xếp trong góc nhà.

Tên thiếu uý tức điên lên, mặt đỏ gay; cặp môi run rẩy của hắn để sùi những tia nước bọt nóng ấm, song tự kiềm chế được, hắn cất giọng khàn khàn:

- Ngày mai tao sẽ nói chuyện với mày cách khác khi người ta lôi cổ mày, đồ chó già, ra trước toà án quân sự dã chiến!

Hắn đẩy bác thợ kéo sợi ra một bên, lấy hai chân đá những chiếc ủng dạ đã được là ép và phơi khô ra phía bậu cửa. Tên gác trụ sở thôn ôm những chiếc ủng quăng qua cửa phòng đang mở rộng.

Chiếc xe ngựa chạy lọc cọc phía sau hàng giậu, dừng lại bên cạnh cổng. Đống ủng trong góc nhà, bị lấy đi hết đôi này đến đôi khác, vợi dần. Ông lão lặng thinh, nhưng đến khi tên gác trụ sở thôn tiện tay với cả đôi ủng dạ cũ màu trắng của lão để trên bếp lò, thì lão bước lại gần y và bất ngờ bằng cánh tay trở nên cứng cỏi đẩy y vào sát bếp... Tên gác trụ sở có bộ mặt rỗ hoa và đần độn giẫy ra - chiếc áo cũ rách toạc ở gần cổ - và không vung tay, y đấm vào mặt lão.

Pếtka kêu thét lên một tiếng, lao lại chỗ bố, nhưng chưa kịp chạy tới anh đã bị một cú giáng mạnh bằng chuôi súng ngắn vào thái dương, ngã sóng soài.

Tên thiếu uý trợn trừng đôi mắt đỏ ngầu, nhảy bổ đến chỗ người thợ già kéo sợi, quất vun vút vào má lão.

- Chém chết nó đi, Suxtrốp! Ta chịu trách nhiệm! Cứ đánh đi, đù mẹ nó!

Tên gác trụ sở đưa tay phải lần thanh kiếm, tay trái hắn vẫn không buông đôi ủng da. Ông lão quỳ sụp xuống, đầu cúi gục, hai bả vai rung rung trên tấm lưng khô héo màu nâu. Tên gác trụ sở nhìn cái đầu hoa râm gục xuống đất, làn da nhũn nhẽo bó sát bộ xương sườn gầy guộc của ông già, rồi y vừa giật lùi vừa nhìn tên sĩ quan, bước ra khỏi nhà.

Tên thiếu uý giơ roi da quất ông lão, miệng chửi khản đặc, đứt quãng... Cây roi quất tới tấp xuống cái lưng gù, những vết lằn đỏ bầm sưng lên, da rách toác, máu rỉ thành những tia nhỏ và không một tiếng kêu, cái đầu bết máu của bác thợ kéo sợi gục thấp dần xuống nền đất...

Khi Pêtka tỉnh dậy, lão đảo đứng nhỏm dậy, thì trong phòng kéo sợi không còn ai. Làn gió lạnh thổi tới tấp đám lá thuỳ dương đã bạc màu vào cửa phòng mở toang, cuốn bụi bay tung, còn bên bậu cửa con chó cái nhà hàng xóm đang vội vã liếm nốt bãi máu đen lớn đã khô quánh.

III

Đường quốc lộ lớn chạy ngang qua bản.

Những ngả đường từ các thôn, các khu di dân Tavritran[1] và các bản mới lân cận gặp nhau ở quãng đầu mối ria bản, cạnh chòi canh. Những trung đoàn Kadắc, những đoàn xe ngựa thồ, những đội quân càn quét đều kéo qua bản lên mặt trận phía Bắc. Trên quảng trường lúc nào cũng có người. Cạnh trụ sở, những con ngựa mình đẫm mồ hôi của tốp người đưa thư đang gặm cỏ trong vườn hoa nhỏ đã ngả màu vàng hung vì nước mưa ở trước nhà. Các kho quân nhu và kho dạn pháo của quân đoàn Hai sông Đông được đặt trong những chuồng ngựa của bản.

Bọn lính gác đang cho đàn lợn béo múp ăn đồ hộp thiu. Trên quảng trường sặc mùi lá nguyệt quế và mùi thuốc của trạm quân y. Nhà tù cũng đặt tại đây. Những

---

[1] *Tên gọi những người Ukraina sống ở vùng sông Đông. Tổ tiên họ trước kia theo lệnh của Êkatêrina II từ các vùng phía Nam lân cận với Krưm (Tavria) phải di cư về đây.*

trấn song sắt gỉ được làm một cách vội vã. Cạnh cổng là đội tuần tra, chiếc xe nhà bếp đã chiến nằm chỏng gọng và buồng máy điện thoại.

Còn ở trong bản, trong các ngõ hẻm nhẵn thín, dọc theo các hàng rào bằng cành cây khô, những trận gió thu thổi làm bạc màu vàng ố của đám lá phong và mớ sậy loà xoà dưới những mái nhà kho.

Pếtka đi tới nhà tù. Mấy tên lính gác đứng cạnh cổng.

- Này, thằng nhỏ, không được đến gần đây! Đứng lại, nghe thấy không?... Mày hỏi ai?

- Tôi muốn gặp bố tôi... Họ Kremnhép Phôma.

- Có đấy. Gượm đã, để tao còn hỏi thủ trưởng.

Tên lính gác đi vào chòi canh, lăn quả dưa hấu đã cắt một góc từ dưới mặt bàn ra, lấy lưỡi kiếm chậm rãi bổ một miếng ăn, vừa nhai rau ráu vừa phun những hạt dưa mầu nâu xám xuống chân Pếtka.

Pếtka đứng nhìn khuôn mặt xạm nắng màu đồng hun với cặp gò má cao, chờ tên lính gác ăn xong quả dưa. Hắn vung tay quăng cái núm dưa vào con lợn đang lắc lư đi qua, nghiêm nghị nhìn theo nó hồi lâu, rồi miệng vừa ngáp, tay vừa nhấc ống điện thoại.

- Có thằng nhỏ đến xin gặp Kremnhép Phôma. Ngài cho phép không ạ?

Pếtka nghe thấy giọng ai đó ồm ồm đang quát khản đặc trong ống nghe, nhưng không nghe rõ lời.

- Chờ đây, họ còn khám xét mày đã!

Một phút sau hai tên lính kadắc đi ra phía cổng.

- Ai đến gặp Kremnhép? Mày à? Giơ hai tay lên!

Họ lục soát các túi áo quần của Pếtka, nắn nắn chiếc mũ lưỡi trai rách và lớp vải lót áo vét.

- Tụt quần ra! Đồ khốn kiếp, mày xấu hổ à... Thế nào mày là con gái Đỏ à?

Cánh cổng đóng sập lại sau lưng Pếtka, tiếng then cài lạch cạch. Họ đi ngang những ô cửa sổ có chấn song sắt đến phòng giám ngục và từ trong mỗi khe cửa những cặp mắt màu khác nhau ló ra nhìn Pếtka.

Dãy hành lanh dài ngập ngụa mùi phân người và mùi ẩm mốc. Những bức tường đá đầy rêu xanh ẩm ướt và những cây nấm thối mục. Những cây đèn đĩa cháy tù mù. Tên lính gác đứng lại bên cạnh cửa ở cuối hành lang, giật chốt then cài, lấy chân đạp tung cánh cửa.

- Vào đi!

Pếtka vừa dò dẫm trên sàn nhà thủng lỗ chỗ vừa quờ tay ra đằng trước, đi về phía bức tường. Từ bên trên, ánh sáng xanh của một ngày thu chiếu dọi qua ô cửa sổ nhỏ xíu đục ngay dưới trần nhà.

- Pếtka? Con đấy à?

Giọng ông bố hổn hển, đứt quãng, như giọng người ốm đã lâu ngày. Pếtka lao về phía trước, bàn chân đất đụng phải tấm vải dạy ở trên sàn, anh ngồi thụp xuống và im lặng đưa hai tay ôm lấy cái đầu băng bó của bố.

Tên lính gác đúng tựa cánh cửa mở, tung nghịch chiếc quai kiếm da, miệng ngân nga bài hát "*Niềm đau thương*" sôi nổi.

Tiếng vang hãi hùng dội vào trần nhà hình vòm. Bố Pếtka nghẹn ngào, cất tiếng cười phấn chấn, còn Pếtka từ

dưới sàn nhìn lên. Qua ô cửa sổ tròn nhỏ, nom rõ những đám mây màu nâu xám đang cuồn cuộn trôi giữa khoảng trời khoáng đạt và dưới những đám mây đó, hai đàn sếu rạch nền trời, cất tiếng kêu vang như tiếng chuông đồng.

- Hai lần chúng gọi bố lên hỏi cung... Tên dự thẩm lấy hai chân dá bố, bắt bố ký vào tờ khai bằng chứng phạm tội, những tội mà bố chưa bao giờ làm cả. Khô-ông, Pêtka ạ, chúng đừng hòng moi được ở Kremnhép Phôma này lấy một lời ngu xuẩn! Mặc cho chúng nó bắn giết, có thể chúng mới được trả tiền công, còn bố sẽ không từ bỏ con đường đã vạch ra cho bố từ nhỏ đâu.

Pêtka nghe thấy giọng cười khàn khàn quen thuộc và anh vui vẻ phấn khởi nhìn vào khuôn mặt đen màu đất sưng húp vì những trận đòn.

- Thế bây giờ thì sao? Bố còn phải ngồi trong này lâu không, hở bố?

- Bố sẽ không ngồi đây nữa. Chúng nó sắp thả, hôm nay hoặc ngày mai thôi... Bọn chó đẻ ấy có thể đem bố ra bắn ngay, nhưng chúng sợ dân ở các thành phố khác sẽ bãi công... Mà điều ấy thì ôi chao, bọn chúng chẳng muốn tí nào!

- Chúng thả bố hẳn chứ?

- Không. Để cho có hình thức chúng sẽ mở phiên toà gồm các bô lão trong bản ta. Chúng sẽ xử bố tại cuộc họp đó... Lúc ấy sẽ rõ, cánh nào mạnh! Bây giờ thì chưa rõ mô tê ra sao...

Tên lính gác đứng cạnh cửa, bật những ngón tay kêu lách cách và vừa giậm chân vừa quát to:

- Này, ông già vui tính, đuổi cậu con trai về thôi! Hết giờ bố con ông gặp nhau hôm nay rồi!

IV

Trước lúc chiều tối, thằng bé hàng xóm chạy đến phòng kéo sợi tìm Pếtka.

- Anh Pếtka ơi!

- Gì thế?

- Anh ra mau chỗ họp đi! Người ta đang đánh chết bố anh ở ngoài quảng trường, cạnh trụ sở ấy!

Không kịp đội mũ, Pếtka chạy bổ đến quảng trường.

Anh chạy ba chân bốn cẳng theo con đường nhỏ ngoằn ngoèo, mép ven sông. Ở phía trước, dọc theo hàng rào liễu, thấp thoáng bóng chiếc áo màu hồng của thằng bé hàng xóm; gió thổi hất ngược mớ tóc vàng bị nắng hè nóng bỏng hun cháy, qua mỗi sân nó lại cất giọng the thé gọi í ới.

- Bà con ơi, hãy chạy ra quảng trường! Bọn Kadắc dang đánh chết bác thợ kéo sợi Phôma kia kìa!...

Đám trẻ nhỏ từ trong các cổng lớn cổng con chạy ùa ra, nện chân đất thình thịch, đều nhịp trên con đường nhỏ.

Khi Pếtka chạy tới gần trụ sở thì trên quảng trường không còn ai; dám người giải tán đã mất hút trong các ngõ và các đường phố.

Cạnh cổng nhà cố đạo, mụ chủ to béo đứng giơ bàn tay khum khum lên che mắt, nhìn Pếtka đang chạy. Tấm

khăn vuông chít buông thõng xuống chiếc áo váy hoa của mụ vợ cố đạo, nụ người tủm khó hiểu đọng lại trên đôi môi mỏng, nham hiểm. Mụ đứng nhìn theo Pếtka một lát, co chân lên gãi cái bụng chân béo múp, rung rung như miếng thịt đông, đoạn quay lưng đi vào trong nhà.

- Phêcơlusa, người ta đánh lão thợ kéo sợi ở đâu đấy?

- Con xin thề trước chúa! Dạ thưa bà, chính mắt con trông thấy người ta đã đánh lão ấy như thế nào ạ!... - Có tiếng chân chạy lạch bạch trên những bậc thềm. Cô gái nấu bếp chột mắt, khập khiễng chạy lại chỗ mụ vợ cố đạo đứng, múa tay, cất giọng the thé, liến thoắng: - Thưa bà lớn, con nom thấy họ dẫn lão già từ nhà tù ra nơi họp. Bà con Kadắc la ó ầm ĩ, mà lão ta thì cứ tỉnh bơ! Con chó đực già ấy vừa đi vừa cười gằn, toàn thân đen thui trông đến khiếp! Trước đó, lão ta đã bị các ông sĩ quan cho một chập rồi. Người ta dẫn lão đến thềm và bắt đầu đánh lão, con chỉ nghe thấy tiếng - vút!... vút!... - Còn lão già thì kêu la thất thanh, thế rồi người ta đánh lão chết ngay... người dùng xà beng, kẻ dùng thanh sắt, còn phần lớn họ lấy chân đá, giẫm lên lão.

Viên thư ký xã ngoáy mông ưỡn ẹo từ trên thềm trụ sở bước xuống.

- Ông Ivan Acxênhiêvich, ông lại đây tí đã!

Viên thư ký xốc lại chiếc quần bó ống rộng thùng thình, vừa ngắm nghía đôi mũi giày ủng được đánh chải sạch sẽ vừa thủng thẳng bước lại gần mụ vợ cố đạo. Còn cách chừng tám bước, anh ta đã ưỡn chiếc lưng gù về phía sau và cố gắng bắt chước ông đại tá quân nhu, vụng về đưa hai ngón tay lên vành mũ lưỡi trai.

- Chào bà Ana Xecghêlepna!

- Chào ông Ivan Acxênhiêvich! Các ông vừa giết ai đấy?

Viên thứ ký bĩu môi khinh bỉ:

- Anh em Kadắc vừa đánh chết lão thợ già kéo sợi Phôma vì nó theo bọn bônsêvích.

Mụ vợ cố đạo nhún đôi vai tròn lẳn, giọng rên rỉ:

- Chao ôi, khiếp quá! Vậy mà cả ông cũng nhúng tay vào việc giết người rồi ư?

- Vâng... biết trả lời bà thế nào bây giờ... Bà biết không, khi người ta bắt đầu đánh thằng già khốn kiếp ấy, thì nó vừa nằm dưới đất vừa kêu la: "Cứ đánh chết tao đi, tao không bỏ chính quyền Xô-viết!" - lúc đó tất nhiên là tôi dùng giày ủng cho hắn một cú - và tôi ân hận đã dúng vào chuyện này. Chỉ chuốc vào thân những điều không lấy gì làm lịch sự... tôi làm dây máu vào ủng, và quần...

- Tôi thật không tưởng tượng được ông lại là con người tàn ác đến vậy.

Mụ vợ cố đạo nheo mắt mỉm cười với viên thư ký công tử, còn ở bên thềm trụ sở, Pếtka ngồi thụp trên đống cát thấm ướt máu và lọt giữa đám trẻ áo quần màu sắc khác nhau, anh nhìn mãi cái xác bết máu cuộn tròn, không nhận ra hình thù gì nữa...

V

Đàn sếu bay qua trên bản, dội xuống mặt đất lạnh giá những tiếng kêu gọi đàn. Từ ô cửa sổ nhỏ của phòng kéo sợi, Pếtka nhìn ra ngoài hàng giờ không chớp mắt.

Anh thợ rèn Xiđô tìm đến phòng kéo sợi, nhìn thấy Pếtka đang xát những hạt ngô giữa hai viên gạch, anh ta thở dài:

- Ôi, chú em thân yêu, chú phải chịu biết bao đau khổ!... Nhưng không sao, chú đừng ngã lòng: anh em của ta sắp tới rồi, cuộc sống sẽ tốt hơn! Còn ngày mai chú đến chỗ tôi, tôi sẽ cho chú hai bơ bột ngô loại này.

Anh ta ngồi một lát, nhả làn khói thuốc lá vườn màu lam xám qua đôi môi thâm sì vì hút thuốc, nhổ bải nước bọt xuống cạnh bếp lò, rồi vừa thở dài vừa bỏ đi, không chào Pếtka.

Song cuộc sống của Pếtka chưa có gì khá khẩm hơn. Ngày hôm sau, trước lúc mặt trời lặn, Pếtka đi qua quảng trường; từ trong cổng nhà tù có hai tên lính Kadắc cưỡi ngựa đi ra, Xiđô mặc chiếc áo vải thô dài quá đầu gối đi giữa bọn chúng. Cổ áo mở phanh đến tận thắt lưng, để hở bộ ngực lông lá xoăn cứng.

Anh đi theo kịp Pếtka và chân không đều bước, anh quay đầu lại phía Pếtka:

- Họ đem tôi đi bắn đấy, chú Pếtka ạ, vĩnh biệt chú!

Anh ta khoát tay và khóc nấc lên...

Thời gian trôi như trong một giấc mơ nặng nề, ngột ngạt. Người Pếtka sinh chấy rận, những nốt mẩn rậm lông tơ mọc đầy trên đôi má vàng ệch, trông anh già hơn cái tuổi mười bảy.

Những chuỗi ngày sầu muộn, u ám, nối tiếp nhau trôi qua. Mỗi ngày qua đi sau bờ luỹ ven bản, cùng với ánh mặt trời dã tất, là hồng quân lại tiến về gần bản hơn; nỗi lo âu canh cánh trong lòng bọn Kadắc ngày một tăng.

Sáng sáng, khi đám phụ nữ đánh bò đi chăn, họ đã nghe rõ tiếng đại bác nổ phía sau cánh rừng Sêgôn. Tiếng súng ùng oàng rền vang phía trên những sân nhà nằm im lìm trong sương mờ xanh lục buổi sớm, đập vào những bức tường nhồi rơm của căn phòng kéo sợi, làm rung lật bật những ô cửa sổ lắp mi ca, Pếtka từ trên bếp lò tụt xuống, đi ra sân, nằm xuống mặt đất mới phủ một lớp băng mỏng, bên cạnh cây liễu già nhăn nheo và lắng nghe những loạt đại bác nổ làm cho đất phát ra những tiếng rên rỉ như tiếng ho khù khụ của ông già; còn ở phía sau đám thuỳ dương mọc thành cụm, những tiếng súng liên thanh nã xối xả, liên hồi, hoà lẫn với tiếng quạ kêu.

Hôm nay cũng vậy, Pếtka ra sân rất sớm, ghé sát tai xuống mặt đất băng giá, lắng nghe, toàn thân thấm cái lạnh thấu xương. Tiếng đại bác nổ uể oải, còn tiếng súng liên thanh vang lên sôi nổi, ròn rã, trầm trầm trong không khí giá lạnh:

- Tạch - tạch - tạch...

Ban đầu tiếng nổ thưa thớt, sau trở nên dồn dập hơn, phút chốc im ắng rồi lại nghe:

- Tạch - tạch - tạch...

Để hai đầu gối đỡ cóng, Pếtka kéo vạt áo khoác đặt dưới chân, nằm lại thoải mái hơn, nhưng từ phía sau hàng giậu có giọng nói khụt khịt nhỏ nhẹ:

- Chú mày nghe nhạc đấy à? Nhạc hay nhỉ...

Pếtka giật mình đánh thót, nhổm phắt dậy, còn cặp mắt của ông già dưới đôi lông mày sâu róm, cứ chằm chặp nhìn anh qua hàng giậu, nụ cười nhếch lắng đọng trong chòm râu đã ngả màu vàng.

Nghe giọng nói, Pếtka đoán ra lão Alếchxan mệnh danh là Độ tứ. Cố giữ cho giọng khỏi run, anh càu nhàu:

- Này ông lão, xin ông hãy đi việc ông cho! Chẳng bận gì đến ông đâu!...

- Chẳng bận gì đến lão đã đành, thế thì đó là việc của chú mày à?

- Này lão già, đừng có dính vào, tôi cho hòn đá này bây giờ, rồi lại kêu giời!

- Hắc xì dầu nhỉ! Làm gì mà ngậu xị lên thế! Thằng nhắng nhít, ta có thể cho chú mày ăn mấy gậy vì cái kiểu lễ độ đối với người già như thế đấy.

- Tôi không động đến lão, lão đừng có động đến tôi!

- Chú mày là con nít còn hơi sữa, biết cái gì, mà cũng ra cái điều hùng hổ!

Ông lão bíu cọc rào và nhẹ nhàng lao cái thân hình khô đét, gân guốc qua hàng giậu. Lão đi đến chỗ Pếtka, xốc lại hai ống quần sọc rách bươm, ngồi xuống bên cạnh.

- Có nghe tiếng súng liên thanh không?

- Ai muốn thì nghe, ai không muốn - thì không nghe.

- Vậy ta nghe cái xem nào!...

Pếtka liếc nhìn hồi lâu lão già đang nằm sấp sóng soài, rồi ngập ngừng nói:

- Nằm sau cây liễu nghe rất rõ.

- Thì ra sau cây liễu nghe vậy!

Lão bò lổm ngổm bốn chân ra phía sau cây liễu, giơ hai cánh tay giống như rễ cây ra ôm lấy những cái rễ trơ trụi màu nâu và nằm im lặng, bất động trong vài phút.

- Thú vị thật!... - Lão phủ đám nhũ tuyết bám ở đầu gối đứng nhổm dậy và quay mặt về phía Pếtka. - Này, chú mày, thế này nhé: ta có thể nhìn thấu tất cả xuyên qua lòng đất, còn chú mày thì thoáng một cái là ta thấy được chú đang muốn gì. Tiếng nhạc này ta có thể nghe vô cùng tận, nhưng ta cùng con trai ta chẳng nghĩ về chuyện đó đâu... Chú mày có biết thằng Jakốp nhà lão không? Nó bị bọn Kadắc ở bản ta đánh vì tội theo bọn bônsêvích ấy mà?

- Cháu biết.

- Vậy là lão với nó đã quyết định đi gặp Hồng quân, chứ không chờ họ tới đây!...

Ông lão ghé đầu xuống phía Pếtka , cọ chòm râu vào tai buồn buồn cất giọng thì thào, rầu rĩ:

- Chú mày ơi, lão thấy thương chú mày. Lão thương lắm đấy! Hãy cùng bọn ta đi khỏi đây, cần đếch gì cái tụi Đại quân sông Đông này! Đồng ý chứ?

- Không không nói phét đấy chứ?

- Chú mày còn con nít mà hỏi ta vớ vẩn thế ư! Nói năng thế là đáng ăn đòn đấy... Chỉ có chó cái mới sủa vu

vơ, chứ ta thì nói thật đấy. Ta chẳng cần kèo nhèo với chú làm gì, cứ ở lại đây, nếu chú mày muốn thế!

Đoạn lão đi lại phía hàng giậu, thấp thoáng hai ống quần kẻ sọc.

Pếtka đuổi theo, níu lấy tay áo lão.

- Ông ơi, chờ tí đã.

- Không chờ với đợi gì cả. Nếu chú mày muốn đi cùng bọn ta - bọn ta vui lòng, bằng không, bọn ta càng nhẹ thân

- Cháu đi với, ông ạ. Nhưng bao giờ?

- Chuyện đó bàn sau. Chiều nay chú lại chỗ bọn ta, và thằng Jakốp sẽ có mặt trên sân đập lúa.

VI

Alếchxan Đệ Tứ từ lâu vốn là một lão già bẩn tính khi say thì gàn dở, nhưng khi tỉnh lại là con người tuyệt vời. Không ai nhớ họ lão là gì. Đã lâu rồi, khi lão giải ngũ từ Ivanôvô-Vôđơnnhexenxki - nơi đại độ Kadắc đóng quân - trở về nhà, trong lúc ngà say, lão tuyên bố với các bô lão tại cuộc họp thôn:

- Các ông có hoàng đế Alếchxan đệ Tam, còn tôi thì tuy chẳng phải hoàng đế, nhưng cũng là Alếchxan đệ Tứ và tôi cóc cần hoàng đế của các ông !...

Chiếu theo quyết định của hội nghị thôn, người ta đã tước danh hiệu Kadắc và tịch thu phần ruộng của lão, cho lão năm chục roi ở ngay giữa sân chợ vì tội bất kính đối với tên tuổi của Hoàng thượng, còn câu chuyện kia họ quyết

định dập đi Nhưng Alếchxan Đệ Tứ thì vừa xốc lại quần vừa cúi rạp người, quay từ phía vái chào các bô lão trong bản, rồi cài nốt chiếc cúc cuối cùng, lão nói:

- Xin đa tạ quý cụ, có điều là cái việc quý cụ làm, thì tôi chả sợ chút nào!

Viên trưởng thôn gõ cây gậy chỉ huy của mình xuống đất:

- Nếu ngươi chả sợ thì cho ngươi thêm một trận nữa!

Sau trận đòn bổ sung, Alếchxan không nói năng gì nữa. Người ta khênh lão đưa về nhà, nhưng còn cái biệt hiệu Đệ Tứ thì lão mang theo suốt đời.

Pếtka đến nhà Alếchxan Đệ Tứ trước lúc chiều tối. Trong nhà vắng tanh. Ngoài thềm, một chú dê lông màu nâu xám đang gặm lõi bắp cải. Anh đi qua sân tới cổng nhà kho để lúa đang mở toang. Từ trong buồng vẳng ra giọng nói ngạt mũi của ông lão:

- Lại đây, chú mày!

Pếtka lại gần, cất tiếng chào, nhưng lão không nhìn anh: lão đang quì gối đục khía trên cái búa đá của máy đập lúa. Những mảnh đá xám và những tia lửa màu xanh lục nhạt bắn tung toé dưới đầu búa. Con trai lão, Jakốp, đứng bên máy quạt lúa, không ngẩng đầu lên, vẫn hì hục gõ cành cạch, dóng tấm tôn rách vào thành máy.

"Mùa đông đến nơi rồi, mà còn lo việc đồng áng làm gì nhỉ?" - Pếtka thầm nghĩ, còn ông lão gõ nhát búa cuối cùng, không nhìn lên Pếtka, nói:

- Bố con lão muốn để lại cho mấy bà ấy cái cơ ngơi tươm tất. Bà nhà lão đáo để lắm, hơi tí là la ó ỏm tỏi lên!

Kể ra lão có thể bỏ mặc thây mọi việc đấy mà đi, song lại e lắm điều ra tiếng vào. Bà ấy sẽ nói, đi đâu thì đi, cũng phải lo cho nhà cửa khỏi mốc rêu chứ!

Lão nheo mắt cười. Đoạn lão đứng dậy, vỗ vỗ vào cổ Pêtka, nói với Jakốp:

- Thôi dừng lạch cạch nữa, Jakốp! Nào, ta cùng chú con trai bác thợ kéo sợi bàn chuyện khác tí đã.

Jakốp nhè trong miệng ra lòng bàn tay những chiếc đinh nhỏ để đóng tấm tôn vào máy quạt lúa, đến gần Pêtka; nhếch miệng cười:

- Chào chú hồng quân!

- Chào anh Jakốp Alếchxanđrôvich!

- Thế nào, chú quyết định cùng đi với bọn ta chứ?

- Hôm qua em đã nói với bác Alếchxan là sẽ đi.

- Thế chưa đủ đâu... Cũng có thể nghĩ một cách ngu xuẩn rằng chỉ cần tập hợp giữa đêm tối, rồi từ biệt bản làng! Nhưng ta phải để lại đây một kỷ niệm gì về mình chứ. Chúng ta đã được bọn trong bản đối xử tốt bụng với ta quá nhiều rồi! Chúng nó đánh bố tôi, đánh tôi vì tội không chịu ra mặt trận, chúng nó đánh bố chú đến chết... Ôi, còn nói gì nữa.

Jakốp cúi sát xuống Pêtka, nhướng đôi mày sâu róm cong vòng, thì thào:

- Này, chú có biết chuyện bọn chúng, cái bọn học viên sĩ quan vô lại ấy, đã đặt kho đạn pháo ở các chuồng ngựa trong bản không? Chú có thấy chúng chở đạn và các thứ quân trang khác đến đó không?

- Có.

- Nói giả dụ, nếu đốt các kho ấy, thì sẽ thế nào nào?

Lão Alếchxan huých khuỷu tay vào mạng sườn Pếtka, mỉm cười:

- Ha-ãi đấy!...

- Bố mình cứ nói: hãi với thế này thế nọ, chứ mình có thể nghĩ khác. Anh em hồng quân đã đến ngoại vi vùng Sêgôn rồi chứ gì?

- Hôm qua họ đã chiếm được thôn Kruchenxki. - Pếtka nói.

- Đấy, nếu như ta tính thêm, đánh mìn ở đây phá huỷ kho dự trữ lương thực và cả kho vũ khí đạn dược của bọn Kadắc, thì chúng nó sẽ phải tháo chạy một lèo đến tận sông Đông ấy chứ! Thế đấy!

Lão Alếchxan vuốt chòm râu và nói:

- Ngày mai, chập tối, chú đến ngay chỗ này với bọn ta nhé. Chờ bọn ta ở đây, chú dem theo các thứ đi đường, còn thức ăn thì khỏi phải lo, bọn ta sẽ chuẩn bị.

Pếtka đi về phía cổng sân đập lúa, nhưng ông lão gọi lại.

- Đừng đi qua sân, trên đường phố còn người qua lại. Chú leo qua hàng giậu, đi theo cánh đồng cỏ... Thận trọng không bao giờ thừa!

Pếtka nhảy qua hàng giậu và con mương phủ một lớp băng mỏng lốm đốm, vượt qua cả các sân phơi lúa của bản và những đụn rạ ủ rũ, trắng bạc nhũ tuyết, trở về nhà.

VII

Đêm đến, gió thổi từ phía đông, tuyết rơi ẩm ướt dày đặc. Từ sân nhà, ngõ xóm đều tối như bưng. Trùm kín trong chiếc áo khoác vải thô của bố, Pếtka đi ra đường, đứng một lát bên cửa giậu lắng nghe tiếng rặng liễu bị cơn gió mạnh đánh ngã rạp đang reo vi vu trên mặt sông, doạn anh lững thững bước trên đường cái về phía sân nhà lão Alếchxan Đệ Tứ.

Từ trong bóng tối phía nhà kho có tiếng vẳng ra:

- Chú Pếtka đấy à?

- Em đây.

- Lại đây, đi về phía bên trái, kẻo có mấy cái bừa đang dựng ở đấy.

Pếtka bước tới đó, ông lão và Jakốp đang lúi húi cạnh kho lúa.

Họ đã tụ tập đủ. Ông lão làm dấu thánh, thở dài, rồi bước ra cổng.

Họ đi tới nhà thờ. Jakốp vừa ho húng hắng vừa thì thào:

- Pếtka này, con bồ câu bé bỏng của anh, chú nhỏ nhắn hơn và tháo vát hơn bọn ta. Chúng nó sẽ không nhìn thấy chú. Chú hãy bò qua quảng trường đến dãy nhà kho. Có có nhìn thấy những hòm đạn xếp ở gần tường không?

- Có.

- Chú cầm lấy cái bùi nhùi và cái đánh lửa này, còn đây là bó cây gai tẩm dầu hoả. Chú bò tới gần, lấy áo

khoác trùm lên người rồi đánh lửa. Khi nào bó cây gai dầu bén lửa thì chú đặt nó giữa những chiếc hòm gỗ, rồi chạy lại... với bọn ta nhé. Thôi nào, chú đi đi. Đừng sợ nhé! Bọn ta sẽ đợi chú ở đây.

Ông lão và Jakốp ngồi thụp xuống bên cạnh tường rào, còn Pếtka bụng áp sát mặt đất phủ đầy nhũ tuyết xốp bờm xờm, bò đến dãy nhà kho.

Gió lùa vào chiếc áo khoác vải gai của Pếtka, cái lạnh như những mũi kim châm bỏng rát bò trên lưng, xói vào đôi chân. Hai tay buốt cóng vì mặt đất đóng băng, anh đã lần mò được tới nhà kho. Cách anh chừng mười lăm bước, điếu xì gà của tên lính gác lập loè như đốm than hồng. Tiếng gió rít dưới mái nhà lợp bằng những tấm gỗ, một tấm long ra đập cành cạch. Từ chỗ đốm lửa xì gà, những tiếng nói rì rầm theo gió vẳng đến.

Pếtka ngồi xổm, rúc đầu trong chiếc áo khoác. Cái đánh lửa cầm trong tay rung rung, cái bùi nhùi nảy tung khỏi những ngón tay giá cóng.

Xoẹt! Xoẹt!... miếng thép xiết vào đầu viên đá lửa khẽ vang lên, nhưng Pếtka có cảm giác như cả quảng trường nghe thấy và nỗi sợ hãi, như con rắn lục, quấn chặt lấy cổ họng anh. Cái bùi nhùi trong mấy ngón tay ướt bị thấm ẩm, một tia lửa nhỏ đỏ loè xì khói và bó cây dầu gai cháy bùng lên sáng rực. Bàn tay run rẩy của Pếtka nhét mồi lửa dưới chiếc hòm gỗ, trong khoảnh khắc anh ngửi thấy mùi gỗ cháy khét lẹt và khi đứng nhổm dậy, anh nghe thấy tiếng chân người chạy thình thịch và những tiếng nói rì rầm, khẳn đặc trong bóng tối:

- Có ánh lửa thật mà! Hãy nhìn ki-à!

Trấn tĩnh lại, Pếtka lao vào bóng tối căng thẳng, những phát súng nổ đì đoàng theo anh, hai viên đạn réo xiết ngay trên đầu, viên thứ ba bay chíu xuyên màn đêm ở đâu đó xa xa về phía tay phải. Pếtka đã chạy đến gần tường rào. Tiếng hò hét giận dữ vang lên ở phía sau:

- Cha-a-áy! Cha-a-áy!

Súng nổ đì đoàng.

- "Phải chạy đến được góc đường!" - Một ý nghĩ vụt thoáng trong đầu Pếtka.

Anh ráng hết sức chạy. Cái âm thanh sắc nhọn làm anh chối tai. "Phải chạy đến được tường rào !..."

Một chân bỗng thấy đau nhói, anh loạnh choạng chạy được vài bước, một dòng âm ấm bò lan trên cẳng chân ở phía dưới đầu gối... Pếtka ngã dúi dụi, giây phút sau anh lại nhỏm dậy, bò lổm ngổm bốn chân, vướng víu trong hai vạt áo khoác.

Ông lão và Jakốp ngồi đợi hồi lâu. Một cơn gió kéo giật chiếc dây buộc quả chuông to ở bên trong tường rào và lay động những cái lưỡi của các quả chuông nhỏ, làm rung lên khe khẽ những âm thanh khác nhau.

Trong bóng tối, cạnh dãy nhà kho nằm im lìm giữa quảng trường như những gò đất gù, ban đầu nghe thấy những tiếng nói thì thào bị gió làm đứt quãng, sau đó ngọn lửa như một cái lưỡi đỏ lòm lem lém bóng đêm, có tiếng súng nổ, tiếp theo phát khác, phát thứ ba... Tiếng chân người chạy thình thịch bên cạnh bức tường rào, tiếng thở đứt quãng, giọng nói nghẹn tắc:

- Bác ơi, đỡ cháu với!... Chân cháu bị...

Ông lão và Jakốp giơ tay đỡ lấy Pếtka, lao bổ vào trong ngõ tối, vừa chạy vừa vấp ngã dúi dụi vì những mô đất. Họ đã vượt qua hai dãy nhà, khi trên gác chuông vang lên hồi chuông báo động phá tan sự tĩnh mịch, và gióng giả trên khắp bản làng đang ngủ yên.

Ông lão Alếchxan đi cạnh Pếtka, thở khò khè và tất tưởi nhấc cao đôi chân. Chòm râu cằm dung đưa của lão cọ vào má Pếtka.

- Bố ơi, chạy vào trong vườn!... Chạy thẳng vào vườn!

Họ nhảy qua con mương và dừng lại lấy hơi.

Ở phía trên bản, phía trên quảng trường, đất dường như vỡ làm đôi. Một cột lửa đỏ lừ cuộn lên cao hơn tháp chuông, khói bốc mù mịt... Tiếng nổ này nối tiếp tiếng nổ khác...

Bốn bề tĩnh mịch, rồi sau đó những tiếng chó sủa đồng thanh ran lên khắp bản, tiếng chuông báo động đã im ắng lại khua rền, tiếng đàn bà la ó thất thanh trong các sân. còn trên quảng trường ngọn lửa vàng cuồn cuộn đang liếm trụi những bức tường đổ sụp của khu nhà kho và vươn cánh tay dài tới dãy nhà của cố đạo.

Jakốp ngồi thụp xuống sau bụi mận gai trơ trụi, nói nhỏ:

- Bây giờ thì không tài nào chạy thoát rồi. Khắp bản sáng rõ, đến cái kim cũng trông thấy, cháy dữ chưa! Hơn nữa ta cũng cần xem lại cái chân cho Pếtka.

- Nên đợi tới sáng bảnh, trong khi mọi người còn nhốn nháo, rồi sau đó ta sẽ chạy đến khu rừng Kadiôn.

- Bố ơi, bố đã cao tuổi, mà bàn luận như thể con nít ấy! Làm như vậy có nên không - nằm chờ ở trong bản, giữa lúc bọn chúng đang lùng sục ta khắp nơi? Nếu ta lại quay về nhà, ắt sẽ bị tóm cổ ngay. Trong bản, chúng ta là những kẻ bị nghi ngờ trước tiên.

- Ờ, phải đấy! Jakốp, mày nói đúng.

- Hay ta nghỉ lại ban ngày ở nhà em, trong căn buồng nhỏ ấy? - Pếtka vừa nhăn nhó vì đau vừa hỏi.

- Được, cách ấy tốt đấy. Ở đó có đống phân gì nhỉ?

- Phân đốt đã được chất đống.

- Nào ta từ từ chuồn đi thôi! Bố ơi, bố lon ton chạy trước đi đâu thế kia? Bố cứ thủng thẳng theo sau chúng con!

VIII

Đến sáng, Jakốp cùng với Pếtka đã đào xong một hố sâu giữa nơi chất phân đốt; để ấm hơn, họ giải cỏ kho ở phía dưới và xung quanh thành hố, rồi chúi xuống đó, còn phía trên tấp cọng lúa kiều mạch và mớ dây dưa hấu đem từ các ruộng đưa về làm chất đốt.

Jakốp xé chiếc áo lót của mình băng chân cho Pếtka. Ba người ngồi dưới đó đến tận chiều tối. Buổi sáng có một toán người đi vào trong sân. Nghe rõ tiếng nói chuyện thì thào, tiếng then cửa lạch xạch, sau đó có giọng nói ở gần ngay cạnh:

- Có lẽ thằng nhãi con lão thợ kéo sợi đang làm việc ở trong bản. Thôi, mày bỏ cái trò bẻ khoá ấy đi! Cậy cửa làm

quái gì? Trong nhà lão già kéo sợi độc chấy rận và tơ sợi, chứ có đếch gì béo bở đâu !

Tiếng bước chân tất hẳn ở đâu đó phía sau chái nhà kho.

Đêm đến, trời bỗng trở rét. Từ chiều tối, đã nghe rõ tiếng mặt đất sũng nước từ mùa thu đang rạn nứt ở ngõ hẻm. Mặt trăng lưỡi liềm tất bật trong cuộc hành trình ban đêm trên bầu trời đầy những đám mây đen. Từ những khoảnh trời xanh sẫm, các vì sao nhấp nhánh như mời mọc. Qua mái nhà thủng, bóng đêm ngó vào căn buồng nhỏ.

Dưới những lớp phân đốt, trong hầm ấm áp. Ông lão Alếchxan tì cằm trên đầu gối vừa ngồi ngủ vừa ngáy và ngọ nguậy chân. Pếtka và Jakốp rì rầm trò chuyện.

- Bố ơi, dậy thôi! Khi nào bố mới hết mê ngủ hả? Đến giờ lên đường rồi đấy!

- Gì hở? Đến giờ đi à? Đi thôi...

Họ cẩn thận thu dọn khá lâu đống phân đốt. Cửa hầm khẽ hé mở, trong sân, ngoài ngõ không một bóng người.

Họ băng qua cái sân ở rìa bản, xuyên qua khu vườn cây gần nhà, ra tới thảo nguyên. Cách khe chừng hơn trăm mét, họ bò lê trên tuyết. Ở phía sau, bản làng với những chấm tàn nhang vàng ệch của các ô cửa sổ sáng đèn nhìn chằm chặp về phía đồng cỏ. Họ đi im lặng, rón rén, như đi săn thú dữ, dọc theo khe đến cánh rừng Kadiôn. Dưới chân, lớp băng mỏng vỡ ròn tan, tiếng tuyết kêu xộp xoạt. Đây đó, những đống tuyết dày phủ kín đáy khe đá, trên tuyết in những vết chân thỏ vằn vèo màu xanh.

Một nhánh khe ăn vào bìa rừng Kadiôn. Họ leo lên gò cao, ngó nhìn xung quanh, rồi thong thả đi vào rừng.

- Ta đến rừng Sêgôn mà không biết rõ vùng này thật nguy hiểm. Mặt trận sắp mở - ta có thể sa vào tay bọn bạch vệ.

Jakốp chui đầu vào vạt áo bông ngắn, cúc mở phanh, cầm cái đánh lửa quẹt một hồi lâu. Những tia lửa loé sáng, mảnh thép siết vào đá lửa kêu xoèn xoẹt. Cái bùi nhùi trộn tro cây hướng dương ánh đỏ lên và bốc khói khét lẹt. Jakốp hít hai hơi thuốc rồi trả lời bố:

- Con nghĩ thế này: ta ghé vào thăm bác coi rừng Đanhila. Bác ấy chả là người quen thân của ta mà. Qua bác ấy, ta sẽ biết rõ nên đi qua mặt trận bằng đường nào, nhân tiện ta sưởi ấm cho chú Pếtka một chút, kẻo chú ấy chết cóng mất!

- Anh Jakốp ạ, em không cóng lắm đâu.

- Im đi chú mày, đừng nói vớ vẩn. Cái áo khoác của chú mày đâu phải để chống lạnh, và để chống nắng.

- Đi thôi, Jakốp, đi thôi con!... Nhìn kìa, chòm sao Bắc đẩu đã lên cao, sắp nửa đêm rồi đấy, - ông lão nói.

Đến cách lều của người coi rừng chừng một trăm mét, họ dừng lại. Trong ô cửa sổ nhỏ của túp lều bác coi rừng Đanhila có ánh lửa, nhìn rõ đám khói uể oải bò lên từ trong ống khói. Mặt trăng lơ lửng phía trên cánh rừng nghiêng ngó một cách vụng về.

- Có lẽ nhà không có ai. Ta đến đó thôi.

Con chó nằm dưới gầm chái nhà kho cất tiếng sủa. Những bậc thềm cửa đóng băng kêu lắc rắc dưới chân. Họ gõ cửa.

- Ông chủ có nhà không?

Từ phía trong căn lều cánh rừng, bộ râu cằm của ai đó áp sát vào cửa sổ.

- Có nhà. Vị khách nào quá bộ đến chơi đấy?

- Người của ta đây, bác Đanhila Lukích ạ. Bác làm ơn cho chúng tôi vào nhà sưởi ấm một chút!

Cửa buồng kêu ken két, tiếng then mở lạch cạch. Người coi rừng đứng trước bậu cửa, bàn tay phải đưa lên che mắt nhìn khách, còn tay trái khư khư khẩu súng trường đằng sau lưng.

- Có phải lão là Alếchxan đấy không?

- Chính lão đấy... Bác có cho chúng tôi ngủ nhờ đêm không, bác?

- Chả biết có được không! Thôi, mời các ông cứ vào nhà, rồi ta sẽ liệu sắp xếp!

Trong căn buồng nhỏ lò sưởi toả ấm. Bên cạnh bếp lò có ba người nằm trên chiếu trải rộng - phía trên đầu đặt những chiếc yên ngựa, súng trường dựng trong góc nhà. Jakốp đi lùi lại phía cửa.

- Những người nào kia, hở ông chủ?

Có giọng nói từ trên ổ nằm:

- Mày không nhận ra anh em cùng bản à? Còn chúng tao nằm đợi bọn mày từ hôm qua. Chúng tao nghĩ đằng nào bọn bay cũng không thể không đi qua khu rừng Kadiôn và túp lều của lão Đanhila... Thôi nào, xin các vị khách quý cởi áo ngoài ra, ta ngủ lại đêm ở đây, rồi ngày mai bọn tao sẽ dẫn chúng mày thẳng tuột đến các cây du của nhà vua!... Dây thòng lọng sốt ruột mong đợi chúng mày đã lâu lắm rồi đấy!

Toán lính Kadắc nhỏm dậy khỏi ổ nằm, vồ lấy súng.

- Xêmiôn, hãy gô tay bọn đốt nhà kho này lại!

IX

Hai tên lính ngủ trên giường trải đệm, tên thứ ba ngồi ngục đầu bên cạnh bàn; khẩu súng trường kẹp giữa hai chân hắn ta. Lão coi rừng Đanhila quẳng tấm vải gai xuống sàn:

- Coi chừng đấy, lão thương người vừa chứ, kẻo rồi bản thân lão sẽ không được ngủ trên chiếc vải giường ấy đâu! Nghe rõ chưa, lão coi rừng? Cầm tấm vải lên! Chúng nó đốt kho, tội ấy thì có để chúng ngủ ngoài tuyết giá, bên cạnh con chó cái của nhà lão cũng đáng!...

Trước lúc trời sáng ông lão xin phép ra ngoài sân:

- Chú ơi, cho lão ra ngoài có tí việc cần.

- Lão già cứ việc đái ra quần hay vào bốt dạ cũng được! Ngài mai bọn ta treo cổ lão trên xà ngang, người lão sẽ khô ráo!

Ánh sáng ban mai yếu ớt của mùa đông đã lần vào những ô cửa sổ. Bọn lính Kadắc thức dậy, rửa mặt, rồi ngồi vào ăn sáng. Jakốp thì thào kín đáo với bố và Pếtka:

- Đêm qua tôi đã cọ sờn sợi dây nhỏ. Khi nào đến bản, tất cả, mỗi người một ngả, - chạy vào rừng, rồi sau đó lên núi... vào những cái hang, nơi bố con ta đã từng đào đá... Ở đấy thì chúng đừng hòng tóm được ta!

Cả ba người bước đi, tay bị trói gô vào nhau bằng một sợi dây liễu. Pếtka đi khập khiễng trên cái chân bị thương, hai hàm răng nghiến ken két vì đau nhức.

Và đây, bản làng với những cánh rừng xám bạc loà xoà viền quanh, trông tựa như mụ đàn bà đang lên cơn sốt. Khi rẽ vào ngõ đầu tiên, Jakốp chệu chạo cái miệng trắng bệch cắt đứt tung sợi dây nhỏ rồi vừa chạy vòng vèo trên tuyết vừa lao bổ vào cánh rừng. Ông lão Alếchxan và Pếtka lao theo. Họ chạy tản riêng từng người một. Phía sau có tiếng thét:

- Đứng lại, đứng lại, đù mẹ chúng bay!...

Có những phát súng nổ và tiếng chân ngựa chạy. Pếtka vừa nhảy qua con mương vừa ngoái lại nhìn ông lão Alếchxan ngã chúi xuống đất, rúc cái đầu bị viên đạn xuyên thủng vào đống tuyết và hai chân lộn chỏng lên trời.

Quả núi có tuyết phủ quanh đỉnh đang chạy lại phía họ. Những cái hố, nơi người Kadắc đã đào đá, trông đen ngòm như những hõm mắt. Jakốp tụt xuống hố đầu tiên, Pếtka lao theo.

Hai người bò vòng vào giữa bóng tối nặng trĩu, ẩm ướt, áo quần rách bươm, mình mẩy đụng phải những lớp thành hố lồi ra nhọn sắc, sây sước đến chảy máu. Chốc chốc đôi bốt của Jakốp lại đạp lên đầu Pếtka đau điếng. Đường hang rẽ đôi, họ bò sang phía tay trái. Hai bàn tay Pếtka dính đầy đất sét lạnh cứng, nước từ phía trên rỉ xuống cổ áo.

Dưới chân họ có một cái hố. Cả hai tụt xuống đó và ngồi cạnh nhau.

- Khổ thân bố mình quá!... Chắc là chúng giết mất bố rồi, - Jakốp thì thào.

- Bác ngã cạnh con mương...

Giọng của họ lắng đi, nghe cứ như của người lạ, mắt đã lim dim, buồn ngủ.

- Chú Pếtka này, bây giờ ta kiệt sức là chúng sẽ tóm được. Anh em mình đến chết mất, như con chồn hôi trong hang, nhưng mà rồi biết đâu đấy!... Mò đến chỗ ta thì chúng sợ. Những cái hang này anh cùng bố anh đào từ trước chiến tranh với Đức kia. Anh biết hết các đường lối. Ta bò tiếp đi thôi.

Họ bò đi. Chốc chốc lại đâm vào lối cụt. Họ quay trở lại, tìm đường khác...

Đã hai ngày đêm họ lẩn khuất trong bóng tối dày đặc, nhớp nháp.

Tai ù lên vì tịch mịch. Họ hầu như không nói chuyện với nhau. Vừa ngủ, họ vừa dỏng tai nghe ngóng. Đâu đó ở phía trên nước chảy xói vào đất. Họ thức giấc, rồi lại thiếp đi...

Sau đó, như những chú cún mù, cứ húc húc cái đầu vào những bức tường, họ bò ra phía cửa hang. Họ lạc lối hồi lâu, rồi bỗng ánh sáng dọi vào mắt chói chang và nhức nhối.

Bên cửa hang đá có đống tro xám, những mẩu thuốc lá hút dở, những vỏ đạn, rất nhiều vết chân người, và khi ngó ra ngoài hang, họ nhìn thấy: một đội kỵ binh cưỡi

những con ngựa cụt đuôi đang đi vòng vèo trên đường tới bản, đám bộ binh cuốn tung cột bụi xám ở phía sau, gió thổi rung rinh lá cờ đỏ xẫm và văng vẳng những tiếng nói, tiếng cười, khẩu lệnh, tiếng càng xe trượt cót két.

Cả hai nhảy xổ ra khỏi hang. Họ chạy, vấp ngã, Jakốp giơ hai tay vẫy và cất cao giọng đứt quãng, gọi to:

- Anh em ơi! Anh em hồng quân ơi! Các đồng chí ơi!

Tốp kỵ binh cưỡi những con ngựa tía đứng túm tụm trên đường.

Phía sau, đám bộ binh đuổi theo kịp, đang dồn hàng ngũ.

Jakốp lắc lắc đầu, thổn thức, chạy bổ lại, hôn lên những chiếc bàn đạp và những đôi ủng đúc của các chiến sĩ hồng quân, còn Pếtka được anh em giơ tay ra đỡ đặt vào thùng xe trượt, trên lớp cỏ đồng thơm ngát và được đắp những chiếc áo dạ lính lên người.

Đoàn xe trượt chạy lắc lư. Từ những chiếc áo dạ lính phả ra mùi mồ hôi chua thân thuộc, như mùi chiếc áo cánh của bố ngày nào.

Pếtka thấy đầu choáng váng, lồng ngực nôn nào, nhưng con tim thì rạo rực niềm vui, như lúa tháng năm sau trận mưa rào. Có bàn tay ai đó khẽ nâng chiếc áo dạ lên, một khuôn mặt không để râu, dạn dầy sương gió cúi xuống phía Pếtka, nụ cười nở trên môi.

- Còn sống chứ, anh bạn? Có ăn bánh lương khô không?

Anh em dút vào cái miệng bướng bỉnh của Pếtka những miếng bánh mì khô đã nhai nhỏ, lấy đôi găng tay gai xoa xoa những ngón tay giá cóng của Pếtka. Pếtka muốn nói điều gì đó, nhưng miệng đầy bột lúa mạch đen, còn cổ họng thì tắc nghẹn vì nước mắt.

Anh nắm lấy bàn tay cứng rắn, đen thui và áp chặt nó lên ngực.

PHẦN HAI

I

Một ngôi nhà lớn lợp mái tôn, sáu chiếc cửa sổ tươi vui với những tấm ván che màu xanh da trời nhìn ra đường. Trước đây, tên trưởng thôn sống trong ngôi nhà này, nay là câu lạc bộ của chi đoàn TNCSN. Năm một nghìn chín trăm hai mươi, vào những ngày tháng Chín ảm đạm, ẩm ướt, đêm tối trùm lên những khu vườn và các lối ngõ.

Trong câu lạc bộ đang có cuộc họp, khói thuốc bốc um, tiếng nói ồn ào. Bí thư chi đoàn Pếtka Kremnhép ngồi ở phía sau bàn, bên cạnh là uỷ viên chấp hành Grigôri Raxkốp. Hội nghị bàn giải quyết một vấn đề quan trọng: về việc trồng lúa kiểu mẫu trên mảnh ruộng mà ban ruộng đất đã phân cho chi đoàn.

Sau nửa giờ đã thông qua một phần biên bản cuộc họp:

"Hội nghị đã nghe: báo cáo của đồng chí Raxkốp về việc đo ruộng ở khu vực Kruchienki.

Quyết định: cử các đồng chí Raxkốp và Kremnhép gấp rút tiến hành kiểm tra và đo ruộng."

Đèn đã tắt, những tiếng chân nện đều nhịp trên thềm. Pếtka đứng một lát cạnh góc nhà, và vừa nhìn theo chiếc áo trắng của Raxkốp rung rinh trong bóng tối nhờ nhờ vừa cất tiếng gọi to trong cảnh tĩnh mịch của bản làng đã bắt đầu thiếp ngủ mơ màng.

- Griska, cậu nghe thấy không? Anh em thì cày ruộng, cậu đừng nghĩ đến chiếc xe ngựa *tạch-tạch-xè* kia nữa nhé! Ta sẽ cuốc bộ thôi!

II

Bình minh rực màu vàng úa. Đàn bò chăn vừa kéo qua trên con đường nhẵn thín. Bụi lơ lửng trên những ngọn cây ngải thảo nguyên. Trên đồi người ta đang cày ruộng. Ai nấy cắm cúi làm việc, những con bò đực kéo cày bước ì ạch. Những tiếng thúc bò của tốp thợ cày, tiếng roi quất vun vút, đôm đốm bay theo chiều gió.

Toán thanh niên bước đi im lặng. Mặt trời đứng bóng, họ mới tới khu ruộng của mình. Một chục hộ Tavrichan chen chúc nhau dưới khe hẻm thảo nguyên. Cạnh đập nước, một người đàn bà vén cao gấu váy đang cầm cào giẫy cỏ. Bên kia đập, những chú bò khoang đang lội nước ngang đến bụng. Chúng vểnh tai, giương những cặp mắt đần độn lên nhìn đám thanh niên hồi lâu. Một con bò ở phía trước hoảng sợ cái gì đó cong đuôi chạy lồng lên đập nước, cả đàn lao theo. Người chăn bò có chòm râu

bạc như râu người Ârập vung roi quất vun vút; chú mục đồng vung đôi gót chân đen thủi chạy rượt theo, xua đàn bò trở lại. Trên sân đập lúa, giữa tiếng lạch cạch đứt quãng của chiếc máy đập lúa chạy bằng hơi nước, một giọng con gái thanh thanh hét lên:

- Garơpiska, ta đi xem đi: có các anh hồng quân nào ấy tới bản chúng ta đấy!

Đám thanh niên chạy tìm chủ tịch khu vực đến tận chiều tối, họ ngồi trong nhà dân ăn những quả dưa bở thơm phức, còn công việc kiểm tra ruộng thì quyết định hôm sau sẽ tiến hành. Bà chủ nhà trải giường cho họ nghỉ ở phòng ngoài. Grigôri đánh luôn một giấc, còn Pêtka nằm thao thức mãi, anh bắt rận trong chiếc áo lông cừu và suy nghĩ: lão chủ tịch ranh khôn sẽ chia cho họ cánh ruộng nào đây?

Nửa đêm, chủ nhà lạch cạch mở then cửa, đứng ở thềm nhìn bầu trời sao rồi đi xuống chuồng ngựa trộn thức ăn cho dàn ngựa. Chiếc cần gầu giếng kêu kẽo kẹt, ngoài thảo nguyên tiếng ngựa con hí vang thôi thúc. Từ ngoài sân, vẳng vào những tiếng nói rì rầm. Pêtka thức giấc.

Grigôri mê ngủ nghiến răng ken két, vừa trở mình sang phía khác vừa nói giọng rầu rĩ và rõ tiếng:

- Cái chết - anh em ơi, đâu phải chuyện chơi!...

Chủ tịch vừa nện đôi bốt vừa bước vào phòng ngoài.

- Này các cậu ơi, các cậu có biết gì không?

- Gì thế ạ?

- Có mà trời hiểu được... Đồng chí công an của đồn ta vừa từ thôn Vêginski về đây nói rằng thôn đó đã bị bọn Mãcnô chiếm rồi. Vì vậy yêu cầu các cậu sơ tán thôi!

Pếtka còn ngái ngủ, làu bàu:

- Thế còn ruộng thì sao? Ngày mai báo cho đo ruộng, rồi ta hãy đi, chứ chã nhẽ phủi tay bỏ chạy một cách vô tích sự à?

Lúc tang tảng sáng, Pếtka nằm mơ thấy mình đang dự cuộc họp của khu đoàn, còn trên mái nhà có người nào đó đang bước nặng chân và tấm tôn bị lún cong kêu co-ọcc!... ca-ạ-ch!...

Anh tỉnh dậy mới biết đó là tiếng đạn pháo. Tim anh thắt lại, đầy lo âu. Mọi người vội vã tập hợp, họ với lấy chiếc gậy gỗ khua đuổi đàn chó đang sủa lồng lộn, rồi đi ra khỏi khu trại.

- Từ đây đến Vêginski bao nhiêu dặm? - Grigôri hỏi.

Anh ta bước đi lặng lẽ, trầm tư bứt những cánh trên ngọn hoa cỏ gai đỏ sẫm mọc ven đường.

- Có lẽ chừng ba mươi dặm.

- Còn ki-i-ịp!

Băng qua đám ruộng dưa, họ leo lên đồi, Pếtka đánh rơi túi đạn, quay lại nhặt và bỗng kêu lên thảng thốt: một toán người cưỡi ngựa hàng ngũ chỉnh tề từ phía đầu kia khu ruộng đang xuống đồi. Lá cờ đen trong tay người đi trước, như cánh chim bị bắn gãy, chập chờn trước gió.

- Ôi, đù mẹ chúng nó!...

- Đã có trời phù hộ!... Grigôri đế tiếp vào, song cặp môi của anh thì cứ run bần bật và mặt mày xám ngoét.

Chủ tịch đánh rơi chiếc gậy và bản thân ông ta không hiểu vì sao lại thò tay vào túi tìm gói thuốc lá sợi. Pếtka nhanh như cắt phóng vụt xuống khe. Grigôri lao theo.

Đôi chân bướng bỉnh vấp ríu vào nhau một cách kỳ lạ, chạy chậm như rùa, còn tim như muốn vỡ tung và mồm miệng nóng ran. Đáy khe vừa được tráng nước còn ẩm ướt. Mùi đất bùn xông lên, chân ngập trong lầy. Pếtka vừa chạy vừa tháo bốt quẳng đi, tay nắm chắc hơn khẩu súng; khuôn mặt Grigôri tái xanh, đôi môi méo xệch, anh thở dốc, khò khè. Anh ta ngã và quăng khẩu súng ra xa.

- Quẳng đi, Pếtka. Chúng bắt được, sẽ giết chết đấy!

Pếtka thấy rợn cả người:

- Cậu điên rồi à?! Nhặt khẩu súng lên, đồ khốn kiếp!

Grigôri uể oải nắm quai súng kéo lại. Trong giây phút, hai người chằm chặp nhìn nhau bằng những đôi mắt xa lạ, hằn học.

Họ lại tiếp tục chạy. Ở cuối khe, Grigôri ngã ngửa sóng soài, Pếtka nghiến răng ken két, xốc nách người đồng chí gầy gò và lôi xềnh xệch. Khe chia thành nhiều nhánh, chân khe đầy những đống xương ngựa và cỏ ngải trắng, nằm kề đám ruộng cày. Bên cạnh cỗ xe gỗ, một ông già đang thắng mấy con ngựa vào vai cày.

- Đưa ngựa đây để chúng tôi về bản! Bọn Măcnô đuổi sát sau lưng rồi!

Pếtka túm lấy vòng cổ ngựa, còn ông già túm lấy Pếtka.

- Không đưa! Ngựa cái đang chửa, cưỡi đi đâu được?

Ông già lực lưỡng giơ những ngón tay sần sùi ra nắm chặt lấy nòng súng và Pếtka thoáng nghĩ: lão già sẽ giằng khẩu súng và giết anh vì con ngựa cái chửa.

Anh thấy cặp mắt hung dữ khủng khiếp đang nhìn xoáy vào anh, chòm râu rễ tre màu hung cọ vào hai má,

những nếp rung rung ở cạnh mồm, và anh giật lấy khẩu súng trường. Anh lên quy lát lạch xạch.

- Bước ra khỏi đây!

Ông già cúi xuống nhặt chiếc rìu dựng bên cỗ xe, còn Pêtka thì cảm thấy nôn nao đến lợm giọng, anh lấy báng súng giáng xuống cái gáy dốc ngược. Trong đôi bốt răn reo, hai ống chân nom như chân nhện, co quắp giãy giụa...

Grigôri chặt đứt dây thắng và phóc lên con ngựa cái. Con ngựa thiến Tavritran lông màu xám khoang Pêtka cưỡi bỗng nhảy cẫng lên. Họ phóng theo đám ruộng cày ra đường cái. Tiếng vó ngựa khua nhịp nhàng. Pêtka ngoái đầu lại: ở phía trên khe, gió đang cuốn bụi mù. Toán quân truy nã chia thành nhiều ngả, ráo riết đuổi theo.

Hai người chạy được chừng năm dặm, toán quân phía sau mỗi lúc một gần hơn. Nom rõ những con ngựa chạy ở phía trước đầu dướn cao đang phi nước đại, bỏ lại đằng sau những mét đường, và trên mình người cưỡi ngựa, chiếc áo buốc ca đen loà xoà tung bay phấp phới.

Con ngựa cái Grigôri cưỡi chạy chậm hẳn lại, thở phì phò và cất tiếng hí cụt lủn, đứt quãng.

- Con ngựa cái sắp đẻ đến nơi rồi. Mình nguy mất, Pêtka ạ! - Grigôri thét to qua làn gió xé.

Đến đoạn rẽ ngoặt cạnh đồi mộ, đang phóng ngựa, anh bỗng nhảy phắt xuống đất, con ngựa ngã lăn kềnh. Pêtka đang hăng tiết phóng quá mấy mét nữa, nhưng anh trấn tĩnh lại được và quay ngoắt ngựa về phía sau.

- Sao thế cậu? - Grigôri giọng sướt mướt hét lên, nhưng Pêtka vững vàng và nhanh nhẹn lắp băng đạn,

nhảy xuống ngựa, ngồi tì lên đầu gối, nổ súng vào chiếc áo buốc ca đen đang tiến lại gần, vừa hất vỏ đạn vừa mỉm cười.

- Cái chết - cậu ơi, đâu phải chuyện chơi!

Anh nổ phát úng nữa. Con ngựa nhảy chồm lên, chiếc áo buốc ca đen lăn xuống đất, đôi bốt bị mắc vào bàn đạp và con ngựa mất phương hướng lao giữa những cột bụi mù.

Pếtka đưa mắt lơ đãng nhìn theo con ngựa, rồi anh choãi rộng hai chân ngồi phệt xuống mặt đường. Grigôri vừa vân vê ngọn lá bạch lý hương thơm ngát trong lòng bàn tay đẫm mồ hôi và mỉm cười ngây dại.

Pếtka nói giọng nghiêm nghị và sẽ sàng:

- Thôi, bây giờ thế là xong, - và anh nằm phủ phục xuống mặt đất.

III

Trong sân trụ sở ủy ban, các nhân viên đang chôn giấu những giấy tờ đựng trong các bao khâu kín. Chủ tịch Jakốp Đệ Tứ ngồi trên thềm chữa khẩu súng máy tòng tọc đã han gỉ. Từ sáng, họ đợi các chiến sĩ công an đi trinh sát về... Đến trưa, Jakốp gọi đoàn viên Kômsômôn Antôska Gơratrep đang chạy ngang qua chỗ mình và anh nheo mắt cười, nói:

- Cậu hãy chọn trong chuồng con ngựa nào trông khoẻ nhất, rồi phóng đến khu vực Kruchienki nhé. Có thể cậu sẽ gặp nhóm trinh sát của ta - nhắn anh em trở về bản. Cậu có súng chưa?

Thoăn thoắt đôi gót chân trần, Antôska vừa chạy vừa nói to:

- Có súng và hai chục viên đạn!

- Thôi nào, khẩn trương lên!

Năm phút sau Antôska đã vụt ra khỏi sân trụ sở ủy ban, giương cặp mắt màu xám tro long lanh như mắt chuột nhìn chủ tịch rồi lao đi giữa đám bụi mù cuồn cuộn.

Từ thềm trụ sở, Jakốp nhìn rõ con ngựa lắc lư nhịp nhàng và cái đầu tóc xoăn để trần của Antôska. Anh đứng giây lát trên bậu cửa, đoạn trở vào hành lang chăng đầy mạng nhện màu trắng bạc. Anh em nhân viên và chi đoàn đã tập trung. Anh đưa cặp mắt mệt mỏi nhìn mọi người, nói:

- Antôska đi trinh sát rồi... - Anh im lặng một lát, đoạn nói thêm, tư lự gõ gõ những ngón tay. - Còn anh em ở ngoài khu trại... liệu có chạy thoát bọn Mácnô hay không?

Họ đi đi lại lại trong những căn phòng âm vang trống trải của ủy ban, đọc đi đọc lại hàng nghìn lần những câu ca dao quá quen thuộc của Đêmian Betnưi trên các tờ áp phích đã phai màu. Khoảng hai giờ sau các chiến sĩ công an trinh sát phóng ngựa vào trong sân ủy ban. Không buộc ngựa, họ chạy bổ lên thềm. Người đi trước mình đầy bụi, hét to:

- Đồng chí chủ tịch đâu?

- Anh ấy đang đến kia. Thế nào, các đồng chí có nhìn thấy bọn nó chứ? Chúng nó có đông không? Liệu ta có phải ngồi ẩn náu mãi trên gác chuông không?...

Đồng chí công an phẩy chiếc roi, vẻ tuyệt vọng:

- Chúng tôi đụng phải toán kỵ binh đi đầu... khó khăn lắm mới thoát thân được đấy! Cả thảy chúng có một vạn quân. Bọn chúng cứ đen như kiến cỏ.

Chủ tịch chau mày, hỏi:

- Các đồng chí không gặp Antôska à?

- Chúng tôi không nhận ra ai, nhưng thấy một người cưỡi ngựa từ phía sau khe Krutôi đi ra thảo nguyên. Có thể anh ấy sa vào tay bọn Măcnô rồi...

Mọi người túm tụm lại thì thào với nhau. Chủ tịch bứt bứt bộ râu xồm, nói giằn từng tiếng trong lồng ngực:

- Các bạn ạ, anh em đến khu trại đo ruộng chắc chắn là mất tích rồi. Cả Antôska nữa... Chúng ta đành phải ẩn náu trong bãi lau sậy thôi, lực lượng ta không thấm vào đâu để chống lại Măcnô.

Trinh sát viên há to miệng toan nói điều gì, nhưng phía ngoài cửa có giọng nói hớt hải và cộc lốc:

- Tránh ra, các đồng chí! Bọn kỵ binh đang ở trên đồi!

Như bị trận gió thổi, mọi người vụt biến hết. Họ mới đó, phút chốc chẳng còn một ai! Bản thôn im ắng như tờ. Những tấm che cửa sổ đóng kín mít. Sự tĩnh mịch bao trùm lên các sân, riêng trong lùm cỏ bên cạnh hàng rào trụ sở ủy ban, có con gà mái bị người nào đó làm nó sợ hãi cất tiếng cục tác bực tức.

IV

Gió thổi phập phồng chiếc áo trên lưng Antôska. Cưỡi ngựa không yên người đau ê ẩm. Con ngựa nhảy chồm chồm, không đều bước. Anh ghìm cương, từ khe Krutôi bắt dâu leo lên đồi và chợt nhìn thấy cách mình chừng một dặm, đại đội kỵ binh và hai xe chở súng máy đi ở phía sau. Một ý nghĩ vụt hiện lên: "Bọn Mãcnô!"

Anh thúc ngựa, lưng nổi gai ốc, nhưng con ngựa như cố tình trêu gan anh, uể oải dậm dịch đôi chân, vó câu thong thả không muốn chuyển sang phi nước đại.

Bọn phỉ đã nhìn thấy anh, tất tiếng hú gọi, nổ súng xối xả. Gió thổi táp vào mặt, nước mắt che mờ đôi mắt, tiếng đạn rít xé tai. Anh không dám nhìn lại phía sau. Anh chỉ quay đầu lại, sau khi đã băng qua những sân ven rìa bản. Anh nhảy xuống trong lúc ngựa đang phóng, cúi rạp người chạy về phía tường rào. Anh nghĩ: "Nếu chạy qua quảng trường, chúng sẽ phát hiện, đuổi theo... Phải chạy đến tường rào, trèo lên gác chuông!..."

Tay trái anh nắm chặt khẩu súng trường, tay phải ấn cổng giậu, đôi chân trần giẫm sột soạt trên mặt đất phủ đầy lá rơi. Cầu thang nhà thờ xoáy trôn ốc. Chỉ thấy mùi hương trầm, mùi ẩm mốc của những đồ cũ nát và cứt chim câu.

Anh dừng lại trên sân gác thượng, nằm sấp dỏng tai nghe ngóng. Xung quanh im ắng. Trong bản ran lên những tiếng gà gáy.

Anh đặt khẩu súng trường cạnh người, tháo bao đạn, lau mồ hôi nhớp nháp trên trán. Đầu óc lộn xộn những ý nghĩ: "Đằng nào chúng nó cũng sẽ giết mình - ta sẽ bắn vào bọn chúng. Pếtka Kremnhép đã có lần bảo: Măcnô là tên tay sai của bọn tư sản..."

Anh nhớ lại tuần trước, anh em tập bắn ngoài sông vào cỗ xe ở cự li một trăm bước, và anh, Antôska, bắn trúng mục tiêu nhiều hơn anh em khác. Cổ họng đau ngứa, nhưng trống ngực đã thưa dần.

Sáu tên lính kỵ binh lò dò ra quảng trường, xuống ngựa, buộc ngựa vào hàng rào trường học.

Tim Antôska đập rộn lên. Anh nghiến chặt hai hàm răng, nén cơn run, đưa những ngón tay lập cập lắp lên băng đạn.

Một tên kỵ binh nữa từ nơi nào đó trong ngõ phóng vụt ra, đảo một vòng trên lưng con ngựa nhảy chồm chồm, đoạn vung roi quất, rồi lại phóng vụt trở lại phía sau. Nhìn tư thế cưỡi ngựa cẩu thả, bạt mạng, Antôska nhận ra tên lính Kadắc; anh vừa đưa mắt nhìn theo chiếc áo lính cao cổ màu xanh lá cây nghiêng ngả trên mông ngựa, vừa thở dài.

Đoàn xe chở súng máy chạy lạch cạch, nhiều tiếng chân ngựa nện lộc cộc, khẩu đội pháo kéo qua ầm ầm. Bản thôn, giống như các xác thú nhung nhúc dòi, đông nghịt lính bộ binh; xe ngựa, hòm đạn, xe tam mã chở súng máy la liệt trên các ngả đường.

Antôska cảm thấy hơi ớn rét, anh đặt những ngón tay giá lạnh và xa lạ lên khoá nòng, lắng tai nghe ngóng. Ở phía trên, giữa các xà ngang, con chim câu đang gáy gù gù.

"Mình chờ thêm chút nữa..."

Bên cạnh tường rào, tụi lính Măcnô vừa xuống ngựa, đang cho ngựa ăn. Bọn chúng nằm vạ vật từng tốp giữa đám ngựa, mặc những chiếc quần đủ màu và những dải lưng sặc sỡ trông giống như bãi đá cuội ngũ sắc ngoài bờ sông. Những tiếng trò chuyện, những tiếng cười phá lên ròn rã. Còn trên đường, đoàn xe chở súng máy xếp hàng đôi nối đuôi nhau kéo qua...

Sau khi đã quyết định, Antôska nghếch đầu ruồi nhằm thẳng vào chiếc mũ cao chỏm màu xám của tên lính bắn súng máy. Tiếng súng nổ vang, tên lính bắn súng máy ngã chúi đầu xuống giữa hai đầu gối. Tiếp thêm một phát nữa, gã xà ích buông dây cương và lặng lẽ ngã vật xuống dưới bánh xe. Rồi lại phát nữa, phát nữa.

Ở nơi buộc ngựa, đàn ngựa bỗng lồng lên, vừa hí vừa hất đá bọn người cưỡi chúng. Trên đường, con ngựa lề bị thương quằn quại trong bộ dây càng xe, cỗ xe chở súng máy đổ bổ chỏng bên cạnh trường học và khẩu súng máy trong bao vải trắng cắm mũi xuống đất một cách thảm hại. Tiếng ngựa hí, tiếng la hét, khẩu lệnh chỉ huy, tiếng súng bắn loạn xạ, - tất cả như đám mây trùm lên phía trên nóc gác chuông.

Khẩu đội pháo ken két kéo lui trở lại. Chúng nhìn thấy Antôska. Một viên đạn găm ngọt vào xà ngang gỗ. Quảng trường sạch bóng người. Tên lính thuỷ Măcnô ở trên thềm trường học nã súng máy lia lịa, những viên đạn bay sạt ngang quả chuông cũ đã hoen gỉ, rít lên rầu rĩ. Một viên nảy bắn ra, trúng tay Antôska. Anh bò lùi, đứng

nhỏm dậy, áp sát người vào chiếc cột tròn bằng gạch và nổ súng: tên lính thuỷ vung hai tay, quay lảo đảo và ngã sấp xuống những bậc thềm đã mục nát, xiêu vẹo.

Ngoài rìa bản, gần nghĩa địa, cỗ pháo cỡ ba tấc Anh có chân choãi từ trên xe được hạ xuống, há cái mồm thép chĩa về phía ngôi nhà thờ đã tróc vôi. Tiếng súng rền vang náo động cả thôn xóm tiêu điều.

Một quả đạn pháo rót trúng mái vòm, hất từng đống gạch vụn xuống người Antôska và dập vào quả chuông vang lên một tiếng giận dữ.

V

Pếtka nằm sấp mặt, không nhúc nhích, nhưng anh vẫn ngửi thấy mùi thơm cay của cây húng hương và nghe rõ tiếng chân ngựa.

Lòng anh nôn nao kỳ lạ, như bào gan xé ruột. Anh lắc lắc đầu và khẽ nhỏm dậy, anh nhìn thấy cạnh chiếc áo vải bạt của Grigôri cái mồm ngựa sùi bọt, tấm áo khoác Kadắc màu xanh và đôi mắt lác của dân Kanmức trên khuôn mặt sạm nắng màu nâu.

Cách đó nửa dặm, toán người sót lại đang đứng xum quanh trên con ngựa kéo lê ở phía sau một thân người tơi tả trong chiếc áo buốc ca rách bươm.

Khi Grigôri khóc nấc lên như đứa trẻ và nghẹn giọng hét vỡ tiếng điều gì đó, Pếtka thấy lòng quặn thắt lại. Anh nhìn không chớp tên lính Kanmức đang kiễng chân đứng trên đôi bàn đạp và ngã rạp người sang một bên, tay vung

lưỡi kiếm thép loang loáng. Grigôri lồm cồm ngồi qùy gối, hai tay ôm đầu bị chém toạc làm đôi, thở hắt ra, ngã vật xuống đất, máu trong họng ứ lên và trào ra ồng ộc.

Pếtka chỉ còn nhớ hình ảnh đôi chân run rẩy của Grigôri và vét sẹo đỏ bầm trên má đã tróc da của tên lính Kanmức. Những móc sắt sắc nhọn của móng ngựa đâm xuống ngực làm Pếtka ngất lịm, sợi dây thòng lọng bện bằng lông tròng vào cổ và mọi vật quay cuồng trong những tia đom đóm lửa và trong sương mù giá buốt...

Pếtka tỉnh lại và rên rỉ vì nhức buốt ở hai mắt. Anh sờ tay lên mặt, rùng rợn cảm thấy một cục nhờn đã đông quánh từ dưới mí mắt chảy xuống má. Một mắt lòi ra, mắt kia sưng vù lên, ròng ròng nước mắt. Qua kẽ mắt nhỏ, Pếtka cố phân biệt ở phía trên chỗ anh nằm những cái mõm ngựa và những khuôn mặt người.

Có ai đó ghé sát xuống, nói:

- Đứng dậy, thằng ranh con, không thì chết bây giờ! Đến ban tham mưu đơn vị để hỏi cung! Nào, có dậy không? Tao thì thế nào cũng xong, chúng ông có thể dựng mày vào tường mà chẳng cần hỏi cung hỏi kiếc gì đâu!...

Pếtka đứng lên. Xung quanh lố nhố biển đầu người đủ màu sắc, tiếng ồn ào, tiếng ngựa hí. Tên lính dẫn đường đội mũ lông cừu cao chỏm màu xám đi ở phía trước. Pếtka loạng choạng theo sau.

Cổ rát bỏng vì dây thòng lọng, da mạt trầy xước bết máu, còn toàn thân đau nhức như vừa bị một trận đòn thù dai dẳng.

Trên đường tới ban tham mưu, Pếtka đưa mắt ngó quanh: trên quảng trường, trên các con đường, trong các ngõ ngoằn ngoèo, nhẵn thín, đâu đâu anh cũng thấy người, ngựa và những xe kéo súng.

Ban tham mưu đơn vị đóng tại nhà cố đạo. Tiếng đàn ghi ta rè rè như giọng ông già và tiếng bát đĩa loảng xoảng từ phía trong các cửa sổ mở toang vẳng ra ngoài đường; nom thấy rõ mụ vợ cố đạo đang tất bật trong bếp, nấu nướng thết các vị khách quý.

Tên lính dẫn Pếtka đi ngồi thụp xuống thềm hút thuốc, miệng làu bàu:

- Hãy đứng chờ bên cạnh thềm, ban tham mưu đang bận việc!

Pếtka tựa người vào thành lan can cọt kẹt, miệng nóng bỏng, lưỡi khô queo, anh cố nói, đưa đẩy cái lưỡi bị đánh đập một cách khó khăn:

- Tôi khát nước...

- Lát nữa vào ban tham mưu mày sẽ được uống !

Một người lính thuỷ mặt rỗ hoa bước ra thềm. Dải bao lưng đỏ với viền tua lòng thòng xuống tận đầu gối thắt quanh chiếc áo khoác ngoài màu xanh, đầu đội mũ thuỷ quân không có lưỡi trai với hàng chữ lâu ngày đã bạc màu: "Hạm đội Hắc Hải." Trong tay anh ta là cây đàn gió ba ngăn với những dải băng diêm dúa. Anh ta giương cặp mắt xanh nhạt buồn buồn nhìn Pếtka từ đầu đến chân, gượng cười và uể oải kéo hộp đàn:

Chàng thanh niên cộng sản,

Của chúng ta cưới vợ ư?
Tướng Măcnô đã tới.
Trốn đâu được, chàng ơi?...

Giọng hát của người lính thuỷ lè nhè, nhưng ngân vang. Không ngước cặp mắt lim dim, anh ta hát nhắc lại:

Tướng Măcnô đã tới
Trốn đâu được chàng ơi?...

Tên lính dẫn đường hít hơi thuốc cuối cùng, không ngoái đầu lại, nói:

- Ê, thằng khốn kiếp mắt chột, đi theo ta !

Pếtka bước lên thềm, vào nhà. Tại phòng ngoài, một lá cờ đen căng rộng ở phía trên bức tường. Hàng chữ màu trắng răn rúm gẫy gấp: "Ban tham mưu Đoàn Hai" và cao hơn một chút: "Bkraina tự do muôn năm!"

VI

Tiếng máy chữ lạch cạch trong phòng ngủ của cố đạo. Tiếng trò chuyện vẳng ra từ phía cửa bỏ ngỏ. Pếtka chờ hồi lâu, ngồi ủ rũ trong bóng tối nhờ nhờ của phòng ngoài. Cơn đau buốt làm cứng ý chí và tinh thần. Pếtka nghĩ bụng: bọn Măcnô đã chặt đầu anh em trong chi đoàn và các cán bộ, tử thần trong căn phòng ngủ sặc mùi hương trầm của cố đạo đang giục giã gọi anh. Song ý nghĩ đó không làm cậu sợ hãi. Hơi thở của Pếtka đều đều, không đứt quãng, mắt nhắm nghiền, duy có gò má bị máu dồn lên, khẽ rung rung.

Từ trong phòng ngủ vẳng ra những giọng nói, tiếng máy chữ gõ lạch cạch, những tiếng cười của phụ nữ và những tiếng chạm cốc kêu lách cách.

Mụ vợ cố đạo chạy vụt qua mặt Pếtka vào phòng ngoài, theo sau là viên sĩ quan của Măcnô. Hắn có bộ râu bạc, nai nịt gọn gàng, tiếng cựa giày xủng xoảng, vừa đi tay hắn vừa vê vê chòm râu. Mụ vợ cố đạo lúng liếng cặp mắt lá răm, tay xách bình rượu.

- Rượu ngâm sáu năm rồi đấy, tôi vẫn để dành nhỡ khi cần đến. Chao ôi, nếu ông hiểu được, sống với cái bọn man rợ ấy thật khủng khiếp!... Chúng nó theo dõi thường xuyên. Bọn chi đoàn ra lệnh tịch thu cả đến chiếc đàn dương cầm. Ông thử nghĩ mà xem, chúng lấy đàn dương cầm của nhà tôi! Thế mà được à?

Mụ vừa đi qua vừa hấp háy cặp mắt dâm đãng nhìn chầm chặp Pếtka, nhăn nhó một cách ghê tởm và, nhận ra anh, mụ thì thào với tên sĩ quan Măcnô:

- Thằng chủ tịch chi đoàn Kômxômôn đấy... Một tên cộng sản cuồng nhiệt... Đối với nó ông nên tìm cách mà...

Tiếng váy sột soạt làm Pếtka không nghe hết câu.

Một phút sau chúng gọi anh vào phòng.

- Vào căn phòng ở trong góc, mau lên, đù mẹ mày!

Viên sĩ quan râu trắng bạc, đội mũ lông cừu trắng cao chỏm, ngồi sau bàn.

- Mày là đoàn viên Kômxômôn hả?

- Vâng.

- Mày đã bắn vào quân đội chúng tao?

- Có bắn...

Tên sĩ quan Măcnô trầm tư cắn đuôi râu, hất hàm nhìn lên qua đầu Pếtka, hỏi:

- Chúng tao đem mày ra bắn, không oan chứ?

Pếtka lấy bàn tay chùi máu ứa trên môi, nói cứng cỏi:

- Các người không bắn hết được đâu.

Tên sĩ quan Măcnô ngồi trên ghế quay ngoắt lại phía sau, gọi to:

- Anh Đônhưsep, anh nhận lấy thằng này và phái trung đội Hai đưa nó đi dạo chơi!

Chúng dẫn Pếtka đi. Tên lính dẫn đường ở ngoài thềm lấy dây lưng gô hai tay Pếtka lại, siết nút chặt, hỏi:

- Không đau chứ?

- Đừng nói lôi thôi, - Pếtka nói và đi ra cổng, hai tay bị trói giật vung vẩy một cách khó chịu.

Tên lính dẫn đường khép cửa giậu ở phía sau và hạ khẩu súng trên vai xuống.

- Gượm đã, trung đội trưởng đang đi kia kìa!

Pếtka đứng lại. Anh thấy rất khó chịu vì cầm ngứa, nhưng hai tay bị trói gô không sao gãi được.

Tên trung đội trưởng dáng người thấp lùn, chân thọt, đang đi tới. Mùi nhựa chưng phả ra từ đôi ủng cao kiểu Anh. Y hỏi tên lính dẫn đường:

- Dẫn đến chỗ tôi hả?

- Đến chỗ anh đây, tôi được lệnh phải tức tốc đưa đến chỗ anh!

Trung đội trưởng đưa cặp mắt ngái ngủ nhìn Pếtka:

- Thiên hạ thật kỳ quặc... Dây vào cái thằng nhóc này chỉ tự mình chuốc lấy cái khổ.

Y chau dôi mày hung hung, nhìn Pếtka một lần nữa rồi cất tiếng chửi đổng, quát to:

- Đi đến chái nhà kho, quân ngu si đần độn!... Nào!... Nghe thấy không, và hãy đứng quay mõm vào tường!...

Tên sĩ quan Mácnô râu bạc từ phòng ban tham mưu bước ra thềm, ngả người qua lan can có chạm trổ, nói:

- Anh trung đội trưởng, nghe thấy không? Thôi, đừng bắn nó nữa, để nó đấy cho tôi!

Pếtka bước lên thềm, đứng tựa cửa. Tên sĩ quan râu bạc tiến lại sát anh, vừa nói vừa cố nhìn vào khoé mắt ti hí bết máu:

- Cậu gan đấy. Ta tha cho cậu và sẽ viết thư gửi tướng quân chỉ huy quân đội. Cậu sẽ phục vụ bọn ta chứ?

- Vâng, - Pếtka nói, mắt nhắm lại.

- Không chạy trốn chứ?

- Nếu các ông cho ăn, cho mặc, sẽ không chạy...

Tên sĩ quan râu bạc cất tiếng cười, nhăn mũi:

- Có muốn trốn cũng không xong đâu. Ta sẽ để mắt theo dõi cậu, - rồi y quay về phía người dẫn đường, - anh Đônhưsep, hãy nhận cậu này vào đại đội của anh, phát cho cậu ta thứ gì cậu ấy cần trong đống quần áo cũ. Cậu ấy sẽ ở đội chở súng máy của anh. Quản cho chặt dấy. Tạm thời không giao súng cho cậu ta!

Y vỗ vai Pếtka, đoạn lắc lư trở vào nhà.

Đơn vị rời khỏi bản vào trưa ngày hôm sau. Pếtka ngồi cạnh Đônhưsep có bộ râu trê, lắc lư trên chiếc ghế xà ích, suy nghĩ mông lung, ngao ngán.

Đất bùn bị xéo nát ở trên đường sau trận mưa đóng thành từng cục. Cỗ xe chở súng máy nảy tung, ngật nga

ngật ngưỡng. Hàng cột điện báo chậm rãi chạy qua, con đường ngoằn ngoèo vô tận.

Trong các thôn, bản vang lên những tiếng kêu í ới, những con mắt nông dân nhìn gườm gườm dưới đôi mày, những tiếng khóc thảm thiết của phụ nữ...

Đoàn Hai tách khỏi quân đoàn và đi về hướng Milêrốp. Quân đoàn di chuyển chếch theo phía trái.

Trước lúc chiều tối, Đônhưsep lấy từ dưới ghế xà ích ra chiếc bánh mì đã bẹp dúm và bổ quả dưa hấu. Vừa nhai, y vừa ném cho Pếtka.

- Ăn đi cậu, bây giờ thì cậu theo bọn ta rồi!

Pếtka ăn ngấu nghiến miếng dưa chín và mẩu bánh mì sực mùi mồ hôi ngựa.

Đônhưsep cầm rìu cắt thêm mẩu bánh nữa, đưa cho Pếtka.

- Có điều ta không hy vọng ở cậu! Ta cứ nghĩ là cậu sẽ chạy trốn bọn ta ! Cứ chặt đầu cậu đi, là yên tâm nhất!

- Không, bác ạ, bác nghĩ thế vô ích. Tôi trốn khỏi các bác để làm gì? Biết đâu, các bác đi đánh nhau vì lẽ phải.

- Đúng thế, vì lẽ phải. Vậy cậu nghĩ sao?

Pếtka sửa lại tấm băng trên mắt và nói:

- Nếu vì lẽ phải, sao các bác lại ức hiếp nhân dân?

- Bọn ta ức hiếp nhân dân cái gì nào?

- Lại còn cái gì nữa? Đủ thứ! Này nhé, các bác vừa đi qua thôn, bác đã cướp sạch số lúa đại mạch còn lại của người nông dân cho ngựa. Mà con cái họ thì không còn có gì ăn.

Đônhưsep cuốn một điếu xì gà, hút.

- Đó là lệnh của tướng quân.

- Vậy nếu tướng quân ra lệnh treo cổ tất cả nông dân thì sao?

- Hừm... Cái cậu này hỏi hóc búa nhỉ!

Đônhưsep ngả đầu nhả làn khói thuốc lá vương thành một vệt dài, lặng thinh.

Đến trạm trú đêm, đại đội trưởng Kirinkha - vốn là tay thuỷ thủ có bộ mặt rỗ hoa và chơi đàn gió - gọi Pếtka lên, y vừa nói vừa vung vẩy khẩu súng ngắn *mode*.

- Mày ấy à, chết giẫm cái con mẹ mày đi, lần này đã vậy, hễ mày còn giở giọng nói chính trị - tao sẽ ra lệnh dựng nòng súng trên xe và treo ngược mày lên, quân chó đẻ... rõ chưa?

- Rõ rồi, - Pếtka đáp.

- Thôi xéo khỏi đây mau và hãy nhớ lấy, thằng mắt chột, hễ còn nho nhoe, tao khoét nốt mắt kia và treo cổ mày lên đấy!...

Pếtka hiểu rằng cần phải làm công tác tuyên truyền một cách thận trọng hơn. Hai ba ngày sau anh cố gắng sửa chữa việc làm sơ hở của mình: anh hỏi han Đônhưsep về tướng quân, về chuyện họ đóng quân ở những vùng nào, nhưng y một mực lặng thinh, mắt gườm gườm nhìn Pếtka với vẻ nghi ngờ, nói dằn từng tiếng cộc lốc qua đôi môi mím chặt. Song do sự ân cần phục dịch và thái độ kiêng nể của Pếtka đối với y, với Đônhưsep (quê y chẳng phải ở đâu xa lạ, mà gốc gác ở Gulai-Pôlia, và phải nói là y đã từng sống với Nhexche Măcnô trong quan hệ "láng giềng thân cận", y bắt đầu có thiện cảm với anh;

Đônhưsep trò chuyện với Pếtka vui vẻ hơn, và ngày hôm sau đã giao cho anh khẩu các bin với tám chục viên đạn.

Cũng trong ngày đó, trước lúc chiều tối, đại đội nghỉ lại ở gần bản Kasảa. Đônhưsep tháo ngựa khỏi xe chở súng, đưa cho Pếtka chiếc thùng đựng trà, nói:

- Cậu hãy phóng ngựa đến rặng liễu kia, ở đó có cái ao, lấy nước đem về đây ta nấu cháo!

Pếtka cố nén con tim đang nhảy choi choi, phóc lên ngựa và thủng thẳng cho ngựa đi tới bờ ao.

"Đi tới ao, rồi từ đó lên núi và chuồn thẳng", - một ý nghĩ vụt thoáng trong đầu.

Đến ao, anh đi vòng quanh chiếc đập nước hẹp đã sụt một nửa, lẳng lặng quẳng thùng trà đi và lấy hai gót giày thúc vào mạng sườn ngựa, phóng lên đồi. Như để cảnh cáo, một viên đạn bay chíu ngay phía trên đầu, cạnh nơi trú quân vang lên một tiếng súng nổ, cặp mắt mờ đục của Pếtka ước lượng khoảng cách từ chỗ anh đứng đến nơi đóng quân: vẻn vẹn có hơn nửa dặm.

Anh nghĩ bụng: "Nếu phóng lên núi, chắc chắn sẽ ăn đạn". Anh đành quay ngựa trở lại.

Đônhưsep treo xong nồi khoai tây lên đầu nòng súng, nhìn Pếtka, nói:

- Hễ còn dở trò nữa - ta sẽ bắn chết! Hãy nhớ lấy!

VII

Sáng sớm tinh mơ, tiếng nói ồn ào, đã đánh thức Pếtka. Anh thức dậy, tháo tấm vải che cỗ xe chở súng máy ban đêm. Tiếng hò hét vang lên ầm ĩ giữa khoảng trời thu xanh xanh đang nhạt dần.

- Bác ơi, cái gì ồn ào thế?

Đônhưsep đứng trên ghế xà ích, dướn cả người lên, tay cầm chiếc mũ lông xù cao chỏm vẫy vẫy, và mặt đỏ gay vì đang cố gân cổ lên hô:

- Kính chào tướng quân!... U-ra-a![1]

Pếtka dứng nhỏm dậy, nhìn thấy cỗ xe với bốn con ngựa ô đang chạy bon bọn trên đường. Những con ngựa sùi bọt từng cục tròn trắng xoá, xung quanh là lính kỵ binh, còn bản thân Măcnô bị thương ở ngoại vi Trecnưsépxkaia thì cắp nang dưới nách, đôi môi nhăn nhúm không rõ vì đau hay vì cười mỉm? Tấm thảm từ cửa sau xe rủ xuống tận mặt đất, bụi đất cuồn cuộn như mớ tóc rối trên hai bánh xe sau.

Cỗ xe ngựa chạy vụt qua và lát sau chỉ còn bụi mù bốc lên đằng xa trên mặt đường, và những tiếng ồn ào cũng tan dần rồi im bặt.

---

[1] *Tiếng hoan hô.*

VIII

Đã ba ngày qua. Đoàn Hai tiến về phía đường xe lửa. Trên đường không xảy ra một trận đánh nào. Các đơn vị hồng quân ít người rút lui về phía sông Đông. Pếtka đã làm quen với toàn đại đội: trong số một trăm rưởi quân thì hơn sáu chục người là lính hồng quân chạy sang hàng ngũ phỉ, số còn lại - người tứ xứ bị bắt vào lính.

Có lần ở nơi trú đêm, binh lính tụ tập quanh đống lửa, nhảy điệu vũ dân tộc giậm chân theo tiếng đàn gió. Mặt đất phủ lớp tuyết mỏng kêu lắc rắc, ròn tan dưới chân.

Đônhưsep quỳ gối nhảy vòng tròn, đôi bàn tay vỗ xuống hai đầu gối bám đầy bụi và thở phì phò như con ngựa đang thở dốc.

Sau đó họ trải những chiếc áo dạ lính và áo da cừu ra, nằm quanh đống lửa. Anh chàng lính bắn súng máy Mangiulô nhấc que củi cháy dở lên châm thuốc, nói:

- Có chuyện lan truyền trong anh em ta: họ kháo nhau rằng tướng quan sẽ dẫn chúng ta qua Sakhơta đến biên giới Rumani rồi sẽ bỏ quân đội ở đó, một mình chạy sang Rumani.

- Cậu chỉ nói vớ vẩn! - Đônhưsep càu nhàu.

Mangiulô sửng cổ lên, văng tục ra chửi Đônhưsep, chỉ tay về phía y, hét to:

- Đây là con cưng của thằng ngốc ấy đấy! Hắn chỉ đáng giá hai chục rúp thôi! Còn anh, đồ con lợn, tưởng rằng hắn sẽ mời anh lên xe của hắn chắc?

- Ông ta không thể bỏ quân đội được! - Đônhưsep cáu tiết quát lên.

- Đồ ngốc! Mẹ tiên sư nhà anh! Đời nào vua Rumani lại cho phép hai vạn người vào nước mình! - Anh chàng bắn súng máy tức tím mặt, quát to.

Mọi người đồng tính với anh ta.

- Cậu nói đúng đấy!...

- Bắn trúng đích đấy, Mangiulô ạ!...

- Họ chỉ cần đến chúng ta, khi nào ta còn đổ máu vì tướng quân và vì các ả tình nhân của ông ta đem theo...

- Ô-hô-hô!... ha-ha-ha!... Cho hắn một trận đi, anh em! - Những tiếng hò hét vang phía trên đống lửa.

Đônhưsep đứng dậy và vội vàng đi tới chỗ xe của tên sĩ quan. Mọi người huýt sáo chói tai, ê hề nhìn theo y, có ai đó ném theo cả cành củi đang cháy.

- Hắn đi mách lẻo đấy... Được... Có chiến sự, chúng ta sẽ cho hắn một phát vào gáy!

Pếtka nhìn thấy gã đại đội trưởng Kiriukha đang đi tới đống lửa và anh lảng ra xa.

- Các anh làm gì thế này? Ai trong bọn các anh muốn chui vào dây thòng lòng đấy?... Đứa nào muốn đánh đu trên các cột dây thép, hử? Nào, hãy nói đi nào!

Mangiulô đứng nhỏm dậy, xấn đến sát đại đội trưởng, vừa nói vừa thở dốc, đứt quãng:

- Anh Kiriukha, chớ có dùng đòn sóc! đòn sóc nó có hai đầu!... Hãy bỏ những lời lẽ đê tiện ấy đi!

- Được, lại ban tham mưu!

Kiriukha túm lấy tay áo anh lính súng máy, nhưng mọi người xung quanh bắt đầu la hét, đứng bật cả dậy; cùng một lúc bức tường của những chiếc mũ lông xù cao chỏm siết chặt phía sau tay đại đội trưởng.

- Không được động đến anh ấy!

- Chúng tôi xé xác anh ra bây giờ!

- Chúng ông sẽ hất lộn nhào cả mày lẫn ban tham mưu cho mà coi!

Họ bắt đầu dần dần dồn ép Kiriukha, có người nào đó vung tay cho hắn một cái tát đánh bốp. Chiếc áo khoác xanh của tay sĩ quan rách toạc ở cổ. Tiếng quy lát mở lạch xạch. Tên sĩ quan lao người định bỏ chạy, tiếng kêu rên rỉ bay trong không trung.

- Báo động !... Bọn phản...

Anh lính súng máy lấy bàn tay bịt miệng hắn, ghé sát vào tai:

- Hãy cút đi và câm cái miệng... Kẻo sẽ ăn một phát đạn vào lưng!

Anh ta rẽ đám binh lính Măcnô đang xúm xít lại, dẫn tên sĩ quan đến chiếc xe đầu tiên, rồi trở lại đống lửa.

Những giọng cười hô hố lại vang lên, tiếng đàn gió kéo re ré, đám người nhảy nện gót giày thình thịch, còn ở bên cạnh chiếc xe ngựa, Đônhưsep bị vật ngã xuống đất, binh lính lấy đai lưng bịt miệng y, nện y bằng báng súng và lấy chân giẫm đạp hồi lâu

Ngày hôm sau, tên lính cần vụ từ ban tham mưu đơn vị phóng ngựa tới, chuyển cho đại đội trưởng mảnh giấy xe ở sổ tay dây đầy mỡ. Trên mảnh giấy vẻn vẹn có mấy chữ viết ngoáy bằng bút chì: "Tôi hạ lệnh cho đại đội đánh chiếm nông trường quốc doanh."

IX

Từ trên đồi nhìn rõ nông trường quốc doanh. Phía sau bức tường đá trắng chạy ngoằn nghèo là những ngôi nhà gạch, cột ống khói cao của nhà máy gạch.

Đại đội trung đoàn xe, chở súng máy ra đường, rồi không đi theo đường cái, nối đuôi nhau tiến về phía nông trường.

Đại đội trưởng Kiriukha, mặt băng chiếc khăn vuông len của phụ nữ đi đằng trước. Con ngựa ô cái y cưỡi cứ vấp dúi dụi, chốc chốc y lại ngoái cổ nhìn hàng quân thưa thớt đang lặng lẽ bước đi ở phía sau.

Pếtka đi trong hàng thứ bảy ở cánh bên trái. Không hiểu sao anh có cảm giác rằng hôm nay, chỉ lát nữa, sẽ phải xảy ra một điều gì lớn lao và hệ trọng. Và sự chờ đợi đó làm anh cảm thấy mỗi lúc một thêm phấn chấn.

Khi đến gần nông trường, tới tầm bắn, đại đội trưởng nhảy xuống ngựa, hô:

- Nằm xuống!

Quân lính, tản ra gần khe. Họ nằm rạp cả xuống. Một loạt đạn nã loạn xạ vào bức tường đá. Khẩu liên thanh đặt trên mái nhà của nông trường bắt đầu dè dặt

lên tiếng tặc tặc. Trên sân, thấp thoáng những bóng người. Đạn rơi xuống phía sau hàng quân, cày mặt đất, hất tung những đám bụi mù đang tan dần.

Ba lần đại đội tấn công và ba lần phải rút về khe. Lần cuối cùng, khi Pêtka chạy trở lại, anh thấy Đônhưsep nằm phủ phục bên cạnh hang chuột đồng, anh cúi xuống nhìn: trên trán Đônhưsep, ở phía dưới chiếc mũ cao chỏm, có một vết thủng. Pêtka hiểu lính của y đã bắn trộm y: đường đạn hầu như trực diện, vào giữa mặt, bên trên mắt.

Lần thứ tư, đại đội trưởng Kiriukha tuốt thanh kiếm cong của xứ Cápca ra khỏi bao và giương đôi mắt vàng nhờ nhìn toàn đơn vị, miệng rít lên khản đặc:

- Anh em tiến lên! Theo tôi!

Nhưng đám binh lính không nhúc nhích khỏi chỗ đứng, bắt đầu la ó ầm ĩ. Mangiulô, anh lính súng máy, tháo quy lát khỏi khẩu súng trường quẳng đi, hét:

- Anh dẫn chúng tôi đến chỗ chết hả? Chúng tôi không đi!...

Pêtka cảm thấy những ngón tay anh giá cóng, nhưng toàn thân đẫm mồ hôi nhớp nháp. Anh cất giọng oang oang:

- Anh em ơi!... Anh em đổ máu vì cái gì? Vì cái gì mà anh em phải chết, phải bắn giết những người lao động cũng như anh em?...

Những tiếng nói im bặt. Phút chốc Pêtka cảm thấy chiếc dây quai súng trong tay anh đổ mồ hôi.

- Anh em ơi! Chúng ta hãy bỏ súng xuống! Mỗi người chúng ta đều có gia đình thân thuộc... Hay là anh em

không thương vợ con? Anh em có nghĩ rằng nếu chúng giết hết các anh thì vợ con sẽ ra sao không?

Tên sĩ quan rút khẩu súng ngắn ra khỏi bao, nhưng Pếtka đã chặn ngay hành động đó của y, giương khẩu súng trường lên, hầu như không ngắm, bắn vào chiếc áo khoác xanh mở phanh. Kiriukha lảo đảo như con quay và ngã vật xuống đất, hai tay ôm ngực.

Binh lính vây lấy Pếtka, những người đứng ở phía sau giáng báng súng xuống anh, vật anh ngã dúi xuống đất. Nhưng anh lính súng máy Mangiulô giang rộng hai cánh tay cúi xuống trước mặt anh, cất giọng tức tối la hét:

- Thôi!... Không được đánh chết anh ta!... Thôi, để anh ta nói hết đã, rồi ta hãy khử!

Anh ta nhấc Pếtka dậy, lắc lắc người anh:

- Nói đi!

Trước mắt Pếtka bồng bềnh, mặt đất và những mảng trời mây bờm xờm. Anh trút hết tàn lực nói một hơi:

- Cứ việc giết tôi đi!... Thế là xong!...

Đám người ở phía sau thét to:

- Nói to lên nào... Không nghe thấy gì cả!

Pếtka lấy ống tay áo chùi máu chảy từ thái dương, cất cao giọng:

- Anh em hãy suy nghĩ cho kỹ. Mácnô sẽ đưa anh em đến Rumani rồi bỏ các anh!... Y chỉ cần đến các anh lúc này thôi!... Ai muốn làm nô lệ, sẽ đi theo y, những người còn lại sẽ bị Hồng quân tiêu diệt. Còn nếu bây giờ chúng ta ra hàng, chúng ta sẽ không sao cả...

Trong khe ẩm ướt. Xung quanh im ắng. Mọi người cảm thấy khó thở, dường như thiếu không khí...

Gió thổi dạt những đám mây đen xuống là là trên mặt đất. Xung quanh im ắng... im lặng như tờ...

Anh lính súng máy đưa tay lên lau trán, khẽ hỏi:

- Thế nào, anh em?

Những cái đầu cúi gằm. Ở phía xa, gã đại đội trưởng Kiriukha đang cấu xé chiếc áo cánh trên bộ ngực bị bắn xuyên thủng, giãy đạp hai chân lần cuối cùng, rồi nằm im, người khẽ giật giật.

- Ai ra hàng - đứng sang bên phải! Ai không muốn - sang bên trái! - Pếtka hét to.

Anh chàng lính súng máy phủi tay một cách tuyệt vọng và bước sang phía bên phải, mọi người hối hả và chen chúc ào theo anh ta. Còn lại chừng tám người đứng yên tại chỗ, chần chừ, do dự một lát, rồi cũng chạy sang với họ.

Năm phút sau, tất cả kéo về phía nông trường quốc doanh. Pếtka và anh lính súng máy Mangiulô đi trước. Trên đầu lưỡi lê đã han gỉ của Pếtka buộc một mảnh áo lót màu trắng rách bươm thay lá cờ.

Từ trong cổng nông trường, một tốp người kéo ùa ra. Những tay súng ở trong tư thế sẵn sàng, họ nhìn với vẻ ngờ vực.

Cách chừng ba trăm bước, đại đội dừng lại. Pếtka và Mangiulô tách khỏi đội ngũ, tay không mang súng đi về phía nông trường. Hai nông trang viên tiến đến gặp gỡ. Họ gặp nhau ở quãng giữa đường. Họ trò chuyện với nhau dăm ba câu. Một nông trang viên râu ria xồm xoàm ôm chầm lấy Pếtka, Mangiulô, đưa tay lên quệt râu, hôn họ vào bên má.

Những tiếng ồn ào tán thưởng cất lên từ hai phía. Đại đội quẳng súng ống thành một đống, kêu xủng xoảng và từng người, hai người một, từng tốp, họ đi vào nông trường qua chiếc cổng mở toang.

Phái viên của UBĐB[1] từ trên khu xuống nông trường quốc doanh. Người đó hỏi han Pếtka, ghi chép những lời khai vào sổ tay rồi bắt cả hai tay anh, lên đường.

Một bộ phận lính Măcnô sáp nhập vào trung đoàn kỵ binh Hồng quân đang truy nã Măcnô, số còn lại lên khu, bổ sung cho phòng quân sự. Pếtka ở lại nông trường.

Sau những chuyện đã xảy ra, được nằm bất động trên giường thật là khoan khoái. Dường như nỗi đau buốt trong trũng mắt trống rỗng đã dịu dần. Dường như chưa hề có ai lôi kéo Pếtka trong nút dây thòng lọng, chưa hề có ai đánh anh nhừ tử cả... Cái quá khứ mới đây hình như anh chẳng nhớ đến, Pếtka không muốn nhớ tới nó.

Nhưng khi anh đi ngang qua chiếc gương nứt rạn ở câu lạc bộ nông trường, thoáng nhìn thấy bộ mặt xám ngoét, tàn phế của mình, thì nỗi đau khổ lại khiến đôi môi anh rúm lại và cảm thấy khó thở hơn.

Hôm thứ ba, lúc chập tối, bí thư chi đoàn nông trường vào phòng gặp Pếtka. Anh ta ngồi xuống giường cạnh Pếtka, co đôi chân dài ngoẵng mang bốt đi săn lên, húng hắng ho.

---

[1] *Từ viết tắt của Ủy ban đặc biệt.*

- Một tiếng nữa anh tới câu lạc bộ dự phiên họp toàn thể nhé.

- Được rồi, tôi sẽ đến.

Bí thư chi đoàn ngồi lại một lát, rồi đi. Một giờ sau Pếtka có mặt ở câu lạc bộ. Anh nghe báo cáo của chủ tịch nông trường quốc doanh, kỹ sư nông học, quản đốc nhà máy gạch và cán bộ thú y. Trước mắt Pếtka, một cuộc sống ổn định, chạy đều như máy đồng hồ, hiện lên qua những con số tổng kết.

Biên bản. Thảo luận nghị quyết. Ý kiến đề nghị.

Bí thư chi đoàn xin phát biểu về những công việc trước mắt.

- Thưa các đồng chí, đoàn viên Kômxômôn Pếtka Kremnhep đang sống trong nông trường quốc doanh của chúng ta. Nhưng anh em đều rõ, chúng ta biết ơn đồng chí đó, vì đồng chí đã bảo vệ nông trường khỏi bị phá huỷ. Chi đoàn đề nghị đưa đồng chí Pếtka Kremnhep lên khu điều dưỡng, sau đó sẽ cử đồng chí nhận nhiệm vụ trong nhà máy của chúng ta. Đề nghị biểu quyết. Ai "đồng ý"?

Mọi người nhất trí. Không ai không biểu quyết. Nhưng Pếtka rời chiếc ghế dài đứng dậy, giọt nước mắt mờ đục của anh từ hố mắt trống rỗng chảy trào xuống gò má. Đôi môi Pếtka méo xệch. Anh đứng một lát, nheo nheo con mắt nhìn cuộc họp và khó khăn lắm mới điều khiển được cái lưỡi bướng bỉnh, anh nói:

- Xin cám ơn, nhưng tôi không thể ở lại với các đồng chí. Tôi phấn khởi nếu được làm việc cùng với các đồng chí... Nhưng mà... thế này các đồng chí ạ: cuộc sống của

các dồng chí đang trôi chảy, còn ở kia... ở trong bản làng, từ nơi đó tôi tới đây, cuộc sống còn trục trặc lắm, anh em cố gắng mãi mới ổn định được công việc, thành lập được chi đoàn, nhưng hiện nay có lẽ nhiều anh em không còn nữa... bọn Măcnô đã giết họ... và tôi muốn được tới đó, ở đấy cần cán bộ nhiều hơn...

Mọi người im lặng. Mọi người đều nhất trí. Không khí câu lạc bộ trầm lặng.

XI

Hầu như cả nông trường kéo ra tiễn chân Pếtka. Trời dổ tối, khi Pếtka chia tay với anh em, leo lên đồi. Bóng tối trùm lên mặt đường và hàng cột dây thép câm lặng...

Con đường cái Ghếtman nằm cao hơn những đỉnh đồi tròn nhô lên cau có, trườn theo ven sông Đông. Pếtka lặng lẽ bước đi.

Tiếng nện gót chắc nịch âm vang trong bóng tối như nêm, giữa cảnh tĩnh mịch hoang vắng của ban đêm đang yên giấc. Nhũ tuyết lép bép dưới chân. Những hố chân ngựa phủ một lớp băng mỏng. Băng vỡ kêu lách tách ròn tan, nước lạnh giá ộp oạp.

Vầng trăng đỏ ối như khó khăn lắm mới ló ra được từ sau khu đồi mộ để đứng gác con đường cái. Những cái bóng bồng bềnh vằn vèo, chênh chếch trải ra trên thảo nguyên. Con đường cái bóng nhãy, màu trắng bạc, ánh sáng xanh hắt xuống phủ lên lớp băng mỏng.

Pếtka bước đi lặng lẽ, miệng há to thèm khát hít thở không khí. Từ trong đám cỏ ngải úa tàn ven đường, thoảng mùi hăng hắc khó chịu...

Con đường chạy ngoằn ngoèo vô tận, nhưng Pếtka vững bước đi tới màn đêm đang xáp lại gần, và từ sau vòm trời xanh một ngôi sao năm cánh toả ánh sáng màu xanh lục mờ nhạt soi đường anh đi.

1925

TRẦN VĨNH PHÚC *dịch*

Thằng con nhà hư đốn

Miska nằm mơ thấy dường như ông vừa bẻ trong vườn một cành anh đào tươi, bước tới bên nó, tay vung cành cây, miệng nghiêm khắc bảo:

- Nào lại đây, thằng ranh Mikhailô Phômích, tao phải cho mày mấy roi vào chỗ hai chân mày mọc ra mới được!

- Vì tội gì, hở ông?

- Miska hỏi.

- Vì tội mày lấy cắp hết trứng ở ổ con gà lông xù đẻ trong chuồng rồi đem ra nhà du quay bán!...

- Ông ơi, năm nay cháu có ra chơi du quay đâu! - Miska sợ hãi kêu lên.

Nhưng người ông nghiêm nghị vuốt chòm râu rồi bỗng giậm chân giận dữ:

- Nằm xuống, thằng ranh con, tụt quần ra!

Miska hét lên và tỉnh dậy. Trống ngực đánh thình thịch, như thể nó vừa nếm trận roi thật. Nó mở ti hí mắt

trái - trong nhà đã sáng rõ. Bình minh chiếu yếu ớt bên ngoài cửa sổ nhỏ. Miska ngóc đầu dậy, nghe rõ tiếng nói ở phòng ngoài: mẹ đang rít lên, nói gì đó, cười sằng sặc, ông thì húng hăng ho và một giọng nói là lạ của người nào đó "Bu-bu-bu..."

Miska dụi mắt và nhìn thấy: cánh cửa mở rồi đóng sập lại, ông đang chạy vào buồng, dáng tung tăng, cặp kính nẩy chồm chồm trên sống mũi. Thoạt tiên, Miska nghĩ rằng cha đạo cùng bạn đồng ca nhà thờ tới nhà (thường cứ đến ngày lễ phục sinh, khi cha đạo tới, ông vẫn tất bật như vậy), nhưng theo sau ông, một quân nhân lạ mặt, vóc người to lớn, mặc áo dạ lính màu đen và đội chiếc mũ có dải nhưng không có lưỡi trai, chạy xộc vào buồng, còn mẹ thì hai tay bíu lấy cổ người lính đó, rú lên.

Đến giữa nhà, người lạ mặt lắc mẹ từ trên cổ tụt xuống và nói to:

- Còn thằng cu nối dõi của ta đâu rồi?

Miska sợ, rút vào chăn.

- Miska, con ơi, sao mày lại ngủ? Bố con từ đơn vị về đấy! - Mẹ nó kêu lên.

Miska chưa kịp chớp mắt thì người lính đã túm được nó, tung lên trần nhà, sau đó ghì sát vào ngực và cứ thế lấy bộ râu màu hung hung, chọc thật sự vào, môi, má, mắt nó. Râu dính cái gì đó ươn ướt, mằn mặn. Miska giẫy ra, nhưng không sao quẫy nổi.

- Xem này, cậu cả bônsêvích của tôi đã lớn thế này đây!... chẳng mấy chốc nó cao hơn bố! Ô hô! - Ông bố kêu lên và nựng lấy nựng để Miska, - hết đặt nó ngồi trên lòng

bàn tay vần nghịch, lại tung bổng nó lên tới tận xà ngang trần nhà.

Miska nén chịu hồi lâu, nhưng sau đó nó chau mày giống ông, ra bộ nghiêm khắc và túm lấy râu bố:

- Buông con ra, bố!

- Bố không buông đâu!

- Buông ra! Con lớn rồi, mà bố cứ nựng con như con nít ấy!...

Ông bố đặt Miska xuống đầu gối mình, vừa mỉm cười vừa hỏi:

- Thế con mấy tuổi rồi, hở cu con?

- Tám tuổi, - Miska vừa gườm gườm nhìn bố vừa làu bàu.

- Thế cu con còn nhớ năm kia bố làm cho con những chiếc tàu thuỷ không? Con còn nhớ bố con ta thả chúng trong ao không nào?

- Nhớ chứ ạ! - Miska nói to và rụt rè giơ hai tay ra quàng lấy cổ bố. Thế là vui vẻ cả: ông bố đặt Miska cưỡi lên cổ, giữ hai chân nó và chạy mấy vòng trong nhà, rồi vừa đá hậu vừa hí như ngựa, khiến Miska khoái chí cười ngặt nghẽo. Bà mẹ kéo tay áo thằng bé, la lối:

- Ra ngay ngoài sân chơi đi con! Ra ngay, bảo có nghe không nào, thằng quỷ sứ! - Rồi mẹ van vỉ bố: - buông nó ra, anh Phôma Akimức! Anh hãy buông nó ra đi!... Nó chẳng để cho em được ngắm anh một chút, chàng dũng sĩ của em. Hai năm trời không nhìn thấy nhau, vậy mà anh cứ đùa với nó thôi!

Ông bố đặt Miska xuống sàn và nói:

- Con chạy đi chơi với các bạn, lát nữa về đây bố cho kẹo.

Bước ra ngoài, Miska khép cánh cửa lại: ban đầu nó định đứng nghe lỏm câu chuyện trong nhà, nhưng rồi sực nhớ: chưa đứa nào biết bố đã về - thế là nó băng qua sân, giẫm lên cả những hốc khoai tây ngoài vườn, chạy vụt ra ao.

Miska tắm dưới nước ao tù mùi hôi thối, nằm phơi mình trên cát, hụp lần cuối cùng rồi một chân nhảy lò cò, xỏ chiếc quần cộc. Nó định quay về nhà, nhưng ngay lúc đó Vitka - con trai lão cố đạo - đi lại gần nó.

- Miska, đừng về vội! Tắm cái đã rồi đến chỗ chúng tớ chơi đi. Mẹ tớ đã cho phép đằng ấy đến nhà đấy.

Miska lấy tay trái kéo ống quần tụt, sửa lại đai quần ở trên vai và miễn cưỡng nói:

- Tớ chả muốn chơi với đằng ấy. Tai đằng ấy thối lắm!...

Vitka ranh mãnh nheo mắt trái, vừa tuột chiếc sơ mi len dệt khỏi đôi vai gầy guộc vừa nói:

- Vì bệnh tràng nhạc đấy mà, còn đằng ấy là thằng nông dân, mẹ đằng ấy đã đẻ đằng ấy ở bên bờ rào!...

- Thế thằng nào nhìn thấy à?

- Tớ nghe chị bếp nhà tớ kể cho mẹ tớ thế.

Miska lấy chân cời cát và nhìn Vitka từ đầu xuống chân.

- Mẹ mày nói ba toang! Chẳng gì bố tao cũng đã đi đánh nhau ngoài mặt trận, còn bố mẹ mày là kẻ khát máu và gặm bánh mì của những người khác!

- Thằng con nhà hư đốn!... - con lão cố đạo bĩu môi hét to.

Miska vớ ngay lấy lấy hòn đá cuội bị nước xói mòn, nhưng con lão cố đạo cố cầm nước mắt và mỉm cười mơn trớn:

- Đằng ấy chớ gây gổ. Miska, đừng giận tớ! Đằng ấy có thích tớ cho đằng ấy con dao găm bằng sắt của tớ không?

Cặp mắt Miska ánh lên vui sướng, nó quẳng hòn đá cuội đi, nhưng, sực nhớ đến bố, nó nói hãnh diện:

- Bố tớ đem từ mặt trận về cho tớ con dao găm tốt hơn của đằng ấy cơ!

- Cậu chỉ phịa - Vitka không tin, kéo dài giọng.

- Cậu phịa thì có!... Tớ đã bảo: bố tớ đem về là đem về thật mà!... và một khẩu súng tươm lắm...

- Gớm, cậu giầu nhỉ! - Vitka cười khẩy, vẻ ghen tị.

- Bố tớ có cả mũ lông nữa, trên mũ có quả lông xù và những chữ vàng, y như trong các sách của đằng ấy.

Vitka nghĩ mãi cách làm cho Miska phải ngạc nhiên, nó nhăn trán và gãi gãi cái bụng xanh nhợt.

- Bố tớ sắp được lên giáo chủ, còn bố đằng ấy trước kia chỉ là gã chăn bò. À hả, thế nào?...

Miska chán không muốn đứng đó nữa, quay lưng đi về phía vườn rau. Thằng con cha cố gọi với nó:

- Miska, Miska, tới nói với cậu cái này!

- Nói đi.

- Hãy lại gần tớ!

Miska đến gần và liếc mắt nhìn với vẻ hoài nghi:

- Nói đi nào!

Thằng con cố đạo nhún nhẩy đôi chân ống sậy, vòng kiềng trên cát, vừa mỉm cười vừa nói to với vẻ độc địa:

- Bố mày là cộng sản! Khi nào mày chết, hồn may sẽ bay lên trời, ông trời sẽ bảo: "Vì bố mày là cộng sản, nên mày phải xuống âm phủ!..." Ở đó bầy quỉ sứ sẽ bỏ mày vào vạc dầu mà nấu.

- Thế mày tưởng là mày không bị bỏ vạc dầu hử?

- Bố tao là cha cố !... Mày là thằng vô học không hiểu gì cả...

Miska đâm hãi. Nó quay đi và lẳng lặng chạy về nhà.

Nó dừng lại ở bên cạnh hàng rào vườn, vừa giơ nắm đấm lên doạ con lão cố đạo vừa nói to:

- Được, tao sẽ hỏi ông tao. Mày mà nói láo thì chớ có đi qua sân nhà tao nữa nhé!

Nó nhảy qua hàng rào, chạy về đến nhà, nhưng trước mắt cứ hiện lên cái vạc dầu và bầy quỉ sứ bỏ nó, bỏ Miska vào nấu trong đó... Ngồi trong vạc dầu người nóng bỏng rẫy, còn xung quanh váng sữa sôi sùng sục và sủi bọt. Nó thấy sởn gai ốc, mong chạy thật nhanh đến chỗ ông để hỏi cho ra nhẽ...

Chẳng may một chú lợn bị mắc kẹt ở cổng sân. Đầu nó bên này cổng, còn thân nằm bên kia, bốn chân tì mạnh xuống đất, cái đuôi ngoe nguẩy và miệng kêu eng éc. Miska liền chạy lại giúp một tay: nó thử mở cánh cổng, nhưng chú lợn bắt đầu rên rỉ. Nó cưỡi lên mình con vật, chú lợn lấy hết sức lật cánh cửa, kêu rống lên một tiếng rồi xổ qua sân tới kho để lúa mới gặt. Miska lấy đôi chân

thúc vào mạng sườn chú lợn, phóng đi, đến nỗi gió thổi tốc ngược tóc nó lại phía sau. Đến bên kho lúa mới gặt, nó nhẩy xuống, nhìn thấy ông đang đứng trên thềm, giơ ngón tay vẫy gọi nó:

- Lại đây, thằng bé ngoan của ông!

Miska không biết ông gọi nó làm gì, nhưng bỗng nó sực nhớ tới cái vạc dầu dưới âm phủ và thế là ba chân bốn cẳng chạy lại chỗ ông.

- Ông ơi, thế trên trời có quỷ sứ không hả ông?

- Bây giờ tao sẽ cho mày biết tay bọn quỷ sứ ấy! Tao phải cho mày một trận roi nên thân mới được!... Mày gớm nhỉ, đồ ăn hại, tại sao lại cưỡi lợn chạy rong, hử?...

Người ông túm lấy chỏm tóc của Miska, gọi mẹ nó ở trong buồng ra:

- Cô ra mà xem thằng con tài ba của cô đây này:

Bà mẹ chạy vụt ra.

- Sao ông mắng nó vậy?

- Lại còn sao nữa? Tao đứng đây, thế mà nó cứ cưỡi con lợn chạy rông trên sân, làm gió cuốn bụi bốc mù!...

- Nó cưỡi con lợn chửa à? - Bà mẹ kêu lên.

Miska chưa kịp mở miệng để thanh minh cho mình thì ông đã tháo dây lưng, tay túm lấy chiếc quần để nó khỏi tụt, còn tay phải kẹp đầu Miska giữa hai đầu gối. Ông cho nó một trận xong, rồi nói rất nghiêm khắc:

- Từ rày không được cưỡi lơn nữa nhá!... Không được cưỡi nữa nhá !...

Miska toan kêu la ầm ĩ lên, nhưng ông nó lại nói:

- À ra mày không thương thằng bố mày à, hở đồ mèo con? Bố mày vừa trở về, mệt lử, nằm chợp mắt một tý, mà mày định la ầm lên phải không?

Nó đành im lặng. Nó chực giơ chân đá ông một cái, nhưng không với tới. Bà mẹ túm lấy Miska, ẩy vào nhà:

- Mày ngồi đây, mẹ tiên nhân mày!... Rồi tao sẽ cho mày biết tay - tao thì cứ gọi là róc xương mày ra, chứ chẳng đánh như ông gãi đâu!...

Ông ngồi trên chiếc ghế dài trong bếp, chốc chốc lại liếc nhìn cái lưng Miska.

Miska quay lại phía ông, giơ nắm tay lên chùi nốt giọt nước mắt cuối cùng, tựa lưng vào cánh cửa, nói:

- Được rồi, ông... hãy nhớ đấy nhá!

- Thằng ranh con, mày doạ ông đấy hử?

Thấy ông lại tháo dây lưng, Miska vội vàng mở hé sẵn cánh cửa.

- À ra mày doạ tao, hả? - Ông hỏi lại.

Miska lẻn hẳn ra phía sau cửa. Nó vừa dòm qua khe hở, vừa chăm chú theo dõi từng động tác của ông, nói:

- Được rồi, được rồi, ông ơi!... Hễ răng của ông rụng, cháu sẽ không nhai cho ông đâu! Lúc ấy ông có nhờ, cháu cũng chả nhai!

Ông bước ra thềm nhìn thấy cái đầu của Miska nhấp nhô và hai ống quần màu xanh thấp thoáng trong vườn rau, giữa bụi gai dầu lá xanh mọc loà xoà. Ông còn giơ chiếc gậy chống lên doạ nó hồi lâu và nụ cười của ông lắng đọng lại trong chòm râu.

Đối với bố, nó là thằng Miska. Đối với mẹ - nó là Minhiuska. Đối với ông - những lúc ông âu yếm cháu - nó là thằng ranh, còn những khi đôi mày sâu róm bạc phơ của ông nhíu lại trên đôi mắt, thì: "Này, ông Mikhaiô Phômích, mời ông lại đây ăn cái béo tai!"

Còn đối với mọi người khác: với các bà hàng xóm hay đi kháo chuyện người, với đám trẻ, với cả bản - Miska là "Thằng con nhà hư đốn":

Mẹ đẻ ra nó từ khi còn là cô gái chưa chồng. Mặc dù sau đó một tháng, chị ta đã làm lễ cưới với anh chàng chăn bò Phôma, là bố đẻ thằng bé nhưng biệt danh "thằng con nhà hư đốn" như cái ung nhọt vẫn gắn cho nó suốt đời.

Miska trông gầy gò, bộ tóc của nó từ mùa xuân tựa như những cánh hoa hướng dương đang nở, cái nắng tháng sáu nóng bỏng đốt cháy xém, làm xù lên những chỏm tóc ngắn chỗ sẫm chỗ nhạt; hai má, giống như hai quả trứng chim sẻ lốm đốm đen, đầy tàn nhang, còn da mũi thì vì dãi nắng và tắm ao nhiều, bị tróc nứt nẻ. Cái đẹp duy nhất của thằng Miska chân vòng kiềng là đôi mắt. Đôi mắt xanh, tinh nghịch, nhìn từ hai kẽ mắt ti hí nom như hai giọt băng chưa tan trên mặt sông.

Chính vì đôi mắt ấy và vì tính hiếu động, tinh nghịch mà bố yêu Miska. Ông ta chưa giải ngũ trở về làm quà cho cậu con trai thứ bánh bàng mua ở Viadơ để lâu ngày đã rắn cấc và đôi ủng hơi rách. Đôi ủng mẹ nó bọc vào tấm khăn mặt cất vào hòm, còn bánh bàng thì ngay chiều hôm đó, Miska lấy búa đập trên bậu cửa, chén sạch.

Ngày hôm sau, Miska thức dậy từ lúc mặt trời mọc. Nó vục một vốc nước ấm trong bình gang, xoa đám ghét bẩn từ hôm qua ra khắp hai má, rồi chạy ra sân phơi cho khô mặt.

Mẹ nó đang lúi húi bên cạnh con bò, ông thì ngồi trên thềm đất ở chân tường. Ông gọi Miska lại.

- Thằng ranh đâu, chui vào gầm kho xem! Con gà mái ngoài đo cục tác mãi, chắc nó đẻ rồi đấy.

Miska bao giờ cũng răm rắp theo lệnh ông: nó bò bốn chân vào gầm nhà kho, rồi bò ra phía khác, nó vẫn thường làm như vậy! Nó lồ dò chạy qua vườn rau đến cái ao, ngoái cổ lại xem ông có nhìn nó không? Chưa kịp chạy tới hàng rào, hai chân đã bị cành tầm ma cào ngứa ran. Còn ông nó thì vẫn ngồi đợi, đằng hắng lên mấy tiếng. Đợi mãi không được, ông liền bò vào gầm kho. Người dính đầy phân gà, mắt lim dim vì bóng tối chập choạng và đụng đầu phải xà ngang đau điếng, ông bò đến đầu kia gầm kho.

- Ôi thằng Miska, mày thật là đồ ngốc!... Tìm thế nào mà mãi chẳng thấy, hả? Gà đâu có đẻ ở đấy hả? Trứng nó phải ở dưới hòn đá này chứ! Mày bò đi đâu rồi, hử thằng ranh?

Im lặng, chẳng nghe thấy tiếng trả lời. Ông cụ phủi cục phân gà dính ở ống quần, bò ra khỏi gầm kho. Nheo mắt nhìn hồi lâu về phía ao, ông cụ thấy Miska và phẩy tay...

Đám trẻ đứng bên bờ ao vây lấy Miska, hỏi:

- Bố mày ra trận, hả?

- Phải.

- Thế bố mày làm gì ở đó?

- Còn làm gì nữa - đánh nhau chứ sao!...

- Mày nói láo!... Ở đó bố mày chỉ giết chấy rận và gậm xương trong bếp!...

Đám trẻ cất tiếng cười hô hố, lấy tay chỉ chỏ vào Miska và nhảy nhót quanh nó. Đôi mắt Miska đẫm lệ vì bị xúc phạm đau đớn, đã thế Vitka - thằng con lão cố đạo - lại còn chọc thêm làm nó tủi thân.

- Thế bố mày là cộng sản phải không? - nó hỏi.

- Tao không biết...

- Tao biết, bố mày là cộng sản. Bố tao sáng nay nói bố mày đã bán linh hồn cho quỉ dữ rồi. Bố tao còn bảo nay mai người ta sẽ treo cổ hết bọn cộng sản !...

Đám trẻ im lặng, còn trái tim Miska như thắt lại. Bố nó sẽ treo cô - vì cớ gì? Nó nghiến chặt răng và nói:

- Bố tao có khẩu súng to đùng, bố tao sẽ giết hết bọn tư sản!

Vitka bước một chân lên phía trước, nói với giọng đắc thắng:

- Bố mày làm cóc gì nổi! Bố tao sẽ không ban phước cho bố mày, mà không được ban phước thì bố mày đừng hòng làm gì sất!

Prôska, con gã chủ quán, phồng hai lỗ mũi, hích vào ngực Miska và hét to:

- Mày đừng có vênh váo về bố mày! Khi bắt đầu cách mạng, bố mày đã tịch thu đồ hàng của bố tao, bố tao bảo: "Được, chính quyền này mà đổ, thì ông sẽ giết thằng chăn bò Phôma trước tiên!..."

Nataska, chị của Prôska, giậm chân:

- Nện cho nó một mẻ, chúng mày ơi, sao lại đứng nhìn thế kia?

- Nện con thằng cộng sản đi!...

- Thằng con nhà hư đốn!...

- Prôska, đánh cho nó nổ đom đóm mắt ra!

Prôska vung cái que, quất xuống vai Miska. Thằng con lão cố đạo Vitka giơ chân ra ngáng và Miska ngã sập mặt xuống cát.

Đám trẻ la hét, nhảy xổ vào nó. Nataska rít lên the thé và lấy móng tay cào cổ Miska. Có đứa nào đó giơ chân đá rất đau vào bụng nó.

Miska hất được Prôska ra khỏi người mình, phóng vụt đi và luồn lách trên bãi cát như con thỏ chạy trốn đàn chó săn, ù té về nhà. Đám trẻ huýt sáo, ném đá, nhưng không đuổi theo.

Miska chỉ kịp hoàn hồn khi nó đã chúi cả đầu vào trong bụi cây gai dầu xanh um. Nó ngồi thụp xuống mặt đất ẩm ướt thơm thơm, chùi máu ở trên cổ bị cào cấu và oà lên khóc; mặt trời ở phía trên đầu luồn qua đám cành lá cố ngó nhìn đôi mắt của Miska, làm ráo những nước mắt trên má, và, như bà mẹ, âu yếm hôn vào chỏm tóc hung của nó.

Nó ngồi đó hồi lâu đợi cho ráo nước mắt, sau đó đứng dậy rón rén đi vào trong sân.

Dưới tấm mái che, ông bố đang tra dầu vào bánh cỗ xe thổ mộ. Chiếc mũ lông đội trễ xuống gáy, những dải quai mũ buông thõng, còn chiếc áo màu xanh ở trước ngực có những sọc trắng. Miska len lén tiến lại gần và đứng

cạnh cỗ xe. Nó im lặng hồi lâu. Rồi đánh bạo sờ tay bố, khẽ hỏi:

- Bố ơi, bố làm gì ở ngoài mặt trận?

Nụ cười của bố nở ra dưới chòm râu hung, bố nói:

- Bố đánh nhau, con ạ!

- Thế mà lũ nhóc con chúng nó bảo bố ở ngoài đó chỉ đi giết chấy rận thôi!...

Nước mắt lại trào lên nghẹn họng Miska. Ông bố cất tiếng cười vang và bế Miska lên tay.

- Chúng nó nói tầm bậy đấy, con yêu quí của bố ạ! Bố đi trên tàu biển. Con tàu lớn chạy trên biển, bố làm việc trên tàu đó, rồi sau đi đánh nhau.

- Bố đánh nhau với ai?

- Bố đánh nhau với bọn chủ giàu có, con yêu quý của bố ạ. Con hãy còn nhỏ, nên bố phải ra trận thay con đấy. Có bài hát nói như vậy.

Người bố mỉm cười và vừa nhìn Miska vừa giậm chân, khẽ hát:

Mikhailô, Mikhailô của ta ơi!
Anh chớ ra trận tuyến, mặc cho bố anh đi.
Bố anh tuổi già, đã hưởng thụ một đời...
Anh còn trẻ, anh chưa có vợ...

Miska quên cả chuyện bị đám trẻ xúc phạm và cất tiếng cười, vì chòm râu màu hung của bố dựng đứng ở phía trên môi như những nhánh cỏ gai mà mẹ thường dùng để bện chổi, còn đôi môi dưới chòm râu thì lập bập đến nực cười và miệng bố há ra như cái lỗ đen tròn.

- Bây giờ con đừng quấy bố nữa nhé, Miska. - Người bố nói, - để bố chữa cỗ xe đã, tối đi ngủ bố sẽ kể cho con nghe về chiến tranh nhé!

Ngày dài dằng dặc, như con đường dài quạnh hiu giữa đồng cỏ. Mặt trời đã xế bóng, đàn gia súc đã kéo qua bản, mặt đường đã lắng bụi và trên trời đổ tối, ngôi sao nhỏ đầu tiên đã lấp ló.

Miska nóng lòng sốt ruột, mà bà mẹ thì cứ như cố tình lúi húi mãi bên cạnh con bò, vắt sữa hồi lâu, đi xuống hầm kho và lục cục dưới đó suốt một tiếng đồng hồ. Miska chạy quẩn quanh bà mẹ.

- Sắp ăn chiều chưa hở mẹ?

- Đi đâu mà vội, chạy rông về đói rồi hả!...

Nhưng Miska không rời mẹ nửa bước: bà mẹ xuống hầm kho - nó cũng xuống theo, mẹ vào bếp - nó cũng bám gót. Nó bám mẹ như đỉa đói, bíu gấu váy, lẽo đẽo theo sau.

- Mẹ - ẹ ơi!... Sắp ăn chiều chứ!...

- Đừng quấn lấy chân tao như cái đuôi nữa! Đói thì bẻ mẩu bánh mà ăn !

Nhưng Miska không nghe. Thậm chí bị bợp vào gáy, nó cũng chẳng sợ.

Ngồi vào ăn bữa chiều, nó húp quấy quá mấy bát xúp, rồi chạy ù vào buồng ngủ. Nó quẳng quần ra sau chiếc hòm, nhảy tót lên giường, rúc vào tấm chăn của mẹ may bằng những mảnh vụn đủ màu. Nó nín thở và chờ bố vào kể chuyện chiến tranh.

Người ông quỳ gối trước ảnh thánh lẩm nhẩm đọc kinh, cúi rạp xuống lễ. Miska ngẩng đầu lên: ông đang lúi húi cúi gập lưng, những ngón tay trái tỳ xuống ván sàn và đụng trán xuống nền nhà đánh cốp một cái! Còn Miska thì huých khuỷu tay vào tường kêu đánh bục!

Rồi ông lại lẩm nhẩm đọc kinh và cúi đầu lễ. Miska lại huých tay vào tường. Ông nổi giận, quay lại phía Miska:

- Thằng quỷ sứ, lạy chúa, tao cho mày một trận bây giờ!... Hễ còn gõ nữa, ông nện chết!

Suýt nữa thì ông cháu lại sinh sự với nhau, nhưng bố Miska đã bước vào buồng.

- Miska, sao con lại nằm đây? - Ông ta hỏi.

- Con ngủ với mẹ.

Người bố ngồi xuống giường và bắt đầu lặng lẽ vê vê chòm râu. Sau đó suy nghĩ một lát, ông nói:

- Bố giải đệm cho con ngủ trong buồng với ông nhé.

- Con không ngủ với ông đâu!...

- Tại sao vậy?...

- Râu ông sặc mùi thuốc lá hôi lắm!

Người bố lại vê vê chòm râu và thở dài.

- Không, con ạ, con hãy ngủ với ông...

Miska kéo chăn chùm đầu và ti hí một mắt nhìn ra ngoài, nói giận dỗi:

- Bố ơi, hôm qua bố đã ngủ chỗ của con, hôm nay lại thế. Bố ngủ với ông đi!

Nó ngồi dậy ở trên giường và hai tay quàng lấy đầu bố, thì thào:

- Bố ngủ với ông đi, kẻo mẹ nằm với bố, chắc mẹ không ngủ được. Người bố sặc mùi thuốc lá!

- Thôi được, bố ngủ với ông vậy, nhưng bố sẽ không kể chuyện chiến tranh nữa nhé.

Người bố đứng dậy và đi xuống bếp.

- Bố ơi!

- Cái gì?

- Thôi bố nằm đây vậy... - Miska vừa thở dài vừa nói và đứng dậy. - Nhưng bố sẽ kể chuyện chiến tranh chứ?

- Bố sẽ kể.

Ông nằm sát tường và đặt Miska nằm cạnh mép giường. Một lát sau bố nó vào buồng. Ông ta kê chiếc ghế dài cạnh giường, ngồi xuống và châm điếu thuốc xì gà hôi xì hút.

- Con có biết chuyện xảy ra thế nào không... Con có nhớ sau sân đập lúa nhà ta trước kia là cánh ruộng của gã chủ quán không?...

Miska nhớ lại ngày nọ nó thường hay chạy trên ruộng lúa mì mọc cao thơm ngào ngạt. Nhảy qua bức tường đá của sân đập lúa là tới ruộng ngay. Lúa mì cao ngập cả đầu nó, những bông lúa tua tủa râu tơ đen nặng trĩu quệt vào mặt buồn buồn. Phảng phất mùi bụi đất, mùi hoa cúc dại và gió đồng cỏ. Mẹ thường nói với Miska:

- Miska con đừng vào sâu trong ruộng lúa, kẻo lạc đấy!...

Người bố im lặng một lát, đoạn vừa nói vừa vuốt mái tóc Miska:

- Thế con còn nhớ, con cùng bố đi xe đến đồi Cát không? Ở đó có ruộng lúa nhà ta...

Và Miska lại nhớ lại: mảnh ruộng hẹp, vằn vèo nằm ven đường sau đồi Cát. Miska cùng bố đi tới đó, nhưng cả dải lúa bị gia súc giẫm nát hết. Những bông lúa bị giẫm bẹp gí dưới đất nằm thành từng đống lấm bẩn, còn trơ những thân cây ngả nghiêng trước gió, Miska nhớ bố nó, vóc người to lớn và lực lưỡng làm vậy, đã phải nhăn nhó một cách khủng khiếp, và những giọt nước mắt hiếm thấy từ từ lăn trên đôi má đầy bụi của bố. Khi ấy, nhìn bố, Miska cũng khóc...

Trên đường về, bố hỏi người coi ruộng dưa:

- Anh Phêđốt, anh hãy nói ai phá ruộng lúa nhà tôi?

Người coi dưa nhổ đánh toẹt xuống dưới chân, trả lời:

- Gã chủ quán đánh gia súc ra chợ, hắn cố tình lùa cả đàn xuống ruộng lúa của anh đấy...

... Người bố kéo chiếc ghế dài lại gần, tiếp tục kể:

- Gã chủ quán và bọn giàu có khác chiếm hết ruộng đất, còn những người nghèo thì không có đất trồng lúa. Tình cảnh ấy ở đâu cũng thấy, chẳng phải riêng bản ta. Thời đó, bọn chúng hà hiếp ta hết mức... Cuộc sống rất chật vật, bố đã đi chăn bò thuê, sau đó bị bắt đi lính. Trong quân đội, bố sống cực lắm, hơi một tý là bọn sĩ quan đánh vỡ mặt... Thế rồi sau đó xuất hiện những người bônsêvích và đứng đầu họ là một người có biệt hiệu Lênin. Bản thân ông ta xem ra không phải con người cầu kỳ, nhưng cái đầu thì thông thái lắm, cùng dòng máu nông dân ta có khác. Những người bônsêvích đặt ra cho bố câu hỏi hắc búa lắm; đến nỗi bọn bố ai cũng phải há hốc cả miệng. Họ hỏi: "Vì sao anh em nông dân và công nhân lại

không hiểu rõ cuộc sống của mình?... Anh em hãy đánh đuổi thẳng cánh bọn địa chủ và quan lại bằng chiếc chổi rếch đi! Tất cả sẽ là của anh em!..."

Bằng những lời lẽ đó, họ đã thuyết phục được bọn bố. Bọn bố suy nghĩ - thấy phải. Mọi người đã tịch thu ruộng đất và trại ấp của bọn chủ, nhưng bọn chúng không chịu nổi cuộc sống cực khổ, chúng nó căm tức và gây chiến tranh hòng giết hại bọn bố là những nông dân và công nhân... Hiểu chưa con?

Còn bản thân ông Lênin ấy - vị đứng đầu những người bônsêvích - đã kéo nhân dân nổi dậy, ví thể như thợ cày cầm cày vỡ đất. Ông Lênin tập hợp binh lính và công nhân, rồi đi đánh bọn địa chủ! Đánh cho chúng thất điên bát đảo! Từ đấy binh lính và công nhân được gọi là Hồng quân. Bố cũng phục vụ trong đơn vị hồng quân ấy đấy. Bọn bố sống trong toà nhà rất to, gọi là Xmônưi. Những dãy hành lang ở đó, con biết không, dài lắm và có rất nhiều buồng, đến nỗi có thể bị lạc lối.

Có lần bố đứng gác cửa ban đêm. Trong sân trời lạnh, mà bố chỉ mặc có độc chiếc áo dạ lính. Gió thổi vù vù... Bỗng từ trong toà nhà đó có hai người đi ra ngang qua mặt bố. Họ tiến lại gần chỗ bố và bố đoán được một trong hai người đó là Lênin. Ông đi lại chỗ bố, hỏi giọng thân mật:

- Đồng chí có rét không?

- Bố trả lời ông:

- Không ạ, thưa đồng chí Lênin, chẳng những giá rét, mà bất kỳ kẻ thù nào cũng không khuất phục nổi chúng tôi! Chúng ta đã giành chính quyền về tay mình, đâu phải để rồi trao lại cho bọn tư sản ạ!...

Ông cất tiếng cười và bắt chặt tay bố. Đoạn ông thong thả đi ra cửa.

Người bố im lặng một lát, lấy trong túi ra bao thuốc lá sợi, cuốn sột soạt, đánh que diêm hút và Miska nhìn thấy trên sợi râu cứng màu hung một giọt nước mắt nhỏ long lanh, trông như hạt sương sáng đọng trên chót lá cây tầm ma.

- Đấy, ông Lênin như thế đấy. Ông quan tâm đến tất cả mọi người. Ông lo lắng đến từng người lính... Từ đó bố hay được gặp ông. Mỗi lần đi qua bố, nhìn thấy bố từ xa là ông đã mỉm cười và hỏi:

- Vậy là bọn tư sản không khuất phục nổi ta chứ?

- Không thể khuất phục nổi, đồng chí Lênin ạ! - Bố thường nói với ông như vậy.

Mọi việc đã diễn ra như lời dạy của ông, con ạ! Bọn bố đã tịch thu ruộng đất của các nhà máy, còn bọn giàu có - cái quân hút máu mủ của chúng ta ấy - bị tống cổ đi nơi khác!... Con lớn lên - thì đừng có quên rằng bố của con là thuỷ thủ và đã bốn năm nay đổ máu vì chủ nghĩa cộng sản. Tới lúc nào đó, bố sẽ chết và cả Lênin cũng không còn nữa, nhưng sự nghiệp của chúng ta sẽ sống đời đời!... Khi nào con khôn lớn - con sẽ chiến đấu vì chính quyền Xô-viết, như bố của con đã chiến đấu nhé?

- Vâng ạ! - Miska kêu to, vùng dậy ở trên giường chực nhảy lên ôm cổ bố, quên mất là ông nằm cạnh, đang gác chân lên bụng nó.

Ông cất tiếng đằng hắng, quờ tay ra định nắm chỏm tóc của Miska, nhưng bố đã bế thốc Miska lên tay và ẵm vào buồn ngủ.

Miska thiếp ngủ trên tay bố. Ban đầu nó nghĩ mãi về con người kỳ lạ - Lênin, về những người bôsêvích, về chiến tranh, về những chiếc tàu thuỷ. Ban đầu, trong lúc ngủ gà ngủ gật nó nghe thấy tiếng nói rì rầm, ngửi thấy mùi mồ hôi ngòn ngọt và thuốc lá vườn nhà, sau đó hai mắt díp lại, mi mắt dường như bị ai đó lấy lòng bàn tay đè lên.

Chưa kịp thiếp ngủ, nó đã nằm mơ thấy thành phố: các phố xá rộng rãi, những chú gà trống đang rúc bới những đống tro vãi tung; những chú gà ấy ở bản thì vô số, nhưng ở thành phố trông mới to làm sao. Nhà cửa giống hệt như bố kể: một toà nhà rất to, mái lợp bằng cói mới; trên ống khói của toà nhà đó có toà nhà khác, trên ống khói của toà nhà này lại có một toà nhà nữa và ống khói của toà nhà thượng đỉnh vươn cao chọc trời.

Miska đi trên đường phố, nghếch mũi lên ngắm nghía và bất thình lình từ đâu đó xuất hiện một người cao lênh khênh, mặc chiếc áo sơ mi đỏ đang tiến lại gần nó.

- Cậu bé Miska, sao chú lại rỗi việc đi lang thang thế này? - Người đó hỏi rất âu yếm.

- Ông cháu cho phép cháu đi chơi, - Miska đáp.

- Thế chú có biết ta là ai không?

- Không, cháu không biết.

- Ta là đồng chí Lênin!

Sợ quá, hai đầu gối của Miska khuỵu xuống. Nó định bỏ chạy, nhưng người áo đỏ đã nắm tay áo Miska và nói:

- Chú Miska, chú chẳng có chút lương tâm nào cả! Chú biết rõ ta chiến đấu vì nhân dân nghèo khổ, vậy sao chú không chịu vào quân đội của ta?

- Ông cháu không cho cháu đi?... - Miska phân bua.

- Thôi, tuỳ chú đấy, - đồng chí Lênin nói; - nhưng thiếu chú, công việc của ta không ổn đâu! Chú cần phải gia nhập quân đội của ta. Có thế thôi!...

Miska nắm tay ông Lênin và nói rất dứt khoát:

- Thôi được, cháu sẽ gia nhập quân đội của bác mà không cần xin phép và sẽ chiến đấu vì nhân dân nghèo khổ. Nhưng nếu ông cháu cho cháu ăn roi vì chuyện này, bác bênh cháu nhé!

- Nhất định ta sẽ bênh chú! - Đồng chí Lênin nói đoạn, lại bước đi trên đường phố, còn Miska cảm thấy trong lòng sung sướng đến nghẹn ngào, khó thở. Nó muốn nói to lên điều gì - nhưng cái lưỡi đã khô khổng.

Trên giường, Miska giật nảy người, hai chân đá phải ông nó và nó tỉnh dậy.

Ông đang mê ú ớ, đôi môi nhóp nhép, qua ô cửa sổ nhỏ, bầu trời ở phía sau nó đang dịu nhạt dần và từ phía đông những đám mây trôi cuồn cuộn màu hồng nom như những đám bọt máu.

Từ đó, ngày nào bố cũng kể cho Miska nghe về chiến tranh, về Lênin, về những nơi bố đã đóng quân.

Vào một tối thứ bảy, nhân viên gác trụ sở uỷ ban dẫn một người thấp lùn mặc áo dạ lính và cắp nách một chiếc cặp da đi vào trong sân. Anh ta gọi ông ra, nói:

- Cháu dẫn đồng chí cán bộ Xô-viết đến nhà ông đây. Đồng chí đó từ thành phố tới và sẽ ngủ lại đêm ở chỗ ông. Ông cho đồng chí ấy ăn chiều với nhé.

- Việc đó tất nhiên chúng tôi không từ chối, - ông nói. - Thế ông có giấy tờ gì không, hở ông đồng chí?

Miska lấy làm ngạc nhiên vì trình độ bác học của ông và đút ngón tay vào miệng, nó đứng lại nghe.

- Có ông ạ, có đủ giấy tờ! - Người xách chiếc cặp da mỉm cười rồi đi vào nhà.

Ông theo sau ông ta, còn Miska theo sau ông.

- Ông đến chỗ chúng tôi có việc gì vậy? - Ông vừa đi vừa hỏi.

- Cháu đến để tổ chức bầu cử lại ạ. Chúng ta sẽ bầu chủ tịch và các uỷ viên Hội đồng Xô-viết.

Một lát sau, bố Miska từ sân dập lúa trở về. Bố chào hỏi người khách lạ và nói với mẹ dọn ăn chiều. Sau bữa ăn, bố và người khách lạ ngồi cạnh nhau trên chiếc ghế dài, khách mở chiếc cặp da, lấy ra một tập giấy và bắt đầu đưa cho bố xem. Miska đứng ngồi không yên, nó cứ quẩn quanh muốn được ngó nhìn. Bố cầm một tờ giấy nhỏ đưa Miska xem:

- Miska xem này, đây chính là ông Lênin đấy!

Miska giằng lấy tấm ảnh từ tay bố, dán hai mắt vào đó và miệng há tròn vì ngạc nhiên: trên tờ giấy là ảnh một người đứng toàn thân, vóc nhỏ nhắn, chẳng phải mặc sơ mi đỏ, mà vận áo vét-tông. Một tay đút túi quần, còn tay kia chỉ về phía trước: Miska nhìn chằm chằm vào bức ảnh, lập tức cảm nhận tất cả: nó ghi khắc sâu mãi trong trí nhớ đôi mày cong gập, nụ cười ẩn trong ánh mắt và trong khoé môi, nó nhớ từng đường nét trên gương mặt.

Người khách lạ lấy lại tấm ảnh trong tay Miska, khoá cặp lại rồi đi ngủ. Anh ta cởi quần áo, đi nằm và

chùm chiếc áo dạ lính kín đầu, bắt đầu thiếp ngủ, thì nghe thấy tiếng cửa cọt kẹt. Anh ngóc đầu dậy:

- Ai đấy?

Có tiếng chân đất của ai đó bước trên sàn.

- Ai ở ngoài đó? - Anh ta hỏi lại và bỗng nhìn thấy Miska ở cạnh giường.

- Cháu cần gì, cháu bé?

Miska đứng im lặng giây lát, sau đó đánh bạo, nói thì thào:

- Chú ơi, thế này nhé... chú... cho cháu tấm ảnh ông Lênin!

Người khách lạ im lặng, thò đầu từ trên giường xuống nhìn thằng bé.

Miska thấy sợ: biết đâu chú ấy keo kiệt và không cho thì sao? Cố nén cho giọng khỏi run, nó vừa thút thít vừa thì thào vội vã:

- Chú cho cháu tấm ảnh ấy, còn cháu sẽ cho chú... cháu sẽ tặng chú chiếc hộp sắt tây đẹp và cho chú tất cả các thứ cháu có... - Miska phủi tay một cách thất vọng và nói: - Cháu đưa chú cả đôi ủng bố cháu đem về cho cháu!

- Cháu cần ông Lênin để làm gì? - Người khách lạ vừa mỉm cười vừa hỏi.

Chú ấy không cho rồi. Miska thoáng nghĩ. Nó cúi thấp đầu, giấu từng giọt nước mắt, nói thì thào:

- Cháu cần mà lại!

Người khách lạ cất tiếng cười, rút chiếc cặp từ dưới gối ra và đưa cho Miska tấm ảnh. Miska áp sát nó trước trước ngực, phía trong áo, áp thật chặt, thật chặt trước con tim, và chạy vụt ra khỏi phòng. Ông thức giấc, hỏi:

- Mày đi đâu thế kia, quân mò đêm? Tao đã bảo tối đừng uống sữa mà, bây giờ nó mới buồn đí cho!... Đái vào cái xô bẩn ấy, chứ tao hơi đâu mà dẫn mày ra sân!

Miska lẳng lặng đi nằm, hai tay khư khư giữ tấm ảnh, không dám trở mình: chỉ sợ làm ảnh nhàu mất. Nó đành nằm thế và thiếp đi.

Nó thức dạy từ lúc trời chưa sáng. Bà mẹ vừa vắt sữa xong, đang đuổi bò vào chuồng. Bà nhìn thấy Miska, bà vỗ tay đánh đét một cái:

- Ma quỷ nào đầy đoạ con đấy hử? Dậy sớm thế làm gì chứ?

Miska áp chặt tấm ảnh phía trong áo, đi qua trước mặt mẹ tới sân phơi lúa rồi chui vội vào gầm kho.

Xung quanh nhà kho chi chít những cây ngưu bàng và bụi tầm ma mọc tua tủa, dựng đứng như bức tường xanh chắn hết lối. Miska bò vào gầm kho, lấy bàn tay cào gạt cát và phân gà, ngắt tàu lá ngưu bàng già đã vàng úa, gói tấm ảnh vào đó, rồi lấy hòn đá đè lên cho khỏi bị gió thổi bay mất.

Mưa kéo dài từ sáng đến tối. Bầu trời phủ kín một màn mây tím; những vũng nước trong sân lều bều bọt và những dòng nước thi nhau chảy ào ào trên đường phố.

Miska đành phải ngồi nhà. Trời đã đổ tối, khi ông và bố sửa soạn đi đến trụ sở uỷ ban họp, Miska chụp lên đầu chiếc mũ lưỡi trai của ông, lẽo đẽo theo sau. Trụ sở uỷ ban đóng trong chòi canh của nhà thờ. Miska ì ạch bước trên những bậc tam cấp cong queo, lấm bẩn lên thềm vào nhà. Khói thuốc toả um dưới trần nhà; người ngồi chật ních.

Người khách lạ ngồi sau bàn gần cửa sổ, đang nói gì đó với bà con Kadắc đã tới tập trung.

Miska lẻn tới hàng cuối cùng và ngồi vào ghế dài.

- Các đồng chí, ai đồng ý bầu Phôma Koocsnốp làm chủ tịch? Tôi đề nghị giơ tay biểu quyết.

Con rể lão chủ quán, Prôkho Lưxenkôp, ngồi ở phía trước Miska, kêu to:

- Bà con ơi!... Tôi đề nghị rút tên anh ta ra khỏi danh sách đề cử. Tính tình anh ta không ngay thẳng. Hồi chăn bò cho nhà chúng tôi, anh ta đã bị bắt quả tang!

Miska nhìn thấy chú thợ giày Phêđốt đang ngồi ở thành cửa sổ, đứng dậy, vừa khua tay vừa nói to:

- Các đồng chí ạ, bọn nhà giàu không muốn bầu bác chăn bò làm chủ tịch, nhưng bác ta là vô sản và đấu tranh cho chính quyền Xô-viết kia mà...

Đám Kadắc khá giả đứng xúm lại một chỗ bên cạnh cửa ra vào và bắt đầu giậm chân, huýt sáo inh ỏi. Những tiếng ồn ào nổi lên trong nhà uỷ ban.

- Không cần gã chăn bò!

- Hắn ta đã giải ngũ - cứ để hắn ta đi chăn bò mướn cho thiên hạ!

- Cần đếch gì cái lão Phôma Koocsnốp ấy!

Miska nhìn khuôn mặt tái nhợt của bố đứng bên chiếc ghế dài và mặt nó cũng trắng bệnh ra, lo sợ cho bố.

- Trật tự, các đồng chí!... Tôi mời ra khỏi cuộc họp bây giờ! - Người khách lạ giơ nắm tay đập bàn quát to.

- Chúng ta sẽ bầu người Kadắc của mình!

- Không cần đến lão ấy!

- Chúng tôi không ta-án tha-ành... Mẹ sư quân vô lại ấy... - Đám Kadắc la hét ầm ĩ và to mồm nhất là Prôkho, con rể lão chủ quán.

Một người Kadắc lực lưỡng có chòm râu hung, đeo khuyên tai và mặc chiếc áo vét rách, nhảy lên đứng trên ghế dài:

- Anh em ạ! Người ta muốn xoay ngược công việc thế này đây! Những kẻ giàu muốn trắng trợn đưa người của họ làm chủ tịch... Để rồi ở cương vị đó họ sẽ lại...

Qua giọng hét rên rỉ, Miska chỉ nghe rõ từng tiếng rời rạc của người Kadắc đeo khuyên tai:

- Chia lại... ruộng đất... ruộng đất sét cho dân nghèo... đất đen họ vơ về cho mình...

- Bầu Prôkho làm chủ tịch! - Đám người đứng cạnh cửa ra vào hét ầm ĩ.

- Bầu cho Prô-ô-kho-o! Hô-hô-hô! Ha-ha-ha!

Dẹp mãi mọi người mới im lặng. Người khách lạ vừa cau mày vừa phun bắn nước bọt, nói to điều gì đó hồi lâu.

"Có lẽ chú ấy đang quát mắng thì phải", - Miska nghĩ bụng.

Người khách lạ cất tiếng hỏi to:

- Ai đồng ý bầu Phôma Koocsunốp?

Nhiều cánh tay giơ lên ở phía trên những hàng ghế dài. Miska cũng giơ tay. Có người nào đó vừa nhảy từ ghế này sang ghế khác vừa đếm to:

- Sáu mươi ba... sáu mươi tư, - và không nhìn Miska, người đó chỉ ngón tay về phía cánh tay giơ lên của nó, nói to: - sáu mươi nhăm!

Người khách lạ ghi gì đó trên mảnh giấy, đoạn nói to:

- Ai bầu Prôkho Lưxenkôp, tôi đề nghị giơ tay!

Hai mươi bảy tay Kadắc giàu có và lão chủ cối xay Êgo nhất tề giơ lên. Miska đưa mắt nhìn quanh, rồi cũng giơ tay. Người đếm phiếu đi tới bên nó, nhìn từ đầu đến chân và béo tai nó thật đau.

- À ra mày, thằng ôn con! Cút khỏi đây ngay, không ông cho một trận bây giờ! Mày cũng biểu quyết à!

Mọi người ngồi xung quanh phá lên cười, còn anh kia dẫn Miska ra cửa, ẩy vào lưng nó Miska nhớ lại những lời bố nói khi ông bị mắng và nó vừa trượt xuống theo các bậc thang trơn, lấm bẩn, vừa hét to:

- Chú không có quyền làm như vậy!

- Rồi tao sẽ cho mày biết quyền của tao!

Nỗi ấm ức ấy, cũng như mọi sự ấm ức. Sao mà cay đắng!

Trở về nhà, Miska khóc thút thít, mách mẹ, nhưng mẹ nói giọng giận dữ:

- Mày đừng bén mảng đến nơi không có phận sự nhé! Đâu cũng chõ mũi vào! Tao thì chắc cứ gọi là còn khổ với mày thôi!

Sáng hôm sau, cả nhà ngồi vào bàn ăn, chưa kịp buông thìa dĩa thì đã nghe thấy tiếng nhạc từ xa vẳng đến trầm trầm. Ông bố đặt thìa xuống, vừa lau râu vừa nói:

- Đội quân nhạc đấy mà!

Miska như bị làn gió thổi bạt khỏi chiếc ghế dài. Cánh cửa phòng ngoài đóng sập lại, bên ngoài cửa sổ nhỏ nghe rõ những bước chân chạy thoăn thoắt - thịch - thịch-thịch - thịch...

Cả bố và ông đều đi ra sân, mẹ thì nhoai hẳn nửa người ra ngoài cửa sổ.

Hàng ngũ Hồng quân như làn sóng màu xanh lục chao động tràn đến tận cuối đường phố. Phía trước, các nhạc công đang thổi những chiếc kèn đồng to tướng, tiếng trống khua inh ỏi. vang khắp bản.

Hai mắt Miska đảo ngược đảo xuôi. Nó ngơ ngác quay đi lượn lại tại chỗ, sau đó lao bổ đến đội nhạc. Có cái gì đó nhoi nhói trong lồng ngực một cách dễ chịu, ứ trào lên cổ... Miska nhìn lên những khuôn mặt tươi vui đầy bụi của những người lính Hồng quân, nhìn các nhạc công đang trịnh trọng phồng má thổi kèn và có quyết định ngay tức khắc, như một câu đáp cộc lốc: "Ta sẽ đi chiến đấu cùng với họ!"

Nó nhớ lại giấc mơ và trở nên mạnh bạo hẳn lên. Nó bíu lấy chiếc túi dết của người lính đi ở phía hàng ngoài.

- Các chú đi đâu đấy? Đi chiến đấu à?

- Chứ sao nữa? Đúng thế, đi chiến đấu!

- Thế các chú chiến đấu vì ai?

- Vì chính quyền Xô-viết, chú bé ngốc nghếch ạ! Thôi nào, chú vào đây, đi vào giữa hàng.

Người lính nọ đẩy nó vào giữa hàng ngũ, có ai đó vừa cười vừa búng vào cái gáy loà xoà đám tóc xoăn, một người khác vừa đi vừa móc trong túi ra miếng đường lấm bẩn, đút vào miệng nó. Trên quảng trường từ đâu đó ở các hàng đi đầu có tiếng hô:

- Đư-ứ-ng la-ạ-i!

Đơn vị Hồng quân dừng lại, tản ra trên quảng trường họ nằm túm tụm trong bóng mát, dưới bóng râm của hàng

rào trường học. Một người lính Hồng quân cao dong dỏng, mày râu nhẵn nhụi, đeo thanh kiếm bên cạnh sườn, đi lại chỗ Miska. Anh ta nhếch môi cười, hỏi:

- Chú mày từ đâu lạc vào hàng ngũ bọn ta hử?

Miska vẻ nghiêm trọng, tay xốc lại hai ống quần trễ.

- Cháu đi chiến đấu với các chú!

- Đồng chí chỉ huy tiểu đoàn ạ, hãy lấy chú ấy giúp việc cho đồng chí! - Một người lính Hồng quân nói to.

Mọi người xung quanh phá lên cười, Miska nháy mắt liên hồi, nhưng người có cái tên gọi tuyệt diệu "đồng chí chỉ huy tiểu đoàn" ấy lại chau đôi mày, cất giọng nghiêm nghị quát to:

- Thôi nào, làm gì mà cười rống lên như ngựa cả thế, hở bọn ngốc? Tất nhiên là ta nhận chú ấy rồi, nhưng với điều kiện... - Người chỉ huy tiểu đoàn quay lại phía Miska và nói, - chiếc quần chú mặc có một quai, thế không được; chú ăn mặc thế này sẽ làm xấu mặt bọn ta! Chú trông đây: trên người ta có hai quai và mọi người đều có hai quai cả. Chạy mau về bảo mẹ đính cho chiếc quai nữa, còn bọn ta sẽ chờ chú ở đây... - Đoạn anh quay ra phía rào, vừa nháy mắt vừa nói to:

- Anh Chêresenkô, anh hãy đem súng và áo dạ lính tới đây cho chú Hồng quân mới!

Một trong số những người nằm bên cạnh hàng rào đứng lên, đặt tay lên vành mũ lưỡi trai, đáp lại:

- Xin tuân lệnh! - Và hối hả men theo hàng rào đi khỏi.

- Nào, chú chạy mau lên! Bảo mẹ đính ngay cho chiếc quai nữa!

Miska nghiêm nghị nhìn đồng chí chỉ huy tiểu đoàn:

- Chú chờ nhé, đừng lừa cháu đấy nhé!

- Ờ, cái chú này? Sao ta lại lừa chú được!

Từ quảng trường tới nhà khá xa Miska chạy về đến cổng thì đã thở ra đằng tai. Nó không sao bình tâm nổi. Tới gần cổng, nó vừa chạy vừa tụt quần ra và lon ton đôi chân đất, chạy vút vào nhà.

- Mẹ ơi!... quần! Đính cho con chiếc quai!

Trong nhà vắng tanh. Đàn ruồi vo vo bâu kín phía trên bếp lò. Miska chạy vòng quanh sân, kho lúa, vườn rau - nhưng chẳng thấy bố, cũng không thấy mẹ và ông đâu. Nó chạy vụt vào buồng - vật đầu tiên đập vào mắt nó là cái bị vải. Nó lấy dao xén một dải dài, không đủ thì giờ để khâu với đính, vả lại Miska cũng chẳng biết làm việc đó. Nó vội vàng buộc chiếc dải vào quần, quàng qua vai, buộc thêm đầu dải kia ở phía trước rồi ba chân bốn cẳng chạy ra gầm nhà kho.

Nó lật hòn đá lên, liếc nhìn cánh tay của Lênin đang chỉ vào nó, vào Miska, và lấy lại hơi, nó thì thào:

- Đấy, ông thấy không?... Cả cháu cũng vào quân đội của ông đấy!

Nó cẩn thẩn gói tấm ảnh vào chiếc lá ngưu bàng, dúi vào ngực áo và chạy bổ ra đường. Một tay áp tấm ảnh trước ngực, tay kia xốc quần cho khỏi tụt. Nó chạy qua hàng rào nhà bên cạnh, gọi to bà hàng xóm:

- Bà Anhiximôpna ơi!

- Cái gì thế?

- Bà nói hộ với ông cháu và bố mẹ cháu cứ ăn trưa đi, đừng chờ cháu!

- Mày chạy đi đâu đấy, hử cái thằng lêu lổng?

Miska phủ tay:

- Cháu vào quân đội đây!

Nó chạy đến quảng trường và đứng ngẩn người ra. Trên quảng trường không còn một bóng người. Bên cạnh hàng rào, vứt lăn lóc những đầu mẩu thuốc lá, những vỏ đồ hộp, đôi xà cạp rách của người lính nào đó; ở tận cuối bản còn nghe rõ cả tiếng nhạc vang lên trầm trầm, khe khẽ, những tiếng chân người đang đi xa dần nện rầm rập trên con đường nhẵn thín.

Từ cổ họng Miska bật lên tiếng khóc nấc, nó thét to và cắm cổ chạy đuổi theo. Hẳn là nó sẽ đuổi kịp, nhất định sẽ đuổi kịp, nhưng trước sân nhà người thợ thuộc da có con chó đực dài đuôi, lông màu vàng, đang nằm chắn ngang đường, nhe hai hàm răng. Trong lúc Miska vượt sang phố khác thì đã không còn nghe tiếng nhạc lẫn tiếng chân bước nữa.

Hai ngày sau, có một đội gần bốn chục người tới bản. Những người lính đi ủng dạ trắng và mặc áo vét công nhân dây dầu mỡ. Người bố từ trụ sở ủy ban về nhà ăn trưa, nói với ông:

- Bố ơi, bố chuẩn bị sẵn lúa mì ở trong kho nhé. Đội thu thóc đã tới. Công việc trưng thu lương thực thừa đã bắt đầu.

Những người lính đi vào các sân, lấy lưỡi lê dò trên mặt đất trong các chái nhà kho, cời bới những đống lúa mì được chôn giấu và xếp lên xe ngựa chở về kho công cộng.

Họ đến nhà chủ tịch. Người đi đầu vừa mút tẩu thuốc vừa hỏi ông:

- Cụ cũng chôn giấu lúa mì đấy hả? Cụ thú nhận đi!

Người ông vuốt chòm râu và kiêu hãnh nói:

- Con trai tôi là đảng viên cộng sản kia mà!

Họ đi vào nhà kho. Người lính ngậm tẩu thuốc đưa mắt đo ước lượng kho để lúa và mỉm cười.

- Cụ chở số lúa trong cái kho này ra, còn chỗ khác để lại cho cụ ăn và làm lúa giống.

Người ông thắng con ngựa già Xavraxka vào xe, đằng hắng một tiếng, miệng ừ hự rên rỉ, xúc lúa vào tám chiếc bao, ấm ức phủi tay rồi chở đến kho công cộng. Bà mẹ nghĩ tiếc lúa, khóc thút thít, còn Miska giúp ông một tay súc lúa vào bao, rồi chạy đến chỗ Vitka, con cố đạo, chơi.

Chúng vừa kịp ngồi ở trong bếp, bày những con ngựa cắt bằng giấy ra sân, thì cùng lúc những người lính nọ đi vào bếp. Ông chủ lúng túng trong chiếc áo thụng, chạy ra đón, dáng điệu le te, mời họ vào nhà, nhưng người lính ngậm tẩu thuốc nói giọng nghiêm nghị:

- Ta hãy đến nhà kho! Lúa của ông cất đâu?

Vợ cố đạo, đầu tóc rối bù từ trong buồng chạy vụt ra, mỉm cười ranh ma:

- Xin các ông hiểu cho, chúng tôi không còn tí lúa nào cả... Chồng tôi chưa kịp đi thu trong xứ ạ...

- Ông bà có nhà hầm không?

- Không, không có ạ... Trước kia chúng tôi để lúa trong kho...

Miska nhớ lại nó cùng với Vitka đã từ trong bếp chui xuống cái nhà hầm rất rộng, bèn ngoảng đầu về phía vợ cố đạo, nói:

- Thế có lần cháu với Vitka từ trong bếp chui xuống nhà hầm, bác quên rồi à?

Mụ vợ cố đạo tái mặt, phá lên cười:

- Cháu nói lẫn rồi, cháu nhỏ ạ! Vitka, các con ra ngoài vườn chơi đi !

Người lính ngậm tẩu thuốc nheo mắt, mỉm cười nhìn Miska:

- Xuống đó bằng cách nào, hở chú bé?

Vợ cố đạo bẻ khục các ngón tay, nói:

- Chả nhẽ các ông lại tin thằng bé ngu xuẩn ấy ư? Tôi xin bảo đảm với các ông là chúng tôi không có nhà hầm!

Ông chủ vung vẩy hai vạt áo thụng, nói:

- Các đồng chí xơi tạm chút gì nhé? Xin mời các đồng chí vào nhà!

Vợ cố đạo đi qua chỗ Miska ngồi, véo rất đau vào tay nó và dịu dàng cười mỉm:

- Các con ra vườn chơi đi, đừng quấy nhiễu ở đây!

Tốp lính nháy nhau và đi đi lại lại trong bếp, đập đập báng súng trường trên mặt sàn. Họ đẩy chiếc bàn kê sát tường ra chỗ khác, lật tấm thảm lên. Người lính ngậm tẩu thuốc nhấc tấm ván sàn, dòm xuống nhà hầm và lắc đầu:

- Vậy mà ông bà chẳng biết ngượng à? Ông bà nói không có thóc, mà nhà hầm thì chất đầy ắp lúa mì!

Vợ cố đạo quắc mắt nhìn Miska khiến nó sợ quá chỉ muốn chạy về nhà cho mau. Nó đứng dậy và đi ra sân. Vợ

cố đạo nhảy xổ ra phòng ngoài theo nó, khóc nấc lên và túm lấy tóc Miska, bắt đầu lôi nó xềnh xệch trên sàn.

Nó giãy mãi mới vùng ra được, cắm cổ chạy thẳng về nhà. Vừa khóc sướt mướt, nó vừa kể hết cho mẹ nghe, bà mẹ chỉ lấy tay ôm đầu:

- Tao biết làm thế nào với mày? Cút ngay khuất mắt tao, không tao cho một trận bây giờ!

Từ đấy, bao giờ cũng vậy cứ mỗi lần ấm ức cái gì là Miska lại bò vào gầm nhà kho, lật hòn đá lên, mở tàu lá ngưu bàng ra và để rơi những giọt nước mắt xuống tờ giấy, nó kể cho Lênin nghe về nỗi khổ của mình và than thở về người đã ức hiếp nó.

Một tuần lễ qua, Miska thấy buồn chán. Nó chẳng có ai để chơi đùa. Lũ trẻ hàng xóm không đến chơi với nó nữa, bên cạnh cái tên "thằng con nhà hư đốn", nó được đặt thêm cái biệt danh mượn của người lớn. Chúng hét to sau lưng Miska:

- Ê, cái thằng cộng sản con! Thằng cộng sản con đẻ non, hãy quay lại đây nào!

Một lần, trước lúc chập tối, Miska từ ngoài ao trở về, chưa kịp vào nhà, nó đã nghe thấy giọng nói gắt của bố, còn mẹ thì vừa nói vừa khóc than như khóc người chết. Miska len lén đi qua cửa và trông thấy: bố đang khoác chiếc áo dạ lính của mình và xỏ ủng.

- Bố đi đâu thế, hở bố?

Người bố cất tiếng cười, đáp:

- Con hãy vào dỗ mẹ đi! Mẹ mày cứ khóc rống lên làm bố não cả ruột gan... Bố ra mặt trận, mà mẹ thì không muốn cho đi!

- Cả con cũng đi với bố, bố nhé!

Người bố nịt chiếc thắt lưng da ngang lưng và đeo thanh kiếm có buộc dải nơ.

- Con kỳ cục thật, con ạ! Không thể cả hai bố con cùng bỏ đi một lúc được! Khi nào bố về, con sẽ đi, bằng không lúa chín, lấy ai đi gặt? Mẹ thì bận việc nhà, còn ông thì già rồi...

Trong lúc tiễn chân bố, Miska đã nén nước mắt, thậm chí còn mỉm cười nữa. Mẹ nó, cũng như lần đầu, nhảy lên ôm choàng lấy cổ bố; mãi bố mới gỡ được mẹ ra, còn ông chỉ cất tiếng đằng hắng, vừa hôn người con quân nhân vừa ghé vào tai thì thào:

- Phôma... con! Hay là con đừng đi? Có thể thiếu con rồi cũng xong nhỉ? Chẳng may mà chúng giết con, nhà ta sẽ nguy mất !

- Đừng nghĩ thế, bố ạ... Không nên thế. Ai sẽ bảo vệ chính quyền Xô-viết, nếu như người nào cũng nấp dưới gấu váy đàn bà?

- Thôi, thì con đi đi, nếu con thấy thế là phải đạo.

Ông quay mặt đi chỗ khác và lén gạt nước mắt. Cả nhà tiễn bố đến tận trụ sở uỷ ban. Khoảng hai chục người đeo súng trường đứng túm tụm trong sân uỷ ban. Bố Miska cũng cầm lấy một khẩu súng trường và sau khi hôn Miska lần cuối, cùng với những người khác cất bước trên con đường lớn đi về phía cuối bản.

Miska đi cùng với ông về nhà. Bà mẹ bước chuệnh choạng theo sau. Trong bản, tiếng chó sủa thưa thớt và lèo tèo vài ba ánh lửa. Bóng đêm như chiếc khăn đen của bà

già trùm lên khắp bản: Trời lấm tấm mưa, đây đó ở phía sau bản, phía trên thảo nguyên, ánh chớp loang loáng và những tiếng sấm ì ầm vang xa.

Ông cháu đã về tới nhà. Miska suốt dọc đường im lặng, cất tiếng hỏi ông.

- Ông ơi, thế bố cháu đi đánh nhau với ai vậy?

- Đừng hỏi lôi thôi nữa!

- Ông ơi!

- Cái gì?

- Bố cháu sẽ đánh nhau với ai ạ?

Người ông cài then cửa, trả lời:

- Một bọn người độc ác xuất hiện ở cạnh bản ta. Nhân dân gọi họ là phỉ, còn tao thì gọi thẳng chúng là quân ăn cướp... Đấy, bố mày đi đánh nhau với bọn ấy đấy!

- Thế bọn chúng đông không, hở ông?

- Người ta đồn chúng có chừng hai trăm tên. Thôi, thằng ranh, đi ngủ đi, không chạy lêu têu nữa!

Ban đêm, nhiều tiếng người đã đánh thức Miska. Nó tỉnh dậy, quờ tay sờ trên giường - không thấy ông đâu.

- Ông ơi, ông đâu rồi?

- Im nào! Ngủ đi, to mồm vừa chứ!

Miska đứng dậy và quờ quạng trong bóng tối, lần đến bên cửa sổ. Ông mặc độc chiếc quần lót, ngồi trên ghế dài, ló đầu ra ngoài cửa sổ mở, nghe ngóng. Miska dỏng tai nghe và trong cảnh tĩnh mịch câm lặng, nó nghe rõ những tiếng súng đì đoàng liên tiếp ở phía sau bản, tiếp đó là những tràng đạn nổ đều đặn:

- Tạ-ạ-ch! ta-ạ-ch! tạ-ch!

Y như người ta nện đinh vậy.

Miska chợt thấy hãi. Nó nép sát vào ông hỏi:

- Bố cháu bắn đấy phải không?

Ông lặng thinh, còn mẹ lại khóc, lại than vãn. Cho đến sáng, còn nghe thấy những tiếng súng ở sau bản, sau đó tất cả im ắng. Miska nằm co ro trên ghế dài và đánh luôn một giấc nặng nề, không thoải mái. Sáng sớm, một toán kỵ binh phóng ngựa trên đường phố về phía trụ sở uỷ ban. Ông đánh thức Miska dậy, còn mình thì chạy ra sân.

Khói bốc thành một cột đen trong sân uỷ ban, lửa đã bén đến các dãy nhà. Toán kỵ binh đi đi lại lại trên đường phố. Một tên phóng tới sân nhà, quát ông thật to:

- Lão già có ngựa không?

- Có...

- Lão hãy đóng ngựa và đi ra ngoài bản! Những tên cộng sản của chúng mày nằm giữa đống cây khô ấy! Hãy chở xác chúng nó về đây cho họ hàng chôn cất!

Người ông vội vã thắng con ngựa Xavraxka vào xe, đôi tay run rẩy cầm cương và phóng ra khỏi sân.

Tiếng kêu thét vang khắp bản, bọn phỉ đã xuống ngựa ăn cướp rơm rạ từ các sân đập lúa, giết thịt cừu. Một tên nhảy từ trên ngựa xuống bên sân nhà bà Anhiximốpna và chạy vào nhà. Miska nghe thấy tiếng kêu rống ồn ồn của bà Anhiximốpna. Còn tên phỉ vừa vung kiếm vừa chạy ra ngoài thềm ngồi tháo giày, xé đôi khăn quàng diện ngày lễ của bà Anhiximốpna, quăng đôi xà cạp bẩn của mình đi và quấn hai mảnh khăn len vào chân.

Miska vào buồng, lên giường nằm, úp cái gối lên đầu và nó chỉ vùng dậy khi nghe tiếng cánh cổng mở cọt kẹt.

Nó chạy ra thềm, nhìn thấy ông với chòm râu ướt đẫm nước mắt đang dắt ngựa vào trong sân.

Phía sau, trên xe ngựa, có một người chân đất nằm dang rộng hai tay, đầu người đó nảy lên đập vào thành sau xe, máu đen đặc chảy rỉ xuống ván gỗ.

Miska lảo đảo bước đến gần xe ngựa, ngó vào khuôn mặt đầy những vết kiếm chém: nó thấy rõ hàm răng nhe, một bên má bị chém đứt cùng với xương dính lủng lẳng, còn ở trên con mắt lòi ra bết đầy máu, đậu lắc lư một con nhặng xanh to.

Miska chưa đoán ra được ai, nó hơi run run vì sợ hãi, đưa mắt nhìn đi đến chỗ khác và khi thấy trên ngực chiếc áo thuỷ thủ những kẻ sọc xanh và trắng dây đầy máu, nó rùng mình, dường như có ai từ đằng sau giáng vào hai chân nó. Nó giương to mắt nhìn một lần nữa khuôn mặt đen thui bất động và nhảy lên xe ngựa.

- Bố ơi, dậy đi bố! Bố yêu quí! Nó ngã từ trên xe xuống, muốn chạy đi, nhưng đôi chân cứ ríu lại, nó bò bốn chân tới thềm và vục đầu xuống đống cát.

Hai mắt người ông sâu hoắm lại, cái đầu lúc lắc, lật bật, đôi môi thều thào điều gì đó không ra lời.

Ông im lặng vuốt mái tóc của Miska hồi lâu, sau đó đưa mắt nhìn mẹ nó đang nằm phục trên giường thì thào:

- Cháu ơi, ta ra sân đi...

Ông cầm tay Miska và dẫn nó ra thềm. Khi Miska đi qua cửa buồng trong, nó nheo mắt và giật mình đánh thót;

trong buồng, bố đang nằm im lặng và nghiêm trang ở trên bàn.

Máu trên mình bố đã được lau sạch, nhưng trước mắt Miska vẫn hiện lên con mắt đờ đẫn bê bết máu của bố và con nhặng xanh to đậu trên đó.

Người ông tháo chiếc dây gầu giếng hồi lâu; ông đi xuống chuồng ngựa, dắt con ngựa Xavraxka ra khỏi chuồng, không hiểu vì sao ông đưa ống tay áo lên chùi cái miệng sùi bọt của nó, đoạn buộc dây cương lên mình ngựa và dỏng tai nghe - trong bản có những tiếng la hét, tiếng cười hô hố. Hai tên cưỡi ngựa đi qua sân, trong bóng tối lập loè đốm lửa sì gà, ông nghe rõ tiếng chúng nói.

- Đấy, chúng ta đã nộp thóc thừa cho chính bọn ấy đấy! Ở thế giới bên kia chúng nó sẽ nhớ lại chúng đã thu thóc của bà con như thế nào!

Những tiếng chân ngựa đáo đi đáo lại đã im bặt, ông ghé xuống sát tai Miska, cất tiếng thì thào:

- Ông đã già... không trèo lên ngựa nổi... Ông bế cháu lên ngựa và nhờ ơn trời, cháu hãy đi đến thôn Prônhin nhé... Ông sẽ chỉ đường cho cháu... Đội quân có kèn trống đã đi qua bản ta ấy chắc phải đóng ở thôn đó... cháu nói với họ đến bản ta; cháu bảo rằng ở đây đang có phỉ! Hiểu chưa?...

Miska im lặng gật đầu. Ông bế nó lên lưng ngựa, lấy dây buộc hai chân vào yên cho khỏi ngã, rồi dắt con ngựa Xavraxka qua sân đập lúa, qua ao, qua khu vực bọn phỉ đóng, đi ra thảo nguyên.

- Cái khe này chạy tới gò, cháu cứ theo bờ khe mà đi, dừng rẽ đâu cả! Cứ thẳng đường là cháu tới thôn. Thôi, đi đi, cháu yêu quí của ông!

Ông hôn Miska và khẽ lấy bàn tay vỗ vỗ thúc con ngựa Xavraxka.

Đêm trăng, sáng rõ. Con ngựa Xavraxka chạy nước kiệu, mũi thở phì phì và cảm thấy trên lưng chở nhẹ, nó rảo bước hơn. Miska cầm cương thúc ngựa, lấy tay vỗ vỗ vào cổ nó, người lắc lư; nhảy chồm chồm.

Đàn chim cun cút hót vang ở đâu đó giữa ruộng lúa xanh đang ngả chín, dưới đáy khe tiếng nước mạch chảy róc rách, gió thổi phả hơi lạnh.

Một mình giữa đồng cỏ, Miska thấy hãi sợ, hai tay ôm lấy cái cổ ấm áp của con ngựa Xavraxka, áp sát cái thân hình thu lu nhỏ bé, cóng giá của nó vào mình ngựa.

Khi bò lên đồi, trườn xuống rồi lại leo lên đồi, Miska không dám ngoái cổ lại phía sau, miệng thì thào, nhưng cố gắng không nghĩ đến điều gì cả. Sự tĩnh mịch bưng lấy hai tai nó, mắt nó nhắm nghiền.

Đầu con ngựa Xavraxka lắc lư, nó thở phì phì, phi nhanh hơn. Miska khẽ hé mở mắt - nó nhìn thấy những ánh lửa màu vàng nhạt ở phía dưới chân đồi. Tiếng chó sủa theo gió vẳng tới.

Trong giây lát, niềm vui sướng bồi hồi đã sưởi ấm lồng ngực của Miska. Nó giơ hai chân thúc con ngựa Xavraxka, quát to:

- Đi-i-i!

Tiếng chó sủa nghe gần hơn, chiếc cối xay gió mờ mờ ở trên đồi trông đã rõ.

- Ai đi kia? - Có tiếng hô từ phía nhà cối xay gió.

Miska im lặng thúc con ngựa Xavraxka chạy nhanh hơn. Tiếng gà gáy bắt đầu ran lên trên khắp bản còn chưa tỉnh giấc.

- Đứng lại! Ai đi kia? Tôi bắn bây giờ!

Miska hốt hoảng ghì dây cương, nhưng con ngựa Xavraxka đã đánh hơi thấy đàn ngựa ở gần đó, cất tiếng hí và vùng vằng, không chịu nghe theo dây cương.

- Đư-ứng la-ại!

Những tiếng súng nổ vang bên cạnh nhà cối xay gió. Tiếng kêu của Miska chìm trong những tiếng chân ngựa. Con ngựa Xavraxka thở phì phì, nhảy lồng lên và nặng nề ngã sang bên phải.

Trong khoảnh khắc, Miska cảm thấy đau nhức không chịu nổi ở dưới chân, tiếng kêu lắng lại trên đôi môi nó. Con ngựa Xavraxka ngày càng khuỵu xuống thấp hơn và thấp hơn.

Tiếng chân ngựa ngày càng gần. Hai người vừa vung kiếm kêu loảng xoảng vừa phóng ngựa tới, nhảy xuống ngựa, cúi xuống trên mình Miska.

- Thế có chết mẹ tôi không, thì ra thằng bé!

- Ta bắn chết chú ấy rồi sao?

Có ai đó luồn tay vào trong ngực áo của Miska, hà hơi thuốc lào vào sát mặt nó. Giọng nói mừng rỡ của người nào đó cất lên:

- Chú ấy còn nguyên vẹn! Không sao cả, chân chú ấy bị con ngựa đè lên!

Lịm người đi. Miska thều thào:

- Bọn phỉ đang ở trong bản... Chúng giết bố em rồi... Nhà uỷ ban đã bị đốt, còn ông bảo các chú đến ngay đó!

Trước đôi mắt mờ đục đi của Miska lởn vởn hiện những vòng tròn ngũ sắc...

Bố đi qua trước mặt nó, tay vê vê chòm râu màu hung, đang cười, còn ở trên mắt bố có con nhặng xanh to đang lắc lư. Ông bước qua, lắc đầu tỏ vẻ trách móc, rồi mẹ, rồi một người vóc nhỏ nhắn, có cái trán dô và cái tay đang dang ra, cánh tay ấy chỉ thẳng vào nó, vào Miska.

- Đồng chí Lênin! - Miska cất giọng khàn khàn hét to, ráng hết sức, cố cất đầu lên - và nó vừa giơ hai tay ra phía trước vừa mỉm cười.

1925

TRẦN VĨNH PHÚC *dịch*

Chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng nước Cộng hoà

Cái nước Cộng hoà của chúng tôi không to tát đặc biệt gì cho lắm, tất cả chỉ vỏn vẹn chừng một trăm hộ nằm trong Khe Lầy, cách xã chừng bốn chục vécxta[1] thôi.

Nguyên do thành lập cái nước Cộng hoà ấy là như vầy. Số là vào khoảng đầu xuân, tôi từ quân đoàn của đồng chí Buđiônư[2] trở về quê hương bản quán và được các công dân bầu lên làm chủ tịch thôn; bởi vì tôi đã có hai huân chương Cờ đỏ, do tôi đã tỏ ra anh dũng quên mình chống bọn Vranghen tôi được đồng chí Buđiônư đích thân gắn cho và chính đồng chí ấy đã bắt tay tôi một cách hết sức trang trọng.

---

[1] *Bằng 1,06 km.*

[2] *Một vị tướng lĩnh lừng danh trong thời kỳ nội chiến ở Liên Xô, sau này là nguyên soái Liên Xô.*

Tôi đã lên nhận chức này, và lẽ ra cả làng chúng tôi được sống trong cảnh thanh bình như toàn dân trong nước, nhưng chẳng bao lâu, một toán thổ phỉ đã xuất hiện tại địa phương chúng tôi và lăm le tàn phá sạch sành sanh thôn xóm. Cứ mỗi lần chúng đến, hoặc là chúng cướp lấy ngựa tốt rồi quẳng lại những con nghẽo ốm o cỏm nhỏm, hoặc là có bao nhiêu thức ăn cho gia súc chúng huỷ hoại bằng hết.

Dân các làng lân cận thì tệ quá, họ lại khoái cái đám thổi phỉ này, mang cả bánh mì và muối ra nghênh đón chúng. Thấy các thôn xóm xung quanh đối xử với lũ giặc như vậy, tôi bèn họp dân thôn nhà lại, hỏi họ rằng:

- Có phải bà con dân làng cử tôi lên làm chủ tịch không?...

- Phải.

- Vậy thì, nhân danh mọi người vô sản trong thôn, tôi yêu cầu bà con dân làng giữ vững quyền tự trị của thôn nhà, chấm dứt việc đi lại với các thôn bên cạnh, bởi vì họ là phản cách mạng, chúng ta không mặt mũi nào cùng với họ chung đường chung lối được... Còn thôn nhà thì từ nay trở đi sẽ không gọi là thôn nữa mà gọi là nước Cộng hoà, và tôi, do được dân thôn bầu lên, tôi tự phong làm chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng nước Cộng hoà, đồng thời tôi tuyên bố tình trạng giới nghiêm khắp địa phận làng này.

Những người không giác ngộ thì họ nín lặng, còn những cậu Kadắc trẻ đã từng đi Hồng quân thì bảo:

- Đúng quá rồi! Khỏi phải biểu quyết gì nữa!

Thế là tôi liền đọc cho họ một bài diễn văn:

- Hỡi các đồng chí! Hãy trợ lực cho chính quyền Xô-viết của chúng ta, hãy xông lên chiến đấu chống bọn thổ phỉ tới giọt máu cuối cùng, bởi vì chúng nó là con rắn nhiều đầu[1] và cái con yêu tinh khốn nạn ấy đang cắn phá tận gốc chủ nghĩa xã hội chung của tất cả mọi người chúng ta!

Đứng phía sau mọi người, mấy ông già, mới đầu còn phản đối, nhưng tôi đã động viên họ ráo riết, cuối cùng ai nấy đều nhất trí với tôi rằng chính quyền Xô-viết là bà mẹ đã nuôi nấng chúng ta, mọi người chúng ta ai cũng phải dứt khoát níu chặt lấy áo bà mẹ ấy.

Chúng tôi liền cấp tốc viết giấy lên Ban chấp hành Xô-viết xã để xin cấp súng đạn, và tôi cùng đồng chí thư ký Nikôn được cử lên xã.

Từ sáng sớm tinh mơ, tôi đã thắng con ngựa cái non của tôi vào xe và lên đường. Chúng tôi đi được chừng một chục vécxta, đang rẽ xuống một mương xoi thì thấy gió cuốn bụi bốc trên đường, và trong đám bụi có năm người đang phi ngựa lao tới.

Lúc bấy giờ tôi đã thấy phiền phiền trong dạ, đoán chừng bọn cưỡi ngựa đó chính là những kẻ thù hung ác trong đám thổ phỉ ấy.

Tôi và đồng chí thư ký chẳng nghĩ ra được một sáng kiến gì, mà nghĩ sao cũng chẳng nổi nữa, vì bốn bề toàn là đồng không mông quạnh, không một bụi cây, không một

---

[1] *Theo thần thoại châu Âu, ngày xưa có con rắn yêu tinh, có nhiều đầu, đứt đầu này lại mọc đầu khác, cực kỳ hung ác.*

bờ dốc, không một khe hẻm nào, chúng tôi đành cho ngựa cái dừng lại ngay giữa đường...

Vũ khí chẳng có, chúng tôi chỉ hiền khô như đưa trẻ con nằm trong tã lót, còn như phóng ngựa chạy trốn đám kỵ mã này thì đó là chuyện quá ư dại dột.

Khiếp sợ trước kẻ thù hung ác, cậu thư ký của tôi đâm hoảng. Tôi thấy cậu ta nhấp nhỏm tính chuyện nhảy xuống xe định chạy! Nhưng chạy đi đâu thì cậu ta cũng chẳng biết nữa. Tôi liền bảo cậu ta:

- Nikôn, mày cúp đuôi lại đi và chớ có nhớn nhác! Tao là chủ tịch Hội đồng cách mạng, còn mày là thư ký Hội đồng cách mạng, thì mày với tao phải cùng chết chung một lỗ!

Nhưng cậu ta như không còn biết trời đất gì nữa, nhảy ngay xuống xe rồi cứ lúp xúp theo cánh đồng mà chạy, nghĩa là chạy bán sống bán chết, tưởng chừng chó săn đuổi cũng không kịp. Nhưng kỳ tình bọn cưỡi ngựa kia thấy cậu ta chạy bộ trên cánh đồng như vậy thì lại càng nghi ngờ, chúng phóng ngựa đuổi theo, và chẳng mấy chốc đã bắt kịp cậu ta cạnh một mô đất.

Tôi cứ đàng hoàng xuống xe, có bao nhiêu giấy tờ tài liệu không thích hợp đem ra nuốt bằng hết, rồi đứng xem binh tình ra sao. Tôi chỉ thấy bọn kia nói với cậu ta dăm ba câu rồi chúng xúm lại, lấy gươm chém ngang chém dọc cậu ta túi bụi. Cậu ta ngã lăn đùng xuống đất, bọn chúng nhảy xuống lục soát khắp các túi của cậu ta, loay hoay một hồi rồi lên ngựa tiến đến phía tôi.

Tôi thấy chẳng phải chuyện đùa nữa rồi, đã đến lúc phải chịu lép vế vậy thôi, không làm thế nào hơn được thì chỉ đành đứng chờ. Bọn chúng đã phóng ngựa tới nơi.

Đi đầu là thằng đầu lĩnh của bọn chúng, biệt hiệu là Phômin. Râu ria hắn lồm xồm một màu hung, mặt đầy bụi, bộ tịch dữ dằn như ác thú, mắt cứ long sòng sọc.

- Mày đúng là Bôgatưrép làm chủ tịch đấy hả?

- Tao đây.

- Mày có nghe nhiều lần tao đã bảo mày phải thôi chức chủ tịch đi rồi chứ?

- Có nghe nói...

- Thế tại sao mày không thôi!

Hắn hỏi tôi những câu hèn hạ đại loại như vậy, nhưng mặt làm ra vẻ không tức giận gì.

Lúc bấy giờ tôi đã phát ngán, vì thấy rằng đối với bọn này thì dẫu sao mình cũng chẳng mang nổi đầu nữa rồi. Trước mặt hắn, tôi đáp:

- Là bởi vì tao đứng vững trên cương lĩnh, từng li từng tí tuân theo mọi chương trình hành động của chính quyền Xô-viết, chúng mày dứt khoát không thể đánh bật tao ra khỏi cương lĩnh ấy!

Hắn chửi tôi bằng mọi lời lếu láo rồi lấy roi da quật thật lực vào đầu tôi. Loáng một cái, khắp vầng trán tôi đã nổi nên một cái u nhức nhối, dễ thường to đến bằng quả dưa chuột cụ mà các bà nhà quê thường để giống...

Tôi lấy mấy ngón tay nắn qua cái u đó rồi bảo hắn:

- Chúng mày do không giác ngộ mà làm hung làm càn như vậy thì cũng chẳng hay hớn gì đâu. Còn tao đã

từng đánh tan quân địch trong cuộc nội chiến, đã tiêu diệt không thương tiếc những kẻ đại loại như Vranghen và được chính quyền Xô-viết thưởng tới hai chiếc huân chương, thì chúng mày chẳng là cái quái gì hết, tao đâu có thèm nhìn mặt lũ chúng mày!

Thế là hắn xông lên cả thảy tới ba lần, hòng cho ngựa xéo lên mình tôi và lấy roi quất tôi. Nhưng tôi vẫn trơ trơ đứng vững trên lập trường của mình như toàn bộ chính quyền của giai cấp vô sản chúng ta vậy. Có điều là tôi bị vó ngựa giẫm sái mất một bên đầu gối, và do xô xát như vậy, tai cứ váng lên ù ù, chẳng ra làm sao cả.

- Đi lên!

Chúng nó dồn tôi tới mô đất, cạnh đó tôi thấy cậu Nikôn của tôi đã nằm nhoài trong vũng máu. Một thằng nhảy xuống ngựa, lất ngửa cậu ta lên.

Rồi nó bảo tôi:

- Trông đây, nếu mày không từ bỏ chính quyền Xô-viết, thì chúng tao cũng sửa ngay cho mày một trận như thằng thư ký của mày!

Quần ngoài và quần lót của Nikôn bị tụt xuống, hạ bộ bị chém nát không còn ra hình dạng gì. Đau lòng trước cảnh đầy đoạ như thế, tôi quay mặt đi, thì thằng Phômin lại nghe răng gầm gừ.

- Đừng có quay mặt đi! Chúng tao cũng sẽ dần cho mày y hệt như vậy, còn cái làng cộng sản thâm căn cố đế của mày, chúng tao sẽ cho lửa vây bốn bề.

Nghe hắn nói vậy, tôi không sao chịu nổi nữa, uất máu lên, trả lời bọn chúng thật ác liệt:

- Tao thì sẵn lòng để cho cú khóc cạnh nhà, còn như làng xóm của chúng tao thì chẳng phải có một, mà có hàng ngàn ở khắp cái nước Nga này!

Tôi lấy túi thuốc lá, rồi đá đánh lửa châm thuốc hút. Thấy thế, thằng Phômin liền buông cương, cho ngựa tiến lại gần tôi mà rằng:

- Người anh em ơi, cho tớ hút với nào! Đằng ấy có thuốc lá sợi, còn cánh tớ hai tuần nay nghèo khổ quá, rặt phải hút cứt ngựa khô. Đằng ấy cho cánh tớ hút thì cánh tớ sẽ không hành hình đằng ấy nữa, chỉ chém chết đằng ấy như trong một trận đánh nhau chân chính, và cánh tớ sẽ báo cho gia đình đằng ấy được đem xác về chôn... Nhanh lên nào, cánh tớ không còn đủ thời giờ nữa đâu!

Nhưng tôi cứ giữ chặt túi thuốc lá rời trong tay, và cảm thấy rằng: thuốc mình trồng trong vườn nhà mình, cây hương liệu[1] của mình thơm ngát như vậy, quý báu như vậy trên mảnh đất Xô-viết này, lại đem cho những đồ ăn bám tệ hại kia hút thì thật bực mình và cay đắng vô chừng. Tôi đưa mắt nhìn bọn chúng thì thấy thằng nào thằng ấy đều hết sức lo sợ tôi sẽ đem thuốc vãi tung theo chiều gió. Thằng Phômin ngồi trên ngựa chìa tay ra để đón túi thuốc mà cánh tay nó cứ run lên bần bật.

Nhưng tôi đã làm đúng như thế đấy, tôi vãi hết thuốc ra khỏi túi mà bảo chúng:

- Giết đi, định giết cách nào cứ việc giết! Tao đón nhận cái chết dưới lưỡi gươm Kadắc, còn lũ nhãi nhép

---

[1] *Nông dân Nga thường trộn thêm vào thuốc lá một loại lá có nhựa thơm, gọi là "đô nhích" để hút cho ngon.*

chúng mày nhất định sẽ nhẩy nhót lủng lẳng dưới cần treo gầu múc nước giếng, thì chung quy cũng rứa cả thôi!

Thế là chúng bắt đầu chém tôi một cách hết sức thản nhiên, làm tôi ngã lăn xuống mặt đất ẩm ướt. Thằng Phômin còn dùng súng ngắn nã hai phát, một phát vào ngực, một phát vào chân tôi, nhưng lúc bấy giờ tôi đã nghe thấy trên đường cái vang lên những tiếng: Phạch! Phạch!

Đạn rít chung quanh chúng tôi và rào rào trong đám cỏ dại. Thế mà bọn sát nhân này còn dám bỏ chạy kia đấy! Tôi thấy dân quân của xã đã xông lên bụi mù cả quãng đường cái. Tôi hăng máu chồm dậy, chạy đuổi theo được chừng mười lăm xa gien, nhưng rồi máu bốc lên mờ tịt cả hai mắt, mặt đất dưới chân tôi chỗ nào cũng tuột đi đâu mất.

Tôi còn nhớ là mình đã kêu lên:

- Anh em ơi! Các đồng chí ơi! Đừng để chúng thoát!

Thế rồi ánh sáng tắt phụt trong đôi mắt tôi...

Tôi nằm lì như khúc gỗ trong hai tháng, lưỡi líu lại, trí nhớ nhụt đi. Khi tỉnh dậy thì, lạ chưa; chân trái đâu mất rồi, té ra nó đã bị hoại thư và đã bị cưa cụt...

Từ bệnh viện của khu, tôi trở về nhà, đang chống nạng tập tễnh cạnh bờ đất quanh tường thì bỗng thấy đồng chí uỷ viên quân sự xã cưỡi ngựa tiến vào trong sân. Chẳng chào hỏi gì, chưa chi đồng chí ấy đã lục vấn:

- Tại sao ông lại dám tự phong làm chủ tịch hội đồng quân sự cách mạng và dám công bố thành lập nước Cộng hoà trong làng, hả? Ông biết rằng chúng ta chỉ có một nước Cộng hoà thôi chứ? Vì lý do gì ông lại bày ra cái kiểu tự trị như thế?

Thế thì tôi cũng chỉ trả lời đồng chí ấy đại khái:

- Đồng chí ơi, chớ nghiêm trọng hoá vấn đề như vậy. Còn về cái việc nước Cộng hoà thì tôi có thể giải thích để đồng chí biết rằng nó chỉ được thành lập hồi có bọn thổ phỉ, chứ còn bây giờ hoàn cảnh hoà bình rồi thì nó lại chỉ còn gọi là cái thôn Tốptran thôi! Cơ mà đồng chí phải hiểu rằng: nếu bọn rắn trắng nhiều đầu và các bọn đểu giả khác lại tấn công chính quyền Xô-viết một lần nữa, thì chúng tôi vẫn lại có thể biến mỗi làng thành một pháo đài và một nước Cộng hoà, chúng tôi sẽ lại huy động các ông già và trai tráng lên ngựa, và mặc dù đã cụt một chân, dứt khoát tôi cũng vẫn là người đầu tiên đi đổ máu đấy.

Thế là đồng chí uỷ viên quân sự xã đờ họng ra, không nói tôi được gì nữa, chỉ bắt tay tôi thật chặt rồi lại cưỡi ngựa quay trở ra theo lối cũ.

HÀ NGỌC *dịch*

Câu chuyện về Ủy ban lương thực sông Đông và những rủi ro của phó uỷ ban Ptitxưn

Tôi, Igơnat Ptitxưn, là một anh chàng Kadắc nhỏ bé, người làng Prôvatôrôpxkaia. Bản thân tôi là tay yêng hùng: hông đeo một khẩu mao de trong bao gỗ, hai quả lựu đạn, lưng đeo một khẩu súng trường, còn đàn thì ngoài bao đầy ắp ra lại nhét căng cứng cả mấy túi quần, nặng đến nỗi dải rút không sao giữ nổi chiếc quần rộng ống của tôi mà phải lấy dây chằng thêm vào lưng để khỏi tụt mất quần. Tôi có đôi mắt tinh nhanh vui vẻ nhưng cũng khá là hung hãn: mấy bà mấy cô cứ là khiếp vía. Có

lần trong cuộc đi chơi, tôi nói câu chuyện gì đó với một cô. Sau đó, quen quen rồi cô ta bảo: "Gớm anh Íchnasa, làm gì mà mắt anh long lên sòng sọc như mắt hùm beo ấy, nhìn cũng chẳng dám nhìn lâu nữa".

Còn như mọi mặt khác của tôi thì cũng được thôi, ví dụ như: tiếng nói của tôi khàn khàn, thanh mảnh như sợi tóc của quỷ sứ.

Hồi ấy, tôi đang làm công tác lương thực ở xã Têpikinxkaia.

Đó là mùa xuân năm 1919. Ở bên xã Prôvatôrốpxkaia thì trưng thu lương thực là một anh bạn cùng cấp bậc với tôi, một chiến hữu thân thiết của tôi, tên gọi Gônđin. Vốn anh ta thuộc giai cấp Do Thái. Thanh niên đâu mà ghê gớm, như lửa bén thuốc súng ấy, mà láu tôm láu cá thì cũng hết chỗ nói. Còn tôi thì tính tình thẳng thắn, không lượn lẹo, trưng thu lúa mì thì cứ làm thẳng thừng. Tỉ dụ như, tôi chọn một anh Kadắc nào có máu mặt một chút, trước hết đưa ngay ra tối hậu thư: "Đưa lúa mì ra!" - "Không có." - "Không có là thế nào? " - "Không làm gì mà có", cái đồ rắn độc ấy nó vẫn nói như vậy. Thế là tất nhiên tôi chẳng thương xót gì hết, thọc ngay khẩu mao de vào rốn hắn, cất giọng lạnh lùng bảo: "Mười phát tự động bắn ra, mười lần tôi giết anh, mười lần tôi chôn anh xuống rồi lại đào anh lên! Có chở lúa mì đi không?" - Hắn ta đánh trả lời: "Tôi xin chở, tôi vui lòng cố gắng làm đúng lệnh của ngài ạ !"

Còn cậu Gônđin - cái thằng cha chui vào lỗ mũi này rồi lại ra lỗ mũi khác mà vẫn khô như ngỗng, bao giờ nó

cũng thu được nhiều lúa hơn tôi. Nhưng cả hai chúng tôi đều được vì nể như nhau. Người ta nể cậu ta vì cái tính con gái của cậu ấy, vì cậu ấy nhu mì như mấy cô vậy, còn tôi, Ptitxưn, thì cứ việc coi thường tôi thử xem nào! Tôi là con người cứng ngắc, đã văng tục ra một câu, đã bắt đầu múa tay hoa chân lên, mà mọi người còn bật cười về cái bộ tịch của tôi, các cậu Kadắc trẻ tuổi lại cố tình không chịu chở lúa đi, thì nhất thiết tôi phải ra tay phết đít họ. Nhưng đôi lúc người ta cũng bảo: "À, ông Ptitxưn nhà tay lại líu lo như sơn ca rồi!", và từ đó tôi được mệnh danh là con sơn ca. Chà, hay thật. Cứ như vậy, tôi đang tiếp tế lương thực cho quân đoàn 10 của phương diện quân phía Nam thì bỗng nghe nói ở xã Viôsenxkaia, quân khởi nghĩa đã đụng độ với tướng Xêkrêtiếp và đang dồn ép tên tướng này... Thế là chúng tôi lên đường, mà một khi chúng tôi đã lên đường thì cấm ai giữ lại được. Và chúng tôi đã có mặt tại tỉnh Kuôcxk, thuộc huyện Phategiơ. Chúng tôi lấy thóc ở đấy hay thật. Lấy một tháng, rồi hai tháng. Trước đây, người ta chỉ thu được mỗi tháng một vạn đấu kê, nhưng khi chúng tôi xuất hiện thì lấy được hai mươi vạn đấu. Trong khi đó, cậu Gônđin thì cứ thăng quan tiến chức liên tục, và vào một ngày đẹp trời hôm ấy, chúng tôi bừng mắt dậy thì, như một con gà từ trong trứng nở ra, cậu ta đã nghiễm nhiên giữ chức đặc nhiểm Ủy ban tiếp tế lương thực đặc biệt cho quân đoàn thuộc phương diện quân phía Nam. Hay thật. Tôi đang cùng một toán anh em lính thuỷ đi trưng thu kê và mì trong toàn huyện Phategiơ. Gônđin gọi tôi lại, nhủ thầm: "Ptitxưn, cậu hắc xì dầu thật, vắt cổ

chầy ra nước. Nhưng cậu gàn quá, chẳng có tí mềm dẻo nào." Chuyện cổ chày thì tôi chẳng hiểu thế nào, nhưng mềm dẻo thì quả là tôi ít thật, chỉ rặt xương cùng xẩu thôi. Nhưng tôi mềm dẻo làm cóc gì nhỉ? Tôi đâu có phải là đàn bà? Vả chăng cũng chẳng ai chịu trách nhiệm về cái mềm dẻo của tôi được. Cậu ta bảo: "Thì cậu hãy nhìn tớ cho nhãn nhặn hơn một chút nào." Còn tôi, thì tôi đáp: "Cậu biết là trong cuộc đảo chính tháng Mười tớ đánh lui bọn *innke*[1] để bảo vệ điện Kremli chứ?"

"Biết." Tôi lại bảo: "Cậu biết là trong khi xung phong, một viên đạn của bọn *iunke* đã chui vào bọng đái của tớ và cho tới nay vẫn bơi trong đó như một quả trứng ngỗng chứ? " - Cậu ta nói "Biết, và tớ rất kính nể cả cái viên đạn nằm trong bọng đái của cậu nữa." - Ờ, thế thì được. Nhưng mỡ sẽ bọc viên đạn của tớ lại, và nếu máu không kéo nó xuống gót chân thì cũng kéo nó sang chỗ khác, cậu khỏi lo cho nó mà nên lo cho các chiến sĩ của ta đang chiến đấu trên các mặt trận, để họ khỏi ngồi đấy mà nhịn đói." "Thôi, cậu đi đi", - cậu ta lắc đầu bảo vậy rồi thở dài não nuột. Nghĩa là dường như cậu ta có bắt đầu thương hại anh em chiến sĩ rồi hay sao ấy nhỉ? Hay thật. Tôi lại quay về thu thóc như cũ. Thu khá đến nỗi người nông dân chỉ còn bộ da. Thôi thì của nả, cả đến đôi giầy da của họ tôi cũng thu, nhưng bỗng họ điều Gônđin đi Xaratốp. Đùng một cái, tuần lễ sau tôi nhận được điện của cậu ta: "Lương

---

[1] *Học sinh trường võ bị thời Nga hoàng, một lực lượng rất phản động và hiếu chiến.*

chầy ra nước. Nhưng cậu gàn quá, chẳng có tí mềm dẻo nào." Chuyện cổ chày thì tôi chẳng hiểu thế nào, nhưng mềm dẻo thì quả là tôi ít thật, chỉ rặt xương cùng xẩu thôi. Nhưng tôi mềm dẻo làm cóc gì nhỉ? Tôi đâu có phải là đàn bà? Vả chăng cũng chẳng ai chịu trách nhiệm về cái mềm dẻo của tôi được. Cậu ta bảo: "Thì cậu hãy nhìn tớ cho nhã nhặn hơn một chút nào." Còn tôi, thì tôi đáp: "Cậu biết là trong cuộc đảo chính tháng Mười tớ đánh lui bọn *innke*[1] để bảo vệ điện Kremli chứ?"

"Biết." Tôi lại bảo: "Cậu biết là trong khi xung phong, một viên đạn của bọn *iunke* đã chui vào bọng đái của tớ và cho tới nay vẫn bơi trong đó như một quả trứng ngỗng chứ? " - Cậu ta nói "Biết, và tớ rất kính nể cả cái viên đạn nằm trong bọng đái của cậu nữa." - Ờ, thế thì được. Nhưng mỡ sẽ bọc viên đạn của tớ lại, và nếu máu không kéo nó xuống gót chân thì cũng kéo nó sang chỗ khác, cậu khỏi lo cho nó mà nên lo cho các chiến sĩ của ta đang chiến đấu trên các mặt trận, để họ khỏi ngồi đấy mà nhịn đói." "Thôi, cậu đi đi", - cậu ta lắc đầu bảo vậy rồi thở dài não nuột. Nghĩa là dường như cậu ta có bắt đầu thương xót anh em chiến sĩ rồi hay sao ấy nhỉ? Hay thật. Tôi lại quay về thu thóc như cũ. Thu khá đến nỗi người nông dân chỉ còn bộ da. Thôi thì của nả, cả đến đôi giầy da của họ tôi cũng thu, nhưng bỗng họ điều Gônđin đi Xaratốp. Đùng một cái, tuần lễ sau tôi nhận được điện của cậu ta: "Lương

---

[1] *Học sinh trường võ bị thời Nga hoàng, một lực lượng rất phản động và hiếu chiến.*

uỷ sông Đông theo lệnh tôi đi Xaratôps", dưới ký: "Lương uỷ tỉnh Xaratốp. Gônđin."

Chúng tôi bèn lên tầu lửa mà đi. Hay thật.

Do có nhiều chấy rận, tôi bị đoàn bỏ rơi, chả là vì đến một ga nọ tôi vào một nhà tắm hơi nước định bụng tiêu diệt chúng. Tôi ngồi vừa giết chúng, vừa tự nhủ thầm: "Tao đã ở với chúng mày, tao đã cùng chúng may bôn ba khắp nơi." Còn đoàn thì cứ tập hợp lại mà đi. Hay thật.

Tôi tới Xaratốp. Không thấy Gônđin mà cũng chẳng thấy Lương uỷ Sông Đông của chúng tôi đâu cả. Bèn đi hỏi xem họ ở đâu. Người ta trả lời là uỷ viên lương thực Gônđin đã được cử đi công cán tại Tambốp, và uỷ ban lương thực cũng kéo theo sau như một cái đuôi. Hay thật. Người ta còn bày cho tôi rằng: "Dẫu sao đồng chí cũng nên đến Ủy ban Xô-viết sông Đông để hỏi xem." - Ủy ban Xô-viết sông Đông ở chỗ nào? - Ở khách sạn Nước Nga. Hay thật. Tôi liền đến khách sạn Nước Nga. "Có phải uỷ ban Xô-viết sông Đông ở đây không?" - Người ta trả lời: "Phải, tầng hai, buồng ba". Tôi lên gác, lấy móng tay cạo cạo vào cửa: "Vào được không ạ?" - "Mời vào, mời vào." Tôi vào, đưa mắt nhìn thấy trong căn buồng nhỏ bé này có hai người. Một người da ngăm đen, có râu cằm ngắn, bề ngoài ra vẻ dân sự, còn người kia là một cô coi bộ quý phái, đang ngồi đánh máy chữ. Tôi lên tiếng: "Xin lỗi, tôi đã vào nhầm phòng đối diện." Rồi tôi đưa tay khua một vòng: "Các đồng chí là Ủy ban Xô-viết sông Đông đấy ạ?" Người đàn ông đáp: "Vâng. Tôi, Métvêđép, là chủ tịch, còn đây là một cán bộ kỹ thuật giúp việc tôi" - Tôi bèn dương dương

tự đắc nói: "Thế còn tôi, tôi là Ptitxưn Igơnát thuộc Lương uỷ Sông Đông, chắc các đồng chí có nghe nói? Không ư? Đáng tiếc! "Đồng chí Métvêđép, thế thì đồng chí xoàng quá." Người kia nhún vai: ờ, xoàng thì xoàng, đành cam chịu thôi, cóc nhảy quay đầu ai được. Tôi hỏi: "Đồng chí có biết Lương uỷ sông Đông chúng tôi ở đâu không?" - "Tôi chịu", - người đó cất giọng buồn rầu trả lời, rồi mời tôi ngồi xuống chiếc ghế sạch sẽ. Dĩ nhiên là tôi ngồi.

Tôi phân trần đại thể là Lương uỷ sông Đông đã đi Tambốp mất rồi. Thế là Métvêđép mừng quýnh: "Té ra thế! Thật đáng mừng! Vậy là Lương uỷ sông Đông của chúng ta ở Tambốp. Ty ruộng đất sông Đông ở Penda. Ty hành chính ở Tula, thế còn Ty quân sự thì ở đâu nhỉ?" - Anh ta quặp từng ngón tay lại để đếm rồi hỏi cái nhà cô quý phái kia: "Cô có biết Ty quân sự của chúng ta ở đâu không, cô? " Nhưng cô kia chỉ mỉm cười dịu dàng mà rằng: "Tôi cũng chịu, chẳng biết nổi."

Chắc là họ buồn vì chẳng có ai đến thăm, nên thấy tôi họ mừng đến nỗi mang cả trà ra đãi. Nhưng, cho uống trà mà lại quên đường. Hay thật. Tôi bèn rót nước sôi vào đầy cốc mà bảo họ: "Xin lỗi, tôi không uống quá hai cốc". Họ đâm hoảng, bấy giờ mới đem đường ra bỏ vào cốc, nhưng tôi nghiêm giọng bảo họ: "Viết giấy cho tôi đi Tambốp."

Thế rồi tôi đi. Tôi tìm được anh em trong đoàn ở Tambốp, nhưng chẳng bao lâu bọn trắng đã bắt đầu rút ra phía biển, Lương uỷ sông Đông chúng tôi thì được phái đi Rôxtốp.

Gônđin nhanh chân chuồn được, cậu ta bảo rằng công tác này không có triển vọng gì lắm, còn tôi thì đi Xibia. Cả phó uỷ của cậu ta cũng chuồn mất. Trong khi đi đường, đã thay đổi cả thảy tới chín vị phó uỷ như thế. Bây giờ lên đến lượt tôi. Hay thật. Theo cấp bậc thôi. Chẳng phải chờ đợi lâu la gì, vị phó uỷ cuối cùng cũng chuồn nốt. Đến Philônôpxkaia cậu ta chuồn ngược trở lại Tambốp. Thấy cậu ta định chuồn, tôi bèn trích khẩu phần của tôi cho cậu một chiếc đùi lợn và nửa cân thuốc lá rời. Thế là tôi lên chức "phó uỷ" Lương uỷ sông Đông. Tôi nghĩ, hay lắm, đến Rôxtốp mình sẽ còn ép thêm nữa. Chúng tôi đi hai toa, một toa người và một toa sách... Trước ngày lên đường từ Maxkơva người ta đã gửi sách và các ấn loát phẩm cho chúng tôi.

Chúng tôi đang đi đến Txritxưn. Qua được Krivaia Mudơga thì bọn trắng phá mất cầu, chúng tôi phải *tăng bo* sang bên kia sông. Đi bộ đến ga, chúng tôi lại lấy hai toa mới! Nhưng đầu máy không có, lấy gì mà kéo? Làm thế nào bây giờ? Chúng tôi bèn nghĩ ra cách gióng vào mỗi toa một đôi bò đực và một con lạc đà, gắn thêm cả mấy chiếc xà lan vào đầu tăm pông, thế là đi được.

Dĩ nhiên là tôi ngồi vào giữa hai cái bướu của con lạc đà, vừa ấm lại vừa không bị lắc.

Cứ như vậy, qua mỗi một chiếc cầu, chúng tôi lại gióng vào toa những con lạc đà, những vị sứ đồ có hai sừng là hai con thú có lông, để tiến lên.

Nhưng chỉ sang tới ngày thứ hai là tôi đã ốm quay lơ. Lưng đau nhói. Chết đến nơi rồi, thế là hết chuyện! Anh

em bèn khuyên: cậu ở lại với dân, đến sau vậy, nếu không dù có để cậu nằm trong toa được sưởi ấm, cậu cũng ngoẻo mất thôi! Hay thật. Đang bị đau dữ dội, hơi sức đâu!

Anh em liền đưa tôi vào một xóm cạnh một ga xép nào đó, nói với bà chủ nhà: "Bác ơi, bác trông nom giùm đồng chí này, sau chúng tôi sẽ xin đa tạ."

Té ra cái bà goá chồng này lại là người Xibia di cư đến. Bà ta khoẻ mạnh, tuổi chừng năm mươi, coi bộ chẳng phải đàn bà là một con ngựa đực khoang. Hai lỗ mũi bà ta huếch lên, một mắt lác xệch, có nhét đến mấy cọng rơm vào cũng lọt.

Anh em vừa đi khỏi là bà ta cất giọng như hát: "Tôi sống một thân một mình buồn quá. Vậy anh lính bé nhỏ kia ơi, hãy khỏi bệnh mau lên để mà làm vợ làm chồng, để anh coi sóc cơ ngơi nhà này. Chồng tôi mới chết năm ngoái mà tôi là gái đang xoan."

Đang xoan ở cái chỗ nào thì cũng kệ đấy cái đã. Thấy bệ nằm ở cạnh lò sưởi là tôi lăn kềnh xuống vì tôi đang ốm cơ mà! Mụ phù thuỷ của tôi thì cứ lục vấn mãi: "Có lấy không? Có ở rể không?" - Tôi bèn bảo: "Có lấy, con bò cái khoang ạ! Mổ thịt cừu cho chén đi đã, kẻo lại không ăn thua gì."

Thế là bà ta mổ thịt con cừu, cho ăn. Tuy tôi nằm ỳ thần xác, nhưng thịt cừu thì cứ ăn phừa phựa. Bà chủ thì vẫn cái giọng Xibia của mình, toàn gọi tôi là "chàng đỉa, chàng đỉa." Tôi nghĩ bụng, ôi chao, cái nhà bà này, tôi chỉ là chàng đỉa của chính tôi thôi, còn cái ngữ bà thì có trời mà thương được. Bà có chết đi thì chỉ như chấy như rận, nhưng khi bà ngủ thì chẳng khác gì một súc thịt. Là vì ba

ta cũng phải nặng tới chín pút chứ không ít. Hay thật. Nhưng tôi ăn hết được một con cừu thì bà ta thôi, không chịu mổ thịt thêm con nào nữa.

- Tôi bèn bảo: "Thế nào, bà hộ pháp, bà không chịu mổ thịt cừu nữa ư? Đói bụng thì làm sao khỏi bệnh được?." - Bà ta đáp: "Thịt cừu thì anh ăn hết ngày này sang tháng khác được, nhưng cả cơ ngơi của tôi chỉ có năm con thôi..." - Tôi nói: "Thế thì bà cứ ngoẻo đi với cả đàn cừu của bà đi cho rồi. Tôi đi đây!"

Vậy là tôi đi! Thu xếp đồ đạc trong một ngày xong là tôi lên đường. Tới gần Rôxtốp thì tôi đuổi kịp anh em trong đoàn.

Đến Rôxtốp, tôi tách khỏi đoàn, lên thẳng đồng chí chủ tịch.

Tôi nói: "Xin chào." Tôi nói tiếp: "Chúng tôi là phó uỷ Lương uỷ sông Đông."

Đồng chí chủ tịch nhấc đôi mục kỉnh ra lau đi lau lại. Cuối cùng, hỏi:

- "Này, đồng chí ơi, đồng chí không ốm đấy chứ? " - Tôi đáp: "Không, tôi khỏi rồi." - "Đồng chí ở đâu đến?" - "Từ nhà ga!"

"Lương uỷ sông Đông nào thế nhỉ? " - Đồng chí chủ tịch hỏi, rồi do bực bội, mặt đồng chí ấy bắt đầu tím lại như quả mận. Đồng chí ấy lại bảo: "Sao, đồng chí không đùa đấy chứ?" Tôi đáp: "Đùa là thế nào? Chúng tôi từ Kuôcxkơ tới, dấu má của Lương uỷ sông Đông đây." - Tôi móc các con dấu trong túi ra, ném toạch lên bàn. - "Còn sách và anh em trong đoàn chúng tôi đang ở cả ngoài ga."

Đồng chí ấy nói: "Đồng chí cứ đến phố Maxkôpxcaia thì sẽ được thấy Lương uỷ sông Đông chính cống. Nó đã tồn tại từ tháng rưỡi nay rồi. Còn đồng chí thì tôi chưa thấy mặt bao giờ."

Mồ hôi của tôi túa ra đẫm cả chiếc áo sơ mi. Tôi bèn cùng anh em trong đoàn từ nhà ga lặn lội đến phố Maxkôpxcaia.

"Đây có phải trụ sở Lương uỷ sông Đông không?" -

"Phải."

Cha mẹ ơi! Cái nhà năm tầng này thì cũng thường thôi, nhưng người đông như kiến cỏ! Các cô quý phái đang đánh máy chữ lách tách, các máy tính rào rào ầm ĩ. Chúng tôi dựng cả tóc gáy. Chúng tôi vào trụ sở, đến thẳng chỗ uỷ viên lương thực. Chúng tôi bảo: dù sao chăng nữa, đồng chí cũng không có quyền ngồi đây.

Vậy mà đồng chí này chỉ mỉm cười, ôn tồn đáp lại: "Lẽ ra đồng chí phải lên đường nhận công tác cách đây nửa năm rồi kia. Ở đó người ta đã đợi đồng chí từ lâu." Rồi đồng chí ấy bảo: "Đồng chí hãy đến khu Xanxki làm phái viên."

Hay thật. Dĩ nhiên là tôi bực cả mình, hai tay chống nạnh bảo đồng chí ấy rằng: "Cứ ngồi và chấm mực ký giấy thì kẻ vô học nó cũng làm được. Cái thứ anh chỉ là kế toán viên với các cô quý phái để móng tay dài thôi. Không, anh thử đi lần mò vào các vựa thóc xem bụi bặm nó có chui tiệt vào mũi vào mắt anh không nào."

Thế rồi chúng tôi bỏ đi ra. Với cái kẻ vô tích sự ấy thì làm thế nào được? Anh ta chẳng hiểu quái gì cả, còn tôi thì chân bước mà bụng nghĩ lao lung:

Tình hình tỉnh ta hỏng mất rồi! Anh chàng này làm sao giữ nổi cái chức uỷ viên lương thực cho được. Nói thì nhỏ nhẻ thế thì một phút cũng chẳng cất nổi. Mình thì có lúc còn gào thét lên nữa ấy chứ, ồ, mà thôi, nói làm gì nữa! Chúng tôi không có kế toán, cũng chẳng có các cô đánh máy có móng tay dài như thế, vậy mà chúng tôi vẫn cứ làm việc như thường đấy!

HÀ NGỌC *dịch*

Con đường chông gai

Dường như chỉ mới rất gần đây thôi, Nhiuốcka đang còn là một con nhóc vụng về chân tay nghều ngoào. Đi thì lạch bà lạch bạch, chân bước chữ bát, vung vẩy lung tung đôi tay dài ngoẵng, gặp người lạ thì tránh tránh né né, đôi mắt đen lánh dưới tấm khăn trùm ló ra nhìn ngượng nghịu, thẹn thò. Thế mà giờ đây, đi ngang qua trước mặt Vaxka, là một cô gái cân đối, ngực nở, mắt nhìn thẳng, đôi môi chúm chím, và như có một ngọn gió xuân ấm áp nào đã phả vào mặt Vaxka.

Vaxka thoáng lim dim, nhưng rồi đưa mắt nhìn theo mãi cho tới khi cô ta khuất bóng sau quãng đường ngoặt, anh mới thúc cho ngựa phóng lên. Đã đến chỗ buông cương cho ngựa uống nước rồi mà anh vẫn mỉm cười nhớ lại phút gặp gỡ vừa qua. Không biết tại sao trước mắt anh vẫn hiện ra đôi tay dịu dàng, nhưng chắc chắn của Nhiuốcka áp lên chiếc đòn gánh vẽ hoa, với đôi thùng sơn xanh nhún nhảy nhịp nhàng theo bước chân đi. Kể từ đó,

Vaxka luôn tìm dịp gặp gỡ Nhiuốcka, khi cho ngựa ra sông thì anh cố ý men theo con đường ven làng để đi qua cửa nhà bố mẹ Nhiuốcka và lúc thấy bóng cô ta thấp thoáng sau bờ rào hay trên khung cửa sổ, lòng anh lại nóng ran lên một niềm vui, tay anh co chặt dây cương, cố ghìm bước chân ngựa.

Hôm thứ sáu tuần đó, anh ruổi ngựa ra bãi để thăm nom mấy đống cỏ khô. Trời vừa mưa xong, cỏ đang hoai ngào ngạt, khói bốc lên nghi ngút. Anh thấy Nhiuốcka đang đi cạnh mấy đống cỏ nhà Apđêép. Một tay cô ta túm váy, còn tay kia vung vẩy chiếc roi con. Anh liền thúc ngựa tiến lại gần:

- Chào cô gái xinh đẹp tuyệt vời!

- Chào anh, anh bỡn làm gì vậy? - Và cô ta mỉm cười.

Vaxka nhảy xuống, ném cương.

- Tìm gì thế, Nhiuốcka?

- Có con bê lạc mất... Anh có thấy nó ở đâu không?

- Đàn bò bê về làng lâu rồi, mà tôi chẳng thấy con bê nhà cô.

Móc ra một túi thuốc lá rời, anh vấn một tổ sâu kèn. Đưa lên miệng phết nước bọt vào mẩu giấy báo, anh hỏi:

- Cô mình lớn nhanh như thổi ấy! Dạo nào còn chơi chạy đuổi ngoài bãi cát, mà bây giờ thì đã ghê quá...

Đôi mắt Nhiuốcka lim dim với một nụ cười. Cô đáp:

- Anh Vaxili Timốphêvích ạ, chúng ta thế cả thôi. Cả anh cũng mới hồi nào còn đánh truồng đi bắt sáo đá ngoài đồng cỏ, thế mà bây giờ có dễ đi trong nhà thì đụng đầu đụng đến xà ngang cửa rồi...

- Thế sao cô chưa đi lấy chồng? - Vaxka đánh diêm hút thuốc lá vườn nhà, nhả khói mù mịt.

Nhiuốcka thở dài bỡn cợt, dang đôi tay ra vẻ chán chường:

- Có ai hỏi đâu mà lấy?

- Thế tôi dạm không được ư? - Vaxka muốn mỉm cười, nhưng nụ cười của anh sao méo mó và vô duyên thế. Anh nhớ lại hình dạng mình khi soi gương: đôi má rỗ nhằng rỗ nhịt vì lên đậu mùa hồi còn nhỏ, mái tóc loăn xoăn, ngang ngược xoã xuống quá chán.

- Anh chỉ hơi rỗ hoa thôi, chứ trông thì cũng chả sao cả...

- Cái mã bề ngoài thì có mang về mà ăn được đâu... - Vaxka đỏ bừng mặt, buột miệng ra như vậy.

Nhiuốcka thoáng mỉm cười, vung chiếc roi con, nói:

- Cũng đúng thôi! Vậy nếu anh vừa ý thì anh cho mối đến hỏi đi.

Đoạn cô ta quay gót trở về làng, còn Vaxka thì ngồi dưới đụn cỏ hồi lâu, vò nát mớ lá cây ngọt lịm trong lòng bàn tay, nghĩ ngợi: "Không biết con nỡm này nó có lỡm mình không?"

Từ con sông nhỏ, từ rừng sâu, đã tràn về một cơn gió lạnh ớn người.

Sương mù đã sà xuống thấp, uốn khúc trên vạt cỏ mới cắt, thò những chiếc vòi dài trắng muốt, béo múp míp, mơn man những cọng cỏ lởm chởm, âu yếm ấp ủ những đống cỏ đang toả khói. Đằng sau vài ba cây dương, mặt trời đã lặn xuống ngủ đêm, nền trời ở đó như nở ra một

mầu tầm xuân còn những đám mây dựng đứng thì trông như những cánh hoa đã héo tàn.

Gia đình Vaxka có mẹ và em gái. Ngôi nhà nhỏ bé cắm sâu vào đất, bám chặt lấy rìa làng, sân nhà cũng chẳng rộng rãi gì. Một ngựa cái, một bò cái - tất cả gia sản chỉ có thế, bởi vì bố Vaxka xưa vốn nghèo hèn.

Chính vì vậy, ngày chủ nhật đó, mẹ Vaxka vừa choàng tấm khăn san có tua màu, vừa bảo anh:

- Mẹ không có ý kiến gì đâu con ạ! Con Nhiuốcka nó cũng hay làm, chẳng phải đứa ngu đần gì. Nhưng có điều nhà ta nghèo, bố nó không gả cho con đâu... Con còn lạ gì tính nết ông Ôxíp nữa?

Vaxka đang đi ủng, nín lặng, má anh xị ra, đỏ lên, có thể là do anh đang cố nong đôi ủng vào chân (đôi ủng quá chật, đau cả chân), hoặc do một nguyên nhân gì đó.

Mẹ lấy đuôi khăn quệt đôi môi tái khô, nói tiếp:

- Vaxka ạ, mẹ đến nhà ông Ôxíp đây, nhưng nếu chuyện không xong, thì dù có là người đến dạm hỏi người ta cũng tống ra khỏi cửa thôi. Mà cả làng người ta cũng sẽ cười cho... - mẹ ngừng lời, mắt không nhìn Vaxka, rồi khẽ nói: - Thôi, mẹ đi.

- Vâng, mẹ cứ đi cho con. - Vaxka đứng dậy, uể oải mỉm cười.

Đưa ống tay áo chùi mồ hôi nóng hổi nhễ nhại trên trán, mẹ Vaxka nói:

- Ông Ôxíp Mắcximôvich ơi, nhà ông có món hàng mà nhà tôi lại có người mua... Cho nên tôi mới đến đây... Vậy ông tính thế nào?

Lão Ôxíp đang ngồi trên ghế dài, lấy ngón tay xoắn bộ râu, thổi bụi bám trên mặt ghế rồi bảo:

- Bà Timôphêépna ạ, duyên do nó thế này... Tôi thì có lẽ cũng chẳng có ý kiến gì đâu... Đối với cảnh làm ăn nhà chúng tôi thì thằng Vaxili cũng hợp đấy. Có điều là chúng tôi còn chưa tính chuyện gả bán gì cho cháu gái cả... Cho nó đi lấy chồng thì còn sớm quá... Thời buổi này mà sinh con đẻ cái sòn sòn ra thì cũng chẳng hay ho gì!

- Thôi thế thì xin ông tha lỗi, cảm phiền cho! - Mẹ Vaxka bậm môi, cất mình khỏi chiếc rương, cúi chào.

- Có gì đâu mà phiền... Đi đâu vội thế, bà Timôphêépna? Bà nán lại đây chơi với chúng tôi đã chứ?

- Thôi ạ... tôi cũng phải mau mau chóng chóng về nhà... Xin chào ông, ông Ôxíp Mắcximôvich!

Cửa đóng sập lại, ông chủ đã không buồn đứng dậy, còn nói với theo:

- Lạy trời, xéo quách đi cho rảnh!

Mẹ Nhiuốcka từ ngoài sân bước vào. Vừa đổ hạt quỳ vào sanh, mụ vừa hỏi:

- Mụ Timôphêépna đến có chuyện gì vậy, ông?

Lão Ôxíp chửi đổng rồi nhổ phẹt:

- Mụ ấy đến dạm hỏi cho cái thằng mặt rỗ nhà mụ ấy. Máu chảy đến đâu ruồi bâu đến đấy! Kệ xác mụ ấy!

Thế mà cũng học đòi đi hỏi vợ cho con... - Và lão phẩy tay. - Chán ngấy đi được!

Vụ gặt lúa mì đã xong. Với vẻ đợi chờ, từ sau các bờ rào đã thấy thập thò những đống lúa mì chưa đập, đỏ ối và tua tủa trên những mặt sân chứa lúa. Chung đang đợi chờ các ông chủ đến ra tay đập lúa, ra tay làm lụng, và chờ đợi những người thợ máy đến cất giọng khàn khàn và nặng nhọc kêu lên bên những máy đập lúa:

- Nhanh tay lên! Nhanh tay lên... Nhanh tay lên nào!

Mùa thu đã lò mò đến trong những ngày mưa, trong cảnh u ám mịt mờ.

Sáng sáng, cánh đồng phủ đầy sương mù giống như một con ngựa mang bộ da lở lói. Mặt trời lấp ló thẹn thò sau những đám mây đen, nom đến là yếu ớt và đáng thương. Chỉ trừ những khu rừng chưa bị nắng nôi thiêu cháy là c n hãnh diện rì rào những cành lá mềm mại xanh um như giữa cảnh mùa xuân.

Chốc chốc, trong đám sương mù trơn nhẫy và đáng ghét ấy, những trận mưa lại kéo nhau đi qua. Không hiểu sao đàn ngỗng trời lại bay từ đông sang tây, còn những đống lúa gầy guộc, đã hoai đi thành một màu nâu, thì lại giống như những kẻ ốm o, bệnh hoạn.

Mặt đất chưa cày xới nằm im lìm trong cảnh mơ màng trước độ thu sang. Các bãi đã cắt nay lại đâm lên những ngọn cỏ mọc lại xanh rì và trổ hoa sặc sỡ, nhưng màu sắc của chúng xem ra chỉ là giả dối, chẳng khác nào đôi má hồng của người mắc bệnh lao trầm trọng.

Riêng đối với Vaxka, một niềm vui đã nở bung ra như một bụi cúc gai xum xuê trổ đầy hoa. Là vì ngày nào Vaxka cũng được thấy mặt Nhiuốcka, lúc thì gặp ở bờ sông, lúc thì gặp nhau trong các tối vui chơi của thanh niên. Dạo này cậu ta trông thộn ra, người cứ rạc đi, làm việc gì cũng chẳng chuyên tâm nữa...

Thế rồi hôm ấy, vào một ngày thu âm thầm, lúc trời sắp tối, chiếc phong cầm trước đây nỉ non, rền rĩ như chó con mất mẹ, bỗng nhiên ca vang lên một giọng nhí nhảnh, có lúc như cười ngặt nghẽo...

Rồi cậu bí thư chi đoàn thanh niên cộng sản thôn, chạy vào sân nhà Vaxka. Thấy anh, cậu ta hoa chân múa tay, miệng cười ngoác đến tận mang tai:

- Cậu làm gì mà cười nhăn nhó thế, bắt được vàng chắc? Vaxka châm chọc.

- Thôi, đừng có đùa! Vàng bạc gì đâu, - cậu ta lấy lại hơi rồi nói liền một mạch. - Lớp tuổi cánh ta sắp được vào bộ đội đấy! Ba ngày nữa là gọi!

Vaxka tưởng có ai lấy gậy đập vào đầu mình. Ý nghĩ đầu tiên là: "Thế còn Nhiuốcka thì sao?" Đưa tay xoa trán, anh ồm ồm hỏi:

- Vậy có gì mà phải mừng quýnh lên?

Griska nhướng đôi mày cao tới tận tóc:

- Chứ sao nữa? Ông tướng gàn ơi, vào quân đội thì chúng ta mới biết đây biết đó được, chứ còn ru rú ở làng, ngoài phân bò, phân ngựa ra, còn cái thú vị gì? Mà người anh em ạ, trong quân đội còn được học tập nữa...

Vaxka quay ngoắt người, tiến ra phía sân phơi lúa, đầu cúi gục, không ngoái lại...

Đêm đến, Vaxka đợi Nhiuốcka cạnh lỗ thủng ở bờ rào, vườn nhà lão Ôxíp. Mãi khuya cô ta mới bò ra. Cô ta xo ro cuộn mình trong chiếc áo da ngắn của bố. Cô ta rùng mình vì sương đêm ẩm ướt.

Vaxka nhìn vào đôi mắt cô ta, nhưng không thấy gì cả. Dường như cô ta không còn mắt nữa, trong những hố mắt huếch hoác, tăm tối, chỉ thấy trống rỗng, đen ngòm.

- Nhiuốcka, tôi phải đi nghĩa vụ quân sự...

- Em có nghe nói.

- Thế còn em thì sao? Em sẽ đợi anh, không lấy người khác chứ?

Nhiuốcka bật lên cười khe khẽ. Vaxka cảm thấy giọng nói, tiếng cười của cô ta có vẻ xa xôi, khác lạ.

- Em đã từng nói với anh nhiều lần là em không kể gì tới bố mẹ, sẵn sàng theo anh và lẽ ra đã lấy anh rồi... nhưng bây giờ em không lấy anh nữa đâu! Chờ đợi hai năm, chẳng phải chuyện đùa! Biết đâu anh lại chả kiếm một cô nào ngoài thành phố, còn em cứ ngồi làm bà cô mãi sao? Thời buổi này có ai ngốc như thế? ... Anh tìm hỏi người khác, có lẽ kiếm được người đợi anh đấy...

Bứt đầu bứt tai, lắp ba lắp bắp, Vaxka phân trần hồi lâu. Nhưng mặc cho anh hết kêu nài, thuyết phục lại thề bồi, Nhiuốcka vẫn chỉ cầm một chiếc cành khô bẻ răng rắc trong đôi tay, một mực ném cho Vaxka một lời cộc lốc, lạnh lùng:

- Không ! không !

Cuối cùng, Vaxka giận dữ, thở hổn hển, kêu lên:

- Thôi được, đồ quỷ! Tôi mà không lấy được thì kẻ khác còn lâu mới lấy được cô! Còn nếu cô đi lấy kẻ khác thì cũng chẳng thoát nổi tay tôi!

- Người ta sẽ làm cho tay anh ngắn lại, không với tới được đâu! Nhiuốcka bùng ra.

- Tôi sẽ có cách với tới!

Rồi không chào hỏi gì. Vaxka nhảy phóc qua bờ rào, bước đi trong vườn, chân nhấn xuống bùn những chiếc lá vàng rơi.

Sáng hôm sau, Vaxka nhét một khoanh bánh mì vào túi áo lông ngắn, giấu mẹ lấy bột mì đổ vào túi xách rồi đi ra dẫy nhà tập thể tìm bác kiểm lâm.

Qua một đêm mất ngủ, đầu anh chĩu xuống, nặng chịch, mắt sưng húp, dấp dính nước mắt, còn khắp người chỗ nào cũng đau ê ẩm. Anh thận trọng tránh những vũng nước, bước lại thềm nhà. Bác kiểm lâm đang ra giếng múc nước.

- Vaxili, cậu đến gặp tôi hả?

- Vâng, cháu đến gặp bác đấy, bác Xêmiôn Mikhailứts ạ... Trước khi lên đường nhập ngũ, cháu định tranh thủ đi săn lần cuối cùng...

Bác kiểm lâm, người vẹo sang bên trái, tay xách thùng nước bước tới, nheo mắt nhìn:

- Ngày chủ nhật thế này mà cũng săn với bắn à?

- Cháu muốn hạ một con thỏ rừng.

Họ vào nhà, bác kiểm lâm đặt thùng nước lên ghế dài rồi vào buồng lấy ra một khẩu súng khai hậu đã cũ rích. Vaxka nhăn mặt nhìn vào góc buồng, nói:

- Cháu cần súng trường cơ... Trong khe Cỏ Khô cháu nhác thấy có một con cáo nữa.

- Súng trường cũng được, nhưng không có đạn...

- Cháu có đạn rồi.

- Thế thì lấy đi. Lúc về, vào qua đây nhé. Làm ăn cho khá nhé! Thôi, chúc cậu may mắn! Bác kiểm lâm mỉm cười, gọi với theo Vaxka.

Trong rừng, cách làng chừng bốn *vecxta* có một bờ vực bị nước lũ mùa xuân làm xói mòn thành nhiều bậc dựng đứng quanh co. Ở đây, dưới một gốc cây cong queo đã đổ nhào, trong đất sét quánh đỏ, Vaxka đào một cái hốc nhỏ, dễ thường chỉ vừa cho một con chó sói chui vào, nấp trong đó bốn ngày đêm.

Ban ngày, trong rừng, dưới đáy khe ấm áp dễ chịu lá sồi rụng đang rữa nát bốc lên mùi men sảng khoái. Nhưng đêm đến, dưới trăng khuyết chênh chếch, chập chờn, lòng vực tưởng chừng như không đáy, và đâu đó trên bờ dốc có tiếng xào xạc, tiếng cành khô gãy và những tiếng động mơ hồ khác, gây cảm giác lo âu. Hình như có ai đang lần mò trên bờ vực quanh co và rình rập ngó xuống lòng vực. Thỉnh thoảng, sau lúc nửa đêm, lại có tiếng những con sói, con hú gọi lẫn nhau.

Ban ngày Vaxka lên khỏi vực, uể oải cất bước, đi qua cây mận gai um tùm, gai góc, đi qua cây phỉ tử trơ trụi, rồi

đi qua các lòng khe có tới một phần tư phủ đầy lá màu da cam. Và qua bức màn thưa thớt của những cành lá chưa rụng, khi Vaxka thấy lấp loáng mặt sông màu xanh nhạt, bóng như gương, và đằng sau con sông là những ngôi nhà trong làng giống như những hộp vuông trắng lốp, thì lúc bấy giờ ở đâu đó gần trái tim anh bỗng nổi lên một cơn đau nhức nhối. Anh nằm hồi lâu trên bờ sông dốc ngược, náu mình trong đám cành khô đã nẩy mầm, và anh thấy các bà, các chị trong làng ra sông gánh nước. Ngày hôm sau, nhìn thấy mẹ, anh định gọi, nhưng một chiếc xe bò đã từ trong ngõ đi ra. Bác Kadắc ngồi trên xe, vung vẩy chiếc roi, mắt nhìn ra phía sông.

Ngay đêm đầu tiên, từ lúc đặt mình xuống đám lá khô xào xạc, anh đã không sao chợp mắt được cho tới sáng, - Vaxka nghĩ và hiểu rằng mình đã không đi đúng đường, đã bước vào con đường khúc khuỷu mất rồi. Và con đường này đã dẫn anh đến chỗ tệ hại, trong khi các bạn anh đang đi trên con đường lớn. Vaxka còn hiểu rằng: giờ đây mọi người đều chống lại anh, cả Nhiuốcka, cả các bạn cùng tuổi, những bạn đã bước vào hàng ngũ quân đội trong tiếng phong cầm âm vang, réo rắt. Họ sẽ phục vụ trong quân đội và trong giờ phút cần thiết, họ sẽ đứng lên bảo vệ chính quyền Xô-viết. Thế còn anh, Vaxka, thì anh sẽ bảo vệ ai?

Hiện nay, trong rừng hoang, trong cánh rừng đã bị giông bão phá hại này, kẻ đang bị săn lùng như một con sói bị phát hiện, như một con chó dại, và kẻ sẽ chết vì viên đạn của bà con trong làng lại chính là anh, là Vaxka, con

đẻ của một người chăn bò và là đứa con ruột thịt, máu mủ của chính quyền bần nông.

Cho nên, khi đằng đông vừa bừng lên một dải tím nhạt, Vaxka đã quăng súng dưới vực, lên đường trở về làng và mỗi lúc anh bước nhanh hơn.

"Ta đi thôi, ra đầu thú thôi! Kệ cho họ bắt. Họ sẽ kết án ta, nhưng ta sẽ được sống với mọi người... Với bà con của mình, thì mình chịu đựng được thôi!" - Ý nghĩ đó nhức nhối trong anh đến đau buốt lên. Nhưng chạy tới bờ sông thì anh đứng sững lại. Anh thấy qua bãi cát, đằng sau những bờ rào của các hộ gia đình, các ống khói đang nghi ngút, đàn gia súc đang kêu vang. Anh đâm hoảng, gai ốc sởn lên khắp lưng lan xuống tới tận gót chân.

"Mình sẽ bị kết án tù tới ba năm mất... Thôi, không về nữa!"

Vaxka quay ngoắt lại, và như một con cáo tinh ranh chạy trốn bầy chó săn, anh men theo đường rừng, đi ngoắt ngoéo, đánh lạc vết chân mình.

Tới ngày thứ sáu, cả bột mì lẫn bánh mì mang theo từ nhà đều hết nhẵn. Chờ cho đến lúc trời tối, Vaxka khoác súng lên vai, lò dò tránh giẫm gẫy những cành khô, ra tới bờ sông. Anh lội qua khúc sông cạn, lần theo vết bánh xe trên bờ cát lạo xạo, ẩm ướt. Anh lần mò, rồi từ phía sau tiến vào sân chứa lúa nhà lão Ôxíp. Qua đám cành táo trơ trụi, anh thấy trên khung cửa sổ có sáng đèn.

Vaxka dừng bước. Anh khổ tâm muốn được gặp Nhiuốcka, để chuyện trò, để té tát vào mặt cô ta những lời trách móc. Chính vì cô ta mà anh đã biến thành kẻ đào

ngũ, chính do cô ta mà anh đang chết dần chết mòn ở trong rừng.

Anh nhảy qua mấy bờ giậu, đi ngang qua vườn, chạy thốc lên thềm nhà. Anh lay then cửa, té ra cửa không cài. Anh bước vào buồng ngoài, hơi ẩm trong nhà làm anh choáng váng, mê mẩn.

Mẹ Nhiuốcka đang nhào bột làm bánh rán, thấy tiếng kẹt cửa ngoái lại nhìn, liền kêu ối một tiếng, đánh rơi cả chiếc khay xuống đất. Lão Ôxíp đang ngồi cạnh bàn, kêu ằng ặc trong cổ, còn Nhiuốcka thì rú lên vùng chạy vào buồng trong.

- Chào các bác! - Vaxka nói giọng khàn khàn.

- Nhờ... nhờ... trơi-ơi-ời... - lão Ôxíp lắp bắp, lầm bầm.

Để nguyên chiếc mũ trên đầu, Vaxka bước vào buồng trong. Nhiuốcka ngồi trên rương, hai chân run lập cập.

- Đã hả dạ chưa, Nhiuốcka? Sao cô lại không mở miệng? - Cũng ghé ngồi lên mặt rương đặt khẩu súng trường bên cạnh.

- Có gì mà hả dạ hở anh? Nhiuốcka thều thào đứt đoạn. Rồi cô vung hai tay, nghẹn ngào nói: - Xin anh làm phúc rời khỏi chốn này! Cảnh sát huyện họ về, họ đang lùng bắt rượu lậu đấy... Họ sẽ bắt anh mất... Đi đi, Vaxka! Anh hãy thương em!

- Dễ thường cô thương tôi đấy, hả?

Vaxka vừa khép cửa lại thì lão Ôxíp đã nháy vợ, rồi trong khi từ buồng trong vẳng ra tiếng thì thầm nghẹn

ngào của Nhiuốcka. lão liếc mắt nhìn vào phía đó, khàn giọng bảo mụ:

- Chạy quàng sang nhà Xêmiôn! Đội cảnh sát đóng ở đấy. Gọi họ đến ngay!

Mẹ Nhiuốcka nhẹ nhàng mở cửa, chạy vụt qua sân như một bóng đen.

Vaxka nuốt nước bọt một cách khó khăn, hỏi xin:

- Nhiuốcka, cho tôi miếng bánh rán. Mấy ngày nay không có hột gì vào bụng...

Nhiuốcka vừa cất mình đứng dậy thì cánh cửa thông từ phía bếp sang đã bật tung. Mẹ Nhiuốcka cầm đèn hiện lên trong khoảng sáng, khăn bịt đầu tụt sang một bên, những mớ tóc đẫm mồ hôi xoã xuống trán. Mụ ta rít lên:

- Các đồng chí cảnh sát, bắt lấy nó, thằng chó đẻ! Nó kia kìa!

Một người cảnh sát lấp ló sau lưng mụ, định bước vào buồng, thì Vaxka đã nắm chắc khẩu súng trường vung báng đập vào cây đèn. Chỉ vọt một cái, anh đã tung mình tới cạnh cửa sổ, đưa chân đạp thốc khung cửa nhảy ra ngoài, ngã huỵch xuống mảnh vườn con trước nhà.

Phút chốc anh cảm thấy rét buốt như kim châm vào mặt. Anh thấy trong nhà có tiếng kêu la, tiếng xô đẩy ầm ầm rồi tiếng cửa buồng ngoài đóng sập lại.

Vaxka lẹ làng phóc qua bờ rào, đảo tay cầm súng rồi nhẩy vọt từng bước về phía sân chứa lúa. Đằng sau anh có tiếng chân ai chạy rầm rập và có tiếng thét:

- Vaxka, đứng lại! Đứng lại không thì bắn này!

Qua giọng nói, Vaxka biết đó là anh cảnh sát Prôsin, liền vừa chạy vừa giương súng rồi xoay người lại, không nhằm ngắm gì, nổ một phát. Phía sau, tiếng súng lục cũng nổ một phát đanh. Đang lúc nhảy qua bờ giậu trên sân đập lúa, Vaxka bỗng thấy nhức nhối bên vai trái, tưởng chừng như có ai cầm một cây gậy nóng bỏng khẽ đập vào đó. Nhịn đau, Vaxka kéo khoá nòng, chiếc vỏ đạn bật ra rơi đánh soạt. Anh lại tống viên đạn khác lên nòng, nhằm vào bóng người đầu tiên đang lấp loáng trong bóng cây táo, bấm cò.

Tiếng súng vừa dứt, Vaxka liền nghe tiếng cậu Prôsin lạc hẳn giọng, khe khẽ kêu lên:

- Chết rồi... vào bụng rồi... Ối trời ơi, đau quá!

Vaxka băng qua quãng sông cạn, không cảm thấy nước buốt. Phía sau chốc chốc lại nghe có tiếng chân người cảnh sát thứ hai cố đuổi theo. Ngoái lại nhìn, Vaxka thấy được cả những tà áo choàng quân sự của anh ta lất phất trong gió, tay anh ta nắm chặt khẩu súng lục. Những viên đạn rít quanh mình Vaxka...

Leo được lên bờ sông bên này, Vaxka bắn theo một phát về phía người cảnh sát vướng sông phải quay lại, rồi vạch rộng cổ áo, ghé miệng mút vào vết thương. Anh hút dòng máu mặn và nóng hổi của mình hồi lâu, đoạn lấy một cục đất nhai rào rạo trong mồm, đắp lên đó. Cảm thấy một tiếng kêu không nén được sắp trào lên họng, anh nghiến chặt hai hàm răng.

Ngày hôm sau, trước lúc hoàng hôn, Vaxka lại lần mò ra bờ sông, náu mình trong đống cành khô. Vai anh tấy lên thành một cái u đỏ tím, nhức nhối, áo sơ mi bết cứng vào vết thương, chỉ khi cử động cánh tay trái, anh mới thấy đau rát lên.

Anh nằm rình hồi lâu, luôn phì ra những miếng nước bọt trào lên trong miệng. Đầu anh trống rỗng, người anh nôn nao như sau một bữa rượu say của ngày hôm trước. Đói quá, anh nhai cả vỏ cây, đưa vào miệng nhai cả một cành cây nhỏ, rồi vừa nhổ ra phì phì, vừa nhìn vào những bãi nước bọt xanh lè.

Anh thấy bên kia bờ có mấy bà ra sông múc nước rồi nhún nhảy gánh nước về. Tới khi trời bắt đầu tối, từ trong ngõ có một bà đi ra, tiến lại gần bờ sông. Vaxka chống khuỷu tay nhổm dậy. Vai anh đau nhói, anh kêu ái lên một tiếng, nhưng bàn tay anh giận dữ siết chặt lấy nòng thép lạnh của khẩu súng trường.

Mẹ Nhiuốcka đang ra sông gánh nước. Chiếc khăn lông tơ kéo sụp xuống tận mắt. Trông mụ ta rõ ra vẻ vội vã. Vaxka run run đưa ngón tay đẩy chốt an toàn. Anh dụi mắt, nhìn kỹ lại, rồi lẩm bẩm: "Đúng là mụ ta rồi." Chiếc áo cánh màu vàng óng như vậy cả làng này chẳng ai mặc.

Như một thợ săn, Vaxka bắt mục tiêu, đưa đầu ruồi vào đúng chiếc đầu đội khăn lông tơ.

- Đồ chó cái, mày tố giác tao thì mày phải đền tội!

Tiếng súng âm vang. Người đàn bà quăng thùng chạy về nhà, không kịp kêu lên một tiếng nào.

- Ôi, đồ quỷ! Trượt rồi!

Chiếc áo cánh vàng lại chập chờn trên đầu ruồi. Sau phát súng thứ hai thì mẹ Nhiuốcka buộc phải ngã lăn ra, nằm co quắp trên bãi cát.

Vaxka từ từ lội qua sông, cắp ngang khẩu súng, tiến lại gần kẻ bị đạn.

Anh cúi xuống. Mùi mồ hôi đàn bà xông lên nóng hổi. Anh thấy chiếc áo cánh phanh rộng, tấm áo sơ mi lót trong bị rách toang ở cổ. Qua chỗ áo thủng hiện ra một núm vú hồng hồng, thây lẩy trên gò vú trắng phau, phía dưới vú là vết thương rách nát và vết máu đỏ loang trên áo, loe ra như một đoá hoa mã lan.

Vaxka ngó vào dưới chiếc khăn kéo sụp xuống tận trán và bỗng nhìn thấy đôi mắt mờ đục của Nhiuốcka đang nhìn thẳng vào mắt mình.

Té ra Nhiuốcka đã mặc áo cánh của mẹ để đi gánh nước.

Hiểu ra; Vaxka hét lên một tiếng, phục xuống tấm thân nhỏ bé, bất động, đang co quắp trên mặt đất đó mà gào hú lên những hồi dài và ghê rợn như tiếng chó sói. Còn từ phía trong làng, đã thấy những người dân kadắc khua gậy gộc đổ ra. Sát cạnh người chạy đầu tiên là một con chó nhỏ, lông bết cứng, quấn quít chạy theo. Con chó rít lên nhẩy chồm chồm chung quanh Vaxka, cố tình liếm vào bộ râu anh ta.

HÀ NGỌC *dịch*

Gái hai chồng

Trên đồi, đằng sau hàng rào thưa thớt của những cột điện báo, là những chỏm bù xù, lúp xúp của các khu rừng Katsalốp. Ataman và Rôgôgin. Một gò đất khô cằn, trên mọc độc một cây mận gai lởm chởm, gốc tựa vào thôn Katsalốpka, còn những ngôi nhà nhỏ bé thấp lè tè của thôn thì trải dài tới tận khu nhà xây của tập thể Katsalốp.

Lề bên một quả núi nhỏ có nhiều con cu li, anh Acxôni Kliúcvin, chủ tịch tập thể Katsalốp, đang đứng dạng hai chân, hơi ngả mình về phía trước. Gió thổi phần phật chiếc áo sơ mi buông lơi trên mình anh, mồ hôi nhỏ giọt lăn từ trán xuống sống mũi. Bên cạnh anh, bác Actem đang đưa lòng bàn tay xù xì lên mắt, dõi nhìn chiếc máy kéo đang lật tung những tảng đá láng bóng trên dải đất đen hoang dại đằng sau những gò đống bốc mùi của các hang cu li. Từ sáng tới giờ, chiếc máy kéo đã làm được bốn đêxiatina. Mà đấy mới chỉ là cày thử lần đầu. Acxêni

mừng đến khô quánh cả họng, dõi mắt nhìn theo cái lưng gù gù của chiếc máy kéo cho đến tận cuối luống. Liếm đôi môi nâu bóng lên vì nóng nực, anh bảo:

- Thấy chưa, bác Actem, máy nó làm thế đấy!

Còn bác Actem thì đang ì ạch, rên rỉ, bước thấp bước cao lần theo luống cày lởm chởm, vừa đi vừa nắm chặt hòn đất màu mỡ trong bàn tay gân guốc, sạm đen của mình. Bác bóp vụn nó ra trong lòng bàn tay rồi quay lại phía Acxêni, quăng chiếc mũ tàng xuống mặt đất vừa bị những lưỡi thép cào bới, cất cái giọng như muốn phát khóc lên:

- Tôi thật khổ thân khổ đời! Năm mươi năm trời tôi làm lụng nuôi bò, bò làm lụng nuôi tôi... Ngày thì cày, đêm thì cho ăn, không biết nằm mơ là gì... Mà mùa đông thì lại héo hon đói khát... Giờ thì làm sao tôi có thể chịu đựng được cảnh đó nữa?

Một tay bác cầm cán roi chỉ vào chiếc máy kéo, tay kia bác khoa lên với vẻ đắng cay, đoạn bác lấy mũ úp chụp vào đầu mà đi thẳng, không ngoái cổ lại.

Mặt trời đã chúi xuống sau gò để ngủ đêm. Chiều tà mùa xuân dã vội vã bao phủ cánh đồng. Bác lái máy cày đã nhảy ra khỏi buồng lái, đưa ống tay áo lên xoa bụi mờ trắng ở hai bên má.

- Đến giờ ăn chiều rồi. Về đi, Acxêni Andrêêvich. Bây giờ các bà đã vắt xong bò, mang sữa nóng đến đây cho tớ.

Lần bước theo những hàng lúa non vụ thu thấp lè tè, Acxêni quay về nhà. Vừa từ dưới thung bắt đầu bước lên dốc, anh bỗng nghe có tiếng xe bò kẽo kẹt, rồi có tiếng một người đàn bà kêu rên thảm thiết:

- Đi, lũ trời đánh này! Lũ quỷ sứ nhà trời này, tao biết làm thế nào với chúng mày bây giờ? Đi-i-i!

Hai con bò gióng vào chiếc xe gỗ đang đứng ì bên cạnh dường, trên nền đất sét đẫm sương chiều. Lưng bò cũng dẫm mồ hôi, bốc khói lên. Một người đàn bà nhỏ bé vung roi, nhẩy chồm chồm chung quanh chúng mà chẳng ăn thua gì.

Acxêni đi đã tới.

- Chào chị.

- Lạy chúa, anh Acxêni Anđrêêvich.

Một niềm vui nóng bỏng bỗng tràn ngập trong lòng Acxêni, hai đầu gối anh run lên:

- Ồ, té ra Ana đấy ư?

- Vâng, tôi đây. Đang mệt lử về mấy con bò này, chúng nó chẳng chịu đi gì cả... Đến khổ...

- Ở đâu về thế?

- Ở nhà máy xay. Chở lúa mì đen về, mà lũ bò này không chịu nhích chân cho.

Công việc này đối với Acxêni nào có khó khăn gì, anh nhấc chiếc áo ngoài đang vắt trên vai, ném vào tay người đàn bà, cười:

- Giúp cho đi được thì có gì đãi không nào? - Anh cố tình ngó vào mắt chị ta.

Người đàn bà đưa mắt nhìn đi chỗ khác, kéo tấm khăn trùm đầu lên.

- Vì chúa, anh cứ giúp đi! Sẽ tính sau...

Acxêni mới hai mươi bẩy tuổi, đang sung sức. Sáu bao lúa anh vác tuốt cả lên dốc. Anh trở lại dưới thung, mình đẫm mồ hôi. Anh ngồi lên xe bò, lấy lại hơi thở:

- Thế nào, có nghe tin gì về ông chồng không?

- Những người kadắc từ bên kia biển, từ đạo quân của Vranghen trở về, bảo rằng ông ấy chết ở bên Thổ Nhĩ Kỳ rồi.

- Vậy cô tính sinh sống ra sao?

- Thì vẫn thế... Thôi, tôi phải đi kẻo muộn quá mất rồi. Cám ơn đã giúp đỡ, anh Acxêni Anđrêêvich.

- Cám ơn suông thì ăn thua gì...

Nụ cười vụt tắt trên môi Acxêni. Anh im lặng một phút rồi cúi xuống, đưa tay trái ôm chặt lấy mái đầu trong tấm khăn trắng, gắn đôi môi mình vào đôi môi run rẩy và tươi mát, nhưng bàn tay chai sần ram ráp của Acxêni đã làm cho một bên má của nó nóng bỏng đến phát ngượng lên, đến rát lên, Ana đã vùng ra được. Vừa sửa lại chiếc khăn đã trụt sang bên, cô vừa nghẹn ngào rít lên như muốn khóc.

- Cái anh khỉ gió này, không biết xấu hổ là gì nữa!

- Này, làm cái gì mà hét tướng lên thế? - Acxêni hạ thấp giọng, hỏi.

- Thưa, tôi là gái! Có chồng ạ. Không biết thẹn! Đi tìm người khác có được không!

Ana giật dây mũi bò, thét cho chúng đi lên, mà trong giọng thét của cô còn có nước mắt:

- Bọn chó đực chúng mày đều cùng một giuộc cả! Nào, đi lên, lũ chết tiệt này!

Mơn mởn như những cô gái sắp lấy chồng, các khu vườn bắt đầu nở ra một màu hoa trăng trắng, hồng hồng say đắm lòng người. Trong ao làng Katsalôpka, trong

vũng nước lưu cữu từ năm ngoái, bên những gốc cây cong queo, màu han gỉ, trơn nhẩy, đêm đêm như có men say làm cho lũ ếch nhái xoay vòng nhảy múa, đàn ngỗng thốt lên lời thầm thì yêu đương và sương mù cũng từ mặt nước bốc lên cao... Ban ngày trời cũng đẹp, và cả trong lòng Acxêni, anh chủ tịch tập thể Katsalốp, giờ đây cũng chói lọi một niềm vui, bởi vì nay tập thể đã có máy kéo rồi, ruộng đất không đến nỗi bỏ hoang nữa, và bởi vì cách đây không lâu, ai cũng đau lòng trước cảnh đồng khô cỏ cháy, sống dở chết dở... Đến ngày thứ ba thì Acxêni dậy trước cả khi gà gáy, đi ra chiếc cối xay gió phía đường mà mọi người thường lùa gia súc ra sông uống nước, ngồi uống bên bến có chuỗi dây xích đang đung đưa cót két. Thôi thì mai đây kệ cho các bà xì xào bàn tán, kệ cho anh em trong tập thể nháy mắt trêu chọc cười cợt trước mặt hoặc sau lưng anh, - miễn sao anh gặp được Ana, miễn sao anh nói được cho Ana biết rằng kể từ vụ đập lúa mùa thu qua, từ khi anh và Ana dùng nạng đánh đống đun rơm lúa đại mạch đến nay, thì cả công việc cũng như cả thế gian này đối với anh đều không có gì là tươi đẹp nữa...

Từ xa anh đã nhận ra chiếc khăn trùm đầu trắng.

- Chào cô, Ana Xécghêépna!

- Chào anh, Acxêni Anđrêêvich.

- Tôi có vài lời muốn nói với cô.

Cô ta quay mặt đi, bực dọc vò nát chiếc khăn tay.

- Trước mặt mọi người cũng phải xấu hổ một tí chứ! Đang cho bò đi uống nước thế này mà chuyện với trò gì?... Chị em người ta cười cho!

- Thì nghe tí đã nào!

- Không có thời giờ, bò nó vào ruộng ngô của người ta kia kìa!

- Chờ tí đã! Vậy tối nay cô đến chỗ mấy cây trăn cho tôi gặp có chút việc...

Cô ta cắm mặt đi, không ngoái lại.

... Cạnh những cây trăn quấn chặt lấy nhau này, một cây mâm xôi rậm trói nhằng nhịt mấy bụi cây lại với nhau; và cũng cạnh những cây trăn này, đêm đêm những con cun cút tụ tập lại thành từng bầy, sương mù vấn vít thêu những đường vòng vèo trên ngọn cỏ. Acxêni đợi cho đến lúc tối mịt, và khi nghe có tiếng đất sột soạt rơi lả tả dưới những bước chân vụng trộm của ai đó, anh cảm thấy những ngón tay mình bỗng lạnh toát đi, mồ hôi trán toát ra nhơm nhớp.

- Hồi nọ cô bực tôi lắm phải không? Thôi đừng giận, Ana ạ!

- Vắng chồng em quen cái cảnh như vậy rồi...

- Vậy bây giờ việc tôi muốn nói với cô là... Nay cô sống cảnh goá bụa, bố chồng cũng chẳng cần tới cô nữa... Hay là cô về chung sống với tôi? Tôi sẽ thương cô... Thế nào? Kìa, cô này lạ nhỉ, sụt sịt cái gì thế? Phụ nữ các cô đến là tội! Còn như cô có vương vấn gì về chồng cũ, giả dụ ông ấy có về thì tôi cũng chẳng ép buộc gì cô đâu... Cô cứ việc về với ông ấy nếu cô muốn...

Ana ngồi xuống cạnh Acxêni, trên mặt đất ẩm ướt dầm sương. Cô ta ngồi, đầu cúi gằm xuống. Cô ta lấy một cọng cỏ dại khô, vẽ trên mặt đất những hình thù gì chẳng rõ nữa.

Acxêni rụt rè ôm lấy Ana, sợ cô ta lại vùng vẫy, kêu lên, thốt ra những lời giận dỗi như hồi nào ở ngoài đồng. Nhưng khi nhìn thẳng vào mắt cô ta, dưới bóng tối của tấm khăn, anh nhận thấy những giọt lệ còn chưa khô và một nụ cười.

- Ôi, Ana kệ đời nó! Chúng ta cứ đi đăng ký rồi vào làm việc trong tập thể! Em còn định chịu khổ đến bao giờ?

Trời hạn. Trên những bãi cỏ gần nhà, tiếng lưỡi hái kêu lẻng xẻng làm cho lũ tu hú giật mình hoảng sợ. Những người tốt bụng thì không cắt cỏ, họ bảo rằng chúng đang gặm rễ cỏ dưới đất. Ở tận ngoài mương Apđiuska, chiếc máy kéo của tập thể đang kéo hai máy cắt cỏ. Bụi. Nóng. Cỏ chất lên ngổn ngang từng đống ngoài đồng. Giữa buổi ăn trưa trời nắng chang chang, Acxêni quăng nạng, rũ chiếc sơ mi cho sạch bụi dặm. Đang bước về lều trại để rửa ráy thì anh thấy Anuska đi ra. Cách xa tới một *vécxta*, anh đã nhận ra vợ mình qua dáng đi nhanh nhẹn, hơi uốn éo của cô ta. Cô mang cơm cho những người cắt cỏ. Cô đã tới nơi. Ánh nắng hôn cho đôi má cô ửng đỏ.

- Mệt lắm không, Nhiura?... Từ nhà đến đây dễ đến mười ba *vécxta* đấy!

- Không, em không mệt lắm. Nếu trời không nóng bức thì cũng thường thôi!

Hai người ngồi bên nhau sát chân một đống cỏ, bàn tay cứng queo do cầm nạng của Acxêni vuốt ve bàn tay vợ, anh động viên vợ bằng nụ cười trong khoé mắt.

Nhưng chiều về, khi Ana ra đón anh ở bậc thềm, cô ta phải bíu chặt lấy lan can như e rằng mình sẽ ngã khuỵu xuống. Khó nhọc lắm đôi môi tái nhợt của cô ta mới thốt ra được:

- Acxiusa! Chồng... Alếchxandr gửi thư từ Thổ Nhĩ Kỳ về... nói anh ấy sắp về...

Thế là không biết rồi đây hạnh phúc sẽ về ai, ai nhiều ai ít?

Lúa mì của dân làng Katsalốpka bị nắng thiêu cháy sạch, khắp cánh đồng toàn một màu nâu, và giữa những bóng lúa lơ thơ, không nghe tiếng những cô gái nói cười. Mà bông lúa nào có ra bông lúa, chỉ rặt một thứ cọng to xác, rỗng ruột, kêu ràn rạt trong gió. Còn vạt lúa của tập thể nằm giữa rừng Katsalốp với rừng Ataman, dọc theo đường cái, nơi từ trước mùa thu gió đã cười cợt trên một tấm biển gỗ thông đề mấy chữ "khu canh tác kiểu mẫu", thì ở đây, giống lúa mì Kuban mọc cao đến tận bụng ngựa. Người làm sao, của chiêm bao làm vậy... Từ mùa xuân, khi mưa trút nước xuống đồng làng Katsalốpka, mà chỉ tưới qua loa cho lúa của tập thể, mới đầu Yasurốp, lão nhà giầu ở làng (có mười hai đôi bò đực, một đàn ngựa, một máy đập lúa chạy bằng hơi nước và đôi mắt sắc sảo nhưng nhỏ như mắt chuột) còn nhe những chiếc răng vàng khè, to tướng ra nhay chòm râu rậm rịt mà nói kháy rằng:

- Quả là trời có mắt... Ai vâng lời Người, ai sùng kính Chúa Kirixitô, kẻ ấy được Người ban cho nước mưa, có thế thôi! Còn bọn cộng sản ở nhà tập thể, thì chỉ qua loa vài giọt! Đau đớn thế đấy! Đã bảo mà, trời quả báo, ăn cháo gẫy răng!

Lão ta còn nói linh tinh đủ thứ, và khi ruổi ngựa theo đường cái lên quá khu rừng Katsalốp, lão ghìm cương con ngựa thiến da đốm và láng bóng của lão lại, lấy roi chỉ tấm biển đang bị gió đánh lúc lắc trên cột, nhe những chiếc nanh lợn lòi vàng khè, rung rung cái bụng mà cười:

- Ki-iểu mâ-ẫu kia đấy! Đến mùa thu rồi sẽ biết!

Máy kéo cày vỡ đất sâu tới tận đầu gối, còn dân làng Katsalốpka thì chỉ cào bới đại khái, theo kiểu "ông cha ta" xưa kia! Trong khi dân làng Katsalốpka mỗi dêxiatina thu hoạch được có tám thùng thì những người tham gia tập thể vớ được tới bốn mươi thùng. Dân làng Katsalốpka không dám tỏ lòng ghen tị, đành cười mà bảo:

- Bồ côi bồ cút được chút trời cho...

Nhưng có điều là tới tháng Chín, khi ngày hội tới, bà con dân làng Katsalốpka bỏ cả hội làng mà sang chơi bên sân tập thể. Họ trầm trồ trước những vựa thóc đầy căng, ngó ngang ngó dọc, rồix xuýt xoa, đưa những bàn tay chai cứng sờ nắn chiếc máy kéo. Trước khi ra về, bác Astem, - một lão nông làm ăn ra trò, - kéo tay Acxêni ra một bên, quệt cả bộ râu ám khói thuốc lá vào tai anh, thủ thỉ:

- Acxêni Anđrêêvich, chúng tôi có lời cầu xin anh. Anh làm phúc nhận cho cả bầy cả lũ chúng tôi được vào "chập" thể! Cả thảy chúng tôi có hai mươi hộ nghèo...

Acxêni vui mừng cúi đầu chào các cụ.

- Xin hoan nghênh các bác!

Trong tập thể, công việc ngập đến tận mắt. Phải năm khô hạn, các làng xóm lân cận đều thiếu đói. Ăn mày kéo nhau đi từng đàn trên đường cái cạnh làng Katsalốpka.

Họ rẽ cả vào làng. Có những tiếng yếu ớt, rên rỉ bên ngoài những tấm ván bưng cửa sổ sơn màu:

- Vì chúa...

Cánh cửa sổ ruồi bâu đầy, bỗng mở toang, một bộ mặt râu xia xồm xoàm đưa mắt nhìn ra ngoài đường nắng như thiêu, như đốt, cất tiếng cằn nhằn:

- Cái đám hành khất này, các người đi ngay cho, kẻo ta thả chó ra bây giờ! Đằng kia có cái "chập" thể, ra đấy mà xin họ! Họ lập ra cái thứ chính quyền này thì họ phải nuôi các người!

Thế là ngày nào người ta cũng lũ lượt kéo nhau tới cánh cổng bào nhẵn, thơm mùi nhựa của tập thể.

Acxêni người gầy rộc, da sạm nắng, cùng kế xua hai tay.

- Tôi nhét các bác vào đâu được bây giờ? Chỗ nào cũng đầy ắp người rồi? Làm sao chúng tôi nuôi nổi tất cả các bác được!

Nhưng các bà trong tập thể thì cứ ào ào chung quanh Acxêni như ong vỡ tổ, và những cảnh như vậy thường kết thúc ở chỗ là Acxêni và các nông dân đành phẩy tay, bỏ ra chỗ máy đập lúa ở sân phơi, để kệ cho các bà dẫn khách vào dãy nhà kho cạnh khu nhà ở. Thế rồi từ những khung cửa sổ nhà bếp rộng thênh thang cho chí ngoài sân, vang lên tiếng xoong nồi loảng xoảng, tiếng bát đũa lanh canh tới tận chiều.

Chốc chốc lại thấy bác Actem thủ kho thở hồng hộc, chạy ra sân phơi, vừa ngán ngẩm nhổ phì phì, vừa cất giọng khàn khàn nói:

- Không sao nói nổi các bà ấy nữa! Acxêni, anh phải có cách gì quan trị quan nhậm với các bà ấy mới được. Ai lại mang một đống ông già vào, rồi đến tước luôn cả chìa khoá kho của tôi nữa! Đời thuở nhà ai nấu một bữa ăn lại đong thêm những tám đấu mì!

- Thôi, kệ các bà ấy, bố già ạ! - Acxêni mỉm cười.

Số người trong tập thể đã tăng gấp đôi, số trẻ con cũng đông lên. Một bộ phận nhân công đã đập xong lúa, chuyển sang cày ải, còn một bộ phận khác đang xây trường học.

Từ sáng sớm đến tối mịt, sân tập thể nhộn nhịp như tổ kiến.

Trong khu nhà kho chiếc máy thở phì phò. Ngọn đèn điện tuôn những làn ánh sáng vàng xuống khu sân đã quét dọn sạch sẽ, và do có điện, mảnh trăng chênh chếch treo trên thôn Katsalốpka đã mờ nhạt đi, giờ đây ánh sáng của nó hoá ra xanh xao, yếu ớt và dư thừa.

Đến lượt mình phục vụ trong khu chăn nuôi, Ana đã làm việc sang tuần thứ hai. Cùng với các bà các chị khác, ngày nào vắt sữa bò xong, Ana cũng lùa mấy con bê về rồi mới đi ngủ. Nhưng chẳng bao giờ cô chợp mắt được ngay. Trăn trở lắng nghe hơi thở đều đặn của Acxêni, cô suy nghĩ về cuộc sống trước kia và cuộc sống hiện nay của mình trong tập thể.

Ngay từ sáng, những đám mây dầy đặc, xám xịt đã kéo đến bao phủ bầu trời. Chốc chốc sấm lại rền vang. Trong khoảnh đất gần nhà đàn quạ táo tác, những cây

liễu xôn xao; bên cạnh nhà, hoa mõm chó toả hương thơm ngây ngất ở bờ rào, cây tầm ma lá nhọn xoà xuống sát đất. Trên nền trời đằng sau mái nhà kho; chớp chạy loằng ngoằng như những con thằn lằn, sấm nổ ầm ầm, mưa bắt đầu rơi lộp độp trên mái nhà, gió xoáy thành một cột bụi xám trên sân, một tấm ván lót cửa sổ bị lốc giật tung ra. Thế rồi một trận mưa rào tháng Bảy bắt đầu ào ạt nhảy múa, sủi bong bóng trên các vũng nước.

Ana quấn vội chiếc khăn lên đầu, chạy ra sân để cất quần áo phơi dã khô. Một trận gió ướt át quét ngang sân, quất vào mặt cô. Cô vừa chạy tới trước vựa thóc thì một tiếng sét nổ vang ngay trên đầu rồi lục cục rền rĩ âm vang xuống một nơi nào dó đằng sau làng Katsalốpka. Ana hốt hoảng ngồi sụp xuống theo thói quen đưa tay làm dấu thánh và miệng lầm rầm cầu kinh. Khi nhỏm dậy, ngoái lại cô thấy cánh cổng mở toang, có một chiếc xe ngựa và một người khoác áo đi mưa. Người đó ưỡn cả bụng ra mà cười, phô hàm răng trắng nhởn. Qua làn gió, người đó cất cao giọng hỏi Ana:

- Sao, chị ơi, chị sợ đấng tiên tri Ilia đấy hả?

Ana vén cao váy, vừa rút quần áo trên giây, vừa giận dỗi lớn tiếng đáp lại:

- Đừng có bày răng ra mà bán! Chẳng ai mua đâu!

Người bận áo mưa nhẹ bước tiến lại gần, cười mát:

- Hẳn là chị giận tôi lắm rồi đấy, nhưng giận dữ làm gì vô ích! Làm dấu thánh giá mà tránh khỏi sấm sét hay sao? Ôi chào, thế mà cũng tham gia tập thể rồi kia đấy! - Nói đoạn anh ta lại bĩu môi tỏ vẻ mỉa mai.

Nhưng chính thái độ mỉa mai sâu cay này dường như đã làm Ana tỉnh ngộ. Cô ta tự cảm thấy xấu hổ thế nào ấy. Như để bào chữa, cô đáp:

- Tôi cũng mới vào tập thể thôi...

- À, mới vào thì không hề gì! - Người mặc áo mưa nói đoạn bước lên thềm nhà, tay ve vẩy chiếc mũ lưỡi trai vừa cất ra khỏi đầu.

Ana vội vã thu lượm quần áo cho nhanh rồi ba chân bốn cẳng chạy vào nhà. Cô bước vào buồng. Acxêni đang ngồi cạnh người mặc áo mưa, nói:

- Cô thầy giáo mới ở thành phố về dạy tập thể chúng ta. Ai chưa biết chữ thày sẽ dạy tuốt.

Đôi mắt sáng sủa, tươi cười của ông giáo làm cho Ana càng thêm lúng túng, ngượng nghịu. Cô bèn cất vội quần áo rồi lẩn ra ngoài.

Đến tối, trước bữa ăn, Acxêni bảo:

- Chiều mai em đi mà học chữ. Anh đã ghi cả tên em rồi đấy. Ở ta cả thảy có hai mươi người mù chữ. Lớp học ở câu lạc bộ.

- Em ngượng lắm, anh Acxiusa ạ... Mình lớn tuổi rồi.

- Mù chữ lại chẳng ngượng hơn à!

Ngày hôm sau Ana ra câu lạc bộ. Mọi người đã ngồi kín cả chiếc bàn dài. Bác Actem mồm há hốc, trán đẫm mồ hôi. Bác gái Đaria cũng đặt đồ đan sang bên cạnh, lắng nghe.

Ông giáo đang nói gì đó, đoạn lấy phấn viết lên bảng đen một chữ béo xù.

Nghe tiếng kẹt cửa, mọi người đưa mắt nhìn ra rồi lại phủ phục cả lên mặt bàn. Ana khẽ bước ra mé cửa sổ, ngồi

vào một đầu ghế. Mới đầu cô cũng thấy lạ kỳ, nhưng cố giấu kín nụ cười; sang ngày hôm sau, cô đã chú ý nghe hơn và đã ra sức nguệch ngoạc lên mặt giấy một chữ "B" xiên vẹo, gù gù.

Sau đó thì cô thấy ham đến câu lạc bộ; cứ về đến nhà là ăn vội ăn vàng rồi ba chân bốn cẳng chạy men theo hành lang câu lạc bộ, cuốn sách chữ cái cắp dưới nách. Bây giờ người ngồi bên bàn đã chật ních, vì số học trò đã tăng thêm. Bác Actem lầm bầm chửi đổng, khuỳnh cả hai bên khuỷu tay; đẩy bác gái Đaria ra tận mép bàn. Trong câu lạc bộ, tiếng cười rì rầm, thì thào liên tục từ trưa cho tới sẩm tối.

Câu lạc bộ là một căn buồng rộng, có sáu cửa sổ. Sát tường kê một chiếc bàn phủ vải hoa đỏ, góc tường treo cờ, ảnh.

Vậy mà bác gái Đaria cũng đã bị bác Actem đẩy bật ra khỏi ghế. Bác ta phải bỏ bàn ra ngồi ở bậu cửa sổ. Trong phòng nóng nực, mặt trời tò mò cả vào mấy ô cửa sổ. Một con ruồi hoa vo ve, húc đầu vào khung kính. Lớp học im phăng phắc. Bác Actem nhấm nước bọt vào mẩu bút chì, rồi viết, miệng há hốc và môi méo xoạc cả đi. Ana bị ép chặt hai bên và bị thúc cả vào mạng sườn. Ngồi cạnh Ana là Mácpha, có bốn con. Chị ta biết rằng con mình được trông nom cẩn thận trong vườn trẻ, cho nên yên trí dán mắt vào cuốn sách chữ cái, mồ hôi nhỏ những giọt to như hạt đỗ mẩy, lăn từ mũi xuống môi trên. Chị ta lấy ống tay áo quệt ngang, đôi khi thè cả lưỡi ra liếm rồi lại mấp máy môi, xua đuổi những con ruồi đến quấy rầy.

Ana thấy tim mình đập nhanh hơn. Giờ đây lần đầu tiên cô đọc được cả một tiếng. Cô ghép một chữ này với một chữ khác, rồi một chữ nữa, thế là những cái hình loằng ngoằng khó hiểu ấy tự nhiên hợp thành một tiếng. Cô huých vào sườn bạn ngồi bên cạnh:

- Trông này, thế là thành chữ "khlêbôrốp"![1]

Ông giáo lấy phấn đập lên bảng một tiếng cốp.

- Khẽ chứ! Đọc thầm thôi! Nào, bây giờ bác Actem đọc bài hôm nay xem sao.

Bằng cả hai lòng bàn tay, bác ấn chặt cuốn sách chữ cái xuống bàn, rồi hắng giọng:

- Cháo của... chúng tôi...

Mácpha nhịn không được, đưa nắm tay che miệng cười phì.

Bác Actem giận dữ, đưa mắt lườm chị ta.

- Cháo của... chúng tôi... ngon... - bác đọc lại. Đọc xong bác dang cả hai tay. - Thầy làm phúc cho biết, tôi đọc có ra gì không?

Lật đi lật lại trang sách, bác nói thầm với Mácpha:

- Không ăn thua, tao già mất rồi, cháu ạ! Hồi còn trẻ, một néo tao đập luôn ba gồi lúa mà chẳng thở phút nào, vậy mà bây giờ đọc xong một câu đã mệt nhoài. Nó đâm ra tức thở, y như kéo xe lên núi vậy!

---

[1] *Nghĩa là:* "Người trồng lúa mì."

Dần dần Ana trở nên ham công tiếc việc. Tuần thì cô nấu nướng trong bếp, tuần thì làm công việc chăn nuôi. Trong sân phơi, chiếc máy đập lúa kêu phành phạch, người làm tíu tít chung quanh. Acxêni, mình đầy bụi bặm đang đánh đống rơm. Tới trưa, anh chạy vào bếp, gọi:

- Ana, em khoẻ hơn, ra giúp ngoài sân phơi. Việc ở đây để chị Mácpha Ichnatôpna làm thay.

Đỡ cho Ana trèo lên đống rơm, anh vỗ vào lưng cô một cái mà cười:

- Nào, bà béo, đón rơm cho chị nhé! Thế rồi, lấy nạng xóc một bó rơm vừa đập thơm ngát, anh lấy đà, cất cao lên cho Ana đón lấy. Mới đầu rơm chỉ tới đầu gối Ana, nhưng sau Acxêni đã đánh rơm lên tới ngang lưng cô ta. Anh đưa mắt nhìn lên, cười, gọi:

- Này, cái nhà cô ở trên kia! Nhanh tay lên chứ! Mơ mộng đấy à?

Nỗi đau lòng của Ana lắng đi trong công việc dồn dập và nguôi dần với thời gian. Cô đã thôi không nghĩ đến chuyện chồng cũ về, và rồi sẽ ra sao... Mùa hè thoáng qua như một ánh chớp ngắn ngủi... Mùa thu đã lừ thừ đến bên cổng khu tập thể. Sáng sáng, lũ trẻ con nhẩy cẫng, chạy đến trường như một đàn ngựa con xổng chuồng.

Và rồi vào một ngày thu lạnh lẽo, mịt mờ, ngay từ sớm tinh sương, Alêchxanđr, chồng của Ana, đã bước lên thềm, tay cầm một cành phỉ để xua chó. Anh ta cứng cáp nện gót giầy trên thềm gỗ, mở rộng cửa, rồi đứng bên

khung cửa, cao to, đen đủi trong chiếc áo choàng quân sự đã sờn cũ. Không chào hỏi gì, anh ta chỉ nói đơn sơ, ngắn gọn:

- Ana, anh đến đón em đây. Em chuẩn bị đi!

Đang ngồi trên rương, Ana bỏ chạy sang giường, những ngón tay cứng queo vơ quàng vơ xiên. Cố giật lấy chiếc khăn len treo trên mắc, nhưng rồi lại ngồi xuống, đưa mắt hết nhìn Acxêni rồi lại nhìn chồng. Mãi sau cô mới mấp máy nổi đôi môi nói:

- Tôi không đi!

- Không đi hả? ... Rồi xem! - Alêchxanđr nhếch miệng mỉm cười, nhún vai, quay ra. Anh ta còn cẩn thận, khép chặt cửa lại.

Suốt mùa thu dài dằng dẵng và u sầu đó, Ana ốm đau luôn, người vàng ệch do đau ốm, hoặc do lo nghĩ quá nhiều. Một buổi chiều thứ bảy, cùng với các bà các chị vắt sữa bò xong, lùa bê vào chuồng thấy thiếu một con, Ana bèn chạy đi tìm. Băng qua một bãi đất ra đồng, cô đi ngang qua chiếc cối xay gió đang mơ ngủ trong sương chiều. Trong một nghĩa địa cũ hoang vu, những chiếc giá chữ thập mốc thếch và những ngôi mả xưa đã sụt lở, cô thấy con bê đốm của tập thể vẫn còn nhởn nhơ gặm cỏ. Cô bèn dồn nó về nhà, vừa đi vừa ngoái nhìn bóng tối đang dầy đặc quanh mình. Đi tới con mương, cô ngồi thụp xuống, hai tay ép chặt vào ngực. Cùng với tiếng trống ngực đập thình thịch, cô còn nghe có tiếng bộp bộp, sột soạt đâu đây... Rồi cô lại nặng nề cất mình đứng dậy bước đi, nhếch mép mỉm cười mệt mỏi, đợi chờ.

Vườn cây đã trơ trụi, gió luồn lách dưới chỏm những cây dương, những lá thắm đỏ vẫn trải ra thưa thớt dưới bước chân người. Đi đến ngôi nhà hóng mát, Ana bỗng thấy một người từ đám mận gai đi ra, đứng chắn giữa đường.

- Ana hả?

Qua giọng nói, cô biết đó là Alêchxanđr. Anh ta tiến lại, lưng còng xuống, hai tay xoè ra:

- Vậy ra cô quên mất cả sáu năm chung sống rồi sao?... Cô đã xé toạc mất lương tâm với những người lính rồi sao? Ôi, con người đảo điên tráo trở!

Ana tưởng rằng anh ta sẽ lập tức quật mình ngã xuống đất rồi lấy giầy đinh chà đạp mình như hồi còn chung sống xưa kia, nhưng thốt nhiên cô thấy anh ta quỳ gối xuống đất bùn ẩm ướt và hôi hám, chìa cả hai tay ra:

- Anuska, hãy thương tôi! Phải chăng tôi đã không yêu quý cô? Phải chăng tôi đã không chiều chuộng cô như chiều chuộng một em bé?... Nhiều lần mẹ tôi định mắng chửi cô thì tôi đã phải nói những lời hỗn xược xúc phạm cả mẹ đẻ tôi, cô có nhớ không? Hay mối tình của đôi ta đã bị lãng quên rồi? Nhưng, từ nơi hải ngoại về, tôi chỉ có một điều tâm niệm là được gặp cô... Còn cô thì... Chao ôi!

Anh ta nặng nề cất mình dậy, đứng thẳng lên mà đi vào rặng mận gai, không ngoái lại nữa. Nhưng tới quãng đường ngoặt, anh bỗng trở mình, cất lên một giọng khản đặc:

- Như-ư-ưng cô hãy nhớ lấy lời tôi... Nếu cô không bỏ tình nhân về với tôi, tôi sẽ làm đủ tình đủ tội cho coi!

Ana còn đứng đấy. Trong lòng cô vẫn leo lét một niềm thương xót đối với anh ta, đối với con người ấy, con người mà cô đã từng chung sống trong sáu năm trời... Và từ đó trở đi, tình hình là như vậy. Ana ngày càng nghĩ ngợi, ôn lại quá khứ, nhưng cô không muốn khơi lại trong trí nhớ những ngày xích mích, những trận đòn thừa sống thiếu chết bởi chồng cô, mà lại chỉ nhớ đến những phút giây sáng sủa, những ngày lác đác niềm vui, và do đó trái tim cô ngày càng mặn nồng với quá khứ và với Alêchxanđr, còn hình ảnh của Acxêni thì như đã mờ mịt trong sương mù, trôi giạt lại phía sau...

Acxêni không sao nhận ra con người cũ của Ana nữa, cô ta không còn tha thiết với anh như trước. Cô im lìm, ưỡn mình, phưỡn bụng đi đi lại lại trong những gian buồng, tránh mặt các bà các chị. Và Acxêni ngày càng bắt gặp cô ta nhìn mình bằng đôi mắt bơ thờ, cay đắng...

Nửa đêm hôm đó, ở khu chứa cỏ trong thảo nguyên gần con mương Apđiuska, tập thể bị cháy mất ba đống cỏ lớn. Gà vừa gáy đầu, bác thợ khâu giầy Mitơrôkha, mặc độc có quần áo lót, từ chái nhà dưới chạy lên đập ầm ầm vào khung cửa sổ loang lổ sương giá, gọi Acxêni.

- Dậy ngay! Cỏ cháy rồi. Có kẻ đến đốt cỏ!

Không kịp mặc quần áo, Acxêni vọt ra thềm. Qua khu vườn anh đào bờm xờm, phóng mắt nhìn ra thảo nguyên, anh nghiến hai hàm răng chửi rủa thậm tệ. Đằng sau gò, trên giải tuyết xanh biếc, một cột khói đỏ lừ uốn

mình trong gió, bốc lên tới tận mặt trăng. Từ tầu ngựa, bác Actem dắt ra một con ngựa cái bé tí, thắng cương vào mõm nó, áp bụng vào mạng sườn gồ ghề của nó, ì ạch quàng chân lên lưng nó mà phóng ra chỗ cỏ cháy. Đi ngang qua thềm nhà, bác hét to bảo Acxêni:

- Lại có chuyện hằn thù gì rồi đây! Con ngựa cái đốm xám này của tôi... Nó đến chết đói mất! Anh ra trại, buộc đuôi đàn ngựa lại mà lùa cho chúng ra đi thôi!

Trời vừa hừng sáng Acxêni đã đi ra chỗ đám cháy. Chung quanh đống tro âm ỉ, anh thấy mặt đất tuy trơ ra và còn đang bốc khói, nhưng những cọng cỏ xanh vẫn cứ nhô đầu lên một cách rất tin tưởng.

Acxêni ngồi xổm xuống xem xét. Trên mặt đất như dẫm mồ hôi, trên mặt tuyết đã tan, nổi lên những vết giầy lính kiểu ăng lê và lỗ chỗ những nốt đen do những mũ đinh giầy để lại. Acxêni châm thuốc hút rồi lần theo con đường mòn ngoằn ngoèo loạn xị trên đồng cỏ, tiến bước dần về phía làng Katsalốpka. Anh thấy những vết giầy lúc thì vẽ nên những hình loằng ngoằng trên mặt đất, lúc thì biến đi nhường chỗ cho những vết nứt mặt băng mỏng kết trên một khe trũng. Lặng lẽ và vững vàng, Acxêni dõi theo những vết chân người như dõi theo những vết chân thú. Tới khu sân phơi lúa rìa làng, sát cạnh bờ rào nhà Alêchxanđr, những vết chân đó mất hẳn... Acxêni kêu bật lên một tiếng, trở vai khẩu súng khai hậu do bố anh để lại anh đang đeo, rồi bước tới con đường về khu tập thể.

Bà mụ lấy tay phát một cái vào thân hình trơn nhãy của đứa bé, doạn vừa rửa tay trong chậu, bà vừa gọi vọng ra ngoài tấm vách ngăn:

- Anh Acxêni, nghe thấy chưa, phụ nữ tập thể đẻ rồi đấy nhé! Vào đây, chắc anh không làm lễ rửa tội cho con đầu nhỉ?...

Acxêni lặng lẽ vén tấm vải hoa che giường. Anh thấy Ana mặt tái xanh, nằm dưới chiếc khăn loang lổ máu. Cô ta nhìn anh bằng đôi mắt hằn thù, nuốt nước mắt rít lên:

- Anh đáng ghét lắm, đi đi! Đi cho khuất mắt tôi!

Rồi cô quay mặt vào tường, nức nở khóc.

Cuộc sống đã phẳng lặng và chắc chắn như một con đường lớn được bồi đắp vững vàng, mà sao giờ đây Acxêni cảm thấy họng mình như thắt lại, lòng mình đau như cắt.

Hai ngày sau, Acxêni ra nhà kho đập nốt số thóc còn lại. Anh cùng mọi người loay hoay sửa chiếc máy nổ cho tới tận sẩm tối, và khi máy chạy được thì mặt trời đã lặn từ lâu, bóng đêm đã đen ngòm sau rặng dương tăm tối.

- Acxêni Anđrêêvich, anh ra tôi gặp một chút!

Anh bước ra. Anh thấy Ana trùm khăn san, đang đứng cạnh bức tường ván.

- Gì thế, Nhiura?

Và anh không nhận ra vợ mình qua cái giọng khàn khàn, xa lạ ấy nữa.

- Vì Chúa Kirixitô, tôi xin anh... Anh buông tha cho tôi về với chồng! Chồng tôi gọi tôi về... Chồng tôi bảo cứ

đem theo cả con về... Còn anh, Acxêni Anđrêêvich ạ, anh hãy quên tôi đi và đừng giữ tôi nữa! Dẫu sao tôi cũng đi thôi, tôi không lưu luyến gì anh nữa đâu!

- Cho con bú rồi hãy đi, tôi cũng chẳng nài ép gì... Nhưng tôi không để cô mang con đi theo được đâu! Tôi đã chiến đấu bốn năm trời cho chính quyền Xô-viết, thương tích đầy người, còn chồng cô là một tên Kađét[1]... từ đạo quân Vơranghen trở về... Tôi không muốn cho thằng con trai tôi lớn lên lại đi làm cố nông cho chồng cô... Tôi không muốn thế!

Ana sấn lại, hơi thở nóng hổi của cô phả cả vào mặt Acxêni.

- Không trả con tôi hả?...

- Không!

- Không trả hả?

Cơn điện giận trào sôi trong lòng Acxêni. Lần đầu tiên trong suốt thời gian chung sống với Ana, anh nắm chặt quả đấm định thoi vào giữa đôi mắt căm hờn đang nhìn anh như nẩy lửa ấy, nhưng anh kìm lại được, ồm ồm nói:

- Ana, liệu hồn đấy!

Chiều đến, ăn cơm xong, Ana cho con bú rồi trùm khăn lên đầu, bước ra sân. Cô ta đi một hồi khá lâu Acxêni đang ngồi trên ghế dài, lúi húi sửa cái vòng cổ ngựa. Bỗng nghe có tiếng kẹt cửa. Tuy không ngoái lại,

---

[1] *Học sinh trường trung cấp võ bị thời Nga Hoàng, tính chất phản động.*

nhưng qua tiếng chân anh biết Ana đã về. Cô ta đến cạnh nôi, thay tã cho con rồi lặng lẽ lên giường nằm. Acxêni cũng đi nằm. Anh trằn trọc, không sao ngủ được, lắng nghe hơi thở đứt đoạn của vợ và những tiếng đập không đều đặn của trái tim mình. Đến nửa đêm anh thiếp đi. Một cơn mê sảng đã làm anh tức thở... Và anh không hề hay biết rằng ngay sau những tiếng gà gáy đầu, Ana đã nhẹ nhàng bước ra khỏi giường, không lên đèn, mặc quần áo, lấy khăn bọc thằng bé con lại, rồi khe khẽ mở cửa, bước ra ngoài.

Ana về ở với Alêchxanđr đã sang tháng thứ hai. Mới đầu cô cảm thấy nửa mừng lại nửa lo, và đôi lúc cũng phải gạt thầm nước mắt nuối tiếc cuộc sống tự do phóng khoáng trong tập thể. Nhưng sau đó cô đã được nghe những lời lầm bầm giận dữ của bố chồng:

- Rước cái đồ đĩ thoã ấy về làm gì... Lại không sặc mùi cộng sản cả cái nhà này lên hay sao... Đã quân ăn bám lại thêm một thằng nhóc con hỗn láo! Tống cổ cả lũ đi cho rồi!

Alêchxanđr cũng chỉ tỏ ra ân cần trong những ngày đầu, còn sau những ngày ân cần ngoài mặt đó là cả một chuỗi ngày đen tối cực nhọc đối với Ana. Chồng cô bắt cô phải làm lụng đầu tắt mặt tối công việc nội trợ, bản thân anh ta thì ngày càng năng đi về phía cuối làng, đến nhà mụ Luska nấu rượu lậu, để rồi say khướt trở về, nôn thốc nôn tháo cả ra tường và sàn nhà. Từ đó cho tới tảng sáng,

anh ta cứ ngồi dạng háng trên ghế dài, đẩy chiếc mũ lông tụt ra sau gáy, ợ ra toàn mùi rượu lậu, lấy tay xoắn ria mép một cách dương dương tự đắc mà lên giọng lè nhè:

- Ana, cô là cái thá gì, hả? Cô là vô học, tối tăm, có thế thôi! Cánh tớ đã đi đây đi đó, đã bôn ba cả nơi hải ngoại cánh tớ biết được cách giao thiệp của giới thượng lưu, quý phái...! Thật ra một người như cô đâu có đáng mặt làm vợ tớ?... Xin lỗi cô thôi nhé... Bất kỳ con gái một vị tướng nào cũng theo không tớ ấy chứ! Nhiều lần trong giới sĩ quan... à, mà thôi, bàn luận làm gì... Có nói cô cũng chẳng hiểu nổi! Có ra nước ngoài bọn đỏ đốn mặt các người mới thấy được thế nào thật sự là con người!

Rồi anh ta ngủ gục ngay trên ghế dài. Sáng ra, tỉnh dậy, giọng khản đặc, anh ta hét:

- Con mụ vợ đâu! Tháo ủng cho tao! Con khốn kiếp này, tao đã nuôi mày với cả con chó con của mày, thì mày phải kính trọng tao chứ! Sụt sịt cái gì? Muốn ăn roi hả? ... Liệu hồn, không thì tao cho ăn roi ngay bây giờ!

Một ngày tuyết tan u ám trong tháng Hai, có ông trưởng xóm đến gõ vào cửa sổ nhà Alêchxanđr.

- Ông bà chủ có nhà không?

- Có nhà, mời bác vào.

Ông trưởng xóm bước vào, đặt lên mặt rương chiếc gậy bị chó nhay nham nhở, rút trong bụng ra một tờ giấy vấy mỡ rồi đặt lên bàn, vuốt phẳng phiu cẩn thận:

- Mời ra họp ngay bây giờ... Với ông nhà này thì không thể khác được, đây, tôi đưa giấy có ký nhận đến đây... Ký tên vào!

Ana tiến lại gần bàn, ký vào tờ giấy của ông trưởng xóm. Chồng cô nhướng đôi mày, ngạc nhiên:

- Cô học chữ bao giờ vậy?

- Hồi còn ở tập thể.

Alêchxanđr nín lặng, ra đóng cửa cho ông trưởng xóm xong, nghiêm giọng nói:

- Ana, tôi ra nghe xem bọn Xô-viết nói lếu nói láo cái gì, còn cô ở nhà dọn dẹp cho gia súc đi nhé. Mà đừng có rút thân kê khô ra đun nữa đấy, tôi mà bắt được thì tôi vả vào mõm cho! Cái thói làm ăn ở đâu thế? Còn hai tháng nữa mới hết mùa đông mà cô ta đã phá mất một nửa đống rồi!

Anh ta vừa cài cúc áo lông ngắn vừa thở phì phò, từ dưới đôi lông mày đen chổi xể, cặp mắt của một nhà chủ keo kiệt nhìn vào cô. Ana ngập ngừng đứng cạnh lò sưởi rồi len lén tiến lại gần chồng.

- Xa-nhi-a... Hay là anh cho em... đi họp với?

- Đi đâ-â-âu?

- Đi họp.

- Đi làm gì?

- Đi để nghe.

Một làn máu đỏ lựng bò dần trên đôi má Alêchxanđr, đôi môi anh ta run lên, tay phải anh ta với lên chiếc roi da treo trên tường ngay đầu giường.

- Đồ chó cái động dực này, mày lại muốn bôi nhọ chồng trước mặt làng nước hả?... Bao giờ mày mới bỏ được

những lề thói cộng sản ấy? - Anh ta nghiến răng ken két, co chặt nắm đấm, sấn lại chỗ Ana. - Tao bảo là mày phải nghe! Nếu không tao đấm chết mẹ mày đi! Để đừng có mở miệng đối đáp nữa!

- Xaniuska! Các bà các chị ấy cũng đều đi họp cả mà!

- Câm mồm... Đồ chết giẫm! Mày không bắt tao phải theo cái mốt của mày được! Chỉ bọn đàn bà không chồng, lũ mèo mả gà đồng, thì mới đi họp đi hành thôi! Ứi chà, cũng học đòi cái thói đi họp!

Ana tức uất người như bị kim châm. Cô tái mặt, cất lên một giọng run run, khản đặc:

- Anh không coi tôi là người nữa sao?

- Ngựa cái không là ngựa đực được, đàn bà không là đàn ông được!

- Thế ở tập thể...

- Mày ăn cơm của tao chứ không phải của tập thể! Tao nuôi thì tao phải bảo được! - Alêchxanđr thét.

Nhưng Ana đã cảm thấy đôi má mình tái mét, máu dồn hết vào tim và làm cho các dường gân trong người cô nóng ran lên. Cô thốt ra qua hàm răng nghiến chặt:

- Anh đến dỗ dành tôi, hứa là sẽ thương tôi. Bây giờ những lời hứa anh để đâu?

- Để đây này! - Alêchxanđr khàn giọng nói đoạn vung tay đấm vào ngực Ana.

Ana lạng choạng, kêu lên, định bắt lấy tay anh ta, nhưng anh ta vừa luôn mồm chửi rủa, vừa túm lấy tóc cô, đá thốc vào bụng. Ana ngã vật xuống sàn nhà, đau đến nghẹt thở, mồm há ra đớp đớp không khí. Nhưng sau đó cô

thản nhiên chịu đựng cơn đau âm ỉ của trận đòn, và dường như qua một đám sương mù kỳ dị, cô nhìn thấy bộ mặt méo mó, đỏ tía của chồng đang cúi xuống đánh mình.

- Này, này, cho mày biết này! Không muốn này! Ái chà, con thối thây này... Mày lại chơi cái điệu khác ở nhà tao hả! Này thì chơi! Này thì chơi !

Cứ mỗi đòn nện xuống mình người vợ nằm co quắp bất động trên sàn nhà, thì Alêchxandr lại càng sôi tiết lên hơn, càng đánh đều đặn hơn và cố đá cho trúng vào bụng, vào ngực và mặt Ana, mặc dù cô ta đã lấy hai tay bưng kín. Anh ta đánh mãi tới khi áo sơ mi ướt đẫm mồ hôi, hai chân mỏi nhừ, mới đội mũ lông lên đầu, nhổ phẹt một bãi, ra khỏi nhà, đóng chặt cửa lại.

Ngoài ngõ, anh ta đứng cạnh cổng suy nghĩ một lát, rồi bước qua bờ giậu đổ trong vườn sau nhà bên cạnh, tiến về phía nhà mụ Luska nấu rượu lậu.

Ana nằm dừ trên sân nhà cho tới tận chiều. Trước khi trời tối, bố chồng có bước vào buồng trông thấy vậy bèn lấy mũi ủng hất vào mình cô, cằn nhằn:

- Thôi, dậy đi! Tao biết thừa cái thói giả vờ giả vịt của mày rồi... Chồng vừa đụng đến một tí là y như lăn đùng ngã ngửa ra! Đến Xô-viết mà thưa đi... Có dậy đi không nào? Ai thay mày dọn dẹp cho gia súc được? Hay là mày lại bắt chúng tao phải đi thuê người làm? - Ông ta đi xuống bếp, lệt xệt đôi ủng trên nền đất. - Nhai thì khoẻ bằng bốn, mà làm thì... Ôi chao, lương tâm con người! Cái ngữ lười chẩy thây ấy thì có mà người ta nhổ vào mặt!

Ông ta mặc thêm áo vào, đi dọn dẹp cho gia súc. Thằng bé nằm trong nôi bỗng cựa quậy rồi khóc oe lên.

Ana sực tỉnh, quỳ gối ngồi dậy. Miệng dập nát, cô nhổ phì ra một bãi vừa cát, vừa nước dãi pha máu lẫn lộn. Cô mấp máy đôi môi một cách khó nhọc, cất tiếng nói:

- Khổ thân con tôi...

Đằng sau làng Katsalốpka, trời đã nhập nhoạng tối nơi đỉnh gò mà tuyết đang tan thành những vòng tròn như vành tóc trên chiếc đầu hói. Những con thỏ lặn lội qua những đống tuyết xốp thủng lỗ chỗ mà vào xóm trú qua đêm. Trong làng chỉ lác đác vài đốm sáng vàng vọt. Trên các nẻo đường, gió đưa lại mùi phân bò khô hôi nồng nặc.

Alèchxanđr trở về nhà trước bữa ăn chiều. Lăn ra giường là anh ta khản giọng, thét:

- Ana! Tháo ủng ra... - thế rồi anh ta thiếp đi, ngáy khò khò, dớt dãi ra nhầy nhụa trên gối.

Ana chờ cho bố chồng vừa lặng đi trên bệ lò, liền quơ vội lấy con, chạy ra sân. Cô đứng lại trong chốc lát, lắng nghe tiếng trống ngực mình đánh dồn dập. Đêm đang trôi trên thôn Katsalốpka. Mái tranh nhỏ giọt tí tách, những đống phân súc vật toả khói. Tuyết ẩm ướt, lép nhép dưới chân. Ghì chặt con vào lòng, Ana lò mò bước thấp bước cao trong ngõ, đi ra phía bờ ao, mặt băng xanh lơ đang sẫm lên một màu lục bẩn thỉu. Mấy ngọn lau thưa thớt cạnh bờ ao đang rít lên trong gió, ngạo mạn gật gù những chiếc chổm bù xù về phía Ana.

Ana lại gần lỗ băng trên mặt ao. Trên làn nước đen đã kết một lần váng mỏng, bên cạnh lỗ là một đống lẫn lộn băng vụn với phân bò đã đóng lại thành băng.

Siết chặt con vào lòng, Ana đưa mắt nhìn cái miệng há hốc đen xì của lỗ băng rồi quỳ gối xuống. Nhưng thằng

bé nằm trong tã quấn chăn thình lình khóc thét, Ana bỗng cảm thấy mặt mình nóng bừng lên vì xấu hổ. Cô nhổm ngay dậy, cắm đầu chạy thẳng về phía tập thể. Đây đã là những cánh cổng mộc vàng vọt đi trong mùa đông, và ở đây đã nghe thấy tiếng phì phò quen thuộc và thân thương của chiếc máy điện đang chạy trong vựa lúa.

Cô loạng choạng rảo bước lên thềm, mấy cánh cửa trong hành lang kêu lên ken két, tiếng trống ngực của cô rộn ràng xen lẫn tiếng chân bước. Cửa thứ ba bên trái đây rồi. Cô gõ cửa. Im ắng. Cô gõ mạnh hơn. Có người tiến ra phía cửa. Cửa mở, Ana đưa đôi mắt mờ đục của mình ngó nhìn, cô thấy khuôn mặt gầy guộc vàng vọt của Acxêni, và cô kiệt sức gục đầu vào khung cửa.

Acxêni phải ẵm cô vào đến tận giường. Anh tháo tã đặt con vào chiếc nôi đã vắng lạnh từ hai tháng nay, rồi chạy xuống bếp mang sữa nóng lên. Vừa hôn đôi chân mũm mĩm của đứa con trai và khuôn mặt đẫm lệ của Ana, anh vừa nói:

- Chính vì vậy anh không sao đến đằng em được... Anh biết rằng thế nào em cũng sẽ trở về với tập thể, và mau chóng trở về thôi!

HÀ NGỌC *dịch*

Một lần ức hiếp

Một trận gió khô khốc nóng bỏng từ phía đông tràn về khắp thảo nguyên làm cho những đám lúa mì vốn đã thấp lè tè và ủ rũ nay lại càng thêm phờ phạc. Bầu trời đen xì lại một màu chết chóc; cỏ cháy rụi, trên những đường cái lớn một cơn lốc là là cuốn theo làn bụi trắng; mặt đất bị nắng thiêu đốt nứt nẻ; và từ những lỗ nẻ sâu, cháy xém như những vết nứt nẻ trên môi kẻ chết khát, đã tuôn ra những mùi vị máu mặn khô của lòng đất.

Những vó sắt của nạn mất mùa đã từ vùng Bắc Hải kéo đến dày xéo lên các cánh đồng lúa mì.

Trong thôn Đubrôvina người ta cố sống cho tới mùa lúa mới. Ai nấy chờ mong, mệt lả nhìn lên bầu trời trong xanh như thuỷ tinh, nhìn lên mặt trời đang toé ra hàng ngàn vạn mũi kim giống như một bông lúa mì xù lông đặt giữa một vành bánh xe tua tủa muôn vàn tia sáng.

Hy vọng cũng đã tiêu tan theo số phận của lúa.

Tới tháng Tám thì người ta đã bắt đầu phải róc vỏ sồi và các loại cây khác nghiền ra mà ăn, mỗi một mẹt vỏ sồi trộn với một nắm bột kê.

Trước ngày lễ "Pôkrốp"[1], bác Xtêpan lảo đảo vì kiệt sức, dắt đôi bò ra ruộng, gióng vào cây, nhe răng ra vì đau đớn, cắn chặt đôi môi tím lịm, cứng khô, lầm lì nắm lấy chuôi cày.

Một tuần, bác cày được bốn đêxiatina. Nhưng những đường cày xiên vẹo đến dễ sợ, vừa nông lại vừa bỏ lại những quãng cày dối nâu nâu, dường như không phải những lưỡi cắt rách qua loa xuống đất nữa, mà do những bàn tay co quắp; yếu đuối nào đó đã cào bới lên...

Sở dĩ bác Xtêpan phải khom lưng đi trên mảnh đất bạc bẽo này, là vì ngoài bà lão ra, còn có cả một gia đình tám miệng ăn do cậu con trai đã hy sinh trong cuộc nội chiến để lại. Còn người làm thì chỉ vỏn vẹn có một mình bác với cái tuổi năm mươi trĩu nặng trên chiếc lưng còng. Cày xong là bác phải bán tiếp luôn đôi bò thứ hai. Thật ra cũng chẳng là bán, mà là đem biếu cho một người tốt bụng để đổi lấy bốn chục pút mì tạp mà thôi.

Nhưng chẳng bao lâu sau lễ "Pôkrốp", ông chủ tịch Xô-viết tuyên bố:

- Bà con ta sẽ được vay thóc giống. Đầu thu, có giấy ở Trung ương về là ra ga lĩnh.

Ai chưa cày thì đi cày.

Tay làm hàm nhai, cứ vỡ đất đi.

---

[1] *Lễ nhà thờ cũ ở Nga, vào ngày mồng 1 tháng 10 lịch Nga.*

- Chỉ bịp thôi.

- Chẳng ai cho vay đâu... - Những người dân Kadắc kêu váng lên.

- Có chỉ thị rồi.

- Đâu có đó, không ai lừa mình cả.

- Họ chỉ bòn rút chúng ta, còn cho chúng ta thì... - Bác Xtêpan nghĩ, day dứt trong nỗi nửa mừng nửa lo.

Bác vừa tin vừa không tin.

Mùa thu đã qua. Thôn xóm ngập đầy tuyết. Trong các vườn rau hiu quạnh chỉ có vết chân thỏ chạy thành lối mòn.

- Thế nào, có được giống má gì không đấy?... - Bác Xtêpan làm cho ông chủ tịch càng thêm ngán ngẩm.

Ông ta giận dữ phất tay:

- Đừng lải nhải nữa, bác Xtêpan Prôkôphich! Vẫn chưa nhận được lệnh.

- Cũng chẳng có lệnh đâu mà nhận! Chờ đợi gì! Lẽ ra phải cứu dân khỏi chết đói, lại chỉ hứa hão...

- Đem con bỏ chợ. - Rồi bác khua lên hai nắm đấm xương xẩu với vẻ dữ tợn: - Lũ cho-ó-ó đe-e-ẻ, cho chúng nó chết ráo đi!

- Bánh mì, chúng nó để nhai trong thành phố, mẹ chúng nó chứ...

- Bác Prôkôphich, chớ nói càn. Nói càn tôi không để yên đâu!

- Ôi chà! - Bác Xtêpan chưa nói hết đã phẩy tay, lê cái thân hình cao lớn xương xẩu của mình ra khỏi trụ sở Xô-viết. Bà ta trông giống như một con bò ốm o gầy mòn,

hai chiếc xương bả vai cỡ lớn nhô ra khỏi chiếc áo cộc rách tả tơi, chiếc quần rộng ống có nẹp viền thì phơ phất ở hai bên ống chân khẳng khiu, cao lêu đêu. Bộ râu màu hung của bác đã điểm những sợi bạc, xanh xanh; đôi mắt dại đi vì đói của bác luôn nhìn sang bên cạnh, và dường như bác ngượng ngùng về cái thân hình to quá khổ mà xác như vờ của mình. Về tới nhà, bác lăn ngay ra chiếc ghế dài.

- Dọn dẹp cho súc vật đi đã.

- Chưa chi đã nằm ườn ra rồi! - Bác gái đeo đai.

- Để Vacka nó làm.

- Giầy dép đâu mà nó ra trại được.

- Bảo nó lấy ủng dạ của tôi mà đi.

Con bé Vacka rút đôi ủng dạ khỏi chân ông nội mà đi dọn dẹp cho gia súc, còn bác vẫn tiếp tục nằm, đôi chân trần dài ngoẵng bắt chéo lên nhau, đôi mí mắt khép chặt giật liên hồi; bác luôn thở dài, rên khừ khừ, trong đầu bác rặt những ý nghĩ nặng nề ảm đạm.

Tới lúc ăn trưa, bác ngồi vào góc bàn phía trước, thân hình xương xẩu lù lù nhô cao, đôi mắt như dán chặt vào lũ cháu nội ngồi chật cả mấy chiếc ghế dài.

Thằng Timôaka bé nhất mới lên ba, chắc trong bụng nghĩ khác, nhưng nó lại tủm tỉm cười một cách đau khổ, khoắng thìa vào bát, cố mò lấy miếng khoai tây nhỏ tí.

Bác thấy vậy liền lấy thìa gõ cốp vào trán nó:

- Đừng - có - khoắng - nữa!

Do ăn bột mì trộn vỏ sồi, người nào người ấy trong làng đều mòn mỏi, rạc rài như cây cối bị sâu mọt đục rỗng.

Đêm đêm, bác Xtêpan thường thức giấc trong một nỗi buồn tăm tối: đất đã cày rồi mà không có gì gieo.

Súc vật càng thêm mất giá. Một con bò cái chỉ được có từ năm đến tám pút lúa mì trộn trấu. Tới lễ giáng sinh lại nghe tin dã có giống cho vay, nhưng rồi tin đồn đó cũng mất hút. Mất hút chẳng khác nào cây trồng một vụ trên thảo nguyên vào độ cuối thu.

Chỉ tới đầu xuân tin đồn đó mới quay trở lại. Trong cuộc họp chiều hôm ấy, ở khu canh gác tại nhà thờ, ông chủ tịch Xô-viết thôn tuyên bố:

- Đã có giấy về rồi. - Đưa hai tay lên sờ nắn cổ họng mình, ông nói tiếp:

- Ngay ngày mai chúng ta có thể đánh xe đi nhận thóc được đấy. Người ta cũng chẳng quên bà con mình đâu... - Và rồi ông xúc động đến tắc cả họng, không nói được nữa.

Từ làng đến nhà ga chừng một trăm rưởi *vécxta*. Sau đêm ngủ dỗ đầu tiên, dân làng phân chia thành nhiều toán. Đám đi ngựa tiến lên trước, đoàn xe bò đi sau rải ra thành một hàng dài. Bác Xtêpan cùng đi với anh láng giềng Aphônka, một cậu Kadắc trẻ tuổi, vạm vỡ. Con đường đi qua các làng mạc của người Tavria[1]. Đến tận đêm họ mới vượt được quãng đường khoảng ba bốn chục *vécxta* qua các mỏm núi. Do đói ăn, đôi bò đực gầy còm đi thủng thẳng như đếm từng bước một, giơ xương sườn cọ vào hai bên càng xe.

Suốt dọc đường, bác Xtêpan chỉ đi bộ, giữ cho bò có sức quay trở về. Tới Rừng Trăn, bác cùng Aphônka ngủ đỗ

---

[1] *Tên cũ của vùng Krưm, dân nói tiếng Ukraina.*

lần cuối cùng, chờ trăng lên lại đi tiếp, khoảng gần trưa thì lóp ngóp đến được ga xe lửa.

Cạnh kho thóc, những con ngựa được cởi ách hí rít, cắn đá nhau, những con bò rống lên cùng với tiếng người xôn xao, ầm ĩ.

Xế chiều, nhân viên phụ trách việc cân thóc, bụi phủ đầy người, từ cổng sân kho chạy ra ngó đoàn xe, rồi kêu to:

- Bà con Đubrôvina lại đây! Ông chủ tịch đâu?

- Có tôi, - ông chủ tịch Xô-viết thôn đáp với giọng thừa hành công vụ.

- Bác có mang theo phiếu xuất kho chứ?

- Có, chúng tôi có mang theo.

Trong khi những người đến trước đang thắng lại ngựa vào xe thì bác Xtêpan cùng Aphônka cho xe lách luôn đến cổng. Ngay lối vào, một con bò đang lắc lư cái đầu trước một người Kadắc cao lớn, đen chũi, đầu đội chiếc mũ lưỡi trai kiểu *"ataman"*[1] lại còn kèm thêm một chiếc mũ trùm đầu gắn vào cổ áo dạ ngắn. Bác ta thét con bò:

- Nào, nào, đồ quỷ... Tờ-pru... Tờ-pru, hô-ô-ốp... Họ!

- Né ra một chút, ông ơi, - bác Xtêpan yêu cầu.

- Cứ vòng qua đi.

- Còn vòng vào đâu được? Để mà tan xe ra à!

- Tạm tháo xe ra đã! - Aphônka hét. - Đứng chắn giữa lối ngang như cua ấy... Này, bác ơi!.

Người lính cũ của trung đoàn Ataman bèn giáng cho con bò bướng bỉnh một quả đấm chắc nịch làm nó trợn cả đôi mắt đỏ máu, thò chiếc cổ nhăn nheo chui tọt vào ách.

---

[1] *Kiểu mũ lông các thủ lĩnh Kadắc thường hay đội.*

- Cho xe vào đi... Cho xe va-a-ào! - Người phụ trách cân thóc đứng ở cửa buồng cân, cầm tờ phiếu xuất kho khoa lên mà hét.

Bác Xtêpan liền cho bò phóng nhanh vào và là người đầu tiên tiến đến buồng cân.

Dòng thóc vàng theo máng bịt sắt rào rào chảy xuống các bao. Bác Xtêpan đứng giữa mép bao, bụi thóc ấm, thơm, và nỗi vui mừng làm bác nghẹt thở. Và bác ngạc nhiên thấy người cân thóc mặt vẫn tỉnh khô, thản nhiên giẫm ủng lên đám thóc vàng vãi trên sàn kêu lách tách.

- Cân xong rồi. Hai mươi mốt pút.

Cũng như trước kia, bác Xtêpan vươn đôi xương bả vai địch xốc bao thóc nặng năm pút lên cao hơn nữa, nhưng đột nhiên bác cảm thấy hai đầu gối mình bất giác run bần bật. Bác loạng choạng, tiến được hai bước chập chững, xiêu vẹo rồi đành ghé lưng dựa vào thành cửa.

- Đi ra đi! Sao chắn cửa thế này! - Những người dân Kadắc đang xúm xít ở lối vào, lên tiếng giục giã bác.

- Đứng dẹp ra, bác ơi.

- Pháo của ông ấy tịt ngòi rồi.

- Bám chặt lấy đất kẻo ngã bổ chửng ra bây giờ!

- Hố-hố-hố-hó!

- Quẳng bao xuống, tôi đỡ cho, tôi kham được.

Người lĩnh cũ của trung đoàn Ataman vừa thắng lại đôi bò ở cổng xong bèn chạy đến giúp bác Xtêpan vác mấy bao thóc ra xe. Bác Xtêpan chờ Aphônka rồi cùng nhau đánh xe ra bãi rộng. Trời đã tối mịt.

- Bác đi tìm chỗ ngủ nhờ đi, bác, - Aphônka bị lạnh cóng, bảo bác như vậy.

- Thế sao mày không đi tìm?

- Bác Prôkôphich ơi, bác có bộ râu. Trông có mẽ hơn.

Bác Xtêpan đã đi suốt dọc phố, nhưng không nhà nào cho vào.

- Ngày nào các ông cũng đến trọ suốt!

- Chẳng còn chỗ nào. Chật rồi.

- Các bác ngủ ngay ngoài đường ấy.

Bác Xtêpan cố mấp máy đôi môi cứng queo hỏi xin:

- Các ông cho ngủ nhờ, nào chúng tôi có nằm hết chỗ trong nhà được đâu? Chẳng lẽ các ông không còn mang thánh giá trên mình nữa hay sao?

- Bây giờ chúng tôi sống chẳng cần thánh giá, thánh giếc gì cả, chỉ còn hòm sắt tây thôi.

- Thôi đi đi, cụ ơi, - người ta xua đuổi bác.

Bác Xtêpan bước ra khỏi sân nhà cuối cùng trong phố, quất một ngọn roi tàn nhẫn vào con bò vô tội.

- Aphanaxi, người ngợm họ thế đấy... Đành ra bờ rào ngủ đêm thôi.

- Cho chúng nó cháy tiệt hết nhà cửa đi ! Lũ cô quả cô độc chứ chẳng phải người nữa !... Giữa mùa đông cũng chẳng xin nổi chúng một nắm tuyết đâu.

Trên bãi kho thóc, mọi người đã tháo bò khỏi xe và nằm lên những cỗ xe trượt tuyết chất đầy bao tải giữa những tiếng hú của còi tàu lửa. Cả bãi râm ran. Các cậu Kadắc trẻ tuổi tụ tập nhau quanh cỗ xe ngoài cùng, lên tiếng hát nhịp nhàng. Một cậu cất giọng khàn khàn, nhưng khoẻ khoắn:

Giải ngũ về nhà, những chàng trai,
Những chàng Kadắc tuổi đôi mươi,

Và rồi những giọng khản đi vì gió và vì lạnh cũng hoà theo:

Huân chương thánh giá ngời trên ngực
Lon vàng lấp lánh ở... hai... vai...

Bác Xtêpan vừa lắng nghe tiếng hát, vừa hồ nghi đưa tay sờ lên những miệng tải thắt nút trên những bao thóc đầy căng, và trước đôi mắt khép chặt của bác hiện ra một dải đất đen đã cầy xới xong trải dài bên gò Atamanốp, bản thân bác thì đang vãi ra những hạt giống chắc nịch.

Vào nửa đêm, một cơn gió khốc liệt từ phía bắc tràn về. Trên các mui toa xe lửa từ Maxcơva tới, tuyết đọng ánh lên như pha lê. Bên cạnh đường sắt, mặt đất nhờ được sưởi ấm trở lại, đã phơi mình ra và chuyển sang màu đen, toả ra khí vị mùa thu với những trận sương giá đầu tiên, với mùi than xỉ buốt lạnh.

Kho thóc như một khối vuông vắn mờ mờ màu hồng nhạt treo lơ lửng trên thành phố. Những con bò rầu rĩ túm tụm cạnh bờ rào ghép bằng ván gỗ, gió xoáy tròn tuyết bụi trên bãi bị vướng vào các đường dây điện báo, bật ra tiếng vi vu rên xiết não nùng.

Bác Xtêpan tỉnh dậy khi đêm đã hầu tàn, chuôi sao Bắc đẩu đã như thọc vào mái nhà bằng phẳng nửa kho thóc. Bác khua đôi chân tê cứng, bước ra khỏi cỗ xe trượt

tuyết. Cạnh bác là những con bò cóng lạnh nằm thở phì phò, là những cỗ xe đen ngòm, lù lù như những đống rơm bị xáo lộn, và một con chó hoang đang gù lưng vì rét mướt.

Bác đánh thức Aphônka dậy. Họ gióng bò vào xe rồi ra khỏi thành phố trong bóng tối đang càng dày đặc trước bình minh.

Xe lên núi. Đầu tàu rúc còi vang động thành phố. Bước đi cạnh bác Xtêpan, Aphônka vung chiếc roi lại phía sau:

- Cái con ngựa sắt chết tiệt, cứ hí hoét mãi! Mình nó kéo bao nhiêu nghìn pút mà vẫn còn gào lên được thế. Còn ta, chở có hai chục pút mà khổ sở vì cuốc bộ suốt dọc đường. Bác có đôi bò đực, chứ tôi thì gia sản có gì đâu: một con bê đực ba tuổi với con bò cái. Con quỷ cái này, mỗi lần lấy roi quất là y như nó vắt đuôi sang bên cạnh định ỉa phứa vào mình... Đi nào, cô tiểu thư tỉnh thành... - Nói đoạn anh ta trợn ngược đôi mắt sưng húp và cáu kỉnh, quất cho con bò cái một roi thật lực rồi nằm lăn vào xe trượt tuyết, chổng vó lên trời.

Khoảng trưa, họ về tới Rừng Trăn. Khắp phố phường, bà con ăn mặc quần áo ngày lễ sặc sỡ. Bấy giờ bác Xtêpan mới sực nhớ hôm nay là ngày chủ nhật. Đánh xe tới trước cửa nhà thờ, họ dừng chân:

- Thôi, ta leo chẳng nổi cái gò này đâu... Đường trơ ra thế kia kìa.

- Đúng thế thật... Aphônka tán thành. - Rặt cát, chẳng có tí tuyết nào.

- Phải thuê người ta chở bằng xe ngựa lên đỉnh gò cho thôi.

- Bác mặc cả với họ, ta trả bằng thóc.

Có bảy, tám người đàn ông Tavria mặc quần áo ngày lễ đang ngồi cắn chất trên những gióng gỗ ken làm ghế dài cạnh sân. Bác Xtêpan tiến lại, cất chiếc mũ bù xù của mình ra:

- Chào các bà con tốt bụng.

- Chào ông, - người nhiều tuổi nhất, có chòm râu đã lốm đốm bạc, đáp lại.

- Bà con có ai nhận chở hàng thuê cho chúng tôi lên gò được không ạ? Đường ở đây rặt cát, tuyết ít quá, thành thử xe trượt tuyết của chúng tôi bị tắc lại...

- Không, - người Tavria đó nhổ vung vãi cả vỏ hạt quỳ xuống chòm râu, trả lời cộc lốc.

- Chúng tôi sẽ trả thù lao. Vì chúa Kirixitô, bà con chở giùm!

- Không có ngựa.

- Bà con tốt bụng ơi! Vậy bà con để chúng tôi mắc nạn ở đây sao? - Bác Xtêpan dang hai tay, cầu khẩn.

- Chuyện ấy chúng tôi biết đâu được, - một người khác đội mũ lông thỏ che kín cả hai tai, thản nhiên đáp.

Ai nấy im lặng, Aphônka bước tới, cúi rạp đầu chào.

- Các bác hãy quan tâm giúp cho chúng tôi với chứ!

- Không dám. Có phải chuyện mất vàng mất bạc gì đâu.

Một anh Tavria trẻ, cao lớn, mặc áo lông ngắn bọc da nhăn nhúm nhưng còn tốt, tiến lại gần bác Xtêpan, vỗ vai:

- Này, bác ơi! Tôi với bác vật nhau thử. Nếu bác thắng thì tôi chở bác lên gò, nếu thua thì thôi. Được

không, bác? - Đôi mắt tròn, xám của cậu ta như cười cợt, bập bềnh trên sắc hồng hào, mỡ màng của đôi má.

Bác Xtêpan đưa mắt nhìn những người Tavria đang tủm tỉm cười, rồi đội mũ lên đầu.

- Những người anh em, té ra là chuyện giễu cợt rồi... Thế là cháy nhà hàng xóm bình chân như vại.

Bác Xtêpan rút đôi bao tay, ngó vào đôi vai rộng của đối phương trong chiếc áo lông ngắn đang phanh ra.

- Chuẩn bị.

- Được lắm, bắt đầu!

Họ nắm lấy dây lưng của nhau. Luồn ngón tay vào chiếc thắt lưng rộng bản màu đỏ của bác Xtêpan, anh Tavria trẻ hít thở nhẹ nhàng, vui vẻ bảo bác:

- Giữ kín bụng nhé!

Hai bên từ từ xoay vòng, dò sức nhau. Bác Xtêpan nheo mắt lại, trở vai, huých vào ngực anh Tavria trẻ. Cậu ta xoạc một cẳng dài ra phía sau, kéo theo bác Xtêpan và khuỵu chân xuống. Hai bên xoay nhau chừng ba vòng. Cảm thấy anh Tavria trẻ và ăn uống no đủ kia khoẻ hơn mình, bác Xtêpan vừa vật vừa cảm thấy buồn, tin chắc mình không thể thắng được.

Sau khi đã quyết định, bác khuỵu chân trái xuống rồi ngửa người ngã ra phía sau, gáy đập phải một tảng đất đau điếng. Cậu Tavria bị bác Xtêpan thúc cả hai chân lên; bay qua người bác, ngã bịch xuống. Bác Xtêpan định chồm dậy như hồi trẻ xưa kia, nhưng hai chân không chiều theo ý bác, cậu Tavria đã chồm dậy được, đè lên mình bác, ấn hai vai bác xuống mặt tuyết lỗ chỗ chân ngựa trên đường.

Mọi người xúm xít lại chung quanh. Họ cười lên hô hố. Họ đập bao tay vào nhau kêu đồm độp. Bác Xtêpan nhặt chiếc mũ bẩn lên, thở dài:

- Tớ mà bớt đi được mười tuổi thì tớ vật được cậu.

- Thôi bác ạ, thế cũng là được rồi, tôi chở bác lên gò. Bác cũng còn giữ được sức đấy, - cậu Tavria thở hổn hển, cười lên với vẻ hài lòng. - Bác quay xe lại phía sân kia nhé.

Họ chuyển thóc sang chiếc xe ngựa to, rồi anh Tavria trẻ vừa vật nhau với bác Xtêpan cầm một chiếc roi ngựa rất đỏm dáng quất đánh đét một tiếng, ra hiệu cho ba con ngựa béo khoẻ tiến bước.

- Các bác đi theo nhé.

Trên đỉnh gò, cách làng Tavria chừng bốn *vécxta*, thóc lại được chuyển sang hai xe trượt tuyết. Trên đường đã bắt đầu thấy có tuyết, đôi chỗ có những vết xe chạy ngang qua.

Chặng đường nhọc nhằn đã làm những con bò kiệt sức. Xe trượt tuyết, giống như gấu váy phụ nữ kéo lê một cách kênh kiệu để lại trên mặt đất cứng lạnh những vệt càng xe nhẵn nhụi, lấp lánh.

Còn khoảng ba chục vécxta nữa thì tới làng. Bác Xtêpan bảo Aphônka:

- Ta cứ đi, cậu ạ. Dù tối cũng cố về tới nhà.

- Cũng chẳng sao ngủ đỗ được. Thức ăn cho bò không còn tí nào, ngủ đỗ chỉ càng tổ hại bò.

Đến đêm họ mới tới được Rừng Công. Trên nền trời quang đãng đen ngòm, vương vãi vô vàn những ngôi sao

bạch kim chắc mẩy đang leo lét lạnh lùng và toả khói. Tuyết lất phất rơi. Bác Xtêpan ngồi xe trước. Hai xe đã xuống một lòng thung nhỏ. Bỗng trước mặt đôi bò của bác Xtêpan đổ xuống một bóng đen nghiêng ngả, tiếp đó hiện ra một người.

- Ai đi đấy?

- Dân làng Đubrôvina từ ga về đây, - bác Xtêpan thấy chờn chợn và ngoái lại nhìn, bác thấy Aphônka cũng đang tiến lại gần.

- Đứng lại!

- Quyền gì đứng lại?...

- Bảo đứng lại là đứng lại!

Một người tầm thước, mũ trùm kín đầu, bước tới. Trong bàn tay đeo găng của y, lấp lánh ánh thép xanh của một khẩu súng lục bóng loáng.

- Các ông chở gì đây?

- Chở thóc giống... - Tim bác Xtêpan giật thót, giọng bác run run. Đưa mắt nhìn sang bên cạnh, bác thấy một chiếc xe bốn ngựa đang kéo đến gần. Tên đội mũ trùm đầu liền tiến sát lại bên bác, đưa khối thép lạnh buốt đang đổ mồ hôi, dí sát vào dưới chiếc mũ lông của bác.

- Khuân thóc xuống!.

- Thế là thế nào nhỉ? - Bác Xtêpan kêu lên, bất lực dựa vào thành xe.

- Khuân xuống!

Từ cỗ xe ngựa, hai tên nữa chạy tới, ủng kêu cót két.

- Bắn chết nó đi! - Từ xa một tên hô lên như vậy. Báng súng ngắn lập tức xuyên qua vành mũ bập vào thái dương bác. Bác khuỵu gối bò trên mặt đất.

- Khuân xu-uô-ống! - Tên đội mũ trùm kín đầu thét lên dữ dội, cúi xuống, lấy nòng súng thúc vào răng bác.

- Anh em ôi! Đây là thóc giống... Anh em, bà con ôi! A-a-a, - bác Xtêpan nức nở, lết gối bò, hai lòng bàn tay bác chà lên mặt đất cóng lạnh, lởm chởm, toé cả máu ra.

Tên đầu tiên từ chiếc xe ngựa chạy tới đã lấy báng súng trường quật Aphônka ngã lăn xuống đất, rồi lấy tấm vải phủ chân trên xe trượt tuyết trùm lên người anh.

- Nằm im, không được động đậy!

Chiếc xe ngựa kêu ầm ầm rồi dừng lại cạnh hai cỗ xe trượt tuyết. Hai tên ì ạch chất các bao thóc lên xe ngựa, còn tên thứ ba đội mũ trùm đầu thì đứng cạnh bác Xtêpan. Miệng hắn thâm xì và lỗ chỗ, răng nhe ra dưới bộ ria thưa cụp xuống hai bên mép.

- Lấy cả tấm vải phủ chân đi, - tên thứ tư ngồi trên ghế phía trước xe ngựa, ra lệnh.

Đôi bò nhẹ nhàng kéo chiếc xe trượt tuyết rỗng không, tiến bước trên đường. Aphônka lại gần chỗ bác Xtêpan đang nằm úp sấp trên mặt đất.

- Dậy thôi, chúng nó đi rồi.

Trên dải đất hoang cạnh đường còn vẳng lại tiếng bánh xe lọc xọc của chiếc xe ngựa đã đi xa. Bác Xtêpan ngóc đầu dậy, nuốt ngụm máu đã tràn vào trong miệng. Bác vẫn thấy xa xa bóng chiếc xe ngựa đen ngòm. Lát sau, còn nghe thấy một phát súng bắn doạ mà âm vang lan dần xuống lòng thung.

- Số phận chúng ta không may... như vậy đấy... - Aphônka uất ức thốt lên, rồi bẻ gẫy chiếc roi trong tay,

anh cất giọng rên rỉ kêu: - Chúng mày đã ức hiếp chúng tao!

Bác Xtêpan lồm cồm bò dậy; vẻ xơ xác, dữ dội, bác lừ đừ xoay mình trên mặt đất trong ánh trăng xanh lạnh lẽo. Aphônka cúi xuống chăm chú nhìn bác, và trước mắt anh bỗng bềnh bồng hiện ra cảnh mùa đông vừa qua, anh mai phục, bắt được một con chó sói. Bị đạn rìa bắn nát một bên mắt, nó cũng xoay mình ghê gớm như vậy bên bờ giậu sân phơi lúa, quằn quại trong đám tuyết xốp, ngồi dựng trên hai chân sau mà tắt thở trong cái chết câm lặng, im lìm...

Tới tuần ngắm nguyện thứ tư, cả làng ra đồng gieo vãi.

Bác Xtêpan ngồi bên thềm, cầm một cành cây khô vẽ nhằng nhịt lên mặt đất mềm nhũn, nhão nhoét, và đôi mắt lõm sâu của bác mơn trớn dải đất này với một vẻ cuồng si...

Cả tuần nay bác đi không nói một câu, mặt bác xám xịt. Mấy ngày đầu tiên bác về, cả nhà còn than vãn, nhưng sau ai nấy nín lặng, lo buồn và sợ hãi nhìn mái đầu lắc lư của bác, nhìn những ngón tay khô kiệt của bác bâng quơ cất lên sờ lần chòm râu màu hung. Trong tuần Thánh, lần đầu tiên bác rời khỏi nhà ra gò Atamanốp trong đêm tối. Dưới ánh trăng bạc, đồng cỏ bốc hơi sương mờ ảo. Trong đám cỏ dại năm trước, một con thỏ cái vẫn chưa thôi động đực, rít lên mệt mỏi, những cọng cỏ già vươn thẳng lên xào xạc, nứt ra những ngọn non tơ. Những đám mây đen thưa

thớt sà xuống thấp, che lấp trăng non, và những làn ánh sáng xuyên qua hàng rào mây đen, âm thầm xoa vuốt những ngọn cỏ lả lướt, mơ màng. Cách thửa ruộng của mình chừng hai chục xa gien, bác Xtêpan dừng lại dưới chân gò Atamanốp.

Phía bên kia gò, chính là dải đất bác đã cày xới lên và đã phụ bạc nó. Giữa những luống cày, đã mọc vống lên một bụi cây, và một mớ dây leo chằng chịt cũng đã quấn lấy đám đất đen vừa khai khẩn. Bác Xtêpan không đủ can đảm bước ra khỏi gò mà nhìn vào mảnh đất đen xì đang nằm tênh hênh như một xác chết ấy. Bác đứng buông thõng hai tay; mấy ngón tay ngọ nguậy, bác thở dài, những tiếng thở dài ấy cũng tắc lại trong tiếng khò khè...

Từ đó trở đi, hầu như đêm nào bác cũng bỏ nhà ra đi mà không ai hay biết, và bác lại đến bên gò, đưa lòng bàn tay cứng nhắc lên vò nát ngực áo. Nhưng, bên kia gò, mảnh đất đã cày xới vẫn nằm trơ ra đó, đen đủi như một thây ma, cỏ mọc um tùm, mỗi khi cơn gió thổi tới thì lại làm khô thêm những tảng đất đã lật lên và đung đưa một bụi cây hương mật xum xuê...

Trước ngày lễ Ba Ngôi, vụ cắt cỏ trong thảo nguyên đã bắt đầu. Bác Xtêpan lại cùng đi cắt cỏ với Aphônka. Hai người đã lên đường, nhưng ngay trong đêm đầu tiên, đôi bò của bác Xtêpan đã bỏ bãi chăn, đi mất.

Họ tìm bò cả ngày. Họ đi dọc ngang khắp khu đồng cỏ của xã, ngó vào mọi khe, vực, nhưng không thấy tăm

hơi chúng đâu cả. Tới xẩm chiều bác Xtêpan trở về nhà, lấy chiếc áo dạ ngắn khoác lên vai rồi ra đứng cạnh cửa, không ngoái cổ lại.

- Tôi đi đến các xóm *Khôkhôn*[1], xem họ có dắt bò nhà mình sang đấy không.

- Thế thì phải mang bánh mì khô... Phải đem theo bánh mì khô ăn đường... - Bà lão đã bấn tinh lên.

- Tôi đi đây. - Bác Xtêpan cau mày, bước ra vung mạnh chiếc gậy, rẽ các chùm hoa ngải cứu mà đi.

Ra khỏi làng lại gặp Aphônka.

- Đến đám *Khôkhôn* đấy ư, bác Prôkôphich?

- Phải.

- Thôi, cũng nhờ Trời.

- Nhờ ơn Chúa Kirixitô.

- Máy cắt cỏ bác còn vứt ở thảo nguyên đấy, bác về chúng ta cùng ra kéo về! - Aphônka gọi với theo. Bác Xtêpan phẩy tay, cắm đầu đi thẳng. Khoảng trưa bác tới làng Nigiơnhe Iablônốp, rẽ vào nhà người bạn cùng trung đoàn trước. Than thở cùng bạn, nhấm nháp cốc sữa, bác lại đi tiếp. Bác luôn gặp người đi trên đường.

Chốc chốc, bác lại dừng chân, hỏi:

- Bác ơi, bác có thấy đôi bò lạc không? Cả hai con đều lông đỏ, một con gẫy một bên sừng.

- Không có.

- Không thấy.

- Chúng tôi chẳng nhìn thấy những con bò nào như vậy cả.

---

[1] *Nông dân Nga lạc hậu xưa kia gọi người Ukraina bằng cái tên này.*

Thế là bác Xtêpan lại tiếp tục rong ruổi con đường xám xịt, lộc cộ với chiếc gậy. Mồ hôi toát ra, bác thè chiếc lưỡi nháp khô liếm đôi môi sạm gió.

Xế chiều, bác theo kịp một chiếc xe ngựa chở cỏ khô ở chỗ con đường chẽ đôi. Trên xe có một thằng bé chừng ba tuổi, tóc vàng, không đội mũ. Dắt ngựa là một người đàn ông mặc quần bằng vải lanh thô loang lổ vết mỡ của máy cắt cỏ, đầu đội chiếc mũ rơm làm đồng. Bác Xtêpan đi ngang người đó.

- Chào bác.

Bàn tay cầm roi miễn cưỡng đưa lên mép chiếc mũ rơm rộng vành.

- Bác có trông thấy đôi bò... - Bác Xtêpan vừa bắt đầu nói đã tắc ngang họng. Máu kêu o o hai bên thái dương rồi dồn xuống tim làm cho hai má bác trắng bệch. Bởi vì dưới chiếc mũ rơm là một khuôn mặt hết sức quen thuộc. Đó chính là cái khuôn mặt đã loé ra trong đầu bác như một ngọn lửa trắng qua bao đêm dài thao thức, và cứ dai dẳng hiện lên lờ mờ trước mắt bác bao lâu nay. Từ trong vành mũ tăm tối, đôi mắt mệt mỏi ló ra nhìn bác, không ngờ vực gì, và bác còn nhận rõ được cả bộ ria thưa cụp xuống đôi môi hé mở, những vết lỗ chỗ đen trên hàng răng ám khói thuốc lá vàng khè.

- Á, à, à... Thế mà cũng còn có lúc gặp nhau nhỉ!

Đầu tiên là vầng trán rám nắng trắng bệch hẳn đi dưới chiếc mũ, dần dần đến đôi má rồi đến chiếc cằm, và cuối cùng là đôi môi hắn cũng dờn dợn tái nhợt.

- Mày đã nhớ ra chưa?

- Gì thế ông?... Ông cần cái gì?... Từ thuở bé đến giờ tôi không hề thấy ông!

- Không hả?... Thế thóc giống hồi mùa đông?... Thằng nào?...

- Không... Không có chuyện ấy... Có lẽ ông nhầm người rồi...

Bác Xtêpan lẹ làng giật lấy chiếc nạng đinh ba thò ra khỏi xe cỏ, gọn gàng nắm lấy đằng cán. Tên Tavria đột nhiên ngồi sụp xuống chân con ngựa đẫm mồ hôi lúc ấy đã dừng bước, hai tay hắn chống xuống cát bụi, ngước mắt lên nhìn bác:

- Vợ tôi chết rồi... Tôi chỉ còn thằng bé con kia... giọng hắn bàng hoàng vì khiếp sợ, ngón tay hắn lẩy bẩy trỏ vào chiếc xe.

- Cơn cớ gì mày ức hiếp chúng tao? - Bác Xtêpan khàn giọng quát, toàn thân bác run lên.

Tên Tavria đang đờ đẫn nhìn xuống chiếc quần lanh thô hắn đang mặc, bỗng giật bắn người.

- Bác ơi, bác lấy con ngựa vậy... Bác cần ngựa mà... Bác nhé? Bác lấy con ngựa của tôi đi. Vì Chúa Kirixitô! Giữa tôi với bác... thế là hoà... hắn ta luôn mồm lắp bắp, lúng búng, hai tay cào cào cát bụi trên mặt đường.

- Mày ức hiếp chúng tao! Bây giờ ruộng đất đang nằm chết dí! Hả? Chúng tao phải chịu đói khổ. Cỏ mọc đầy đồng! Hả? - Bác Xtêpan thét lên, mỗi lúc tiến một gần hắn.

- Tôi vừa chôn cất cho vợ tôi xong... nhà tôi bị ốm... Còn lại được thằng bé kia... kể từ lễ Phục sinh tới nay mới

được ba tuổi... Bác tha tội cho, bác ơi! Bố con tôi sẽ đi ăn mày thiên hạ... trả lại thóc cho bác... - Tên Tavria lắc lắc đầu, vẻ buồn rầu vô hạn, lưỡi hắn cứng queo chỉ còn thốt ra những câu rời rạc, và chốc chốc hắn lại đờ ra trong một cơn co giật, kinh hoàng của súc vật...

- Cầu Chúa đi! - Bác Xtêpan thở phào, làm dấu thánh giá.

- Rồi hẵng, khoan đã... Tôi sẽ cầu Chúa! Nhưng còn cháu đây bác tính sao?

- Tao sẽ đem về nuôi... Mày không phải bận tâm!

- Cỏ chưa trở về tới nơi... Ôi! Cơ ngơi hỏng hết... Làm sao bây giờ...

Bác Xtêpan cất cao chiếc đinh ba, giữ nó lại giây lát trên đầu mình, mỗi lúc bác lại thấy tai mình ù lên dữ dội, và bác xọc chiếc đinh ba vào khối thịt mềm nhũn, quằn quại làm run rẩy cả mũi đinh ba...

Bác ném một mớ cỏ khô lên một bộ mặt vàng vọt, khắc khổ, áp sát xuống mặt đường, rồi bác leo lên xe ẵm lấy thằng bé con đang rúc vào đống cỏ.

Bác rời khỏi xe, chân bước ngoèn ngoèo, xiên vẹo, tiến về phía có những ánh lửa leo lét trong thôn xóm dưới chân núi. Thằng bé con ưỡn người trong một cơn co giật, bác phải ghì chặt nó vào lòng, và cố nghiến hai hàm răng đang đánh lập cập, bác thì thào bảo nó:

- Nín đi, con! Xuỵt! Nào... nín đi, kẻo mẹ mìn nó bắt. Nín đi!

Nhưng thằng bé cứ trợn ngược mắt lên, nhoai ra khỏi tay bác. Trên thảo nguyên cực kỳ tĩnh mịch và xanh ngắt bóng chiều, tiếng thằng bé vẫn gào rít lên:

- Ta-tô! Ta-tô! Ta-a-a-tô![1]

HÀ NGỌC *dịch*

[1] *Tiếng địa phương Tavria là* Bố ơi!

Đôi giầy cao su

I

Từ ngày đám trai trẻ các xã bắt đầu lui tới những cuộc vui chơi ở thị trấn (thường vào mùa thu, khi lúa đã đập xong) Xiômka thấy Marinka lập tức lạnh nhạt ngay với mình. Làm như thể hai bên chưa có tình ý gì với nhau, làm như thể cô ta chưa hề bao giờ tặng cho anh chiếc túi đựng thuốc lá ấy! Đó là một chiếc túi nhỏ bằng sa tanh màu xanh lơ, do cô ta tự tay thêu viền xung quanh bằng chỉ màu xanh lá cây, và ở cả bốn góc món quà tặng sang trọng ấy còn ngời lên một vẻ trong trắng bốn chữ thêu chỉ hồng. Mỗi khi Xiômka lấy chiếc túi ra, liếm nước bọt quấn một tổ sâu kèn to tướng bằng một mẩu giấy báo "Nông dân", thì chẳng phải là bốn cái chữ tuyệt vời, lấp lánh lửa hồng ấy đã luôn đảm bảo với anh một cách hồn nhiên về mối tình của cô ta sao? Vậy mà giờ đây màu xanh

da trời của chiếc túi xa tanh ấy dường như đã phai nhạt rồi, những đường thêu viền đã úa vàng rồi, còn bốn chữ T-N-E-Y dã từng thay mặt cho cô ta để cam đoan "tặng người em yêu", thì nay chỉ nhìn anh với một vẻ ranh mãnh điêu ngoa, gợi lại cho chủ nhân niềm hạnh phúc đã tiêu tan. Ngay cả dúm thuốc sợi cây nhà lá vườn đựng trong túi, bây giờ Xiômka cũng thấy nó cay hơn và không biết tại sao hút lại thấy đăng đắng và rát cả lưỡi.

Chính đôi giày cao su là nguyên nhân dẫn tới chỗ cắt đứt quá sớm mối tình với Marinka.

Xiômka nhận thấy điều đó vào hôm chủ nhật, khi lần đầu tiên đám thanh niên các xã đến tham gia cuộc vui chơi. Trong bọn họ, có một cậu tên gọi Griska, biệt hiệu là "Ria ướt" mang một chiếc đàn gió kiểu Đức, mặc chiếc quần bồng có nẹp màu ở hai bên, chân đi đôi ủng nhét trong đôi giầy cao su mới toanh láng bóng như gương[1].

Chính đôi giầy cao su này đã thu hút cặp mắt thán phục của Marinka suốt buổi tối hôm đó, còn Xiômka, bị bỏ rơi và thảm hại, chỉ ngồi chúi một xó cho tới lúc tan cuộc, với một nụ cười run rẩy méo xệch trên môi. Anh không để mắt tới Marinka mặt ửng hồng vì những điệu nhảy, cũng không để ý tới đôi môi co giật của người kéo đàn, mà chỉ chú ý tới đôi giầy cao su của Griska đang lệt xệt kéo lê trên nền nhà bẩn, tận lực vẽ nên những kiểu nhảy cầu kỳ.

Ngày thường cũng như ngày lễ, Xiômka chỉ có độc một đôi giày đan bằng dây, với một chiếc quần rách, vải đã

---

[1] *Ở các xứ rét thường người ta đi giầy hoặc ủng da, ngoài giầy hoặc ủng lại đi thêm một đôi giầy cao su to hơn để khỏi bị ướt khi có tuyết.*

quá nát không sao vá nổi nữa, chỉ đã xổ ra, qua những lỗ thủng thấy được cả nước da ngăm đen của Xiômka. Thế là do tất cả những cái đó, sau cuộc vui chơi, người đưa tiễn Marinka về nhà lại là Griska, còn người cuối cùng bước ra khỏi căn nhà mờ mịt khói thuốc lá ấy chính là Xiômka. Nép sát vào các bờ rào đầm sương, anh lần bước về phía sân nhà Marinka.

II

Con đường bị các bánh xe cày tơi lên, trải đầy cát bụi, mềm như phớt mịn. Đêm trôi trên thị trấn theo chiều gió thổi. Vành trăng khuyết biếng nhác lang thang trên bầu trời. Trước mặt Xiômka, trên đường phố thị trấn, Marinka và Griska khoác tay nhau cùng đi. Đầu Marinka hơi ngoẹo sang một bên, còn Griska lưng lòm khòm, đôi giầy cao su, xới tung làn cát bụi mịn màng, mồm khe khẽ huýt sáo.

Cạnh sân nhà Marinka có mấy cây liễu bị đốn ngả xuống. Đôi trai gái ngồi xuống đấy. Xiômka bẻ các khớp xương ngón tay kêu lục cục rồi nhẹ nhàng như một con dê, nhảy vút qua bờ rào.

Qua các khe sáng của hàng rào, Xiômka trông rõ như ban ngày, thấy Marinka và Griska đang lần bấm hai hàng phím. Trong tiếng đàn rên rỉ, trầm lắng, Griska cất tiếng hát khẽ, dần từng tiếng:

Marisa, em biết chăng,
Ví đâu nên nỗi trong lòng khổ đau.

Ví bằng để ý tới nhau
Lòng này nào có khổ đau bao giờ!

Marinka nhích lại gần, hỏi ngọt xớt:

- Grigôri Klimứt, anh mua đôi giầy cao su ở đâu thế?

- Ở hợp tác xã tiêu thụ.

Xiômka thấy Marinka không rời đôi mắt mê mẩn nhìn đôi giầy cao su của Griska. Qua tiếng đàn rền rĩ ngọt ngào, anh lại nghe giọng nói run run của Marinka:

- Anh mua mất bao nhiêu?

- Năm đồng rưỡi.

- Những năm đồng rưỡi kia ư? ... - Marinka hỏi lại, giọng nói lộ rõ vẻ ngạc nhiên, thán phục. - Đôi giầy đắt tiền thế mà anh cứ giẫm vào bụi, bẩn hết...

Xiômka thấy Marinka cúi xuống, lấy khăn phủi bụi cho đôi giầy cao su của Griska.

Griska co chân lại:

- Làm gì thế, Marinka, thôi đi! Đối với anh, đôi giầy cao su có nghĩa lý gì đâu. Đi mòn đôi này lại thừa tiền mua đôi khác rồi! Em làm bẩn cả khăn kìa...

- Khăn giặt dễ thôi... - Marinka cố nén một tiếng thở dài. - Ở xã anh, các cô cũng đi giầy cao su chứ?

Griska khoác chiếc đàn gió lên vai, nắm lấy tay Marinka.

- Họ đi giầy cao su thì đi, nhưng chẳng tìm được cô nào cho xứng đôi cả... Có một cô cũng đang xoắn xuýt đấy, nhưng mặt đầy mụn như mặt cóc thì yêu thế nào được?

Griska nhổ toẹt khinh bỉ, đưa ống tay áo lên quệt mồm rồi gắn môi lên má Marinka hồi lâu...

Do ngồi ở tư thế khó chịu, đôi chân tê dại đi, nhưng Xiômka vẫn ì như phỗng đá trong luống bắp cải sau bờ rào. Chỉ tới khi chiếc khăn trùm đầu của Marinka với chiếc mũ lưỡi trai kiểu cách của Griska nhập vào nhau thành một khối, Xiômka mới đột ngột hất đầu, đôi tay run rẩy sờ lần chung quanh mong tìm được hòn đá.

... Mặt trăng lang thang mãi sau các đám mây chừng đã mệt mỏi, lưng gù đi, và bắt đầu lặn xuống đằng tây. Trong kho, một con gà trống vỗ cánh, ngang nhiên thổi lên bài kèn rạng đông.

Griska đứng dậy.

- Nào. Marinka, tối mai gặp em ở đâu?

Marinka đưa tay sửa chiếc khăn tụt xuống một bên, thì thào đáp:

- Anh đến cạnh lò rèn... em sẽ đợi.

Xiômka bật lên như một chiếc lò xo, chộp vào bờ rào, một chiếc cọc rào gãy rắc dưới tay anh.

Marinka kêu "ối" lên, lùi về phía cổng, còn Griska thì lên gân như con gà trống, xoay người sang thế thủ.

Xiômka nhảy phóc qua bờ rào, tay vung chiếc gậy nặng chịch tiến lại gần Griska. Giận dữ không nói nên lời, anh lắp bắp:

- Mày làm trò gì?... Đi mò gái của người khác? Hả?

- Đi đi, đi đi... Nhổ neo đi thôi... Mày những số tám kia, chưa đến lượt đâu!

- Không, khoan đã! Mày còn có món nợ... tính sổ đã...

- Còn đợi gì nữa... - Griska kéo dài giọng, và cúi đầu xuống, không vung tay, đưa người xốc lên phía trước, đấm mạnh vào bụng Xiômka.

Cổ họng Xiômka nghẹt lại và nóng lên như bị một chiếc thòng lọng thít chặt. Anh suýt buông rơi chiếc gậy, nhưng cố nhịn đau, mím môi, vung lên. Chiếc mũ lưỡi trai bay khỏi đầu Griska, xoay tròn như một con quay.

Cú đánh bị trượt, giáng vào chiếc đàn gió. Từ chỗ da thuộc bị đánh toạc, hơi xì ra như một tiếng thở dài nhẹ nhõm. Griska chưa kịp lẩn tránh thì đã lại bị chiếc gậy rít lên đập vào vai.

Một phút sau, dọc theo đường cái chỉ còn thấy lờ mờ chiếc áo sơ mi trắng của Griska, còn Xiômka thẫn thờ vò nát trong tay chiếc mũ lưỡi trai bị bỏ lại. Người co rúm, phải lấy lại hơi sau cơn nghẹt thở tê buốt, bằng một giọng nhỏ nhẹ và đau buồn, anh nói với Marinka vẫn đang đứng cạnh cổng.

- Chiếc túi cô tặng tôi đây... cô cầm về, đồ đê tiện! Tôi đối xử với cô như đối với một người tốt, vậy mà cô thấy đôi giầy cao su là cho nó hôn ngay... Tôi mà muốn thì có thể có tới vài chục đôi chứ chẳng phải một đôi giầy cao su ấy đâu.

Marinka đưa nắm tay lên che miệng ngáp, mắt liếc nhìn những ngôi sao đang mờ dần, thản nhiên nói:

- Tôi ngán anh lắm rồi, anh khố rách ạ! Trông thấy anh mà ngượng mặt thế nào ấy... Đấy, cái quần anh mặc thì như quần chó tha... bao nhiêu cái xấu hổ trông thấy hết, bới đâu ra giầy cao su...

Cô ta lại ngáp đến chảy nước mắt rồi quay lưng lại phía Xiômka, bực bội oán trách:

- Đi đến đâu bám đuôi đến đấy, lại ngang như cua ấy... Cái ngữ chân đất ấy thì kiếm lấy đôi giầy há mồm mà đi, trời đất ạ!

Xiômka chống chế, giọng khàn khàn:

- Quần tôi mặc chẳng liên quan gì đến cô sất... cô không ra lệnh cho tôi được... Cả chuyện giầy dép cũng thế... Ví thử bố cô mà có ăn chấy ăn rận, tôi có can thiệp được không? Dù ông ấy có ăn lòng ăn ruột gì đi nữa thì tôi cũng cứ mặc xác!

Marinka đẩy mạnh then cổng lách cách, đứng trong sân kiễng chân nhìn qua cổng rào, tru tréo lên:

- Đừng có mà đi đếm chấy rận của người! Chấy rận của mình cũng đầy ra đấy! Mẹ anh, vụ xuân vừa rồi đã xách bị đi kiếm ăn... Bản thân anh cũng là kẻ ăn xin, thế mà con đi bới bố người khác!

Xiômka nhổ bừa vào cánh cổng nhỏ:

- Mở cửa ra, con thần nanh đỏ mỏ! Tiếc là tao đã tơ vương với mày, hôn đôi môi tục tĩu của mày... Cho lửa thiêu sống mày đi cho rảnh! Bây giờ thà tao hôn dưới đuôi con bê cái còn hơn hôn mày, đồ thối thây!

- Bê cái nó cũng tởm cái đồ chố xồm nhà mày! Marinka rít lên độc địa - Lợn nó có hôn mày một lần thì nó cũng phải mửa ba ngày! Đừng có vác mặt đến đây nữa! Quỷ sứ nó cũng chẳng màng! Phì!

Xiômka lắng nghe tiếng chân tắt dần, ngơ ngẩn nhìn chằm chằm vào cánh cổng.

Thế là đêm hôm ấy, mối tình của Xiômka đã chết bên cạnh cổng nhà Marinka, một mối tình mới nảy nở cách đó hai tháng trong một ruộng dưa ở thị trấn vào một buổi chiều tà êm đẹp và dịu hiền.

III

Sáng sớm tinh mơ, Xiômka ra đồng cày ruộng. Trong người bực bội, đầu tóc bơ phờ, anh bước theo chiếc cày. Đã hai lần vì mải suy nghĩ mà anh cày lấn sang cả con đường bên cạnh; tay anh cầm cày không vững, các rãnh cày mở ra không sâu và ngoằn ngoèo. Do đà tay đẩy không tỉnh táo, những lưỡi cày trượt đi và chỉ làm xước lớp da khô cứng, chai sần của mặt đất, và lạ thay, trong mỗi tảng đất được lưỡi thép sáng bóng lật nghiêng sang bên, Xiômka lại thấy lấp loáng đôi giầy cao su của ai đó...

Ăn trưa xong, anh ghé lưng dưới gầm chiếc xe gỗ, và khi cơn buồn ngủ vừa trĩu nặng trên đôi mí mắt khép chặt, thì Xiômka lại thấy mình giữa đám bạn trẻ quen biết ở thị trấn, thấy mình đứng ở đâu xa xa ngắm nghía chiếc quần của mình, và lạ thật, hai ống quần lại nhét vào đôi ủng, rồi bên dưới, trên mặt đất rải đầy vỏ hạt quỳ và đôi chân khuỳnh khuỳnh của mình, với đôi giầy cao su của chính mình đang tỏa ánh sáng ngời, chói loà cả mắt.

Giấc ngủ ngọt ngào, khoẻ khoắn làm sao, nhưng khi tỉnh dậy Xiômka lại cảm thấy nỗi đắng cay tràn ngập trong lòng.

Trước khi qua đời, cha Xiômka để lại cho anh làm của di sản một con bò cái, một con bê với một bà mẹ ốm o và một đống em trần trụi. Xuân qua, mẹ Xiômka đã đi khắp thiên hạ, nhặt từng mẩu bánh mì dưới các khung

cửa sổ, còn lũ em trần trụi mùa đông chỉ lúc nhúc nằm trên bệ lò sưởi, mùa hè thì suốt ngày chỉ đứng dật dờ dưới dòng sông con mọc đầy cói, - thật vậy, đứng ở đấy thì chẳng cần gì quần áo, giầy dép. Tới tuổi thứ ba, con bê đực đã ngang với một con bò cày khoẻ lạ thường, lông đỏ tía chưa từng thấy, ngực nở, sừng to như cành cây. Còn con bò cái thì đã héo hon vì làm lụng nhiều, hầu như không còn sữa nữa, ho khúc khắc và bị chứng tháo tỏng không sao cầm lại nổi. Xiômka đã làm lụng trong cảnh đói khổ như vậy, và ai cũng thừa hiểu rằng với của nả như thế, với một gia đình có tới sáu đứa trẻ con dứa nọ trông đứa kia như thế, thì làm sao mà kiếm đủ bát ăn.

Một đêxiatina mà Xiômka cày mất ba ngày. Ba ngày trầm ngâm suy nghĩ và thở dài ấy đã nằm trong cuộc đời Xiômka như một lối mòn dài dằng dặc và vắng lặng trên thảo nguyên. Đến ngày thứ tư thì đẹp trời, tuy hơi lạnh. Một mặt trời nhỏ bé, vàng ệch cắt không ra máu, trôi trên bầu trời bạc phếch, nhưng không đi qua thị trấn như mùa hè mà lang thang ở đâu bên cạnh, nghiêng về hướng nam.

Trong thị trấn, chỉ còn mỗi nhà Xiômka là lúa còn rầu rĩ chất đống chưa phơi đập gì.

Từ sáng, nhà nào nhà ấy đã trải lúa ra đập. Xiômka cũng sang hàng xóm mượn quả lăn bằng đá, gióng vào con bò cái và con bò con. Cụ Xtêpanôpna, mẹ Xiômka làm dấu thánh giá:

- Nhờ ơn Chúa, bắt đầu đi con!

Thế là việc đập lúa "nhờ ơn chúa" đã bắt đầu.

Con bò cái chốc chốc đứng lại, khom nhọn cái lưng lên, tuôn ra một đống phân xanh thối hoắc làm ướt cả lúa.

Mẹ Xiômka phải vội vã lấy tay bốc đám phân đang bốc khói ấy, chăm chút nhặt từng bông lúa để đem phơi, còn Xiômka thì mặt vàng ệch ra vì cáu giận, lấy roi quất mạnh hơn vào hai bên sườn bồm bộp trơ xương của con bò cái, và làn da khô khốc, nhăn nhúm của nó sưng phồng lên thành những lằn ngang dọc.

Trải lần lúa thứ hai, Xiômka nói:

- Ta bán con bò cái đi thôi, mẹ ạ... Nó vô tích sự quá rồi. Kéo xe không nổi, làm cũng không xong. Lăn được bao nhiêu lúa nó làm ướt hết, cày cũng chẳng nổi nữa.

Đôi tay co quắp vì thấp khớp lâu đời của cụ Xtêpanôpna giơ lên rồi buông thõng xuống:

- Lú lẫn rồi hay sao thế, Xiômka? Bán rồi lấy gì mà nuôi các em? Sữa là một chuyện, hai nữa nó vẫn còn sống.

- Con bò cái ấy thì chết đến nơi rồi, còn các em uống nước bí rợ cũng được...

- Uống nước bí rợ rồi bụng chúng nó trương xình lên.

Xiômka tức mình quăng cái bờ cào vào đống lúa vừa bừa xong.

- Thế đến mùa đông lấy gì mà nhai? Mẹ xem nhà mình có bao nhiêu thóc? Mẹ cứ thử nghĩ xem: đập được khoảng hai mươi pút, nhá được tới Nô-en rồi treo mồm lên à?...

- Hay là bán con bò con... Xiômka, hay là ta bán con bò con vậy?...

- Thôi đi! Thế là thế nào? - Xiômka tái mặt, run giọng hỏi lại. - Thế nghĩa là đấm thèm vào đất hả? Không lấy gì mà cày được nữa thì bán xới thôi, sao mà nói vậy được?

- Thế nhưng không có sữa thì các em chúng nó chết toi mất! - Bà mẹ ngắt lời.

Và câu chuyện đến đây chấm dứt.

IV

Hàng tháng cứ đến ngày mười tám là ở xã có phiên chợ. Người Kadắc từ các xóm các xã chung quanh đánh gia súc đến bán, lái buôn từ ga đổ về mua, thế là dân buôn bán dựng ngay trên sàn chợ những quán bán hàng bằng ván gỗ. Trong các quầy hàng đã thấy sột soạt những vải hoa thơm phức, bên cạnh các quán bán da, mấy ông râu rậm ở các xã đến đang ghé răng cắn thử xem da có bền không; những chiếc đàn gió phục vụ cho lán thuyền đu quay đang "nỉ non"; các ông thợ đồ gốm thì lanh canh loong coong bên cạnh những lọ những chậu tráng men, các cô gái bay bổng trong những chiếc thuyền đu quay, rú lên và các tà váy lấp loáng sỗ sàng; mấy người txigan đang giàng mõm những con ngựa; mấy ông Kadắc đang nâng cốc chúc "gặp nhau lâu dài" trong các quán rượu. Khu chợ sặc lên mùi mật ong, mùi da cừu thuộc, mùi phân ngựa.

Những mùi vị chua, cay, mặn, chát, đủ vẻ rất khó tả ấy từ bãi chợ lan đi theo chiều gió thoảng. Phía nhà ga ầm ĩ hai ngày liền, tiếng xôn xao rền rĩ nghe như tiếng sóng biển vỗ bờ.

Sáng hôm phiên chợ, mẹ Xiômka hỏi anh:

- Có đem con bò con đi bán không hở con?

Xiômka đang bỏng tay bóc củ khoai tây luộc, nghe tiếng mẹ hỏi anh không trả lời, chỉ thổi phù phù vào mấy đầu ngón tay và lấy bàn tay gạt những vỏ khoai tây vương trên đầu gối.

Lạch cạch chiếc xẻng nướng bên lò, cụ Xtêpanôpna nói:

- Giá mà bán con bò con được chừng năm mươi rúp thì mua được thóc đủ ăn trong mùa đông... Chiếc quần của con cũng phải sửa lại đôi ống rồi, áo sơ mi của mẹ nữa, kẻo hở cả da cả thịt ra... Thế rồi cũng phải mua cái gì re rẻ cho trẻ con nó mặc. Giá mua được đôi ủng cả lũ đi chung cũng được. Thằng Vanka cũng phải đi học nữa. Mùa đông đến rồi, mà nó vẫn đi chân đất.

Một ý nghĩ nhỏ, như một củ khoai tây nóng bỏng, đang dốt nhói lòng Xiômka: "Có thể mua một đôi giầy cao su nữa!"

Anh cố đưa đẩy cục hầu ở cổ để ấn vào trong họng miếng khoai tây đang nhai dở, và do ý nghĩ trên, hình như có một cái gì thắt lại, đứt ra ở trái tim anh. Marinka, Griska, mẹ anh, con bò con, đôi giầy cao su đều như trên những chiếc thuyền du quay, chơi vơi trước mắt anh. Mẹ anh còn nói những gì lào thào, đều đều như đọc Kinh Thánh, nhưng Xiômka đã nhảy chồm lên, đùng đùng vớ lấy chiếc áo dạ rách khoác vào người rồi phóng ra cửa như một kẻ mất trí.

- Giúp con một tay chằng con bò nào! Mẹ có nghe tiếng không đấy? Nhanh lên!

V

Xiômka cầm thừng lôi con bò con, đằng sau một lũ trẻ con như đàn chim sẻ ùa theo gào rít và lấy các cành liễu thúc con bò ương ngạnh. Nhưng nó vẫn cứ bướng bỉnh, ngần ngừ lắc lư cái đầu và uất ức rống lên những tiếng trầm vang như tiếng kèn đồng.

Ở chợ, bên cạnh những chiếc xe thồ, những con bò đực và bò cái bị buộc đang nằm mơ màng cử động hàm dưới, nhai đi nhai lại những miếng nước bọt. Đất ẩm bị cái bụng bờm xờm của chúng hun nóng, bốc hơi lên.

Những người chăn bò cầm cù ngoèo dài ngoằng đi đi lại lại bên cạnh. Một người lái buôn đã chọn được một con bò đực, lấy ủng đạp cho nó một cái rồi tiến ra phía trước mặt nó. Con bò ì ạch quỳ hai chân trước, rồi nặng nề dựa vào những chiếc móng tách đôi dấn trong đám bùn nhầy nhụa, uyển chuyển chổng mông lên. Bằng những ngón tay thành thạo, người lái buôn sờ nắn một cách lanh lẹ và khôn ngoan vào ngực, chân, lưng con bò, vạch cả mõm để xem răng nó đã bị mòn chưa, đoạn dập vào tay người chủ, lên tiếng thề, rồi quăng mũ xuống đất.

Con bò của Xiômka buộc ở bờ rào chẳng mấy chốc đã được một người lái buôn tóc hung để ý tới. Lão ta tiến lại gần Xiômka.

- Mày là chủ con bò này hả?

- Phải, tôi.

- Mày lấy bao nhiêu? - Hỏi vậy, nhưng lão ta cũng không nhìn vào Xiômka. Lão ta giậm chân quanh con bò, sờ nắn tất cả mọi chỗ bằng những ngón tay khù khoằm và bằng cả đôi mắt xét nét sắc sảo dưới đôi lông mày rậm màu hung.

- Bảy mươi. - Xiômka bộp chộp nói.

- Có lẽ bảy mươi là cả mày nữa hả? - Lão lái buôn nhe răng nhưng chỉ còn có lợi.

- Thế thì thôi!

Xiômka gườm gườm nhìn theo người lái buôn đang bỏ đi. Lão ta xoay ngang người:

- Mày nói tiếng cuối cùng đi! Sáu mươi được không? Không hả? Được, thế thì cứ ngồi mà trông bò, nhờ trời lại dắt bò về nhà được nguyên lành đấy.

- Thôi ông cút đi, đừng nhảm nhí nữa, nói thế mà nghe được! - Xiômka tức mình.

Đi lang thang trong chợ một hồi, người lái buôn tóc hung lại quay trở lại cùng với lão người Ukraina đầu bạc.

- Bảy mươi! - Xiômka vẫn bướng bỉnh.

Nửa tiếng sau, người lái buôn đã khan cả giọng ấy đến dúi vào bàn tay run rẩy của Xiômka hai tờ giấy bạc (bên góc trái có vẽ hình mấy bác nông dân vạm vỡ mang giỏ đi gieo hạt). Ngay lúc đó, giữa những cỗ xe, họ đã cãi nhau chén rượu hoả hồng. Người lái buôn ngửa cổ tu rượu từ một chiếc chai màu sẫm, và Xiômka không hiểu được rằng những tiếng ọc ọc ấy là từ đâu ra, từ cổ chai hay từ cổ họng lão ta. Chiếc chai chuyển sang tay Xiômka. Nhiệt lượng ở thể lỏng làm miệng và dạ dày anh nóng bỏng lên,

hơi rượu ngang xộc vào mũi. Chưa bao giờ anh uống nhiều rượu đến thế.

- Thôi thế là phải rồi! Người lái buôn vừa nhá một đoạn bánh mì vòng ròn cứng vừa khan giọng nói - Với giá ấy, cánh tớ dã không để cho cậu phật lòng... Năm nay không có gì cho nó ăn, đến vụ đông đằng nào cậu cũng phải bán thôi!

- Con bò con của tôi... - Tiếng nói của Xiômka run lên, cả đôi chân anh cũng run lên, - không phải là bò con, mà là nguồn sống của gia đình... Nếu không túng thiếu, không đời nào tôi bán đâu!

Lão tóc hung nháy mắt với lão người Ukraina:

- Còn phải nói... Trên đời có hai đồ ngu, một là giống bò, hai là anh Kadắc. Bò làm cho Kadắc ăn, Kadắc lại làm cho bò ăn, suốt đời anh nọ cưỡi lên anh kia thôi!

Lão tóc hung cởi dây bò, cười ha hả, còn Xiômka thì nắm chặt tiền trong tay; tay anh thọc trong túi mà đã như con chim muốn xổ lồng. Đôi chân ngoan ngoãn đưa anh tới các quán hàng, đầu anh chuếnh choáng hơi men và chỉ độc một ý nghĩ: "Ta sẽ xỏ ngay vào chân rồi đi sát cổng nhà con Marinka cho cái đồ chết dẫm ấy nó thấy. Không phải chỉ một mình thằng Griska có giầy cao su đâu!

Đứng trong quầy, người lái buôn cúi gập người:

- Thưa cậu, cậu muốn thứ gì ạ?

- Tôi nói là tôi cần cái kia kìa... gọi là gì nhỉ... là đôi giầy cao su ấy!

Xiômka cố kìm giọng lại, nhưng những tiếng nói đó cứ tuôn ra khỏi họng anh, vừa vang to vừa vụng về một

cách kinh khủng. Xiômka cảm thấy mọi người đều nhìn vào anh và những người đi ngang qua cũng phải đứng lại xem anh.

- Cậu muốn lấy số bao nhiêu ạ?... Xiômka nghe thấy từ nơi xa xôi nào đó vang lại một tiếng nói mơ hồ, và anh căng phổi lên mà nói để mọi người nghe được tỏ tường:

- Tôi không cần số... Đôi giầy cao su nào sạch sẽ thì cứ đưa ra đây...

Đôi mắt ti hí, húp híp của lão lái buôn như làm anh nở cả ruột gan. Giọng lão ta kính cẩn, trìu mến, chưa bao giờ có ai nói với Xiômka bằng một giọng như vậy cả, điều đó làm Xiômka cảm động đến rớt nước mắt:

- Ông bạn ơi! Bán cho tôi một đôi giầy cao su đi, miễn là không có số. Tôi trả tiền ngay. Chỉ cốt sao sạch sẽ, không số siếc gì là được...

Xiômka không nhận thấy một nụ cười nham hiểm leo lét trong ánh mắt của lão lái buôn.

- Cậu phải đi đôi ủng chứ, ai lại chân không mà đi giầy cao su bao giờ? Cậu vào đây nào, do thử coi. Món hàng này khá đặc biệt đấy! Đôi ủng này sang lắm.

Như trong mơ, Xiômka cảm thấy có đôi bàn tay ân cần nào đó giúp anh dận một đôi ủng bằng da bò non thơm phức. Rồi đằng sau một tấm rèm nhỏ bằng vải bạt, người ta mặc vào tấm thân trần truồng của anh một chiếc quần dạ đầy lông dặm sột soạt và một chiếc áo vét tông có tà dài. Những quần áo rách rưới của Xiômka thì nhà hàng kinh tởm gói vào một tờ báo rồi nhét vào nách cho anh, còn anh thì khật khưỡng, ôm lấy tấm lưng béo tròn của nhà hàng mà bật lên một tiếng cười sung sướng, vô cớ.

- Cậu sẽ rất hài lòng với chiếc áo lễ phục này... Loại da chính hiệu thời tiền chiến đấy...

Đôi mắt mơn trớn Xiômka, còn giọng nói - một giọng nói mà cả đời chưa ai nói với anh như vậy - thì không cần xà phòng vẫn trơn tuột thẳng vào tâm hồn Xiômka.

- Cậu cho thử cả mũ lưỡi trai nhé?

Xiômka khóc lên với những giọt nước mắt sung sướng và chìa đầu ra.

- Những người anh em! Ơn này thì xin kết cỏ ngậm vành! Tiền tài cho đi với ông bà ông vải! Đôi giầy cao su đối với tôi còn quý hơn... Tiền đây người anh em nhận lấy!

Từ bàn tay Xiômka, nhẹ nhàng rơi xuống nền nhà những tờ tín dụng bị vò nhàu và ướt đẫm mồ hôi.

Lão lái buôn mau lẹ thu nhặt lấy bạc giấy, lách cách những xu đồng trong ngăn kéo rồi từ khoản sáu mươi rúp chỉ nhét vào túi Xiômka số tiền trả lại gồm một đồng năm xu xanh và hai đồng xu đồng sáng loáng. Chiếc mũ lưỡi trai mềm xốp đã bị nhậy cắn thủng, sụp xuống tận mắt Xiômka, còn đôi mắt nọ, trước đó trìu mến và ân cần là như vậy, giờ đây dang xoáy vào người Xiômka như hai mũi khoan nhọn hoắt. Một giọng nói thô bỉ hét ông ổng vào tận tai:

- Xéo đi với quỷ sứ, đồ chó đẻ! Nhãi nhép say bí tỉ! Cút mau!

Có kẻ nào thúc gối lên phía sau; và, nụ cười say dọng trên môi, Xiômka bắn vọt qua quầy hàng, rơi bịch xuống bùn. Lồm cồm bò dậy, mồm còn ngoạc ra một câu chửi tục, nhưng Xiômka bỗng thấy Marinka đã đứng ngay trước

mặt mình, đôi mắt cô ta tươi cười và má cô ta bôi kem dưa chuột bóng lộn lên dưới chiếc khăn ngày hội.

Như trong làn sương mù mờ mịt, Xiômka cùng với cô ta la cà khắp chợ, anh mua những chiếc kẹo nhầy nhụa với đồng năm mươi xu cuối cùng để dãi cô ta, ngã một cái ở chỗ nào đó dập cả chân đau điếng, nhưng anh vẫn nhớ chắc chắn rằng lúc nào Marinka cũng nhìn mình với đôi mắt ánh lên niềm khâm phục. Anh đi, vừa đi vừa vấp và xoạc cẳng sang hai bên, với chiếc quần bồng chẽn ống có túi, hất tung bùn đất bằng đôi giầy cao su sáng bóng. Marinka đi sau anh một chút, van vỉ:

- Xiôma; này, đừng làm thế! Chớ làm ồn, người ta nhìn mình đấy... Xiôma, xấu hổ đấy...

Chiều đến, bên cạnh "quán ăn", Xiômka nhảy điệu "chú Kadắc con", uống rượu ngang với những người Kadắc khác, rồi trước lúc bình minh, mới thất tha thất thểu mò về tới nh`, đập rồn rập vào cửa sổ.

Bà mẹ quấn mình trong mớ giẻ rách ra mở cửa, nhưng rồi sợ hãi thụt lùi.

- Ông là ai? Ông hỏi ai ạ?

- Con đây mà, mẹ ạ...

Cảm thấy điều chẳng lành, cố nén cơn run, bà lặng lẽ nhường lối cho Xiômka vào, rồi đi thắp mẩu nến tàn. Lũ trẻ ngáy khò khò một nhịp trên bệ lò sưởi, ngọn lửa nổ lách tách, toả khói khét lẹt.

- Bán bò rồi chứ, con? - Bà hỏi, mà hai hàm răng khẽ nghiến vào nhau kèn kẹt.

- Bán bò rồi... con bán rồi... vâng...

- Thế tiền đâu?

- Tiền đâu ư? Đây này.

Xiômka nhệch mồm cười, thò tay vào túi áo. Trong bầu không khí tĩnh mịch, nghe thấy cả tiếng ngón tay cào cào gắt gao trong túi. Tiếng xu đồng kêu lẻng xẻng.

Đôi mắt đăm đăm không chớp của bà mẹ chăm chú nhìn vào chiếc túi rỗng không mà bàn tay của Xiômka đang sờ lần. Lảo đảo dựa vào bàn, Xiômka rút ra khỏi túi hai đồng xu đồng sáng loáng, quăng xuống nền đất. Một đồng xu quay tròn, ánh lên một đốm vàng như con đom đóm rồi rơi đánh cạch một tiếng, lăn vào gầm ghế dài.

Bà mẹ thở khò khè, khuỵu xuống, ôm lấy đôi chân Xiômka, gào lên thảm thiết, mái đầu bạc vật vã trên nền nhà.

- Cha mẹ ơi! Ối con ơi! Thế là thế nào? Hu-hu-hu-u! Làm sao con đến nông nỗi â-ấy?

Xiômka rút chân ra, lùi về phía cửa, nhưng bà vẫn quỳ gối bò theo. Do lắc lư, từ mớ áo rách của bà đôi vú khô kiệt và bé nhỏ thò ra và lúc lắc. Mặt tím ngắt, bà nghẹn ngào, những giọt nước mắt của bà rỏ xuống đôi giầy cao su lấm lem của Xiômka.

HÀ NGỌC *dịch*

Câu chuyện về Kôntsác[1] về cây tầm ma và vân vân

Đấy, đồng chí là ông thẩm phán hoà giải... nghĩa là ông thẩm phán nhân dân... nhiều lần họp đồng chí có giải thích cho chúng tôi biết nếu đánh người gây thương tật và có những hành vi xúc phạm thì bị ghép tội theo điều khoản nào. Vậy thì tôi muốn tìm hiểu cặn kẽ về chuyện cây tầm ma và một vài việc khác nữa... Tôi nghĩ rằng dưới chính quyền Xô-viết mà đối xử với tôi theo kiểu như một số công dân đã làm, là không được. Vả chăng nếu họ chỉ là công dân thôi thì tôi mới chỉ bị xúc phạm một nửa, đằng này họ lại là mấy mụ đàn bà kia! Thật thế, sau câu chuyện đó quả là tôi chẳng còn mặt mũi nào mà sống trên đời!

---

[1] *Một tên tướng thủ lĩnh bọn bạch vệ, câu kết với đế quốc để chống lại chính quyền Xô-viết, nổi tiếng vì phản cách mạng và tàn ác.*

Số là có cô Naxtia mới về xóm chúng tôi từ mùa xuân vừa rồi. Cô ta vốn là người xóm này, trước dây ở ngoài mỏ, thế mà ma đưa lối quỷ dẫn đường làm sao cô ấy lại bỏ về làng này làm gì!

Một hôm cậu chủ tịch của chúng tôi là Xtiôska đến gặp tôi. Bắt tay nhau xong, cậu ta nói thế này:

- Bác Phiôđốt, bác biết chưa, mụ Naxtia mới ở mỏ về đấy. Tóc cắt chỉ còn ngắn bằng cái kim ấy, mà lại trùm khăn đỏ!

Ờ, trùm khăn thì trùm chứ việc quái gì đến tôi nhỉ? Dĩ nhiên, kể cũng bực mình: đàn bà bỗng dưng lại cắt tóc ngắn đi là thế nào? Nhưng tôi lặng thinh, hỏi:

- Mụ ta về thăm quê hay sao đấy?

- Thăm quê gì! - Cậu ta nói. - Mụ ta về kết bọn với lũ đàn bà xóm ta, sẽ đưa họ vào tổ chức cả đấy. Bây giờ thì phải coi chừng và liệu hồn! Cứ đụng vào mụ vợ một tí là ta bị họ biến thành đồ chó đẻ và bị họ túm đuôi ném vào thùng xác chó cho mà xem!

Chúng tôi bàn tán với nhau chuyện này chuyện nọ rồi cậu ta đề nghị với tôi:

- Bác Phiôđốt ạ, bác chở giúp mụ ta lên làm huyện cái. Mụ ta có giấy giới thiệu lên trên đấy giữ chức vụ gì của phụ nữ ấy, đại khái là ban chấp hành phụ nữ gì đó, có thể tả nhà ai biết được. Bác nể tôi, chở giúp cái.

Tôi bèn giở lý chặn họng cậu ta:

- Xtiôska ạ, cậu thì được nể, chứ tớ thì chỉ chuốc lấy mớ bực mình thôi. Đang thời vụ thế này lấy ngựa đi không ổn đâu.

- Muốn thế nào thì thế, bác cứ chở đi cho tôi! - Cậu ta bảo.

Rồi cái cô Naxtia ấy đến nhà tôi. Để khỏi lợm giọng khi phải nhìn thấy cái đầu cắt tóc ngắn của cô ta, tôi liền tránh mặt, đi ra đồng cỏ tìm con ngựa cái. Về con ngựa cái của tôi thì, nhân danh một người txigan chân thực, xin báo cáo với đồng chí là: khi nó chạy thì đất phải rung chuyển lên, nhưng hễ đã ngã xuống thì nằm liệt ba ngày liền, tóm lại cứ gọi là phải dựng nó dậy mà thay ngựa khác cho rồi. Đã có đến mấy lần tôi cầm rìu định phăng teo nó, nhưng tiếc một nỗi là... nó đang có chửa...

Trong khi tôi đang tóm lấy con ngựa cái và thuyết phục nó, bảo nó, đừng có đá hậu, đồ ngốc ạ, mày không phải chở ai khác đâu, mà chở một nhà chức trách phụ nữ đấy thì cái cô Naxtia ấy đã cục tc cục tác với nhà tôi.

- Có bị chồng đánh không? - Cô ta hỏi.

Còn vợ tôi thì dại như vích, trả lời:

- Có đấy!

Cho nên tôi vừa dắt con ngựa cái về tới nhà, cái nhà cô Naxtia ấy hỏi luôn:

- Chứ làm sao lại đánh vợ?...

- Để cho nó có trật tự. Không đánh thì hỏng mất. Đàn bà như con ngựa, không đánh không cưỡi được.

- Không những vợ, mà ngựa cũng không được đánh! - Cô ta lên lớp tôi như vậy.

Nói dăm ba câu chuyện rồi chúng tôi lên đường. Có điều là tôi láu cá, không đem theo roi ngựa. Chúng tôi thủng thẳng đi bước một, đi bước một y như phải chở nồi đất ấy.

- Cho ngựa đi nhanh lên chứ! - Cô Naxtia bảo.

- Ngựa cũng không được đánh thì bảo làm sao tôi đi nhanh được?

Cô ta nín lặng, môi bậm lại. Cô ngồi, không nhúc nhích, còn tôi, tôi chỉ cốt có thế, ra sau xe nằm ngủ gà ngủ vịt. Ngựa cái ơi, mày chớ ngốc, đứng lại đi thôi. Vậy tóm lại là cô Naxtia thế nào nhỉ, ông đồng chí liệu có tin lời tôi nói không?... Cô ta đành phải cầm một nắm cỏ khô trong tay, tiến lên phía trước con ngựa cái mà khua khua vào mõm nó. Đường lên huyện dài tới mười tám *vecxta*. Gần sáng chúng tôi mới tới nơi. Cô Naxtia khóc, cô ấy gán cho tôi cái tên là đồ xỏ lá, nhưng tôi bảo cô ấy:

- Dù cô có gọi tôi là cái nồi dất chăng nữa thì cũng chẳng đặt tôi vào bếp được!

Lúc quay về thì tôi nổi cáu. Tôi bẻ một cành liễu gai chỉ nhỏ hơn cột dây thép một chút, quật cho con ngựa cái của tôi một trận đến cả lông đuôi cũng sạch hết bụi.

- Muốn bình đẳng bình quyền hả? Này thì bình đẳng này? Này thì bình quyền này?

Đánh xe vào đến sân, tôi quát vợ:

- Tháo xe ra, đồ tồi!

- Không phải ông chủ dâu nhé! - Rồi mụ ta giơ bàn tay bé nhỏ lên, phẩy một cái ở ngay ngưỡng cửa.

Thế là tôi túm ngay lấy tóc mụ ấy. Vậy hả! Tục tằn thế đấy hả! Trước kia khi mụ ta còn sống nơm nớp thì quả thật là chớp mắt cũng không dám, thế mà bây giờ chưa lôi thôi gì mụ dã túm lấy râu tôi và phun ra đủ các loại danh từ nước ngoài... Lại trước mặt cả con cái trong nhà nữa.

Mà nên nhớ là tôi có con gái sắp gả chồng rồi cơ đấy. Mụ ta là loại đàn bà có sức khoẻ, có thể cào rách mặt rách mũi tôi ra chứ chả chơi đâu! Rốt cuộc mụ ta đã chần cho tôi một trận tuốt xác, và tôi thì phải chui ra khỏi xác chẳng khác nào con rắn lột. Nhưng tất cả cũng chỉ là tại cái mụ Naxtia yêu tinh tóc ngắn ấy thôi!

Kể từ ngày ấy, giữa hai chúng tôi đã diễn ra một cuộc nội chiến. Ngày nào cũng thế, tôi phải đánh nhau với con mụ ngu đần của tôi cho tới lúc mặt trời lặn, công việc đành bỏ đấy. Chúng tôi đánh nhau cho tới khi phải kêu ầm làng nước lên, rồi đến chủ nhật thì mụ ta cuốn gói, xách con cái, đem theo vài đồ thổi nấu, dọn lên ở trong buồng ngựa của địa chủ.

Trong xóm chúng tôi có một tên địa chủ sống từ đời tám hoánh nào ấy. Phe dỏ lên, lão ta hoảng bèn chuồn xuống vùng ấm. Những người có chữ nghĩa trong xóm thì giải thích rằng: giống sáo đá với giống địa chủ thì sống gần biển dễ chịu hơn... Nhà lão ta ở, chúng tôi đốt ráo, chỉ còn lại mấy cái chuồng ngựa. Gọi là chuồng ngựa, nhưng lợp ngói, có cả sàn. Mụ vợ tôi mang con cái đồ lề đến đóng đô ở chính chỗ đó. Thế là chỉ còn trơ có mình tôi như một con cò ở bờ sông. Sáng ra, tôi sắp đặt mọi thứ để vắt sữa bò, nhưng cái con bò cái trời đánh ấy nó cũng chẳng thèm nhìn tôi. Dỗ dành đủ kiểu cũng không ăn thua, nó chẳng chịu nhận tôi là người bà con với nó! Tôi đành tìm cách trói chân nó lại, buộc vào bờ rào, bảo nó:

- Con quỷ cái tai to này, liệu hồn đấy, kẻo ông mà điên tiết lên thì ông có thể xử tử cả mày nữa!

Tôi đặt một cái xô dưới bụng nó và chỉ lúc bấy giờ nó mới cho tôi đụng một ngón tay vào vú nó. Nhưng nó lại quất mạnh cái đuôi và khấu đuôi của nó như một cái chổi con gớm ghiếc, đập vào cả mắt tôi. Ối đức Chúa nhân từ ơi! Tôi muốn đọc lên bài kinh cầu nguyện, còn cái chuyện nó lấy đuôi quất tôi, và tôi cũng là kẻ có tội chửi tục nó, thì tôi xin làm một cái lễ cầu nguyện cho cả ông bà ông vải tôi vào ngày thứ bảy, coi như ngày giỗ chạp thực thụ!

Tôi nheo mắt lại, kéo sụp cái mũ xuống tận mắt rồi lại nắm lấy những đầu vú của nó mà kéo đi kéo lại. Sữa không chảy vào xô cho, mà lại tưới ra ngoài, còn nó, cái con bò cái ấy mà, thì nó lại lấy đuôi quất vào cả hai bên má tôi... Tối tăm mày mặt, nhắm mắt nhắm mũi toan bỏ cả xô đấy mà chạy, thì cái con chết tiệt lại co chân đá hậu một cái làm mấy giọt sữa lơ thơ cuối cùng cũng đổ nốt. Tôi nguyền rủa con bò cái đem chiếc xe rỗng buộc vào sừng nó rồi nấu nướng.

Quả thế đấy, từ hôm đó cuộc sống trong xóm chúng tôi cứ y như cái người có thói đồng bóng vậy. Khoảng năm ngày sau, đến lượt ông hàng xóm Anixim cũng định dạy cho vợ một trận để mỗi khi có những cuộc vui chơi trong làng cô ta đừng có để mắt tới bọn thanh niên nữa. Ông ta bảo:

- Đunhia, chờ đấy! Để tôi ra xe tháo ngay cái đai da về đùa với cô một hồi!

Nghe vậy, cô ta chạy cong đuôi, theo mụ vợ ngu đần của tôi vào ở trong chuồng ngựa. Qua vài ngày, tôi lại nghe nói vợ cậu Xteska chủ tịch, cùng với cô em gái cũng

bỏ nhà vào chuồng ngựa ở, rồi sau lại thêm hai mụ đàn bà nữa. Vậy là cả thảy có tám mạng, sống thành bầy với nhau, và thế cũng quá đủ để chúng tôi chết ráo với công việc tề gia nội trợ rồi, hoặc làm mà không ăn, hoặc ăn mà không làm, hoặc nữa là nhét luôn cả hai chân vào thòng lọng.

Thế rồi một buổi chiều, chúng tôi tụ tập hợp nhau trên bờ đất cạnh tường nhà, ai nấy đang rầu gan rối ruột, thì tôi bảo:

- Anh em ơi, chúng ta chịu đựng mãi cảnh trêu ngươi này đến bao giờ? Con rận to thì đã có móng tay cứng, chúng ta hãy tiến lên, đánh bật họ ra khỏi chuồng ngựa, lôi tuốt tuồn tuột họ về nhà!

Họp bàn xong, chúng tôi xuất phát. Chúng tôi định cử Xteska làm chỉ huy trong cuộc này, nhưng cậu ta xin kiếu, lấy cớ là mình hay gắt gỏng, và gắt gỏng thường chỉ chuốc lấy gắt gỏng thôi. Cậu ta bảo:

- Tôi trẻ người non dạ và rất hay gắt gỏng, do đó không phù hợp, còn bác Phiôđốt, đã từng đổ máu vì chính quyền Xô-viết trong đội vận tải hạng ba, bộ dạng lại giống Kôntsắc, bác thích hợp hơn.

Tiến gần tới dãy chuồng ngựa, tôi bảo:

- Bây giờ thoạt đầu chúng ta chưa nên gây sự đánh nhau ỏm tỏi làm gì. Để tôi đến gần họ như cách đặc phái viên, bảo họ tự động trở về nhà. Tôi sẽ tuyên bố là: đại xá cho các người đấy!

Tôi bèn bò qua vườn rau, tiến vào. Toán quân của tôi nằm hút thuốc lá cạnh mương nước để làm đội hậu bị.

Tôi vừa mới mở cửa đã thấy mụ vợ nhà Xteska giơ ngay chiếc gậy sắt làm gốm lên:

- Mày đến đây làm gì, cái lão uống máu người không tanh này!

Tôi chưa kịp mở miệng thì cả lũ đàn bà túm chặt lấy tôi mà lôi, quả tình là kéo tôi xềnh xệch khắp trong chuồng ngựa. Họ xúm lại hăm doạ, gào rống, mà mụ vợ tôi gào rống to hơn ai hết:

- Đến đây làm gì, đồ chó đẻ!

Tôi hoà nhã nói với họ:

- Thôi đừng bậy bạ nữa, các mụ ơi! Đại xá...

Tôi vừa mới nói câu đó, mụ vợ nhà Aniximốp đã giơ hai nắm đấm, chồm lên:

- Hàng thế kỷ nay chúng mày đã đày đoạ chúng tao như súc vật, đánh chửi chúng tao, bây giờ lại còn giở giói chữ nghĩa gì ra thế hả? ... Này, đây, cắn thử một thứ tiếng này! Có mày là đại xá thì có, còn chúng tao đây là những người đàn bà lương thiện! - Mụ ta giơ cái của quý của mụ vào mặt tôi, rồi quay ngoắt lên nói với cái lũ đàn bà: - Chị em ơi, lão này nói láo thì chúng ta trị lão thế nào?

Tôi thấy tâm can tôi thắt lại, tì phế cũng rụng rời. Tôi nghĩ, khéo bọn đàn bà đểu giả này nó làm thịt mình mất...

Cho đến bây giờ, mỗi khi nhớ lại là tôi vẫn lộn hết ruột gan lên... Không có gì đáng giận cả ư?... Họ trắng trợn bắt tôi nằm duỗi dài trên nền đất, mụ Đunka vợ nhà Aniximốp ghé đít ngồi lên đầu tôi mà rằng:

- Đừng có lo, lão Phiôđốt ạ, bọn này sẽ xử trí lão bằng phương tiện gia đình thôi, để lão nhớ rằng bọn này không

phải là bọn đại xá dầu đường xó chợ đâu, bọn này là gái có chồng hẳn hoi đấy!

Có điều phương tiện gia đình nào có cái gì ngoài cây tầm ma? Mà lại là một cây tầm ma dại, từ hạt rơi hạt vãi mà mọc lên một cách quái gở, cao chỉ khoảng một ác sin... Suốt một tuần lễ, tôi không sao ngồi được cho ra người, phải ngồi bằng bụng vậy... Chuyện cửa nhà phó cho họ tất.

Ngày hôm sau, lũ chúng tôi phải họp hội nghị, lập biên bản cam đoan từ nay trở đi không đánh đàn bà nữa và phải làm cho ban chấp hành phụ nữ của họ một dêxiatina đất để trồng hướng dương... Mấy mụ đàn bà ấy về nhà ráo, kể cả vợ tôi, còn tôi từ đó đến nay sống khuôn khổ. Tỉ dụ, có lần thấy mấy con bê vào gặm bắp cải trong vườn rau, tôi bảo thằng Griska con tôi: "Ra đuổi bê đi", thế mà cái thằng khốn kiếp ấy lại đáp:

- Bố ơi, sao người ta lại chế bố là Kôntsắc, hở bố?

Đi ngoài đường, lũ trẻ con cũng chẳng tha:

- Ông Kôntsắc ơi, ông Kôntsắc! Ông đánh nhau với đàn bà thế nào?

Thế thì có tức không kia chứ? Cả đời tôi chỉ biết cày cấy mà bây giờ lại hoá thành cái thằng Kôntsắc. Con chó đực nhà Xtiôska cũng được gọi là Kôntsắc, té ra tôi cũng chỉ bằng con chó thôi ư? Khô-ô-ông, tôi chẳng chịu đâu! Vậy tôi xin hỏi ông công dân thẩm phán: nếu tôi kiện các mụ đàn bà ra toà án, ông có tìm được điều khoản nào thích hợp để xử họ cái tội gọi tôi bằng cái tên chó "Kôntsắc" và cái lối xúc phạm tôi bằng cây tầm ma không?

HÀ NGỌC *dịch*

Cánh đồng xanh thẳm

Cụ Dakha và tôi nằm ở bờ sông Đông, dưới một bụi mận gai hoang dại, trên gò đất dã trụi cỏ vì cái nóng của ánh nắng mặt trời. Một con diều hâu màu nâu bay vơ vẩn cạnh tầng mây như hình vảy cá. Dưới đám lá lốm đốm đầy cứt chim của cây mận gai ấy, chúng tôi không thấy mát mẻ gì. Do nắng gắt, tai chúng tôi cũng nóng lên ù ù. Mỗi khi nhìn xuống sông Đông, thấy làn nước rập rờn gợn sóng lăn tăn hay nhìn xuống chân gò thấy những quả dưa hấu chín nhãn cả vỏ, thì nước miếng đặc quánh lại tiết ra trong miệng, nhưng ngay cả bãi nước miếng ấy tôi cũng lười không buồn nhổ ra khỏi mồm nữa.

Trong thung, cạnh lạch nước gần khô cạn, lũ cừu ríu lại với nhau thành từng đám. Chúng mệt mỏi sệ mông xuống vẫy vẫy những khấu mỡ ở đuôi và hắt hơi đến quặn ruột lên vì bụi. Bên cạnh đê, một con cừu con khoẻ khoắn đang choãi hai chân sau ra mà bú một con cừu mẹ lông

vàng khè bẩn thỉu. Chốc chốc nó lại thúc đầu vào vú mẹ làm mẹ nó phải rên lên, uốn cong lưng cho sữa chảy ra, và lúc ấy tôi thấy dường như đôi mắt của con cừu mẹ thật là đau khổ.

Cụ Dakha ngồi xoay nghiêng người về phía tôi. Cởi chiếc áo lót bằng len đan, cụ nheo mắt lại như người bị thong manh, rồi lấy tay mày mò cái gì đó trong những nếp gấp, đường may của chiếc áo. Cụ mới ngót bảy mươi. Tấm lưng trần nhằng nhịt đầy vết nhăn, hai xương bả vai nhô lên thành những góc nhọn dưới làn da, nhưng đôi mắt của cụ vẫn biếc xanh và tươi trẻ, và dưới đôi mày xám, cái nhìn của cụ vẫn linh lợi, sắc sảo.

Bắt được con rận, cụ lóng ngóng giữ nó trong mấy ngón tay run rẩy, cứng queo, cụ nâng niu nó rồi sẽ sàng đặt nó xuống mặt đất, cách xa chỗ cụ ngồi, đưa tay làm một dấu thánh giá nhỏ trong không khí và lẩm bẩm, giọng khàn khàn:

- Bò đi, hỡi sinh vật nhỏ bé! Chắc là mày muốn sống chứ? Hả? Ờ, đúng thế đấy... Ôi chà, mày hút máu no rồi, cái con địa chủ cái này...

Cụ ì ạch mặc áo vào rồi ngửa cổ tu nước đã được nắng hun nóng lên trong một chiếc vò bằng gỗ. Cứ mỗi ngụm nước thì cục hầu ở cổ lại bật lên cao, từ cằm xuống tới cổ lại hiện ra hai nếp nhăn mềm mại, nước nhỏ giọt lăn theo những sợi râu, những tia nắng mặt trời ánh đỏ lên khi chiếu qua đôi mí mắt vàng như nghệ đã khép chặt.

Nút vò lại, cụ liếc nhìn tôi, và khi bắt gặp con mắt của tôi, cụ nhai móm mém, nhìn ra cánh đồng. Đằng sau

thung, hơi nóng bốc lên thành một làn khói mỏng, trên mặt đất nóng bỏng, gió đưa lại thơm nồng mùi mật của cây xa bi ô[1]. Im lặng một lát, cụ gạt chiếc gậy chăn cừu sang một bên, đưa ngón tay ám khói thuốc lá trỏ về phía bên cạnh tôi.

- Cháu có thấy những chòm dương đằng sau con mương kia không? Đó là Xóm Cây dương, trang trại của các địa chủ họ nhà Tômilin đấy. Ngay cạnh đó có xóm Cây dương của nông dân, xưa kia toàn là nông nô cả. Ông bố của lão đã từng đánh xe cho địa chủ cho tới khi chết. Lão lúc bấy giờ còn là một thằng nhóc. Ông bố lão có kể cho nghe là địa chủ Epgráp Tômilin đã đổi cho một tên địa chủ khác ở làng bên một con sếu vườn để đem ông bố lão về nuôi. Sau khi ông bố lão chết thì lão lại thay chân ông bố làm xà ích đánh xe. Địa chủ Tômilin lúc ấy cũng khoảng sáu mươi. Lão ta người to béo, đỏ đắn. Hồi trẻ lão ta được sung vào đội quân cận vệ của Sa Hoàng, mãn hạn thì về di dưỡng tuổi già ở vùng sông Đông này. Tuy ruộng đất của gia đình họ ở vùng sông Đông đây bị dân Kadắc lấy mất, nhưng lão Tômilin lại được Ngân khố cắt cho ba ngàn đêxiatin ở tỉnh Xaratốp. Số ruộng đất ấy lão ta phát canh cho nông dân Xaratốp để thu tô, còn bản thân thì sống ở Xóm Cây dương.

Lão ta thật là một con người kỳ quặc. Bao giờ lão cũng mặc một chiếc áo dài kiểu cổ may bằng dạ mỏng, đeo một con dao găm bên mình. Có lần lão ta ngồi xe ngựa để

---

[1] *Một thứ cây nhỏ, có lá thơm, thường dùng làm đồ gia vị.*

đi thăm viếng, xe vừa ra khỏi xóm Cây dương, lão đã ra lệnh:

- Ra roi đi, đồ mạt hạng!

Lão liền vung roi quất mấy con ngựa. Ngựa phi nhanh đến nỗi gió cũng không kịp làm khô những giọt nước mắt nữa. Đến nửa đường gặp một quãng trũng, nước lũ do băng tan xẻ ngang con đường thành một hố sâu, hai bánh xe trước không nghe thấy gì, nhưng hai bánh sau chỉ nghe một tiếng "rắc"! Đi lò dò được nửa *vécxta* nữa thì lão địa chủ hét: "Quay lại!" Lão liền quay xe trở về và cho xe lao vút ngay vào chỗ trũng lúc nãy... Nhưng một, hai, rồi tới ba lần, chúng tôi vẫn không sao ra khỏi được cái hố đáng nguyền rủa ấy, trừ phi để cho trục xe bị gẫy hoặc phải tháo rời các bánh ra khỏi xe. Lúc bấy giờ lão địa chủ mới kêu quang quác lên, đứng dậy mà đi bộ, còn lão thì dắt ngựa theo sau. Lão ta còn hay chơi cái kiểu này nữa: vừa phóng xe ra khỏi trang trại, lão ta ngồi vào ghế đánh xe với lão, giật lấy roi của lão mà hét: "Cho con ngựa giữa lồng lên..." Lão liền thả cương cho con ngựa giữa mặc sức lồng lộn. Gióng ngựa hình cánh cung vẫn không động đậy, còn lão ta thì lấy roi quất thật lực vào con ngựa bên lề. Xe là xe ba ngựa, hai con ngựa bên lề cũng đều là ngựa sông Đông thuần giống, cổ ngoẹo về một bên mềm như con rắn, cúi xuống gặm cả đất được.

Thế là lão ta lấy roi quất đen đét vào một con ngựa bên lề, làm cho con vật đáng thương ấy sùi cả bọt mép ra... Rồi lão ta rút dao găm, cúi xuống cắt dây da gióng ngựa đứt phịch một cái như lưỡi dao cạo xén tóc vậy! Chỉ độ hai

xa gien là con ngựa lộn cổ đi, ngã huỵch xuống đất, máu mũi tuôn ra ồng ộc, - thế là xong... Lão ta lại làm cho con ngựa lề bên kia cũng như vậy... Tới lúc bấy giờ, con ngựa giữa vẫn phóng toát hết mồ hôi, chỉ thiếu nước gục xuống, thế mà lão địa chủ mới chỉ vui vui lên chút ít, hai má lão ta đỏ ửng.

Suốt đời lão ta chẳng đi đến nơi về đến chốn bao giờ: lúc thì làm gẫy xe, lúc thì làm chết ngựa, rồi sau đó đi bộ đến vã mồ hôi... Kể ra lão địa chủ ấy cũng vui tính... Chuyện cũng là chuyện xưa thôi, có gì thì đã có Chúa phán xét... Lão ta cứ bám riết lấy bà nhà tôi, lúc đó bà ấy cũng là kẻ hầu người hạ trong nhà. Có lần tự dưng thấy bà ấy chạy xuống buồng đầy tớ ở dưới nhà, miệng gào thét, áo sơ mi thì rách bươm. Lão nhìn kỹ té ra ngực bà ấy bị cấu xé nát nhừ, dóc ra từng mảng da một... Một lần khác, không hiểu tại sao đang đêm lão địa chủ lại bảo lão đi tìm thợ đóng móng ngựa. Lão thấy rõ là chả cần thiết, và cũng đoán ra được là chuyện gì, bèn cứ phóng ra cánh đồng chờ đến đêm khuya thì quay về. Lão dong xe vào trang trại theo lối nhà chứa lúa, bỏ ngựa trong vườn, cầm roi đi thẳng tới chỗ ở của đầy tớ, vào ngay căn buồng nhỏ của mình. Lão xô cửa đánh rầm, cố ý không châm đèn và nghe thấy trên giường có tiếng lục xục... Mãi lúc đó lão địa chủ mới lóp ngóp bò dậy, lão bèn lấy roi quất liền, mà roi của lão thì ở đầu có gắn cục chì... Lão nghe thấy lão địa chủ bò ra phía cửa sổ, nhân bóng tối, lão liền quất cho một roi nữa vào trán lão ta. Lão ta leo qua cửa sổ, lão quất nhẹ bà vợ vài cái rồi đi ngủ. Khoảng năm ngày sau, lão lại đánh

xe cho lão địa chủ xuống xã. Lão đang mải cột vào xe tấm da lông đắp chân thì lão ta vớ lấy chiếc roi, nhìn ngắm mãi đầu mút roi. Lão ta xoay, xoay mãi chiếc roi trong tay, sờ vào cái đầu chì rồi hỏi:

- Này, thằng chó kia, mày gắn chì vào đầu roi làm gì?

- Chính cụ ông ra lệnh cho làm như vậy đấy ạ! - Lão trả lời.

Lão ta nín lặng, và suốt dọc đường tới chỗ trũng thứ nhất, lão ta chỉ ngồi huýt gió qua kẽ răng. Còn lão, có lúc lão quay lại liếc mắt nhìn, thấy lão ta xoã tóc phía trước và kéo sụp chiếc mũ lưỡi trai xuống.

Chừng hai năm sau, lão ta bị tê liệt toàn thân. Họ chở lão ta đến Utxchơ Métvêditxa, mời cả lô đốc tờ đến, vậy mà lão cứ nằm ngay đơ trên sàn, người thâm xì lại. Lão ta rút trong túi ra hàng tập bạc Êkatêrina[1] quăng ra sàn, luôn mồm rên rỉ, giọng khản đặc: "Chữa cho tao đi, lũ khốn nạn! Tao cho hết!"

Trời đất ơi! Lão ta chết, đầy tiền bạc trong tay. Còn lại thằng con là sĩ quan thừa kế gia tài. Hồi nó còn nhỏ, lão đã nhiều lần thấy nó lột da cả một lũ chó con, cứ bắt từng con một, bóc da rồi thả đi. Giống y hệt thằng bố. Nhưng khi lớn lên thì nó thôi không nghịch bậy nữa. Người nó cao, gầy nhằng, chung quanh mắt từ bé đã có những quầng đen như mắt đàn bà... Nó đeo kính gọng vàng trên sống mũi, thứ kính buộc dây ấy. Hồi chiến tranh với Đức, nó cai quản trại tù binh ở Xibia, sau khi

---

[1] *Loại tiền giấy hồi xưa, mỗi tờ là 100 rúp, mang hình Nữ hoàng Nga Êkatêrina II.*

đảo chính thì thấy nó về vùng này. Lúc bấy giờ thằng con trai của lão chết đi, để lại hai thằng cháu trai đã lớn, thằng cả là Xêmiôn, lão đã cưới vợ cho nó, còn thằng hai là Anikây thì mới lớn lên. Lão sống với hai thằng cháu ấy, tính từng năm từng tháng quãng đời gần kề miệng lỗ. Đến mùa xuân lại có đảo chính trở lại. Cánh nông dân chúng tôi đuổi thằng địa chủ trẻ ra khỏi trang trại, và ngay ngày hôm đó, trong nông hội, thằng Xêmiôn liền thuyết phục nông dân chia nhau ruộng đất của địa chủ, lấy của cải của nó mang về nhà. Thế là mọi người làm theo: bao nhiêu của nả khuân hết, còn đất thì chia mỗi nhà một khoảnh, bắt đầu cày cấy ngay. Một tuần sau, mà có lẽ chưa được một tuần, có tin đồn là thằng địa chủ đang mang quân Kadắc về làm cỏ làng. Hội nghị nông dân chúng tôi liền cho hai xe ngựa tải lên ga để nhận khí giới. Trong một tuần lễ say sưa chuẩn bị, chúng tôi đã nhận được vũ khí của Đội cận vệ đỏ, chở về, rồi đào hầm hào ở ngoài xóm Cây dương. Hầm hào kéo dài mãi tới tận khu ao nhà địa chủ.

Cháu có thấy không, kia kìa, chỗ cây xabiô mọc thành nhiều tán tròn ấy, dân xóm Cây dương bố phòng trong các hầm hào ở đằng sau cái khe hẻm ấy đó. Hai thằng cháu của lão là Xêmiôn với Anikây cũng ra cả đấy. Từ sáng sớm, đàn bà con gái tiếp tế đồ ăn thức uống cho họ, tới khi mặt trời ngang cây sồi thì thấy đội kỵ binh của chúng đã xuất hiện trên gò đất. Chúng dàn hàng ra kéo đến như nước lũ, gươm tuốt xanh lè. Từ khu nhà chứa lúa nhìn ra, lão thấy thằng cưỡi ngựa trắng đi đầu, vung kiếm lên, thế là cả bọn kỵ mã ào ào phóng từ trên gò xuống. Nhìn nước phi, lão đoán ra ngay con ngựa bạch chạy rất

hay của thằng địa chủ và qua ngựa, lão nhận ra kẻ cưỡi ngựa... Hai lần dân làng đánh bật chúng ra, nhưng lần thứ ba thì bọn lính Kadắc đi vòng quanh, dùng mẹo đánh úp sau lưng tràn vào được, và hai bên bắt đầu sát phạt nhau... Tới lúc sáng bạch thì cuộc chiến đấu cũng kết thúc. Lão từ trong nhà bước ra đường thì thấy bọn kỵ mã đang dồn một đám dân làng vào trang trại. Lão liền vớ lấy chiếc gậy, đi theo.

Trong sân, những người nông dân xóm Cây dương bị dồn thành một đống chẳng khác gì cái lũ cừu kia kìa. Bốn chung quanh toàn là lính Kadắc... Lão bèn lại gần, hỏi:

- Những người anh em ơi! Cho lão biết các cháu lão ở đâu?

Lão liền nghe cả hai đứa cùng cất tiếng thưa lên từ giữa đám đông. Vừa nói với nhau được dăm ba câu thì lão thấy thằng địa chủ bước ra thềm nhà. Thấy lão, nó hét nhặng lên ngay:

- Lão Dakha đấy hả?

- Bẩm ngài, phải đấy ạ!

- Lão đến có việc gì?

Lão bèn tiến đến bên thềm, quỳ xuống.

- Lão đến để cứu mấy thằng cháu. Xin ngài rủ lòng thương cho! Có trời đất chứng giám, lão đã suốt đời phục dịch cho cụ ông nhà ta, vậy xin ngài nhớ lại cho lòng tận tuỵ của lão, thương lão tuổi già!

Hắn bèn nói:

Thế này nhé, lão Dakha! Ta rất quý trọng công lao của lão đối với phụ thân ta, nhưng cháu của lão thì ta

không thể tha thứ được. Chúng là bọn phiến loạn chủ chốt. Vậy lão hãy cam chịu.

Lão liền ôm lấy đôi chân khẳng khiu của nó, bò lết trên thềm.

- Ngài tha tội cho! Cậu cả của tôi ơi, cậu nhớ lại cho lão Dakha đã từng hầu hạ cậu như thế nào! Cậu đừng giết chúng nó! Thằng Xêmiôn của lão còn đang có con ẵm ngửa.

Nó châm một điếu thuốc lá thơm bé tí xíu, phà khói lên trời rồi nói:

- Vậy lão đi bảo lũ chết tiệt ấy lên buồng gặp ta. Nếu chúng nó xin lỗi, thì được vì vong linh của phụ thân ta, ta sẽ chỉ cho chúng một trận roi rồi sung chúng vào đội quân của ta. Bằng sự tận tuy, may ra chúng có thể chuộc được những lỗi lầm tầy trời của chúng.

Lão liền phóng ngay ra sân, kể lại cho hai cháu nghe, rồi kéo tay áo chúng:

- Đi đi thôi, đồ ngu dại, nó mà không tha thì đừng có hòng mà cất mình khỏi mặt đất!

Thằng Xêmiôn cũng chẳng buồn ngẩng đầu. Nó cứ ngồi giữa nắng, lấy một chiếc que gẩy gẩy mặt đất. Thằng Anikây thì chầm chầm nhìn lão rồi bộp chộp nói:

- Ông đi đi. ông bảo ngài địa chủ của ông là suốt đời lão Dakha đã quỳ gối rồi, con lão ta cũng quỳ gối rồi, nhưng đến các cháu lão ta thì họ không chịu quỳ gối nữa đâu. Ông cứ bảo nó như vậy!

- Thế mày không đi hả, thằng chó đẻ?

- Không đi!

- Cái đồ bỏ đi nhà mày sống hay chết thì cũng thế thôi, nhưng còn thằng Xêmiôn thì mày kéo nó đi đâu? Còn vợ con nó đấy thì vất cho ai?

Lão thấy tay thằng Xêmiôn run lên, nhưng nó vẫn lấy que bới đất như muốn tìm cái gì trong đó, còn bản thân nó thì câm lặng. Câm như hến vậy.

- Ông ơi, ông đi đi, đừng làm mềm lòng chúng cháu nữa. - thằng Anikây yêu cầu lão như vậy.

- Tao không đi, câm cái mõm thối của mày đi! Có thế nào thì con Anixika vợ thằng Xêmiôn nó tự vẫn đấy chứ chả chơi đâu!

Lúc bấy giờ cái que trong tay thằng Xêmiôn kêu đánh rắc và gãy đôi ra.

Lão đợi. Chúng nó vẫn nín lặng.

- Cháu Xêmiôn, cháu nghĩ lại đi, cháu còn phải nuôi ông đấy! Lên gặp ngài địa chủ đi.

Chúng cháu nghĩ lại rồi! Chúng cháu không đi đâu! Ông có lên mà quỳ gối thì lên! - Thằng Anikây nói với vẻ hung tợn.

Lão bèn phải bảo:

- Mày trách tao quỳ gối trước mặt địa chủ hả: Có thế thôi, tao già nua tuổi tác rồi, tao không được bú vú mẹ, chỉ được bú cái dầu roi của địa chủ thôi... Bây giờ tao cũng chẳng ngại gì quỳ gối trước mặt các cháu của tao nữa.

Lão quỳ xuống, phủ phục sát đất mà cầu xin chúng. Những người nông dân quay mặt đi, làm ra vẻ không trông thấy.

- Ông cút đi... Cút đi, không thì tôi giết bây giờ! - Thằng Anikây gào lên, bản thân nó cũng sùi bọt mép, mắt trợn ngược như mắt con chó sói bị tóm trong thòng lọng.

Lão đành quay lên gặp thằng địa chủ. Lão ôm đôi chân khẳng khiu của nó vào tận ngực, nó cũng không buồn đá lão ra. Hai tay lão đã cứng queo lại, mồm lão cũng không sao nói nên lời nữa. Nó hỏi:

- Thế những thằng cháu lão đâu?

- Thưa ngài, chúng nó sợ...

- Ờ, sợ hả? ... và nó không nói gì thêm nữa: Nó lấy ủng da đá thốc vào mồm lão rồi bước ra thềm.

Cụ Dakha thở dốc từng hồi; gương mặt cụ nhăn nheo lại và trắng bệch ra trong phút chốc; bằng một cố gắng ghê gớm, cụ nén tiếng nức nở ngắn ngủi của người già, lấy lòng bàn tay quệt đôi môi khô khốc rồi quay mặt đi. Bên cạnh, sau lùm cây, con diều hâu xoè rộng đôi cánh, nghiêng mình chao xuống bãi cỏ rồi quắp lên khỏi mặt đất một con chim ức trắng. Lông chim rơi lả tả như những chùm tuyết, màu trắng óng ánh của lông chim trên mặt cỏ sao nổi bật và gai mắt một cách khó chịu đến thế. Cụ Dakha hỉ mũi, chùi ngón tay vào tà áo lót bằng len dan rồi lại kể tiếp:

- Lão cũng bước thêm ra ngoài thềm, vừa nhìn thì đã thấy con Anixia vợ thằng Xêmiôn ôm con chạy tới. Chẳng kém gì con diều hâu kia, nó sà ngay vào lòng chồng, rồi ngất lịm đi trong tay chồng nó...

Thằng địa chủ gọi một tên hạ sĩ quan kỵ binh tới, trỏ vào Xêmiôn và Anikây. Tên hạ sĩ quan này cùng với sáu

tên tính Kadắc đến tóm lấy hai đứa, điệu vào khu vườn cây cạnh nhà địa chủ. Lão cũng đi theo, còn con Anixia thì vứt con ngay giữa sân mà bám theo thằng địa chủ. Thằng Xêmiôn bước nhanh thoăn thoắt đằng trước tất cả mọi người, nhưng đến chỗ chuồng ngựa thì nó ngồi thụp xuống.

- Thằng này làm sao? - Thằng địa chủ hỏi.

- Ủng chật bó chân đau quá, không chịu nổi, - và nó tủm tỉm cười.

Rồi nó tháo đôi ủng ra, đưa cho lão:

- Ông ơi, ông cầm về mà dùng cho khoẻ. Ủng này khâu hai lần chỉ, tốt lắm đấy.

Tôi cầm lấy đôi ủng, rồi lại đi tiếp. Tới ngang bờ rào thì họ bắt chúng đứng sát vào hàng rào, rồi bọn lính Kadắc nạp đạn vào súng. Thằng địa chủ đứng gần đấy, lấy một chiếc kéo nhỏ tí xíu ra cắt móng tay, tay nó rất bé mà trắng muốt. Lão bèn nói với nó:

- Thưa ngài, ngài cho phép các cháu cởi quần áo. Quần áo chúng nó mặc còn đang tốt, chúng tôi nghèo còn cần dùng đến, còn mặc được.

- Cho chúng cởi quần áo.

Thằng Anikây bèn cởi chiếc quần rộng ống ra, lộn trái rồi vắt lên một chiếc cọc con ở bờ rào. Nó rút túi đựng thuốc lá rời ở trong túi quần ra, cuốn thuốc hút, đứng ghếch chân, phà ra những cuộn khói tròn tròn, lại còn nhổ phẹt qua bờ rào... Thằng Xêmiôn cũng cởi trần trùng trục, cả cái quần lót trong bằng vải gai cũng cởi, nhưng còn cái mũ trên đầu thì lại quên, - chắc là nhằm để báo thù lại

bọn kia đấy thôi... Người lão bấy giờ lúc thì sốt nóng, lúc lại sốt rét. Lấy tay rờ lên đầu mình thì thấy không biết tại sao mồ hôi toát ra lạnh như nước suối vậy... Đưa mắt nhìn thì thấy chúng nó vẫn đứng ngay như ở cạnh mình. Ngực thằng Xêmiôn mọc đầy lông rậm rì, nó trần như nhộng, đầu lại đội mũ... Là đàn bà con gái, con Anixia thấy chồng mình trần trùng trục lại đội mũ đứng trơ ra đấy thì xô lại, quấn quít lấy chồng như cây hoa bia quấn lấy cây sồi vậy. Thằng Xêmiôn bèn đẩy vợ mình ra.

- Thôi, đi đi, cô này điên à! - ... Cô không nhớ là thiên hạ nhìn vào à! Ở đâu mà nhảy bổ ra đây, cô không thấy tôi trần như nhộng thế này... không biết xấu hổ...

Con bé đầu tóc xổ tung, gào tướng lên:

- Các ông bắn cả hai chúng tôi đi!

Thằng địa chủ bỏ chiếc kéo vào túi áo nhỏ, hỏi:

- Bắn hả?

- Mày bắn đi, đồ trời đánh!

Ấy là nó nói thằng địa chủ đấy!

- Trói nó lại cùng với chồng nó! - Thằng địa chủ ra lệnh.

Con Anixia sực tỉnh, định lùi lại thì không kịp nữa rồi. Bọn lính Kadắc cười, rồi lấy dây cương ngựa trói liền nó vào với thằng Xêmiôn... Cái con nỡm ấy lại lăn đùng ra, làm ngã cả chồng... Thằng địa chủ tiến lại, răng xiết chặt, hỏi:

- Có vì đứa con còn lại mà xin lỗi tao không?

- Tôi xin lỗi, - thằng Xêmiôn rên rỉ.

- A, thế thì mày sẽ chỉ đi xin lỗi Chúa thôi... xin lỗi tao thì đã muộn rồi!

Bọn chúng liền bắn chết cả hai đứa đang nằm trên mặt đất... Còn thằng Anikây thì sau mấy phát súng, người nó có chao đảo đi, nhưng chưa ngã ngay. Thoạt đầu nó khuỵu xuống, nhưng sau nó quay ngoắt lại và nằm vật ngửa mặt lên. Thằng địa chủ tiến lại, hỏi bằng giọng mơn trớn:

- Muốn sống không? Nếu muốn sống thì xin lỗi đi. Nếu xin lỗi thì nhất định chỉ ăn năm mươi roi, rồi ra trận.

Thằng Anikây thu nước bọt lại đầy miệng, nhưng không đủ sức để nhổ tới nơi, nước bọt chảy xuống cằm... Mặt nó trắng bệch ra vì điên giận, nhưng còn ăn thua gì nữa... ba viên đạn đã xuyên thủng người nó rồi.

- Lôi nó ra đường cái! - Thằng địa chủ ra lệnh.

Bọn lính Kadắc lôi thằng Anikây, quăng nó qua hàng rào, ra giữa đường cái. Vừa lúc bấy giờ, có một đội bạch quân Kadắc kéo theo hai khẩu pháo, hành quân từ xóm Cây dương xuống xã. Như con gà trống, thằng địa chủ nhảy lên hàng rào, hét vang:

- Đội ngựa kéo pháo, đi nước kiệu, hướng thẳng trước mặt!

Râu tóc lão như muốn dựng đứng lên. Tay lão còn cầm bộ quần áo và đôi ủng của thằng Xêmiôn mà chân lão đứng không vững nữa, quỵ xuống... Những con ngựa được Chúa soi sáng, không con nào giẫm lên người thằng Anikây cả, chỉ bước qua... Lão ghé sát bờ rào, không sao nhắm được mắt lại, trong miệng như có lửa đốt... Những bánh xe của một cỗ pháo nghiến lên đôi chân thằng Anikây... Đôi chân nó kêu răng rắc lên như khi ta nhai

bánh bích cốt bột mì đen, và nát nhừ ra thành những sợi dây mỏng dính... Tôi tưởng là thằng Anikây sẽ chết ngay vì đau đớn ghê gớm như vậy, chí ít nó cũng phải kêu lên một tiếng, bật ra một tiếng rên... Nhưng nó vẫn nằm đấy, tay ôm chặt lấy đầu, bốc từng nắm đất trên đường cái nhét vào mồm... Miệng nó nhai đất, mắt nó nhìn trừng trừng không chớp vào thằng địa chủ, đôi mắt nó trong trẻo, sáng sủa như bầu trời kia vậy...

Nguyên trong ngày hôm ấy, thằng địa chủ Tômilin bắn chết tới ba mươi hai người. Chỉ có mỗi mình thằng Anikây sống sót với niềm kiêu hãnh riêng của nó.

Cụ Dakha lấy vò nước ra uống ừng ực hồi lâu. Chùi đôi môi đã bệch ra, cụ ngập ngừng kết thúc:

- Câu chuyện ấy đã lâu lắm rồi. Ngày nay chỉ còn lại những hầm hào mà xưa kia người nông dân chúng tôi ở đây đã dùng để giành lại ruộng đất. Bây giờ những hầm hào ấy cỏ xanh và cây dại đã mọc đầy... Còn thằng Anikây thì sau đó đã phải cưa mất hai chân, bây giờ phải đi bằng hai tay, kéo lê lết mình trên mặt đất. Bề ngoài thì nó vẫn vui vẻ, ngày nào nó cũng đọ với thằng con trai của Xêmiôn ở khung cửa xem đứa nào lớn hơn. Ấy thế mà thằng bé đã cao hơn nó rồi đấy... Mùa đông đến, nó cũng thường lết ra ngoài ngõ, thấy người ta lùa súc vật ra sông uống nước thì giơ hai tay lên, ngồi bệt ở bên đường... Khi những con bò đực sợ hãi chạy lên mặt băng trơn tượt và suýt húc nhau trên đó, thì nó bật cười lên... Có một lần chỉ có mình lão thấy tình hình như sau... Số là đến mùa xuân thì chiếc máy kéo của công xã ra cày ruộng ở ngoài phạm vi đất đai

những người Kadắc vùng này. Thằng Anikây cũng bám vào, đi theo. Lão chăn cừu ngay cạnh đó. Đưa mắt nhìn, thì thấy thằng Anikây của lão cũng lò mò xuống rãnh cày. Lão nghĩ, không biết nó định làm gì? Thế rồi lão thấy thằng Anikây nhìn quanh tưởng là không có ai, bèn nằm úp sấp mặt xuống đất, dang tay ôm lấy một tảng đất mà lưỡi cày vừa lật lên, siết chặt vào lòng mình rồi vừa vuốt ve, vừa hôn tảng đất... Té ra nó đã hai mươi nhăm tuổi rồi, cả đời chưa được cày ruộng bao giờ... Cho nên nó thèm...

Cánh đồng xanh thẳm như mơ màng trong bóng hoàng hôn mờ khói biếc. Trên những chòm cây vabiô nở hoa cuối mùa, những con ong còn cố hút lấy lần mật cuối cùng trong ngày. Một cây vũ mâu trắng toát và hào nhoáng đang kiêu hãnh đung đưa những chùm hoa tua tủa như mao mũ trụ. Đàn cừu từ từ xuống núi tiến về xóm Cây dương. Cụ Dakha chống chiếc gậy chăn cừu, lặng lẽ bước. Trên con đường tấm bụi trải dài như một tấm vải thêu tỉ mỉ hiện rõ rệt hai loại dấu vết, một loại là vết chân chó sói, thưa thớt, tách rời nhau theo từng bước, còn một loại gồm những vệt dài, nghiêng nghiêng, nghiến xuống mặt đường, đó là vết xích máy kéo của xóm Cây dương.

Tới chỗ con đường mùa hè nhập vào đường cái quan mọc đầy mã đề mà người ta đã quên lãng từ lâu, hai loại vết đó tách khỏi nhau. Vết chân sói rẽ sang bên, về phía các thung sâu mọc nhằng nhịt những cỏ dại và mận gai xanh rờn. Trên đường cái, chỉ còn lại một loại vết khét lẹt mùi dầu tây, đều đặn và chắc nịch.

HÀ NGỌC *dịch*

Những người cố nông

Dưới chân một quả núi màu nâu vách dựng đứng, giữa những rặng liễu um tùm mọc ở hai bên bờ một dòng sông nhỏ, trong những khu vườn có hàng rào cũ kỹ, mốc meo bao quanh, người ta thấy những ngôi nhà nhỏ của xóm Đanilốpka túm tụm lại với nhau như muốn tránh những con mắt quấy rầy của khách qua đường.

Xóm chỉ có trên trăm hộ. Dọc theo con đường chính ven sông là những cơ ngơi rộng rãi, thưa thớt của các hộ nông dân giàu có. Chỉ cần phóng ngựa trên đường đó cũng đủ thấy đây là những ông chủ căn cơ, với những ngôi nhà lợp tôn và ngói có những gờ tường hình răng cưa chạm trổ cầu kỳ, với những cánh cửa sổ sơn màu xanh da trời cứ kẽo kẹt một cách tự mãn mỗi khí gió thổi, như muốn nói lên cuộc sống no đủ và không buồn phiền ở nơi đây. Trên con đường này, các cửa lớn đều ghép bằng ván chắc chắn, hàng rào đều còn mới, sân nhà nào cũng thấy sù sù những

vựa thóc, và mỗi khi có người phóng ngựa đi qua thì những con chó béo khoẻ lại kéo dây xích loảng xoảng, gầm gừ giận dữ rồi sủa vang lên.

Còn một con đường khác trong xóm thì lại dốc theo triền núi cong queo và nhỏ hẹp, hai bên mọc đầy liễu, giống như một con sông chảy dưới vòm lá xanh rờn, mỗi khi cơn gió thổi lướt mặt đường thì lại dồn theo những làn sóng bụi và làm những đám tro tàn rải cạnh các bờ rào bốc xoáy lên thành những đám mây tròn. Ở con đường thứ hai này không có nhà nào ra hồn, chỉ rặt những túp nhà bé lụp xụp. Cảnh khốn khó phơi bày rõ rệt ra từng ô cửa sổ, từng mảnh sân chỉ được rào chắn bằng dăm ba tấm giậu lơ thơ, rách nát.

Cách đây năm năm, một đám cháy đã liếm trụi mọi nhà cửa trên con đường này. Thay cho những nhà gỗ bị cháy trụi, những người nông dân đã dựng lên qua quít những lều tranh vách đất để tạm ở, nhưng cũng từ đó cảnh khốn khó lại càng bám chặt vào cuộc đời những người thất cơ lỡ vận và lại càng ăn sâu bén rễ hơn bao giờ hết...

Lửa đã thiêu sạch mọi nông cụ. Vụ xuân đầu tiên bà con cũng ra công cày cấy, nhưng vụ mùa thất bát đã bóp nát hy vọng của những người nông dân, càng đè lưng họ thêm còng xuống và làm tiêu tan theo chiều gió mọi ý nghĩ mong vớt vát chút đỉnh và mong bò ra khỏi hố tai ương. Rồi cũng từ đó, những người thất cơ lỡ vận ấy đã lênh đênh phiêu bạt khắp thiên hạ: hoặc đi xin của bố thí, hoặc cuốn gói sang vùng Kuban để kiếm ăn được dễ dàng hơn.

Nhưng dù sao, nơi chôn rau cắt rốn vẫn có sức hút mạnh mẽ, họ lại trở về Đanilốpka và rồi họ lại đến các hộ nông dân giầu có vần vò chiếc mũ.

- Thưa ông chủ, ông cho tôi vào làm... Tôi sẽ xin cố gắng để kiếm miếng ăn...

II

Buổi sáng, vừa tinh mơ đã thấy bác người làm của cha đạo Alếchxanđrơ đến nhà bác Naum Bôitxốp. Bác Naum đang thắng con ngựa mượn của hàng xóm vào xe gỗ, không nghe tiếng người bước lại gần. Đang mải nghĩ chuyện riêng gì đó, bác giật mình vì tiếng chào vừa to, vừa đột ngột:

- Chào bác Naum!

Bác Naum ngoái cổ lại, tay phải vẫn riết chiếc dây da thắng ngựa, còn tay trái rảnh thì đưa lên mũ chào:

- Chào bác. Bác đến có việc gì vậy?

Bác người làm kia vui mừng vì được thoát khỏi công việc nhà, ghé ngồi lên chiếc bừa què quặt đã để nghiêng, rồi kéo ống tay áo sơ mi xuống lòng bàn tay đưa lên lau mồ hôi trán.

- Chúng tôi có câu chuyện nói với bác - bác ta chậm rãi bắt đầu, rõ ra ý muốn kề cà nói chuyện lâu.

- Chuyện gì vậy? - Bác Naum vừa sửa lại đoạn dây cương đã bị nứt rạn, vừa hỏi lại.

- Đầu đuôi câu chuyện thế này, bác ạ. Chả là hồi đã lâu tôi có thưa với cha rằng: "Thưa cha, nếu cha muốn mổ thịt con ngựa con thì cha..."

- Thôi đừng loanh quanh nữa! - Bác Naum cắt ngang - Phải thịt con ngựa con chứ gì? Cứ nói quách như vậy kẻo tôi không có thời giờ, phải ra đồng ngay giờ đây này.

- Phải rồi đấy, thịt con ngựa con, - bác người làm chấm dứt câu chuyện một cách không hài lòng.

- Vậy bác về bảo là tôi sẽ đến bây giờ.

Bác kia miễn cưỡng đứng dậy, phủi những vỏ bào mới tinh dính vào quần, rồi nhìn xuống chân mình, thản nhiên nói:

- Cả tổng này người ta khen bác là người giỏi nghề trị ngựa... Quả có đúng thế thật, nhưng bản thân bác thì chẳng dịu dàng chút nào... Chẳng nói được câu chuyện nào dễ nghe với bác cả. Bác thô lỗ và sỗ sàng quá thể!

- Thôi, người anh em tha lỗi cho, cha sinh mẹ đẻ ra như thế rồi!

- Tôi cũng chịu bác thôi. Dĩ nhiên tôi không thoả lòng, nhưng tôi cũng tìm được người để nói chuyện.

- Phải, phải đấy. Bác tìm xem có ai nói chuyện vậy, - bác Naum cười bằng đôi mắt, nói rồi từ từ đi vào nhà. Đôi bàn chân đất rộng khổ của bác đặt những bước ngay ngắn, nặng chịch trên mặt đất.

Bác người làm nhặt từ dưới đất lên một chiếc vỏ bào mới toanh bị gió thổi từ đâu đến, cuốn tròn nó lại trong tay, thở dài rồi bước ra theo con đường làng, dáng đi ưỡn ẹo, núng nính mông dít như kiểu đàn bà. Nhìn bác ta đi,

người ta tưởng chừng như bác ta bị gió thúc sau lưng mới chịu tiến bước vậy.

Bác Naum bước vào nhà, lấy cuộn dây thừng to treo trên đinh xuống. Vừa cởi nút dây thừng, bác vừa quay mặt về phía bếp lò, mỉm cười với bác gái đang loay hoay với đống quần áo rách.

- Tôi đã nhiều lần nói với bà là bổng lộc thế nào cũng đến mà lại! Cha đạo Alếchxandrơ đang cần thịt con ngựa con, đã cho người đến tìm. Dưới nửa pút bột mịn là tôi không chịu nhận đâu!

- Có cho người đến tìm đấy ư, mình? - Bác gái mừng rỡ hỏi lại.

- Người đến tìm vừa mới về xong.

- Thế là có cái ăn rồi! Kẻo tôi cứ lo buồn mãi là dù ông có đi cày đi bừa thì cũng xôi hỏng bỏng không, chẳng xơ múi gì.

Bác Naum mỉm cười, và nụ cười khiến chòm râu nhọn hoắt màu hung phải bò sang bên cạnh làm nhe cả bộ răng sít và đen nhẻm ra. Nụ cười ấy cũng đã làm cho bác Naum trẻ lại và làm cho bộ mặt khắc khổ của bác trở nên niềm nở.

- Phiôđo, cả mày cũng phải đi giúp bố một tay. Còn con ngựa thì cứ để nó đấy, đừng tháo đai thắng ra, - bác bảo con như vậy.

Phiôđo là một thằng bé mười sáu tuổi, giống bố như đúc, từ nét mặt cho tới thân hình, xương to, vai rộng. Nó lập tức tíu tít lên, lấy chiếc thắt lưng da mới thắt thêm vào chiếc sơ mi rách rồi đi theo bố, đôi chân đất cũng giẫm

chắc nịch lên mặt đất, lưng cũng gù gù và đôi tay khoẻ khoắn so với tuổi của nó cũng vung vẩy lên.

Cha đạo Alếchxanđrơ đã đứng đợi họ bên sân nhà. Trên đôi má dò cao và khô khốc của ông ta đã thấy rớm máu, một chiếc khăn bông sạch quấn ngang trán. Dưới chiếc khăn bông đó, đôi mắt xếch của ông ta đảo đi đảo lại, sục sạo như hai con chuột nhắt xám.

- Chịu, không sao lại gần nó được! - Sau khi chào hỏi xong, ông nói, - nó điên khùng như một con dã thú vậy! - Giọng ông ta trầm sâu, không tương xứng chút nào với thân hình nhỏ bé gày guộc. - Ta định gióng hàm thiếc vào mõm nó, mà nó cắn ta như chó cắn vậy! Có chúa chứng giám, nó cắn toạc một mảng da trên trán ta đây này!

Thằng Phiôđo vốn tính hay cười, đỏ mặt tía tai, mím chặt môi cố nín cười, nhưng bố nó lừ mắt nhìn nó rồi tiến vào chiếc cổng con.

- Cha nhốt nó ở đâu ạ?

- Trong chuồng ngựa.

- Xin cha cho thêm một đoạn thừng nữa.

- Phải biết cách mới trị nổi nó đấy... - Cha đạo nói với vẻ lưỡng lự.

- Sẽ có cách trị được thôi. Những của này đối với tôi có thấm tháp gì! Bác Naum trả lời khoác lác đôi chút rồi lấy một đầu dây thừng khéo léo quấn thành một chiếc thòng lọng khá rắc rối.

Thằng Phiôđo, cha đạo và bác người làm đứng cạnh cửa, bác Naum thì quấn đoạn thừng vào cánh tay trái, còn tay phải bác nắm chắc một cái gậy sồi ngắn, gỗ còn tươi.

- Này, bác Naum, coi chừng nó làm cho bác tơi bời ra đấy! - Bác người làm cười mát.

Bác Naum không đáp, đẩy cái bù-loong cửa, nheo mắt vì bóng tối từ trong chuồng ngựa túa ra, bước qua ngưỡng cửa.

Có tiếng lục xục nổi lên trong khoảng hai phút. Thằng Phiôđo tim đập thình thịch đang chờ đợi tiếng kêu: "Vào giữ lấy nó! Nhanh lên!", thì bỗng thấy có cái gì rơi đánh huỵch, thấy con ngựa phì lên, có tiếng động âm vang kéo dài rồi tiếng người rên rỉ... Lại nghe có tiếng vó ngựa đập lốp cốp vài cái trên lớp ván lát, thấy cánh cửa bung ra như bị bão giật, rồi thấy con ngựa cất cao đầu một cách hung dữ, từ trong bóng tối nhảy vọt ra. Chỉ chồm hai cái, nó đã vượt qua đống phân. Nó dừng lại trong giây lát, nặng nề rướn hai bên sườn đẫm mồ hôi, đuôi quất lung tung. Rồi nó nhảy qua bờ rào trốn mất, khuấy lên một làn bụi mờ trắng trên con đường làng.

Bác Naum từ trong chuồng ngựa lảo đảo bước ra. Hai tay bác bưng chặt lấy mồm, bên cánh tay phải vẫn còn quấn đoạn thừng bị đứt... Sau khoảng hai chục bước hấp tấp và loạng choạng như người say rượu trên mặt sân, ngực dụng phải bờ rào, bác ngã sấp mặt xuống, hai chân quắp vào bụng. Phiôđo vội kêu lên một tiếng, quăng cuộn dây thừng, chạy lại.

- Bố ơi! Bố làm sao thế?

Bằng một giọng thều thào khản đặc, nghe dễ sợ, bác nghẹn từng lời, bật ra mấy tiếng:

- Nó đá... tao... vào ngực... gẫy xương... Tao chết mất...! Nó đá vào ngực... vào tim tao! - Bác thở dài một

tiếng rít lên như còi, và do cơn đau kinh khủng, bác trợn ngược đôi mắt đã mờ, rồi bác khóc, vừa khóc vừa nấc, nghẹn máu trong họng.

Mọi người nâng bác dậy, khiêng bác vào chỗ có mái che. Suốt dọc sân, những nơi nào khiêng bác đi qua đều lốm đốm trải dài những giọt máu đỏ. Bác Naum nằm uốn cong lưng tôm, thở khò khè, lấy tay dứt xé áo sơ mi đang mặc trên mình. Cứ mỗi lần bác thở ra thì bộ ngực giập nát đầy xương xẩu của bác lại lõm xuống kinh khủng, sau đó nó rung lên, lúc lắc.

Khoảng mười phút sau, bác đã khá hơn trước, máu đã thôi ứa ra khỏi miệng, chỉ còn thấy rớt dãi sủi lên hồng hồng trên đôi môi. Cha đạo sợ quá, mang lại một bình rượu ngang, bắt bác Naum phải cố uống cho được ba chén, rồi lắp bắp, thì thào:

- Ta sẽ trả tiền anh... ta sẽ trả tiền... Còn bây giờ anh về đi... thằng cháu nó sẽ đưa anh về tới nhà. Kẻo không ta phải chịu trách nhiệm thì tội lỗi đến đâu? Đi đi, anh Naum, hãy vì Chúa Kirixitô mà đi đi! Về đến nhà mà chết trong tay vợ con... Đi đi, ta xin anh. Ta không sao gánh trách nhiệm về anh được.

- Tôi mà chết... cha trả tiền... cho vợ tôi... - Qua những cơn tắc thở, tiếng bác Naum huýt lên như sáo thổi.

- Anh cứ yên tâm. Ta sẽ đưa anh vào nhà thờ và sẽ quyên tiền cho anh trong nhà thờ... Phiôđo, đỡ bố cháu dậy đi!

Được cha đạo dìu đỡ, bác Naum duỗi nhanh chân ra, nhưng lại kêu lên ầm ĩ:

- Ối. tôi không đứng dậy đư-ư-ợc! Ối giời ơi! Chết! Tô-ôi chê-ết mâ-ất thô-ô-ôi! - Bác ta bỗng bắt đầu kêu váng trời đất một cách man rợ.

Thằng Phiôđo cũng khóc, mặt mếu xệch mếu xẹo. Bác người làm đứng bên cạnh thì lấy chân xúc cát, mỉm cười đần độn.

Há hốc mồm thở hồng hộc, bác Naum cất mình đứng dậy. Dựa toàn bộ sức nặng của mình lên vai Phiôđo, bác đưa chân bước theo hình chữ bát:

- Về nhà thôi! Bố bảo, con... Về thôi. - Bác nói.

Bác đi, chân vấp lung tung, bước rối loạn xị, nhưng răng cắn chặt lấy môi, suốt dọc đường không kêu rên một tiếng nào, chỉ thấy đôi lông mày run rẩy trên khuôn mặt dầm đìa nước mắt của bác. Về cách nhà khoảng chừng bốn mươi xagien, bác dùng sức vùng ra khỏi tay thằng Phiôđo, kêu to lên một tiếng mà bước về phía bờ rào. Thằng Phiôđo bèn xốc lấy nách bố, nhưng cảm thấy ngay là thân hình bố nó nặng chịch, chĩu xuống, nó không sao đủ sức để đỡ bố nó nữa. Nó thấy đầu bố nó đã ngoẹo sang một bên và dưới làn mi khép nửa chừng, chỉ còn ló ra đôi mắt sững sờ, nghiêm nghị của kẻ đã chết...

Bà con làng xóm chạy lại, người sờ vào đôi tay, người thốt lên với vẻ vừa sợ hãi, vừa ngạc nhiên:

- Bác ấy chết mất rồi?... Thế đấy!

III

Chôn bố nó xong, ba bốn ngày sau, mẹ thằng Phiôđo hỏi nó:

- Thế nào, Phiôđo mẹ con ta sống làm sao đây?

Sau khi bố chết, ngay chính Phiôđo cũng chẳng biết sinh sống ra sao và phải làm gì nữa.

Khi còn người chủ gia đình thì cuộc sống tiến bước thông đồng bén giọt và chắc chắn, tiến bước như một chiếc xe bò chở nặng. Nếu phải tay người khác thì cũng khó lòng xoay trở, nhưng được cái bác Naum cũng khéo sắp xếp nên ngay trong năm đói, gia đình cũng không đến nỗi quá đói, còn bình thường thì cuộc sống nói chung được bình yên, vô sự, dù là không đầy đủ được như các hộ nông dân giàu có ở con đường làng thứ nhất, nhưng cũng không khốn khó như các bà con láng giềng sống cùng con đường làng thứ hai với bác Naum. Còn giờ đây, khi gia đình đã mất người chèo chống, thì chẳng những Phiôđo mà cả mẹ Phiôđo cũng không tránh khỏi hoang mang. Hai mẹ con đã tạm cày xới nửa dêxiatina để trồng lúa mì, chờ bác láng giềng Prôkho gieo vãi hộ, nhưng rồi lúa mì mọc cũng thưa thớt, héo hon chẳng ra sao cả.

Mẹ Phiôđo có lúc dành bảo con:

- Con ơi! Con tìm đến những người tốt bụng mà làm công cho người ta, còn mẹ thì mẹ phải đi ăn mày thiên hạ vậy... Cơ chừng một năm, hai năm, mẹ con ta sẽ bù đắp được, dành dụm ít tiền mua được con ngựa, lúc bấy giờ

may ra mới sống bằng cơ ngơi của mình được... Con nghĩ thế nào?...

- Còn chất chiu vào dâu được nữa - Phiôđo nhăn nhó, tán thành ý kiến của mẹ. - muốn xoay thế nào thì xoay, chỉ còn mỗi nước đi ăn mày thiên hạ.

Ngay chiều hôm đó, người ta thấy Phiôđo đứng dưới bậc thềm nhà Dakha (nhà giầu có nhất xóm Khơrenốp bên cạnh) hai tay vò nát chiếc mũ lưỡi trai của bố dùng lâu đã nhẵn bóng lên, lúng búng mãi mới nói bật ra được những tiếng dính chặt lấy cổ họng:

- Cháu sẽ hết lòng làm việc... chẳng quản khó nhọc. Còn tiền công bác trả cháu bao nhiêu cũng được.

Bản thân Dakha Đênixôvich là một nông dân chẳng khoẻ khoắn gì, lưng khòm xuống vì bệnh phủ tạng gì đó. Lão ta ngồi trên bậc thềm, giương đôi mắt lờ mờ, ướt nhoèn nhìn chằm chằm không chớp vào Phiôđo.

- Quả là tao có cần người làm thật, có điều mày là thằng nhóc, còn trẻ quá, chưa có sức như người lớn, chẳng làm bằng anh lực điền được, cái đó cũng rõ. Thế mày lấy tao bao nhiêu?

- Bác trả bao nhiêu thì trả.

- Nào, bao nhiêu thì nói đi nào?

Thằng Phiôđo toát mồ hôi, xóc cái mũ lưỡi trai trong tay và bối rối ngước mắt nhìn lên.

- Bác trả sao cho vừa lòng bác, và cháu khỏi bị thua thiệt là được.

- Nửa rúp một tháng, tao trả thế đấy. Đồ ăn thức uống của tao, quần áo, giầy dép của mày. Được chứ? - Lão nhìn chằm chằm vào Phiôđo, dò hỏi. - Bằng lòng chứ?

Phiôđo nheo nheo đôi mắt, bàn tay không cầm mũ nhanh nhẹn bấm ngón tay tính nhẩm: "Một tháng nửa rúp, hai tháng một rúp... Một năm sáu rúp..." Nó sực nhớ rằng ở chợ, một con ngựa xoàng nhất người ta cũng đòi tám mươi rúp và nó thấy kinh khủng khi tính ra muốn được một số tiền như thế phải làm tới mười ba năm!

- Mày chép miệng tặc lưỡi cái gì? Nói đi, bằng lòng hay không nào? - Dakha Đênixôvich rít lên, nhăn mặt lại vì cơn đau nhói dội lên ngực.

- Bác ơi, như thế thì... là làm không công cho bác...

- Làm không là thế nào? Thế còn ăn uống thì tính vào đâu? Tự mày thử nghĩ xem... Dakha Đênixôvich nổi ho lên rồi xua tay.

Phiôđo nhớ kỹ lời mẹ khuyên, cương quyết không làm dưới một rúp một tháng, còn Dakha Đênixôvich thì trợn đảo đôi mắt vì ho, những ý nghĩ gián đoạn cứ nẩy ra trong óc: "Không thể buông tha cái thằng dở ngu dở dại này được. Của quý đây! Bản thân nó khoẻ mạnh, sức nó làm cho mình được bằng con bò mộng ấy! Giống chó đực này bẻ gẫy được cả sừng quỷ sứ chứ chả chơi... Vào vụ hè, nếu nó biết giá, một thằng lực điền không đời nào chịu làm năm rúp một tháng, còn thằng này thì chỉ một rúp là có thể mướn được!"

- Nào, mày đòi cao nhất là bao nhiêu?

- Cháu cũng phải xin bác một rúp một tháng...

- Một rúp? Bậy nào! Mà cậu không điên đấy chứ, cậu? Khô-ô-ông, chú em ơi, giá hơi cao rồi đấy!

Thằng Phiôđo xoay mình chực đi, nhưng Dakha Đênixôvich đã như con chim chích nhảy xuống bậc thềm, kéo ống tay áo nó lôi lại.

- Gượm đã, chờ tí, chú em, nóng tính thế! Chú định đi đâu nào?

- Bác không bằng lòng mượn thì thôi.

- Ờ, thì mượn! Đã mượn thì mượn vậy! Đành phải thế vậy, tao sẽ trả cả rúp một tháng. Mày bóc lột tao rồi đấy, nhưng thôi thế cũng được rồi, vậy là xong, nhé! Nhưng coi chừng đấy, lời nói là đọi máu mày phải làm ăn cho có lương tâm!

- Cháu sẽ cố gắng làm cho bác, chăn dắt bò ngựa nhà bác như của nhà mình thôi! - Phiôđo mừng rỡ nói.

- Thế bây giờ mày ba chân bốn cẳng về ngay Đanilôpka, mang xống áo lại đây, còn sáng mai thì đi cắt cỏ thật sớm. Cứ vậy mà làm.

IV

Con gà trống đã gáy vang vựa thóc. Trước khi gáy báo hiệu rạng đông, nó đã đập cánh rất lâu, và Phiôđo nằm dưới mái hiên nghe rõ từng tiếng đập cánh của nó. Phiôđo không sao ngủ được. Ló đầu ra khỏi chiếc áo dạ, nhìn ra ngoài mái hiên lởm chởm như răng lược, Phiôđo thấy trời xám đi mờ mịt, thấy những đám mây viền đỏ phơn phớt bốn chung quanh đang từ đằng đông bò lại, và thấy những hạt sương to bằng hạt dỗ đang còn treo trên những cánh gỗ của chiếc máy cắt cỏ nằm cạnh vựa thóc.

Chỉ một phút sau Dakha Đênixôvich mặc chiếc quần lót bằng vải gai, đã đứng ở bậc thềm. Lão ta chải đầu, kéo cao chiếc áo sơ mi để hở cả cái bụng vàng khè, rồi hét lên:

- Phếtka!

Phiôđo gạt chiếc áo dạ khỏi mình, bước ra ngoài mái hiên.

- Cho bò ra sông uống nước, nhanh lên! Rồi gióng những con bò khoang vào máy cắt cỏ.

. Phiôđo vội vã tháo dây buộc cổng trang trại, chùi ngay đôi bàn tay đầm sương vào quần, hét đàn bò đực:

- Ra chuồng!

Đàn bò miễn cưỡng bước ra sân. Con đi đầu lấy sừng đẩy cánh cổng con, theo đường làng ra mé sông, những con khác kéo theo sau.

Từ sông trở về, Phiôđo thấy ông chủ đang hí hoáy bên chiếc xe gỗ, dùng lắclê tháo êcu. Phiôđo liền lại giúp, tháo bánh xe và tra mỡ. Dakha Đênixôvich liếc mắt, theo dõi những động tác tháo vát, sáng dạ của Phiôđo, và lão khịt khịt mũi.

Khi hai người lên xe, ra khỏi xóm thì trời mới sáng rõ. Trên những gò đống ven đường đã thấy những con culi màu nâu, lông cũ kỹ, béo múp míp, hoảng hốt kêu lên chin chít, trong các vòm lá xanh, chim chóc ríu rít trên cành, mặt trời tuy mới ló ra khỏi núi nhưng đã hào phóng vung vãi những làn ánh sáng nóng nực ra khắp cánh đồng, sương bốc lên thành một đám mây mù mịt đặc quánh trên vực thẳm.

Những bánh xe nhỏ của chiếc máy cắt cỏ kêu lên kẽo kẹt, tiếp theo là chiếc xe gỗ lăn bánh ầm ầm, trong chiếc

hòm gỗ lớn đặt đằng sau xe, nước kêu lên ọc ạch nghe rất vui tai. Dakha Đênixôvich được sưởi ấm dưới ánh nắng mặt trời, có vẻ thích nói chuyện vui.

- Cháu Phêtka ạ, cháu cứ chịu khó nghe lời, bác sẽ không để cho cháu thiệt. Cháu khoẻ, đang sức trai, sẽ phải dòi hỏi ở cháu nhiều, như một người làm thực thụ đấy.

- Cháu đã thưa với bác nhiều lần là cháu sẽ gắng làm, như việc nhà mình vậy.

- Thế là phải rồi. Chú em ạ, chú phải hiểu rằng ta là ân nhân của chú, còn chú là đầy tớ của ta. Đã là chủ lại là ân nhân của mình, thì mình phải một phép phục tùng. Có thể nói là ta đã cứu chú khỏi chết đói, vậy chú phải nhớ lòng tốt của ta. Hiểu chưa?

Cúi gục dầu, Phiôđo cũng suy nghĩ lao lung về tấm lòng tốt của ông chủ và thầm ngạc nhiên trong bụng, không hiểu ông ta đã làm ơn gì cho mình?

Thực ra cắt cỏ chỉ có một mình Phiôđo. Ông chủ chễm chệ ngồi trên chiếc ghế sắt nhỏ phía trước máy cắt, vung roi đuổi bò, còn Phiôđo thì thở không ra hơi, phải dùng chiếc nạng ngắn luôn tay xóc những bó cỏ tươi nặng chịch. Mỗi khi thùng cỏ đã đầy và cái trục vừa mới hất cỏ ra, thì những cánh máy lại rú lên ầm ầm một cách khó chịu, quăng vào chân Phiôđo những đống cỏ mới. Đôi khi bò cũng dừng chân nghỉ, thì ông chủ lại duỗi dài người nằm dưới đống cỏ, vén sơ mi lên, dùng cả hai tay mà xoa cái bụng ọc ạch vàng khè, đưa đôi mắt đần độn nhìn lên những đám mây trôi trắng như bông nõn.

Lần nghỉ đầu tiên, Phiôđo cũng phủi áo sơ mi cho khỏi bụi bặm và gai cỏ rồi ghé ngồi dưới máy cắt cỏ.

Nhưng Dakha Đênixôvich ngạc nhiên nhìn nó từ đầu đến chân mà nói rành rọt từng tiếng:

- Mày làm cái gì vậy? Chú em ơi, mày đừng có bắt chước tao. Tao là ân nhân và là chủ của mày, mày phải thấm thía điều đó. Tao có thể không phải làm lụng gì cả, vì tao có chứng đau bụng, còn mày thì cầm lấy nạng, đi mà đánh đống cỏ kia. Kia kìa, đằng sau mương, cỏ đã héo cả rồi kìa.

Phiôđo nhìn về phía ngón tay lông lá của ông chủ trỏ cho mình, đứng dậy cầm lấy nạng, đi đánh đống cỏ. Nửa tiếng sau khi đã ngáy khò khò một cách dễ chịu dưới bóng mát của đống cỏ, ông chủ tỉnh giấc vì có con châu chấu chui vào áo sơ mi của ông. Ông ta chửi rủa độc địa, bóp con châu chấu bất hạnh nát bét ra, đưa tay che đôi mắt húp mọng mà nhìn Phiôđo đánh cỏ.

- Phêtka!

Phiôđo tiến lại.

- Đánh được bao nhiêu đống rồi?

- Chín đống ạ.

- Mới có chín đống à?... Nào, ngồi lên máy cắt cỏ đi.

Mấy con bò lại tiến bước, vừa đi vừa nhai; chiếc máy cắt cỏ rùng mình, các cánh máy lại xoay canh cách, hất cỏ về phía sau. Tham lam đến cực độ, Dakha Đênixôvich đã thả cho lưỡi dao cắt tận gốc cỏ. Các lưỡi dao kêu xoàn xoạt khô khan, xén gọn từng đám cỏ dầy. Mọi việc đâu vào đấy, nhưng tới quãng ngoặt đang có đà thì máy bỗng vấp phải đống đất chuột đào, lưỡi dao cắm ngập vào đất, máy rung chuyển lên vì căng thẳng rồi đứng lại. Phiôđo từ trên ghế

nhảy vội xuống xem lưỡi dao có gãy không, nhưng lần này mọi việc vẫn trơn tru.

Công việc được tạm ngừng trước khi trời tối hẳn Phiôđo tha về chỗ nghỉ đêm một đống phân bò khô, vơ các cỏ dại cỏ khô cằn từ vụ trước lại rồi chụm lửa. Ông chủ keo kiệt dốc trong túi xách ra một ít kê rồi ra lệnh gọt ba củ khoai tây.

Sau bữa ăn trưa, ông chủ có phần cao hứng, có lúc còn tiến lại vỗ vai Phiôđo, nhưng trước bữa ăn chiều, thì Phiôđo đã làm ông ta cụt cả hứng, chỉ vì nó cắt quá tay thêm một mẩu mỡ vào nồi cháo. Dakha Đênixôvich không bằng lòng, méo xệch mồm đay nghiến Phiôđo hồi lâu về chuyện đó, nhăn nhó suốt bữa ăn tối rồi đi nằm, vừa nằm vừa thở dài và lẩm bẩm những gì nghe chẳng rõ.

V

Phiôđo luôn nhớ lời ông chủ: "Mày phải nhớ lòng tốt của tao." Nhưng ở với lão ta sang tuần thứ ba rồi mà anh vẫn chưa thấy lòng tốt của lão ở đâu cả. Anh chỉ biết chắc chắn một điều: Dakha Đênixôvich là một tên cáo già, biết dùng công việc để rút xương tuỷ của người ta. Từ sáng sớm tới tối mịt Phiôđo làm quần quật ngoài sân mà ông chủ vẫn thét lác, mắm môi mắm lợi và làm ra vẻ không hài lòng.

Chủ nhật đầu tiên, Phiôđo định về Đanilốpka thăm mẹ, nhưng ngay từ chiều thứ bảy Dakha Đênixôvich đã tuyên bố:

- Mai đi làm cỏ khoai tây sớm nhé! Nghe các bà ấy nói mãi mà sốt cả ruột. - Im lặng một lát, lão nói thêm: - Mày dừng có tưởng ngày lễ cứ nằm chảy thây há miệng mà nhai được đâu. Bây giờ đang lúc thời vụ cấp bách, làm một ngày, ăn cả năm. Kẻo đến mùa đông mày lại sẽ chỉ ăn báo cô thôi.

Phiôđo nín lặng. Anh sợ mất chỗ làm việc, mối lo sợ nhức nhối ấy đã làm cho anh phải nhẫn nhục và chịu khuất phục. Sáng ra anh cầm mẩu bánh, vác cuốc đi làm cỏ. Anh cuốc mỏi mệt quá đến nỗi tới trưa thì thấy đầu choáng váng và cơn buồn nôn đưa thốc lên họng. Khó nhọc lắm anh mới ngay lưng lên được, ngồi lên một mô đất mà nhá mẩu bánh. Và anh nhổ toẹt một bãi: trước mặt anh còn có tám chục xagien cỏ mọc xanh um, rậm rì, bóng mượt như nhung, mà anh còn chưa cuốc tới.

Xế chiều, toàn bộ đôi chân đau nhức nhối, khó nhọc lắm anh mới cất nổi bước, lê lết về tới nhà. Ông chủ đã chực sẵn ngoài cổng. Không cất mình khỏi bờ đất, lão ta hỏi:

- Làm xong cả rồi chứ?

- Còn một khoảnh nữa ạ.

- Chú thế đấy nhé, chú em nhé... Chắc là chú lười nhác hoặc ngủ khì ra chứ gì - lão ta càu nhàu bực tức.

- Cháu không ngủ đâu - Phiôđo nhăn nhó trả lời, - một ngày không tài nào làm cỏ hết được.

- Thôi, mày đi đi, đừng nói nữa! Cứ làm ăn kiểu phất phơ như thế thì đừng hòng có cái mà nhai! Đồ ăn hại! - Lão hét với theo Phiôđo.

VI

Ngày này, tuần khác trôi dài thành một chuỗi thời gian buồn tẻ, nặng nề. Phiôđo làm đầu tắt mặt tối từ sáng sớm đến tối mịt. Chủ nhật, ngày lễ, ông chủ cũng cố tình nặn ra một công việc gì đó, cốt sao không để cho người cố nông không có việc làm.

Hai tháng trôi qua. Chiếc áo sơ mi của Phiôđo không lúc nào ráo mồ hôi, nhưng anh vẫn cố làm đến nơi đến chốn, nghĩ rằng tới cuối tháng thứ hai chắc ông chủ sẽ trả công cho thời gian qua. Nhưng ông chủ vẫn làm thinh, mà Phiôđo không có đủ gan để hỏi.

Vào cuối tháng thứ hai, một buổi chiều nào đó, thấy Dakha Đênixôvich đang ngồi ở thềm nhà, Phiôđo bèn tiến lại, hỏi:

- Cháu định hỏi xin bác ít tiền. Cháu phải gửi tiền về cho mẹ cháu...

Lão ta lập tức hốt hoảng xua tay:

- Tiền đâu ra bây giờ! Chú em ơi, mày lú lấp rồi hay sao?... Phải đập lúa, đóng thuế rồi may ra mới có tiền chứ! Thì mày hãy cứ làm đi đã nào!

- Cháu rách rưới quá, giầy cũng bung ra cả rồi đây này - Phiôđo giơ một chân mang chiếc giầy há mõm lên, những ngón chân nứt nẻ lòi ra khỏi mũi giầy rách toác.

Dakha Đênixôvich nhếch mép cười, nhìn hồi lâu xuống chân Phiôđo rồi quay mặt đi.

- Dạo này trời ấm rồi, đi đất cũng được.

- Nhưng bụi gai, ruộng rạ thì đi làm sao được.

- Gớm, sao mày công tử bột thế! Mày lại thuộc dòng dõi quý phái rồi hay sao? Hay là giới điền chủ đấy?

Phiôđo lặng lẽ quay đi, mặt đỏ dừ vì cực nhục. Anh bước về chỗ ngủ của mình nơi vựa thóc, trong tiếng cười hô hố của ông chủ.

Đã hai tháng nay, anh chưa hề được trông thấy mặt mẹ. Ông chủ không lúc nào buông thả cho anh có thời giờ để về Đanilốpka, hơn nữa, anh cũng không biết là mẹ có ở nhà hay lại mang bị lang thang các làng xã mất rồi.

Vụ cắt cỏ đã chấm dứt lúc nào không hay. Dakha Đênixôvich cho người kéo từ trên khu về một máy đập lúa chạy bằng hơi nước. Mấy công nhân cũng được mướn tới. Ông chủ phải o bế, nói ngon nói ngọt với mấy người công nhân ấy để họ đập lúa cho chóng xong.

- Các bạn ơi, vì chúa Kirixitô, các bạn cố sức lên. Đang lúc tốt trời, các bạn hãy gắng công cho. Kẻo trời làm mưa gió lại hỏng hết lúa!

Một người thanh niên lạ mặt mặc chiếc áo va-rơi bộ đội nhăn nhúm ở phía sau, khinh bỉ nhìn vào cái mặt mẹt húp híp của ông chủ, rồi nhún nhẩy trên đầu ngón chân, nhại lại:

- Các bạn cố sức lên, vì Chúa Kirixitô! Thôi đừng giả nghèo giả khổ nữa đi ông! Cứ đưa một thùng rượu ngang ra đây cho lũ này là công việc sẽ chạy veo veo ngay. Chính ông cũng biết đấy, thìa khô thì lưỡi rát.

- Tôi có tiếc gì đâu, xin hết sức vui lòng thôi... Chính tôi cũng đang tính làm vài chén.

- Có gì mà phải suy với tính. Ông xem đấy: ông cứ mải nghĩ tới nghĩ lui là chúng tôi chuồn sang sân phơi thóc nhà bên cạnh thôi. Ông ta đã gạ gẫm chúng tôi từ lâu rồi.

Dakha Đênixôvich vội lần vào trong xóm rồi nửa tiếng sau lếch thếch xách về một thùng rượu ngang, bên trên phủ bằng chiếc váy lót bẩn của phụ nữ. Thế là trong sân phơi thóc, cạnh những đống lúa chưa đập, mọi người uống rượu cho tới tận nửa đêm. Người thợ máy, một người vùng Ukraina đã đứng tuổi lem luốc đầy dầu mỡ, uống rượu chuếnh choáng xong xoay ra ngủ với một cô nhân tình nào đó cạnh đống lúa, còn những người thợ công nhật thì gào lên mỗi người một bài hát rồi chửi bới lẫn nhau. Phiôđo ngồi bên cạnh thấy Dakha Đênixôvich say khướt, ôm lấy lưng người con trai mặc áo va-rơi mà khóc, nước dãi chảy ròng ròng. Vừa nức nở, lão vừa cất giọng mũi kiểu đàn bà:

- Có thể nói là tôi dồn lưng đổ vốn vào các anh, một thùng rượu cũng là tiền là của, vậy mà anh không muốn làm ư?...

Anh chàng này vênh váo ngẩng đầu, hét to:

- Tôi đấm thèm vào! Tôi không khoái thì tôi cóc làm nữa!

- Thế tôi mất tiền toi à!

- Tôi đấm thèm vào!

- Ối anh em ôi! - Dakha Đênixôvich hướng về đám người đen xì đang đứng thành nửa vòng cung quanh thùng rượu. - Ối anh em ôi! Anh em làm tôi hận suốt đời! Như thế này có lẽ tôi chết được rồi đây!

- Tôi đấm thèm vào! -Người con trai mặc varơi vẫn gầm lên.

- Tôi bệnh hoạn thế này! - Dakha Đênixôvich rên rỉ, nước mắt chảy ròng ròng. - Đây, bệnh hoạn ở chỗ này này! - Lão đấm bình bịch vào cái bụng phệ của lão.

Người con trai mặc áo varơi khinh bỉ nhổ phẹt vào tà áo sơ mi vải hoa của ông chủ rồi lảo đảo đứng dậy. Anh ta đi chân ngòng ngoèo như con ngựa ăn đẫy thóc, tiến thẳng tới trước mặt Phiôđo lúc đó đang ngồi cạnh bờ rào.

VII

Còn cách độ hai bước, anh ta nghênh ngang đứng dạng chân, lấy đầu hất chiếc mũ công nhân bằng rơm ra sau gáy.

- Mày là cái thằng nào? Anh ta hỏi, dằn giọng kiểu say rượu

- Cụ Púctô, - Phiôđo cau có trả lời.

- Thằng... ngu! Tao hỏi: mày là thằng nào?

- Tôi là người làm.

- Sống chứ?

- Sống.

- Ôi chà, mày là đồ... con rệp. Chắc mày được hút máu của chủ mày như con rận ăn gửi nằm nhờ chứ gì? Hay được ăn cái gì! Hả?

- Anh làm gì mà bám riết lấy tôi? Anh đi đi!

- Đi đi, đã thế tao không đi... tao không đi mà tao lại ngồi đây.

Anh ta vụng về ngồi phịch xuống cạnh Phiôđo, thở vào mặt Phiôđo rặt mùi rượu ngang và mùi hành, thối hoắc.

- Tao là thợ phụ máy, tên là Phrôn Kutrêrenkô. Hết. Thế còn mày là thằng nào?

- Tôi ở thôn Đanilốpka. Con nhà Naum Bôitxốp.

- Vậ-â-ậy... Làm được bao nhiêu tiền?

- Mỗi tháng được một rúp.

- Mô-ộ-ột?... - Phrôn huýt sáo miệng thật dài rồi nấc lên một cái. - Còn tao thì mỗi ngày một rúp. Thế thì thế nào? Hả?

Phiôđo thấy máu mình dồn hết lên tim. Anh nín thở, hỏi lại:

- Mỗi ngày một rúp?

- Thế mày tưởng thế nào? Lại còn cơm bưng nước rót nữa kia! Chú em nõn nường của anh ơi, chú là giống ngu đần rồi! Có ai làm một tháng một rúp bao giờ? Vậy đấy? Bỏ cái lão bóc lột ấy, đi với chúng tao. Mày... sẽ... làm... được... nhiều... tiền... hơn!

Phiôđo đứng dậy, bỏ về phía mái che cạnh nhà kho, nơi anh vẫn nằm ngủ từ vụ xuân đến nay. Anh đặt mình lên mấy tấm ván lót bằng ít rơm cũ từ đời tám hoánh nào, kéo tà áo dạ xuống chân, tay lót dưới đầu, nằm im không nhúc nhích và suy nghĩ hồi lâu.

Qua những lỗ thủng trên mái che, những ngôi sao lấm tấm trên trời rọi vào một ánh sáng vàng vọt như ánh đèn thờ, một con dế khe khẽ nỉ non êm ái trong đám lau sậy, lũ chim sẻ mơ ngủ rúc rích dưới mái nhà.

Đêm không trăng nhưng quang đãng, đã hầu tàn. Từ phía sân phơi vẫn vẳng lại những trận cười và cái giọng khóc than của lão chủ. Phiôđo thở dài, trăn trở thao thức mãi, không sao chợp mắt được. Anh thiếp đi trước lúc bình minh.

Sáng ra anh đợi lão chủ trong bếp. Lão từ buồng chính bước ra, mặt chưa rửa, xưng xỉa, dữ dội. Vừa thấy mặt Phiôđo, lão ta đã hét:

- Lười chảy thây ra rồi đấy, đồ chó đẻ! Rồi tao sẽ bảo cho mày biết! Ăn thì ăn như lực điền, làm thì làm như nhãi nhép! Hôm qua tao bảo dứa nào phải mang lúa từ đồng ngoài cùng vào cho máy đập, hả?

- Tôi không ở cho bác nữa. Bác trả cho tôi hai tháng công.

- Thê-ế na-a-ào?... Dakha Đênixôvich nhảy bật lên cao đến nửa acsin rồi người lão run lên như điên như dại. Tính chuyện bỏ đi hả? Bị rủ rê rồi hả? À, mày là đồ chết giẫm! Đồ chó má... Nhưng tao sẽ cho mày đi tù cho biết tay? Đang vụ làm ăn lại bỏ đi, hả?... Mày dám làm thế thì cứ gọi là tù khổ sai! Đi đi! Cút ngay! Còn tiền thì một xu tao cũng không thí! Quần áo rách tao cũng không cho mang! - Dakha Đênixôvich chửi rủa đến phát tức thở, phát ho phát hen lên, rồi trợn đôi mắt lồi ra như mắt tôm, lấy hai tay hết xoa rồi lại bóp mãi cái bụng đang rung rung lên của lão. - Tao đối xử với mày như vậy mà mày trả ơn tao như thế đấy... Mày quên tao là ân nhân của mày, đã cưu mang mày, hả?... Mày là đồ nhơ bẩn, tao đã coi mày như con đẻ, vậy mà bây giờ...

Dakha Đênixôvich nheo mắt nhìn Phiôđo. Ngay phút đầu tiên, khi thấy Phiôđo nói sẽ bỏ đi, lão hiểu ngay và tính rằng điều đó sẽ gây thiệt hại lớn cho công chuyện làm ăn của lão. Trước nhất là lão mất một người làm, một người làm quần quật như trâu như bò mà chỉ cốt kiếm lấy miếng ăn thôi; thứ nữa, hoặc lão sẽ phải bỏ ra một số tiền lớn để thuê một người làm khác, phải may mặc, sắm giầy dép cho nó, và tệ hơn nữa, nếu chẳng may gặp phải đứa hiểu biết, lõi đời, thạo chuyện thuê mướn, thì còn phải ký giấy hợp đồng và cam đoan đủ điều với nó; nhưng nếu không thuê thì bản thân lão phải mó tay vào làm, phải chui đầu vào cái ách chết tiệt ấy, còn vừa ngủ vừa nằm sưởi ngoài nắng, không phải làm gì; chỉ ăn chơi cho béo thì dễ chịu biết bao.

Thoạt đầu Dakha Đênixôvich thử doạ non doạ già Phiôđo, nhưng thấy không kết quả gì lắm, lão xoay ra đánh vào lương tâm:

- Thế mà mày không xấu hổ à? Mày nhìn mặt tao thế mà không biết ngượng à? Tao cho mày ăn, mày uống, mà mày... Ôi, Phiôđo, Phiôđo, người có đạo Kitô không ai làm như thế. Vậy mà mày cơn cớ gì, mày là uỷ viên thanh niên cộng sản à? Chỉ có bọn bán Chúa, bọn phản loạn, vô lương tâm thì mới làm như vậy!

Dakha Đênixôvich vừa lắc đầu với vẻ trách móc, vừa đưa mắt quan sát Phiôđo.

Phiôđo đứng im, đầu cúi xuống, hai tay mân mê chiếc mũ lưỡi trai. Bây giờ anh chỉ biết có một điều: mọi kế hoạch anh tính toán đêm qua mong sao chóng làm ra tiền

để mua một con ngựa, nay đã tan thành mây khói. Có một cái gì nặng trĩu, không tài nào sửa đổi được, đè chặt lên anh làm anh không thoát ra khỏi cảnh khốn khổ này.

Anh lặng lẽ quay đi, tiến về phía sân phơi thóc. Ở đây, công việc đã bừng bừng như dầu sôi lửa cháy: người ta chở lúa từ những đống đằng xa tới; chiếc máy thở phì phì; anh chàng Phrôn phụ máy vừa thét lác vừa tống vào cái mõm tham lam của máy đập những đống lúa mì mẩy hạt thơm phức; mấy bà mấy cô vừa cời rơm, vừa kêu lên the thé; và bụi vàng quấn thành một cột khói màu da cam, cuồn cuộn bốc lên cao.

VIII

Ngày hôm đó, Phiôđo như đi trong mơ. Mọi vật đều tuột ra khỏi tay anh.

- Này cái thằng lơ đễnh kia, mày giong xe đi đâu đấy? Giong xe đi đâu, giong xe đi đâu! Lão chủ cau mày thét lác.

Phiôđo sực tỉnh, vội ghì đôi bò lại, đôi mắt anh đờ đẫn nhìn vào đống rơm tơi mà anh đã để đôi bánh sau của xe gỗ lôi theo.

Mọi người ăn trưa qua quít trên sân phơi, rồi chiếc máy lại bắt đầu kêu lên phành phạch, mới đầu có vẻ miễn cưỡng, rồi sau mỗi lúc một vui vẻ hơn, hăng say hơn. Người thợ máy mặt mũi chân tay bóng lộn dầu mỡ, bận rộn đi tới đi lui quanh máy. Người phụ máy mỗi lúc một nhanh tay nhét từng ôm lúa vào miệng chiếc máy đập

tham lam. Và những người thợ phờ phạc, bật hắt hơi lên vì bụi thóc cay xè, thay nhau đến vục nước ở thùng, uống ừng ực, hau háu như đàn chó dói khát, rồi lăn ra nằm nghỉ ở đâu đó cạnh một đống lúa. Tới tận xế chiều, có người gọi Phiôđo về sân trong.

- Có con mẹ ăn xin nào hỏi mày kia kìa, đang đứng đợi ở cổng ấy! - Mụ chủ nhà vừa chạy vừa la lên như vậy.

Lấy hai tay xoa sạch bùn trên khuôn mặt dẫm mồ hôi, Phiôđo chạy ra cổng. Mẹ anh đang đứng cạnh bờ rào.

Trái tim anh rung lên và thắt lại thành một hòn than nóng bỏng vì thương xót: chỉ mới hai tháng mà mẹ anh già đi tới chục tuổi. Dưới chiếc khăn rách màu vàng sổ ra những mớ tóc đang bạc đi, khoé môi cụp xuống đau khổ; đôi mắt rơm rớm, đưa đi đưa lại một cách lo âu và thảm hại. Vai bà đeo một cái bị lép kẹp, vá chằng chịt, còn chiếc gậy dài, bị chó nhay nham nhở, thì bà giấu sau lưng.

Phiôđo bước lại, gục lên vai mẹ... Một tiếng nức nở ngắn, khô như một tiếng ho.

- Mẹ phải đến... gặp con như thế này... con ơi!

Vướng víu với chiếc gậy, bà phải đặt nó xuống đất, lấy ống tay áo chùi mắt. Bà muốn mỉm cười, đưa mắt chỉ cái bị cho Phiôđo thấy, nhưng thay vì nụ cười, đôi môi bà lại méo xệch đi, và những giọt nước mắt lại trào ra, đọng trên những nếp nhăn sâu rồi lăn xuống những góc khăn nhem nhuốc.

Xấu hổ, xót xa và thương mẹ, tất cả vấn vít thành một mớ rối bời làm cho Phiôđo không nói được nên lời, anh chỉ há miệng hớp hớp rồi lại so vai.

- Con đang làm việc đấy hả? - Bà mẹ hỏi, chấm dứt bầu không khí im lặng nặng nề.

- Con đang làm... - mãi Phiôđo mới thốt ra được một câu.

- Ông chủ thế nào? Có tốt không, con?

- Mẹ vào nhà. Tối con sẽ nói chuyện.

- Mẹ thế này, vào sao được?... - Bà mẹ sợ rối rít.

- Thế nào thì thế, mẹ cứ vào.

Mụ chủ bắt gặp họ ở thềm nhà:

- Mày dẫn mụ ấy đi đâu? Không có gì cho đâu, bà ơi! Đi đi cho rảnh.

- Đây là mẹ tôi đấy... - Anh trầm giọng nói.

Mụ chủ xấc xược cười khẩy, đưa mắt nhìn từ đầu tới chân người đàn bà đang co rúm lại vì sợ ấy, rồi im lặng bỏ vào nhà.

- Maria Phêđôrốpna, bà cho mẹ tôi ăn với. Mẹ tôi lỡ độ đường... - Phiôđo nói với giọng cầu khẩn.

Mụ chủ thò bộ mặt giận dữ ra khỏi cánh cửa:

- Có ba vạn chín nghìn gì mà ăn?... Chờ từ giờ tới chiều dễ thường chết đói chắc ! Có thì chiều vào ăn với người làm.

Mụ ta sập mạnh cánh cửa, nhưng từ phía cửa sổ bỏ ngỏ vẫn vẳng lại tiếng nói phẫn nộ:

- Cứ đến mà bám lấy cổ tao cả, lũ quỷ sứ... Kéo một đống ăn mày đến cho đầy sân. Quân khốn kiếp ấy thì chết đi cho rảnh! Mang cái đồ ăn hại về thêm tội thêm nợ ra!

- Mẹ đi về chỗ con ở nhà kho vậy, - Phiôđo tím mặt lại, thì thầm với mẹ.

IX

Trời đã tối. Sân phơi vắng lặng. Người làm vào ăn uống cả trong nhà. Trong bếp đã bày ra ba bàn. Một bàn có vợ chồng chủ nhà, bác thợ máy, một người làm nào đó và tít tận cuối bàn là mẹ con Phiôđo.

Dakha Đênixôvich uể oải múc nồi cháo loãng, đưa mắt nhìn chung quanh rồi cau mặt lại: người làm mà ăn nhiều như thế này thì kể cũng đau đớn cho lão ta, chưa tới một ngày mà họ đã nhá tới một pút bánh mì nướng, ăn gì như đi ăn giỗ vậy.

Bác thợ máy im lặng, nhăn nhó, bác ta không được khoẻ. Anh chàng phụ máy Phiôđo thì nhai tóp tép ngon lành, đôi tai vẩy vẩy, và nói luôn mồm.

- Thế nào, ông chủ thân mến, ông bằng lòng về công việc của chúng tôi chứ?

Bằng lòng, bằng lòng. Mà bằng lòng cái gì được nhỉ?... - Dakha Đênixôvich nói giọng mũi. - Công việc đập lúa thì đầy đống, nhưng mấy năm rày người làm không được như hồi trước chiến tranh. Họ không chịu thương chịu khó, tình hình là như vậy đấy! Cứ tỉ dụ như thằng Phêtka nhà tôi chẳng hạn, nó ăn thì như một chú lực điền, mà làm thì như nhãi nhép. Mọi việc đều có chủ lo cả rồi, còn trả tiền cho nó thì đến ông trời cũng chẳng biết trả vì cái gì.

Phiôđo đưa mắt nhìn mẹ, chỉ thấy mẹ anh mỉm cười van lơn thảm hại. Mụ chủ cố ý đẩy liễn cháo cho xa chỗ bà mẹ Phiôđo, bánh mì thì đặt tít tận đầu bàn đằng kia.

Phiôdo thấy mẹ anh ăn không có bánh, và lần nào cũng phải đứng dậy mới với thìa được tới liễn cháo.

- Họ thì làm như nhãi nhép, vừa cười hề hề, lão vừa nhắc lại câu này, mà rõ ràng là lão rất chắc ý, - nhưng đến khi ăn thì ăn như các chú lực... điền!

Phrôn đưa mắt nhìn bộ mặt tái mét của Phiôđo, và đôi môi anh bỗng run lên:

- Ấy là ông nói ai vậy? - Anh hỏi khô khốc.

- Tôi nói chung thế.

- Nói chung là thế nào? - Phrôn đặt chiếc thìa sang một bên rồi phủ phục lên mặt bàn. Nheo mắt lại, anh nhìn chằm chặp vào giữa sống mũi lão chủ, đôi bàn tay anh nắm lại rồi lại xoè ra.

- Nói chung về những người làm, - không để ý tới lời bắt bẻ, Dakha Đênixôvich đáp lại với vẻ tự đắc.

Những người làm ngồi ở các bàn khác thì đã cảm thấy sắp xảy ra chuyện lôi thôi, ai nấy đều ngừng nói chuyện, lắng tai nghe.

- Với những câu như vậy, nếu đang bữa ăn tao cho mày một trận thì sao, hở đồ đểu? - Phrôn lớn tiếng hỏi.

Lão chủ rụt lại: trố mắt, lặng im nhìn bộ mặt dẫm mồ hôi và đầy giận dữ của anh phụ máy.

- Thế là thế nào? - Mãi lão mới bật ra được một câu.

- Có muốn biết là thế nào không?... Tao cho nếm thử được đấy!

- Người anh em, hãy coi chừng, ăn nói như vậy người ta đưa ngay vào cảnh sát!

- Ca-a-ái gì-ì?...

Phrôn bước ra khỏi bàn, nhưng bác thợ máy đã nắm lấy tay anh và ấn anh ngồi xuống ghế.

- Có gì mà phải giải thích nhiều! - Sực tỉnh lại, Dakha Đênixôvich lúng búng.

- Đúng là không có gì phải giải thích nhiều, chỉ phải ngoáy cái mõm đất của mày như ngoáy bọng ong ấy, thế thôi! - Anh phụ máy sừng sộ, hét tướng lên. - Đồ đểu, mày phải nhớ là mày không có quyền hành như trước được nữa đâu! Tao thì tao muốn nhổ phẹt vào mặt mày! Và đừng quen thói hành hạ người ăn người làm! Tao mà ở địa vị thằng Phiôđo thì tao cho mày hồn lìa khỏi xác từ lâu rồi! Bắt nạt được thằng bé con thì vui lòng hả dạ, rồi lên mặt hả? Những thằng như mày tao biết lắm rồi! Sao, câm miệng rồi chứ? Câm mồm đi! Bây giờ mày không có trình báo lên cảnh sát trưởng của huyện như trước được nữa đâu! Tao đã từng đổ máu trong Hồng quân, mà mày lại dám xỉ nhục công nhân hả!

- Thôi im đi, Phrôn, nào, tớ xin cậu, thôi đi! - Bác thợ máy lắc ống tay áo varơi nhăn nhúm của anh phụ máy.

- Tôi không im được! Sôi cả ruột gan lên rồi!

Lão chủ dành phải đấu dịu và xoay sang nói chuyện về mùa màng, về vụ cày cấy mùa thu. Bác thợ máy trước đây im lìm bây giờ cũng sẵn lòng bắt chuyện để cốt xí xoá cái cảm giác nặng nề do vụ lôi thôi vừa rồi gây ra. Dakha Đênixôvich bỗng trở nên dịu dàng, chu đáo, giọng cứ ngọt xớt đi như mía lùi. Lão ta đãi đằng người ăn người làm rộng rãi hơn, cuối cùng thậm chí còn bảo Phiôđo:

- Em Phêdia, sao lại không ăn bánh mì thế? Bà nó đâu, cắt cho chú ấy một miếng! Nhà ta bây giờ nhờ trời cũng có đủ thóc ăn.

Phiôđo đẩy miếng bánh cứng queo ra, và đáp lại cái nhìn ngơ ngác của lão chủ, anh bĩu môi nói:

- Miếng bánh của ông cay đắng lắm!

- Đúng thế! - Anh phụ máy đấm tay lên mặt bàn rồi rời khỏi bàn, theo gót Phiôđo đi ra.

Những người làm thuê cũng đều hả lòng, đồng tình đứng dậy theo họ.

Dakha Đênixôvich đỏ mặt tía tai, mắt chớp lia lịa, chạy hết bàn này sang bàn khác, rít lên the thé:

- Anh em ơi, làm gì vậy? Còn có cháo sữa nữa kia mà! Bà nó đâu, mau mau bày hết ra bàn đi!

- Xin đa tạ lòng tốt của ông bà! - Một người nào đó lên tiếng giễu cợt như vậy.

X

Sáng ra, chưa tới bữa ăn sáng, bà mẹ của Phiôđo đã quày quả dịnh ra đi.

- Hay là mẹ ở thêm một ngày nữa? - Phiôđo ngập ngừng hỏi vậy.

Không biết tại sao anh cảm thấy vô cùng xấu hổ, xấu hổ về bản thân mình, về lão chủ nhà, về mẹ mình, về cả cuộc đời mình, một cuộc đời sao buồn tẻ và chán ngán như vậy. Bởi thế anh thấy chẳng tha thiết gì với việc mẹ anh có ở lại thêm một ngày nữa hay không, mặc dù mới chỉ hôm

qua thôi, khi mới gặp mẹ, anh cảm thấy một niềm vui lớn lao và rực rỡ như ánh mặt trời.

Sau tất cả mọi chuyện đã xảy ra ấy, thà ở lại một mình với những ý nghĩ của mình, với niềm phẫn nộ và oán ghét cái thế giới này, một thế giới tìm không ra ai là người che chở cho mình, không xin đâu được một câu khuyên nhủ và không chờ đợi được ở bất kỳ ai một lời cảm thông ấm áp.

Bà mẹ cũng muốn đi cho sớm. Nhìn con bà thấy đau lòng, nhưng bà càng đau lòng hơn khi ở bàn ăn bà bắt gặp những đôi mắt của vợ chồng chủ nhà hằn học và hau háu như mắt chó, theo dõi từng miếng ăn của bà.

- Không, con ôi, mẹ đi thôi... rồi có lúc mẹ con ta sẽ lại gặp nhau.

- Thôi thế mẹ đi vậy, - anh thản nhiên nói lí nhí qua kẽ răng.

Hai mẹ con chia tay. Phiôđo sực nhớ là mẹ không có đồ ăn mang theo dọc đường.

- Mẹ chờ con tí. Con vào hỏi mụ chủ may ra nó cho được đấu thóc. Lão chủ chưa trả tiền, con lấy thóc thay tiền công vậy... Mẹ đem bán đi...

Theo yêu cầu của Phiôđo, mụ chủ lấy chìa khoá kho rồi bước ra, không nói một lời. Mở khoá kho, mụ hỏi:

- Có túi đựng không?

- Có.

Vành chiếc bị ra, Phiôđo đưa mắt sang bên, nhìn lên bức tường màu nâu trong vựa thóc nhằng nhịt chăng đầy mạng nhện. Mụ chủ bủn xỉn đong ra một đấu với hạt mì chưa xay, lẫn cả thóc lép.

Cánh cửa bỗng kẹt lên một tiếng, lão chủ ưỡn bụng bước vào, bảo vợ:

- Lên nhà! - Rồi lão ta xăm xăm bước tới chỗ Phiôđo.

Phiôđo thận trọng đặt chiếc bị xuống rồi tựa lưng vào tường vựa thóc chờ đợi.

- Mày làm gì đấy? - Dakha Đênixôvich nhăn mặt, khàn giọng hỏi. - Nhận mì hả?...

- Nhận mì.

- Làm rối loạn người ăn người làm! Gây phiến loạn! Vì mày mà ông chủ suýt bị vả vào miệng ngay trong nhà, vậy mà mày còn lấy mì... lấy mì của tao... Hả?

Phiôđo nín lặng. Lão chủ liền đổi luôn sắc mặt, tiến sát lại gần anh hơn, rồi bỗng lão ta lắp bắp, cất giọng the thé quát:

- Cút ngay khỏi nhà tao... Cút, đồ chó đẻ!

Phiôđo dùng tay trái xách túi lên định bước ra cửa, nhưng lão chủ sấn lại như một con gà trống, giật lấy cái túi rồi vung tay tát đánh bốp một cái vào mặt anh.

Những con đom đóm vàng toé ra trong mắt Phiôđo. Một cơn giận tái tê đã nung nấu tâm trí anh, đôi tay anh như bị một dòng chì nóng bỏng đổ vào... Anh lắc mình, một tay tóm lấy cái cổ phị mỡ của lão chủ, còn tay kia anh nắm chặt lại, đấm thật lực vào cái đầu đang ngật ra của lão ta.

Chỉ ba giây sau Dakha Đênixôvich đã bị đánh quỵ, nằm bẹp dưới mình Phiôđo, nhưng lão ta vẫn quằn quại cái thân hình đốn mạt béo ị của lão, cố tìm cách cắn vào mặt Phiôđo. Răng cắn chặt lấy môi tưởng đến toé máu,

Phiôđo đấm kịch liệt vào khúc cổ béo phị, vào những hàm răng lão ta đang va nhau lốp cốp ngay sát mặt anh. Dakha Đênixôvich dở mọi thủ đoạn của đàn bà, cào, cấu, cắn, túm tóc Phiôđo, nhưng một phút sau lão ta đã bị đánh nhừ tử, thở hổn hển, phát khóc lên: môi miệng bê bết nước mũi, lão ta nằm đừ, kêu ôi ối, nấc lên và rung rung cái bụng.

Phiôđo đứng dậy, quệt máu trên mặt mình vừa bị lão chủ cào cấu, và chờ cuộc tấn công thứ hai, nhưng chỉ thấy lão ta nhanh nhẹn nằm úp sấp bụng xuống đất, kêu rống lên như con bò rồi bò lổm ngổm như con tôm ra phía cửa.

"Đáng đời nó vì mọi chuyện nó gây ra! Đáng đời về mọi chuyện! Mọi chuyện..." một ý nghĩ như vậy nhảy nhót trong đầu anh. Rồi anh sực tỉnh, xách chiếc bị lên. Nhưng anh vừa mó tới nắm cửa thì đã nghe tiếng kêu thất thanh:

- Bắt lấy no-o-ó! Nó giết ngư-ư-ời! Bắt lấy nó-o-ó, các ông các bà ơi...

Tự cổ họng Phiôđo bỗng bật ra một trận cười sặc sụa. Tựa lưng vào khung cửa, anh cười một trận mà có lẽ từ khi bố anh chết đến nay chưa bao giờ anh cười như thế. Cười chán chê, anh bước ra sân. Dakha Đênixôvich đứng dạng háng ngay giữa sân. Không nghe những câu hỏi lo âu của đám người ăn người làm đang đứng vây chung quanh, lão chỉ há toác miệng thành một cái hốc tròn đen ngòm mà gào lên:

- Bắt lấy no-o-ó!

XI

Tiễn mẹ xong, trước khi đi, Phiôđo còn quyết định hỏi lão chủ một lần nữa:

- Vậy nghĩa là ông không trả tiền chứ gì?

- Trả ti-i-ền,... Phải đánh gãy cổ mày đi ấy chứ lại trả tiền... Được rồi, tao sẽ còn có cách để trị mày. Tao sẽ kêu với toà án nhân dân, ở đó người ta cũng không nuông chiều cái đồ khố rách áo ôm, anh em với mày, đâu!

- Thế thì thôi, giàu lên cho khoẻ, Dakha Đênixôvich ạ! Ông không trả tiền thì tôi cũng chẳng chết nào?

- Không có gì phải nói quẩn nói quanh nữa: Tao đã bảo rồi, mày xéo đi.

Phiôđo đứng suy nghĩ một phút, đoạn không chào hỏi gì, bước ra cửa. Tiếng cánh cổng nhỏ két lên. Con chó đực cạnh vựa thóc kéo lê chiếc xích kêu loảng xoảng.

Ra khỏi cổng, Phiôđo còn đứng lại. Trong xóm, những ánh lửa chiều cũng tắt cả rồi. Ngoài rìa xóm vang lên tiếng đàn gió, vẳng lại những tiếng hát không rõ lời. Thỉnh thoảng, bài hát lại bị một chuỗi cười che lấp, những tiếng cười vang rền và sảng khoái làm Phiôđo không muốn nghĩ tới nỗi đau khổ của mình và sự tồn tại của đau khổ nói chung nữa. Anh bước theo đường cái, không có chủ đích gì. Qua một khu nhà, anh định rẽ vào một ngõ hẹp để đi tới sân phơi lúa ngoài cùng mà ngủ đêm trong đống rơm, thì bỗng có tiếng người gọi:

- Phiôđo đấy hả?

- Tao đây.

- Thế thì lại đây!

Anh bèn tiến đến nhìn kỹ, té ra là anh phụ máy Phrôn đang ngồi cạnh một bờ rào. Thấy chiếc mũ rơm của Phrôn tụt ra phía sau gáy, Phiôđo biết là anh ta chưa đến nỗi say bí tỉ.

Trước mặt Phrôn, trên vạt cỏ đã bị nắng thiêu cháy xém, một chiếc khăn tay bẩn thỉu được trải ra ngay ngắn. Trên khăn có một chiếc chai cao cổ bốc mùi rượu ngang, một nửa quả dưa chuột đang ăn dở và một miếng bánh mì trắng xốp.

- Ngồi xuống đây!

Phiôđo mừng rỡ được gặp lại Phrôn, ghé ngồi bên cạnh.

- Bỏ đi hả?

- Vâng, bỏ đi đấy!

- Có nện vào mõm lão chủ một trận cẩn thận không?

- Có gì đâu... Sơ sơ thôi.

- Rất tiếc. Phải nện kỹ hơn... Ở đấy bao lâu?

- Hai tháng.

- Hai tháng ít nhất mày cũng phải được mười lăm rúp. Vì bây giờ đang vụ làm ăn, ai muốn mướn tao thì cũng phải mười lăm rúp tao mới chịu. Mày hãy tin lời tao, đó là cái lợi trực tiếp của mày đấy!

Phiôđo nín lặng. Phrôn xếp chân bằng tròn, đẩy cao mũ lên, rồi ngửa cổ ấn cổ chai vào miệng. Có tiếng ùng ục òng ọc hồi lâu, rồi thấy chiếc chai quay nửa vòng tròn mà dúi vào tay Phiôđo.

- Uống đi !

- Tôi không uống rượu.

- Không uống rượu hả? Mà cũng không nên uống rượu. Tớ khen cậu đấy.

Cổ chai lại chui đến một nửa vào miệng anh phụ máy. Phiôđo lẳng lặng nhìn lên bầu trời xanh xanh vàng vàng như gấm thêu.

Nốc cạn chai rượu, anh phụ máy vô cớ cười lên, đôi mắt long lanh ánh vui tươi. Anh hất đầu cho chiếc mũ chạy từ gáy ra phía trước, sụp tới tận mắt, rồi lại hất nó bật trở lại.

- Kiện ra toà chứ?

- Kiện cái gì?

- Cái thằng ngớ ngẩn quá, kiện hai tháng mày chẳng được cái cóc khô gì cả, chứ còn cái gì ! Có kiện không nào?

- Tôi không biết... - Phiôđo ngập ngừng đáp.

- Tớ bảo cậu thế này nhé, - anh phụ máy vừa nhai dưa chuột rau ráu vừa bắt đầu giảng giải, - cậu cứ đi thẳng tớ làng Đubốp, ở đó có chi đoàn uỷ viên thanh niên cộng sản. Cậu nói với họ, họ sẽ bênh vực cậu. Cậu em ạ, bản thân tớ đã từng phục vụ trong Hồng quân, tớ hoan nghênh cuộc sống mới, nhưng tớ không làm được, là vì lý do có nhược điểm gia truyền. Tớ vẫn có máu của bố tớ, hay rượu chè, mà dưới chế độ xã hội chủ nghĩa Xô-viết thì rượu chè như vậy là không được... Thế đó... Chứ không thì tớ đã có văn hoá, anh phụ máy trợn tròn mắt một cách bí ẩn, - và cũng được nhất trí ghi tên vào đảng thôi! Chứ không thì tớ đã trị cho những anh bạn như lão chủ của cậu một mẻ rồi!

Một phút sau Phrôn đã không hoạt bát như trước nữa. Anh mệt mỏi ngắm nhìn chai rượu từ cổ chai xuống tới đáy chai, đưa tay trìu mến vuốt ve nó và giờ đây anh nhắc lại bằng một giọng bình thản:

- Chạy đến với anh em uỷ viên thanh niên cộng sản đi. Họ sẽ không để cho mình bị bắt nạt đâu. Đấy là chỗ anh em chí cốt của cậu ấy. Họ cũng toàn là những kẻ khố rách áo ôm như tớ với cậu thôi.

Chỉ một lát sau, anh ta đã ngủ thiếp đi dưới bờ rào. Phiôđo ngồi gục đầu vào hai tay suy nghĩ và không để ý thấy có một con chó con chạy ngang qua, đến ngửi ngửi khắp người anh phụ máy say rượu, ghếch một chân lên đái vào anh ta rồi lại chạy tiếp.

Đã có những tiếng gà gáy đầu. Ngoài xóm, trong đám lau sậy cạnh bờ ao, một con vịt đực già đã càng cạc ầm lên. Đâu đó trong xóm; lúc chạy lúc ngừng, một tiếng quạt hòm kêu phành phạch. Có nhà nào đã đo nước bằng thùng cho quạt hòm làm việc suốt đêm. Phiôđo đứng dậy, thấy anh phụ máy đang ngáy khò khò, toan đánh thức, nhưng nghĩ lại thế nào, anh phẩy tay rồi từ từ bước về phía những sân phơi lúa.

XII

Trưa ngày hôm sau Phiôđo đã tới gần làng Đubốp. Anh đi một mạch từ sáng được khoảng hơn hai mươi vécxta. Nhưng gần tới nơi thì anh thấy kiệt sức, đôi chân anh mỏi nhừ và nhức nhối, nhất là bắp chân và bàn chân nứt nẻ lại càng đau buốt.

Từ trên núi nhìn xuống làng như nhìn trong lòng bàn tay: một khoảng sân rộng trước một ngôi nhà thờ nhỏ và trắng; những ô vuông nhỏ tí và trắng là nhà cửa, vựa lúa, những búi lá xanh là vườn tược và những dòng suối nhỏ li ti, mờ xám, là đường xá quanh làng:

Anh xuống núi. Ở mấy sân nhà ngoài cùng, thấy anh, những con chó sủa lên uể oải. Anh đi ra một khoảng sân rộng. Cạnh ngôi nhà trường khang trang là nhà họp nhân dân, với những bức tường quét vôi láng bóng. Anh hỏi một thằng bé chạy ngang qua:

- Trụ sở đoàn thanh niên cộng sản ở đâu, em?

- Kia kìa, trong nhà họp nhân dân ấy.

Phiôđo rụt rè bước lên thềm, bước vào khung cửa mở toang. Từ đâu phía cuối các gian phòng vẳng lại tiếng nói ôn tồn của nhiều người. Tiếng chân Phiôđo bước âm vang dưới trần nhà sơn màu, cao vút. Té ra tiếng người nói là từ trong một gian phòng tận cuối hành lang. Phiôđo bước vào. Sáu bạn thanh niên đang ngồi cả trên các bậc cửa sổ, nghe tiếng kẹt cửa đều ngoái cổ lại, và khi thấy Phiôđo là người lạ mặt thì đều chăm chú nhìn.

- Đây có phải đoàn thanh niên cộng sản không ạ?

- Đúng đây đấy.

- Trong các anh ai là người phụ trách ạ?

- Tôi là bí thư - một cậu mặt đầy tàn nhang đáp lại.

- Tôi có việc xin được báo cáo các anh... - Phiôđo vẫn nói với vẻ rụt rè.

- Đồng chí ngồi xuống đây, nói đi.

Mọi người ân cần mời Phiôđo ngồi lên chiếc ghế đẩu rồi xúm lại chung quanh. Mới đầu anh cảm thấy ngượng

nghịu giữa những người bạn không quen biết đang tập trung nhìn cả vào mình, nhưng khi thấy nét mặt họ giản dị niềm nở, thì anh lại nhớ tới lời của anh Phrôn phụ máy: "Họ là chỗ anh em chí cốt với cậu đấy" - anh nhớ và anh thổ lộ hết với họ. Xốn xang và cảm động, anh kể lại cuộc sống của mình ở nhà Dakha Đênixôvich và khi nhắc lại mọi nỗi tủi nhục mà mình đã phải chịu đựng, nước mắt khiến anh nghẹn ngào, giọng anh lạc hẳn đi, và cảm thấy tức thở. Đôi lúc anh cũng nhìn lên, e rằng sẽ bắt gặp nét chê cười trong ánh mắt của họ, nhưng anh thấy ai nấy đều cau mặt nghiêm trang, lộ rõ vẻ thông cảm, còn anh bí thư đoàn mặt đầy tàn nhang thì mím chặt môi lại vì phẫn nộ. Phiôđo chấm dứt câu chuyện y như bị tắc tị vậy. Các bạn trẻ im lặng nhìn nhau.

- Đưa ra toà án chứ? - Một người hỏi, phá tan bầu không khí im lặng.

- Tất nhiên là đưa ra toà án rồi! Chứ còn đưa đi đâu nữa? - Anh bí thư đoàn nóng nảy kêu lên rồi quay lại Phiôđo: - Thế bây giờ cậu làm chỗ nào?

- Chẳng làm chỗ nào cả.

- Thế ở thì ở đâu?

- Trước nhà tôi ở thôn Đanilốpka, nhưng rồi bố tôi chết, mẹ tôi đi ăn xin, tôi chẳng sống vào đâu được...

- Vậy cậu tính sao?

- Tôi cũng không biết nữa, - Phiôđo ngập ngừng đáp. - Giá mà tìm được công việc gì đó...

- Chuyện ấy thì cậu đừng lo, ta sẽ tìm được việc làm.

- Tìm được thôi!

- Cậu đến ở tạm nhà mình, - một bạn đề nghị.

Hỏi thêm một vài chi tiết nữa, anh bí thư doàn tên là Rứpnikốp mới bảo Phiôđo rằng:

- Thế này, đồng chí nhé! Đồng chí làm đơn kiện ra toà án nhân dân, chúng tôi ở chi đoàn sẽ ủng hộ tờ đơn của đồng chí. Một bạn sẽ cùng với đồng chí đến nhà lão chủ cũ, lấy lại đồ đạc, rồi đồng chí về ở tạm nhà Iôgo, tức là cậu này này, - anh trỏ vào một người bạn ngồi đó. - Còn về toà án thì khỏi nói rồi! Cố nông thì một xu cũng chẳng mất! Lão ta sẽ còn bị truy trách nhiệm vì đã bóc lột đồng chí, không ký hợp đồng ở uỷ ban cố nông.

Tất cả mọi người kéo nhau ra cửa. Phiôđo bước đi, bao nhiêu mệt nhọc bay đâu hết! Đối với anh, những bạn thanh niên sạm nắng và bề ngoài có vẻ thô kệch này sao vô cùng gần gũi và thân thiết. Anh muốn tỏ lòng cảm ơn họ dù là bằng cách gì đó, nhưng cảm thấy ngượng ngùng anh chỉ im lặng tiến bước, thỉnh thoảng dịu dàng mỉm cười, nhìn lên bộ mặt gầy guộc, có chiếc mũi gồ, của Iôgo.

Đã vào tới buồng ngoài ở nhà Iôgo, anh lại mỉm cười nghĩ tới câu "anh em chí cốt" và lại nhớ tới người phụ máy say mèm đó. Chỉ mấy tiếng thôi mà sao anh ta định nghĩa được mọi việc chính xác đến thế. Đúng là chỉ có thể gọi bằng anh em chí cốt thôi, chứ không thể là cái gì khác được.

XIII

Iôgo ở với mẹ và một đứa em gái nhỏ. Mẹ Iôgo đón nhận Phiôđo như người nhà, đã đằng ân cần trong bữa cơm, giặt quần áo cho anh, và đối xử với anh không khác gì con đẻ.

Thời gian đầu, Phiôđo giúp Iôgo trong công việc làm ăn: cùng nhau đi cầy ải vụ thu, đi chặt củi, dọn dẹp cho gia súc và khi nhàn rỗi thì lấy cành khô rào lại cái sân.

Thấm thoắt đã đến mùa thu. Trời không có gió mà khô khốc. Mỗi sáng thời tiết lại lạnh thêm đôi chút, cây dương trong sân mỗi ngày một rụng thêm lá vàng; vườn tược trơ trụi hết, còn khoảnh rừng xa xa bên kia sông phía chân trời thì giống như đám râu ria tua tủa trên má người ốm.

Chiều chiều, Phiôđo lại cùng với Iôgo đến câu lạc bộ. Anh lắng tai nghe từng ý, từng lời mới mẻ mà trước đây anh không hề biết. Bằng cả tâm trí khát khao tìm hiểu, anh thâu tóm mọi điều anh nghe được trong những hôm thứ bảy đọc sách chính trị dài dằng dặc và trong những buổi mạn đàm với kỹ sư nông học về một vấn đề rất gần gũi nóng bỏng với mình là vấn đề nông nghiệp. Nhưng dù sao anh cũng khó lòng theo kịp các bạn khác, vì họ thuộc lòng như cháo các bài giảng chính trị, họ đọc báo, suốt năm họ đã đi nghe những buổi nói chuyện của kỹ sư nông học địa phương, vấn đề nào họ cũng có thể trả lời được rõ ràng, sáng tỏ (anh bí thư chi đoàn Rứpnicốp còn áp cả hai nắm tay vào hai bên má đầy tàn nhang của mình mà đọc

sách Các Mác nữa kia), trong khi đó Phiôđo vẫn chỉ là một chàng trai ít chữ nghĩa.

Quả vậy, nói chung, cầm chiếc tay cày sần sùi và cảm thấy nó rung động một cách linh hoạt và nóng hổi trong tay mình, đó là một chuyện. Nhưng bây giờ lại đi cầm một vật mỏng manh, mềm mại như cây bút chì, thì lại là một chuyện hoàn toàn khác hẳn, bởi vì một là, ngón tay cứ run lên, cẳng tay cứ cứng lại, và hai là, cái giống bút chì tội nợ ấy chốc chốc lại cứ gãy cắc một cái. Đối với việc thứ nhất thì đôi tay của Phiôđo thành thạo hơn nhiều, bởi vì khi bố Phiôđo đẻ ra Phiôđo thì ông đâu có nghĩ rằng con mình sẽ trở thành người viết lách, cho nên mới gắn cho anh một đôi tay của người làm ruộng, to xương, cục mịch và đầy lông, nhưng vững chắc như gang thép. Tuy vậy, dần dần Phiôđo cũng thấm nhuần được ít nhiều kho tàng trí tuệ ở trong sách. Mặc dù trình bày lủng củng lảng cảng, trên đường đầy ổ gà, đại thể anh cũng đã giải thích được thế nào là "giai cấp" thế nào là "đảng", những người bônsêvich theo đuổi những nhiệm vụ gì, và bônsêvich với mensêvich khác nhau ở chỗ nào.

Cũng như bộ điệu của anh, những lời anh phát biểu sao mà vụng về, cụt lủn. Nhưng các bạn vẫn lắng nghe anh với thái độ nghiêm trang thích đáng, và dù đôi lúc họ có bật cười lên chăng nữa, trong tiếng cười của họ cũng không có gì đáng phật lòng. Phiôđo cũng cảm thấy điều đó nên anh không hề giận dỗi.

Tới tháng Chạp, chừng độ một ngày trước cuộc họp toàn chi đoàn, Rưpnicốp bảo Phiôđo:

- Thế này nhé, cậu viết một lá đơn, nộp cho cánh mình. Cánh mình sẽ kết nạp cậu, huyện đoàn duyệt, rồi tới mùa xuân cậu sẽ đi làm cán bộ đoàn. Hiện nay đang có đợt thu hút vào đoàn càng nhiều thanh niên cố nông càng tốt. Chi đoàn ta trước đây ngủ gật, vì bí thư chi đoàn lại là con phú nông, nhiều đoàn viên không đủ tư cách... họ đã thối ruỗng ra như xác thối gặp trời nực vậy... Cánh mình đã tẩy họ ra trước khi cậu đến khoảng một tháng, và bây giờ cần phải làm việc. Phải nâng cao vai trò của chi đoàn Đubốp này trong nhân dân. Trước kia đoàn viên ở đây chỉ biết có rượu lậu rồi đi sờ mó con gái trong các cuộc đàn đúm vui chơi, bây giờ thì chấm dứt! Chúng ta sẽ thúc đẩy công tác sao cho vang dội khắp tỉnh Sông Đông này! Ngay sau khi cậu kiếm được việc làm, cánh mình sẽ giao nhiệm vụ cho cậu lôi kéo mọi anh em cố nông vào với chi đoàn. Hiểu chưa? Rồi đây tất cả chúng ta sẽ chia nhau xuống nằm ở các thôn xóm.

- Cậu thấy thế nào, liệu mình có làm nổi không, hả cậu? Sách mình đọc còn chưa được khá lắm...

- Cậu nói gì lạ vậy! Cái gì cậu chưa học thì trong mùa đông sẽ học được thôi. Bản thân cánh tớ cũng chưa thật khá đâu... Huyện đoàn thì cứ mặc kệ cánh mình, tài liệu không cho, một câu hướng dẫn cũng chẳng có, chỉ rặt chỉ thị. Người anh em ạ, chúng ta phải tự lực cánh sinh cả thôi. Thế đấy!

Những lời Rưpnicốp nói về việc thu hút thanh niên cố nông các thôn xóm chung quanh vào đoàn đã ăn sâu vào tâm trí Phiôđo như những hạt lúa mì gieo vào vùng đất

đen màu mỡ. Anh nhớ lại hồi đi ở cho nhà Dakha Đênixôvich và anh nóng lòng muốn công tác. Ngay tối hôm đó anh hý hoáy viết đơn. Nhưng về lý do vào đoàn, anh lại không nhắc lại như Iôgo đã bày cho anh. Iôgo bảo: cậu cứ viết là "tôi muốn được huấn luyện chính trị", song Phiôđo không suy nghĩ gì nhiều, giấy trắng mực đen, không chấm cũng chẳng phẩy. anh viết thẳng tuột là:

"*Tôi muốn vào vì tôi là người nao động để rất khá nên vào để nôi cuốn mọi người nao động cố nông vào đoàn vì đoàn với cố nông anh em chí cốt.*"

Rưpnicốp đọc xong đơn, nhăn nhó:

- Đại thể đơn như thế đấy, nhưng cậu viết lủng củng quá... Thôi được, cũng thông qua thôi...

Mãi tối mịt cuộc họp mới bắt đầu. Tiếng cười nói ào ào như sôi trong câu lạc bộ. Bầu xong chủ tịch đoàn Rưpnicốp đứng lên báo cáo về tình hình quốc tế, rồi cuộc họp chuyển sang vấn đề trước mắt.

Phiôđo hồi hộp chờ đến lúc đơn của mình được đem ra đọc. Cuối cùng anh thấy Rưpnicốp ho lên mấy tiếng, đưa mắt nhìn tất cả mọi người rồi nói to:

- Có đơn của bạn Phiôđo Bôitxốp mà các đồng chí đều biết cả.

Anh từ tốn đọc lá đơn, đọc xong đặt nó lên bàn, vuốt cho phẳng, rồi hỏi:

- Ai tán thành, ai phản đối?

Từ hàng ghế phía sau thấy Iôgo đứng dậy, nhúc nhích cái mũi gồ mà nói:

- Còn phải bàn gì nữa! Cậu ấy là cố nông, con nhà bần nông ở thôn Đanilốpka. Hiện đã am hiểu chính trị, đạt yêu cầu đấy... Có gì phải bàn, nhận thôi!

- Ai phản đối?

Không có ai. Tiến hành biểu quyết. Những cánh tay giơ lên tua tủa như những hàng rào ken xít. Tán thành hai mươi sáu người nghĩa là toàn chi đoàn. Vừa đếm, Rưpnicốp vừa mỉm cười liếc nhìn bộ mặt tái đi vì sung sướng của Phiôđo.

- Nhất trí thông qua.

Phải khó nhọc Phiôđo mới ngồi được tới khi cuộc họp kết thúc. Những gì mọi người nói chung quanh, anh chỉ hiểu lơ mơ. Rưpnicốp phê cậu Êrôphây Trécnốp một trận kịch liệt, lên án cậu ta đã đi tham gia vào những cuộc vui chơi đàn đúm; cậu ta lại bào chữa, dựa vào các bạn khác. Hình như phải qua một bức tường kín mít, những tiếng nói của họ mới đến được tai Phiôđo, tâm trí anh đang theo đuổi những ý nghĩ riêng tư hỗn độn của mình: "Bây giờ mình đã cùng với các cậu ấy sống chung trong một gia đình, nếu không thì đã hoàn toàn khác rồi... chỉ như một đứa con ghẻ lạnh thôi... Đây đúng là chỗ anh em chí cốt của mình, sống với họ thích thật - vai kề vai, như một bức tường thành..."

- Thôi, im đi nào! Tôi tuyên bố hội nghị bế mạc. Vanhiukha, cậu viết lại biên bản chứ?...

Ổ khoá treo trước cửa buồng kêu lạch xạch, rồi mọi người kéo nhau ra cửa ngoài, vừa đi vừa hút thuốc và so mình lại vì luồng gió lạnh như cắt từ ngoài sân thốc vào

hành lang. Phiôđo cùng với Iôgo và Rưpnicốp. Lần theo những bậc thềm cóng lạnh, họ bước xuống sân và đụng ngay phải một đống tuyết to tướng mà gió đã vun lại trong lúc họ đang họp. Iôgo ì ạch lội qua đống tuyết trước tiên, rồi đến Phiôđo. Tới ngã tư, chia tay với Phiôđo, Rưpnicốp siết chặt bàn tay tê cóng của anh, nhìn sát vào mặt anh mà bảo:

- Phêđia, cẩn thận nhé, đừng phụ lòng cánh mình nhé. Cánh mình hy vọng ở cậu đấy. Bây giờ vào đoàn rồi, cậu có trách nhiệm về hành động của mình nhiều hơn các bạn không đảng phái. Mà thôi, cái đó cậu hiểu rõ rồi còn gì. Chào bạn nhé!

Phiôđo lặng lẽ lắc lắc bàn tay của Rưpnicốp, muốn đáp lời, nhưng sao cổ họng của anh bỗng nghẹn cứng lại. Anh lặng lẽ đuổi theo Iôgo, và vẫn cảm thấy nghẹn ngào sung sướng, anh tự nhủ thầm:

- Có lúc mình đã trở nên mềm yếu... đã mụ người đi... không bé bỏng gì nữa, phải cứng cỏi lên, đó là điều mình chưa làm được! Hạnh phúc đã tràn đầy... Thế mà cách đây chưa lâu mình lại tưởng rằng trên thế gian này chỉ rặt khổ đau và rặt những người xa lạ với mình!

XIV

Sáng ngày hôm sau Phiôđo được gọi ra uỷ ban.

- Giấy gọi ra toà án đây. Anh ký nhận đi, - bác thư ký bảo vậy.

Ký nhận xong, Phiôđo ra đứng cạnh cửa sổ để đọc giấy gọi. Ngày gọi là hai mốt. Phiôđo nhìn lên chiếc lịch

treo trên tường và anh đâm hoảng: dưới chân dung Lênin đỏ chói là con số "20".

Anh vội chạy ù về nhà và bắt tay chuẩn bị lên đường.

- Cậu đi đâu đấy? - Iôgo hỏi.

- Lên xã, toà án xử vụ lão chủ cũ. Mới nhận được giấy hôm nay, họ gọi ngày mai xử... Tình hình như vậy đấy! Không biết mình đi có kịp không?

Iôgo nhìn ra khung cửa sổ bị sương muối bám bê bết như trít bột. Vẫn tìm ra được một đốm vàng của mặt trời trên nền trời xanh đang sẫm dần, anh suy nghĩ một hồi rồi bảo:

- Tính xem nào, ba mươi nhăm *vécxta*, mỗi giờ năm *vécxta*, nếu đi giỏi cũng phải bảy tiếng... Liệu đấy, đến đêm cậu mới tới nơi được.

- Thế thì mình đi thôi!

- Mang thức ăn đi chưa?

- Lấy rồi.

Tiễn Phiôđo ra tận cổng, Iôgo còn gọi với theo:

- Rảo bước lên nhé! Kẻo tối trời, có chó sói đấy.

Phiôđo xốc lại túi, siết chặt thắt lưng da trên chiếc áo lông ngắn bằng da thuộc rồi xoải bước trên con đường làng đầy vết càng xe trượt tuyết. Anh lên núi. Ngoái lại nhìn thôn xóm phủ tuyết trắng xoá một màu, anh vươn vai và đã cảm thấy mồ hôi ướt đẫm sau lưng. Anh rảo bước trên con đường lên xã.

Xuống núi rồi lại lên núi. Xuống núi rồi lại lên núi nữa. Những cánh rừng rậm và rừng thưa phủ tuyết trải dài như những dải lụa xanh sẫm bập bềnh chơi vơi phía

chân trời. Tuyết toé ra những tia sáng xanh lơ, ánh nắng mặt trời rọi vào những đống tuyết chiếu thành những áng cầu vồng vắt ngang qua đường.

Phiôđo gõ chiếc gậy lộc cộc rảo bước, vừa đi vừa phà ra những làn khói thuốc lá sợi mà mùi vị càng trở nên dịu ngọt trong giá lạnh. Ước tính đã đi được khoảng hai mươi *vécxta*, anh liếc nhìn thấy mặt trời đã ngả xuống đường chân trời chỉ còn như một sợi tơ nhện nhấp nhô, bèn lấy trong túi ra một miếng bánh mì và những miếng mỡ thái nhỏ. Anh ngồi xổm cạnh đường ăn cho đỡ đói rồi lại tiếp tục đi, cố bước nhanh cho nóng người.

Chiều tà còn vương lại những làn ánh sáng tím nhạt trên mặt tuyết. Con đường ánh lên một sắc xanh như ánh thép. Ở đằng tây, bóng tối đã xoá nhoà đường ranh giới giữa đất và trời. Khi Phiôđo vào tới xã thì trên nền trời trong trẻo đã nhấp nháy những ánh sao duyên dáng. Đến một ngôi nhà ngoài cùng trông có vẻ xấu xí và nghèo khổ, anh vào xin ngủ nhờ. Chủ nhà là một người Kadắc có bộ râu dài và niềm nở, sẵn sàng cho anh ngủ nhờ.

- Vào mà ngủ cháu ạ, khối chỗ ngủ đấy !

Nhai một miếng mỡ đã đông cứng cho đêm đỡ đói, Phiôđo trải chiếc áo lông ngắn bên cạnh lò, gối đầu lên mũ lông mà ngủ thiếp đi.

Theo thói quen, anh tỉnh dậy từ lúc mới sáng tinh mơ. Rửa mặt xong, anh rán mỡ ăn theo lời mời của bà chủ, rồi đi về phía quảng trường, nơi trung tâm của xã. Cách trụ sở Ủy ban xã không xa, anh thấy có biển đề trước cổng: "Toà án nhân dân quận 5 huyện Đông Thượng."

Anh theo cổng con bước vào và người đầu tiên anh bắt gặp trong sân là Dakha Đênixôvich. Mặc một chiếc áo lông ngắn may bằng dạ xanh, đầu đội mũ len trùm kín, lão đang cho con ngựa ướt đẫm mồ hôi ra khỏi gióng xe. Đang lấy chăn phủ cho ngựa, lão ta ngẫu nhiên nhìn thấy Phiôđo, bậm môi lại, chẳng chào hỏi gì, ngoảnh mặt đi.

Thời gian chờ đợi kéo lê thê tưởng chừng vô tận. Khoảng chín giờ thì thấy người thư ký toà án đến. Để nguyên áo ngoài bác ta khụt khịt mũi, đặt phịch tập hồ sơ lên bàn rồi đưa đôi mắt đói ngủ, sưng húp, nhìn vào đám người tập trung ở buồng ngoài. Một tiếng sau, thấy ông thẩm phán đến, nghiêng người lách vào cửa rồi đóng sập cánh cửa lại:

- Phiôđo Bôitxốp và Dakha Đênixôvich! - Bác thư ký hé cửa gọi to.

Cọt kẹt đôi ủng dạ khâu chỉ, Dakha Đênixôvich tiến lên.

- Gớm cái nhà bác này toàn mùi rượu, nồng nặc từ đầu tới chân! Chắc lại vừa nốc cạn một chai bố rồi! - Một bác Kadắc đứng tuổi, mặc chiếc áo choàng bộ đội đã sờn cũ, cười khẩy, nói với theo Dakha Đênixôvich.

Phiôđo cất mũ, mạnh dạn bước qua ngưỡng cửa. Những câu hỏi ngang hỏi dọc của các hội thẩm nhân dân và thẩm phán kéo dài khoảng mười phút. Dakha Đênixôvich rõ ràng có vẻ khép nép, trả lời ấp a ấp úng:

- Ông có trả tiền công cho người ta rồi hả? - Cầm bút chì gõ gõ xuống bàn, ông thẩm phán hỏi.

- Đúng thế ạ... Trả rồi ạ...

- Trả bằng gì, bằng hiện vật hay bằng tiền?

- Bằng tiền ạ.

- Trả bao nhiêu?

- Trả tám rúp với lại cả bột mì nữa.

- Sao lại thế được? Ông vừa khai là ông thuê Bôitxốp có nửa rúp một tháng thôi mà?

- Ấy là do lòng tốt của tôi... Chả là mồ côi mồ cút... Tôi là ân nhân của nó... thay thế bố đẻ của nó... - Đỏ mặt tía tai, giọng khàn khàn, Dakha Đênixôvich nói vậy.

- Vậy đấy... - Ông thẩm phán mỉm cười có vẻ giễu cợt đôi chút.

Hỏi thêm vài câu, toà án yêu cầu hai người lui ra. Toà án còn xét tới năm, sáu vụ nữa. Đứng ở buồng ngoài, Phiôđo thấy Dakha Đênixôvich tụ tập chung quanh mình tới khoảng tám người dân Kadắc mà hoa tay múa chân một cách dữ dội.

- Họ hỏi tại sao tôi không ký hợp đồng? Đấy các bác thử xem mướn người ăn người làm nó thế đấy... Mới đến, thì bảo là xin cho tôi vào làm vì chúa Kirixitô, sau là uỷ viên thanh niên cộng sản thì lại tuyên bố: tôi không làm nữa.

- Toà ra rồi kìa!

Đám người ùa nhau kéo vào buồng. Ông thẩm phán đọc nhanh đoạn đầu của bản án. Phiôđo cảm thấy tim mình đập thình thịch trong chiếc áo lông ngắn. Máu lúc thì bốc lên đầu, lúc lại như dồn xuống tim. Nghe đọc bản án anh chẳng phân biệt được câu gì với câu gì. Bỗng ông thẩm phán cất cao giọng:

- Căn cứ vào điều... toà buộc Dakha Đênixôvich phải trả cho Phiôđo Bôitxốp tiền hai tháng công làm là mười hai rúp... Đã không ký hợp đồng... về tội bóc lột sức lao động của vị thành niên, bị phạt tiền ba mươi rúp hoặc bị cưỡng bức lao động trong thời hạn... Tiền án phí là... Bản án này coi như quyết định cuối cùng... - Những lời đó của ông thẩm phán văng vẳng tới tai Phiôđo.

Phiôđo chạy một mạch xuống thềm, áo mở phanh ra cũng không gài khuy lại. Anh vui sướng mỉm cười một mình, bước nhanh ra khỏi địa phận xã. Chẳng mấy chốc anh đã đi được mấy *vécxta*, vừa đi anh vừa nghĩ lại những chuyện đã qua, rồi xây dựng kế hoạch làm sao tới mùa thu năm sau sẽ làm đủ tiền để mua được một con ngựa, sẽ sống bằng cơ ngơi nho nhỏ của mình, khiến cho mẹ thoát khỏi cảnh bần cùng.

Sực nhớ tới công tác mình sẽ phải làm mùa hè này để thu hút anh em cố nông, lòng anh khấp khởi mừng thầm và ấm áp hẳn lên. Gió thổi ngược chiều thốc tuyết vào mặt anh, một làn bụi nhỏ, nhọn như kim châm, làm mờ mịt cả mắt anh. Chợt thoáng nghe có tiếng càng xe trượt tuyết lướt nhẹ và tiếng vó ngựa lốp cốp ở phía sau, anh quay ngoắt lại thì một chiếc càng xe đã thúc vào giữa ngực anh một đòn khủng khiếp làm anh ngã gục xuống tuyết. Lúc ngã, anh còn kịp thấy cái mõm sùi bọt của con ngựa ô lướt qua đầu mình, và sau đó, trong đám bụi tuyết mịt mù, bộ mặt tím bầm của Dakha Đênixôvich.

Tiếp ngay theo sau đòn đánh của chiếc càng xe, Phiôđo còn thấy tiếng roi ngựa vút trên đầu, rồi sợi dây da giật tung chiếc mũ, quất vào ngang mặt.

Không cảm thấy đau, Phiôđo xốc nổi chồm dậy, điên tiết vùng lên cứ để đầu trần mà đuổi theo xe trượt tuyết. Tay trái gò cương để kìm con ngựa đang phi hết nước đại, còn tay phải thì cất cao chiếc roi da Dakha Đênixôvich ngoái lại nhìn Phiôđo mà hét to:

- Tao sẽ cho mày biết tay! Tao sẽ cho mày nếm mùi... con mẹ mày! Biết tay tao!

Gió xé tan lời lão thành từng mảnh, đồng thời cũng khiến Phiôđo đang đuổi theo sau phải nghẹt thở. Bị kiệt sức, anh đứng lại giữa đường và chỉ lúc này anh mới cảm thấy đau xé trong ngực, thấy trên mặt bỏng rát lên và có máu mặn chảy dòng dòng.

XV

Xuân đến từ phía mà trên gò tuyết đã bắt đầu tan, làm lộ ra những rãnh cây đen nhẻm. Tối đến, một cơn gió ấm và ẩm ướt thổi về, mây đen bao phủ xóm làng rồi tới gần sáng thì mưa như trút, làm những mảng tuyết đã tan từ trước dập dềnh trôi theo các dòng nước chảy xiết. Ngoài đồng, mặt đất đã trần trụi ra, chỉ những đám băng cố thủ trên đường đi và những chỗ trũng là còn co cụm lại, bám chặt lấy những vạt cỏ năm ngoái và những mô đất như cầu mong sự che chở.

Trước khi vụ canh tác bắt đầu, Phiôđo đã từ biệt các bạn. Nhét chặt vào túi những đồ đạc vặt vãnh và các tài liệu Rưpnicốp cung cấp cho mình, anh ra đi tìm công ăn việc làm.

- Phêđia, cậu chú ý tổ chức anh em nơi đó lại nhé! - Khi chia tay, Rưpnicốp dặn anh như vậy.

- Được rồi, mình sẽ làm. Mình sẽ tụ tập hết anh em lại! - Phiôđo mỉm cười.

Tất cả có năm anh em đưa tiễn Phiôđo ra khỏi xóm và đứng chờ cho tới khi anh lên tới đường cái lớn. Leo tới đỉnh gò thứ nhất ngoái lại nhìn, anh vẫn thấy các bạn tiễn đưa anh đứng chụm lại một chỗ trên con đường mà hàng ngày mọi người vẫn chăn dắt bò, ngựa. Rưpnicốp và Iôgo cất mũ lưỡi trai vẫy chào anh.

Khi thôn xóm đã khuất khỏi tầm mắt, Phiôđo cảm thấy lòng mình bâng khuâng thương nhớ. Thế là bây giờ anh lại chỉ có một mình, giống như cái bụi cây năm ngoái kia vẫn còn đang lắt lay trơ trọi bên vệ đường.

Phiôđo cố đấu tranh bản thân để tập trung suy nghĩ xem nên đi về đâu. Các thôn xóm quanh đây đều nghèo cả, chắc chẳng ai thuê mướn người làm. Trong phạm vi xã này, giầu có thì chẳng đâu bằng thôn Khơrênốp. Nghĩ vậy, anh về theo con đường làng đi về phía thôn Khơrênốp. Anh vào làm cho bác Pantêlây Mirôsnicốp nhà ở cạnh cơ ngơi của Dakha Đênixôvich. Bác Pantêlây là một ông già vóc người cao to, nhưng gầy giơ xương và mặt khó đăm đăm. Ba con trai của bác đều đã chết trong chiến tranh, bây giờ bác làm lụng với bác gái và hai cô con dâu.

- Của đáng tội, tại sao mày lại bỏ nhà Dakha mày đi? - Khi bàn tính chuyện thuê mướn, bác ta nhướng đôi mày bạc trên trán mà hỏi Phiôđo.

- Ông ấy không mướn tôi nữa.

- Thế bây giờ mày tính chuyện thuê mướn thế nào?

- Theo thoả thuận thôi.

- Thoả thuận thoả thiếc gì? Công xã mùa hè tao trả ba rúp, còn mùa đông thì dù mày có làm công không tao cũng chẳng mượn. Có lẽ mày muốn cố làm cả năm, nhưng tao lại không cần.

- Cháu có thể nhận làm đến mùa thu.

- Tóm lại là làm tới xong vụ. Của đáng tội, cứ cày xong vụ thu, là mày cuốn gói đi cho mau. Ba rúp một tháng, mày bằng lòng không.

- Cháu bằng lòng, nhưng phải có hợp đồng. Không có không được.

- Tao thì thế nào cũng được... có điều tao không biết chữ nghĩa... của đáng tội, hợp đồng phải ký nữa đấy phải không? Thôi được, để con Xtêpanida, con dâu tao, nó ký.

Thế là hợp đồng được mang ra uỷ ban cố nông ký kết, và Phiôđo vui vẻ bắt tay vào việc. Bác Pantêlây ngầm theo dõi người giúp việc mới của mình trong khoảng hai tuần. Phiôđo luôn bắt gặp đôi mắt xét nét và sắc bén của bác ta tập trung vào mình. Rồi cuối cùng, tới cuối tuần lễ thứ hai, một buổi chiều, khi chỉ một ngày Phiôđo đã cày xong thửa ruộng dưa, đang đánh những con bò mệt mỏi và đẫm mồ hôi về tới nhà, thì bác bỗng tiến đến mà bảo:

- Cày xong ruộng dưa rồi chứ cháu?

- Cày xong rồi ạ.

- Không bỏ sót chứ?

- Vâng ạ.

- Cày sâu bao nhiêu?

- Thưa, đúng như bác đã dặn ạ.

- Cho bò ra ao uống nước rồi chứ?

- Cho uống rồi ạ.

- Thế năm nay mày bao nhiêu tuổi rồi, cháu?

- Dạ, cháu mười bảy.

Bác tiến sát lại, túm lấy tóc Phiôđo làm anh rất đau, kéo đầu anh vào bộ ngực khô héo, đầy xương xẩu của mình, ôm chặt lấy anh, rồi đưa bàn tay rám nháp xoa hồi lâu lên tấm lưng nổi bắp chắc nịch của Phiôđo:

- Của đáng tội, cháu là người giúp việc quý hoá lắm đấy! Cháu khéo tay đấy! Thôi nếu cháu muốn thì cứ ở lại cả mùa đông với bác!

Đoạn bác lại đẩy Phiôđo ra, ngắm nhìn anh hồi lâu, mặt bác tươi cười, rạng rỡ, Phiôđo rất cảm động về sự trìu mến và thái độ thân thương của ông già. Ông chủ mới này khác hẳn lão Dakha.

Mới ngày nào bắt đầu mướn Phiôđo, ông còn hỏi:

- Mày chắc không có cái ấy chứ, cái gọi là gì đấy... cái đoàn thanh niên cộng sản ấy? - Và thấy Phiôđo trả lời là có thì ông phẩy tay. - Cái đó không dính dáng gì với tao cả. Đó là chuyện riêng của mày, tao không cùng hội cùng thuyền với mày được. Chắc là mày không làm dấu thánh giá nhỉ?

- Không ạ.

- À, thế đấy... Tao già rồi, mày đừng giận, nhưng tao với mày khác nhau đấy. Tao với mày là bầu bí không chung nhau một dàn.

Bác ta đối xử với Phiôđo rất tử tế, cho ăn no, cho cả quần áo bằng vải dệt tay, và không giao những công việc

quá sức. Thoạt đầu, Phiôđo tưởng rằng anh cũng sẽ phải làm một mình như hồi ở cho Dakha Đênixôvich, nhưng khi cùng đi cày với bác Pantêlây, sức làm của bác ta vẫn ăn đứt thanh niên. Bác vẫn theo cày không mệt mỏi, đường cày rạch ròi, chu đáo, và ban đêm bác cùng Phiôđo thay phiên nhau canh bò. Ông già rất ngoan đạo, không chửi thề độc địa và coi sóc gia đình rất nghiêm chỉnh. Phiôđo thích câu nói đầu lưỡi "của đáng tội" của ông, thích cả bản thân ông già đó nữa, vì bề ngoài tuy có vẻ khắc nghiệt nhưng bụng dạ ông tốt và chân thành.

Chiều hôm lễ Phục sinh, ngay trong ngõ, Phiôđo bắt gặp một cậu mặt rỗ, vóc người thấp, trông chỉ khoảng hai mươi tuổi. Thấy cậu ta từ sân nhà Dakha bước ra, Phiôđo nhớ lại lời bác Pantêlây, đoán chừng cậu ta là người làm cho lão Dakha. Khi cậu ta tiến lên ngang tầm với mình, anh liền chủ động bắt chuyện:

- Chào anh bạn!

- Chào cậu, - cậu ta miễn cưỡng đáp lại.

- Cậu làm cho Dakha Đênixôvich đấy phải không?

- Ờ.

Phiôđo liền bước lại gần, tiếp tục hỏi chuyện:

- Cậu làm đấy lâu chưa?

- Bốn tháng, từ mùa đông.

- Công xá trả thế nào?

- Một rúp và cho ăn uống. - Cậu ta trở nên hoạt bát và đôi mắt sáng lên. Nghe nói là bác bên ấy trả cho cậu ba rúp và cho cả quần áo nữa phải không? Có thật hay là họ nói xằng?

- Thật đấy.

- Còn lão Dakha thì o ép tớ ghê quá... - Cậu ta bắt đầu nói với vẻ buồn thiu. - Lão ta hứa tăng tiền công, nhưng rồi lại lờ tịt đi. Lão bắt tớ làm đến điêu đứng, - cậu ta đã bắt đầu nóng gáy và điên tiết lên, cả chủ nhật, ngày lễ cũng thế... Quần áo mình mặc rách cả rồi mà tiền lão chẳng đưa, quần áo cũng không cho. Cậu thấy không, ngày lễ Phục sinh mà tớ diện thế này đây! - Cậu ta quay lưng lại và qua chiếc áo sơ mi bị xẻ dọc từ trên xuống dưới, Phiôđo thấy mình cậu ta hở ra thành một hình tam giác đen sì.

- Cậu tên gì?

- Mitơri. Thế cậu?

- Phiôđo.

Từ sân nhà Dakha bỗng vọng ra cái giọng mũi của lão chủ:

- Thằng Mitka đâu! Đồ khốn nạn, sao mày chưa đóng cổng trại chăn nuôi, hở...? Đi lùa ngay bò vào!

Như một con dê đực hoảng hốt, Mitka nhẩy vọt ra bờ rào, rồi từ trong bụi tầm ma rậm rạp, cậu ta ngoéo tay gọi Phiôđo vào. Phiôđo leo qua bờ rào, tìm một chỗ vắng vẻ hơn, ngồi cạnh Mitka mà tuyên truyền cho cậu ta.

XVI

Chiều chủ nhật nào Phiôđo cũng lui tới những cuộc vui chơi của thanh niên để làm quen với các bạn cố nông làm công cho những nhà giầu ở làng Khơrênốp này. Cả

thảy trong làng có mười tám cố nông thì mười lăm là thanh niên. Phiôđo đã tụ tập được đúng mười tám anh em cố nông đó lại và bắt đầu lập hội cố nông.

Tách khỏi những cuộc vui chơi, - ở đấy đám con trai nhà giầu thả sức chòng ghẹo khiến lũ con gái kêu lên oai oái, - Phiôđo đã nói chuyện kiên trì với các bạn, thuyết phục họ tham gia Đoàn thanh niên Cộng sản, thuyết phục họ về buộc chủ nhà phải ký hợp đồng.

Mới đầu các bạn giễu cợt, nghi ngờ lời lẽ của Phiôđo:

- Cậu chỉ khéo nói quanh, - cậu Kônka lưng gù nói sôi lên - chủ cậu thì như ông thánh tông đồ rồi, còn chủ của tớ thì cậu cứ dụng thử xem, hễ nói tới Đoàn thanh niên Cộng sản hay hợp đồng thì ông ta lấy gậy đánh vẹo sườn tớ!

- Vị tất, không đánh vẹo sườn được đâu! Một cậu khác bác lại.

- Đánh vẹo sườn được đấy, nếu chỉ có mình cậu! Cậu thử nghĩ xem thế nào? Tỉ dụ như tớ có một ngón tay, cậu bẻ gẫy của tớ được, bẻ gẫy kêu răng rắc lên ấy chứ! Nhưng nếu tất cả các ngón tay của tớ nắm lại thành quả đấm, thì cậu có bẻ gẫy nổi không nào? Không đâu, bạn ạ, bằng quả đấm ấy tớ đánh bật quai hàm cậu ra đấy! Phiôđo nói giữa những tiếng cười hả hê đồng loạt của các bạn. - Chính vì thế chúng ta cần góp sức nhau lại thành một quả đấm. Chúng ta đã làm việc cho chủ một cách khờ dại như thế là đủ quá rồi. Tất cả các cậu, người thì được một rúp, kẻ thì nửa rúp, còn mình thì mình được ba rúp mà làm nhẹ nhàng hơn các cậu!

- Đúng la-ă-ắm!... Mọi người hò lên.

Anh em thường họp với nhau vào ban đêm, đằng sau sân phơi lúa, và thường ngồi tới tận gà gáy sáng.

Đến ngày chủ nhật thứ năm, Phiôđo nêu ra đề nghị:

- Anh em ơi, bây giờ thế này nhé, hôm qua chia cỏ rồi, chỉ nay mai là bắt đầu cắt cỏ. Vậy sáng mai chúng ta tuyên bố với chủ rằng: các ông phải tăng tiền công và ký hợp đồng, nếu không, chúng tôi sẽ bỏ việc!

- Không nên! Làm thế thì ác quá!

- Họ sẽ đuổi mình mất!

- Chúng ta sẽ mất công ăn việc làm!

- Không đuổi được đâu! - Phiôđo đỏ mặt tía tai, hét. - Họ không đuổi được, vì sắp cắt cỏ đến nơi rồi! Không có người làm, máy cắt cỏ long đinh óc ra hết! Ta không thể sống như thế này mãi được! Khi hỏi một cố nông rằng: người ta thuê mướn anh thế nào? Người thì nói "tôi có họ hàng với chủ nhà", người thì bảo "tôi quen với ông chủ". Nhưng rốt cuộc ngoài mình ra, chẳng ai chăm lo cho mình sất!

Sau khi tranh cãi hồi lâu, ai nấy đều nhất trí với đề nghị của Phiôđo.

Sáng hôm sau, cả xóm xôn xao, ồn ào lên như một bầy ruồi trâu non bị kinh động. Vụ cắt cỏ đến nơi rồi mà cố nông lại bãi công ở những hộ giầu có nhất...

Sáng ra, nghe tiếng kêu la, Phiôđo chạy ra cổng.

Dakha Đênixôvich đang vừa gào rống, vừa quăng đồ lề của Mitơri ra giữa đường, còn cậu ta thì tỏ vẻ kiên quyết, thu dọn các thứ lại thành một đống, rồi lầu bầu:

- Rồi xem, rồi xem! Có mời ông cũng đếch thèm đến làm nữa!

- Xéo ngay với ma quỷ, tao không thèm mời đến thứ mày nữa đâu!

Thấy mặt Phiôđo, Dakha Đênixôvich liền quay lại đám mấy người giầu có đang đứng bàn tán sôi nổi chuyện gì ngay giữa ngã tư đường. Nổi hết gân trán, lão la ó:

- Hỡi các bổn đạo Kitô! Đây chính là kẻ phiến loạn, là thằng cầm đầu bọn chúng! Hãy đập chết đồ chó đẻ này đi!

Phiôđo bèn siết chặt hai nắm đấm, xăm xăm tiến lại. Nhưng Dakha Đênixôvich đã như con chuột, lủi ngay vào cổng rồi la lối một cách hèn nhát:

- Mày muốn sống thì chớ có lại gần đây! Ông thì xé xác mày ra!

XVII

- ... Các bác muốn làm gì thì xin tuỳ, nhưng tôi thì tôi không đuổi người làm của tôi được! Theo tôi thì họ có đảng hay không kệ họ, miễn là họ làm việc. Ký hợp đồng cũng chẳng thành vấn đề... Tôi cứ cho họ mỗi tháng ba rúp, cũng được thôi, chứ nếu họ bỏ đi thì tôi còn thiệt hàng trăm nữa kia!

- Phải đấy, bác ạ! Bà nhà tôi lại ốm đau rồi, lấy đâu ra người làm ăn coi sóc bây giờ?...

- Tôi cũng tính thế.

- Vậy thôi, anh em ạ... Ta cứ ký hợp đồng với họ, cứ tăng tiền công lên, theo luật lệ, cứ cho họ mỗi tuần nghỉ lễ một ngày. Còn bác Dakha thì im miệng đi thôi! Toà án đã

buộc bác phải trả ba chục rúp rồi đấy! Chuyện nó thế đấy! Kẻo có lúc đến lượt chúng ta cũng lại mất tiền nốt!

- Có gì nữa mà phải bàn ra tán vào cho phí lời! Chuyện đã đến như vậy rồi thì phải cam chịu thôi. Ba đồng không muốn mất lại để mất hàng trăm... Dại gì như vậy!

- Bây giờ cứ thử đi thuê mướn người xem có được không?

- Mất công toi thôi!

- Đành thế vậy!

- Nhưng cái thằng khốn nạn nó xúi giục bọn ấy thì phải cho nó một bài học mới được. Ở đâu ra một nhà thông thái như thế, phải cho nó một mẻ...

- Thằng Phêtka là uỷ viên thanh niên cộng sản đấy! Lúc ở nhà tôi, nó hành tôi đến khổ sở! Nó cầm dao duổi tôi chạy vòng quanh sân, quả có chúa trời chứng giám, may nhờ có người ăn người làm cản được nó... Bây giờ nó mà phải tay tôi...

- Thằng con trai tôi bảo là sau các cuộc vui chơi đàn đúm, chúng thường họp với nhau đằng sau sân phơi lúa nhà Phiôđôtốp. Rồi thằng Phêtka huấn luyện cho bọn chúng...

- Vậy hai ba người cánh ta cho nó một bữa gậy có được không?...

- Phải cho nó một bài học! Để cho nó khỏi giở cái trò ma quỷ ấy ra nữa!

- Dakha Đênixôvich, bác tham gia chứ?

- Trời đất! Tôi xin ký cả hai tay! Tôi còn xin vác cái gậy nào nặng hơn một chút nữa kia...

- Nhưng đừng có đánh chết nó.
- Lúc ấy sẽ hay. Tôi mà điên tiết lên thì cứ là liệu hồn!
- Chúng mình mấy người nhỉ? Ba người, hả? Nào, ta đi!

XVIII

Chiều hôm đó, thấy Phiôđo sắp sửa đi đâu, bác Pantêlây mỉm cười bảo:

- Của đáng tội, cháu nên ngồi nhà thôi. Cháu đã sinh sự ra rồi, đừng có dậy vào nữa.

- Thế sao hả bác?

- Họ có thể nện cho đấy.

- Vị tất, bác ạ!... Phiôđo cười lên, rồi theo lối sau mà lần về phía các sân phơi lúa.

Lần này anh em họ không chóng vánh như mọi lần. Bàn luận với nhau tới khoảng hai tiếng đồng hồ. Ai nấy đều có vẻ phấn chấn vui vẻ. Thảo luận tình hình, trao đổi tin tức xong, mọi người mới chuẩn bị giải tán.

- Phân tán ra mà về, để thiên hạ khỏi dị nghị, - Phiôđo cảnh giác bảo vậy.

Màn đêm giăng trên cánh đồng đen như mực. Như những tảng băng trên dòng nước lũ, từ đám mây đen nhập cục lại và chồng chất lên nhau. Sấm sét nổi lên ầm ầm. Phía sau rừng, những tia chớp rạch ngang bầu trời. Phiôđo tách khỏi đám anh em, trở về theo đường cũ. Mới đầu anh định đi lối sau, nghĩ thế nào lại rẽ vào ngõ trước. Ghé ngồi cạnh bờ rào, anh định châm thuốc hút, nhưng

một luồng gió khô nóng đã thổi tắt cây diêm. Phiôđo bèn nhét điếu thuốc quấn vào túi, tiến về phía cổng. Anh không hề ngờ tới và cũng không để ý thấy có hai kẻ đang lần mò phía sau anh, còn một tên thứ ba thì đứng canh ở ngã tư đường...

Anh vừa mó tới quả đấm cánh cổng nhỏ, thì đằng sau đã có kẻ hự lên một tiếng, vung gậy quật xuống. Phiôđo bị đánh trúng gáy. Anh bật ra một tiếng rên, vung hai tay, ngã xuống chết giấc ngay cạnh cổng.

Bác Pantêlây bị bọ chét cắn dữ dội. Bác trăn trở mãi, rên lên khừ khừ, sau đành phải quăng chiếc áo lông cừu xuống đất, không đắp nữa. Vừa sắp chợp mắt thì bác bỗng thấy từ ngoài sân văng vẳng có tiếng người rên, tiếng chân chạy huỳnh huỵch và tiếng huýt sáo khe khẽ. Buông thõng hai chân xuống, bác lắng tai nghe. Lại có tiếng huýt sáo nữa. "Chúng nó đánh Phêtka rồi!" - Một ý nghĩ loé ra trong đầu bác. Nhảy ra khỏi giường, bác giật từ trên tường xuống khẩu súng kíp cổ lỗ sĩ mà bác vẫn thường dùng để bắn quạ trong ruộng dưa, rồi chạy ra thềm. Bác thấy có tiếng người rên rỉ ở cạnh cổng, tiếng chân giẫm huỳnh huỵch, tiếng gậy quật chan chát... Bác lên cò súng, chạy ra khỏi cổng, thét:

- Những thằng nào đây?

Ba bóng đen lập tức tản ra.

Đưa mũi súng nhằm thằng gần nhất, bác bóp cò. Tiếng súng nổ vang, từ nòng súng toé ra một bó lửa, tiếng đạn ghém rít lên trong không khí. Ngoài đường, một kẻ nào đó kêu rống lên rồi lăn bịch xuống đất... Thở hổn hển,

bác quăng súng, cúi xuống chỗ có thân hình người đen đen đang nằm vật cạnh cổng. Sờ phải đầu người đó, bác thấy đôi tay mình ướt dính nhơm nhớp. Bác quay đầu người đó lên, chăm chú nhìn, nhưng bóng đêm bưng chặt lấy mắt bác. Một làn chớp chạy loằng ngoằng trên bầu trời như con thằn lằn, bác nhận ngay ra được bộ mặt đẫm máu của Phiôđo. Bác xốc thân hình mềm nhũn của anh lên, vừa run vừa vấp ngã, bác kéo anh vào tới thềm nhà, rồi lại chạy ra cổng nhặt súng. Một ánh chớp lại đốt cháy bầu trời, và bác thấy cách đó khoảng hai chục xugien có một tên đang ngồi xổm giữa đường. Bác liền xách ngược khẩu súng, chạy cà tưng đến chỗ tên đang ngồi xổm đó, quật nó ngã xuống trong bóng tối, đè sấp nó xuống, thét lên:

- Mày là thằng nào?

- Vì Chúa Kirixitô, thả tôi ra... Tôi bị trúng đầy đạn vào cả đít, cả lưng rồi... Bác dùng đạn ghém bắn người, bác không sợ phải tội hay sao, bác láng giềng ơi... Ối, đau quá!

Qua giọng nói, bác Pantêlây biết ngay là lão Dakha. Nhịn không nổi, bác quật cho lão một báng súng vào đầu, rồi tóm lấy tóc lão, lôi vào thềm nhà.

XIX

"... Đồng chí Phêđia thân mến của chúng tôi! Chắc đồng chí còn chưa biết kết quả cuối cùng của phiên toà? Lão Dakha bị bảy năm tù và ba năm tước quyền công dân,

còn hai tên kia, một tên là Mikhain Đecgatsép, một tên là Kuska, chuyên nghề dầu cơ buôn lậu ở thôn Khơrênốp, thì bị năm năm tù. Chúng tôi còn báo tin để đồng chí biết rằng ở thôn Khơrênốp đã tổ chức được chi đoàn thanh niên Cộng sản rồi đấy. Tất cả các bạn cố nông của đồng chí gồm mười lăm người, lại thêm sáu bạn bần nông nữa cũng đều đã gia nhập Đoàn. Huyện đoàn đã điều tôi sang đó công tác và nay tất cả chúng tôi đều mong chờ đồng chí khoẻ lại, trở về cùng với chúng tôi. Ở thôn Đanilốpkha thì Iôgo đã tổ chức được một chi đoàn gồm mười một người. Tất cả anh em đều phân tán ra đi công tác khắp nơi. Tôi còn tin để đồng chí biết là tôi mới gặp bác Pantêlây, bác ấy đang định đến bệnh viện để thăm và mang thức ăn cho đồng chí. Mong đồng chí chóng bình phục trở về, công việc còn nhiều, mà thời gian thì phi nhanh như bóng ngựa qua cửa sổ vậy.

Gửi đồng chí lời chào thanh niên Cộng sản Chi đoàn TNCS, thay mặt toàn thể anh em - Rưpnicốp."

HÀ NGỌC *dịch*

Dòng máu lạ

Tuyết đã rơi lần đầu tiên sau tuần chay dịp lễ thánh Philip. Đêm đến, gió từ bên kia sông Đông thổi về, làm xào xạc bụi cây trơ trụi trong cánh đồng, tết thành những bím tóc trên những đống tuyết bờm xờm, liếm trụi những dãy gò đống mấp mô trên các mỏ đường làng.

Bóng đêm bao phủ thôn xóm trong một màn sương xanh xanh, mù mịt, tịch mịch. Cánh đồng chưa cày vỡ mọc đầy cỏ dại, thiu thiu ngủ ở ngoài làng.

Nửa đêm, một con sói gào rú vang động trong thung, lũ chó trong làng sủa đáp lại, làm bác Gavrila phải thức giấc. Bác thõng chân xuống lò sưởi, tay vịn vào đống gốc rạ, ho sù sụ hồi lâu, nhổ phẹt một bãi rồi sờ lần tìm túi đựng thuốc lá rời.

Đêm nào cũng vậy, cứ gà gáy đầu là bác thức giấc, ngồi dậy, hút thuốc, ho sù sụ, khò khè khạc đờm ra khỏi cổ. Nhưng giữa những cơn ho nghẹt thở ấy, những ý nghĩ trong đầu bác vẫn đi theo một lối mòn quen thuộc. Bác chỉ

nghĩ đến một điều, đến đứa con trai của bác đã biệt vô âm tín trong chiến tranh.

Bác có một đứa con trai, đứa con đầu tiên mà cũng là đứa con cuối cùng. Vì nó mà bác đã làm lụng đầu tắt mặt tối. Rồi tới lúc bác phải tiễn đưa nó ra trận để đánh nhau với quân đỏ, bác dắt hai đôi bò đực ra chợ bán xong tay là mua luôn của người Kanmức một con ngựa chiến. Con ngựa này chẳng phải ngựa thường, mà phải gọi là một cơn bão tố bay lượn trên thảo nguyên. Bác còn lấy trong hòm ra một bộ yên cương nạm bạc, từ đời ông cha để lại. Khi tiễn đưa con, bác nói:

- Này, Pêtơrô, bố đã sắm sửa cho con đầy đủ cả rồi, nhung tranh như vậy cũng không làm thẹn mặt ngay cả một sĩ quan... Con hãy phục vụ như bố con đã từng phục vụ, chớ làm ô danh quân Kadắc và sông Đông êm đềm! Cha ông, cụ kỵ nhà ta đều đã phụng sự cho Nga Hoàng, con cũng phải thế!

Bác nhìn ra khung cửa sổ lốm đốm có ánh trăng xanh hắt vào, lắng nghe tiếng gió đang lần mò lục lọi bâng quơ ở ngoài sân, và bác hồi tưởng lại những ngày mà người ta không bao giờ và không sao quay trở lại được...

Trong buổi tiễn đưa người tòng chinh, dưới mái nhà cói của bác Gavrila, những người Kadắc đã hát vang bài hát Kadắc cũ:

Đánh nhau, ta giữ đội hình.
Hàng ngày nghe lệnh chỉ mình cấp trên
Quan nhà như thể bố con
Chỉ đâu đánh đấy ta liền xung phong!

Pêtơrô say sưa ngây ngất, mặt tái xanh, ngồi cạnh bàn. Nó uống nốt chén rượu "lên yên", mắt nheo lại mệt mỏi, nhưng vẫn vững vàng ngồi lên mình ngựa. Nó sửa lại thanh gươm, từ trên yên ngựa cúi gập mình xuống, bốc lấy một nắm đất trong trại chăn nuôi, nơi chôn rau cắt rốn của mình. Vậy bây giờ nó nằm đâu, mảnh đất khách quê người nào đang sưởi ấm ngực nó?

Bác ho khan từng cơn dài, ngực bác kêu lên khụt khịt, khò khè đủ kiểu y như cái bễ lò rèn; và giữa những cơn ho, bác lại tựa cái lưng gù vào đống gốc rạ, những ý nghĩ trong đầu bác lại vẫn đi theo một lối mòn quen thuộc.

Vừa tiễn con đi được một tháng thì quân đỏ đến. Họ xâm nhập vào lối sống xưa nay của người Kadắc như những kẻ thù, cuộc sống bình thường của cha ông bị họ lộn trái ra như một chiếc túi rỗng. Lúc bấy giờ Pêtơrô đã ở phía mặt trận bên kia, cạnh sông Đônếtx, do tận tuy trong chiến trận, đã được thưởng mấy chiếc lon hạ sĩ quan. Còn bác Gavrila ở làng, chẳng khác gì Pêtơrô, cậu con trai có mái tóc trắng của mình trước kia, chỉ ấp ủ nung nấu, hun đúc một lòng căm thù đối với bọn "môxcan"[1], bọn đỏ - một lòng căm thù thầm lặng của người già.

Để trêu ngươi họ, bác đem ra mặc một chiếc quần rộng ống có nẹp đỏ theo kiểu Kadắc, nẹp đỏ lại được khâu

(1) Tên gọi người Nga, có tính chất thành kiến, vị chủng được sử dụng trong đám dân chúng lạc hậu tại Ukraina và Bêlôrutxia hồi trước Cách mạng tháng Mười

bằng chỉ đen dọc theo ống quần bằng dạ rộng thùng thình. Chiếc áo kiểu "trếch men" bác mặc thì vẫn còn đủ cả đường viền màu da cam của lính cận vệ, vẫn còn dấu vết những chiếc lon hạ sĩ quan kỵ binh ngày trước. Bác đeo lên ngực đủ thứ huy chương, huân chương chữ thập mà bác đã được tặng thưởng do đã hết lòng phụng sự quân vương, và cứ tới chủ nhật là bác lại đi lễ nhà thờ, phanh rộng tà áo lông ngắn mặc bên ngoài để ai cũng trông thấy.

Có lần ông chủ tịch Xô-viết xã gặp bác đã bảo bác:

- Bác ơi, bác tháo những thứ mề đay lủng lẳng ấy ra thôi! Bây giờ đeo thế không được đâu.

Bác bùng ra như một thùng thuốc súng:

- Ông có gắn cho tôi đâu mà hạ lệnh tháo ra được?

- Những kẻ nào gắn cho bác thì có lẽ đã nuôi giun dưới đất đen từ lâu rồi.

- Thì thây kệ họ! Còn tôi, tôi không tháo! Tước đoạt đến cả kẻ đã chết rồi nữa hả?

- Thế mà bác cũng mở mồm ra nói được... Tôi thương bác thì tôi khuyên bác là, theo tôi, dù bác có đi ngủ với họ chăng nữa, thì lũ chó... ngay cả lũ chó của họ nó cũng cắn tan cái quần của bác ra cho mà xem! Dù chúng có hẩu với bác, chúng cũng quên cái kiểu ăn mặc thế này rồi, không nhận ra bác nữa đâu...

Bác phải một bữa giận cay giận đắng, cay đắng chẳng khác nào cây ngải cứu lúc đang hoa. Huân chương huy chương bác bỏ hết, nhưng nỗi giận trong lòng bác lại càng lớn thêm, xum xuê mãi ra và bắt đầu quyện lẫn với căm hờn.

Mất đứa con trai thì cũng chẳng còn biết ki cóp dành dụm cho ai. Nhà kho đổ nát, súc vật phá hỏng khu chăn nuôi, buồng dệt vải bị bão táp làm tốc mái, nay vì kèo cũng ruỗng cả ra. Trong chuồng ngựa trống huếch hoác, lũ chuột tự do ngự trị. Dưới mái hiên chiếc máy cắt cỏ gỉ ra.

Ngựa thì lính Kadắc đã cướp đi trước khi rút chạy, còn mấy con thì quân đỏ lấy, sót lại một con cuối cùng, bốn vó có lông dài, tai cũng to, do lính Hồng quân vứt lại để đổi, thì mùa thu vừa rồi quân Măcnô trông thấy một cái là mua liền. Để trả tiền, chúng ném lại cho bác một đôi xà cạp Anh. Thằng bắn súng máy của quân Măcnô nháy mắt, bảo bác:

- Rồi quân ta lại đến nữa mà! Bác sẽ giàu to nhờ của cải của quân ta, bác ạ!

Thế là tất cả những gì bác dành dụm được mấy chục năm qua đã tan thành mây khói. Cứ mó tới công việc là tay bác run rẩy. Nhưng rồi tới mùa xuân, khi cánh đồng cô đơn, mệt mỏi, nằm đừ dưới chân bác, thì ruộng đất lại cám dỗ bác, đêm đêm lại kêu gọi bác bằng những tiếng thầm lặng nhưng không cưỡng lại được. Không thể gan lì được mãi, bác bèn gióng bò vào cày, rồi ra đi, dùng lưỡi thép mà xẻ ruộng thành luống, đem những hạt lúa mì chắc mẩy gieo vào lòng dải đất đen phàm ăn phàm uống.

Những người Kadắc từ biển và từ bên kia biển trở về cũng nhiều mà không ai thấy Pêtơrô cả. Họ đã cùng phục vụ với Pêtơrô ở nhiều trung đoàn khác nhau, đã cùng sống với Pêtơrô ở nhiều địa phương khác nhau, - nước Nga đâu có phải nhỏ? Thế mà nay cả trung đoàn những người cùng

làng và cùng đơn vị với Pêtơrô đều đã nằm xuống trong chiến trận với quân đội của Giơlôbinxki ở nơi nào đó tại Kuban cả rồi...

Bác Gavrila hầu như không nói gì với bà già nhà mình về đứa con trai.

Đêm đêm, bác nghe thấy tiếng bà thổn thức, sụt sùi trên gối.

- Bà sao thế, bà già? - Bác lừ khừ, hỏi.

Im lặng trong chốc lát, bà lên tiếng:

- Cái ông này mê muội mất rồi... đầu óc ông sinh hư ra rồi.

Bác giả tảng không hiểu ý của bác gái, khuyên:

- Bà nên uống một bát nước dưa chuột muối đi. Hay để tôi xuống hầm kho lấy cho bà?

- Thôi ông ngủ đi. Không sao đâu!

Thế là bầu không khí im lặng lại lan ra trong căn nhà như một mạng nhện nhằng nhịt, vô hình vô ảnh. Mặt trăng xấc xược ngó vào cửa sổ nhỏ, ngắm nhìn nỗi đau khổ của thiên hạ, niềm thương nhớ của người mẹ.

Tuy vậy, hai bác vẫn chờ đợi và hy vọng rằng đứa con trai của mình sẽ trở về. Đưa bộ da cừu đi thuộc, bác Gavrila bảo bác gái rằng:

- Tôi với bà khoác chung thì cũng được, nhưng nhỡ thằng Pêtơrô nó về thì lấy gì cho nó vận? Mùa đông đến rồi, phải may cho nó một chiếc áo lông ngắn.

Thế là hai bác may một chiếc áo lông ngắn theo khổ người Pêtơrô rồi cất vào hòm. Làm thịt gia súc xong, hai bác cũng khâu cho Pêtơrô một đôi ủng thường dùng. Bộ

quân phục bằng dạ xanh của mình, bác Gavrila cũng giữ gìn cẩn thận, lấy thuốc lá rời rắc vào cho nhậy khỏi cắn, còn khi thịt con cừu non thì bác lấy da khâu cho Pêtơrô một chiếc mũ lông có chỏm cao rồi treo lên đinh. Có lần từ ngoài sân bước vào nhà, bác nhác trông tưởng chừng như thằng Pêtơrô từ nhà trong bước ra, mỉm cười mà hỏi bác rằng: "Thế nào, bố, ngoài trại chăn nuôi lạnh lắm, phải không bố?"

Khoảng hai ngày sau, bác đi dọn dẹp cho gia súc trước khi trời sẩm tối. Chất đầy cỏ khô vào máng xong, định ra giếng kiếm nước thì bác sực nhớ là mình đã để quên bít tất tay trong nhà. Quay về, đẩy cửa ra thì bác thấy bà già đang quỳ gối cạnh chiếc ghế dài, ôm chặt chiếc mũ lông khâu cho Pêtơrô vào lòng mà đu đưa y như người đang ru con vậy...

Bác thấy mắt mình tối sầm lại, rồi như một con thú dữ, bác xông tới, đẩy bà già ngã lăn xuống đất. Cố nuốt nước bọt để dãi khỏi sùi ra mép, bác hét lên đến khàn cả tiếng:

- Thôi ngay, đồ khốn! Thôi ngay! Làm cái trò gì thế?

Bác giật mũ khỏi tay bà già, quẳng vào hòm, lấy ổ khoá khoá lại. Nếu có chú ý thì mới thấy từ sau đó, con mắt bên trái của bà già cứ giật giật lên và miệng bà hơi méo đi một chút.

Ngày tháng trôi qua. Nước sông Đông, trong xanh về mùa thu và luôn luôn chảy vội, cũng trôi qua.

Hôm đó, hai bên rìa sông Đông đã bắt đầu đóng băng. Đàn ngỗng trời muộn mằn cũng đã bay qua làng.

Đến chiều thì thấy cậu con trai nhà bên cạnh chạy sang gặp bác Gavrila. Cậu ta vội vã làm dấu trước các tượng thánh.

- Bác mạnh khoẻ chứ ạ!

- Nhờ trời cũng mạnh.

- Bác không nghe gì ư, bác? Anh Pêtơrô Likhôviđốp mới ở Thổ Nhĩ Kỳ về. Anh ấy đã từng phục vụ trong cùng một trung đoàn với anh Pêtơrô nhà ta đấy!

Bác Gavrila bèn mải mốt vào xóm, tức thở lên vì ho và vì đi vội: Nhưng Pêtơrô không có nhà, cậu ta sang thăm người anh em ở thôn khác, hẹn đến mai mới về.

Bác Gavrila thao thức suốt đêm. Mất ngủ, bác lả người trên bệ lò.

Gần về sáng, bác thắp đĩa đèn mỡ lên, ngồi khâu đôi ủng dạ.

Buổi sáng xanh sao như một người đàn bà hậu sản - đang xua từ đằng xóm xám biếc tới một ánh bình minh vàng vọt. Mặt trăng còn hé sáng giữa trời, nhưng không đủ sức để bò vào đám mây đen, đành tự chôn vùi trong ánh sáng ban ngày.

Trước bữa ăn sáng, bác Gavrila ngó ra cửa sổ và không hiểu tại sao bác lại thì thào:

- Prôkho đến kia rồi.

Anh ta bước vào, diện mạo lạ lùng, trông không ra người Kadắc nữa. Dưới chân anh ta cót két một đôi giầy da kiểu Anh trên mình anh ta thùng thình một chiếc áo

khoác cắt theo kiểu rất lố lăng, rõ ràng là áo cũ của người khác thải cho.

- Bác khoẻ chứ, bác Gavrila Vaxilich!

- Nhờ trời, tôi vẫn làm lụng được! Anh vào đi, ngồi đây.

Prôkhơ cất mũ, chào bác gái, rồi ngồi xuống ghế dài, phía góc ngoài.

- Chà, thời tiết lại thay đổi, gió thổi tuyết về nhiều quá, đi không nổi!

- Phải, tuyết năm nay sớm... Hồi trước bằng bây giờ thì đã thả súc vật ra ăn cỏ bãi rồi.

Im lặng kéo dài nặng nề trong một phút. Bác Gavrila vẫn ra vẻ thản nhiên và cứng cỏi, nói:

- Ở nơi đất khách quê người, trông anh già đi nhiều!

- Bác Gavrila Vaxilich, còn trẻ nỗi gì được! - Prôkho mỉm cười.

Bà lão liền lắp bắp:

- Thằng Pêtơrô nhà tôi...

- Im đi, cái bà này! - Bác Gavrila nghiêm mặt nạt nộ. - Đi tuyết lạnh, phải để cho người ta lại sức đã chứ, còn khối thời giờ để mà... hỏi han!

Quay lại với khách, bác hỏi:

- Sao, anh Prôkho Ichnatich, cuộc sống của các anh thế nào?

- Chẳng có gì hay ho, bác ạ. Như chó cụt đuôi chạy được về đến nhà, mà thế cũng là nhờ trời rồi.

- Vâ-â-ậy... Thế nghĩa là sống bên Thổ Nhĩ Kỳ cũng khó khăn?

- Cũng phải cố gắng lắm mới xoay xoả được. - Prôkho gõ gõ mấy ngón tay lên bàn. - Nhưng cả bác nữa, bác Gavrila Vaxilich ạ, bác cũng già đi nhiều rồi, đầu bác cũng điểm bạc thế kia rồi... Với chính quyền Xô-viết, các bác sống ra sao?

- Tôi đang chờ thằng con nó về... Chúng tôi già rồi, có nó phụng dưỡng cho... - Bác Gavrila mỉm cười, méo xệch miệng.

Prôkho vội đưa mắt nhìn ra phía khác. Nhận thấy như vậy, bác Gavrila bèn hỏi một cách gay gắt và thẳng thắn:

- Anh nói đi: thằng Pêtơrô ở đâu?

- Thế bác không nghe nói gì ư?

- Nghe nói thì đủ thứ chuyện, - bác Gavrila cắt ngang.

Prôkho quấn những tua viền nhớp bẩn của chiếc khăn bàn vào mấy ngón tay mình, không vội trả lời ngay:

- Hình như hồi đó là tháng Giêng... Vâng, đúng là vào tháng Giêng, chúng cháu đóng một đội bách quân ở gần Nôvôrôtxitxcơ... Đó là tên một thành phố ở bờ biển... Vâng, chúng cháu vẫn đóng ở đấy, như thường lệ...

- Nó bị giết rồi hay sao? ... - Bác Gavrila cúi mình xuống, khe khẽ hỏi thầm.

Prôkho không nhìn lên, nín lặng, dường như không nghe thấy câu hỏi của bác.

- Chúng cháu đang đóng ở đấy thì quân đỏ chọc thủng mặt trận, tiến về phía núi để liên kết với quân

xanh[1]. Anh ấy, anh Pêtơrô nhà ta, được cử làm chỉ huy đội bách quân để đi trinh sát... chỉ huy của chúng cháu trước đó là đại uý Xênin... Thế là xảy ra chuyện ấy đấy... bác hiểu là...

Cạnh lò, một đồ dùng gì đó bằng gang bỗng rơi xuống kêu loảng xoảng, rồi thấy bà già xuôi hai tay tiến về phía giường khóc oà lên.

- Đừng có gào! - Bác Gavrila gắt lên với vẻ dữ dội, rồi tựa khuỷu tay vào bàn, nhìn chằm chằm vào Prôkho, bác nói chậm rãi và mệt mỏi:

- Nào, anh kể nốt đi!

- Anh ấy bị họ chém! - Mặt tái đi, Prôkho thốt ra câu ấy, rồi đứng dậy, lấy tay sờ lần chiếc mũ đặt trên ghế dài. - Họ đã chém anh Pêtơrô... cho tới chết... Lúc ấy sau Pêtơrô đang cùng anh em dừng chân ở cạnh rừng, cho ngựa xả hơi, anh đang tháo đai ngựa đặt lên yên thì quân đỏ trong rừng kéo ra... - Prôkho nghẹn lời, đôi tay run rẩy vò nát chiếc mũ. - Anh Pêtơrô níu lấy mỏ yên thì yên tụt xuống bụng ngựa mất... Con ngựa dữ quá... nó không chịu, anh Pêtơrô bị bỏ lại... Thế là hết!

- Nếu ta không tin thì anh bảo sao?... - Bác Gavrila rành rẽ nói.

Prôkho không ngoái lại, rảo bước tiến ra phía cửa.

---

[1] *Những đơn vị nông dân phần lớn gồm những người đào ngũ, tập hợp nhau ở trong rừng, chủ yếu đánh lại quân trắng, nhưng đôi khi cũng bị phú nông lợi dụng để chống lại Hồng quân.*

- Xin tuỳ bác thôi, bác Gavrila Vaxilich ạ, chứ cháu thì cháu thật tình... Cháu nói sự thật... Sự thật hoàn toàn... Chính mắt cháu trông thấy...

- Nhưng nếu ta không muốn tin chuyện ấy thì sao? - Bác Gavrila đỏ mặt tía tai, hét lên, giọng khản đặc. Đôi mắt bác đỏ máu và đẫm lệ. Bác giật tung cổ áo sơ mi, để phanh bộ ngực đầy lông mà tiến về phía Prôkho đang len lét sợ hãi, và bác hất mái đầu đẫm mồ hôi về phía sau, rên rỉ: - Giết đứa con một à! Giết kẻ nuôi nấng chúng tao à? Giết thằng Pêtka của tao à? Mày nói láo, đồ chó đẻ! Nghe thấy không? Mày nói láo! Tao không tin!

Đêm đến, bác khoác chiếc áo lông ngắn lên vai, bước ra sân. Cọt kẹt đôi ủng dạ trên tuyết, bác tiến vào sân phơi lúa rồi ra đứng cạnh đống rơm.

Từ thảo nguyên, gió thổi về làm tuyết lắc rắc rơi; bóng tối đen xì và nghiêm khắc trập trùng dày đặc trên các bụi anh đào trụi lá:

- Con ơi! - Bác Gavrila cất tiếng thầm gọi. Chờ đợi một chút, không nhúc nhích mà cũng không ngoảnh đầu lại, bác lại gọi: - Pêtơrô! Con của bố!

Rồi bác nằm úp sấp xuống mặt tuyết bị dày xéo cạnh đống rơm, nặng nhọc nhắm chặt mắt lại.

Trong xã, người ta bắt đầu xì xào bàn tán về chế độ trưng thu lương thực thừa, về những toán phỉ đang từ hạ lưu sông Đông tràn tới. Trong các cuộc hội họp nhân dân ở trụ sở Uỷ ban xã, người ta thì thầm thông báo tin tức cho

nhau, nhưng vì bác Gavrila không có việc gì cần phải lên xã, từ lâu không hề đặt chân lên cái thềm gỗ ọp ẹp ấy của trụ sở Uỷ ban, nên nhiều chuyện bác không biết, nhiều việc bác không hay. Bởi vậy, sau bữa ăn trưa ngày chủ nhật hôm ấy, khi bác thấy ông chủ tịch xã cùng với ba người mặc áo lông bằng da thuộc màu vàng ngắn cũn cỡn, đeo súng trường đến nhà mình thì bác không khỏi hết sức lạ lùng.

Ông chủ tịch bắt tay bác xong, lập tức hỏi một câu như sét đánh ngang tai.

Nào, bác khai rõ đi, nhà có thóc không?

- Thế ông nghĩ sao? Không có thóc thì mang thần thánh ra mà ăn được à?

- Thôi bác đừng gai góc nữa, nói cụ thể đi, thóc để đâu?

- Ở vựa thóc chứ còn ở đâu nữa.

- Dẫn chúng tôi đi xem.

- Nhưng xin cho biết, các ông dính dáng chuyện gì đến thóc của tôi?

Một người cao lớn, tóc hoe, có vẻ cấp trên, giập gót ủng ngoài tuyết lạnh, nói:

- Chúng tôi thu thóc thừa để nộp cho Nhà nước. Đây là chế độ trưng thu lương thực thừa. Bố già đã nghe nói việc này rồi chứ?

- Nhưng tôi không nộp thì sao? - Mặt xưng xỉa vì giận dữ, bác Gavrila khan giọng hỏi.

- Bác không nộp? Chúng tôi cứ lấy!

Họ thì thầm gì đó với ông chủ tịch, rồi mò vào các đống thóc trong vựa, những đôi ủng của họ hất từng vốc

tuyết vào những hạt lúa mì sẫm vàng đã được phơi khô quạt sạch. Anh tóc hoe châm thuốc hút rồi ra lệnh:

- Để lại phần thóc giống, thóc ăn, còn bao nhiêu phải nộp đất: - Bằng con mắt đánh giá thành thạo, anh ước lượng số thóc trong vựa rồi quay lại hỏi bác Gavrila: - Bố gieo trồng bao nhiêu đêxiatina?

- Gieo lên đầu quỷ sứ ấy! - Bác Gavrila lại khan giọng trả lời, bác ho lên sù sụ và mặt bác bỗng dúm dó lại. - Lấy đi, đồ trời đánh thánh vật nhà các ông! Cướp đi! Cướp hết đi!

- Bác cuồng lên rồi hay sao? Nên biết điều một chút, bác Gavrila ơi! Ông chủ tịch vừa khoa cái găng tay vào mặt bác Gavrila, vừa nài nỉ bác.

- Nhai ngấu nhai nghiến của cải nhà người ta! Cứ tọng vào họng đi!

Anh tóc hoe vuốt sợi băng vừa tan trên bộ ria của mình, đưa con mắt thông minh, giễu cợt nhìn bác Gavrila với vẻ châm chọc rồi điềm đạm mỉm cười bảo bác:

- Bố già ơi, đừng có chồm chồm lên! Kêu la không ăn thua đâu. Bác làm gì mà rít lên như bị người ta giẫm phải đuôi ấy? ... - Rồi, nhíu đôi lông mày, anh đổi hẳn giọng: - Chớ có già mồm! Nếu lưỡi bác quá dài thì bác cột nó vào răng ấy! Bác mà phản tuyên truyền... - Không nói hết lời, anh đưa tay vỗ vào bao súng ngắn màu vàng sề sệ bên hông, nhưng rồi lại chuyển sang giọng nhẹ nhàng hơn. - Ngay ngày hôm nay bác chở thóc ra trạm nộp đi!

Kể ra ông già cũng chẳng đến nỗi sợ, nhưng thấy giọng anh tóc hoe chắc nịch và rành rọt, ông cũng phải

chịu lún và cũng hiểu rằng kêu la chẳng ăn thua gì thật. Bác ta phẩy tay, đi ra thềm. Chưa ra tới giữa sân, bác đã giật bắn người vì một tiếng thét khản đặc và man rợ.

- Bọn trưng lương đâu?

Ngoái lại, bác Gavrila thấy một kỵ binh xoay tròn trên mình một con ngựa đang chồm dựng lên hai chân sau ngoài bờ rào. Cảm thấy trước chuyện chẳng lành bác bủn rủn cả chân tay. Bác chưa kịp há miệng thì tên kỵ binh đã trông thấy mấy người đứng cạnh vựa thóc. Nó liền ghìm ngay cương ngựa, lẹ làng đưa tay giật khẩu súng trường đeo bên vai.

Một tiếng súng nổ vang, rồi trong khoảnh khắc im lặng bao trùm cả sân sau tiếng súng, người ta nghe rõ tiếng lên cò lần thứ hai và tiếng vỏ đạn bật ra nghe đánh soạt.

Phút sửng sốt đã qua, anh tóc hoe nép vào khung cửa, bàn tay anh chậm đến kinh khủng, lật bật mãi mới rút được khẩu súng lục ra khỏi bao. Ông chủ tịch thì khuỵu chân xuống như một con thỏ, phóng qua sân nhà về phía sân phơi thóc, còn một đội viên đội trưng lương thì quỳ xuống dùng súng các bin xả một băng đạn vào chiếc mũ lông đen có chỏm cao thấp thoáng ngoài bờ rào. Tiếng súng nổ đùng đùng loạn xạ trong sân. Mãi bác Gavrila mới rút được đôi chân như dính chặt xuống tuyết rồi ì ạch chạy té lên thềm nhà. Ngoái cổ lại, bác thấy bác người mặc áo lông ngắn bằng dạ thuộc đang tản ra lộn xộn, vướng víu trong các đống tuyết, chạy về phía sân phơi lúa, mà bọn kỵ binh thì đã túa vào cổng chính mở tanh banh.

Tên đi đầu đội mũ lông kiểu Kuban, cưỡi con ngựa màu hung, cúi mình sát tận mỏ yên, khoa một thanh kiếm trên đầu. Tà khăn choàng đầu trắng của nó lấp loáng trước mắt bác Gavrila như đôi cánh thiên nga, vó ngựa của nó hất tung cả tuyết vào mặt bác.

Bác Gavrila bất lực nép vào dãy lan can chạm trổ trên thềm nhà. Bác thấy con ngựa đực màu hung rướn mình nhảy vút qua bờ rào rồi đứng dựng trên hai chân sau, xoay tròn quanh đống rơm đại mạch đang đánh dở, còn tên kỵ binh người vùng Kuban thì từ trên yên ngựa nhoai mình xuống dùng kiếm chém ngang chém dọc một đội viên trưng lương đang bò lê bò càng dưới đất...

Trong sân phơi lúa thì có những tiếng động đứt đoạn, mơ hồ, tiếng la hét om xòm và có tiếng ai nức nở kéo dài. Một phút sau, một phát súng đơn độc nổ vang. Những con bồ câu sợ rạt đi vì tiếng súng, đã đậu xuống mái vựa lúa, nay lại bay vút lên trời thành những hạt màu tím. Bọn kỵ binh trong sân phơi lúa cập rập hẳn lên.

Khắp làng ầm ầm tiếng chuông rung đồng loạt, trong trẻo không dứt. Thằng Pasa, một đứa ngốc nghếch trong làng, đã leo được lên gác chuông, nhưng đầu óc đần độn, nó không kéo chuông báo động mà lại khua chuông đồng loạt theo điệu nhảy múa ngày lễ Phục sinh.

Tên kỵ binh người vùng Kuban tiến lại gần bác Gavrila. Chiếc mũ trùm đầu màu trắng của nó trụt xuống vai. Mặt nó bừng bừng, đẫm mồ hôi, co giật liên hồi. Hai bên mép nó xịu xuống, đầy rớt dãi.

- Có kiều mạch không?

Bác Gavrila nhích khỏi thềm nhà một cách khó khăn. Những cảnh diễn ra làm bác rũ rượi, lưỡi bác tê cứng lại, không sao điều khiển nổi.

- Điếc hay sao, đồ quỷ? Ta hỏi: có kiều mạch không? Mang ra đây một túi.

Bọn chúng chưa kịp dắt ngựa ra máng ăn thì một thằng khác đã nhảy bổ vào trong cổng.

- Lên ngựa ngay?... Bộ binh đang từ trên núi kéo xuống...

Thằng kỵ binh người vùng Kuban đành phải vừa chửi rủa vừa đóng cương vào con ngựa đực đang còn bừng bừng toát đẫm mồ hôi. Nó còn lấy tuyết cọ sát hồi lâu cổ tay áo bên phải bết những vết gì màu đỏ tươi.

Rút ra khỏi sân nhà bác Gavrila tất cả có năm thằng. Đằng sau yên thằng đi cuối cùng, bác Gavrila nhận thấy nó cuốn theo chiếc áo lông bằng da thuộc màu vàng loang lổ máu của anh tóc hoe.

Tiếng súng nổ đùng đùng trong khe mận gai bên kia gò cho tới tận chiều. Làng đã im lìm, nhẫn nhục như con chó bị đánh. Ánh chiều đã nhuốm màu xanh, bác Gavrila mới dám lò mò bước tới sân đập lúa. Bước qua cổng nhỏ mở toang, bác thấy ông chủ tịch bị đạn, nằm vắt người trên hàng rào ven sân, đầu thõng xuống đất. Hai tay ông ta lủng lẳng như muốn với lấy chiếc mũ đã lăn sang bên kia rào.

Cách đống rơm không xa, trên mặt tuyết vung vãi đầy trấu và thức ăn thừa của súc vật, có ba đội viên nằm

thành một hàng, người nào người nấy đều bị lột sạch quần áo ngoài. Và khi nhìn thấy họ, bác Gavrila khủng khiếp rụng rời, không còn cảm thấy trong lòng chất chứa nỗi căm giận như hồi sáng nữa. Sân đập lúa xưa nay thường chỉ bị đàn dê bên hàng xóm sang quấy phá và tha lôi đống rơm, giờ đây lại la liệt toàn những người bị băm vằm nhừ tử, cảnh tượng đó đối với bác Gavrila thật như một chuyện hoang đường, một giấc mơ. Và từ những người nằm đó, từ những vũng máu sủi bọt đã đông nay lại đang rữa ra, bác thấy đã thoáng có mùi xác chết...

Anh tóc hoe nằm vẹo đầu sang bên một cách rất không tự nhiên, và nếu đầu anh không bị vùi xuống tuyết, có thể tưởng là anh đang nằm nghỉ, vì chân nọ của anh gác lên chân kia thật hờ hững.

Người thứ hai, mặt rỗ hoa, có rìa đen, thì cong người lại, đầu thụt vào hai vai, răng nhe ra một cách quyết liệt và căm hờn. Người thứ bác đầu rúc vào đống rơm, mình nhoài ra trên tuyết; ở đôi tay anh vươn ra khi giẫy chết, người ta thấy có biết bao sức lực và sự cố gắng.

Cúi xuống nhìn vào bộ mặt sạm đen của anh tóc hoe, bác Gavrila bỗng rùng mình thương xót, trước mặt bác không phải là một ông chính uỷ bực dọc có đôi mắt sắc sảo của đội trung lương, mà chỉ là một cậu bé chừng mười chín tuổi. Dưới hàng lông tơ hoe vàng bên mép anh ta, sương giá đã đọng lại và hằn lên một nếp đau thương, chỉ thấy ngang trán đen sì một vết chém sâu hoắm, nghiệt ngã.

Bác đưa tay bâng quơ sờ vào bộ ngực trần của anh ta và bỗng giật mình, vì bất ngờ qua làn giá lạnh, bàn tay

bác vẫn cảm thấy hơi ấm còn chưa tắt hẳn trên người anh ta...

Thấy ông cụ ì ạch và rên rỉ ghé lưng lôi về một thân hình cứng queo, bết máu đen, bà cụ ối lên một tiếng, làm dấu rồi dứng nép vào bên lò.

Bác Gavrila đặt anh ta lên ghế dài, lấy nước lạnh rửa ráy cho anh ta, dùng một chiếc bít tất len rặm cọ sát chân, tay, ngực anh ta thật lâu cho tới khi bác mệt lử và toát cả mồ hôi. Rồi bác ghé tai vào bộ ngực lạnh ghê người của anh ta, lắng nghe mãi mới thấy được tiếng tim đập xa xôi và rất thưa thớt.

Đã bốn ngày đêm liền anh ta nằm trong nhà trong, người vàng như nghệ, chẳng khác gì một xác chết. Vết chém chạy ngang qua trán và má anh đã khô máu, đỏ hỏn lên. Bộ ngực anh được bó chặt, khò khè, khụt khịt hít không khí, làm lay động chiếc chăn.

Ngày nào bác Gavrila cũng thò ngón tay khô cứng, nứt nẻ của mình vào mồm anh ta, lấy mũi dao thận trọng cậy hai hàm răng siết chặt của anh ta ra để bà cụ dùng ống sậy đổ sữa ấm và nước ninh xương cừu vào mồm anh.

Tới ngày thứ tư, từ sáng đã thấy đôi má anh bắt đầu hồng hào trở lại, đến trưa thì mặt anh bừng lên như một bụi sơn trà nở bung trong giá lạnh, toàn thân run lên, và chiếc sơ mi của anh đã nhớp nháp mồ hôi lạnh.

Từ đó trở đi, anh tóc hoe bắt đầu mê sảng khe khẽ và rời rạc, đôi lúc như muốn nhoai ra khỏi giường. Ngày đêm, hai vợ chồng bác Gavrila thay nhau túc trực bên anh.

Trong những đêm đông dằng dẵng, khi gió đông từ lưu vực sông Đông thổi về khuấy động bầu trời u ám, và

khi những đám mây đen lạnh lẽo trải thấp xuống tận xóm làng, bác Gavrila vẫn ngồi cạnh giường người bị thương. Bác gục đầu xuống đôi tay, lắng nghe anh ta mê sảng, kể lể câu chuyện gì đó một cách rời rạc, bằng một giọng địa phương phía bắc nghe ô-ô, ồ-ồ rất lạ tai. Bác nhìn ngắm mãi khoảng da cháy nắng đen sạm thành hình tam giác trên ngực anh ta, đôi mí mắt xanh lơ của anh ta đang nhắm chặt trong một vòng cung xám biếc. Mỗi khi đôi môi nhợt nhạt ấy buông ra những tiếng rên não ruột, khàn khàn thốt ra một mệnh lệnh hoặc những lời chửi rủa bậy bạ, và mỗi khi bộ mặt ấy nhăn nhó vì giận dữ hoặc đau đớn, thì bác Gavrila lại cảm thấy nghẹn ngào trong dạ. Đó là những giây phút mà tự dưng bác thấy lòng mình xót thương vô hạn.

Bác cũng thấy bác gái mỗi ngày mỗi đêm không ngủ bên giường là mặt tái xanh và héo hon đi, thấy cả những giọt nước mắt trên đôi má nhăn nheo của bà già và bác hiểu, hay nói đúng hơn là bằng trái tim mình, bác cảm biết rằng do lòng yêu thương chưa nguôi đối với thằng Pêtơrô, đối với đứa con trai đã chết, nay bà già chuyển sang yêu thương đứa con trai của một người nào khác, cái thằng bé đã giáp mặt tử thần, nay đang nằm im phăng phắc nơi kia...

Một hôm, trung đoàn Hồng quân hành quân qua xóm, viên chỉ huy trung đoàn có ghé vào thăm. Ông để ngựa ngoài cổng cho người cần vụ trông rồi chạy lên thềm nhà, thanh gươm và cựa giầy của ông kêu lạch xạch. Vào buồng trong ông cất mũ, đứng im lặng cạnh giường hồi

lâu. Trên mặt người bị thương vẫn vương vất những bóng đen mờ nhạt, đôi môi vẫn đang nứt máu vì những cơn sốt. Viên chỉ huy khẽ lắc mái đầu bạc trước tuổi, đôi mắt ông mơ màng nhìn đâu đâu xuyên qua cặp mắt bác Gavrila, rồi ông bảo bác:

- Ông già, hãy trông nom cho đồng chí này.

- Chúng tôi sẽ trông nom! - Bác Gavrila đáp lại chắc nịch.

Ngày giờ trôi qua. Lễ Giáng sinh cũng đã qua. Tới ngày thứ mười sáu, lần đầu tiên anh tóc hoe mới mở được mắt ra, và bác Gavrila nghe thấy một giọng the thé thanh mảnh như sợi tơ nhện:

- Bố đấy ư, bố già?

- Tôi đây.

- Chúng nó đánh con ra trò phải không?

- Nhờ ơn Chúa Kirixitô!

Ở đó mắt trong sáng và trong cái nhìn mơ hồ của anh, bác Gavrila tưởng như có một vẻ bông lơn hiền hoà, chất phác.

- Thế anh em đâu?

- Mấy anh em ấy... được chôn cất ở ngoài bãi tập rồi.

Anh im lặng ngọ nguậy mấy ngón tay dưới tấm chăn và đưa mắt nhìn những tấm ván mộc trên trần nhà.

- Gọi tên con bằng gì? - Bác Gavrila hỏi.

Anh mệt mỏi khép đôi mi mắt xanh vằn vèo những đường gân.

- Nicôlai.

- Nhưng mà chúng ta cứ gọi con bằng Pêtơrô... Vì thằng con trai trước tên là... Pêtơrô... - Bác Gavrila giải thích.

Bác suy nghĩ, định hỏi thêm điều gì nữa, nhưng nghe có tiếng hít thở đều dặn ở mũi anh ta, bác liền rón rén bước ra, dang hai tay để giữ thăng bằng.

Nhưng sức sống trở lại với anh chậm chạp và dường như miễn cưỡng. Sang tháng sau, anh vẫn khó lòng cất đầu khỏi gối, da lưng nhiều chỗ bị mục ra.

Mỗi ngày bác Gavrila lại thêm kinh hoàng cảm thấy mình gắn bó thiết tha với thằng Pêtơrô mới này, còn hình ảnh của thằng Pêtơrô trước, do mình đẻ ra, thì ngày lại càng phai nhạt, lu mờ, như ánh chiều tà trên tấm mica cửa sổ nhà mình vậy. Bác càng cố trở lại với nỗi đau buồn cũ, thì cái cũ ấy lại càng trôi ra xa, khiến bác chỉ thêm hổ thẹn và khó xử... Bác ra trại chăn nuôi, lần mò ở đó hàng tiếng đồng hồ, nhưng khi sực nhớ là bác gái cứ ngồi lì mãi bên giường thằng Pêtơrô thì bác lại cảm thấy ghen tị. Bác trở về nhà, lặng lẽ lần bước cạnh đầu giường, dưa những ngón tay cứng queo mà lóng ngóng rém lại chiếc áo gối, nhưng bắt gặp đôi mắt giận dỗi của bác gái thì bác đành chịu nhịn ngồi xuống ghế dài và nín lặng.

Bà già cho Pêtơrô ăn mỡ con culi, uống lá dâu hái từ mùa xuân vào độ nở hoa tháng năm. Không biết có phải vì thế không hay vì sức trẻ vượt qua được ốm đau, mà những vết thương đã bắt đầu lành, đôi má đã phính ra và hồng

hào trở lại, chỉ trừ cánh tay phải, xương cẳng tay bị gãy chưa tiền lại được. Chắc là cánh tay ấy hỏng mất rồi.

Nhưng dù sao tới tuần chay thứ hai, lần đầu tiên Pêtơrô cũng tự mình ngồi dậy được trên giường mà không cần ai giúp đỡ cả. Ngạc nhiên về sức lực của bản thân mình, anh mỉm cười hồi lâu với vẻ hồ nghi.

Đêm đến, nằm trên bệ lò trong bếp, vừa ho bác Gavrila vừa thì thào hỏi:

- Bà ngủ rồi ư, bà?

- Ông hỏi cái gì?

- Nó đứng dậy được rồi đấy! Mai bà lấy chiếc quần rộng ống của thằng Pêtơrô ở trong hòm ra nhé... Chuẩn bị cho đủ quân trang quân bị nhé. Nó chẳng có quần áo gì mặc cả.

- Tôi biết rồi! Tôi lấy ra đủ cả rồi.

- Cái bà này nhanh gớm nhỉ! Thế áo lông ngắn đã lấy ra chưa?

- Chẳng lấy ra thì để nó ở trần hay sao?

Bác Gavrila lục cục trên bệ lò, suýt chợp mắt thì lại chợt nhớ ra, đắc ý cất đầu dậy:

- Thế còn mũ lông? Bà già lẩn thẩn ơi, chắc bà quên mất mũ lông rồi?

- Thôi đi ông! Chiếc mũ lông vẫn còn treo trên đinh đến tận ngày mai nữa kia kìa, đi qua đi lại hàng bốn chục lượt mà không thấy hay sao!

Bác Gavrila ngán ngẩm ho lên một tiếng rồi nằm im thin thít.

Mùa xuân rộn ràng đã làm con sông Đông tỉnh giấc! Mặt băng đen đủi đi, như bị sâu mọt đục lỗ chỗ và phồng

lên từng dám một. Núi cũng trơ trụi cả ra. Từ cánh đồng, tuyết dồn về các khe, thung lưu vực sông Đông trở nên lờ đờ, tràn ngập nước trong cơn lũ chói chang ánh nắng mặt trời. Từ cánh đồng, gió hào phóng thổi về vị đắng hồi sinh của cây ngải cứu.

Đã sắp hết tháng Ba.

- Hôm nay con dậy dây, bố ạ !

Mặc dù mọi chiến sĩ hồng quân, mỗi khi bước qua ngưỡng cửa nhà bác Gavrila, nhìn thấy mái tóc bạc phơ của bác cũng đều cất tiếng gọi bác bằng bố, nhưng lần này bác thấy trong tiếng gọi ấy có một giọng ấm áp. Không biết bác tưởng tượng ra như thế hay thật sự Pêtơrô đã gói ghém tấm lòng trìu mến của người con trong tiếng gọi này, nhưng nó đã làm bác đỏ mặt tía tai, bật ho lên, và, cố giấu niềm vui bối rối, bác lắp bắp:

- Nằm ba tháng liền rồi còn gì... Dậy được rồi đấy, Pêtia.

Pêtơrô đi ra thềm, chân bước ngỡ ngàng, và anh suýt nghẹt thở vì gió thốc quá nhiều không khí vào phổi. Bác Gavrila theo sau để nâng đỡ anh, còn bà già thì cũng rộn ràng đứng cạnh thềm, lấy rèm cửa lau những giọt nước mắt thường lệ.

Đi ngang qua mái vựa lúc bờm sờm, cậu Pêtơrô con nuôi lại hỏi.

- Hồi ấy bố đã đem thóc đi nộp rồi chứ?

- Nộp rồi... - Bác Gavrila lẩm bẩm, có vẻ miễn cưỡng.

- Ồ, bố làm thế là tốt đấy, bố ạ!

Và một lần nữa tiếng gọi "bố" lại làm cho bác Gavrila thấy ấm áp trong lòng. Ngày nào Pêtơrô cũng chống gậy khập khiễng đi la cà khắp sân. Và dù đứng ở đâu, ở sân phơi lúa hay dưới mái hiên nhà chứa lúa, bác Gavrila cũng lo âu đưa mắt dõi tìm dứa con trai mới của mình, mong sao nó đừng sẩy chân, vấp ngã!

Bác và Pêtơrô ít trò chuyện với nhau, nhưng đối xử với nhau rất mộc mạc mà đầy tình thương mến.

Một hôm, khoảng hai ngày sau khi lần đầu tiên Pêtơrô bước ra sân, trước khi đi ngủ, vừa thu dọn chỗ nằm trên bệ lò, bác Gavrila vừa hỏi:

- Nơi sinh con ở đâu, hở con?

- Ở Uran ạ.

- Gia đình nông dân chứ?

- Không, công nhân ạ!

- Là thế nào? Làm nghề thủ công, ví như đóng giầy hay đóng thùng đấy ư?

- Không, bố ạ, con làm trong xưởng máy. Con làm ở xưởng đúc gang. Con ở đấy từ hồi nhỏ.

- Thế sao con lại đi thu thóc là thế nào?

- Đấy là quân đội cử đi ạ.

- Vậy con làm chỉ huy của họ à?

- Vâng, con là chỉ huy.

Kể ra cũng khó hỏi thêm nữa, nhưng bác cũng cứ hỏi:

- Nghĩa là mày là đảng viên chứ gì?

- Vâng, con là đảng viên cộng sản, - Pêtơrô nở một nụ cười trong sáng, trả lời.

Và cũng do nụ cười chất phác này mà bác Gavrila thấy câu trả lời xa lạ kia không có gì là khủng khiếp đối với bác nữa.

Bác gái được thể, mau miệng hỏi ngay.

- Thế con có gia đình không, Pêtiusơka?

- Gia đình chẳng còn ai hết! Chỉ còn trơ mỗi mình con, như trăng trên trời!

- Bố mẹ chắc chết cả rồi?

- Bố mẹ con mất từ lúc con còn bé tí, mới khoảng bảy tuổi. Bố con đi chè chén say sưa rồi bị người ta giết chết, còn mẹ con bỏ đi đâu mất...

- Tội nợ cái nhà bà ấy! Bà ấy bỏ thằng bé tội nghiệp thế mà đi à?

- Bà ấy theo một người thầu khoán, còn con lớn lên trong xưởng.

Bác Gavrila ngồi trên bệ lò, thòng chân xuống, im lặng hồi lâu, rồi cất tiếng nói chậm rãi, rành rẽ:

- Thôi, con ạ, mày đã không còn người thân kẻ thích gì như thế thì cứ ở lại đây với vợ chồng tao... Chúng tao đã từng có một đứa con trai, cho nên bây giờ mới gọi mày bằng tên của nó là Pêtơrô... Nó không còn nữa, bị lãng quên rồi, giờ chỉ còn có tao với bà nó sống vò võ thế này thôi... Suốt thời gian qua chúng tao đã đổ mồ hôi sôi nước mắt vì mày, chắc vì thế mày cũng quý mến chúng tao. Mày tuy là khác máu, nhưng chúng tao lo lắng cho mày khác nào con đẻ... Vậy mày ở lại đây với chúng tao! Chúng tao sẽ cùng mày làm ăn sinh sống trên mảnh đất này, được cái là mảnh đất sông Đông này của chúng ta cũng

phì nhiêu, màu mỡ. Chúng tao sẽ lo liệu cho mày... Tao đã già rồi, mày quản lý lấy cơ ngơi. Chỉ cốt là mày coi trọng tuổi già của chúng tao, cho chúng tao miếng ăn cho tới khi nhắm mắt xuôi tay... Đừng bỏ chúng tao, tội nghiệp, Pêtơrô ạ...

Một con dế kêu lên ti tỉ, rền rỉ, dằng sau lò.

Tiếng cánh cửa sổ lạch cạch buồn buồn trong gió.

- Thế mà tao với bà nó đã đi xem mặt con gái trong làng này cho mày rồi đấy! - Bác Gavrila nháy nháy mắt, cố làm ra vẻ vui tươi, nhưng đôi môi bác run rẩy, méo xệch thành một nụ cười thảm hại.

Pêtơrô dăm đăm nhìn xuống sàn nhà thủng lỗ dưới chân mình, tay trái anh gõ gõ lên mặt ghế dài. Tiếng gõ nghe khô khan, chậm rãi, nhưng xao xuyến: cách, cách, cách, cách!

Rõ là vẻ đang suy nghĩ cách trả lời. Và sau khi đã suy nghĩ xong, anh thôi gõ, hất mạnh đầu lên, nói:

- Bố ạ, ở lại với bố mẹ thì con vui lòng thôi. Có điều là, như bố đã thấy, con làm ăn kém lắm... Một bên tay, lại là chủ lực, vẫn còn chưa lành, tệ thế! Nhưng sức có bao nhiêu, con sẽ làm bấy nhiêu. Con ở với bố mẹ hết mùa hè này, rồi sau sẽ tính thêm.

- Rồi sau chắc là con sẽ ở luôn với bố mẹ thôi! - Bác Gavrila kết thúc câu chuyện.

Chiếc xe dưới chân bà già bắt đầu quay vù vù, kêu ro ro lên một cách vui vẻ, đều đặn quấn sợi len vào trục.

Không hiểu là với âm thanh đều đều và ru ngủ ấy, bà muốn đưa mọi người vào cõi mộng hay đang hứa hẹn một cuộc sống tự do, phóng khoáng?

Sau mùa xuân là những ngày nắng cháy da, đầu tóc người ta xoăn lại và trắng phớ ra vì cát bụi mỡ màng của thảo nguyên. Trời khô lạnh kéo dài. Vẫn sôi nổi như còn trẻ trung, con sông Đông nổi cồn lên những làn sóng đuôi cờ. Dòng lũ mang nước đến cho những nông hộ ven làng. Hai bên bờ sông Đông điểm màu xanh xanh trắng trắng chen nhau, đang tràn ngập trong gió mùi thơm ngọt ngào của những cây dương đang hoa. Trong thảo nguyên, mặt hồ phủ đầy cánh hoa táo dại, ửng hồng lên mỗi lúc bình minh. Đêm đêm những tia chớp nguồn nhấp nháy như mắt các cô gái, và giờ đây đêm cũng chỉ ngắn ngủi như ánh lửa đỏ của những tia chớp ấy. Ngày làm việc dài ra đến nỗi bò cày không kịp nghỉ. Những súc vật khác, lông xạm đi, gầy trơ sườn, tha thẩn gặm cỏ trên những bãi chăn.

Bác Gavrila và Pêtơrô cùng sống với nhau một tuần ngoài cánh đồng. Họ cày, bừa, gieo, cùng ngủ dưới gầm xe gỗ, cùng đắp chung một chiếc áo lông dài. Mặc dầu không nói gì, nhưng bác Gavrila hiểu rằng mình đã gắn bó với đứa con trai mới này bằng một sợi dây vô hình mà khăng khít. Cái thằng tóc hoe vui tính, hay làm này đã che lấp hình ảnh của thằng Pêtơrô xưa kia, mà bác Gavrila ngày càng ít nhớ tới. Vả chăng, cũng chẳng còn thời giờ đâu mà nhớ nhung trong công việc.

Ngày lại ngày lén lút trôi qua, không ai hay biết. Vụ cắt cỏ đã đến.

Rồi một hôm Pêtơrô cặm cụi suốt từ sáng với chiếc máy cắt cỏ. Bác Gavrila ngạc nhiên thấy anh ta đem vào lò rèn sửa được bộ dao, rồi làm được cả bộ cánh gỗ mới, thay bộ cánh cũ đã dập nát. Anh ta hì hục từ sáng với chiếc máy cắt cỏ, đến sẩm tối có người gọi, lại ra Uỷ ban tham gia cuộc họp gì đó. Trong lúc ấy, bà già đi kín nước đã mang từ trạm bưu điện về một bức thư. Trên chiếc phong bì cũ nát và hoen ố thấy có đề tên bác Gavrila, nhờ chuyển cho đồng chí Nicôlai Kôxưkhơ.

Bị ám ảnh bởi một mối lo âu mơ hồ, bác Gavrila xoay đi xoay lại hoài trong tay chiếc phong bì có những hàng chữ mờ nhạt viết loằng ngoằng bằng bút bi.

Bác giơ mãi bức thư lên trời mà nhìn, nhưng chiếc phong bì vẫn ghen tị giữ kín một điều bí ẩn của ai đó. Bất giác bác Gavrila cảm thấy mỗi lúc một thêm tức giận, vì bức thư này đã đến phá rối sự yên tĩnh đã trở nên quen thuộc với bác.

Phút chốc, bác đã có ý nghĩ xé tan bức thư đó ra, nhưng nghĩ lại, bác quyết định đưa thư cho Pêtơrô. Khi Pêtơrô về tới cổng, bác đã báo tin:

- Con ơi, có thư ở đâu gửi cho con đấy.

- Gửi con à? - Pêtơrô sửng sốt.

- Gửi con đấy. Vào đọc xem!

Vào nhà thắp đèn xong, bác Gavrila đưa đôi mắt sắc bén và dò hỏi theo nét mặt vui mừng của Pêtơrô sau khi đã đọc xong thư. Không nín nổi, bác bật hỏi:

- Thư ở đâu đến?

- Ở Uran.

- Ai viết? - Bà già cũng tò mò hỏi.

- Các đồng chí trong xưởng máy.

Bác Gavrila đã thấy chờn chợn.

- Họ bảo gì thế?

Pêtơrô tối sầm mặt mũi lại, ngập ngừng nói:

- Họ gọi con về xưởng... Họ định cho máy làm việc trở lại. Xưởng nằm ì suốt từ năm chín trăm mười bảy đến giờ.

- Vậy thì sao?... Mày phải đi ư? - Bác Gavrila hỏi với giọng khàn khàn.

- Con cũng chưa rõ...

Pêtơrô trông vêu vao và vàng vọt đi. Đêm nào bác Gavrila cũng thấy nó thở dài và trăn trở trên giường. Sau khi đã suy nghĩ lao lung, bác hiểu rằng Pêtơrô chẳng thể sống được ở nơi làng mạc này, không phải là người tay cày tay cuốc mà cào xới vùng đất đen hoang vu, đồng không mông quạnh này. Cái xưởng máy đã từng nuôi sống Pêtơrô ấy sớm muộn rồi cũng gọi anh ta đi, và rồi những chuỗi ngày buồn tẻ, hoang sơ và đen đủi ấy sẽ lại lê thê kéo đến. Giá mà bác có thể đập tan tành cái xưởng máy đang căm hờn ấy ra đến từng viên gạch một, san nó ra thành bình địa để cho cây tầm ma và đám cỏ dại xơ xác mọc lên đó!

Tới ngày thứ ba trong vụ cắt cỏ, khi hai bố con trở về chỗ dừng chân trong thảo nguyên để uống nước, Pêtơrô bắt đầu nói:

- Bố ơi, con không thể ở lại được đâu! Con phải về xưởng máy thôi... Nhà máy kêu gọi, con không sao yên lòng được...

- Sống ở đây khổ hay sao?

- Không phải thế... Nhà máy chúng con, khi Kôntsác nó đến, chúng con phải bảo vệ tới một tuần rưỡi. Lúc nó chiếm được khu công nhân, nó treo cổ luôn chín anh em. Bây giờ anh em công nhân, ai ở quân đội về được thì khôi phục lại xưởng máy. Bản thân họ và cả gia đình họ đều đói khổ dói sở, nhưng họ vẫn làm việc... Thế thì bố bảo con sống ở đây sao được? Lương tâm con để đâu?

- Mày giúp gì được? Một tay còn chưa lành.

- Bố nói gì lạ thế, bố ơi! Bây giờ ở đó có tay nào quý tay ấy?

- Vậy tao chẳng giữ. Mày đi vậy! - Bác Gavrila hăng hái đáp. - Nhưng mày phải nói dối bà già... bảo là mày đi rồi mày sẽ lại về... Cứ nói là con đến đấy ít bữa rồi sẽ trở về ngay kẻo bà ấy buồn, bà ấy chết mất. Chúng tao chỉ còn có mình mày...

Rồi, vẫn níu lấy một tia hy vọng cuối cùng, bác vừa thở hổn hển, khò khè, vừa thì thào:

- Hay chửa biết chừng mày quay về thật ấy chứ? Hả? Mày lại không thương tuổi già chúng tao hay sao, hử...

Chiếc xe gỗ kêu kẽo kẹt, đôi bò bước thấp bước cao, đá phấn trắng loạt soạt dưới bánh xe và rơi lả tả. Con đường uốn cong theo triều sông Đông, tới gần ngôi nhà nguyện nhỏ thì quặt sang trái. Đứng ở quãng ngoặt, đã thấy được những mái nhà thờ và cả những khu vườn chi chít như một dải đăng ten xanh cầu kỳ của xã lân cận.

Suốt dọc đường, bác Gavrila nói chuyện luôn mồm. Lúc nào bác cũng gượng cười.

- Cách đây khoảng ba năm ở quãng sông Đông này có mấy đứa con gái bị chết đuối. Cho nên mới có cái nhà nguyện này. - Bác lấy roi chỉ vào mái nhà nguyện đìu hiu. - Đây là nơi bố con ta chia tay nhau. Từ đây trở đi không còn đường nữa rồi, rặt núi thôi. Từ đây lên xã chỉ chừng một vécxta, con cứ đi thẳng thẳng cũng đến nơi.

Pêtơrô xốc lại dây đeo túi dết đựng lương khô, nhảy xuống xe. Cố nén nỗi thổn thức, bác Gavrila quăng chiếc roi xuống đất, chìa đôi tay run lẩy bẩy ra.

- Thôi con đi, con thân yêu! Con đi là cuộc đời chúng ta ở đây sẽ u ám, ảm đạm... - Mặt bác đầm đìa nước mắt, đã héo hon vì đau khổ lại càng thêm nhăn nhó, và đột nhiên bác cất cao giọng, như muốn kêu to lên! - Con không quên những cây mã đề chứ con? Bà già đã nướng bánh cho con ăn... con cũng không quên chứ? Thôi, con đi! Từ biệt con, con thân yêu!

Pêtơrô khập khiễng bước nhanh, như muốn chạy băng qua quãng đường nhỏ hẹp.

- Rồi quay về đây nhé! - Níu lấy chiếc xe gỗ, bác Gavrila gọi với theo.

Nhưng trong lòng bác nghẹn ngào một câu nói mà bác không sao thốt ra được: "Nó sẽ không trở lại nữa đâu!"

Mái tóc hoe thân thương thấp thoáng lần cuối cùng ở quãng ngoặt của con đường, Pêtơrô đưa chiếc mũ lưỡi trai lên vẫy cũng là lần cuối cùng. Và ở nơi anh dấn bước tiến tới, một cơn gió nghịch ngợm đã thổi bụi bốc xoáy lên thành một làn khói mờ trắng.

HÀ NGỌC *dịch*

Chung một tiếng nói

Khắp làng Luginư từ lâu đã trải dầy một lớp tuyết bẩn thỉu. Những con quạ khoang mới bay đến cách đây không lâu, nay đã thay bộ lông mới, đen kịt như quạ thường.

Từ các ống khói toả ra một làn khói xốp, mong manh. Bầu trời vẫn xám xịt như mọi khi. Đường nét những ngôi nhà nhoè đi có lẽ do bóng tối còn đang mờ nhạt. Chỉ ở bên kia sông Đông mới thấy hằn lên rõ rệt đỉnh núi Ốpđôn nhấp nhô, khắc khổ và rừng rú ở đó dựng đứng như được vẽ bằng mực tầu.

Đại hội Xô-viết huyện tiến hành trong hội trường nhân dân. Đại hội bắt đầu. Giọng tin tưởng và rành rẽ, đồng chí bí thư khu uỷ đọc bản báo cáo về tình hình quốc tế. Đại biểu ngồi trên các dãy ghế dài. Từ đằng sau nhìn lên, thấy từng hàng từng hàng mũ Kadắc có vành đỏ, mũ lông có chỏm cao, mũ lông to, áo lông ngắn bằng da thuộc.

Hầu như ai cũng bị sổ mũi. Chốc chốc lại có tiếng ho. Ít kẻ để râu, phần lớn là dân má nhẵn thín, mép để ria nhiều màu khác nhau hoặc không ria.

Đồng chí bí thư mang công hàm của Sàmbeclanh[1] ra đọc. Từ những hàng ghế sau có tiếng nổi nóng:

- Đừng để cho cái thằng Sămbeclanh nó sủa nữa!

Chủ toạ bèn lấy cốc gõ vào bình thuỷ tinh đựng nước:

- Xin trật tự cho!

Báo cáo xong, trong nửa tiếng giải lao, khi khói thuốc lá đã toả ra mù mịt trên những chiếc mũ lông, giữa những tiếng cười nói ồn ào, tôi nhận ra giọng nói quen thuộc của Maiđanikốp. Tôi bèn rẽ lối tiến lại, quả là Maiđanikốp thật, anh ta vẫn được bầu lại làm chủ tịch Xô-viết thôn Bãi cát. Quanh anh, xúm xít một đám đông anh em Kadắc. Một cậu trẻ nhất đám, đầu đội chiếc mũ kiểu Buđiônư đã tàng tàng nói:

- ... Thì chúng mình cũng cứ choảng thôi.

- Choảng thì chúng nó bẻ gẫy đuôi mình ra mất...

- Còn lâu!

- Chúng nó có kỹ thuật, người anh em ạ.

- Kỹ thuật mà không có con người thì chẳng khác gì ngựa không có anh Kadắc.

- Thế dễ thường người của chúng nó ít hay sao?

Maiđanikốp lại phải lên tiếng. Giọng anh ta trầm trầm, mềm mại, chẳng khác gì một loại mỡ hảo hạng để bôi vào trục bánh xe.

---

[1] *Thủ tướng nước Anh hồi đó.*

- Chớ nói thế, cậu. Cậu chưa từng trải, cuộc đời không đơn giản như vậy đâu. Dù có nổ ra chiến tranh đi nữa, điều đó đối với chúng ta chẳng có gì là ghê gớm... Chà, hãy khoan! Để tớ nói đã! Tớ ba hoa thiên địa xong, tha hồ cho cậu chất vấn, nhưng bây giờ cậu hãy cứ nghe tớ kể cái đã! Cánh tớ bị bắt vào lính đi đánh nhau với Đức vào năm một nghìn chín trăm mười lăm. Tớ ở vào tuyến thứ ba. Đội bách quân cánh tớ được tập hợp ở làng Kamen rồi bị đưa ngay ra mặt trận. Họ sáp nhập cánh tớ vào sư bộ binh thứ tám, từ đó trở đi cánh tớ đi với sư này như kiểu một con ngựa thắng bên lề. Cùng đánh với nhau được vài trận. Đến Xtưa thì cánh tớ phải bỏ ngựa. Họ bèn cắm lưỡi lê và súng cho cánh tớ phải bỏ ngựa. Họ bèn cắm lưỡi lê vào súng cho cánh tớ, thế là cánh tớ toả ra như một đàn châu chấu vậy. Rồi đánh nhau. Đánh trong chiến hào và đủ các kiểu. Phần lớn là trong chiến hào. Có tới cả năm phải ngồi trong cái lỗ đất sét chết tiệt ấy. Bốn tháng liền cánh tớ không được nghỉ gì hết. Rận chấy đầy người! Có loại rận thì do buồn chán mà ra, có loại thì do không tắm rửa mà ra. Và hai loạn rận này khác nhau. Con nào do buồn chán đẻ ra thì lưng gù đầu hói, con nào do cáu ghét đẻ ra thì đen sì như bọ hung. Mặc dầu chúng nó khác nhau, nhưng cánh tớ đều nuôi chúng giống nhau thôi. Nhiều khi cởi áo, trải xuống đất, lấy bi đông hoặc cái cốc bằng vỏ đạn đại bác xiết lên là thấy ngay một vệt máu. Phải lấy cả gậy, cả thắt lưng da mà quật chúng... giết chúng như giết súc vật vậy. Đấy, cánh tớ phát triển chấy rận nhiều đến như thế đấy! Chúng nó kéo nhau đi hàng đàn hàng lũ trong áo sơ mi.

Nhưng cánh tớ vẫn đánh nhau. Đánh nhau vì cái gì, tại sao đánh nhau, chẳng anh đếch nào biết cả. Chỉ là cảnh hình nhân thế mạng thôi.

Một năm đã qua, tớ buồn chán hết sức. Chết ngoẻo một cái là tong đời. Nghĩ đầu này thì nhớ con ngựa, cả mấy tháng liền chẳng thấy nó đâu, không biết cậu chăn ngựa chăm bẵm nó ra sao. Nghĩ đầu kia thì nhớ gia đình, chẳng biết bây giờ thế nào. Cậu chính là chẳng hiểu mọi người chấp nhận cái chết vì lẽ gì? - Vậy mà mình cũng cứ theo họ!

Sang năm một ngàn chín trăm mười sáu thì họ điều cánh tớ khỏi mặt trận, đưa đi một nơi cách xa khoảng bốn mươi *vécxta*. Đội bách quân được bổ sung thêm, nhưng rặt là ông già. Cụ nào cụ ấy râu dài quá rốn, đại loại như vậy. Cánh tớ nghỉ ngơi được ít hôm để bồi dưỡng cho ngựa. Thế rồi đùng một cái, ban tham mưu sư đoàn lại có lệnh điều đội bách quân cánh tớ ra hoả tuyến. Cánh tớ được bảo là lính tráng ở đó đang nổi loạn, họ không muốn chui vào chiến hào, không muốn nằm vào đất sét, không muốn làm quen với cái chết.

Nói chuyện với cánh tớ, lão đại uý Đumbasơ giải thích thế này, thế nọ. Tớ bèn vớ lấy mảnh giấy ngoáy mấy dòng, rồi từ đám đông ném lên cho lão ta: "*Thưa ngài, về chiến tranh ngài có giải thích rằng đây là những người khác tiếng nói đánh lẫn nhau. Vậy thì làm sao bây giờ chúng tôi lại đi đánh người của mình được?*" Đọc xong, thấy lão ta biến sắc mặt, nhưng chẳng nói thêm câu nào. Từ đó trở đi cánh tớ mới hiểu tại sao họ lại tống một lô ông

già Kadắc, mà lại là những vị tín đồ cựu giáo, vào hàng ngũ cánh tớ. Những ông này bảo vệ Sa hoàng rất mạnh và cái gì họ cũng có thể bảo vệ mạnh mẽ được hết. Họ nhiều tuổi, được rèn cặp rất lâu trong quân đội là một chuyện. Nhưng họ còn dần độn, mù quáng vì nhiệm vụ, đó là chuyện khác. Chính vì vậy trong năm đó, ở trung đoàn tớ, con người ta bị tước mất trí tuệ nhanh hơn cả người cắt cỏ bị tước lưỡi hài.

Họ dồn cánh tớ đi đánh anh em binh lính. Cùng với cánh tớ có cả bốn khẩu súng máy và một xe thiết giáp. Cánh tớ tiến lại gần chỗ có trung đoàn nổi loạn. Ở đấy đã thấy có hai đội bách quân Kuban, lại còn những bọn nào đó, trông rất dã man, mặt rỗ nhằng nhịt giống như người Kamức, cũng đang bao vây trung đoàn ấy. Chuyện thật khủng khiếp, anh em ạ. Đằng sau khu rừng nhỏ, hai đại đội pháo binh đã bị điều ra khỏi vị trí tiền tiêu nhưng cái trung đoàn này vẫn cứ đứng trong khoảng trống giữa rừng mà kêu rên, ta thán. Các sĩ quan đi ngựa tiến lại để thuyết phục họ, họ vẫn cứ đứng ta thán hoài.

Lão đại uý của cánh tớ ra lệnh, cánh tớ liền tuốt gươm ra, phóng ngựa lên, dàn thành một vòng cung vây lấy đám binh lính nọ... Cả bọn Kuban cũng tiến lên... Nhưng anh em binh lính họ bắt đầu quăng súng. Họ chất súng thành đống rồi lại tiếp tục kêu rên, ta thán.

Lúc bấy giờ tim tớ như sôi máu lên, đôi môi cũng bỏng rộp. Cuộc sống bản thân mình cũng còn đang được quyết định ở đó, chui rúc dưới đất như con chuột trũi, thì làm sao mình có thể đi dồn người ta vào cái lỗ huyệt ấy

được? Cánh tớ đã phóng ngựa lại gần. Tớ thấy một cậu Kadắc trong trung đội tên là Philimônốp sốc nổi lấy sống gươm quất vào mặt một người lính. Chính mắt tớ trông thấy mặt cậu lính này sưng húp lên, toé máu ra, và cậu ta có vẻ sợ sệt. Cậu lính này trẻ, rõ ràng có vẻ sợ sệt thật. Tớ cảm thấy lạnh cả người, không kìm nổi mình nữa, phóng ngựa lại gần: "Philimônốp, thôi ngay!" Thằng cha này lại quay ra chửi cha chửi mẹ tớ, rõ ràng là một thằng tín đồ cựu giáo. Tớ bèn giơ gươm ra chỉ định là doạ nó thôi: "Tao bảo mày thôi ngay, nếu không có trời chứng giám, tao sẽ cho mày một nhát!" Thằng cha lại giật súng trường ra khỏi vai. Tớ liền sọc ngay mũi gươm vào cổ họng nó... Tớ sọc như sọc vào người rơm mà hoá ra lại đưa một người thật xuống âm phủ... Thế rồi xảy ra một tình huống mà quỷ sứ cũng không biết đằng nào mà lần nữa. Bọn lính Kupan bắt đầu bắn vào cánh tớ, và cánh tớ cũng bắn lại chúng. Bọn dã man, mặt rỗ nhằng nhịt kia cũng tấn công cánh tớ, còn anh em binh lính thì lại vớ lấy súng, vừa tiếp tục ta thán vừa bắn vào toàn bộ đội hình của đám kỵ binh. Tình hình nhốn nháo đến như vậy.

Thế rồi họ bắt cánh tớ phải rút khỏi nơi này, mới đầu bảo là đưa về hậu phương, nhưng đùng một cái họ tống đi Kácpát. Chưa kịp lần mép quần bắt rận thì đã sang vùng Kácpát rồi. Cánh tớ phải đi suốt đêm theo đường giao thông hào. Cấp trên ra lệnh là không được gây ra một tiếng động nào. Té ra chiến hào của quân Áo chỉ cách chiến hào quân ta có bốn mươi xagien. Ban ngày cứ ngồi đó. Không được ló đầu ra. Mưa ướt. Trong chiến hào, bùn

đến tận mắt cá. Tớ chẳng được ngủ, chẳng được yên. Cả cuộc sống cũng không có nốt! Chẳng biết thế nào, tớ nghĩ bụng: tội gì mình cứ chúi trong chiến hào, trong tay thần chết thế này nhỉ? Tớ nghĩ ra ý định nói chuyện với người Áo. Binh lính của họ cũng nói được tiếng ta. Có lần họ hét tướng lên: "Ông ơi, ông đánh nhau vì cái gì thế?" Cánh tớ cũng hét lại: "Thế các ông đánh nhau vì cái gì?" Hai bên ở cách xa nhau quá chẳng biết làm thế nào. Tớ lại nghĩ: giá họp lại với nhau tử tế mà nói chuyện thì hay quá. Nhưng không có cách gì cả! Té ra con người ta bị ngăn cách bằng dây thép gai như súc vật vậy, mà người Áo họ cũng y như ta vậy thôi. Tất cả chúng ta đều bị tách ra khỏi đất đai, như con bị dứt khỏi vú mẹ vậy. Lẽ ra giữa chúng ta chỉ có chung một tiếng nói thôi.

Thế rồi một buổi sáng nọ, cánh tớ vừa thức dậy thì nghe lính gác kêu ầm lên: "Kìa anh em ơi, có con thú rừng nó mắc vào dây thép gai của chúng ta". Cả bên phía người Áo, cánh tớ cũng thấy họ nhộn nhạo lên như đàn quạ trên cánh đồng vừa gặt xong. Tớ liền thò đầu lên tí chút thì thấy ngay trước mặt có một con tuần lộc, nghĩa là một con thú rừng như kiểu con hươu của ta, nhưng sừng rậm như hai bụi cây vậy. Nó bị mắc sừng vào hàng rào dây thép gai, không gỡ ra được. Chả là trên mặt trận, phía bên trái cánh tớ có đánh nhau to, nó sợ súng nên mới dạt vào giữa hai tuyến chiến hào như thế.

Người Áo họ la to lên: "Các ông ơi! Các ông ra cứu con vật, chúng tôi không bắn đâu". Tớ liền hất áo choàng ra khỏi mình, bò lên bờ hào. Nhìn sang phía hào bên họ,

cũng chỉ thấy đầu họ thò lên lố nhố. Loáng một cái tớ đã đến gần con thú, nhưng nó cứ nhảy lên chồm chồm làm cột dây thép gai với công sự cũng rung rinh cả lên. Lại thêm ba cậu Kadắc nữa nhảy ra giúp tớ. Nhưng cánh tớ chẳng làm cóc gì nổi, vì con lộc không để cho ai lại gần sất! Ngoái lại nhìn thì thấy những người Áo họ cũng chạy ra, không súng ống gì hết, một người còn vác theo cả kéo to để cắt dây thép gai.

Thế là cánh tớ bắt đầu nói chuyện. Thấy có một cậu trong đội bách quân của tớ bò lên bờ hào giương súng trường nhằm vào người Áo đứng ngoài cùng, tớ liền quay lưng lại chắn cho người Áo đó. Bọn sĩ quan cũng không giải tán nổi cánh tớ, và cánh tớ bèn dẫn anh em binh lính Áo sang chơi chiến hào của mình. Tớ định nói chuyện với một cậu Áo, nhưng cả bằng tiếng của họ, cũng như bằng tiếng của mình, tớ đều không nói được một lời nào, vì nước mắt trào ra nghẹn cả họng. Rồi tớ thấy một anh Áo đã đứng tuổi, tóc hung hung. Tớ mời anh ta ngồi lên một hòm đạn, mà bảo: "Ông bạn ơi, cánh mình với ông là chỗ anh em thân thiết chứ đâu phải quân hằn quân thù gì! Ông bạn xem, những bàn tay cánh mình vẫn còn đầy chai sần đây này, đã hết đâu?" Tớ thấy anh ta chẳng hiểu lời lẽ gì đâu, nhưng ạnh ta hiểu bằng tâm hồn, nhất là khi tớ gãi gãi vào chỗ chai sần trên bàn tay anh ta." Anh ta gật đầu, ý nói là đồng ý, tán thành. Thế là chung quanh cánh tớ, kéo đến một lô anh em bên Kadắc mình và cả bên họ. Tớ bèn nói: "Các ông ạ! Chúng tôi chẳng cần gì đến các ông, các ông cũng đừng đụng gì đến chúng tôi. Chúng ta kết

thúc quách chiến tranh đi!" Tớ thấy anh ta lại tỏ vẻ tán thành, nhưng vì không hiểu câu nói, anh ta dùng cả hai tay vẫy cánh tớ sang phía bên kia. Ý anh ta bảo là: ở đó có một người chúng tôi biết tiếng Nga. Thế là cánh tớ đi theo. Tất cả đội bách quân đều bỏ đi theo ráo! Bọn sĩ quan sợ xanh mắt. Cánh tớ sang tận chiến hào bên Áo. Bên họ có một anh Tiệp biết nói tiếng ta. Khi tớ nói với anh Áo nọ thì anh ta dịch ra. Tớ nhắc lại với anh bạn của mình rằng chúng ta là chỗ anh em thân thiết chứ không phải kẻ thù. Tớ lại lấy móng tay gãi vào chỗ chai sần trong lòng bàn tay anh ta rồi vỗ vai anh ta. Qua anh Tiệp, anh ta trả lời rằng: tôi là công nhân, là thợ nguội, và tôi rất đồng ý với anh. Tớ bảo anh ta: "Anh em ạ, thế thì ta chấm dứt chiến tranh thôi. Cái thứ đó chẳng đi tới đâu cả. Còn lưỡi lê thì ta phải xọc vào những kẻ đã xúi bẩy chúng ta đi đánh lẫn nhau ấy." Những lời tớ nói như vậy làm anh ta rớt nước mắt. Anh ta trả lời rằng anh ta phải bỏ vợ với con thơ ở lại nhà và anh ta tán thành chấm dứt chiến tranh. Cánh tớ hoan hô rầm trời. Còn thằng sĩ quan của bên họ thì cứ đi đi lại lại như con gà tây, nhe răng ra hầm hè. Cánh tớ kết nghĩa anh em với nhau và cùng uống rượu "*cốc-vây*" của họ. Và thế là cánh tớ đã tìm được một thứ tiếng nói chung cho tất cả mọi người, đến nỗi cứ nói với họ một lời, không cần phiên dịch họ cũng hiểu được ngay, họ hoan hô đến ứa cả nước mắt rồi ôm lấy nhau mà hôn.

Về tới chiến hào nhà là tớ tháo ngay khoá nòng súng trường vùi xuống bùn, thề độc thề địa là sẽ không bao giờ bắn vào anh em Áo, vào người thợ nguội, người công nhân,

người dân cày nữa... Ngay đêm hôm đó, đội bách quân cánh tả rút ra khỏi chiến hào rồi bị họ tước vũ khí ở gần làng Xavenki. Nhưng chẳng bao lâu sau đã xảy ra chinh chiến, và đã trị được thằng Sa hoàng ở Pêtécbua...

- Khoan đã, - cậu Kadắc trẻ tuổi đội mũ kiểu Budiônư cắt ngang lời người kể chuyện, - thế còn con thú thì sao?

- Con thú ấy ư? Con thú thì cánh tả cứu được ra chứ sao nữa. Nó phóng đi, cho tới khi cánh mình không nhìn thấy nó đâu nữa. Nó dội theo cả một lô dây thép gai trên sừng. Nhưng vấn đề không phải là ở con thú. Vấn đề là mọi người đã có chung một tiếng nói, vậy mà bây giờ cậu lại cứ ông ổng lên: chiến tranh, chiến tranh. Sẽ có một thứ chiến tranh rất quen thuộc là: làm thế nào mò tới được chỗ binh lính của bên họ, lấy những chỗ chai sần cọ vào nhau, và nói chuyện được với nhau.

- Xin mời các đồng chí đại biểu vào họp! - Từ trên sân khấu vang lên tiếng chuông rung và tiếng một ai hô to.

Đẩy toang những cánh cửa, các đại biểu vừa nói chuyện râm ran, vừa tụm lại thành từng đám, từng đám người dầy đặc mà tiến vào phòng họp.

HÀ NGỌC *dịch*

Yếu mềm

- Xuống ga Bùn!

Người bán vé thò chiếc vé cùng với tiền thừa qua ô cửa nhỏ rồi đóng sầm cánh cửa bé tí xíu lại. Igơnat Usakốp cẩn thận nhét chiếc vé vào một bên túi áo khoác ngoài rồi vừa đi vừa phì phèo điếu thuốc lá, bước ra sân ga. Hành khách tíu tít bên các toa xe. Đâu đó trên đường sắt, người trực ban đang điều động chiếc đầu máy bằng những tiếng hô khàn khàn, ngắn gọn. Cạnh toa gần cuối, người ứ lại. Trong bóng tối bị ánh đèn ló vàng vọt cắt ra làm đôi, chiếc áo tạp dề của một người khuân vác hiện ra trắng trắng và nghe vang lên tiếng nói gay gắt của một người đàn bà.

- Ông phụ trách toa ơi! Ông phải cho tôi lên chứ! Sọt này của tôi chỉ có một pút rưỡi thôi.

- Không được đâu, bà ơi! Bà không hiểu tiếng Nga à! Tôi nói với bà có đến mười lần rằng tôi không thể xếp

được! Ngoài cái sọt ra, bà còn có ba tay nải nữa. Một lô xích xông hàng hoá thế thì nhét vào toa sao nổi?

- Nhưng nào tôi có kịp gửi theo toa hành lý đâu!

Usakốp đang lách tới toa cuối cùng, thấy người phụ trách toa kia đã leo lên sàn toa, tắt chiếc đèn ló đi, rồi chẳng nói chẳng rằng, đóng sập cửa toa lại.

Trong toa, khói thuốc lá xanh um. Từ thành toa mới sơn toả ra mùi dầu hôi, sàn toa bốc lên mùi khói thuốc lá rẻ tiền và mùi thum thủm của đôi chân ai đó nhiều mồ hôi để lâu không rửa. Các tầng trên toàn là ngủ với ngáy, còn ở tầng dưới người ta hút thuốc lá vừa thì thào trò chuyện. Thu xếp xong chỗ trên tầng bác, Usakốp lại lấy thuốc lá hút rồi thò đầu xuống, nhìn những đốm sáng ở nhà ga trôi đi đâu mất về phía sau, những bóng cây đen ngòm loang loáng bên cửa sổ, những tia lửa chốc chốc theo khói phụt ra từ ống khói đầu máy lại loé lên thành những cánh bướm đêm màu da cam.

Tiếng bánh xe xình xịch như ru, như muốn đưa người ta vào cõi mộng. Phía dưới, ai đó đang đều đều giọng kể lể chuyện mùa màng năm ngoái, chuyện giá cả len dạ. Dập tắt điếu thuốc, Usakốp kéo chiếc áo va rơi trùm lên đầu, ngủ thiếp đi. Khoảng một giờ sau, tiếng cười nói làm anh thức giấc. Có tiếng một người nào nghe rất quen thuộc đang khe khẽ ê a hát:

Cụ Écmin tài ghê!
Câu được nhiều cá trê,
Được cá, cụ mang về,

Mổ ra ăn từng miếng,
Chẳng miếng nào cụ chê,
Những con cá to ghê!

Vừa hát người đó lại vừa lấy tay vỗ lộp bộp, đánh nhịp. Một đứa bé con ngồi ở chỗ nào đó khoái chí cười khanh khách sặc sụa. Tiếng hát vừa dứt thì lập tức tiếng trẻ con lại hét lên, nằng nặc đòi:

- Bố ơi, nữa...

Thế rồi tiếng hát lẫng nhẫng nhỏ nhẹ ấy lại như rót vào tai:

Cụ Écmin tài ghê !
Câu được nhiều cá trê...

Usakốp vẫn nhắm mắt lắng nghe, cố đoán xem giọng nói quen thuộc gần như đã bị lãng quên ấy là của ai trong số những người quen. Nhưng nghĩ mãi không ra, anh đành cố khắc phục cơn ngái ngủ, mở mắt ra nhìn. Anh thấy bên dưới có một người thuỷ thủ vạm vỡ đang ngồi dạng hai chân, tay lẹ làng tung tung một cháu bé gái chừng hai, ba tuổi, da hồng hào, tóc loăn xoăn. Anh khe khẽ ngân nga bài hát về những con cá trê, có lúc giơ một tay ra làm hiệu để con bé thấy rõ con cá trê to bằng nào.

Dưới chiếc mũ lính thuỷ trắng của anh, ló ra những sợi tóc đen thẳng đuột, mặt anh bị thân hình nhỏ nhắn của em gái che lấp. Chừng một phút, Usakốp đưa mắt dõi nhìn đôi tay lông lá chắc nịch của người thuỷ thủ tung hứng không mệt mỏi em bé đang mải nghịch. Rồi anh đằng hắng, thõng chân xuống.

- Này, Tamara, đừng nô nghịch nữa! À ơi ngủ đi nào! Mày làm chú ấy thức dậy rồi kia kìa. Liệu không chú ấy đánh chết.

Thận trọng tụt xuống sàn toa, Usakốp liếc nhìn người thủy thủ, rồi ngạc nhiên nhướng cao đôi lông mày:

- Vơlađimia, anh đấy à?

- Trời ơi! Bất ngờ quá nhỉ!

Hai người ôm nhau, hôn nhau. Người thuỷ thủ ngả người ra phía sau, tay vẫn không rời Usakốp, mỉm cười, nhìn ngắm anh hồi lâu rồi lắc đầu.

- Vẫn thế thôi. Không thay đổi chút nào. Có gân guốc lên một tí nhưng rắn chắc ra. Còn gì nữa! Từ năm một nghìn chín trăm mười bảy đến nay mới lại trông thấy nhau đấy... Mà hồi ấy cậu mới chỉ là con nít thôi!

Một thiếu phụ ngồi bên ghế trước mặt theo dõi họ với vẻ thú vị. Người thuỷ thủ đã tỏ ra quá đỗi hoạt bát và bận rộn, dường như bồn chồn điều gì. Qua thái độ vui vẻ một cách ồn ào, vẫn lộ ra nét giả tạo thiếu tự nhiên. Usakốp thì lạnh lùng, kín đáo, và hình như cũng có điều lo ngại.

- Mình đoán ra ngay... Vẫn cái cằm ấy vẫn đôi mắt ấy. Cậu căn bản là không gì thay đổi cả! Giống ông cụ cậu lạ lùng. Hồi xưa mình vẫn bảo là cậu giống ông cụ mà lại. Trời, bao nhiêu năm không gặp nhau rồi nhỉ?... Tám năm...

- Phải, khá lâu rồi...

- À quên, không giới thiệu với em nhỉ? Đây là Igơnát Usakốp, em họ của anh, còn đấy, - bằng một giọng om xòm kiểu đóng kịch, người thuỷ thủ chỉ vào thiếu phụ ngồi

trước mặt, - đây là gia đình mình. Mong được chú em quý mến.

Đỡ con bé sang tay mình, anh ta cười vang một tràng dài. Thiếu phụ đưa tay cho Usakốp bắt, mỉm cười bối rối, rồi nhìn vào người thuỷ thủ, nói với vẻ trách móc:

- Gớm, anh bỡn làm gì thế?

Không để ý tới lời nói của thiếu phụ, Usakốp bắt bàn tay nhỏ, lạnh ngắt của cô ta rồi quay lại với người anh họ.

- Anh từ đâu đến và đi đâu?

- Nói theo kiểu thuỷ thủ thì mình đã nhổ neo và thẳng hướng Maxcơva. Nhưng chuyện mình sẽ nói sau. Còn chú thì thế nào và ra sao? Công tác ở đâu? Sống thế nào? Cô chú mình có khoẻ mạnh không? Ông chú chắc bây giờ vẫn nuôi ong như xưa chứ?

- Cám ơn anh! Thầy mẹ tôi vẫn khoẻ. Thầy tôi vẫn làm nghề nuôi ong. Bây giờ tôi công ác ở khu đoàn thanh niên, ngay trong khu nhà. Hiện thời tôi nghỉ phép, đi Maxcơva một tuần.

- Thăng quan tiến chức từng bước rồi đấy. Cừ lắm, Igơnasa[1] ạ! Chú công tác đoàn đã lâu chưa?

- Từ năm một nghìn chín trăm hai mươi.

- Chắc đảng viên rồi chứ gì?

- Đảng viên dự bị.

- Vâ-â-ậy đấy...

Usakốp móc thuốc lá ra, thấy thiếu phụ đang dọn chỗ cho con bé ngủ, bèn đề nghị:

---

[1] *Cách gọi thân mật trìu mến.*

- Ta ra đầu toa hút thuốc đi.

- Đi chứ, chú em, đi chứ. Ôi, gặp chú anh mừng hết sức! Chính mình cũng không tin là thực nữa, thôi thế đấy.

Anh thuỷ thủ lại cười lên hô hố, thân mật vỗ vai Usakốp. Usakốp nhăn mặt rồi tiến ra phía cửa. Hai người châm thuốc hút ngoài đầu toa. Hít một hơi, không nhìn vào người anh họ, Usakốp hỏi:

- Anh đã từng làm trong cơ quan phản gián của bọn trắng phải không?

Anh thuỷ thủ lại cười hô hố một cách giả tạo, ôm lấy vai Usakốp.

- Cái gì vậy? Thẩm vấn hả?

- Anh hãy trả lời đi, tôi hỏi đấy.

- Quả vậy... Tôi đã từng làm việc ấy.

- Bây giờ anh vẫn mang tên cũ chứ?

- Không!

Hai người im lặng.

- Bây giờ anh công tác ở đâu? Trong hải quân ư?

- Chú em ạ... Mình đã từng phục vụ trong đội tàu hàng, làm ở cảng. Nghĩa là thuỷ thủ trên cạn. Do một vài nguyên nhân, mình phải rời khỏi miền Nam. Nhưng chú hỏi chuyện ấy làm gì?

- Là vì hiện nay cơ quan GPU[1] đang truy tìm anh.

- Vậy ư?

- Vậy đấy, anh ạ.

- Họ làm cái chuyện đè chừng bắt bóng ấy làm gì vậy nhỉ? Mình đã bỏ quê ra đi tám năm nay rồi.

---

[1] *Cục chính trị quốc gia, cơ quan an ninh của Liên Xô hồi bấy giờ.*

- Họ chỉ cốt tìm hiểu xem những năm ấy anh có ở nhà không. Họ có hỏi tôi về anh. Lúc bấy giờ tôi không biết là anh làm phản gián. Hồi nọ ở quê nhà có tin đồn là anh đã bị chết trong trận đánh nhau ở Vêlikôgơnhiagiơ. Đó là vào khoảng đầu năm một nghìn chín trăm mười tám, khi anh ra đi với quân đoàn Tình nguyện. Ai cũng tưởng là anh chết rồi, cho tới GPU phát hiện ra anh làm phản gián, nghĩa là làm cái gọi là nhân viên tiễu trừ phản loạn...

Usakốp chua chát mỉm cười và nhìn chằm chằm vào anh họ. Người đó phà khói thuốc lá, nhìn ra cửa toa tàu.

Đôi mắt đen ti hí dõi nhìn nghiêm nghị, nhưng đôi môi mím chặt một cách khuôn sáo ấy thoáng mỉm cười về một điều gì đó.

- Anh cho biết anh vào phản gián bằng cách nào? Cái gì đã bắt buộc anh? Tôi nghe nói ở khu công nhân Makêépka là anh đã từng treo cổ tới hai chục người tình nghi có quan hệ với những người bônsêvích. Điều đó có thật không?

Lấy ngón tay gõ gõ vào kính cửa sổ và thận trọng, như mò tìm câu trả lời cần thiết, người thuỷ thủ bắt đầu nói:

- Nếu chú em muốn thì mình kể chú nghe... Hồi cuối năm một nghìn chín trăm mười bảy, mình chẳng có chính kiến, quan điểm chính trị quái gì cả. Mình cũng như hàng nghìn kẻ tri thức nửa mùa khác thôi, không thích bônsêvích mà cũng chẳng khoái bọn trắng. Từ mặt trận Đức, mình trở về Rôxtốp - trên-sông-Đông[1] cùng với toán

---

[1] *Tên một thành phố miền Nam nước Nga.*

binh lính của sư đoàn mình. Rồi từ đó đến nhà một người đồng đội ở Nôvôtreckaxk và rồi tham gia quân đoàn Tình nguyện tại đó. Việc này hầu như xảy ra trái với ý muốn của mình. Chẳng qua là lúc bấy giờ có cao trào yêu nước, mình bị ảnh hưởng của cao trào đó mà đi với Koócnilốp[1]... Mình bị thương ở Vêlikôgơnhiagiơ, được đưa về hậu phương, nằm viện. Khi mình khỏi, họ đề nghị mình vào làm việc trong cơ quan phản gián. Nhưng bảo là mình tích cực chống bônsêvích thì không đúng, bậy. Mình chỉ là thằng tốt đen... Những lực lượng trên đầu mình đã điều khiển mình. Bảo là mình treo cổ nông dân ở Makêépka thì cũng không đúng nốt. Đấy là bọn Kadắc nó treo cổ người ta, chớ mình chẳng có vai trò gì trong đó cả... Thế còn sau đó thì câu chuyện cũng bình thường thôi, rốt cuộc mình không tin rằng cái sự nghiệp mà người ta bảo vệ là duy nhất đúng và là bất di bất dịch nữa. Mình thấy được mọi sự nhơ bẩn và mình quyết tâm đoạn tuyệt với quá khứ. Khi bọn trắng rút khỏi Krưm thì mình ở lại. Mình không thể công khai tên họ được vì sẽ bị xử tử ngay... Cho nên mình phải giấu biệt quá khứ, vào cái thời nước sôi lửa bỏng ấy thì làm việc đó không có khó khăn gì. Sau đó mình ra cảng làm, gặp được một cô gái xinh xắn, đảm đang thì lấy cô ta làm vợ. Như chú thấy, hiện thời mình có con nhỏ, có hạnh phúc, sống cuộc đời của người lao động và mặc dầu ở ngoài Đảng nhưng mình cảm thông mọi tư tưởng của các chú với tất cả tâm hồn mình...

---

[1] *Một tên tướng bạch vệ.*

Người thuỷ thủ dưa đôi mắt long lanh đẫm lệ nhìn Usakốp rồi nói tiếp:

- Quá khứ đè nặng trong lòng mình... Mình hy vọng là chú tin mình. Mình đã vĩnh viễn cắt đứt với quá khứ của mình và giờ đây đang cố chuộc lại lỗi lầm bằng lao động thật thà... Mình nghĩ là chú sẽ lấy tình anh em mà giúp đỡ mình và sẽ không bao giờ nhắc lại chuyện cũ nữa.

- Anh nhầm rồi, - Usakốp lắc đầu quầy quậy, nói, - tôi phải đi trình báo về anh.

- Tóm lại là chú muốn phản mình sao?

- Anh chớ đao to búa lớn. Tôi làm cái việc mà bất kỳ một người ngay thật nào ở địa vị tôi đều phải làm.

- Anh còn vợ dại con thơ...

- Cái đó không có quan hệ gì tới việc làm trước đây của anh cả.

- Igơnasa! Chú có nhớ là chúng ta đã cùng lớn lên với nhau không? Anh lớn hơn chú nên mẹ chú giao anh phải trông non chú... Chú có nhớ là nhiều lần cánh mình chạy đi phá tổ sáo đá trong thảo nguyên không? Lúc bấy giờ sao mà chú chân thật và yếu mềm đến thế, chú đã phát khóc lên mỗi khi anh bắt được những con chim non... Bây giờ chú không thế nữa rồi. Anh thấy giờ đây chú đã có đủ can đảm để phá đến cả tổ ấm của con người, để làm cho con anh phải mồ côi mồ cút nữa. Thôi, biết làm sao? Được lắm... Đến ga sau, chú có thể đi trình báo với GPU được đấy. - Anh ta im lặng vài giây, rồi lại tiếp: - Nhưng chắc chú thừa hiểu rằng... ôi, trời... anh có một đứa con thơ... Nó sẽ chết đói mất, nếu anh bị...

Người thuỷ thủ đưa bàn tay lên bưng lấy mặt và run rẩy.

Usakốp bất giác cảm thấy trong lòng mình trào lên một niềm thương xót và một dòng nước mắt. Anh bèn bỏ vào trong toa, ra ngồi cạnh cửa sổ. "Mình đối xử như thế có đúng không? Có thể là anh ta đã hối cải thật sự rồi thì sao?..."

Anh dưa mắt liếc nhìn cháu bé gái đang dang tay, dang chân trong giấc ngủ.

"Chính đó sẽ là lời trách móc sống động. Ôi, quái quỷ thật, sao tất cả câu chuyện này xấu xa đến như vậy! Ngậm tăm chăng?"

Một phút sau, người anh họ cũng trở về ghế ngồi. Không ngoái nhìn Usakốp, anh ta bắt đầu thu dọn đồ đạc rồi cúi xuống con bé con đang ngủ, khe khẽ vuốt lên đầu nó. Usakốp quay mặt đi. Xoay lưng lại anh, người thuỷ thủ nhét những tờ giấy gì không rõ vào cả hai túi chiếc áo cố đứng màu trắng.

- Anh ra tôi gặp một phút.

Bước những bước dài, Usakốp hầu như chạy ra đầu toa. Người anh họ tiến theo sau. Họ vẫn ra đứng cạnh cửa sổ, nơi cách đây mười phút họ đã từng nói chuyện với nhau.

- Thế này, Valodimia ạ. Tôi quyết định ngậm miệng đấy...

- Cám ơn chú...

- Tôi mong là câu chuyện giữa chúng ta đến đây coi như chấm dứt được chứ?

- Cám ơn, Igơnasa! Anh biết trước rằng chú không phải là một tên Giuđa. Cám ơn. Chú cũng thừa hiểu là không có anh thì gia đình chết đói mất. Anh thân cô thế cô, ngoài gia đình chú ra, anh chẳng còn người thân kẻ thuộc nào nữa, vợ anh cũng vậy. Ai là người sẽ đem về cho cô ta miếng ăn...

- Thế là đủ rồi. Anh vào toa đi, sắp tới ga rồi.

- Chú vào đi, anh vào nhà xí rửa ráy một chút. Anh đến xấu hổ mà phải nhận với chú rằng sau câu chuyện với chú, anh đã khóc nức khóc nở lên như một thằng bé con vậy. Cái mặt mo của anh nó xị ra đây này. Chú đừng hở ra tí gì với vợ anh nhé.

- Chà, sao anh lại nói thế!

Usakốp đủng đỉnh trở về ghế ngồi. Tựa trán vào kính cửa sổ, anh đưa mắt nhìn những nhà cửa xây bằng gạch trong khu ga. Đoàn tàu dừng vài phút rồi lại xình xịch chuyển bánh, lăn đi mỗi lúc một nhanh. Cháu gái giật mình thức dậy làm người mẹ cũng tỉnh giấc. Cô ta ghé ngồi bên ghế, hỏi Usakốp:

- Ông anh của đồng chí đâu rồi?

- Vôlôđia đi rửa mặt. Anh ấy bị nhức đầu thế nào ấy.

Mười phút qua, vẫn không thấy Vơlađimia đâu cả. Usakốp bèn đi tìm. Cầu tiêu vắng tanh mà ở đầu toa cũng không có một ai. Anh băn khoăn quay lại chỗ ngồi.

- Chị không bảo ông chồng xuống mua gì chứ? Hay là ông ấy bị tàu bỏ lại sân ga mất rồi?

- Ông chồng nào?

- Lại còn ông chồng nào nữa?

- Đồng chí nói ai thế?

- Lạ thật, tôi nói về ông anh Vơlađimia chứ còn ai.

Mới đầu cô ta còn hồ nghi nhìn Usakốp, nhưng sau thành thực cười phá lên:

- Thế ra đồng chí tưởng tôi là vợ của ông anh đồng chí thật đấy à? - Mãi cô ta mới nói được qua tiếng cười.

- Chị nói thế là thế nào?

Cô ta cười nụ, nhún vai:

- Vậy ra đồng chí không biết rằng đó là câu nói đùa của ông anh đồng chí sao? Mà lại là câu nói đùa chẳng tế nhị gì. Sao đồng chí cứ nhìn tôi kiểu gì lạ thế?

- Thế..., thế nhưng con gái chị lại... lại gọi anh ấy là bố kia mà?

- Vâng, thì đã sao? Ông anh của đồng chí vừa ngồi vào toa là dã mang kẹo bánh ra dỗ nó, nô đùa với nó, đồng chí tính, trẻ con đứa nào chẳng dễ quyến luyến. Chắc là cháu nó thấy ông anh đồng chí hao hao giống bố nó thì nó gọi ngay là bố thôi. Chính tôi cùng với ông ấy cũng cứ buồn cười mãi về chuyện này.

- Nhưng xin chị tha lỗi... Anh ấy nói chuyện với tôi một cách rất nghiêm chỉnh.

Cô ta lại ngước nhìn Usakốp:

- À, vậy ư? Thế ra anh ấy vẫn không bảo đó chỉ là câu chuyện đùa hay sao? Chồng tôi công tác ở Maxcơva, bây giờ tôi lên gặp chồng tôi.

Cô ta quay mặt đi, coi như câu chuyện đã chám dứt, còn Usakốp thì bàng hoàng, giậm chân giậm cẳng một hồi, rồi lại ra cầu tiêu một lần nữa. Trên chiếc ghế nhỏ, cạnh

bồn rửa mặt, anh thấy có một mẩu giấy viết đầy chữ. Như một cái máy, anh cầm mẩu giấy lên, đọc những hàng chữ thảo bằng bút bi, rất dễ đọc:

"*Igơnat ơi, cám ơn lòng tốt của chú. Chú vẫn là một chú bé chân thật như hồi chúng ta còn nhỏ, nhưng, mặc dầu vậy, mình vẫn cho rằng thận trọng tẩu thoát vẫn là chước hay hơn cả, trong khi trò bịp về* "gia đình" *còn chưa bị khám phá. Còn về* "cô vợ" *thì chú đừng lo, người chồng thực của cô ấy làm kế toán phụ gì đó ở Maxcơva, anh ta sẽ bảo đảm tương lai cho cô ta. Cám ơn chú một lần nữa. Rồi đây có ngày chúng ta còn gặp nhau...*

Chú tha lỗi cho mình đã dựng nên tấn kịch này. Là một con chó sói bị săn đuổi, mình hiểu rằng thời buổi bây giờ ngay cả bố đẻ cũng chẳng thể tin được nữa là anh em họ. Gửi chú... vân vân và vân vân..."

Usakốp đọc một mạch hết lá thư để lại rồi lách mình ra khỏi cầu tiêu.

Nửa tiếng sau, đoàn tàu lại đỗ ở ga. Usakốp nhăn nhó như bị một cơn đau răng điếng người, mau chóng ra khỏi toa, và khi trông thấy chiếc mũ lông màu đỏ thẫm của một cán bộ cơ quan GPU trong ngành giao thông, anh lập tức chạy ngay lại.

HÀ NGỌC *dịch*

Khoa học căm thù

Trong chiến tranh, cây cối cũng như con người, mỗi cây có một số phận riêng. Tôi đã nhìn thấy một mảnh rừng lớn bị lửa đạn đại bác của ta thiêu trụi. Cách đây ít lâu, bọn Đức vừa bị đánh bật ra khỏi thôn X, đã cố thủ khu rừng này; chúng nghĩ rằng chúng có thể trụ được ở đây, nhưng thần chết đã hái tất cả bọn chúng cùng với cây cối. Dưới những thân cây thông bị đổ là xác bọn lính Đức: trong những bụi dương xỉ xanh non, rải rác những mảnh thịt tả tơi của chúng đang thối rữa; và mùi nhựa thông thơm ngát từ những thân cây thông bị phạt ngang toả ra cũng không thể nào át nổi mùi hôi thối sặc sụa, ngột ngạt, gay gắt xông lên từ những chiếc thây rữa nát. Dường như ngay cả đất ở những miệng hố đại bác tàn khốc màu nâu bị cháy xém cũng xông lên mùi mồ mả.

Cái chết ngự trị một cách oai nghiêm và thầm lặng trong khu rừng bị thưa đi và xới tung lên vì đạn đại bác của ta; chỉ có điều kỳ lạ là ở chính giữa khu rừng thưa, còn

sót lại một cây bạch dương: và gió vẫn đung đưa những cành cây đã bị thương vì mảnh đạn, vẫn rì rào trong những khóm lá bóng láng non tơ.

Chúng tôi đi xuyên qua khu rừng thưa. Một chiến sĩ hồng quân làm liên lạc đi trước tôi láy tay khẽ xoa lên thân cây bạch dương, hỏi với một vẻ ngạc nhiên âu yếm và chân thành.

- Này anh bạn thân mến, làm sao mà chú mình lại toàn vẹn được thế này nhỉ?

Nhưng nếu cây thông bị chết vì mảnh đại bác, gục xuống như bị xén ngang và ở chỗ bị cắt lủng lẳng cái ngọn cây dính đầy nhựa, thì cây sồi lại chết theo cách khác.

Mùa xuân năm trước, đạn dại bác của quân Đức đã rơi trúng chân một cây sồi già mọc bên bờ một dòng suối vô danh. Một lỗ thủng toang hoác đã làm khô cứng mất nửa thân cây, nhưng còn nửa kia, vì chỗ toác mà bị gục xuống mặt nước, thì đến mùa xuân đã sống lại một cách kỳ lạ và lại phủ đầy những lá non. Cho đến ngày hôm nay, thì có lẽ những cành thấp của sây sồi tàn phế đang tắm mình trong dòng nước chảy, còn những cành cao thì vẫn khao khát vươn lên mặt trời những chiếc lá thanh thanh căng nhựa.

Dáng người cao, lưng hơi gù, đôi vai rộng nhô lên như cánh diều hâu, trung uý Ghêraximôp ngồi trước cửa hầm công sự và kể tỉ mỉ về trận đánh hôm nay, về đợt tấn công bằng xe tăng của đối phương đã bị tiểu đoàn đánh trả thắng lợi.

Khuôn mặt gầy gò của trung uý bình thản, gần như là lãnh đạm, đôi mắt sưng húp nheo lại một cách mệt mỏi.

Anh nói giọng trầm, hơi rè rè, thỉnh thoảng lại đan những ngón tay to, gân guốc lại với nhau, và cử chỉ này tương phản lạ lùng với dáng người lực lưỡng, với khuôn mặt dũng cảm đầy nghị lực của anh, nhưng nó lại thể hiện rất rõ nỗi đau đớn thầm lặng hoặc những suy nghĩ sâu sắc, nặng nề của anh.

Nhưng bỗng nhiên anh im lặng, và khuôn mặt anh thoắt biến sắc, đôi má sạm đen bỗng nhợt nhạt, dưới lưỡng quyền, gân nổi lên từng cục; trong đôi mắt đăm đăm nhìn về phía trước, rực lên một nỗi căm hờn mãnh liệt và hung bạo đến nỗi tôi bất giác quay nhìn theo hướng mắt anh và thấy trong rừng, từ tuyến trước trận địa phòng ngự của ta, ba tên tù binh Đức đang đi tới, phía sau, một đồng chí hồng quân đi áp giải, bộ quân phục mùa hè dãi nắng bạc phếch, mũ ca lô hất ngược sau gáy.

Anh chiến sĩ hồng quân bước đi chậm rãi. Khẩu súng trường trong tay anh đung đưa nhịp nhàng, lưỡi lê lấp loáng dưới ánh nắng. Mấy tên tù binh Đức cũng lê bước chậm rãi, miễn cưỡng nhấc những cặp chân đi ủng thấp cổ, bê bết bùn đất sét vàng.

Tên Đức đi đầu đã có tuổi, má hõm sâu, râu rậm màu hạt dẻ, khi đi ngang qua hầm công sự gườm gườm nhìn chúng tôi bằng cặp mắt chó sói, rồi hắn xoay người lại, vừa đi vừa sửa lại chiếc mũ sắt buộc ở thắt lưng. Và, thế là, trung uý Ghêraximốp nhảy chồm lên, quát người chiến sĩ hồng quân bằng một giọng gay gắt như chó sủa:

- Sao thế hả, cậu đi dạo mát với chúng đấy à? Bước mau lên nào! Đã bảo là dẫn chúng đi nhanh lên!

Rõ ràng là anh còn muốn quát thêm một câu gì nữa nhưng nghẹn đi vì quá xúc động, anh quay phắt người và chạy nhanh xuống bậc tam cấp bước vào hầm công sự. Đồng chí chính trị viên đại đội chứng kiến câu chuyện này; để đáp lại cái nhìn ngạc nhiên của tôi, anh nói nhỏ:

- Biết làm thế nào được, thần kinh đấy! Cậu ấy bị bọn Đức bắt làm tù binh, chắc anh chưa biết nhỉ? Có dịp nào đó, anh hãy bắt chuyện với cậu ấy. Hồi ấy cậu ta đã phải chịu đựng ghê gớm và sau này thì không tài nào nhìn nổi bọn lính Hítle đang còn sống. Phải, không tài nào nhìn nổi chính những đứa còn sống ấy! Nhìn bọn đã chết rồi thì không sao, và có thể nói rằng cậu ấy hài lòng nữa kia, nhưng hễ cứ nhìn bọn tù binh thì cậu ấy hoặc là nhắm mắt lại, mặt nhợt nhạt và toát mồ hôi, hoặc là quay ngoắt rồi đi biến. - Đồng chí chính trị viên đại đội dịch lại gần bên tôi, thầm thì. - Tôi đã hai lần cùng cậu ấy xung phong: thật như mãnh hổ. Giá mà anh được tận mắt trông thấy cậu ấy xông lên như thế nào. Tôi cũng đã được thấy nhiều, nhưng đâm lê và đánh bằng báng súng như cậu ấy thì thật là khủng khiếp.

Ban đêm, trọng pháo của Đức hoạt động mạnh. Từ phía xa vọng lại tiếng đại bác nổ, vài giây sau, trên bầu trời đầy sao vút qua đầu chúng tôi có tiếng đạn thép rít lên nghe to dần rồi xa dần, và tiếp theo ở đâu đó phía sau chúng tôi, nơi con đường ban ngày nghìn nghịt những ô tô chở dạn được ra tiền tuyến, bừng lên một ánh chớp lửa màu vàng kèm theo một tiếng nổ rền.

Chen giữa những loạt súng, lúc khu rừng trở lại im ắng, tiếng muỗi kêu vo ve, tiếng những con ếch hoảng sợ

trước cuộc bắn phá rụt rè gọi nhau trong dầm lầy gần đó nghe dã rõ.

Chúng tôi nằm dưới một bụi phỉ tử, và trung uý Ghêraximốp vừa phe phẩy một cành cây nhỏ đuổi muỗi vừa chậm rãi kể cho tôi nghe về cuộc đời mình. Câu chuyện này tôi nhớ được như thế nào, xin kể lại như thế.

- Trước chiến tranh, tôi làm thợ máy trong một nhà máy ở miền tây Xibia. Tôi được gọi nhập ngũ ngày mồng chín tháng Bảy năm ngoái. Gia đình tôi gồm có vợ, hai con nhỏ và ông bố tàn tật. Tiễn đưa, thì tất nhiên là vợ tôi có khóc, nhưng lúc lên đường, cô ấy lại nói: "Anh cứ kiên quyết bảo vệ Tổ quốc và gia đình. Nếu cần thì hãy hiến dâng cả cuộc đời để giành lấy thắng lợi cho chúng ta." Tôi nhớ rằng khi đó tôi đã cười và nói với cô ấy rằng: "Này, thế em là cái gì đối với anh, là vợ hay là tuyên truyền viên trong gia đình đấy? Anh là người lớn, còn thắng lợi thì bọn anh sẽ móc họng bọn phát xít ra mà giành lấy, em đừng lo!"

Bố tôi tất nhiên là cứng rắn hơn, nhưng cũng không tránh được những lời huấn thị. Ông cụ bảo: "Vichto này, gia đình Ghêraximốp đâu phải là một gia đình bình thường. Con là công nhân nhà nòi đấy: cụ nội con đã làm việc cho hãng Xtôrôgarốp, dòng họ nhà ta hằng trăm năm nay đã làm ra sắt thép cho đất nước, và vì thế, trong cuộc chiến tranh này con cũng phải là sắt thép. Chính quyền là của con, chính quyền đã giữ con làm sĩ quan dự bị cho chiến tranh, con cần phải nện cho kẻ thù nên thân mới được!"

- Con sẽ làm những điều bố dặn, bố ạ!

Trên đường ra ga, tôi tạt vào quận uỷ Đảng. Đồng chí bí thư quận uỷ vốn là một người rất khô khan và chín chắn... Tôi nghĩ bụng, nếu trong lúc lên đường, vợ và bố tôi đã làm công tác tuyên truyền đối với tôi như vậy, thì con người này ắt chẳng tha, thế nào cũng hô hào đến nửa tiếng đồng hồ cho mà xem, nhất định thế! Nhưng sự thể lại hoàn toàn ngược lại.

"Nào, ngồi xuống Ghêraximốp. - Đồng chí bí thư của chúng tôi nói. - Theo tục lệ cổ, trước lúc lên đường, chúng ta hãy ngồi với nhau một lát."

Chúng tôi cùng ngồi, cùng im lặng một lúc, sau đó đồng chí ấy đứng lên và tôi thấy hình như mắt kính của đồng chí ấy đổ mồ hôi... Tôi nghĩ thầm: Ngày hôm nay thật lắm điều kỳ lạ! Còn đồng chí bí thư thì nói: "Mọi chuyện đều rõ ràng và dễ hiểu, đồng chí Ghêraximốp ạ, tôi còn nhớ cậu từ ngày cậu bé tẹo thế này, tai thì vểnh lên, lúc ấy cậu còn quàng khăn đỏ, tôi nhớ cả lúc cậu trở thành đoàn viên Thanh niên Cộng sản và tôi biết trong mười năm nay cậu đã là một người cộng sản như thế nào. Hãy đi đi và thẳng tay nện lũ khốn kiếp đó. Tổ chức Đảng tin ở cậu." Lần đầu tiên trong đời, tôi và đồng chí bí thư ôm hôn nhau thắm thiết, và có trời biết tại sao hôm đó đồng chí ấy hoàn toàn không khô khan đối với tôi như trước kia...

Sự thân tình ấy đã sưởi ấm lòng tôi đến mức bước ra khỏi văn phòng quận uỷ, tôi thấy vô cùng hân hoan và xúc động.

Ngay lúc đó, vợ tôi cũng làm cho tôi vui. Anh cũng hiểu rằng tiễn chồng ra mặt trận thì chẳng có người vợ

nào lại không buồn, tất nhiên vợ tôi cũng đau khổ, cô ấy muốn nói một điều gì quan trọng, nhưng dầu óc cứ rối tung lên, mọi ý nghĩ biến đâu mất hết. Mãi đến lúc tàu đã chuyển bánh, cô ấy đi bên toa tàu tay cứ nắm chặt lấy tay tôi không chịu buông và nói nhanh:

- "Vichia coi chừng nhé, anh cố giữ mình kẻo mà bị cảm lạnh ở ngoài mặt trận ấy!"

Tôi bảo vợ tôi:

- "Em nói gì vậy, Nadia, anh thì bị cảm lạnh làm sao được. Ở đó khí hậu tốt lắm, thậm chí còn rất ôn hoà nữa đấy!"

Càng cảm thấy cay đắng vì cảnh chia ly, vui vui vì câu nói ngớ ngẩn và dễ thương của vợ, tôi càng căm thù quân Đức. Tôi nghĩ bụng, chà, cái bọn láng giềng phản trắc này, bay đã động chạm đến chúng tao, giờ hãy liệu hồn! Chúng tao sẽ xiên táo chúng mày!

Ghêraximốp yên lặng vài phút, lắng nghe tiếng súng máy nổ ran phía trước tiền duyên, rồi sau đó, khi tiếng súng ngừng bặt, cũng đột nhiên như khi nó bắt đầu, anh nói tiếp:

- Trước chiến tranh, người ta đem đến nhà máy chúng tôi những cỗ máy chế tạo từ nước Đức. Mỗi khi lắp máy, tôi thường sờ mó các chi tiết và ngắm nghía hết bên này sang bên khác đến năm sáu lần. Thật không thể chê vào đâu được! Đúng là những bàn tay thông minh đã làm ra các cỗ máy này. Tôi đã đọc nhiều tác phẩm của các nhà văn Đức, tôi yêu mến và đã quen kính trọng nhân dân Đức. Thật ra, cũng có lúc tôi cảm thấy ức, là vì sao một

dân tộc yêu lao động và dầy tài năng như vậy mà lại chịu đựng được một chế độ tồi tệ như chế độ Hítle, nhưng nghĩ cho cùng thì đó là việc của họ. Sau đó nổ ra cuộc chiến tranh ở Tây Âu...

Thế là tôi ra mặt trận và tự nghĩ: Kỹ thuật của bọn Đức mạnh, quân đội cũng khá. Mẹ kiếp, đánh nhau và bẻ gãy được xương sườn một kẻ địch như vậy kể cũng thú vị. Mà chúng ta trước năm Bốn mốt cũng chẳng kém cạnh gì. Phải thừa nhận rằng tôi cũng chẳng mong đợi một lòng trung thực đặc biệt gì ở thằng địch này, làm sao lại có thể trông mong vào lòng trung thực ở bọn phát xít được, nhưng cũng chưa bao giờ tôi nghĩ rằng mình phải đánh nhau với bọn khốn nạn vô lương tâm như quân đội Hítle. Thôi, về chuyện này sau ta sẽ nói...

Cuối tháng Bảy, đơn vị chúng tôi ra đến mặt trận. Sớm ngày 27 thì bước vào trận đánh. Lúc đầu, đối với lính mới như tôi kể cũng thấy hơi chọn. Súng cối của chúng giã bọn mình rất ác, nhưng đến chiều, chúng tôi đã quen dần. sửa cho chúng nên thân và tống ra khỏi một làng nhỏ. Ngay trong trận này, chúng tôi đã tóm được một tốp tù binh khoảng mười lăm tên. Tôi còn nhớ rõ như in trước mắt: chúng bị dẫn đi, khiếp đảm. nhợt nhạt; và đến lúc này, sau cuộc chiến đấu, các chiến sĩ của ta đã nguôi nguôi, nên mỗi người đều dúi cho bọn tù binh tất cả những gì có thể cho: người thì một cà mèn xúp bắp cải. Người thì một dúm thuốc rời hoặc điếu thuốc quấn, người thì cho chúng uống trà. Mọi người vỗ vai chúng vào gọi chúng là "camarát": thế nào, người đồng chí, sao lại đánh nhau với chúng tôi?

Nhưng có một chiến sĩ đã từng trải trong chiến đấu thì cứ nhìn mãi quang cảnh cảm động đó và nói: "Các đồng chí cứ việc mà tỏ tình cảm với những "ông bạn" này đi. Ở đây thì tất cả bọn chúng đều là "camarát" này hành động như thế nào ở bên kia trận tuyến, cách chúng đối xử với thương binh của ta và với dân làng, các đồng chí mới biết." Đồng chí đó nói, như giội một thùng nước lạnh lên đầu chúng tôi, rồi bỏ đi.

Ít lâu sau, chúng tôi chuyển sang tấn công, và đã được thấy đủ thứ... Những hàng xóm bị đốt trụi hoàn toàn, hàng trăm dàn bà, trẻ em, người già bị bắn chết, những chiếc thây bất thành nhân dạng của các chiến sĩ hồng quân bị bắt làm tù binh, những phụ nữ, thiếu nữ, em gái nhỏ bị chúng hãm hiếp và giết hại một cách dã man...

Đặc biệt hình ảnh một em gái nhỏ còn in mãi trong đầu tôi: em độ mười một tuổi, có lẽ đang đi đến trường. Bọn Đức bắt được em lôi vào vườn rau hãm hiếp, rồi giết chết. Em nằm giữa những cây khoai tây nát bét, một cô gái bé bỏng hãy còn hoàn toàn là một đứa trẻ con, còn xung quanh là những quyển vở và sách giáo khoa đẫm máu vương vãi... Mặt em bị lưỡi lê băm vằm trông rất khủng khiếp, tay em còn nắm chặt chiếc cặp học sinh mở tung. Chúng tôi phủ lên mình em chiếc áo mưa vải bạt và đứng lặng yên. Sau đó, các chiến sĩ lặng lẽ tản đi, còn tôi thì tôi nhớ là vẫn đứng dấy như người hoá dại, miệng lẩm bẩm: "*Báckốp. Pôlôvinkin. Địa lý tự nhiên. Sách giáo khoa cho trường trung học và phổ thông bảy năm.*" Đó là tôi đọc ở một trong những quyển sách giáo khoa vương vãi trên cỏ

gần đấy, còn cuốn sách giáo khoa đó thì tôi biết rõ lắm. Con gái tôi cũng đang học lớp năm.

Còn đây là chuyện xảy ra ở cách Rugin không xa. Trong một cái khe gần Xcơvira, chúng tôi đã thấy một địa điểm hành hình, ở đó chúng hành hạ những chiến sĩ hồng quân bị bắt làm tù binh. Đồng chí đã có dịp đến các cửa hàng bán thịt, chưa? Quang cảnh nơi đó cũng gần giống như thế đấy... Trên những cành cây mọc ở bờ khe, treo lủng lẳng những thân hình đẫm máu không chân không tay bị lột gần hết da... Ở dưới đáy khe có tám người bị giết chất thành một đống. Không thể biết tay nào chân nào của nạn nhân nào nữa, tất cả chỉ là một đống thịt lớn bị chặt vụn, còn bên trên xếp tám cái mũ calô của Hồng quân thành chồng như xếp đĩa...

Anh thử nghĩ xem, liệu có thể dùng lời mà kể lại được tất cả những gì tôi đã nhìn thấy không? Không thể! Không có lời nào hết? Cảnh đó cần phải nhìn tận mắt. Nhưng thôi, nói về chuyện này thế là đủ rồi! Trung uý Ghêraximốp yên lặng hồi lâu. Tôi hỏi anh:

- Ở đây hút thuốc được chứ?

- Được. Lấy tay che đi mà hút. - Anh trả lời giọng khàn khàn.

Rồi vừa hút, anh vừa kể tiếp:

- Anh có hiểu được rằng sau khi nhìn thấy tất cả những gì mà bọn phát xít gây ra cho ta, chúng tôi đã trở nên hung hãn như thú rừng và không thể nào khác được. Tất cả chúng tôi đều hiểu rằng chúng tôi đánh nhau không phải với người mà là với một lũ quái thai chó má

khát máu. Dường như bây giờ chúng tàn sát, hãm hiếp, hành tội dân ta cũng tỉ mỉ, cẩn thận như khi chúng chế tạo những cỗ máy vậy. Sau đó chúng tôi lại phải rút lui, nhưng chúng tôi đã chiến đấu như quỷ dữ! Trong đại đội chúng tôi, hầu hết các chiến sĩ đều là người Xibia. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn chiến đấu quyết liệt để bảo vệ đất Ukraina. Rất nhiều đồng hương của tôi đã ngã xuống trên mảnh đất Ukraina, nhưng cũng trên mảnh đất này, bọn phát xít đã phải chết nhiều hơn chúng tôi. Phải, chúng tôi đã rút lui, nhưng cũng đã nện cho chúng nên thân.

Trung uý Ghêraximốp hút một hơi thuốc thật dài rồi nói bằng giọng khác, dịu dàng hơn:

- Đất đai miền Ukraina thật là tốt, còn thiên nhiên ở đó thì tuyệt! Mỗi một làng, một xóm nhỏ đối với chúng tôi đều thân thiết, có lẽ vì chúng tôi đã đổ máu mình xuống đó không tiếc, mà như người ta thường nói, máu kết chặt tình thân... Cứ mỗi khi phải bỏ một làng nào, là trái tim chúng tôi cứ nhói lên, nhói lên không chịu nổi. Thật là tiếc, tiếc đến đứt ruột! Chúng tôi ra đi mà chẳng dám nhìn vào mắt nhau.

... Khi đó, tôi không nghĩ rằng mình có thể bị bọn phát xít bắt làm tù binh, thế mà việc đó đã xảy ra. Vào quãng tháng Chín, tôi bị thương lần đầu nhưng vẫn ở lại đội ngũ. Đến ngày hai mươi mốt, trong một trận đánh ở Đênixốpka thuộc tỉnh Pôntava, tôi bị thương lần thứ hai và bị bắt làm tù binh.

Xe tăng Đức chọc thủng sườn trái của chúng tôi, theo sau chúng là bộ binh đổ vào. Chúng tôi đã chiến đấu, phá

được vòng vây. Trong ngày hôm đó, đơn vị tôi bị tổn thất rất nặng. Hai lần, chúng tôi đẩy lui cuộc tấn công bằng xe tăng của quân địch, bắn cháy và bắn bị thương sáu chiếc xe tăng và một chiếc xe bọc thép, quật ngã khoảng một trăm hai mươi tên lính Hítle trên cánh đồng ngô, rồi sau đó chúng đưa các đại đội súng cối đến, chúng tôi đành phải bỏ điểm cao mà chúng tôi đã giữ được suốt từ lúc giữa trưa đến bốn giờ chiều. Từ sáng, trời đã nóng nực. Trên bầu trời không một gợn mây, mặt trời hun nóng như thiêu như đốt, nóng đến không thở được. Đạn súng cối rơi dày đặc đến kinh khủng và tôi còn nhớ là khát nước đến nỗi môi ai cũng đen sì, còn tôi thì ra lệnh bằng giọng khản đặc, cứ như không phải giọng của mình. Chúng tôi vừa chạy đến một chỗ trũng thì một quả đạn cối nổ ngay trước mặt. Hình như tôi chỉ kịp nhìn thấy một cột đất và bụi đen sì và thế là hết. Một mảnh đạn súng cối bắn thủng cái mũ sắt của tôi, mảnh thứ hai trúng vào vai phải.

Tôi không nhớ mình đã nằm bất tỉnh bao lâu, nhưng tiếng bước chân người thình thịch làm tôi tỉnh lại. Cất đầu lên thì thấy đang nằm không phải ở chỗ mình ngã xuống. Bộ quân phục trên người không còn nữa, vai đã được ai đó băng bó vội vã. Không có cả chiếc mũ sắt trên đầu. Đầu cũng đã được ai đó băng cho, nhưng băng buộc không chặt, một đầu băng buông thõng xuống ngực. Trong khoảnh khắc, tôi đã nghĩ rằng anh em chiến sĩ của tôi đã mang tôi theo và trên đường đã băng cho tôi; và khi cố gắng nhấc đầu lên để nhìn quanh tôi hy vọng sẽ nhìn thấy anh em mình. Nhưng chạy lại với tôi không phải là anh em mình,

mà là bọn Đức. Chính tiếng bước chân của bọn chúng đã làm tôi tỉnh lại. Tôi nhận thấy chúng rõ mồn một như xem một cuốn phim tốt. Tôi quờ tay tìm xung quanh. Bên tôi không còn một thứ vũ khí nào cả: không có súng ngắn, không có súng trường và ngay cả lựu đạn cũng không nốt. Một đồng chí nào đã lấy bản đồ và vũ khí của tôi đi rồi.

Tôi nghĩ thầm: "Đã đến lúc chết rồi đây!" Tôi còn nghĩ gì trong lúc này nữa nhỉ? Nếu anh muốn viết một cuốn tiểu thuyết sau này, thì cứ nghĩ ra mà viết, còn tôi khi đó tôi chẳng kịp nghĩ gì cả. Bọn Đức đang ở rất gần, còn tôi thì không muốn nằm như vậy mà chết. Đơn giản là tôi không muốn, tôi không thể nằm như vậy mà chết, hiểu không? Tôi thu hết sức lực, chống hai tay xuống đất quỳ lên. Khi chúng chạy đến gần thì tôi đã đứng lên được. Tôi đứng dậy, lảo đảo, chỉ sợ lại ngã xuống và chúng sẽ đâm cho một lưỡi lê khi tôi đang nằm. Tôi không còn nhớ một khuôn mặt nào cả. Chúng vây quanh tôi vừa cười vừa nói điều gì đó. Tôi bảo: "Nào, hãy giết tao đi, bọn khốn kiếp! Giết ngay tao đi kẻo tao lại ngã xuống bây giờ." Một đứa trong bọn chúng dập cho tôi một báng súng vào gáy, tôi ngã xuống nhưng lại vùng dậy ngay. Chúng cười phá lên và một đứa trong bọn vẫy tay ra hiệu bảo: đi, đi về phía trước. Tôi bước đi. Khắp mặt tôi máu đọng cứng lại; từ vết thương trên đầu, dòng máu rất ấm và nhơm nhớp vẫn rỉ ra; vai rất đau và tôi không thể nhấc tay phải lên được. Tôi nhớ lúc đó tôi chỉ muốn nằm xuống, không đi đâu nữa, thế mà chân tôi vẫn cứ bước...

Không, tôi hoàn toàn không muốn chết và lại còn không muốn bị bắt làm tù binh. Phải tốn bao nhiêu sức lực mới dẹp được cơn nhức đầu và buồn nôn, tôi vẫn bước đi, và như thế có nghĩa là tôi vẫn đang còn sống và còn có thể hành động được. Chao ôi, cơn khát dày vò tôi mới ghê chứ! Miệng thì nóng bỏng và suốt thời gian chân bước đi, trước mắt tôi lúc nào cũng như có một tấm rèm đen lay động. Tôi gần như mê man, nhưng vẫn vừa đi vừa nghĩ: "Kiếm được ngụm nước uống, nghỉ một lát, rồi lập tức chạy trốn!"

Ở một chỗ trống trong khu rừng, chúng tập trung tất cả anh em tù binh, bắt xếp hàng lại. Tất cả đều là các chiến sĩ thuộc đơn vị bên cạnh. Tôi chỉ nhận ra có hai chiến sĩ đại đội 3 thuộc trung đoàn mình. Phần lớn tù binh đều bị thương. Tên trung uý Đức, bằng thứ tiếng Nga rất tồi, hỏi xem trong chúng tôi có ai là chính trị viên hay đội trưởng không. Tất cả đều im lặng. Nó hỏi lại lần nữa: "Chính trị viên và sĩ quan tiến lên hai bước!" Không ai bước ra khỏi hàng.

Tên trung uý chậm rãi bước đi trước hàng và chọn ra khoảng mười sáu người, trông mặt có vẻ giống người Do thái. Hắn hỏi từng người một: "Do thái phải không?" rồi không đợi trả lời, hắn ra lệnh bước ra khỏi hàng. Trong số những người hắn chọn ra có người Do thái, người Acmêni, và có những người chỉ là người Nga, nhưng đều da ngăm ngăm và tóc đen. Chúng đẩy họ đứng sang một bên rồi dùng tiểu liên bắn ngay trước mắt chúng tôi. Sau đó, chúng khám xét qua loa rồi tịch thu hết ví tiền và mọi vật dụng cá nhân. Tôi không bao giờ bỏ thẻ Đảng vào trong ví

tiền vì sợ đánh mất; tôi thường cất nó vào túi quần trong và vì thế chúng không tìm thấy. Con người là một sinh vật kỳ lạ: tôi biết một cách chắc chắn rằng sinh mệnh của tôi đang treo trên sợi tóc, và nếu chúng không giết tôi khi tôi tìm cách chạy trốn, thì dằng nào chúng cũng giết tôi trên đường, vì tôi bị mất quá nhiều máu, khó mà theo kịp được anh em; nhưng khi bị khám xong, chiếc thẻ Đảng vẫn còn trong người, tôi lại cảm thấy vô cùng sung sướng, đến mức quên cả khát!

Bọn địch xếp chúng tôi theo đội hình hành quân rồi dồn về phía tây. Một đội áp giải khá đông đi hai bên đường và khoảng mười chiếc xe môtô đi kèm. Chúng thúc chúng tôi phải đi nhanh, nhưng sức tôi đã kiệt. Đã hai lần tôi ngã xuống, nhưng lại đứng và đi tiếp, vì tôi biết rằng chỉ cần nằm lại một phút, mọi người sẽ đi qua và chúng sẽ bắn tôi chết ngay trên đường. Có một đồng chí thượng sĩ đi trước tôi đã bị như vậy. Đồng chí ấy bị thương ở chân, đi rất khó khăn, vừa đi vừa rên rỉ, đôi khi đau quá phải kêu lên. Chúng tôi đi được khoảng một cây số thì đồng chí ấy kêu to lên:

- "Không, tôi không thể đi được nữa. Vĩnh biệt các đồng chí." Và ngồi lại ngay giữa đường.

Anh em vừa đi vừa cố xốc đồng chí đó đứng lên, nhưng đồng chí ấy lại tuột ngay xuống đất. Như trong giấc mơ, tôi còn nhớ khuôn mặt rất trẻ của đồng chí ấy, nhợt nhạt, đôi mày nhíu lại, đôi mắt ướt dẫm lệ... Đoàn người đi qua. Đồng chí ấy ngồi lại ở phía sau. Tôi quay nhìn lại và thấy một tên lái môtô đến sát gần và cứ ngồi trên xe rút súng lục ra khỏi bao, dí vào tai đồng chí thượng sĩ đó

mà bóp cò. Tới khi đi đến bờ sông, bọn phát xít đã bắn chết thêm vài chiến sĩ Hồng quân tụt lại phía sau nữa.

Tôi đã trông thấy con sông, chiếc cầu bị phá và một chiếc xe vận tải bị sa lầy ở chỗ lội, tại đó tôi đã ngã sấp mặt xuống. Tôi có ngất đi không? Không, tôi không ngất. Tôi nằm sóng soài, bụi cát vào đầy miệng, tôi điên tiết nghiến răng lại, cát xào xạo trong miệng tôi, nhưng tôi không thể nào đứng lên được. Các đồng chí bước ngang qua chỗ tôi. Một người nói nhỏ: "Đứng dậy ngay không chúng nó giết đấy!" Tôi lấy ngón tay cào cào miệng, ấn vào mắt, mong rằng cơn đau sẽ giúp tôi đứng lên được.

Cả đoàn người đã đi qua, tôi đã nghe thấy tiếng bánh xe của tên lính đi môtô xành xạch tiến lại gần. Và dù sao tôi cũng đã đứng dậy được! Không nhìn tên lính đi môtô, tôi bước lảo đảo như người say rượu, buộc mình phải đuổi kịp đoàn người và sóng vào hàng cuối cùng. Nước sông bị xe tăng và ô tô Đức lội qua đã khuấy cho đục ngầu, thế mà chúng tôi vẫn uống, uống cái thứ nước nâu nâu âm ấm đó, và cảm thấy nó còn ngọt hơn thứ nước suối khoáng tốt nhất. Tôi nhúng cả đầu và vai xuống nước. Tôi tỉnh cả người và thấy mình khoẻ lại. Bây giờ thì tôi có thể bước đi với hy vọng là sẽ không bị ngã và không bị nằm lại trên đường.

Chúng tôi vừa đi khỏi bờ sông lên đường cái, thì gặp một đoàn xe tăng hạng trung của bọn Đức. Chúng đi ngược lại phía chúng tôi. Tên lái chiếc xe tăng đi đầu, nhìn thấy chúng tôi là tù binh, bèn dận hết ga cho xe xông thẳng vào đoàn chúng tôi. Những hàng đầu bị xích xe nghiến nát. Bọn lính áp giải đi bộ và bọn lính đi môtô

đứng nhìn cảnh đó cười ầm ĩ, chúng lấy tay vẫy vẫy nói gì đó với bọn lính tăng đang thò đầu ra ngoài tháp xe. Sau đó chúng lại xếp chúng tôi thành hàng ngũ và dồn sang một bên đường.

Bọn chúng đùa cợt như thế đó, còn biết nói gì nữa bây giờ...

Buổi chiều và đêm hôm đó, tôi không tìm cách chạy trốn, tôi hiểu rằng mình không thể nào đi thoát được vì tôi còn rất yếu do bị mất quá nhiều máu, vả lại chúng canh gác rất nghiêm ngặt và mọi cố gắng để chạy trốn sẽ chỉ gặp thất bại. Nhưng sau này, tôi cứ rủa thầm mình không biết bao nhiêu lần là tại sao không thử xem! Buổi sáng, chúng lùa chúng tôi qua một thôn có một đơn vị Đức chiếm giữ. Bọn bộ binh Đức chạy ra phố xem chúng tôi. Bọn áp giải bắt chúng tôi phải chạy nước kiệu qua suốt làng. Chúng cần phải làm nhục chúng tôi trước mắt các đơn vị Đức sắp ra mặt trận. Thế là chúng tôi phải chạy. Người nào ngã hoặc tụt lại lập tức bị bắn chết. Đến chiều thì chúng tôi đến trại tù binh.

Đó là sân của một trạm máy kéo, chung quanh chăng dây thép gai rất dầy. Trong sân, tù binh đứng chen chúc. Chúng tôi bị giao cho bọn quản trại và bọn này dùng báng súng lùa chúng tôi vào bên trong hàng rào dây thép gai. Nếu nói rằng cái trại tù binh này là địa ngục, thì nghĩa là chẳng nói được gì cả. Không có cả chỗ đi vệ sinh. Mọi người đại tiểu tiện ngay tại chỗ đứng, nằm ngay trên phân và nước bẩn. Những người yếu nhất không đứng được nữa. Mỗi ngày chúng phát thức ăn và nước uống một lần. Một ca nước, một nhúm kê sống hoặc hạt hướng dương thối,

ngoài ra chẳng có gì. Đôi khi chúng quên chẳng phát gì cả...

Hai ngày sau, trời mưa rất to. Bùn bẩn trong trại ngập lên đến gần gối. Buổi sáng, thân thể ẩm ướt của chúng tôi bốc hơi như ngựa, mà mưa vẫn như trút, không ngớt... Mỗi đêm, chết đến mấy chục người. Tất cả chúng tôi đều mỗi ngày một yếu đi do đói ăn. Thêm vào đó, tôi còn bị những vết thương dày vò khổ sở.

Đến ngày thứ sáu, tôi thấy vai và vết thương trên đầu đau quá. Bắt đầu mưng mủ. Sau đó có mùi thối. Bên cạnh trại có mấy cái chuồng ngựa của nông trường, là chỗ để các chiến sĩ Hồng quân bị thương nặng. Buổi sáng, tôi xin phép tên hạ sĩ quan canh giữ chúng tôi để đến tìm bác sĩ mà tôi nghe nói là đang chăm sóc thương binh. Tên hạ sĩ nói tiếng Nga rất thạo. Hắn nói: "Đi đi, thằng Nga, đi mà tìm bác sĩ của chúng mày. Nó sẽ giúp mày ngay đấy!"

Lúc đó tôi không hiểu là hắn nói giễu, liền vui mừng đi đến chỗ chuồng ngựa.

Đồng chí bác sĩ quân y hạng ba đón tôi ở cửa. Anh thật đã thân tàn ma dại. Anh chỉ còn da bọc xương kiệt sức và cũng hoá ra dở điên dở dại vì những điều đã phải trải qua. Thương binh nằm trên những ổ phân, bị ngạt thở vì mùi hôi thối ghê gớm ngập ngụa trong chuồng ngựa. Phần lớn các vết thương đã lúc nhúc dòi bọ, ai còn sức thì lấy tay hoặc lấy que mà gẩy ra khỏi vết thương. Ngay đó, bên cạnh cửa, một đống xác tù binh chết chưa kịp đem đi.

Đồng chí bác sĩ hỏi tôi: "Đồng chí đã trông thấy chưa? Tôi lấy gì mà giúp đồng chí bây giờ? Tôi không có lấy một mẩu băng, không có chút gì hết! Tôi van đồng chí, đồng

chí hãy đi khỏi đây, đi đi! Đồng chí hãy tháo băng ra rồi lấy tro mà rắc vào. Ở bên cạnh cửa có tro mới đấy!"

Tôi làm theo lời đồng chí ấy. Tên hạ sĩ gặp tôi ở cửa ngoác mồm cười: "Thế nào? Lính các ông có một vị bác sĩ tuyệt vời phải không? Ngài đã chăm sóc ông rồi chứ?" Tôi muốn lặng thinh đi qua nhưng nó đấm vào giữa mặt tôi và thét lên: "Mày không muốn trả lời à, đồ súc vật?" Tôi ngã xuống và hắn lấy chân đá mãi vào ngực, vào đầu tôi. Hắn đánh cho đến lúc thấm mệt. Cho đến chết, tôi cũng không quên tên phát xít này, không, tôi không bao giờ quên nó! Sau đó, hắn còn đánh tôi nhiều lần. Cứ thoáng thấy bóng tôi qua hàng rào dây thép gai là hắn gọi tôi ra và đánh tôi, lặng lẽ, chăm chú đánh...

Anh hỏi làm sao tôi còn sống sót được ư?

Trước chiến tranh, khi chưa làm thợ máy, tôi khuân vác trên sông Cama, mỗi lúc dỡ hàng, tôi vác đến hai bao muối, mỗi bao một tạ. Sức của tôi như vâm, không có gì đáng phàn nàn, hơn nữa cơ thể tôi khoẻ mạnh, nhưng điều chủ yếu là tôi không muốn chết, ý chí đề kháng của tôi rất mãnh liệt. Tôi cần phải trở lại đội ngũ, những chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc, và tôi đã trở về để trả thù kẻ địch cho đến cùng!

Trại tập trung này gần như là một trung tâm phân phối, và bọn chúng tôi bị đưa sang trại khác cách đó khoảng một trăm cây số. Ở đây cũng giống hệt như ở trại trung tâm phân phối: vẫn những cột cao mắc dây thép gai, trên đầu chẳng có chút mái che, chẳng có gì sất. Thức ăn vẫn như cũ, nhưng thỉnh thoảng thay cho kê sống, chúng cho một ca lúa mì thối đã nấu chín, hoặc chúng lôi vào

trong trại những thây ngựa chết, mặc cho tù binh chia nhau. Để khỏi bị chết đói, chúng tôi đành phải ăn và rồi cả trăm người chết... Thêm vào đó, đến tháng Mười trời bắt đầu lạnh, mưa triền miên không ngớt, buổi sáng lại có sương muối giá rét. Chúng tôi đứng vì rét. Tôi lấy được bộ quân phục và chiếc áo capốt của một đồng chí Hồng quân đã chết. Nhưng vẫn chẳng chống được rét, còn cái đói thì đã quen rồi...

Bọn lính canh gác chúng tôi đều phát phì ra nhờ cướp bóc. Tính nết chúng giống nhau như rập khuôn. Bọn lính canh đều được lựa chọn từ những tên dê tiện nhất. Chúng giải trí theo kiểu thế này, buổi sáng, một tên cai ngục đến bên hàng rào dây thép gai và nói qua phiên dịch:

- "Sắp phát thức ăn. Bắt đầu từ bên trái."

Tên cai bỏ đi. Tất cả những ai còn đứng được đều tập trung phía trái vòng đai. Chúng tôi đợi một, hai, ba giờ đồng hồ. Hàng trăm bộ xương người sống run rẩy đứng trước gió buốt... Đứng và chờ đợi...

Đột nhiên bọn lính gác xuất hiện rất nhanh ở phía bên kia hàng rào. Chúng ném qua dây thép gai vài miếng thịt ngựa. Tất cả mọi người bị cái đói thôi thúc đổ xô cả về phía đó và một cuộc xâu xé đã xảy ra quanh những miếng thịt ngựa nhầy nhụa bùn đất.

Bọn lính canh cười phá lên và sau đó là một tràng liên thanh dài vang lên giòn giã. Tiếng kêu, tiếng rên rỉ. Tù binh chạy dạt sang phía bên trái hàng rào, còn lại trên mặt đất là những người chết và bị thương... Tên đại uý cao lớn - trưởng trại - cùng với tên phiên dịch đi đến gần hàng rào dây thép gai. Tên đại uý cố nhịn cười nói:

- "Trong khi phân phát thức ăn, đã xảy ra chuyện lộn xộn bỉ ổi! Nếu điều này còn tái diễn, ta sẽ hạ lệnh bắn không thương tiếc lũ lợn Nga chúng mày! Dọn xác bọn đã chết và bị thương đi!" Bọn lính Hítle chen chúc sau lưng tên trưởng trại được một trận cười thoả thuê. Chúng rất thích kiểu pha trò "hóm hỉnh" của thủ trưởng.

Chúng tôi lặng lẽ khiêng những anh em bị giết ra khỏi trại, chôn ở một nơi gần đấy, dưới khe... Trong trại này, chúng đánh người bằng nắm đấm, bằng gậy gộc, bằng báng súng. Đánh người chỉ đơn giản vì buồn chán và để giải trí. Những vết thương của tôi đã kín miệng, nhưng có lẽ vì luôn luôn bị ướt và bị đòn nên lại toác ra, đau không chịu nổi. Nhưng tôi vẫn sống và vẫn không mất hy vọng sẽ được thoát... Chúng tôi nằm ngủ ngay trên vũng bùn, chẳng có lấy một lớp rơm lót. Mọi người nằm túm tụm lại với nhau, chất đống. Suốt đêm, có những tiếng ồn ào nho nhỏ, những người nằm dưới, trong vũng bùn bị lạnh cóng, còn những người nằm ở phía trên cũng bị lạnh cóng. Đó không phải là giấc ngủ mà là một cực hình.

Ngày tháng cứ trôi đi, như trong cơn ác mộng. Tôi cứ mỗi ngày một yếu đi.

Bây giờ thì ngay đến một đứa trẻ con cũng có thể quật ngã tôi được. Đôi khi tôi kinh hoàng nhìn hai cánh tay chỉ có da bọc xương của mình mà nghĩ rằng: "Làm thế nào mà thoát khỏi được nơi này đây?" Và thế là tôi lại tự nguyền rủa mình đã không cố tìm cách trốn ngay trong những ngày đầu. Nếu như chúng giết chết tôi ngay khi đó thì bây giờ tôi đã chẳng bị đày đoạ đến khủng khiếp như thế này.

Mùa đông đã đến. Chúng tôi dọn tuyết và nằm ngủ trên mặt đất giá băng. Số anh em chúng tôi trong trại ngày một ít đi... Cuối cùng chúng tuyên bố là vài ngày nữa sẽ phái chúng tôi đi làm việc. Mọi người như sống lại. Ở mỗi người đều nảy ra hy vọng, dù là rất mong manh, nhưng vẫn hy vọng rằng có thể có cơ hội chạy trốn.

Đêm đó trời lặng gió nhưng giá buốt. Trước lúc bình minh, tôi nghe thấy tiếng đại bác gầm. Xung quanh tôi nháo nhác hẳn lên. Đến khi nghe tiếng đại bác nổ tiếp thì bỗng nhiên có người nào đó nói to:

"Các đồng chí, quân ta tấn công rồi!"

Và thế là diễn ra một cảnh tượng không sao tả nổi: toàn trại đều dứng cả dậy như theo một hiệu lệnh. Cả đến những người suốt mấy ngày hôm nay không ngóc dậy, bây giờ cũng đứng được lên. Xung quanh tôi là những tiếng thì thầm sôi nổi, những tiếng nức nở nghẹn ngào cố nén... Có ai đó cạnh tôi khóc, rưng rức như đàn bà... cả tôi nữa cũng thế... Cả tôi cũng vậy... Trung uý Ghêraximốp nói nhanh, đứt quãng, rồi lặng thinh trong giây lát, nhưng sau đó trấn tĩnh lại được, anh kể tiếp, giọng đã bình thản hơn: Nước mắt chảy ròng ròng trên má tôi và đông cứng lại dưới làn gió... Ai đó hát bài "*Quốc tế ca*" bằng giọng yếu ớt. Chúng tôi hát theo, giọng nhỏ nhẹ, khàn khàn. Bọn lính gác xả đại liên và tiểu liên vào chúng tôi rồi có tiếng ra lệnh: "Nằm xuống!" Tôi nằm ngập mình trong tuyết và khóc như một đứa trẻ con. Nhưng đó không chỉ là những giọt nước mắt vui sướng, mà còn là những giọt nước mắt tự hào vì dân tộc ta. Bọn phát xít có thể giết chết chúng tôi, những người không có vũ khí trong tay, những người

kiệt lực vì đói ăn, chúng có thể hành hạ chúng tôi, nhưng chúng không thể bẻ gẫy được tinh thần chúng tôi, không bao giờ bẻ gẫy được. Tôi có thể nói thẳng rằng chúng đã chọn nhầm đối tượng để tấn công.

Đêm hôm đó, tôi không được nghe hết câu chuyện của trung uý Ghêraximốp. Anh được cấp tốc gọi lên ban tham mưu đơn vị. Nhưng chỉ vài hôm sau, chúng tôi lại gặp nhau. Trong căn hầm, mùi mốc và mùi nhựa thông xông lên. Trung uý ngồi trên chiếc ghế dài, lưng còng xuống, hai bàn tay bè bè đặt lên đầu gối, những ngón tay đan vào nhau. Nhìn anh, bất giác tôi nghĩ rằng ở đó, ở trong trại tù binh, anh đã quen ngồi như thế, yên lặng hàng giờ, những ngón tay đan vào nhau, đầu óc chìm đắm trong những suy nghĩ nặng nề, vô vọng.

- Anh hỏi tôi làm thế nào mà chạy thoát được à? Tôi sẽ kể anh nghe đây. Chẳng bao lâu, sau cái đêm nghe thấy tiếng đại bác nổ, chúng phái chúng tôi đi đào công sự. Mùa băng giá đã chuyển sang mùa tuyết tan. Trời mưa tầm tã. Chúng lùa chúng tôi lên phía bắc trại. Những cảnh ban đầu lại tái diễn. Những người bị kiệt sức ngã xuống, bị chúng bắn vứt xác trên đường...

Tên hạ sĩ Đức đã bắn chết một người, chỉ vì trên đường đi, anh ta nhặt một củ khoai tây lạnh cóng. Chúng tôi đi qua cánh đồng khoai tay. Trưởng nhóm chúng tôi tên là Gôntra người Ukraina nhặt lấy củ khoai tây đáng nguyền rủa đó định giấu đi. Tên hạ sĩ trông thấy. Hắn chẳng nói chẳng rằng bước lại gần Gôntra và bắn một phát vào gáy anh. Đoàn người dừng lại chỉnh đốn hàng ngũ. Tên hạ sĩ khoát rộng cánh tay nói: "Tất cả những thứ

này đều là tài sản quốc gia Đức. Bất cứ đứa nào trong bọn chúng mày tự ý lấy cái gì cũng đều bị bắn chết!"

Trong thôn mà chúng tôi đi qua, chị em phụ nữ trông thấy chúng tôi liền ném cho những mẩu bánh mì, những củ khoai tây nướng. Có người trong số chúng tôi kịp nhặt lên, còn những người khác thì không kịp: bọn lính áp giải xả súng bắn vào các cửa sổ và ra lệnh cho chúng tôi đi nhanh lên. Nhưng các chú bé, loại người không biết sợ là gì, thì chạy lên phía trước cách mấy đoạn đường phố, đặt bánh mì ở giữa đường và chúng tôi nhặt được. Tôi nhặt được một củ khoai tây luộc to tướng. Tôi bẻ đôi chia cho người bạn đi bên cạnh một nửa và chúng tôi nhai cả vỏ. Trong đời, tôi chưa bao giờ được ăn một củ khoai tây nào ngon như thế!

Công sự được xây dựng ở trong rừng. Bọn Đức tăng cường canh gác và phát xẻng cho chúng tôi. Không, tôi không muốn xây dựng công sự cho bọn chúng, mà tôi muốn phá hoại!

Cũng trong ngày hôm đó, trước khi chiều xuống, tôi đã quyết định: leo lên khỏi cái hố đang đào, cầm xẻng sang tay trái và đi đến chỗ tên lính gác... Trước lúc đó, tôi đã để ý thấy những tên Đức khác đang ở bên chiến hào, và ngoài tên lính đang canh gác nhóm chúng tôi, quanh đấy không có một tên nào khác cả.

- Cái xẻng của tôi bị gẫy... Đây, ông trông xem!

Tôi vừa nói khẽ vừa đi lại gần tên lính. Trong khoảnh khắc, tôi thoáng nảy ra ý nghĩ rằng nếu mình không đủ sức và không quật ngã được nó ngay từ cú đánh đầu tiên, thì nhất định phải chết với nó. Tên lính gác có lẽ cũng

nhận thấy có điều gì trên nét mặt tôi. Nó hất vai định kéo dây tiểu liên xuống, tôi liền lấy xẻng đập ngay vào giữa mặt nó. Tôi không thể đánh vào đầu nó vì nó đội mũ sắt. Tôi vẫn còn khoẻ lắm, và tên Đức không kêu được một tiếng, ngã ngửa ra.

Trong tay tôi đã có một khẩu tiểu liên và ba băng đạn. Tôi cắm cổ chạy. Và ngay khi đó, tôi cảm thấy mình không thể nào chạy được nữa. Thế là thôi, kiệt sức mất rồi! Tôi dừng lại, thở lấy hơi rồi lại từ từ chạy. Bên kia khe, khu rừng rậm hơn, và tôi chạy về hướng đó. Cũng không nhớ được tôi đã ngã bao nhiêu lần, đứng dậy và lại ngã. Nhưng cứ mỗi phút, tôi lại đi được xa hơn. Nấc lên và nghẹt thở vì mệt, dần dần, tôi sang được đến bên kia ngọn đồi, trong khi đó, xa xa phía sau tôi, vang lên hàng loạt liên thanh và tiếng la hét. Bây giờ thì bắt được tôi đâu phải dễ.

Đêm tối dần buông xuống. Mà nếu bọn Đức có lần được theo dấu vết tôi và đến được gần, thì tôi sẽ chỉ dành lại cho mình viên đạn cuối cùng thôi. Ý nghĩ đó làm cho tôi thêm can đảm, tôi bước đi khẽ khàng hơn, thận trọng hơn.

Đêm đó, tôi ngủ trong rừng. Có một làng xóm cách đây chừng nửa cây số, nhưng tôi không dám đến sợ chạm trán quân Đức.

Ngày hôm sau, anh em du kích nhặt được tôi. Hai tuần lễ liền tôi nằm trong hầm của họ và lấy lại được sức khoẻ. Lúc đầu họ cũng hơi nghi kỵ, mặc dầu tôi đã lấy chiếc thẻ Đảng viên trong lần lót áo capốt, mà hồi trong trại tù binh tôi có khâu lại qua loa, để đưa cho họ xem. Sau đó, khi tôi tham gia vào các trận đánh, thì quan hệ

của họ đối với tôi lập tức thay đổi hẳn. Từ đó, tôi đã mở sổ tính đầu những tên phát xít bị tôi giết và ghi cẩn thận; cho đến nay, con số đó đã lên tới cả trăm.

Đến tháng Giêng, anh em du kích dẫn tôi vượt mặt trận. Tôi nằm trong quân y viện gần một tháng. Người ta đã lấy mảnh đạn súng cối ở vai tôi ra, còn bệnh phong thấp và các thứ bệnh khác bị mắc ở trại tù binh thì để đến sau chiến tranh sẽ chữa. Từ quân y viện, người ta cho phép tôi về nhà để dưỡng sức. Tôi ở nhà được đúng một tuần, không thể nào ở hơn được nữa. Tôi cảm thấy buồn, chỉ có vậy thôi. Muốn nói gì thì nói, vị trí của tôi là ở đây cho đến cùng.

Chúng tôi chia tay nhau ngoài cửa hầm. Trung uý Ghêraximốp mơ màng nhìn ra con đường rừng tràn ngập ánh mặt trời rực rỡ, nói:

- ... Thế là chúng tôi đã học được cách chiến đấu thực sự, học được cả cách căm thù và cách yêu thương. Chiến tranh là một hòn đá mài, trong đó mọi thứ tình cảm đều được mài sắc. Tưởng chừng như tình yêu và lòng căm thù không thể nào đặt cạnh nhau được; anh cũng biết người ta thường nói: "Không thể thắng một con ngựa với một con nai run sợ vào cùng một chiếc xe." Ấy thế mà chúng ta đã thắng cả hai vào một xe và chúng đã kéo rất khoẻ! Tôi căm ghét khôn cùng bọn phát xít vì tất cả những điều chúng đã gây ra trên Tổ quốc tôi và cho cá nhân tôi, nhưng đồng thời tôi cũng yêu mến nhân dân mình hết lòng, và tôi không muốn nhân dân phải chịu đau khổ dưới

gông xiềng bọn phát xít. Đó chính là điều đã khiến tôi, cũng như tất cả chúng ta, phải chiến đấu kịch liệt, đó cũng chính là hai tình cảm đã chuyển hoá thành hành động và đưa chúng ta đến thắng lợi. Và nếu tình yêu Tổ quốc được gìn giữ cho đến khi nào trái tim ngừng đập, còn lòng căm thù thì chúng ta sẽ mãi mãi trút lên đầu lưỡi lê. Nếu những điều tôi vừa nói ra có hơi khó hiểu một chút, mong anh thứ lỗi cho, nhưng mà đúng là tôi nghĩ như thế đó." Trung uý Ghêraximốp kết luận như vậy và trong suốt thời gian chúng tôi quen nhau, lần đầu tiên anh mỉm cười, một nụ cười bình dị, dễ thương, như nụ cười trẻ thơ.

Và cũng là lần đầu tiên tôi nhận thấy mái tóc người trung uý mới ba mươi hai tuổi đã bạc trắng ở gần thái dương. Con người này đã bị bao nhiêu thiếu thốn dày vò, nhưng vẫn khoẻ mạnh, tráng kiện như một cây sồi. Mái tóc bạc vốn là kết quả của những nỗi đau khổ khôn cùng ấy nom trong trắng đến nỗi một sợi tơ nhện trắng vương trên chiếc mũ calô của anh, khi buông tới thái dương liền biến ngay mất, và tôi cố nhìn mãi mà không tài nào thấy được.

1942

NGUYỄN THI HÌN *dịch*

Số phận con người

Trên miền thượng lưu sông Đông, mùa xuân đầu tiên sau chiến tranh đã đến, rất mực hiền hoà, và kiên quyết. Cuối tháng Ba, những làn gió ấm từ miền biển Adốp đã bắt đầu thổi tới, và chỉ sau hai ngày đêm, những bãi cát bên tả ngạn sông Đông đã lồ lộ ra, sạch bóng tinh tươm, trong thảo nguyên những mương rãnh khe hẻm đầy tuyết cứ phồng lên, những con ngòi thảo nguyên phá vỡ băng lồng lên dữ dội: đường sá hầu hết bị tắc nghẽn.

Giữa thời buổi không may đường sá khó khăn ấy tôi phải đến làng Bucanôxcaia. Đường không xa - chỉ khoảng sáu chục cây số thôi, nhưng vượt qua được cũng chẳng dễ dàng gì. Tôi và một đồng chí nữa ra đi từ lúc mặt trời chưa mọc. Một đôi ngựa no kềnh dây căng thẳng, ì ạch kéo cỗ xe nặng trịch. Bánh xe lún đến tận ổ trục trong cát ướt trộn lẫn với tuyết và băng sau một giờ thì hai bên hông ngựa, dưới những dây nịt mỏng ở vành mông, đã sủi lên những đám bọt mồ hôi trắng xoá; trong không khí ban mai mát

mẻ. xông lên nồng nặc và ngây ngất mùi mồ hôi ngựa và mùi nhựa được trát vô tội vạ vào bộ dây thắng, đã được sưởi ấm.

Nơi nào thấy ngựa vất vả quá thì chúng tôi xuống xe, đi bộ. Tuyết nhão nhoét cứ lép bép dưới dế ủng, bước rất khó, nhưng hai bên vệ đường thì vẫn còn lớp băng mỏng lóng lánh dưới ánh mặt trời như pha lê; bước vào đó lại càng khó đi hơn. Phải đến sáu tiếng đồng hồ chúng tôi mới vượt được khoảng bác chục cây số tới bến đò qua con ngòi Êlanca.

Con ngòi nhỏ nằm giữa bãi bồi lầy lội mọc đầy cây trăn. mùa hè có nhiều chỗ cạn chảy qua nước thôn Mêkhôpxki, giờ đây thì nó tràn bờ, rộng tới một cây số. Đành phải vượt sông trên một con thuyền đáy phẳng ọp ẹp không chở nổi quá ba người. Chúng tôi không thả ngựa ra. Ở bờ bên kia, trong một nhà kho nông trang, chiếc ôtô Uynlitxơ chạy nhiều đã tã đang chờ chúng tôi: xe bị bỏ lại đó từ đạo mùa đông. Tôi và người lái ngồi lên chiếc thuyền nát - lòng cứ chờn chợn. Đồng chí cùng đi với tôi ở lại bờ bên này với hành lý. Chúng tôi vừa rời bến thì từ đáy thuyền mục ruỗng nước cứ phọt lên hệt như những vòi giếng phun. Chúng tôi dùng đủ mọi thứ sẵn có trong tay trám các lỗ thủng của cái chậu họp ẹp ấy, và tát nước cho đến lúc cập được vào bờ. Sau một tiếng đồng hồ, chúng tôi sang được bên kia con ngòi Êlanka. Người lái xe đã đánh chiếc ôtô từ trong xóm ra, anh bước tới thuyền cầm lấy nái chèo và nói:

- Nếu cái chậu giặt thổ tả này không bị dấm, thì sau chừng hai giờ nữa chúng tôi mới tới, đồng chí đừng mong sớm hơn.

Xa xa, xóm quê trải dài tít tắp, và quanh bên tịch mịch lạ thường, cái tịch mịch chỉ thấy ở những chốn hoang vu vào mùa thu vắng lặng hoặc buổi đầu xuân mà thôi. Từ mặt nước phảng phất hơi ẩm và mùi hăng dắng của những cây tràn mục, nhưng từ những thảo nguyên vùng Prikhôpe xa xôi, chìm đắm trong màn sương mù tím nhạt, một luồng gió nhẹ đã đưa tới mùi hương muôn thuở thanh xuân, thoang thoảng của đất vừa thoát khỏi cảnh tuyết phủ.

Gần đấy, trên bờ cát, có một hàng rào đổ rạp. Tôi ngồi ghé lên đó, định lấy thuốc hút, nhưng thọc tay vào túi bên phải của áo bông thì khốn khổ thay, bao thuốc Bêlômo đã ướt đẫm rồi. Lúc qua sông, sóng đánh vào mạn thuyền nông choèn, và cái nước đục ngầu ấy đã thấm ướt người tôi đến tận thắt lưng. Lúc ấy, thì giờ đâu mà nghĩ tới thuốc lá, phải rút chèo tát nước cho nhanh để thuyền khỏi chìm, và giờ đây mới xót xa tự trách mình sơ ý, tôi sẽ sàng rút bao thuốc nhèo nhoẹt ra khỏi túi, ngồi xổm và bắt đầu xếp lên hàng rào từng điếu thuốc ướt mèm và sẫm xịt.

Lúc đó đã đứng bóng. Mặt trời chói chang như giữa tháng Năm. Tôi hy vọng thuốc lá sẽ chóng khô. Trời nắng chói chang tới mức tôi phải ân hận vì đã mang theo quần áo bông bộ đội đi đường. Đó là ngày nắng ấm thật sự đầu tiên sau mùa đông. Thật sự là thú vị được ngồi trên hàng rào như thế này, một mình hoàn toàn chìm dắm trong tịch mịch và cô đơn, được cất khỏi đầu chiếc mũ lông bộ đội đã

cũ, hong trước gió mớ tóc ướt đẫm sau một chuyến chèo thuyền vất vả, mơ màng nhìn theo những đám mây trắng căng phồng đang lững lờ trôi trên nền trời xanh nhạt.

Lát sau, tôi thấy từ phía mấy ngôi nhà cuối xóm, một người đàn ông đang bước ra đường cái. Anh ta dắt tay một em bé, nom vóc người khoảng chừng năm, sáu tuổi. Cả hai mệt nhọc lê bước đi về phía bến đò, nhưng khi đến ngang chiếc xe thì họ quay về phía tôi. Người đàn ông cao lớn, hơi gù, tiến sát tới bên tôi, cất giọng trầm trầm nói:

- Chào anh!

- Chào anh. - Tôi siết chặt bàn tay to lớn sần sùi chìa ra cho mình.

Anh ta cúi xuống em bé, nói:

- Chào bác đi con, con xem, bác ấy cũng là lái xe như bố con đấy. Chỉ có điều là bố con mình lái xe tải còn bác ấy lái chiếc xe con này.

Cặp mắt trong xanh như da trời của chú bé nhìn thẳng vào mắt tôi, và hơi mỉm cười chú chìa cho tôi bàn tay bé bỏng hồng hồng lạnh buốt. Tôi lắc nhẹ bàn tay ấy và hỏi:

- Thế nào, cụ ơi, sao bàn tay lạnh ngắt thế? Trời ấm mà cụ lại cóng à?

Với niềm tin cậy rất cảm động của tuổi thơ, em bé nép mình vào đầu gối tôi, ngạc nhiên dướn cặp lông mày mờ nhạt lên:

- Cháu như thế này mà là cụ a? Cháu chỉ là thiếu nhi thôi - mà cháu có bị cóng tỉ nào đâu, tay lạnh là vì nhào tuyết đấy.

Hạ chiếc bác lô lép kẹp trên vai xuống, người bố mệt nhọc đến ngồi cạnh tôi và nói:

- Cái ông khách này thật là của nợ! Tôi đến vất vả vì ông ta. Mình bước sải thì ông ta phải tế sang nước kiệu, nhưng rõ ràng là tự tôi phải thích nghi với loại bộ binh này thôi. Thế là đáng lẽ một bước, tôi phải bước thành ba, cứ phải lon ton với ông ấy, như ngựa đi theo rùa. Hơn nữa, mắt lại phải bám sát ông ta. Chỉ cần rời mắt là ông ta dã sà vào vũng nước, hay đập băng cho vào mồm thay kẹo. Không, đi du lịch với loại khách kiểu này đã chẳng phải việc của đàn ông, còn nói gì đến chuyện gì đi đều bước nữa. Anh ta lặng im một lát rồi hỏi:

- Thế còn anh, làm gì ở đây, chờ thủ trưởng à?

Cũng không tiện cải chính rằng mình không phải lái xe, tôi trả lời:

- Vâng, tôi phải đợi.

- Từ bên kia sang à?

- Vâng.

- Anh có biết là thuyền sắp tới hay chưa?

- Chừng hai tiếng đồng hồ nữa.

- Lâu nhỉ. Thôi được, ta nghỉ ngơi vậy, tôi cũng chả vội đi dâu. Tôi đi qua thấy anh bạn lái xe ngồi sưởi nắng. Thế là nghĩ bụng hãy dừng lại đây cùng hút thuốc đã. Hút một mình cũng buồn, như chết không có bạn. Chà! anh cũng phong lưu đấy nhỉ, hút thuốc điếu cơ à? Mà anh làm ướt cả rồi, còn gì nữa? Này anh bạn à thuốc ướt cũng như ngựa què, chẳng ra gì đâu. Tốt hơn là hãy hút thứ thuốc lá nặng này của tôi.

Anh móc từ trong túi quần bộ quân phục mùa hè ra một cái túi lụa đỏ cuộn tròn dã sờn rồi mở nó ra, và tôi đọc được dòng chữ thêu ở góc: "*Tặng người chiến sĩ thân mến, một nữ sinh lớp sáu trường phổ thông Lêbêđian.*"

Chúng tôi cùng hút thứ thuốc lá rất nặng của vườn nhà và im lặng hồi lâu. Tôi định hỏi anh ta và em bé đi đâu, có việc gì cần thiết tới mức phải ra đi giữa lúc đường sá còn lầy lội thế này, nhưng anh ta đã hỏi tôi trước:

- Thế nào, suốt chiến tranh anh ngồi sau tay lái này à?

- Gần suốt.

- Ở mặt trận à?

- Vâng.

- Tôi cũng ở mặt trận, anh bạn ạ, nếm đủ mùi cay đắng, quá sức tưởng tượng.

Anh đặt đôi bàn tay to tướng đen sạm lên đầu gối, hơi còng lưng xuống. Tôi liếc nhìn anh, tự nhiên thấy lòng xốn xang... Không biết đã có lúc nào các bạn thấy đôi mắt như bị phủ tro, chan chứa một nỗi buồn thê thảm chết chóc, đến nỗi ta không dám nhìn chưa? Đấy, ông bạn gặp gỡ bất ngờ, đang nói chuyện với tôi, có cặp mắt như thế đấy.

Anh bẻ một que khô quăn queo ở bờ rào, im lặng một phút, đưa đi đưa lại cái que vạch trên nền cát những hình vẽ rắc rối khó hiểu và cất tiếng nói:

- Có những đêm không ngủ, tôi chong đôi mắt trống rỗng nhìn vào cảnh tăm tối mịt mù mà nghĩ rằng: "Đời ơi là đời, sao người lại hành hạ ta đến thế hả? Người đầy đoạ ta đến thế để làm gì cơ chứ?" Nhưng trong đêm tối mịt mù

cũng như dưới ánh mặt trời chói chang, tôi vẫn không nghe thấy được câu trả lời... Tôi cũng chẳng mong chờ nữa! Rồi bỗng như chợt nhớ ra điều gì, anh âu yếm đẩy con ra và bảo: Đi, con tới chỗ bờ nước mà chơi, gần sông nước bao giờ trẻ con cũng tìm được một trò gì đó thích thú. Nhưng coi chừng, đừng làm ướt chân nhé!

Ngay từ lúc chúng tôi cùng im lặng hút thuốc, tôi đã kín đáo nhìn kỹ hai bố con, và thầm ngạc nhiên trước một điều tôi thấy là kỳ lạ. Chú bé ăn mặc giản dị nhưng toàn đồ tốt: một chiếc áo khoác dài lót một lớp lông cừu mỏng dã cũ, đôi ủng xinh xắn khâu vừa rộng để đi với bít tất len, rồi một đường nối rất khéo trên ống tay rách của chiếc áo khoác. - Tất cả đều khiến ta nghĩ tới sự chăm sóc của người phụ nữ, đôi bàn tay khéo léo của người mẹ. - Còn người bố nom khác hẳn: chiếc áo bông rách nhiều chỗ vá víu một cách cẩu thả vụng về, miếng vá đắp lên trên cái quần cỏ úa dã tàng cũng không được khâu cẩn thận, mà nói cho đúng hơn, đó là những đường kim sào của bàn tay đàn ông. Anh ta đi đôi giầy bộ đội còn mới, nhưng đôi bít tất len dày bị nhậy cắn lại không thấy dấu vết bàn tay phụ nữ... Ngay lúc bấy giờ tôi đã nghĩ: Anh chàng này hoặc là goá vợ, hoặc là sống lục dục với vợ."

Nhưng anh ta đưa mắt dõi theo con, húng hắng ho khàn khàn mấy tiếng, rồi lại tiếp tục câu chuyện và tôi chăm chú lắng nghe.

- Ban đầu thì cuộc sống của tôi cũng bình thường thôi. Tôi sinh trưởng ở tỉnh Vôrônegiơ năm một nghìn chín trăm. Hồi nội chiến tham gia Hồng quân, ở sư đoàn

Kichvitde. Năm một nghìn chín trăm hai mươi hai đói kém, tôi trôi dạt tới Kuban làm thuê cho bọn cu lắc nên mới sống sót. Bố mẹ và em gái tôi ở nhà đều chết đói. Chỉ còn lại một mình. Tứ cố vô thân, không còn ai máu mủ. Rồi một năm sau, từ Kuban trở về, tôi bán luôn ngôi nhà của mình và đi Vôrônegiơ. Ban đầu tôi ở trong một hợp tác xã mộc, sau đó tôi vào xưởng học nghề thợ nguội. Ít lâu sau tôi lấy vợ. Vợ tôi lớn lên trong trại mồ côi. Cô ta không cha không mẹ. Duyên phận run rủi tôi gặp được một cô gái thật tốt. Nhu mì, vui vẻ, ân cần niềm nở và thông minh, tôi thật không xứng với cô tí nào. Từ tấm bé, cô ấy đã nếm đủ những đắng cay của cuộc đời. Điều đó đã in lại dấu vết trong tính tình. Nhìn cô ấy với con mắt người dưng thì thấy sao được thật nết, thật người. Tôi không nhìn như người dưng mà nhìn tận ruột rà kia. Đối với tôi, không có ai đẹp hơn mà dễ thương hơn vợ tôi, trên đời này chưa từng có và sẽ không bao giờ có.

Tôi đi làm về mệt nhoài, đôi lúc gắt như mắm tôm. Nhưng dù tôi có nặng lời thô lỗ, vợ tôi cũng không trả đũa, vẫn âu yếm dịu dàng. Trong cảnh thiếu thốn, cô ấy vẫn xoay xoả lo toan cho tôi có được miếng ăn ngon lành. Cứ nhìn vào cô ấy là mọi nỗi bực dọc trong lòng đều nguội tan, và chỉ một lát sau tôi đã ôm lấy cô ta và nói: "Em Irina yêu dấu", anh đã lỗ mãng với em, tha thứ cho anh em nhé. Em có biết không, công việc của anh hôm nay không được như ý." Thế là chúng tôi lại hoà thuận với nhau và lòng tôi trở lại thư thái. Anh bạn ơi, anh có biết rằng như vậy thì có lợi cho công việc như thế nào không? Buổi sáng, tôi thức

dậy sảng khoái nhẹ nhàng đi tới xưởng, và việc gì đến tay cũng sôi nổi chạy băng băng. Chao ôi, quý hoá biết bao khi có được một người vừa là vợ vừa là bạn gái thông minh.

Cũng có đôi lúc lĩnh lương xong, kéo bạn bầu đi nhậu nhẹt. Cũng có lúc trở về nhà chân nam đá chân chiêu, cứ nhìn thấy đủ phát khiếp lên. Đường phố đối với anh cũng thành ra nhỏ hẹp, chứ còn nói gì đến cái ngõ hẻm. Hồi ấy tôi là một chàng trai khoẻ mạnh, lực lưỡng, có thể uống rất tợn, nhưng bao giờ cũng tự mình mò về được tới nhà. Nhưng có lần chỉ còn một quãng cuối cùng, tôi phải đi đến tốc độ nguyên thuỷ, nghĩa là bò bốn chân, tuy vậy vẫn tới được nhà. Thế nhưng vẫn cứ không một lời trách móc, một tiếng kêu ca, hay một điều gì om sòm. Irina của tôi nghĩ mỉm cười, và còn thận trọng để anh chàng say rượu là tôi không bị chọc tức. Cô ấy cởi giầy cho tôi và thủ thỉ: "Nằm sát vào tường, Anđriusa nhé, kẻo ngủ quên lại lăn xuống sàn đấy!" Còn tôi thì cứ như cái bị thóc, lăn kềnh ra đó, trước mắt thấy mọi vật đều ngả nghiêng nhào lộn. Tôi chỉ thấy như trong mơ bàn tay Irina nhè nhẹ xoa đầu tôi, thì thầm điều gì đó ngọt ngào âu yếm, thương xót cho tôi thì phải...

Sáng sớm, Irina gọi tôi dậy hai giờ trước khi đi làm để cho tôi giãn xương giãn cốt. Vợ tôi biết rằng bị nôn nao khó chịu sau cơn say, tôi sẽ không ăn gì, cho nên chỉ dọn dưa chuột muối, hoặc một thức ăn nhẹ nào đó, rót rượu cho tôi vào một cái cốc có khía: "Anđriusa, say đi, nhưng say tí thôi, đừng say nhiều nhé, anh yêu." Chả nhẽ tôi lại nỡ phụ một tấm lòng tin cậy như thế ư? Tôi cạn chén, chỉ

đưa mắt tỏ ý cảm ơn chứ không nói một lời, hôn vợ rồi đi làm rất ngoan ngoãn. Giá như Irina nói với tôi, một thằng say, những lời trách móc, hay gào thét, nguyền rủa thì nói có trời hôm sau tôi sẽ lại uống nữa đấy! Trong các gia đình khác, những bà vợ không biết điều vẫn xử sự như thế. Nhìn vào tôi biết mà.

Ít lâu sau chúng tôi có con. Đầu lòng là một cháu trai, mấy năm sau thêm hai cháu gái... Thế là tôi không còn đua đòi chúng bạn nữa. Lĩnh được bao nhiêu tiền tôi đem về nhà tất, gia đình đã khá nhiều miệng ăn rồi, còn đâu mà chè rượu. Ngày nghỉ làm một vại bia, thế là đủ.

Năm một nghìn chín trăm hai mươi chín, tôi dâm ra khoái ôtô. Tôi học nghề xe hơi và lái xe vận tải. Rồi tôi say mê không muốn trở về nhà máy nữa. Ngồi sau tay lái, tôi thấy đời vui hơn. Cứ thế mười năm, cuộc sống trôi qua lúc nào không biết. Thời gian trôi như một giấc mơ. Chà, mười năm, có nghĩa lý gì đâu chứ! Anh cứ thử hỏi một người đứng tuổi nào đó, xem anh ta có chú ý cuộc sống trôi qua như thế nào không? Anh ta không hề chú ý! Quá khứ ư, nó cũng giống như thảo nguyên xa xăm mịt mù mây khói kia vậy. Sáng sớm tôi bước đi giữa thảo nguyên, tất cả xung quanh đều rõ ràng, sáng sủa, nhưng đi được hai mươi cây số, thế là sương mù tràn ngập, và từ đây thì không còn phân biệt được rừng với cỏ dại, đất cày với bãi chăn nuôi...

Mười năm ấy tôi làm việc đêm ngày. Tiền lương khấm khá, và chúng tôi sống cũng chẳng đến nỗi thua em kém chị. Con cái càng làm cho chúng tôi hởi lòng hởi dạ: cả ba đứa đều học vào loại giỏi; thằng anh lớn là Anatôli

có năng khiếu về toán, tới mức báo chí trung ương đã viết về nó đấy. Anh bạn ạ, chính tôi cũng không biết do đâu cháu lại có biệt tài về môn khoa học ấy. Có điều là tôi nở nang lòng dạ, và lấy làm hãnh diện về cháu, hết sức hãnh diện.

Trong mười năm, chúng tôi đã chắt chiu dành dụm được một ít tiền và trước chiến tranh đã dựng được một ngôi nhà nhỏ, hai phòng, có gian kho và một hành lang nho nhỏ. Irina mua được hai con dê. Còn đòi gì hơn nữa chứ? Mấy đứa con có sữa ăn với cháo, trên đầu có mái nhà che nắng, che mưa, giầy dép đủ, áo quần đủ, thế là mọi sự đều ổn cả. Chỉ có điều là tôi sắp đặt vụng quá... Họ cắt cho tôi một mảnh đất sáu trăm thước ở gần xưởng sản xuất máy bay. Giá như túp nhà của tôi ở vào một nơi khác thì có thể là cuộc đời tôi đã khác...

Thế rồi chiến tranh, chiến tranh nổ ra. Ngày hôm sau, tôi nhận giấy triệu tập của hội đồng đăng ký quân sự, rồi ngày thứ ba lên tàu. Cả nhà bốn người đều ra tiễn tôi: Irina, Anatôli, và hai cháu gái Vaxchenka, và Ôliuska. Các cháu đều cứng rắn, tự trấn tĩnh được. Nhưng hai cháu gái cũng không giữ được mấy giọt nước mắt long lanh. Anatôli chỉ rung rung đôi vai như bị lạnh, lúc ấy cháu đã sang tuổi mười bảy, còn Irina của tôi... Suốt mười bảy năm trời chung sống với nhau, tôi chưa bao giờ thấy vợ tôi như thế. Suốt đêm, Irina gục đầu vào vai tôi, vai và ngực áo sơ mi của tôi dẫm nước mắt không khô, và sáng sớm cũng cứ như thế... Chúng tôi đi ra ga, thương vợ quá, tôi không dám nhìn đôi môi sưng mọng lên vì nước mắt, làn tóc xoã

tung dưới khăn bịt đầu, cặp mắt đục ngầu, dờ dẫn như người mất trí. Các đồng chí chỉ huy vừa tuyên bố lên tàu, là nhà tôi bổ nhào vào ngực tôi, hai tay bíu chặt lấy cổ tôi, toàn thân run lên như một thân cây bị đẵn sắp đổ... Các cháu và cả tôi nữa khuyên giải thế nào cũng không được! Các chị em khác còn nói chuyện được với chồng, với con, mà vợ tôi cứ áp sát vào người tôi như chiếc lá dính vào cành, chỉ có run rẩy toàn thân, không nói được nửa lời. Tôi bèn nói với nhà tôi: "Irina yêu quý ơi! Can đảm lên em! Hãy nói với anh một lời tạm biệt, một lời thôi em!" Nhà tôi nói, cứ sau mỗi tiếng lại nấc lên nức nở: Anh... Andri... usa... của em... ơi... chúng ta... sẽ không... còn thấy lại... nhau... trên đời... này nữa... anh... ơi...

Chính bản thân tôi lúc ấy cũng thương vợ vô cùng, tim nát tan từng mảnh, nhưng sao lúc ấy nhà tôi lại nói với tôi những lời như thế. Irina cũng phải hiểu rằng xa nhau tôi khổ tâm lắm chứ, ra trận chứ có phải đi ăn cỗ đâu... Tôi vụt cáu lên! Tôi ráng sức giằng tay Irina, nắm lấy vai khẽ xô ra. Tôi xô khẽ thôi, nhưng sức tôi như vâm nên nhà tôi lảo đảo lùi ba bước, rồi hét lên: "Tiễn biệt mà như thế à? Sao mà chôn sống người ta sớm thế?" Nhưng rồi tôi lại ôm choàng lấy vợ tôi, thấy rõ là nhà tôi chỉ như cái xác không hồn...

Đang nói chưa hết lời, đột nhiên anh ngừng kể và trong phút giây im lặng, tôi nghe như có tiếng nấc nghẹn lại trong cuống họng anh. Nỗi niềm xúc động của anh bạn đã lây sang tôi. Tôi liếc nhìn anh, không một giọt lệ trên đôi mắt mờ đục không còn sinh khí. Anh ngồi đó, gục đầu

ủ rũ, chỉ có hai bàn tay to lớn buông thõng hơi run run, cằm run run, đôi môi rắn rỏi run run...

- Thôi anh ạ, nhắc chuyện cũ làm gì, tôi ôn tồn nói với anh ta, nhưng chắc là anh không nghe lời tôi nói, và với một cố gắng rất lớn nào đó, anh đã nén cơn xúc động, vụt nói tiếp, giọng khàn khàn và thay đổi rất kỳ lạ:

- Cho đến chết, cho đến giờ phút cuối cùng của đời mình, tôi sẽ chết, nhưng tôi không thể tha thứ cho mình về việc đã xô vợ trong giờ phút đó!

Anh ta lại lặng im hồi lâu. Anh cố quấn một điếu thuốc nhưng mảnh giấy báo cứ xổ tung ra, thuốc rơi vãi xuống đầu gối. Nhưng rồi cuối cùng anh cũng quấn quấy quá được, rít mạnh mấy hơi, húng hắng ho, rồi nói tiếp:

- Rứt ra khỏi Irina, tôi ôm lấy khuôn mặt nhà tôi trong hai bàn tay, tôi hôn, nhưng đôi môi nhà tôi lạnh như băng giá. Tôi tạm biệt các con, chạy về toa mình, vừa chạy vừa nhảy lên bậc cửa toa. Tàu từ từ chuyển bánh, tôi đi qua chỗ những người thân yêu. Tôi thấy những đứa con từ nay vắng bố đứng cụm lại với nhau, giơ tay vẫy tôi, chúng muốn mỉm cười, nhưng nụ cười không hé ra được. Còn Irina thì hai tay ôm lấy ngực; đôi mắt trắng bệch như phấn nói nhỏ gì đó với các con, nhìn tôi không chớp mắt và toàn thân ngả về phía trước như muốn đi ngược chiều, muốn cố cưỡng lại một luồng gió mạnh... Hình ảnh đó của nhà tôi đọng lại trong ký ức tôi suốt đời: hai tay ôm ngực môi trắng bệch và mắt mở to trừng trừng đầy nước mắt... thường thường trong chiêm bao tôi cũng thấy nhà tôi, như vậy đó... Tại sao lúc ấy tôi lại xô nàng cơ chứ? Cho đến

nay, hễ sực nhớ là tim tôi cứ như bị một lưỡi dao cùn cứa đi cứa lại...

Chúng tôi được phiên chế thành đơn vị ở gần Bêlaia Xerkốp ở Ukraina. Tôi nhận chiếc "ZIS 5". Tôi lái nó ra mặt trận. Chà, về chiến tranh thì chẳng có gì để kể lại với anh cả, chính bản thân anh đã thấy, đã biết lúc mới đầu nó diễn ra như thế nào rồi. Tôi thường nhận được thư nhà, nhưng bản thân tôi lại ít viết. Thường thì viết rằng, đại khái mọi việc đều ổn cả, cũng cố đánh chác tí chút; tuy bây giờ chúng ta rút lui, nhưng chúng ta sẽ tập hợp lực lượng và sẽ cho bọn Đức biết tay. Còn biết viết thêm cái gì nữa chứ? Thời gian chán ngắt thì có đó, nhưng chả buồn viết. Thực ra cũng phải thú nhận rằng tôi không thích hát lên những khúc ai oán, và không chịu nổi những thằng sướt mướt, có việc cũng như không có việc, ngày nào cũng thư từ cho vợ, cho người yêu, nước mắt nước mũi quệt đầy giấy má. Hắn kêu khổ, kêu vất vả, chưa biết chết lúc nào. Đấy, đồ chó, cái mặc quần ấy cứ thở than, tìm kiếm lòng thương cảm, cứ sướt mướt, hắn không chịu biết rằng ở hậu phương, đàn bà và trẻ em bất hạnh có dễ chịu gì hơn chúng ta đâu. Cả nước trông cậy vào họ! Không biết những đôi vai của đám đàn bà trẻ em ấy như thế nào mà họ không ngã gục xuống, vẫn đứng vững đấy! Chao ôi, thế mà thằng vô liêm sỉ mau nước mắt kia lại viết những bức thư ai oán, cứ như cố chơi trò ngáng chân người đàn bà hay lam hay làm kia vậy. Và nhận được bức thư thì người đàn bà đau khổ kia sẽ rụng rời chân tay, không còn làm được việc gì nữa. Không! Anh là thằng đàn ông, anh là

thằng lính, khi cần thiết phải chịu hết, phải gánh hết. Còn nếu như trong người anh, cái chất đàn bà nhiều hơn chất đàn ông, thì anh hãy mặc cái váy nhiều nếp gấp cộm lên để cặp mông lép của anh nom phục phịch hơn cho giống đàn bà, rồi đi mà nhổ củ cải đường, đi mà vắt sữa bò, còn mặt trận thì không cần những loại người như anh: ở đó không có mặt anh cũng đã đủ người đánh giặc rồi.

Tôi đánh giặc chưa được một năm... trong thời gian đó hai lần bị thương, nhưng cả hai lần đều nhẹ: một lần vào phần mềm của tay, lần sau vào chân. Lần đầu bị máy bay bắn, lần sau bị mảnh trái phá. Bọn Đức bắn thủng xe tôi từ trên xuống, từ bên hông vào, nhưng hồi đầu tôi cũng may, anh ạ... Gặp may, gặp may rồi cũng hết may... Tôi bị bắt làm tù binh ở gần Lôdôventa vào tháng Năm năm bốn mươi hai, trong một trường hợp thật khó xử: lúc đó bọn Đức tấn công dữ dội, mà đại đội bức kích pháo một trăm hai mươi hai ly của chúng tôi lại gần như là hết đạn; người ta xếp đạn đầy ắp lên chiếc xe tải của tôi, và bản thân tôi cũng lao vào bốc xếp, áo quân phục xát bỏng bả vai. Cần phải gấp rút khẩn trương vì cuộc chiến đấu đang lan tới chỗ chúng tôi: bên trái xe tăng gầm ầm ĩ, không biết của ta hay của địch; bên phải súng râm ran, phía trước cũng súng và đã bắt đầu ngửi thấy mùi khét...

Đồng chí chỉ huy đại đội xe hỏi: "Vượt qua chứ Xôkôlốp? " Còn hỏi làm gì nhỉ? Đằng kia các đồng chí có thể đang hy sinh còn ở đây tôi chần chừ à? Hỏi lạ nhỉ? - Tôi đáp lại đồng chí ấy: "Tôi phải vượt qua chứ, yên trí!" "Được, đồng chí ấy bảo - đi đi! Phóng cật lực lên!"

Và tôi bắt đầu lao đi. Cả đời mình, chưa bao giờ tôi phóng như lần này! Tôi biết rằng thứ mình chở không phải khoai tây, biết rằng với thứ hàng này đi đường cần thận trọng. Nhưng làm sao có thể thận trọng giữa lúc đồng chí mình đang chiến đấu với hai tay không, khi đường bị hoả lực pháo bắn chặn từ bề. Chạy được chừng sáu cây số, đã sắp tới chỗ rẽ vào một thôn để xông tới khe hẻm chỗ đại đội pháo đóng quân, thì ma quỷ ơi, tôi bỗng thấy cả bên trái lẫn bên phải con đường đất, bộ binh ta đang chạy giữa cánh đồng trơ trụi, mà đạn cối địch đã nổ giữa hàng ngũ của họ rồi... Làm thế nào bây giờ? Quay lại chăng? Tôi dận hết ga! Đường tới đại đội pháo chỉ còn chừng một kilômét, tôi đã rẽ vào thôn, nhưng anh ạ, tôi không thể đến với anh em được... Đúng là một quả đạn pháo tầm xa đã rơi gần xe tôi... tôi không nghe thấy tiếng nổ, không nghe gì hết, chỉ cảm thấy trong đầu có cái gì lụp bụp rồi không còn nhớ gì nữa cả. Tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại còn sống, tôi cũng không hình dung được là mình nằm chỗ ấy, cách cái hố đạn chừng mười thước, trong bao nhiêu lâu? Tôi tỉnh dậy, nhưng không làm sao đứng lên được: đầu tôi giật giật, toàn thân run rẩy cứ như là đang cơn sốt rét, mắt tối sầm, vai bên trái có cái gì đó trèo trẹo, lạo xạo, và cả người đau buốt, cứ như là đá bị ai nện cho nhừ tử mấy ngày đêm liền.

Tôi trườn bò sát đất một hồi lâu, rồi cũng đứng dậy được một cách chật vật. Tuy nhiên, tôi vẫn không hiểu tôi đang ở đâu và việc gì đã xảy ra với tôi. Trí nhớ tôi hoàn toàn bị tê liệt. Và tôi sợ rằng mình lại nằm xuống. Tôi sợ

nằm xuống rồi thì sẽ không bao giờ đứng dậy được nữa, sẽ chết. Tôi đứng lảo đảo vật vờ cứ như là cây dương trong bão tố.

Khi đã tỉnh tỉnh, tôi cố nhớ và nhìn kỹ xung quanh - trái tim dường như bị ai lấy kìm thít lại. Xung quanh tôi, những quả đạn vung vãi, chính những quả đạn do tôi chở đi, gần đó chiếc xe tải của tôi bị tan thành từng mảnh, nằm chổng bốn bánh lên trời. Còn chiến trận, chiến trận đã lùi về phía sau tôi rồi... Thế là thế nào?

Chẳng giấu gì anh, lúc đó chân tôi cứ như nhũn ra, tôi khuỵu xuống như bị phạt ngang người, vì hiểu rằng mình bị bao vây, nói cho đúng, là tôi bị bọn phát xít bắt làm tù binh. Trong chiến tranh vẫn xảy ra như thế đấy.

Ôi, anh bạn ơi, hiểu rằng mình bị bắt làm tù binh đâu có phải chuyện dễ dàng. Anh chưa tự mình nếm cái mùi ấy, thì không thể hiểu đến tận xương tận tuỷ nó là như thế nào đâu.

Chà, thế là tôi cứ nằm và lắng nghe: có tiếng xe tăng rầm rầm. Bốn chiếc xe tăng Đức loại vừa mở hết tốc lực, lao qua trước mặt tôi, đi về phía mà tôi đã xuất phát để chở đạn... Làm sao chịu nổi cái cảnh đó? Rồi những xe kéo pháo nối đuôi nhau, xe nhà bếp đã chiến, sau đó là bộ binh không đông lắm, chưa đầy một đại đội đã sứt mẻ. Tôi nhìn, nhìn chúng qua khoé mắt, rồi áp má xuống đất, nhắm mắt lại: nhìn chúng tôi ghê tởm, thấy lộn ruột...

Tôi tưởng chúng đã đi qua hết, bèn ngẩng đầu lên, nhưng kia, sáu thằng mang tiểu liên; đấy, chúng đang bước cách tôi chừng một trăm mét. Tôi thấy chúng rẽ khỏi

đường cái đi thẳng tới chỗ tôi. Chúng ngậm miệng đi. Tôi nghĩ: "Thế là cái chết đang đến với mình đây." Tôi ngồi dậy, không muốn chết nằm, rồi đứng lên. Một thằng trong bọn ấy đến cách tôi còn vài bước thì hất vai, nhấc khẩu tiểu liên ra. Con người nghĩ cũng buồn cười: trong giây phút ấy tôi không hề hoảng hốt, không hề sợ sệt chút nào. Tôi chỉ nhìn thẳng vào nó và nghĩ bụng: "Hắn sắp cho mình một loạt đạn ngắn đây, nhưng hắn sẽ bắn vào đâu nhỉ, vào đầu hay ngang ngực?" Cứ như là nó chọc thủng người tôi vào chỗ nào thì cũng chẳng có gì là quan trọng.

Một thằng trai trẻ nom đẹp mã, ngăm ngăm đen, môi mỏng dính kẻ chỉ, và cặp mắt nheo nheo. "Thằng này sẽ giết mình, không chút do dự", tôi nghĩ bụng. Đúng thế: nó giương súng lên, tôi nhìn thẳng vào mặt nó, im lặng, còn tên khác, một thằng cai thì phải trạc tuổi lớn hơn, có thể nói là đã đứng tuổi, hét lên một tiếng gì đó, gạt hắn sang một bên, đến sát tôi, lầu bầu theo tiếng của nó, và kéo gập cánh tay phải tôi lại, sờ nắn bắp thịt. Thử xong, nó nói "Ô-ô-ô!" và chỉ ra đường về phía mặt trời lặn. Ý muốn bảo là: "Đi đi! Đi mà làm thân trâu ngựa trên đất nước tao!" Đồ chó đẻ, cứ như nó là ông chủ!

Nhưng thằng ngăm ngăm đen nhìn chằm chằm vào đôi ủng của tôi, mà đôi ủng ấy trông còn diện lắm. Hắn chỉ tay: "Cởi ra." Tôi ngồi bệt xuống đất, tháo ủng trao cho nó. Nó giật ngay lấy trên đôi tay. Tôi cởi bít tất đưa cho nó, rồi nhìn nó từ chân tới đầu. Nhưng nó rống lên, chửi rủa bằng tiếng của nó và lại nắm lấy khẩu tiểu liên. Mấy đứa khác cũng hí lên. Thế rồi chúng yên lặng bỏ đi. Chỉ có cái thằng

ngăm ngăm đen, trước khi ra tới đường cái còn ngoảnh lại nhìn tôi vài ba bận, mắt long sòng sọc như chó sói nổi giận, mà giận dữ cái gì kia chứ? Cứ như là tôi tước mất ủng của hắn, chứ không phải là hắn tước mất của tôi.

Biết làm sao bây giờ, người anh em, tôi còn biết trốn đi đâu? Tôi đành bước ra đường cái, nguyền rủa một câu cực kỳ tục tĩu như lũ trai Vôrônegiơ vẫn chửi, rồi bước về phía tây, đi làm tù binh... Bước chân của tôi lúc này thật là tồi tệ, mỗi giờ chỉ được một cây số là cùng. Mình muốn bước lên phía trước nhưng người lại cứ xiêu xiêu vẹo vẹo, thất tha thất thểu trên đường như một thằng say rượu. Đi được một quãng thì một đoàn những anh em chúng ta bị bắt làm tù binh đuổi kịp tôi, đó là những anh em cùng sư đoàn với tôi. Mười thằng xạ thủ tiểu liên áp giải họ. Thằng đi đầu các hàng tù binh, khi đến ngang tôi không nói không rằng, thẳng cánh nện cho tôi một báng súng vào đầu. Tôi ngã quỵ xuống thì nó sẽ cho một băng nằm lại đó, nhưng anh em mình đã nhanh tay xốc kịp tôi lên đẩy luôn tôi vào giữa đoàn người và xốc nách dìu tôi trong nửa giờ đồng hồ. Khi tôi tỉnh lại, một đồng chí đã bảo khẽ: "May mà cậu chưa gục xuống! Còn chút sức tàn phải cố mà đi, kẻo uổng mạng đấy." Và tuy tôi đã kiệt sức, nhưng vẫn bước đi.

Mặt trời vừa lặn, bọn Đức đã tăng cường đội áp giải, chúng cho xe vận tải chở đến thêm khoảng hai chục tay súng tiểu liên, và thúc chúng tôi phải nhanh chân hơn. Những người bị thương nặng không theo kịp đoàn bị chúng bắn ngay trên đường. Hai anh cố chạy trốn, nhưng

họ không biết rằng giữa đêm trăng, trên cánh đồng trống trải trông rõ mồn một, và tất nhiên là họ bị chúng nã súng bắn chết. Nửa đêm, chúng tôi đến một làng bị cháy dở. Chúng dồn chúng tôi vào trú đêm tại một ngôi nhà thờ đã sạt mất vòm. Trên nền đá không một cọng rơm, tất cả chúng tôi không ai có áo ca pốt, chỉ còn trơ bộ quân phục, nên chẳng có gì để lót nằm. Thậm chí có những người không có áo va rơi, chỉ độc áo lót vải thô. Phần lớn đó là những cán bộ chỉ huy trẻ tuổi. Họ đã cởi bỏ va rơi quân phục để trà trộn với lính thường. Pháo thủ pháo binh cũng không có áo va rơi chỉ độc áo lót vải thô. Họ đang xoay trần ra làm nhiệm vụ cạnh các khẩu pháo, thế là bị tóm luôn làm tù binh.

Đêm đến, trời đổ một trận mưa to đến nỗi tất cả chúng tôi đều ướt sũng như chuột lột. Nóc vòm nhà thờ đã bị đạn pháo hay bom máy bay hất đi mất toàn bộ, mái nhà thờ bị mảnh bom đạn phá tan, ngay trên điện thờ cũng không tìm được một chỗ khô ráo. Thế là suốt đêm chúng tôi lăn lóc vật vờ trong nhà thờ ấy như một đàn cừu trong chuồng tối. Nửa đêm, tôi nghe có ai đó sờ vào tay tôi hỏi: "Đồng chí có bị thương không?" Tôi trả lời anh ta: "Cậu cần gì thế, hả anh bạn?" Anh ta bảo: "Mình là bác sĩ quân y, xem mình có thể giúp cậu tí chút gì chăng?" Tôi phàn nàn với anh ta rằng vai trái của tôi cứ kêu trèo trẹo, sưng vù lên, và nhức nhối kinh khủng. Anh ta nói giọng cương quyết: "Cởi áo va rơi và áo lót." Tôi cởi tất cả ra, anh ta bắt đầu dùng mấy ngón tay thanh mảnh sờ nắn vai tôi, làm cho đau nhức tối tăm mặt mày. Tôi nghiến răng và nói với

anh ta: "Có lẽ anh là bác sĩ thú y chứ không phải bác sĩ chữa người. Sao anh cứ ấn vào chỗ đau thế, thật là người vô lương tâm." Nhưng anh ta vẫn tiếp tục sờ nắn và đáp lại, giọng bực bội: "Nhiệm vụ anh là phải câm mồm. Cũng đừng gây sự với tôi làm gì? Cố chịu nhé, bây giờ sẽ còn đau hơn đấy!" Nói rồi anh ta kéo mạnh tay tôi một cái, mắt tôi toé đom đóm.

Tôi tỉnh người lại và hỏi: "Mày làm cái gì vậy hả thằng phát xít khốn nạn? Tay người ta đã dập nát mày còn giật mạnh thế hả?" Tôi nghe anh ta khẽ cười và nói: "Tôi tưởng anh sẽ dùng tay phải tống cho tôi một quả kia chớ, nhưng té ra anh là người hiền lành! Còn tay anh chẳng phải gãy dập gì đâu, chỉ sai khớp thôi, tôi đã nắn lại rồi. Nào bây giờ thấy dễ chịu hơn chưa?" Và quả nhiên tôi cảm thấy cái đau đớn đã biến đi đâu mất. Tôi hết lòng cảm ơn anh ta, nhưng anh đã rời tôi tiếp tục lần đi trong bóng tối, khe khẽ hỏi: "Có ai bị thương không?" Đấy, một người thày thuốc chân chính là như thế đấy! Ngay cả khi đã bị bắt làm tù binh, và cả trong bóng tối, anh vẫn làm nhiệm vụ cao cả của mình.

Đó là một đêm không yên ổn. Chúng cấm đi ra ngoài đại tiểu tiện, tên chỉ huy đội áp giải đã báo ngay từ lúc chúng đẩy từng cặp một vào nhà thờ. Thật không may, trong chúng tôi có một anh theo đạo muốn xin đi ngoài. Anh ta cố nhịn, cố nhịn, rồi oà lên khóc: "Không thể được - anh ta nói, - tôi không thể làm bẩn thánh đường tôn nghiêm được! Tôi là tín đồ, tôi theo đạo Cơ đốc! Làm sao bây giờ, hả anh em?" Còn lũ chúng tôi là đám người như

thế nào thì anh cũng biết đấy. Kẻ thì cười, người thì chửi rủa, số khác thì bày vớ bày vẩn để đùa. Anh ta dã làm chúng tôi nhộn lên được một lúc, nhưng cái trò vô nghĩa ấy lại kết thúc rất bi đát: anh ta bắt đầu đập cửa xin ra ngoài. Và đã được đáp lại: tên phát xít nã một băng dài xuyên ngang suốt cánh cửa lớn, giết chết tươi anh chàng ấy và cả ba người nữa, còn một người bị thương nặng, đến sáng hôm sau thì chết.

Chúng tôi xếp những người bị giết vào một chỗ, tất cả ngồi lặng im, tư lự: chuyện mở đầu này thật chẳng hay hớm gì... Một lúc sau lại nói chuyện rì rầm, có tiếng thì thào: ai ở đâu đến, tỉnh nào, bị bắt ra sao; trong bóng tối, những anh em cùng trung đội, những bạn bè quen biết cùng đại đội bị lạc nhau bắt đầu khe khẽ gọi tìm nhau. Và tôi nghe bên cạnh tôi những lời nói chuyện thì thầm. Một người nói: "Ngày mai, trước khi dồn chúng ta đi xa hơn, nếu họ bắt xếp hàng, gọi các chính trị viên, đảng viên cộng sản và người Do Thái ra, thì anh là trung đội trưởng, đừng có lẩn đấy. Chuyến này thì anh không thoát được đâu. Anh cứ tưởng rằng hễ cởi cái áo va rơi quân phục là anh trở thành lính thường được đấy hẳn? Không thoát được đâu! Tôi thì tôi chả muốn chịu trách nhiệm về anh. Tôi sẽ là người đầu tiên tố giác anh! Tôi còn biết anh là đảng viên cộng sản và anh đã tuyên truyền tôi vào Đảng, thế thì bây giờ anh hãy chịu trách nhiệm về công việc của mình." Đấy là lời nói của tên ngồi gần tôi sát bên trái: từ phía bên kia của tên này, một giọng nói trẻ trung của ai đó đáp lại: "Cơrưgiơnép, tao vẫn luôn luôn ngờ rằng mày

là một thằng không tốt. Nhất là từ khi mày từ chối không chịu vào Đảng, lấy lý do là văn hoá kém. Nhưng chưa bao giờ tao lại nghĩ rằng mày có thể trở thành một tên phản bội. Thế mà mày đã tốt nghiệp lớp bảy rồi đấy hả?" Tên kia uể oải trả lời trung đội trưởng của hắn: "Ừ, thì tốt nghiệp, nhưng thế thì sao nào?" Cả hai im lặng hồi lâu, rồi tiếng của trung đội trưởng nói khẽ như sau: "Đừng tố giác tôi, đồng chí Cơrưgiơnép ạ." Và tên kia khẽ cười: "Các đồng chí hả, - hắn nói - họ ở lại bên kia trận tuyến cả rồi, còn tôi thì không là đồng chí của anh, anh cũng đừng nài nỉ nữa, dù sao tôi vẫn tố giác anh. Trước hết phải lo cho cái đầu của mình đã chứ!"

Họ lại lặng thinh, còn tôi thì điên tiết lên vì cái trò dê tiện ấy. Tôi nghĩ: "Không, thằng chó đẻ kia ơi, đừng hòng tao để cho mày phản bội chỉ huy của mày! Tao sẽ không cho mày bước ra khỏi nhà thờ này, họ sẽ túm chân mày kéo ra như lôi con chó chết!" Trời tờ mờ sáng, tôi thấy: nằm ngửa cạnh tôi, một thằng mồm cá ngão, hai tay chắp sau gáy, và gần hắn là một anh chàng gầy nhom mũi hơi hếch, mặc độc một cái áo lót đang ngồi bó gối, nom anh ta quá ư xanh xao vàng vọt." Tôi nghĩ: "Chà, cậu này khó lòng địch nổi thằng ngựa thiến to béo kia. Mình phải ra tay kết liễu đời hắn mới được."

Tôi lấy tay hích nhẹ vào anh ta và hỏi khẽ: "Cậu là trung đội trưởng à?" Anh ta không trả lời, chỉ gật đầu. "Thằng này muốn tố giác cậu đấy à?" Tôi chỉ vào cái gã đang nằm. Anh ta lại gật đầu. Tôi bảo: "Nào, hãy giữ chân nó, không cho giãy! Nhanh lên!" Tôi nhảy chồm lên thằng

ấy, mấy ngón tay thít chặt cổ họng hắn. Hắn không kịp kêu. Tôi đè chặt hắn mấy phút rồi đứng lên. Thế là xong đời thằng phản bội, lưỡi nó thè ra!

Sau đó, tôi thấy người khó chịu ghê gớm, muốn đi rửa tay quá chừng, cứ như là vừa mới bóp chết một loài rắn độc, bò sát nào đó, chứ không phải một con người... Lần đầu tiên trong đời, tôi đã giết người, mà đó lại là người mình... Nhưng sao hắn lại là người mình được nhỉ? Hắn còn tồi tệ hơn người xa lạ nữa kia, hắn là thằng phản bội. Tôi đứng dậy và nói với đồng chí trung đội trưởng: "Ta đi khỏi nơi đây thôi, đồng chí ạ, nhà thờ rộng lắm !"

Đúng như cái thằng Cơrưgiơnép nói, sáng ra, chúng bắt tất cả chúng tôi xếp hàng gần nhà thờ, bọn xạ thủ tiểu liên vây quanh và ba thằng sĩ quan SS bắt đầu lọc ra những người mà chúng cho là nguy hiểm. Chúng hỏi ai là đảng viên cộng sản, ai là chỉ huy, chính trị viên, nhưng không ai nhận cả. Cũng không có những tên chó đểu dám tố giác, bởi vì trong chúng tôi có tới trên dưới một nửa là đảng viên cộng sản, có cả các đồng chí chỉ huy và tất nhiên là cả chính trị viên nữa. Chúng chỉ bắt ra được bốn trong số hơn hai trăm người. Một người Do Thái và ba chiến sĩ Nga. Mấy người Nga này lâm nạn chỉ vì cả ba đều ngăm ngăm đen và tóc quăn. Chúng tiến tới người có những đặc điểm như thế và hỏi: "Do Thái à?" Anh ta nói là Nga, nhưng chúng không chịu nghe. "Bước ra", thế là xong.

Chúng bắn ngay những người bất hạnh và giải chúng tôi đi tiếp. Đồng chí trung đội trưởng, người đã cùng tôi bóp chết tên phản bội, đi bên cạnh tôi đến tận Pôđơnan, và

trong ngày đầu tiên trên đường, chốc chốc anh lại nắm chặt tay tôi. Đến Pôđơnan chúng tôi bị buộc phải xa nhau cũng chỉ vì một lý do ấy.

Anh xem, sự tình là như thế đấy, và ngay từ ngày đầu, tôi đã tính chuyện trốn trở về đằng mình. Nhưng tôi muốn thoát một cách chắc chắn. Cho đến tận Pôđơnan, nơi chúng tôi bị nhốt vào một trại tập trung chính cống, tôi chưa thấy cơ hội nào thuận tiện cả. Nhưng ở trại Pôđơnan, tôi đã có cơ hội như sau: vào cuối tháng Năm, chúng đưa chúng tôi tới một khu rừng nhỏ gần trại để đào huyệt chôn những anh em tù binh chết, nhiều anh em ta chết vì kiết lỵ: tôi đào đất sét xứ Pôđơnan, và tự mình quan sát xung quanh, rồi tôi thấy hai thằng lính gác đang ngồi đánh chén, còn thằng thứ ba thì đang mơ màng sưởi nắng. Tôi bèn vứt xẻng và lặng lẽ bước tới sau lùm cây... Rồi tôi chạy, nhằm phía mặt trời mọc...

Chắc là mãi về sau bọn lính gác mới biết có tù trốn. Còn cái chuyện một con người gầy nhom như tôi, hơi sức đâu mà chạy liền một ngày một đêm gần bốn chục cây số thì chính bản thân tôi cũng không biết. Chỉ có điều là mơ ước của tôi chẳng thực hiện được: đến ngày thứ tư, khi tôi cách cái trại tập trung khốn nạn ấy đã xa, thì bị chúng tóm được. Lũ chó săn đã theo vết và tìm thấy tôi giữa đám ruộng kiều mạch chưa gặt.

Sáng sớm, tôi không dám đi giữa cánh đồng trống trải, ít nhất còn ba cây số nữa mới tới rừng, nên tôi nằm trong đám kiều mạch cho hết ngày. Tôi vò một nắm lúa trong lòng bàn tay, nhá một ít và bỏ một ít vào túi để

dành, bỗng nghe tiếng chó sủa và tiếng môtô xình xịch... Tim tôi như vỡ tung ra vì tiếng chó sủa mỗi lúc một gần. Tôi nằm bẹp dí, hai tay bưng mặt để khỏi bị chó cắn nát. Thế rồi chúng xô tới, trong giây phút bứt hết những mảnh áo quần rách mướp của tôi. Chỉ còn lại cái hình hài mà mẹ tôi đã đẻ ra. Chúng cứ tuỳ thích tha tôi khắp đám kiều mạch, rồi cuối cùng một con chó dực dựng hai chân trước lên ngực tôi định ngoạm vào cuống họng, nhưng may mà nó chưa kịp động tới.

Bọn Đức đi hai xe môtô đến. Thoạt tiên chúng nện tôi một trận thật thoả thuê, rồi xuyt lũ chó cắn, da thịt tôi tả tơi từng mảnh. Tôi bị dẫn về trại, thân thể trần truồng và bê bết máu. Tôi bị nhốt xà lim một tháng vì tội chạy trốn, nhưng rồi vẫn cứ sống... và tôi vẫn còn sống!

Người anh em ạ, hồi tưởng lại thật đau lòng; nhưng còn đau lòng đứt ruột hơn nưa khi kể lại những gì đã phải chịu dựng trong thời gian ở tù. Cứ nhớ tới những cực hình vô nhân đạo phải chịu ở bên Đức, cứ nghĩ tới bạn bầu, đồng chí đã bỏ mình vì những nhục hình trong các trại tập trung, thì tim tôi không còn trong lồng ngực nữa mà nhảy lên đập ở cuống họng, và tôi thấy ngạt thở.

Hai năm làm tù binh, chúng đã dẫn tôi đi chẳng còn thiếu chốn nào. Trong thời gian đó, tôi dã đi khắp nửa nước Đức: tôi đã đến Xấcxôni, làm ở xưởng xilicát; đến tỉnh Rua dào than trong hầm mỏ, đến Bavari thì làm đất, cũng đã đến Turinaghi và có ma quỷ biết trên đất Đức còn nơi nào mà tôi chưa đến... Người anh em ạ, cảnh vật ở những nơi đó không giống nhau, nhưng việc bắn giết đánh

dập anh em ta thì nơi nào cũng giống nơi nào. Bọn rắn độc khốn nạn và lũ ăn bám ấy đánh đập ta dã man, đối với súc vật ta cũng không nỡ đánh dập như vậy. Đấm bằng tay đạp bằng chân, đánh bằng bất kỳ một thanh sắt nào vớ được, đó là chưa kể đến báng súng và những thanh củi hay thanh gỗ khác.

Chúng đánh vì mình là người Nga, vì mình còn nhìn được ánh sáng mặt trời, vì mình làm việc cho chúng, bọn chó đểu. Chúng đánh vì mình nhìn, mình bước, mình xoay người không như chúng muốn. Chúng đánh, chỉ đơn giản là để đánh cho chết, vì muốn ta trút ra giọt máu cuối cùng, để ta tắt thở sau những trận đòn. Chắc hẳn là vì ở Đức chưa đủ lò thiêu người cho tất cả chúng tôi.

Còn về ăn uống thì nơi nào cũng giống nơi nào: lạng rưỡi bánh bột mì nấu trộn lẫn mạt cưa, và món canh củ cải lõng bõng. Nước đun sôi thì nơi có nơi không. Cần gì phải nói nhiều, suy ra cũng biết: trước chiến tranh tôi cân nặng tám mươi sáu ki lô, thế mà đến mùa thu năm ấy chỉ còn không quá năm mươi. Chỉ có da bọc xương và bộ xương ấy thì tôi cũng không đủ sức kéo lê nó đi nữa. Còn công việc cứ phải làm, không được hé răng kêu ca, mà công việc thì sức ngựa kéo xe cũng không dương nổi.

Đầu tháng Chín, chúng chuyển một trăm bốn mươi hai anh em tù binh Xô-viết chúng tôi từ trại tập trung ở thành phố Kiuxtơrin tới trại B. 14, cách Đơretxđen không xa. Hồi đó, trong trại có ngót hai nghìn anh em mình. Tất cả đều lao động, làm đá, tay không mà đục, mà xẻ, mà đập đá Đức, định mức một người bốn thước khối một ngày, mà

người thì anh xem, không còn công việc khổ sai ấy cũng đã như treo dầu sợi tóc. Thế là lại bắt đầu rơi rụng; sau hai tháng, một trăm bốn mươi hai người của đội chúng tôi chỉ còn lại có năm mươi bảy. Anh thấy thế nào? Có khốn nạn không? Giữa lúc chưa kịp chôn hết anh em mình thì trong trại có tin đồn, hình như quân Đức đã chiếm được Xtalingrát và đã tiến xa hơn tới Xibiri. Nỗi đau này chồng chất nỗi đau khác nặng trĩu, chỉ còn biết dán mắt xuống đất, cứ như là mình đang ăn xin trên cái đất Đức xa lạ này. Còn lũ lính gác thì cứ ngày ngày chè chén, hát rống lên, hí hửng.

Và thế rồi một buổi chiều nọ, làm lụng xong, chúng tôi trở về lán. Mưa tầm tã suốt ngày, những mảnh quần áo tả tơi trên thân hình ướt sũng, trước làn gió rét, tất cả chúng tôi như bầy chó run lẩy bẩy, hai hàm răng lập cập liên hồi. Không có chỗ hong khô quần áo, không có chỗ sưởi, thêm vào đó, bụng đói tưởng chết đi được và còn tồi tệ hơn nữa kia, thế mà tối đến lại chẳng được ăn.

Tôi cởi bộ quần áo rách mướp ướt sũng ném lên phản và nói: "Chúng nó bắt mỗi người phải bốn thước khối, nhưng mỗi thằng chúng mình chỉ một khối đã thừa để xây mồ." Tôi vừa nói xong, thế là có thằng khốn kiếp nào đó trong chúng tôi đã đem những lời chua chát ấy đi tâu ngay với thằng chỉ huy trại.

Chỉ huy trại, hay theo như chúng thường gọi là *Lagherơfurơ* là thằng Đức Muynle. Người hắn không cao nhưng chắc nịch, tóc trắng nhợt, lông mày, lông mi cũng trắng và ngay cả cặp mắt ốc nhồi cũng trắng dã. Hắn nói

tiếng Nga thạo như anh và tôi nói vậy, chỉ có âm "o" là đọc nguyên xi, cứ như là vốn gốc người vùng Vônga vậy. Còn về tài chửi rủa thì nó là một tay cừ. Có điều là không biết thằng khốn kiếp học ở đâu ra cái nghề ấy? Thường nó vẫn bắt chúng tôi xếp hàng trước khối - chúng gọi lán của tù binh là khối - rồi cùng với bầy SS của nó đi đi lại lại trước hàng tay phải cứ vung lên dứ dứ. Bàn tay hắn mang găng da có lót chì bên trong để khỏi đau mấy ngón tay. Hắn cứ đi và cứ cách một người lại đấm vào mũi một người cho sặc máu ra. Hắn gọi trò đó là "phòng bệnh cúm". Và ngày nào cũng thế. Trong trại có tất cả là bốn khối, hôm nay nó "phòng bệnh" khối một, ngày mai ở khối hai và cứ như thế lần lượt. Thằng đểu làm việc này rất cần mẫn, không nghỉ lấy một ngày... Chỉ có điều thằng ngốc ấy không thể nào hiểu nổi là để thêm hăng máu hay sao mà trước khi sử dụng quả đấm, hắn cứ đứng trước hàng chửi rủa chừng mười phút, còn chúng tôi thì như thế lại thấy dễ chịu hơn: kiểu như là được nghe tiếng nói của chúng ta, tiếng mẹ đẻ chính cống, từ quê hương thổi tới như một làn gió mát... Giá thằng ấy biết rằng những lời chửi rủa của hắn chỉ làm cho chúng tôi khoái chí, thì chắc hắn sẽ không chửi bằng tiếng Nga, mà chỉ chửi bằng tiếng của hắn. Riêng có một cậu bạn của tôi, dân Maxcơva là vô cùng căm phẫn đối với hắn. Cậu ấy bảo: "Khi hắn chửi, tao nhắm mắt lại, cứ tưởng như đang ở Maxcơva, tại Đaxép, ngồi trong quán bia, thế là tao thèm bia quá, thèm đến choáng cả người."

Chính thằng chỉ huy ấy, ngay sau cái hôm tôi nói về chuyện mét khối nọ đã gọi tôi lên. Chiều tối, thằng phiên

dịch và hai tên lính gác bước vào lán. "Đứa nào là Anđơrây Xôkôlốp?" Tôi lên tiếng đáp lại. "Đi theo chúng tao, chỉ huy trại gọi mày." Nó gọi lên làm gì thì đã rõ. Cho về chầu ông vải đấy thôi. Tôi giã từ các đồng chí; mọi người biết rằng tôi đi để chịu chết, tôi thở dài bước đi. Bước trên sân trại, tôi nhìn lên các vì sao, từ biệt chúng, thầm nghĩ: Thế là hết đau khổ Anđơrây Xôkôlốp nhé, số tù ba trăm ba mươi mốt của trại." Tôi thấy xót thương Irina và các con thân yêu; rồi lòng xót thương nguôi đi và tôi chuẩn bị tinh thần để dũng cảm nhìn vào nòng súng ngắn, theo đúng khí phách của người lính, để cho kẻ thù khỏi thấy rằng trong giây phút cuối cùng, tôi đã vĩnh biệt cuộc đời một cách nặng nề.

Phòng chỉ huy có hoa đặt ở cửa sổ, sạch bóng, cứ như là một câu lạc bộ cừ bên nước ta. Toàn bộ ban chỉ huy trại vây quanh một cái bàn. Năm thằng đang ngồi nốc rượu nhắm thịt mỡ. Trên bàn, một chai rượu tăm mới mở, bánh mì, thịt mỡ, táo dầm đường, và rồi nhiều đồ hộp mở sẵn. Trong nháy mắt, tôi đã nhìn thấy hết các thức ăn, anh có biết không, ruột tôi quặn lên, suýt thì nôn. Tôi vốn bị đói, cứ như là một con chó sói, không còn quen với thức ăn của người nữa, thế mà bày ra đó cơ man nào là của ngon... Tôi cũng cố giữ được cho khỏi nôn, nhưng phải lấy hết gân sức mới bắt cặp mắt rời khỏi cái bàn.

Ngồi ngay trước mặt tôi là tên Muynle nửa tỉnh nửa say, đang nghịch khẩu súng lục, tung từ tay này sang tay khác, mắt chăm chăm nhìn tôi, cứ như một con rắn độc. Còn tôi đứng nghiêm, rập đôi gót giầy đã vẹt, lớn tiếng báo

cáo: "Thưa ông chỉ huy, tù binh Anđơrây Xôkôlốp theo lệnh ông có mặt." Hắn liền hỏi tôi: "Thế nào hả, thằng Nga Ivan, làm bốn thước khối mà nhiều à?" Tôi đáp: "Thưa ông chỉ huy đúng là nhiều." - "Thế mồ mày chỉ cần một thước khối thôi hả?" - "Thưa ông chỉ huy, đúng thế, hoàn toàn đủ, thậm chí còn thừa nữa."

Hắn đứng lên và bảo "Tao dành cho mày một vinh dự lớn, là bây giờ tự tay tao sẽ bắn chết mày vì những lời lẽ ấy. Ở đây không tiện, ta ra sân, mày ra đấy mà chết." - "Xin tuỳ ông", tôi nói với hắn. Hắn đứng lại ngẫm nghĩ, rồi đặt súng xuống bàn, rót đầy một cốc rượu, lấy một miếng bánh mì, đặt lên đó một lát thịt mỡ, đưa tất cả cho tôi và nói: "Thằng Nga Ivan, trước khi chết mày hãy cạn cốc mừng chiến thắng của quân đội Đức."

Tôi đã nhận rượu và bánh từ tay hắn, nhưng vừa nghe những lời ấy, tôi cứ như bị bỏng. Tôi tự nghĩ: "Đời tao, một chiến sĩ Nga, uống mừng chiến thắng Đức à? Thằng chỉ huy kia ơi, mày muốn trò gì đấy? Tao chỉ có một chết thôi, quỉ tha ma bắt mày với cả rượu nhà mày đi!"

Tôi đặt cốc xuống bàn, để cả miếng bánh xuống và nói: "Cám ơn ông đã mời, nhưng tôi không biết uống." Hắn cười mỉm: "Mày không chịu uống mừng thắng lợi của chúng tao hả? Thế thì hãy uống mừng cái chết của mày vậy." À ra thế, vậy thì có gì mà mất đâu nhỉ? Tôi nói với hắn: "Uống mừng cái chết của mình, được thoát mọi đau khổ, thì tôi sẽ cạn." Rồi tôi cầm cốc nốc làm hai hơi hết sạch, nhưng không động đến miếng bánh, lịch sự lấy cùi

bàn tay chùi mép và nói: "Cám ơn ông đã mời. Tôi đã sẵn sàng, thưa ông chỉ huy, ông hãy nổ súng đi."

Nhưng hắn nhìn tôi chăm chăm rồi nói: "Trước khi chết mày hãy nhấm một tí đã." Tôi trả lời hắn: "Sau cốc thứ nhất tôi chưa ăn." Hắn rót đầy cốc thứ hai đưa cho tôi. Tôi cạn cốc thứ hai, nhưng vẫn không động đến miếng bánh, nghĩ bụng: "Ta cứ uống cho chán trước khi bước ra sân từ giã cuộc đời." Thằng chỉ huy dướn cao đôi mày trắng, hỏi: "Thằng Nga Ivan, sao mày lại chưa ăn? Đừng khách khí!" Tôi đáp lại hắn: "Xin ông thứ lỗi, ông chỉ huy ạ, tôi có thói quen chưa ăn sau cốc thứ hai." Hắn phùng má, phì cười, rồi cười phá lên, rồi vừa cười vừa nói gì rất nhanh bằng tiếng Đức - chắc là dịch câu nói của tôi cho lũ bạn. Bọn này cũng cười rộ lên, xoay ghế, quay mõm về phía tôi, và tôi nhận thấy chúng nhìn tôi có chiều khác đi, dường như dịu hơn.

Tên chỉ huy rót cho tôi cốc thứ ba, mà tay hắn cứ rung lên vì cố nhịn cười. Chậm rãi nhấp cạn cốc rượu này rồi, tôi cắn một mẩu bánh mì, đặt phần còn lại lên bàn. Tôi muốn tỏ cho chúng, bọn chó đểu ấy, thấy rằng tuy bị đói khát, tôi vẫn không chịu nghẹt họng vì miếng ăn của chúng thí cho, rằng tôi có phẩm chất Nga và niềm kiêu hãnh của mình, rằng chúng ra sức tới mấy đi nữa cũng không biến được tôi thành súc vật.

Sau đó tên chỉ huy nghiêm sắc mặt, sửa lại cho ngay ngắn hai cái thập ác bằng sắt trên ngực, tay không cầm súng bước ra khỏi bàn, và nói: "Này, Xôkôlốp, mày là một thằng lính Nga chân chính. Mày là một thằng lính dũng

cảm. Tao cũng là lính, và tao trọng những địch thủ có khí tiết. Tao sẽ không bắn mày nữa. Vả lại quân đội vinh quang của chúng tao đã tiến tới sông Vônga và đã chiếm xong Xtalingơrát. Đó là một niềm vui lớn của chúng tao, vì vậy tao rộng lượng tha chết cho mày. Thôi về khối đi, và đây là phần thưởng cho lòng dũng cảm của mày"... Nó lấy trên bàn cho tôi một khúc bánh mì không to lắm và một miếng thịt mỡ.

Tôi kẹp chặt khúc bánh vào người, tay trái cầm lấy miếng thịt mỡ, tôi quýnh lên vì tình thế xoay chuyển quá ư đột ngột, quên cả cảm ơn, quay sang trái, đi ra cửa và nghĩ bụng: "Hắn mà cho mình một phát vào đầu thì không mang được mấy món này về cho anh em". Nhưng không, qua được. Lần này cái chết lướt sát bên mình, tôi chỉ rợn người vì hơi lạnh của nó mà thôi...

Tôi bước ra khỏi phòng tên chỉ huy, đĩnh đạc vững vàng, nhưng về đến sân trại giam thì người cứ rã rời ra. Tôi lao vào lán, ngã vật xuống sàn xi măng ngất đi. Trong bóng tối, anh em lay cho tôi tỉnh: "Kể lại nghe nào." Thế rồi nhớ lại những gì đã xảy ra trong nhà tên chỉ huy trại, tôi kể lại cho anh em nghe. "Chúng ta sẽ chia mấy món này như thế nào đây?" Anh bạn nằm cùng một phản cạnh tôi hỏi, giọng run run. Tôi bảo với anh: "Chia đều cho tất cả." Chúng tôi chờ đến sáng. Anh em dùng một sợi chỉ thô cắt bánh và thịt mỡ. Mỗi người được một mẩu bánh bằng bao diêm, từng mảnh vụn đều tính cả, còn thịt mỡ thì anh biết đấy, chỉ vừa đủ dính mép. Nhưng chia xong ai cũng hài lòng.

Ít lâu sau, chúng điều ba trăm người khoẻ nhất trong chúng tôi đi tát đồng lầy, rồi đến làm mỏ than ở tỉnh Rua. Thế là tôi ở đó cho đến năm bốn mươi tư. Hồi này quân ta đã quại cho bọn Đức liểng xiểng, cho nên lũ phát xít cũng không khinh nhờn tù binh nữa.

Một hôm, chúng bắt tất cả chúng tôi, toàn bộ kíp làm ngày ra xếp hàng; một tên quan hai từ đâu đó đến và qua thông ngôn bảo rằng: "Ai đã lái xe trong quân đội, hay trước chiến tranh đã làm nghề lái xe, bước lên phía trước một bước." Bảy người chúng tôi trước kia đã làm nghề lái xe bèn bước lên. Chúng phát cho mỗi người một bộ quần áo lao động cũ và giải tới thành phố Pôxdam. Tới đó, chúng phân tán anh em chúng tôi mỗi người một ngả. Tôi được đưa về làm ở hãng Tôlte, một tổ chức của bọn Đức chuyên làm đường và xây dựng công sự.

Tôi lái chiếc Ôppen Atmiran cho tên kỹ sư Đức hàm trung tá. Chao ôi, tên phát xít này mới to béo làm sao! Người thấp, bụng phệ, thân hình ngang dọc bằng nhau, cặp mông núc ních. Nhìn đằng trước thì chất lên trên cổ áo là cái cằm ba ngấn béo sệ, nhìn đằng sau thì trên gáy là ba nếp thịt múp míp. Tôi ước lượng trong người hắn phải có đến ba pút mỡ ròng. Hắn bước đi, thở phì phò cứ như là đầu tầu hoả, còn ngồi vào ăn thì khỏi phải nói! Suốt ngày mồm cứ nhồm nhoàm, rượu cô nhắc thì cầm cả chai tu luôn. Năm thì mười hoạ, hắn cũng cho tôi chút đỉnh: dọc đường hễ dừng xe là hắn cắt xúc xích, phó mát ăn, rồi nhậu, hứng lên thì ném cho tôi một mẩu, như ném cho chó. Không bao giờ hắn đưa tận tay tôi, hắn cho rằng

như thế là tự hạ mình. Nhưng dù sao thì cũng hơn hẳn cái cảnh ở trại tập rung, dần dần rồi cũng sống ra dạng con người, tuy chẳng bao lăm, nhưng cũng đã lại người.

Trong hai tuần liền tôi chở tên trung tá này đi về giữa Pôxđam và Béclin: rồi chúng phái hắn ra mặt trận xây dựng tuyến phòng vệ biên giới để cản quân ta. Ở đây tôi không khi nào ngủ được: thâu đêm suốt sáng cứ nghĩ cách chuồn về bên mình, về với Tổ quốc.

Tôi đưa hắn đến thăm thành phố Pôlốtxơ. Hửng sáng, lần đầu tiên, sau hai năm tôi được nghe pháo ta gầm, chao ôi anh bạn, anh có biết tim tôi đập như thế nào không? Hồi chưa vợ, đi gặp Irina cũng chưa bao giờ tim tôi đập đến như thế! Chiến sự đã diễn ra ở cách phía đông Pôlốtxơ chừng mười tám cây số. Bọn Đức trong thành phố càng hung tợn, cáu gắt, còn thằng phệ của tôi ngày càng uống rượu dữ. Ban ngày, tôi chở hắn ra khỏi thành phố để hắn đôn đốc việc xây dựng công sự, tối về hắn ngồi uống rượu một mình. Người hắn càng phì nộn ra, mi dưới sệ xuống thành hai bọc nhỏ.

Tôi nghĩ: "Thôi, còn chờ đợi gì nữa, thời cơ đã đến! Nhưng không nên chỉ chạy một mình, cần phải tóm thằng ỉ này theo, hắn sẽ có ích cho quân mình đấy."

Tôi tìm được trong những đống đổ nát một quả cân hai kilô. Tôi lấy giẻ sạch bọc kỹ để phòng khi nện vào đầu hắn khỏi chảy máu; tôi nhặt được một đoạn dây điện thoại trên đường cái. Tất cả những gì cần thiết tôi cố chuẩn bị chu đáo và đem giấu dưới gầm ghế ngồi phía trước. Hai ngày trước khi từ biệt bọn Đức, chiều tối khi đi lấy xăng

trở về, tôi thấy một thằng hạ sĩ quan Đức say mèm đang vịn tay vào tường để bước đi. Tôi dừng xe, lôi hắn vào khu nhà đổ nát lột bộ quân phục, tước lấy mũ. Tất cả tôi cũng đem giấu dưới gầm ghế ngồi.

Sáng ngày hai mươi chín tháng Sáu, thằng trung tá ra lệnh đưa hắn ra khỏi thành phố đi về phía Tơrôtxnixca, để điều khiển việc xây dựng công sự. Chúng tôi lên đường. Thằng trung tá ngồi ở ghế sau, yên trí ngủ, còn tôi thì tim suýt nữa tọt ra ngoài lồng ngực. Tôi phóng nhanh, nhưng ra khỏi thành phố thì hãm ga, rồi dừng xe lại, bước ra, liếc nhìn xung quanh; đằng xa phía sau, hai chiếc xe tải đang nối đuôi nhau chạy tới. Tôi lấy quả cân, mở rộng cửa xe. Thằng bụng phệ đang ngả lưng vào đệm tựa của ghế ngồi, ngáy say sưa, cứ như đang nằm cạnh vợ. Thế là tôi nện cho hắn quả cân vào thái dương bên trái. Hắn gục đầu xuống. Cẩn thận hơn, tôi bồi thêm cho hắn một cú nữa, nhưng tôi không muốn đánh chết. Tôi cần phải bắt sống, hắn có thể khai cho quân mình được đôi điều đấy. Tôi rút khẩu Parabelom của hắn ra khỏi bao súng, đút vào túi mình, cắm một cái cọc vào sau ghế ngồi, dùng dây điện thoại tròng vào cổ hắn, buộc hặt vào cọc. Làm như thế để khi xe chạy nhanh, hắn khỏi lắc nghiêng lắc ngửa và khỏi đổ xuống. Tôi nhanh nhẹn mặc bộ quân phục Đức, đội mũ calô vào, xong mở máy cho xe chạy thẳng về phía đất đang rung chuyển, chiến sự đang triển khai. Tôi vượt tuyến tiền duyên quân Đức, đi giữa hai hoả điểm. Từ dưới lô cốt, mấy tên lính tiểu liên nhẩy phóc lên, và tôi cố tình chạy chậm lại để chúng thấy tên trung tá đang ngồi trên xe. Nhưng

chúng cứ hét toáng lên, khoát tay lia lịa ra hiệu là không đi về phía đó được, tôi cứ làm như không hiểu ý, dận hết ga, phóng với tốc lực tám mươi cây số. Đến lúc chúng chợt hiểu ra và bắt đầu nã tiểu liên theo xe thì tôi đã chạy tới khu vực giữa hai phòng tuyến, ngoằn ngoèo lướt nhanh như thỏ, vòng tránh các hố đạn.

Lúc này, phía sau thì bọn Đức bắn đuổi theo, còn phía trước, bên mình cáu sườn bắn đón xe tôi trả đũa. Kính chắn gió bị xuyên bốn lỗ, bộ phận tản nhiệt bị bắn thủng nhiều chỗ. Nhưng đây rồi, khu rừng bên hồ. Quân ta lao tới xe, còn tôi cho xe chạy vào rừng, mở cửa ra, bổ nhào xuống hôn đất, không còn thở được nữa...

Chạy tới đầu tiên là một chàng trai, trên áo va rơi đính cái quân hàm mà tôi chưa từng thấy, cậu ta nhe răng bảo: "A ha, thằng quỷ Đức, lạc đường hả?" Tôi cởi phăng bộ quân phục Đức, ném ca lô xuống chân và bảo cậu ta: "Chú nhóc thân mến ơi! Con trai thân yêu của tôi ơi! Xem lại thử nào, sao lại là Đức được, người Vôrônegiơ chính cống đây! Tôi bị bắt làm tù binh, hiểu chưa? Còn bây giờ thì chú hãy cởi trói cho con lợn đang ngồi trên xe kia đi, cầm lấy cái cặp của hắn và đưa tôi đi gặp cấp chỉ huy của chú." Tôi giao khẩu súng cho cậu ta, tôi được chuyển từ chỗ này sang chỗ khác, và chiều tối thì đến gặp đại tá chỉ huy sư đoàn. Trước đó, tôi đã được ăn uống, tắm rửa, thẩm vấn cặn kẽ, và được phát quân phục. Vì vậy, khi đến hầm đại tá chỉ huy, tôi đã chững chạc đàng hoàng, tâm hồn thanh thản, thể xác tinh tươm. Đồng chí đại tá đứng dậy, rời khỏi bàn, đón tôi. Đồng chí ôm hôn tôi trước mặt tất cả

các sĩ quan và bảo: "Đồng chí chiến sĩ, cám ơn đồng chí đã bắt được một ông khách quý từ bên bọn Đức về. Thằng trung tá của đồng chí cùng với cái cặp của hắn còn quý hơn hai chục "cái lưỡi". Tôi sẽ yêu cầu bộ chỉ huy xin Chính phủ tặng thưởng đồng chí." Những lời ấy, thái độ trìu mến ấy đã làm cho tôi xúc động mãnh liệt, môi tôi run lên, chẳng nói nên lời. Cuối cùng, tôi chỉ rặn ra được một câu. "Đồng chí đại tá, tôi xin được vào một đơn vị bộ binh."

Nhưng đại tá mỉm cười, vỗ vai tôi: "Đánh chác gì được, đứng còn chưa vững nữa là... Hôm nay tôi sẽ gửi đồng chí đi bệnh viện. Ở đó chữa bệnh, bồi dưỡng, sau đó nghỉ phép về thăm nhà một tháng rồi trở lại đây, chúng tôi sẽ xem xét và phân công cho đồng chí."

Rồi đồng chí đại tá, tất cả các sĩ quan ở hầm đồng chí ấy đều thân ái bắt tay tạm biệt tôi, và tôi bước ra khỏi hầm, cảm động đến bàng hoàng, vì hai năm qua tôi đã không còn quen với cung cách đối xử người với người. Anh bạn ạ, tôi để ý thấy là một thời gian dài sau đó, cứ mỗi lần có việc nói chuyện với cấp chỉ huy là tôi có thói quen bất giác so vai rụt cổ, như nơm nớp sợ bị đánh. Trại tập trung của bọn phát xít Đức đã đào tạo chúng tôi như thế đó...

Tới bệnh viện, tôi liền viết thư cho Irina. Mọi việc tôi kể lại tóm tắt, nào ở trại tù binh thế nào, chạy trốn và bắt theo thằng trung tá Đức ra sao. Và này, anh ạ không hiểu sao lúc ấy tôi lại cứ như là trẻ con. Không nhịn được, tôi báo tin rằng đại tá đã hứa sẽ đề nghị khen thưởng...

Hai tuần lễ chỉ có ăn rồi ngủ. Người ta cho tôi ăn ít một, nhưng làm nhiều lần, vì như bác sĩ nói, nếu cho ăn

no thoải mái thì sẽ bị thắt ruột. Tôi đã hoàn toàn lại sức. Nhưng sau hai tuần lễ thì tôi không buồn ăn uống gì nữa. Tôi không nhận được thư nhà trả lời, và thú thật, là tôi đâm ra buồn phiền. Tôi chẳng thiết gì đến ăn ngủ; đầu óc đâm ra nghĩ vớ nghĩ vẩn... Sang tuần lễ thứ ba tôi nhận được một bức thư từ Vôrônegiơ gửi đến... Nhưng không phải thư Irina mà là thư của bác thợ mộc láng giềng. Trời ơi, mong sao cho không ai phải nhận một bức thư như vậy! Bác ấy cho biết là hồi tháng Sáu năm bốn mươi hai, bọn Đức ném bom xưởng chế tạo máy bay và một quả bom lớn đã rơi trúng ngôi nhà nhỏ bé thân yêu của tôi. Irina và hai bé gái lúc ấy đang ở nhà. Và thư viết, thế là không còn thấy dấu vết gì của vợ con tôi, còn chỗ cũ của ngôi nhà là một hố bom sâu hoắm... Lần ấy, tôi không đọc hết được bức thư. Mắt tối sầm, tim thắt lại như không đập nữa. Tôi nằm xuống giường, nghỉ một lát mới đọc tiếp nổi. Bác láng giềng cho biết rằng lúc nhà bị bom thì cháu Anatôli đang ở thành phố. Đến chiều tối trở về, thấy cái hố bom, đêm hôm ấy cháu trở lại thành phố. Trước khi đi, cháu bảo với bác ấy rằng cháu sẽ xung phong ra tiền tuyến. Đấy, chỉ có thế.

Khi trái tim tôi đã giãn ra, tôi lại nghe máu đập rộn bên tai, tôi hồi tưởng lại cảnh Irina đau đớn từ biệt tôi ở sân ga. Như vậy là lúc ấy, tâm linh người phụ nữ đã ngầm báo cho biết là chúng tôi sẽ không còn nhìn thấy lại nhau trên đời này nữa. Thế mà hồi ấy tôi đã đẩy Irina... Gia đình có, nhà cửa có, tất cả phải mất bao nhiêu năm mới có được, thế mà chỉ trong chớp mắt, tất cả trở thành tro bụi, còn trơ lại một thân một mình. Tôi nghĩ: "Cuộc đời ngang

trái của mình phải chăng chỉ là giấc mộng?" Hồi còn là tù binh, đêm đêm tôi vẫn thầm trò chuyện với Irina và với các con, cố nhiên là chỉ trong tưởng tượng thôi, tôi động viên vợ con rằng: em và các con thân yêu ơi, anh sẽ về, đừng lo phiền vì anh, anh vẫn vững, sẽ sống, chúng ta sẽ lại đoàn tụ... Như vậy là trong hai năm qua tôi toàn nói chuyện với những người đã chết!

Anh ngừng kể giây lát, rồi nói tiếp, giọng đã đổi khác, ngắt quãng và nhỏ nhẹ:

- Nào, ta hút thuốc chứ, anh bạn, tôi cảm thấy như tức tối khó thở ấy.

Chúng tôi châm thuốc hút. Trong khu rừng ngập nước, tiếng chim gõ kiến mổ mổ âm vang. Ngọn gió ẩm vẫn uể oải đưa đẩy những chùm hoa khô trên cây trăn; vẫn cứ như thế, những đám mây trôi trên nền trời xanh ngắt, nom như những cánh buồm trắng căng phồng. Nhưng trong giờ phút lặng lẽ đau buồn này, cái thế giới mênh mông vô tận đang chuẩn bị một hành trình vĩ đại: vào xuân, khẳng định vĩnh viễn sự sống giữa cuộc đời, mà con mắt tôi nhìn đã thấy khác đi.

Không chịu nổi giây phút im lặng nặng nề, tôi hỏi:

- Thế rồi sau đó như thế nào?

- Sau đó hả? - Anh ta miễn cưỡng đáp. - Sau đó, tôi được đại tá cho nghỉ phép một tháng, sau một tuần tôi đã về đến Vôrônegiơ, đi bộ tới cái nơi tôi đã từng sống ấm cúng trong gia đình. Một cái hố sâu hoắm ngập nước, đã váng gỉ, xung quanh cỏ dại mọc đến ngang lưng... Đìu hiu, tịch mịch như bãi tha ma. Chao ôi, anh bạn ơi, đau lòng

quá! Tôi đứng đó, lặng người trong sầu thảm, rồi quay gót trở lại ga. Tôi không thể ở lại đó, dù chỉ một giờ, và ngày hôm ấy tôi về sư đoàn.

Nhưng chừng ba tháng sau, một niềm vui bừng sáng loé lên trong tôi, cứ như mặt trời vừa ra khỏi đám mây che: tôi đã được tin Anatôli. Cháu đã gửi thư cho tôi ở mặt trận, chắc là từ một mặt trận khác. Nhờ bác láng giềng Ivan Chimôphiêvich, cháu đã biết được địa chỉ của tôi. Thì ra ban đầu cháu vào học trường pháo binh, ở đó hợp với năng khiếu toán của cháu. Sau một năm, cháu tốt nghiệp vào loại xuất sắc, rồi ra trận, bây giờ thì cháu viết là được thăng hàm đại uý, chỉ huy đại đội pháo bốn mươi lăm được thưởng sáu huân chương và huy chương. Tóm lại về mọi mặt cháu đã vượt bố nó. Và thế là tôi hết sức tự hào về nó! Nói gì thì nói, chứ con trai tôi là đại uý chỉ huy một đại đội pháo, có phải chuyện đùa đâu! Lại còn những huân chương như thế nữa! Không sao cả, bố nó cứ việc lái chiếc xe "Xtuđebêchkerơ" chở đạn dược và các loại hàng quân dụng khác. Sự nghiệp của bố coi như khép lại rồi, nhưng còn đối với nó, một đại uý, thì tương lai đang rộng mở.

Thế rồi đêm tôi lại xây mộng tuổi già: chiến tranh sẽ kết thúc này, tôi cưới vợ cho con trai này, sẽ đến ở với vợ chồng chúng, làm mộc, sửa sang nhà cửa, chăm sóc cháu nội. Tóm lại, đại loại làm những việc của người già. Nhưng ngay về chuyện này tôi cũng hoàn toàn thất vọng. Mùa đông ấy, quân ta tiến công dồn dập chúng tôi không có thời giờ để thư từ với nhau nhiều nữa, nhưng khi chiến tranh gần kết thúc, khi đã tiến sát tới Béclin, buổi sáng,

tôi gửi một bức thư cho Anatôli thì hôm sau đã nhận được thư trả lời. Thế là tôi hiểu rằng hai bố con từ hai ngả khác nhau cùng tiến về Béclin, và bây giờ thì đã ở gần sát nhau. Tôi đợi, đợi mãi sốt cả ruột, cái giờ phút bố con gặp nhau. Thế rồi chúng tôi đã gặp nhau... Đúng sáng ngày mồng chín tháng Năm, ngày Chiến thắng, một thằng thiện xạ Đức đã giết chết mất Anatôli của tôi...

Buổi chiều, đại đội trưởng gọi tôi lên. Tôi nhìn thấy ngồi bên cạnh đồng chí ấy là một trung tá pháo binh lạ mặt. Tôi bước vào phòng, trung tá đứng ngay dậy như khi gặp cán bộ cấp cao hơn. Chỉ huy đại đội tôi nói: "Đồng chí này đến gặp anh đấy, Xôkôlốp ạ" rồi quay mặt ra cửa sổ. Người tôi như có luồng điện chạy qua, vì cảm thấy có điều gì chẳng lành... Trung tá bước tới gần tôi, khẽ nói: "Bố ơi, hãy cứng rắn lên! Con bố, đại uý Xôkôlốp[1] đã tử trận hôm nay ở đại đội pháo. Mời bố đi với tôi!"

Tôi lảo đảo, nhưng vẫn đứng được. Giờ đây, tôi vẫn còn nhớ như in, cứ như nhìn trong mộng, hình ảnh tôi cùng trung tá ra đi trên một chiếc ôtô lớn, qua các đường phố ngổn ngang những đống đổ nát, nhớ lại lờ mờ hàng rào danh dự và chiếc quan tài phủ nhung đỏ. Còn Anatôli thì tôi vẫn đang nhìn thấy rõ trước mặt, như thấy anh bây giờ đấy.

Tôi bước tới bên quan tài. Con trai tôi nằm đó mà lại không phải con tôi. Con tôi bao giờ cũng tươi cười, một

---

[1] *Trong những trường hợp như thế này, người ta gọi nhau bằng họ. Bởi vậy cả hai bố con đều là Xôkôlốp.*

thằng bé vai hẹp, với cục yết hầu nhọn trên cái cổ gày ngẳng, còn nằm đây là một chàng trai trẻ, vai rộng, người đẹp, mắt he hé mở cứ như không nhìn vào tôi mà nhìn vào một chốn xa xăm nào đó mà tôi không biết được. Chỉ có bên khoé mép là vẫn còn đó vĩnh viễn một nụ cười của thằng bé con trai tôi ngày trước. Chỉ có chừng ấy là tôi còn nhận được ra... Tôi cúi hôn con rồi đứng sang một bên. Trung tá đọc diễn văn. Các đồng chí, các bạn của Anatôli lau nước mắt, nhưng những giọt nước mắt của tôi thì hình như đã khô lại trong tim. Có lẽ vì vậy mà tim tôi đau buốt đến thế chăng?

Tôi đã chôn trên đất người, đất Đức, niềm vui sướng và niềm hy vọng cuối cùng của tôi; đại đội pháo đã nổ súng vĩnh biệt, tiễn người chỉ huy của họ tới nơi an nghỉ cuối cùng; trong người tôi như có cái gì đó vỡ tung ra... Tôi trở về đơn vị mình như người mất hồn. Nhưng chẳng bao lâu tôi được giải ngũ. Về đâu bây giờ? Chả nhẽ lại về Vôrônegiơ? Không được! Tôi chợt nhớ ở Uriupinxcơ có một người bạn, giải ngũ hồi mùa đông vì bị thương, có lần anh ấy mời tôi về nhà, tôi nhớ ra và tìm đến Uriupinxcơ.

Hai vợ chồng bạn tôi không có con, sống trong một ngôi nhà riêng nho nhỏ ở rìa thành phố. Mặc dù được hưởng phụ cấp thương binh, nhưng anh bạn tôi vẫn làm lái xe cho một đội vận tải, tôi cũng đến xin làm ở đó. Tôi ở nhà bạn, họ thu xếp cho tôi chỗ nương thân. Chúng tôi chở các thứ hàng hoá về các huyện, và mùa thu thì chuyển sang chở lúa mì. Chính vào hồi ấy, tôi gặp chú con trai mới của tôi, đấy chú bé đang nghịch cát đấy.

Thường cứ mỗi lần chở hàng xong trở về thành phố, việc đầu tiên, cũng dễ hiểu thôi là tôi vào hiệu giải khát, nhấm nháp chút gì đó và tất nhiên có uống cạn một cút rượu. Phải nói rằng tôi đã đi quá sâu vào cái việc nguy hại ấy... Thế rồi một hôm, tôi thấy chú bé ấy ở gần cửa hàng giải khát, hôm sau vẫn lại thấy, thằng bé rách bươm xơ mướp. Mặt mũi thì bê bết nước dưa đỏ, lem luốc bụi bặm, bẩn như hủi, đầu tóc rối bù, nhưng cặp mắt cứ như những ngôi sao sáng ngời sau trận mưa đêm. Tôi thích nó, và lạ thật, thích đến nỗi bắt đầu thấy nhớ nó, cố chạy xe cho nhanh để được về gặp nó. Nó ăn ngay ở hiệu giải khát, ai cho gì ăn nấy.

Sang ngày thứ tư, tôi chở lúa mì từ nông trường, ghé lại tiệm giải khát. Chú bé của tôi đấy, đang ngồi ở bậc thềm, hai bàn chân nhỏ xíu đang đung đưa, và nom có vẻ như đang đói. Tôi thò đầu ra ngoài cửa buồng lái, hét gọi: "Ê, Vanuska! Lên ôtô, đi nhanh lên, chú đưa đến kho thóc rồi trở về đây ăn trưa." Nghe tiếng hét gọi của tôi, nó giật mình nhảy khỏi thềm, leo lên bậc xe hỏi nhỏ: "Sao bác lại biết tên cháu là Vania." Và đôi mắt nhỏ của nó mở to ra chờ tôi trả lời. Còn tôi thì bảo nó rằng tôi là người từng trải, cái gì cũng biết.

Nó bước sang bên phải xe, tôi mở cửa đặt nó ngồi bên cạnh mình và cho xe chạy. Thằng bé hoạt bát đến thế mà bỗng nhiên không biết vì sao lại lặng thinh, tư lự, chốc chốc liếc nhìn tôi dưới đôi hàng mi dài cong vút, và lại thở dài. Một con chim con non choẹt mà đã học thở dài ư? Hay là nó có chuyện gì? Tôi hỏi: "Bố cháu đâu, hả Vania?" Nó

nói khẽ vào tai tôi: "Chết ở mặt trận." - "Thế mẹ cháu?" - "Mẹ bị bom chết trên tàu hoả khi mẹ con cháu đang đi tàu." - "Thế cháu từ đâu đến?" - "Cháu không biết, không nhớ..." - "Thế ở đây cháu có ai là bà con thân thuộc không?" - "Không có ai cả." - "Thế đêm cháu ngủ ở đâu?" - "Bạ đâu ngủ đó..."

Những giọt nước mắt nóng hổi sôi lên ở mắt tôi, và lập tức tôi quyết định: "Không có gì có thể chia cắt mình với nó được nữa. Mình sẽ nhận nó làm con." Ngay lúc ấy, tâm hồn tôi bỗng nhẹ nhõm và bừng sáng lên. Tôi cúi xuống bên nó khẽ nói: "Vaniuska, có biết ta là ai không nào?" Nó hỏi lại nghẹn ngào: "Thế chú là ai?" Tôi nói lại cũng khẽ như thế: "Là bố của con!"

Trời ơi, thật không thể tưởng tượng được. Nó nhảy chồm lên cổ tôi hôn vào má, vào môi, vào trán và kêu rít lên, kêu the thé vang rộn cả buồng lái: "Bố yêu của con ơi! Con biết mà! Con biết thế nào bố cũng tìm thấy con mà! Thế nào cũng tìm thấy mà! Con chờ mãi, mong được gặp bố!" Nó áp sát vào người tôi, toàn thân cứ run lên như ngọn cỏ trước gió. Còn mắt tôi thì mờ đi, cả người cũng run lên, hai bàn tay lẩy bẩy... Thế mà tôi vẫn không bị mất tay lái, thì cũng kỳ lạ thật. Nhưng rồi xe cũng lảo đảo đâm xuống rãnh, tôi tắt máy. Giữa lúc mắt còn mờ đi như vậy, tôi không dám chạy tiếp, sợ đâm phải người. Tôi dừng xe chừng dăm phút, còn chú bé trai của tôi cứ ghì chặt lấy tôi, lặng im, run rẩy. Tay phải tôi quàng sang ôm lấy nó, khẽ áp vào người, còn tay trái tôi mở máy, quay trở lại về nhà mình. Đến kho thóc làm gì nữa, khi mà tôi không còn bụng dạ nào để đi đến đó.

Tôi để xe ở cạnh cổng, bế con trai mới của tôi mang vào nhà. Còn nó thì hai tay bé bỏng cứ ôm chặt lấy cổ tôi, vào đến nơi vẫn không chịu buông ra. Nó áp chặt má vào cái má lởm chởm râu chưa cạo của tôi, cứ như là dán vào đó. Tôi cứ thế bế vào. May quá, cả hai vợ chồng nhà chủ đều đang ở nhà. Tôi bước vào, nháy cả hai mắt ra hiệu, nói một cách phấn khởi: "Đây, tôi tìm được cháu Vaniuska của tôi rồi! Hai bác là người tốt bụng, cho chúng tôi ở nhờ nhé!" Cả hai vợ chồng những người không có con, lập tức hiểu ngay câu chuyện, cứ lăng xăng tíu tít. Còn tôi thì không làm sao dứt khỏi chú con trai. Cuối cùng, rồi cũng dỗ được nó. Tôi lấy xà phòng rửa tay cho nó rồi đặt ngồi vào bàn ăn. Bà chủ múc xúp bắp cải vào đĩa cho nó, rồi đứng nhìn nó ăn ngấu nghiến mà nước mắt ròng ròng. Bà đứng cạnh lò sưởi, lấy tạp dề che mặt khóc. Bé Vaniuska của tôi thấy bác ấy khóc, bèn chạy lại níu lấy vạt áo và nói: "Cô ơi, sao cô lại khóc? Bố cháu tìm thấy cháu ở gần hiệu giải khát, mọi người phải vui mừng chứ sao cô lại khóc?" Chao ôi, nghe nói thế, bác ta lại càng đầm đìa nước mắt, càng sướt mướt ướt cả vạt áo.

Sau bữa ăn trưa, tôi đưa nó tới hiệu cắt tóc, rồi về nhà đặt ngồi vào chậu giặt, tắm rửa xong rồi, bọc nó vào tấm khăn trải giường sạch. Nó ôm lấy tôi và cứ thế ngủ thiếp đi. Tôi cẩn thận đặt nó lên giường, rồi cho xe chạy tới kho thóc, dỡ lúa mì xuống, đem xe về trạm, chạy ra cửa hàng tạp hoá. Tôi mua cho nó một cái quần dạ, một sơ mi, đôi dép và một cái mũ lưỡi trai bằng sợi.

Tất nhiên là tất cả mọi thứ đều không vừa và chất lượng cũng kém. Về cái quần dạ thì bà chủ đã quở tôi:

"Bác điên hay sao, trời nóng thế này mà mặc quần dạ cho con!" Và lập tức, chiếc máy khâu được đặt lên bàn: rương hòm được lục tung lên. Một giờ sau, Vaniuska của tôi đã có một chiếc quần đùi xa tanh và một sơ mi trắng cộc tay. Tôi ngủ chung với nó, và lần đầu tiên sau bao nhiêu năm, tôi được ngủ một giấc yên lành. Nhưng trong đêm cũng phải dậy đến vài bốn bận. Tôi thức giấc, thấy nó rúc vào nách tôi như con chim sẻ dưới mái rạ, ngáy khe khẽ, tôi thấy lòng vui không lời nào kể xiết! Tôi không dám trở mình để nó khỏi thức giấc, nhưng rồi không nén được, tôi nhẹ nhàng ngồi dậy, đánh diêm ngắm nhìn nó ngủ...

Tôi thức giấc trước khi trời sáng, không hiểu vì sao mà lại khó thở thế. Hoá ra chú con trai của tôi đã đạp tung khăn trải giường, bò lên nằm vắt ngang trên người tôi, xoạc chân ra, bàn chân bé nhỏ đè lên cổ họng tôi. Ngủ với nó thật không yên, nhưng quen hơi, không có nó thì buồn. Đêm đêm, khi thì nhìn nó ngủ, khi thì thơm mớ tóc xù của nó, trái tim tôi đã từng bị đau khổ làm thành chai đá, được hồi phục, trở lại mềm dịu hơn...

Thời gian đầu, nó còn theo tôi trong các chuyến xe, nhưng rồi tôi hiểu ra rằng như thế không có lợi. Chỉ một mình tôi thì cần gì đâu? Một mẩu bánh mì, một củ hành với tí muối, thế là đủ no cho một ngày của đời lính. Nhưng thêm nó thì khác: khi thì phải mua sữa cho nó, khi thì phải luộc cả trứng, không có thức ăn nóng cho nó là không xong. Nhưng công việc thì cần gấp. Tôi kiên quyết để nó ở nhà cho bà chủ chăm nom, nhưng nó cứ khóc suốt từ sáng cho đến tối, chiều tối trốn ra kho thóc tìm tôi. Nó thường đợi tôi ở đó đến khuya.

Ban đầu thật là vất vả với nó. Có hôm trời còn sáng, hai bố con đã đi nằm ngủ - ban ngày tôi làm việc mệt lử người, còn có lúc thì ríu rít như chim sẻ, có lúc không hiểu sao bỗng nhiên lại lặng thinh. Tôi hỏi: "Con trai bố đang nghĩ gì đấy?" Nó hỏi lại, mắt nhìn lên trần: "Bố ơi, cái áo bành tô dạ của bố đâu rồi?" Cả đời tôi, có bao giờ tôi mặc bành tô dạ nào đâu!" Tôi đành phải nói dối quanh: "Bố để lại ở Vôrônegiơ rồi!" - Tôi bảo nó. "Thế tại sao bố lại tìm con lâu thế?" Tôi đáp: "Bố tìm con ở bên Đức, bên Ba Lan, và đi bộ tìm khắp cả Bêlôruxi, mà con thì lại ở Uriupinxcơ." - "Thế Uriupinxcơ có gần nước Đức không hả bố? Thế Ba Lan có cách xa nhà ta lắm không?" Đấy hai bố con cứ tán chuyện như thế cho đến khi ngủ thiếp đi.

Anh bạn ạ, không phải vô cớ mà nó hỏi về cái áo bành tô dạ đâu? Không, hoàn toàn không đơn giản. Tức là, ông bố đẻ của nó đã có thời mặc bành tô dạ, và nó chợt nhớ lại. Đấy, trí nhớ trẻ con cứ như ánh chớp mùa hạ, vụt sáng rõ lên tất cả, rồi vụt tắt. Trí nhớ của chú bé ấy cũng vậy, cứ như ánh chớp, chợt loé lên như thế.

Cũng có thể là tôi và cháu bé còn ở Uriupinxcơ chừng hơn một năm nữa, nếu như hồi tháng Giêng không bị chuyện rủi ro. Hôm ấy, tôi lái xe đường lầy, đến một thôn nọ thì xe bị trượt, vừa lúc có một con bò quay lại, xe tôi chạm phải chân nó. Thế là như ta biết đấy, các bà gào thét ầm lên, người ta xúm lại, anh kiểm soát xe hơi lập tức đến ngay. Anh ta thu hồi bằng lái của tôi mặc dù tôi đã hết sức

van nài mong anh rộng lượng tha thứ. Con bò đứng dậy, ve vẩy đuôi rồi chạy vào ngõ hẻm, còn tôi thì bị tước bằng lái. Mùa đông, tôi làm thợ mộc, rồi thư từ với một người bạn ở Kasarơ, trước kia cùng chung đơn vị. Anh ta cũng ở cùng một tỉnh với anh đấy, ở huyện Kasara, làm nghề lái xe hơi - anh ấy mời tôi đến nhà anh ấy. Anh ấy viết thư bảo rằng đến đó, tôi sẽ làm ở bộ phận thợ mộc chừng nửa năm, rồi ở tỉnh chúng tôi, họ cấp lại bằng lái xe mới cho tôi. Thế là tôi và cháu bé cùng hành quân tới Kasarơ.

Mà nói thực với anh, nếu không xảy ra chuyện tai hoạ với con bò thì rồi tôi cũng vẫn rời bỏ Uriupinxcơ. Nỗi đau buồn không cho tôi ở lâu mãi một chỗ được. Có lẽ phải đến khi nào cháu Vaniuska lớn lên, buộc lòng phải gửi cháu vào một trường học ổn định, thì may ra lúc ấy, nguôi bớt nỗi buồn, tôi mới có thể ở yên một chỗ. Còn bây giờ thì hai bố con cứ du lịch khắp nước Nga.

- Cháu bé đi vất vả lắm nhỉ, - tôi nói.

- Cháu đi bộ ít thôi, phần lớn là cưỡi lên tôi. Tôi để nó ngồi lên vai và cứ như thế đi, nếu muốn vận động cho giãn gân cốt thì nó lại tụt xuống chạy tung tăng bên đường như con dê con. Anh bạn ạ, tất cả những điều ấy cũng chẳng sao, miễn là bố con chúng tôi sống được: nhưng mà quả tim của tôi đã xộc xệch lắm rồi, đến phải thay pít tông thôi... Có khi tự nhiên nó nhói lên, thắt lại, và giữa ban ngày mà tối tăm mặt mũi. Tôi chỉ sợ lúc nào đó, đang ngủ mà tôi chết luôn, làm cho con trai tôi phải khiếp sợ. Lại

còn thêm một nỗi khổ tâm này nữa: hầu như đêm nào tôi cũng chiêm bao thấy những người thân đã quá cố... Và lúc nào cũng thế, tôi ở bên này, sau hàng rào dây thép gai, còn vợ con thì tự do ở bên kia. Tôi nói đủ chuyện với Irina, với các con, nhưng chỉ vừa toan lấy tay đẩy dây thép gai ra, thì vợ con lại rời bỏ tôi, cứ như là vụt biến mất. Và đây là một điều rất kỳ lạ: ban ngày bao giờ tôi cũng trấn tĩnh được, không hở ra một tiếng thở dài, một lời than vãn, nhưng ban đêm thức giấc thì cứ đầm đìa nước mắt... Ngồi trong rừng đã nghe tiếng đồng chí của tôi gọi, tiếng mái chèo vỗ nước.

Người khách lạ nhưng đã trở thành thân thiết đối với tôi đứng dậy, đưa bàn tay to bè cứng rắn như bằng gỗ:

- Tạm biệt anh bạn, chúc anh may mắn.

- Chúc anh đến Kasarơ may mắn!

- Cám ơn anh. Này con, sang đò đi.

Chú bé chạy tới, đứng bên phải bố, túm lấy vạt áo bông của bố, chạy lon ton cho kịp bước sải dài của người lớn.

Hai con người côi cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phũ phàng của bão tố chiến tranh thổi bạt tới những miền xa lạ... Cái gì đang chờ đón họ ở phía trước? Tự nhiên, tôi muốn nghĩ rằng con người Nga đó là người có ý chí kiên cường không gì bẻ gẫy được, và sống bên cạnh bố, chú bé kia khi đã lớn lên sẽ có thể đương đầu với mọi thử thách, sẽ vượt qua mọi chướng ngại trên đường, nếu như Tổ quốc kêu gọi.

Với một nỗi buồn thấm thía, tôi nhìn theo hai bố con. Có lẽ cuộc chia tay của chúng tôi sẽ thanh thản tốt đẹp; nhưng Vaniuska, mới đi được ít bước, đôi chân lũn cũn chuệnh choạng chợt quay lại nhìn tôi, vẫy vẫy bàn tay bé xíu hồng hồng. Bỗng như có một bàn chân con vật nào đó, mềm mại, nhưng móng sắc nhọn bóp lấy tim tôi, và tôi vội quay mặt đi. Không, những người đứng tuổi đã bạc đầu trong chiến tranh không chỉ khóc trong chiêm bao đâu. Họ cũng khóc trong thực tại đấy. Nhưng cái chính ở đây là đừng làm tổn thương trái tim em bé, đừng để cho em thấy những giọt nước mắt đàn ông hiếm hoi nóng bỏng lăn trên má anh.

1956

NGUYỄN DUY BÌNH *dịch*

MỤC LỤC

1	Cái bớt	5
2	Người chăn bò	21
3	Iliukha	39
4	Trái tim Aliôsa	49
5	Con đường	73
6	Thằng con nhà hư đốn	143
7	Chủ tịch hội đồng quân sự	185
8	Chuyện về Uỷ ban Lương thực sông Đông	194
9	Con đường chông gai	205
10	Gái hai chồng	222
11	Một lần ức hiếp	251
12	Đôi giầy cao su	273
13	Câu chuyện về Kôntsác	292
14	Cánh đồng xanh thẳm	301
15	Những người cố nông	317
16	Dòng máu lạ	384
17	Chung một tiếng nói	416
18	Yếu mềm	426
19	Khoa học căm thù	439
20	Số phận con người	466

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội
Tel: *8 294684 - ~8 294685 - Fax: 04 8294781

MIKHAIN SÔLÔKHÔP
Số phận một con người

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập
PHÒNG VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI
Bìa của
TRẦN ĐẠI THẮNG
Sửa bản in
MAI MAI

In 800 cuốn khổ 13 x 19 tại Công ty khảo sát & xây dựng.
Giấy chấp nhận xuất bản số 48/199 - CXB, ngày 15 - 1 - 2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2004.

MIKHAIN SÔLÔKHÔP

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1965

SỐ PHẬN MỘT CON NGƯỜI

TẬP TRUYỆN

Tôi muốn những cuốn sách của tôi giúp con người trở nên tốt đẹp hơn....

M.Sôlôkhôp

SỐ PHẬN MỘT CON NGƯỜI, từ khi ra mắt bạn đọc, đã được coi là một tuyệt tác của nhà văn đoạt giải Nobel, Mikhain Sôlôkhôp. Nó được viết vào giai đoạn ngòi bút của ông đã trở nên sắc xảo kỳ lạ, hiếm thấy. Cùng giai đoạn đó, ông còn viết truyện ngắn xuất sắc KHOA HỌC CĂM THÙ, cũng có trong tập truyện này.

Và còn có những truyện ngắn tiêu biểu của nhà văn về mảnh đất sông Đông với những tấn bi kịch và những thảm cảnh diễn ra trong quá trình khẳng định con người, khẳng định con đường đi đến một cuộc sống tràn ngập tiếng cười, tràn ngập tình yêu...

0911 329

GIÁ: 53.000Đ